

Nguy Thanh

ĐẠI LỘ KINH HOANG



NHÂN ẢNH
2022

N g y T h a n h

ĐẠI LỘ
KINH HOÀNG



NHÂN ẢNH
2022

ĐẠI LỘ KINH HOÀNG

* Tài liệu, hình ảnh, bản đồ
do Ngy Thanh tuyển chọn

* Hình bìa do Ngy Thanh chụp ngày 1/07/1972

* Mẫu bìa: Minh Triết

* Dàn trang: Công Nguyễn
in lần thứ nhất 150 bản để dành tặng
ân nhân, bè bạn, văn hữu

và Thư viện John Olin của Đại Học Cornell, Ithaca NY
& Trung Tâm Việt Nam ở Lubbock, TX

ISBN: 9798765583470

Copyright © by Ngy Thanh, 2022

ngythanh1972@gmail.com

Giải bày

Cuốn tuyển tập mà anh chị đang cầm trên tay đây, tôi không có ý định biên tập, với hơn một lần né tránh để khỏi phải thực hiện thành sách. Tôi có hơn một lý do để bào chữa cho sự né tránh ấy: không đủ khả năng, không có thì giờ, tốn kém và vô bổ... Nhưng cuối cùng thì nó cũng đã xong – như trút xong trách nhiệm của một chứng nhân trước lịch sử.

Gọi là tuyển tập vì cuốn sách tập hợp nhiều tiếng nói của nhiều người tham dự, và của nhiều nhân chứng khác nhau – bằng thơ, bằng văn, bằng nghiên cứu, bằng luận án, bằng hình ảnh và bằng hồi ký đồng tình hay cáo buộc, nguyện biện – về câu chuyện xảy ra vào ngày 1/05/1972 tại tỉnh Quảng Trị, là phần lãnh thổ của quốc gia Việt Nam Cộng Hòa, tính theo tinh thần Hiệp định Geneve 1954 về chiến tranh Đông Dương mà Chu Ân Lai đã tìm mọi cách để áp đặt bằng vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải).¹

Có hai cuốn sách đã ám ảnh tôi việc hoặc biên soạn hoặc quay lưng với tuyển tập này.

Trước tiên là cuốn “*Anh Hùng Bạt Mạng*”, truyện dài của Trần Thy Vân, cựu sĩ quan VNCH, đại đội trưởng Đại đội 1/21 Biệt Động Quân, có mặt trong thời điểm phòng tuyến quân đội hai phe ở sông Bến Hải dạt vào phía nam, đến sông Ô Lâu (quen được gọi “sông Mỹ Chánh” – tên thị trấn cực nam của tỉnh Quảng Trị), ranh giới giữa 2 tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên.

(1) - Theo “*Chu Ân Lai Dữ Nhật Nội Ngoã Hội Nghị*” (周恩来与日内瓦会议), chương 28 của tác giả Tiền Giang (钱江, Qian Jiang) do Trung cộng Đảng sử Xuất bản Xã phát hành ngày 24/11/2004 – bản dịch Việt ngữ “*Vai trò của Chu Ân Lai tại Genève năm 1954*” của Dương Danh Dy, <https://www.quansuvn.net/index.php?topic=16228.0>

Thứ nhì là cuốn “*Mùa Hè Cháy*”, bút ký chiến tranh của Nguyễn Quý Hải. Hồi 1972, tác giả là thiếu tá tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 38 Pháo binh Bông Lau – người sĩ quan của Quân đội Nhân dân Việt Nam đã có tác phẩm viết về pháo binh tại chiến trường giới tuyến trong “*Chiến dịch Xuân Hè 1972*” mà miền Nam gọi là “*Mùa Hè Đỏ Lửa*”² và người Mỹ gọi “*Trận công kích Mùa Phục sinh*” (The Easter Offensive).

o

Cuốn tuyển tập này không thể hình thành nếu không được động viên và thúc bách bởi những bậc đàn anh đàn chị trong ngành truyền thông: Trùng Dương, Uyên Thao, Vũ Văn Lộc, Đỗ Quý Toàn, Huy Phương, Đỗ Quân và các bạn vai anh chị: Vân Nguyễn Marshall, Lê Đắc Lực, Huỳnh Văn Phú, Phạm Tín An Ninh, Ngô Thế Vinh, Alex Thái Võ... Cũng không thể hình thành nếu không có một số thiện nguyện viên trẻ trong nước ở cả phía nam lẫn phía bắc của vĩ tuyến 17, đã tiếp tay lặn lội đến Mỹ Chánh và Hải Lăng năm lần bảy lượt. Họ đến để truy tìm dấu tích mồ mả của ngót 2.000 nạn nhân đã bị thảm sát trên đoạn Quốc lộ 1 giữa cầu Bến Đá và cầu Trường Phước mà nhật báo Sóng Thần lượm xác và mai táng chung thành một nghĩa trang ở Mỹ Chánh. Nghĩa trang ấy nay đã hoàn toàn mất dấu khi anh em chúng tôi tìm tới vào ngày 22/06/2016 để tảo mộ và lên kế hoạch trùng tu. Vì sự an nguy bản thân của họ sau khi nghĩa trang đã bị cố tình xóa sổ, tôi không thể nêu tên thật từng người.

Tuyển tập này có trích dẫn nhiều nguồn sách báo; tôi đã tìm mọi cách có thể để xin phép chuyển dịch và in lại, nhưng kết quả rất hạn chế. Tôi xin nhân đây cảm tạ Giáo sư Kathy Ferguson đã tìm ra được thân nhân trực hệ của cố Giáo sư Rudolph Joseph Rummel để cô Dawn Rummel, ái nữ và là người thừa

kế tinh thần của tác giả cuốn “*Chết Do Tay Chính Quyền*” đã chúc lành và khuyến khích việc sử dụng; cảm ơn nhà xuất bản *Transaction* của cuốn sách này đã hoan hỉ cho phép trích dịch

(2) - Gọi theo tên tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Phan Nhật Nam, do Sáng Tạo xuất bản lần thứ nhất tại Saigon năm 1972.

và đăng vào tuyển tập; cảm ơn *Trusted Media Brands* là công ty mẹ của nguyệt san *Reader's Digest* – tờ tạp chí có đăng bài của John Hubbell – đã chúc phúc cho việc biên soạn của tôi trước khi giã dị cho phép trích dịch.

Sau cùng, tôi dành tặng công trình này cho hương hồn cố ký giả Đoàn Kế Tường. Từ sau 1975, cách sống phùng thời của anh làm bè bạn cũ trong đó có tôi phải nhắc chừng nhau cần lần tránh mặt Tường để khỏi bị lọt vào danh sách xộ khám³. Tuy nhiên, nếu không là Tường mà là người khác cùng tôi rời thành phố Huế vào sáng 1/07/1972 để ra Mỹ Chánh, vượt phòng tuyến của TĐ6/TQLC và lội bộ tiếp đến cầu Bến Đá, bỏ trên khung cầu sắt xe lửa đã bị đánh sập, để sang bờ bắc sông Ô Khê – thì bây giờ đã không có những bài báo và hình chụp để gần 50 năm sau làm bằng chứng cho cuộc thẩm sát. Chính Tường trước chuyến ra trận hôm ấy đã báo cho tôi về những gì anh còn nhớ như in đã xảy đến cho đoàn người vừa dân vừa lính thất trận tìm cách chạy về phía nam để thoát cái chết nếu lọt vào tay cộng sản – nhưng đoàn người đã nghẽn lại vì cầu đường bộ Bến Đá đã bị đánh sập trước đó⁴. Đoàn người không vũ trang cũng không thể quay ngược lui khi bị đạn pháo vì “Cầu Dài 2” – dân địa phương gọi là cầu Trường Phước – cũng đã bị đánh sập sau lưng. Trong mớ bong bóng bị khóa chặt 2 đầu ấy có Tường – người vừa là dân Quảng Trị, vừa là quân nhân – đã được huấn luyện mưu sinh thoát hiểm, chạy thực mạng về hướng bờ biển Gia Đăng, Mỹ Thủy để tìm sự sống, và trở thành chứng nhân.

Tất cả tài sản còn lại của tôi về “*Đại Lộ Kinh Hoàng*” vốn vẹn chỉ đúng một tấm ảnh và những cơn ác mộng. Giá như

(3) - Trước ngày Sài Gòn thất thủ, Huỳnh Bá Thành là “họa sĩ Ớt” của nhật báo Điện Tín ở Sài Gòn. Sau 30/4/1975, Huỳnh Bá Thành hiện nguyên hình là trung tá công an, giữ vai trò quan trọng trong vụ án Hồ Con Rùa, được mô tả như một hung thần của văn nghệ sĩ Sài Gòn nào bị kẹt lại ở VN sau tháng Tư đen. Với thành tích ấy, ông trở thành chủ nhiệm tuần báo “*Công an Tp Hồ Chí Minh*”, biến phụ đạp xích lô Đoàn Kế Tường thành ký giả công an Đoàn Thạch Hãn, một cánh tay đắc lực của HBT. Trong nhiều lần gặp nhau vào năm 1985 ở 20/12K Kỳ Đồng, Sài Gòn để tính đường vượt biên, ông Nguyễn Hùng Trương (chủ nhà sách Khai Trí) than phiền với tôi về Tường trong thời gian chung tù ở khám Chí Hòa, nhưng tôi không có bằng chứng để tin. Gần đây tôi mới đọc thấy lời ĐKT tự nhận xét về mình: “*Mình rất tiếc đã tự bôi đen đời mình quá nhiều.*” (Ký, Đinh Quang Anh Thái, trang 132, Người Việt xuất bản 2018).

(4) - Trung úy Dương Viết Điền, đại đội phó ĐĐ102/CTCT trong “*Hồi Ức Về Mùa Hè Đỏ Lửa*”, lặp lại lời Trần Thy Vân: “*trước khi tháo chạy trước đợt tấn công của BĐQ, thiếu úy Nguyễn Văn Đường, đại đội trưởng C7 thuộc K8, Sư đoàn 304 CSBV, đã giật mìn sập cây cầu Bến Đá*”. Chi tiết này đến nay chưa thể kiểm chứng.

bảy giờ thay vì làm thơ Tường cầm máy ảnh sớm, thì ngày nay tuyền tập này hẳn phải có thêm nhiều tấm hình chụp cảnh người chết đù kiêu đù tư thế trên quốc lộ, thay vì tôi phải đào bới kho vi phim của viện đại học Cornell, để tìm lại những đoạn phóng sự tường thuật và những tấm ảnh nhạt nhòe in bằng phim chính sắc⁵ hạt lớn còn sót lại của những hôm không bị tịch thu trong thời kỳ mà Hoàng Đức Nhã quyết liệt dùng bàn tay sắt “*Tổng trưởng Phủ Tổng ủy Dân vận*”⁶ của ông để trấn nước báo chí đối lập miền Nam Việt Nam.

Trong chiến tranh Việt Nam, có nhiều con đường hình thành bằng xương bằng máu thừa khùng khiếp để cùng có thể sử dụng tính từ *kinh hoàng* làm tên riêng: (1) Đường mòn Hồ Chí Minh bắt đầu từ Khe Hó dưới chân núi Động Nóc ở phía tây nam huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị đâm suốt rừng Trường Sơn vào miền Nam mang lại kết quả 20.000 cán bộ, binh sĩ miền bắc tử trận và hơn 32.000 bộ đội bị thương; (2) *Con phố Buồn thiu* là tên mà lính viễn chinh Pháp gọi tỉnh lộ 592 chạy dọc bờ biển từ Thừa Thiên (Huế) ra đến phần đất tỉnh Quảng Trị nối vào với tỉnh lộ 555. Nhà văn kiêm phóng viên chiến trường Bernard Fall trước khi chết vì giã mìn ngày 21/02/1967 khi đang theo chân Tiểu đoàn 1 TQLC Mỹ để làm phóng sự về Chiến dịch Chinook II, cũng đã dùng để đặt tên thành tác phẩm “*Con Phố Buồn Thiu*” (Street Without Joy) khi viết về hương lộ đẫm máu này; (3) *Quốc lộ Máu số 13* từ Sài Gòn đi Bình Long - An Lộc - Lộc Ninh; (4) *Liên Tỉnh lộ Máu 7b* – con đường mà toàn thể cầu cống đã bị đánh sập từ lâu, vẫn được Tổng thống Thiệu dùng làm đòn bắt ngờ khi rút quân và dân khỏi thành phố Pleiku, để rồi thất bại và bắt dân trả giá cho nước cờ bạt mạng của ông bằng máu, với kết quả chỉ có khoảng 60 ngàn người về tới Tuy Hòa, còn hơn 100 ngàn người khác chết dọc đường vì đạn của quân Bắc Việt; và (5) Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị.

(5) - Khác với phim *phạm sắc* (panchromatic) là loại phim thông thường cho máy ảnh, *chính sắc* (orthochromatic) là loại phim có độ tương phản cao dùng để chụp loại ảnh làm bản kẽm trong kỹ thuật in offset, mới được nhà in Nguyễn Bá Tông du nhập vào nam Việt Nam năm 1971.

(6) - Để trả miếng lại, cánh ký giả miền nam gọi cơ quan cấp bộ của ông Nhã theo giọng nam, “*Phủ tổng ủy dân giân*”.

Là một con chốt bé mọn và vô danh trên bàn cờ chiến cuộc, tôi chỉ tinh cờ có mặt hôm 1/07/1972 ở đoạn Quốc lộ 1 dài đúng 5.274 mét này (từ bảng ghi vị trí tìm cầu Bến Đá cách cửa khẩu Hữu Nghị ở Lạng Sơn 784.210 mét lùi lại đến cầu Trường Phước cách cửa khẩu Hữu Nghị 778.936 mét), tôi xin lưu giữ ở đây những gì tôi may mắn chứng kiến hay góp nhặt được, để giúp những ai tò mò và những học giả cần đào bới thêm mặt trái của chiến tranh.

Phần riêng tôi không có gì mới lạ được thêm vào trong tuyển tập này mà chỉ là những bài viết tôi đã tường thuật từ trước đến nay. Đơn giản, tôi chỉ nhặt nhanh những chi tiết rời rạc còn có thể bắt gặp đó đây, cùng với những kỳ báo đăng loạt phóng sự “*Nhật báo Sóng Thần và các Thân Hữu với Chương trình Di Nhật Xác Dân Chiến nạn trên 'Đại Lộ Kinh Hoàng'*” của chủ nhiệm Trùng Dương và những kỳ báo không liên tục do nạn tịch thu của Phủ Tổng Ủy Dân Vận có đăng phóng sự “*Một Vương đất Bình yên*” trong đó tôi tường thuật việc mai táng từ thi đọt 1 của hàng trăm nạn nhân được thu lượm và chuyển về tập trung ở trường tiểu học Mỹ Chánh để tân liệm và chôn cất – đăng trên nhật báo Sóng Thần phát hành vào mùa hè 1972 – hiện đang được bảo lưu tại thư viện John Olin của trường đại học Cornell, ở thành phố Ithaca, tiểu bang New York mà tôi may mắn sao lục được.

Với tuổi đời non nớt của một phóng viên chiến trường vào thời điểm năm 1972, và với tuổi về hưu đầu óc không còn được minh mẫn cộng với tình trạng không được thụ huấn môn sử học một cách chính thống – tuyển tập này chắc chắn là một tổng hợp các bằng chứng về trình độ non kém trong hành văn và lý luận. Tôi tha thiết xin người đọc dung thứ và chi rõ, để giúp tôi ghi nhận và trả sự thật lại cho lịch sử.

Để tiện việc tra cứu và phối kiểm của người đọc, tuyển tập này được chia thành các phần như sau:

Phần I:

Tình hình quân sự phía VNCH tại hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và bối cảnh kinh hoàng của quân dân địa đầu giới tuyến từ khi tâm lý khủng hoảng, kinh hoàng được gieo rắc vào đầu bằng việc Bắc quân vượt vĩ tuyến 17 hôm 30/03/1972 đến cao điểm thăm sát ở cầu Bến Đá khi Quảng Trị thất thủ hôm 1/05/1972, gồm trích đoạn từ các sách:

1. Hiệp định Genève 1954: Trích đoạn các điều khoản ngăn cấm xâm nhập hay băng qua vùng phi quân sự.

2. “55 Năm Quân đội Nhân Dân Việt Nam”, biên niên sự kiện do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam thuộc Bộ Quốc Phòng biên tập, được nhà Quân đội Nhân Dân xuất bản tại Hà Nội năm 1999 – phần lịch sử tại mặt trận Quảng Trị năm 1972.

3. Chuẩn bị để vi phạm và tiến hành vi phạm Hiệp định Genève.

4. Trích đoạn cuộc đối thoại giữa Tổng thống Nixon và Phụ tá tổng thống về an ninh quốc gia (Kissinger) tại Washington ngày 3/04/1972 về việc Hà Nội xua quân vào vùng phi quân sự ở Việt Nam và tràn ngập các đơn vị phòng thủ của VNCH.

5. “*The Easter Offensive of 1972*” (Cuộc Tấn công Mùa Phục sinh 1972) của Trung tướng Ngô Quang Trưởng, do Trung tâm Quân sự Lục quân Hoa Kỳ ấn hành năm 1977.

6. “*The Easter Offensive – Vietnam 1972*” (Cuộc Tấn công Mùa Phục sinh – Việt Nam 1972) của Đại tá TQLC Gerald Turley, cố vấn trưởng SĐ3/BB VNCH, do Naval Institute Press ở Maryland xuất bản năm 1985.

7. “*Lưu Vong Từ Quảng Trị Thân Yêu*” (Exodus from Quang Tri), trích chương 6 của tác phẩm “*TQLC ở Việt Nam – Cuộc Chiến Không Dứt; 1971-1973*” của Trung tá Curtis Arnold và Thiếu tá Charles Melson, do Cục Quân sự và Bảo tàng

thuộc Bộ Tư lệnh TQLC xuất bản ở Washington DC năm 1991.

8. “*Vượt Thoát Từ Thần ở Đại Lộ Kinh Hoàng*” của nhà truyền giáo Le Roy Josephsen kể chuyện ông thoát chết trên bãi cát Hải Lăng.

9. “*Hàng ngàn người bỏ Quảng Trị để chạy thoát bằng Quốc lộ 1*”, bản tin của ký giả Sidney Schanberg gửi về cho tờ New York Times đăng ngày 30/04/1972).

10. “*Bộ đội miền bắc đào ngũ kể chuyện thăm sát thường dân*”, phóng viên Michael Putzel gửi về cho Thông tấn xã Associated Press, ngày 8/09/1972.

11. “*Các Nhân Chứng Kể Về Cuộc Thăm Sát Thường Dân Chạy Trốn Từ Quảng Trị*”, bài báo của Nicholas Ruggieri, Phóng viên IPS gửi về ngày 7/08/1972.

12. “*Những hình ảnh khủng khiếp trên Đại Lộ Kinh Hoàng*”, bài báo của ký giả Lê Thiệp đăng trên nhật báo Chính Luận đề ngày 3/07/1972.

13. “*Kinh Hoàng*”, đoạn trích từ chương “*Hiệp định Paris*” trong cuốn “*Không Danh Dự – Thất trận ở Việt Nam và Cambodia*” của Arnold Issacs.

14. Trích đoạn bài viết và hình ảnh về “*Đại Lộ Kinh Hoàng*” của các tác giả Hà Mai Việt, Lê Đắc Lực, Trương Văn Vinh, Huỳnh Văn Phú, Lê Văn Khoa, Craig R. Whitney, Vũ Ngự Chiêu, Alje Vennema.

Phần II:

Ghi nhận rời của nhiều người về vụ thăm sát giữa cầu Bến Đá và cầu Trường Phước (cầu Dài 2), tính từ ngày các ký giả báo Sóng Thần phát hiện hàng ngàn xác chết ở cầu Bến Đá 1/07/1972 đến ngày 22/06/2016 biết rõ nghĩa trang mai táng 1.841 thi hài nạn nhân ở Mỹ Chánh đã bị chính quyền xóa sổ:

1. Loạt bài Đi Nhật Xác Dân của nhà văn Trùng Dương, chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo Sóng Thần.

2. Bài phóng sự *Một Vuông Đất Bình Yên* của Ngự Thanh tường thuật đợt 1 mai táng các nạn nhân.

3. Các bài viết của nhà báo Đoàn Kế Tường đăng trên nhật báo Sóng Thần đề ngày 21/07/1972.

4. Trích các bài viết và hình ảnh về “Đại Lộ Kinh Hoàng” của các tác giả Đỗ Quý Toàn, Tú Kếu.

5. “Quảng Trị Mùa Hè Đỏ Lửa 1972”, bài viết chung của Giao Chi, Trùng Dương, Nguyễn Kinh Châu, Nguyễn Thanh.

6. Những tấm ảnh đã đăng trên báo Sóng Thần năm 1972, do Nguyễn Thái cắt dán để giữ lại và sưu tầm.

7. “Đại Lộ Kinh Hoàng – Tình Người Không Voi”, Trịnh Bình An.

Phần III:

1. Trả lời các nghi vấn của độc giả Đoàn Lý về cuốn *Anh Hùng Bạt Mạng* của trung úy Biệt Động Trần Thy Vân.

2. Trao đổi thư từ với ông Nguyễn Quý Hải, đại tá nhà văn, tác giả cuốn *Mùa Hè Cháy*.

Phần IV:

Trích đoạn các sách báo viết về chủ trương thảm sát người hàng loạt và sử dụng yếu tố kinh hoàng để đạt chiến thắng bằng mọi giá – đúng theo binh pháp và quy trình của những người cộng sản đang cầm quyền hoặc cầm súng:

- “*Vụ Thảm sát Đắc Sơn ngày 5/12/1967*”, tuần báo TIME.

- “*Việt Cộng Cũng Gây Tội Ác*” của Heather Stur, đăng trên New York Times ngày 19/12/2017.

- “*20 Đồng đội bị giết khi Việt Cộng đột kích trại tù để cứu họ*” của Douglas Robinson, đăng trên New York Times ngày 23/09/1968.

- “*Việt Cộng Dùng Kinh hoàng làm Vũ khí Chính trị*” bản tin của thông tấn xã AP đăng trên trang 5 nhật báo Spartanburg Herald-Journal, ngày 6/10/1968, trang 5.

- “Đôi tay nhuộm đỏ máu của Hồ Chí Minh” của tác giả John Hubbell đăng trên Nguyệt san Reader’s Digest, số phát hành tháng 11/1968.
- “Ngôi làng bị thảm sát kinh hoàng bởi phe Đỏ” của Laurence Stern đăng trên nhật báo Washington Post ngày 16/06/1970.
- Lời kết

Xin mời các anh chị cùng chúng tôi ngược thời gian, trở lại 2 thời điểm ký hiệp định Genève 20/07/1954 và chính thức xé hiệp định Genève hôm 30/03/1972 bằng việc Hà Nội công khai xua quân qua sông Bến Hải, mở đầu việc gieo kinh hoàng cho miền Nam – hành trình chém giết được bọc đường và nguy trang bằng từ “*giải phóng*”.

PHẦN I

Bối cảnh hỗn loạn
ở vùng phi quân sự

Chương 1

Hiệp định Genève 1954

Trích đoạn các điều khoản ngăn cấm xâm nhập hay băng qua vùng phi quân sự

Điều 6:

Không người nào, quân binh hay dân sự, được phép băng qua giới tuyến quân sự tạm thời trừ phi được Ủy ban Liên hợp đặc biệt cho phép.

Điều 11:

Lệnh ngừng bắn sẽ có hiệu lực tuyệt đối và cùng lúc đối với những khu vực khác nhau của quốc gia như sau:

- Tại Bắc Kỳ vào lúc 8:00 sáng (giờ địa phương) ngày 27/7/1954
- Tại Trung Kỳ vào lúc 8:00 sáng (giờ địa phương) vào ngày 01/8/1954
- Tại Nam Kỳ vào lúc 8:00 sáng (giờ địa phương) ngày 11/8/1954

Các bên đồng ý rằng giờ Bắc Kinh sẽ được dùng làm giờ địa phương.

Điều 15a:

Việc rút quân và chuyển giao quân lực, thiết bị và hậu cần của hai miền sẽ được hoàn tất trong phạm vi ba trăm (300) ngày, theo trình bày bên dưới trong điều 2 của hiệp định hiện thời.

Về chi tiết, Hiệp định qui định thêm:

Trừ nhân viên của Ủy ban Quốc tế, các đội thị sát của Ủy ban quốc tế, Ủy ban Liên hợp Trung ương, Ban Liên hợp Bình Trị Thiên, các tổ liên hợp, nhân viên dân chính cứu tế và những người được phép riêng của Ban Liên hợp Bình Trị Thiên – không một người nào dù quân nhân hay thường dân được vào cũng như vượt vùng phi quân sự.

Trừ vật liệu dụng cụ quân sự cần thiết riêng cho lực lượng an ninh, không một thứ vật liệu, dụng cụ quân sự nào được mang vào vùng phi quân sự.

Hai bên đều không được gây nên bất cứ một hành động xung đột nào trong vùng phi quân sự, hoặc từ trong vùng phi quân sự ra, hoặc từ ngoài vào vùng phi quân sự, và phải tránh mọi thái độ hay hoạt động có thể đưa đến xung đột.

Toàn thể những người từ 17 đến 60 tuổi (trừ những người tàn phế) vẫn sinh sống hoặc được tạm thời ra vào khu vực phía Nam và phía Bắc vùng phi quân sự đều phải có giấy chứng minh của chính quyền mỗi bên trong vùng phi quân sự cấp, trong đó ghi rõ tên tuổi, nam hoặc nữ, địa chỉ và dấu tích đặc biệt, nếu có thể thì sẽ có ảnh. Những người có giấy chứng minh ấy mới được phép ra vào vùng phi quân sự.

Cũng theo quyết định này, việc bảo vệ giới tuyến quân sự và phi quân sự sẽ do lực lượng công an và cảnh sát của hai bên đảm nhiệm. Mỗi bên có nhiều nhất là 100 người, kể cả cán bộ.

Trang bị cho mỗi đội có 50% mang súng ngắn; số còn lại, 1/3 mang carbin, 2/3 mang tiểu liên, không có lựu đạn. Mỗi khẩu carbin hoặc tiểu liên có 200 viên đạn, mỗi súng ngắn 50 viên.

Đường ranh giới phía Bắc và phía Nam của vùng phi quân sự sẽ được đánh dấu trên địa hình bằng những cọc gỗ, đặt ở những địa điểm dễ nhận thấy, có ghi những chữ «KPQS» ở một mặt. Dòng chữ đó, chữ nọ đặt dưới chữ kia (theo hàng dọc), viết bằng sơn xanh hoặc đen trên nền trắng. Cọc cao 1,7m, cắm cách nhau xa hay gần tùy theo địa hình, tối thiểu là 50m, tối đa là 300m. Ở những ngã ba đường quan trọng, các cọc đó sẽ được thay thế bằng những biển ghi những chữ “Khu phi quân sự”. Bắt đầu đến vùng rừng núi, phía Bắc từ Thủy Ba Hạ, phía Nam từ Thanh Khê trở lên đến biên giới Việt-Lào thì mỗi cọc cắm cách nhau chừng 1 km.

Đã ký tại Geneva lúc 24 giờ vào ngày 20 tháng bảy năm 1954 bằng tiếng Pháp và bằng tiếng Việt; cả hai văn bản có độ tin cậy ngang nhau.

• Thiếu tướng Henri Delteil (Quyền Tổng Tư lệnh Lực lượng Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương)

Ký thay tổng tư lệnh quân lực Liên hiệp Pháp tại Đông Dương

• Tạ Quang Bửu (thứ trưởng Bộ Quốc phòng VNDCCH)

Ký thay tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam

Trích đoạn từ sách “55 Năm Quân đội Nhân Dân Việt Nam”, biên niên sự kiện do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam thuộc Bộ Quốc Phòng biên tập, do nhà Quân đội Nhân Dân xuất bản tại Hà Nội năm 1999 – xác nhận việc Hà Nội công khai đem đại quân ngang qua vùng phi quân sự để xâm chiếm VNCH.

Chương 2

Năm 1972

30-3 đến 27-6

Chiến dịch tiến công Trị - Thiên

Tư lệnh: Thiếu tướng Lê Trọng Tấn

Chính ủy: Thiếu tướng Lê Quang Đạo

Lực lượng tham gia chiến dịch: ba sư đoàn bộ binh (304, 308, 324) và hai trung đoàn độc lập, hai sư đoàn phòng không hỗn hợp (367, 377) gồm tám trung đoàn pháo cao xạ, hai trung đoàn tên lửa, chín trung đoàn pháo mặt đất, hai trung đoàn xe tăng-thiết giáp, hai trung đoàn công binh và 16 tiểu đoàn đặc công, thông tin, vận tải.

Từ 30 tháng 3 đến 5 tháng 4, ta phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài, giải phóng hai huyện Gio Linh, Cam Lộ, buộc địch phải rút khỏi tuyến phòng thủ đường số 9.

Từ 10 tháng 4 đến 2 tháng 5, bộ đội ta tiếp tục thọc sâu, chia cắt, diệt từng tập đoàn quân địch phòng ngự ở Đông Hà, Ái Tử, La Vang, giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị.

Từ 3 tháng 5 đến 27 tháng 6, các đơn vị cùng cố vùng mới giải phóng, đánh địch phản kích.

Sau gần ba tháng chiến đấu liên tục, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 27.000 tên địch, phá hủy 636 xe tăng thiết giáp, 1.870 xe quân sự, 419 khẩu pháo, bắn rơi và phá hủy 340 máy bay..., giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị và ba xã thuộc huyện Hương Điền (Thừa Thiên).

o

28-6-1972 đến 31-3-1973

Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị

Bộ Tư lệnh chiến dịch: Thiếu tướng Trần Quý Hai (Tư lệnh), Trung tướng Song Hào (Chính ủy).

Lực lượng tham gia: năm sư đoàn bộ binh (304, 308⁷, 320, 325, 312), trung đoàn 27 và trung đoàn 6 độc lập, ba trung đoàn pháo binh (164, 45, 84), bốn trung đoàn pháo cao xạ (241, 243, 250, 280), trung đoàn 236 tên lửa, trung đoàn 203 thiết giáp, hai trung đoàn công binh (229, 249), năm tiểu đoàn đặc công và lực lượng vũ trang trên địa bàn chiến dịch.

Từ 28 tháng 6 đến 30 tháng 8, bộ đội ta tổ chức năm đợt phản kích đánh bại nhiều cuộc phản công của địch. Tuy vậy do địch tập trung lực lượng và hòa lực phản kích, ta bị thương vong lớn. Địch tái chiếm được thành cố Quảng Trị.

Từ 1 tháng 9 năm 1972 đến 31 tháng 1 năm 1973, ta tổ chức trận địa và tác chiến phòng ngự bảo vệ vùng giải phóng Quảng Trị.

(7) - Trong ấn bản năm 1999, trang 331, NXB ghi là "305". Nhưng bạn đọc Bình Ca cho biết "họ viết sai chính tả, tham gia chiến dịch Trị Thiên 1972 giai đoạn 2 chủ yếu do 4 sư đoàn: 304, 308, 320 và 325. Khi sắp mất Thành cố, sư đoàn 312 mới tham chiến".

Kết quả: loại khỏi vòng chiến đấu 29.822 tên, diệt gọn 1 lữ đoàn và 12 đại đội, phá hủy 330 xe tăng, thiết giáp, 273 khẩu pháo, bắn rơi 169 máy bay; bắn chìm, bắn cháy 20 tàu xuồng, thu 877 súng các loại.

Chương 3

Chuẩn bị đề vi phạm và
chính thức vi phạm Hiệp định Genève

Nội dung kế hoạch hòa lực của đôn tập kích hòa lực pháo binh còn nổi lên những điểm sau:

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị chịu trách nhiệm từng căn cứ hòa lực địch: năm căn cứ tuyến ngoài, mỗi nơi do một tiểu đoàn pháo đảm nhiệm; tuyến giữa do một đại đội pháo đảm nhiệm; tuyến sau do một trung đội pháo đảm nhiệm; yêu cầu là liên tục khống chế, không để cho pháo địch hoạt động.

- Phương pháp bắn là kết hợp bắn cấp tập và tiến hành sửa bắn cho từng khẩu, bảo đảm chính xác cao nhất. Sau khi có phần từ bắn chính xác, tập trung diệt từng trận địa pháo địch bằng phương pháp bắn phá hoại kết hợp sử dụng đạn nổ ngay và nổ chậm. Khi có thời cơ tiêu diệt sinh lực địch hoặc phát hiện trận địa pháo mới, cụm trường chủ động thực hiện hòa lực toàn cụm.

- Đạn được sử dụng là một cơ số đạn một khẩu, với khoảng gần một vạn viên đạn pháo các loại (100 tấn đạn).

- Thời gian thực hành tập kích hỏa lực kéo dài 6 - 7 tiếng đồng hồ và tiến hành ban ngày để tiện quan sát kết quả và sửa bắn.

- Đề bảo đảm bất ngờ, không bắn thử mà thực hành đo đạc nhiều lần. Trung đoàn trinh sát của Bộ Tư lệnh Pháo binh đảm nhiệm đo đạc và chụp ảnh tất cả các căn cứ hỏa lực để kiểm tra mức chính xác phần từ bắn của các cụm pháo.

Từ ngày 15 tháng 2 năm 1972, bốn đài quan sát chiến dịch và 11 đài quan sát các cụm bắt đầu chiếm lĩnh ngắm địch. Ngày 22 tháng 2 năm 1972 phổ biến kế hoạch tác chiến cho các chủ nhiệm pháo binh sư đoàn, các chi huy cụm. Ngày 23 tháng 2 năm 1972, các cụm đồng thời chiếm lĩnh trận địa bắn, dưới sự chỉ huy thống nhất toàn Mặt trận.

Lúc 12 giờ đêm 28 tháng 3 năm 1972, tất cả các đơn vị pháo trên toàn Mặt trận đều đã chiếm lĩnh trận địa bí mật, an toàn; đạn dược đủ hai cơ số một khẩu. Làm được như vậy là đã hoàn thành 50% nhiệm vụ của chiến dịch giao.

Sáng 15 tháng 3 năm 1972, các anh trong Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm: Lê Trọng Tấn - Tư lệnh, Lê Quang Đạo - Chính ủy, Cao Văn Khánh - Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng... thông qua lần cuối kế hoạch. Chúng tôi đề nghị đặt tên cho đòn tập kích hỏa lực pháo binh này là «Bão táp», với lý do lần đầu ta tập trung sử dụng một lực lượng lớn pháo xe kéo, tiêu thụ số đạn lớn, thời gian thực hành hỏa lực kéo dài, yêu cầu về nhiệm vụ chuẩn bị của pháo binh cũng khá cao. Sau khi nghe chúng tôi báo cáo, anh Lê Trọng Tấn chỉ thị: *“Nhất trí tên gọi đòn tiến công hỏa lực pháo binh mở màn chiến dịch tiến công Quảng Trị là “Bão táp”. Lần này pháo binh phải phát huy hỏa lực thật bất ngờ, mãnh liệt, chính xác, trị ngay năm căn cứ hỏa lực pháo chủ yếu của địch ở tuyến ngoài, bảo đảm chắc chắn cho Sư đoàn 304 đánh chiếm cứ điểm 544 - Đồi Tròn, mở cửa chiến dịch. Hỏa lực pháo binh phải xứng đáng là “bão táp” giội xuống đầu quân địch, làm chúng khiếp sợ và quân ta phấn khởi. Đúng 10 giờ ngày N bắt đầu bắn”*.

Đúng ngày N (30-3-1972), tại Sở chỉ huy Pháo binh, thông tin liên lạc đều thông suốt, lúc 9 giờ 30 phút, các đài quan sát vẫn báo cáo: «Trời mù, mục tiêu không quan sát rõ». Sau khi hội ý với anh em trong Sở chỉ huy, tôi đề nghị anh Tấn và anh Dũng cho lùi giờ G của pháo binh một tiếng (tức là 11 giờ ngày 30-3-1972) và được các anh đồng ý. Trước tình hình đó, anh Lê Quang Đạo xuống động viên anh em trong Sở chỉ huy pháo binh. Sự có mặt của Chính ủy Mặt trận làm anh em yên tâm. Đến 10 giờ 45 phút, anh Dũng lại gọi điện hỏi: “*Liệu có cần lùi thêm thời gian không...*”. Trước đó vài phút, các đài quan sát báo về là mục tiêu đã quan sát rõ. Tôi đồng ý báo cáo: “*Mục tiêu đã quan sát tốt, thông tin liên lạc đều thông suốt. Tất cả pháo binh sẵn sàng chờ lệnh đồng chí*”... Đúng 10 giờ 55 phút, từ Sở chỉ huy Bộ chỉ huy chiến dịch, đồng chí Tư lệnh Mặt trận Lê Trọng Tấn phát lệnh: “*Bão táp*”. Cả Sở chỉ huy pháo đồng thanh truyền lệnh “*Bão táp*” tới tất cả bảy cụm pháo binh, ba Sở chỉ huy pháo các sư đoàn bộ binh.

[Nguồn: <http://www.vnmilitaryhistory.net/index.php?topic=30726.25;wap2>]

o

Quảng Trị, 11 giờ ngày 30-3-1972, Tư lệnh mặt trận Lê Trọng Tấn hạ lệnh: “*Bão táp I*”. 247 khẩu pháo các loại của bộ đội pháo binh mở màn chiến dịch, đồng loạt bắn vào 19 căn cứ trên tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch. Ngay từ loạt đạn đầu, pháo ta bắn trúng hầu hết các trận địa pháo, các sở chỉ huy địch ở điểm cao 241, Mai Lộc, Miếu Bái Sơn, Quán Ngang, Đông Hà, Cồn Tiên, Dốc Miếu... Sau cuộc bắn phá của pháo binh dài 36 tiếng đồng hồ với gần 8000 viên đạn pháo các loại⁸, các lực lượng binh chủng hợp thành gồm bộ binh, xe tăng xuất phát tiến công, đột phá trên hướng chủ yếu ở phía tây và tây bắc Quảng Trị, kết hợp với mũi thọc sâu bao vây ở phía đông và mũi chia cắt chiến dịch ở phía Nam.

(8) - Theo Thiếu tướng Tư lệnh Pháo binh Nguyễn Văn Côn, “*Trong đợt 1 của Chiến dịch tiến công Quảng Trị năm 1972, khi mở màn ‘Bão táp 1’, pháo binh đã bất ngờ tập kích hỏa lực đồng loạt với 7.684 viên đạn bắn vào 19 trong tổng số 24 căn cứ của địch.*”

[Minh Vương viết theo hồi ức của Trung tướng Phạm Hồng Cư, nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐNDVN, phái viên Tổng cục Chính trị tại chiến dịch Đường 9 Nam Lào 1971, Quảng Trị 1972. Nguồn: <http://baotanglichsu.vn/thanh-co-quang-tri-anh-hung-nam-1972-nhung-dieu-khong-the-nao-quendr.html>]

Trích đoạn cuộc đối thoại giữa Tổng thống Nixon và Phó tá tổng thống về an ninh quốc gia (Kissinger) tại Washington ngày 3/04/1972 về việc Hà Nội xua quân vào vùng phi quân sự ở Việt Nam và tràn ngập các đơn vị phòng thủ của VNCH.⁹

Chương 4

Luồng Cuồng

[... ..]

Kissinger: Rõ ràng đây là cuộc tấn công qui mô.

Nixon: Vâng. Chúng ta đã biết như thế từ hôm qua.

Kissinger: Giờ này chúng có 50 chiếc tăng gần Đông Hà.

Nixon: Tôi đã được báo cáo như thế hồi sáng, trong đó Abrams¹⁰ cho rằng tình hình éo le, là điều mà, dĩ nhiên, ông ấy đừng nên nói ra.

Kissinger: Hẳn thế rồi. Tôi có yêu cầu ông ấy –

(9) - Nguồn: <https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1969-76v08/d50>

(10) - Tướng Creighton Williams Abrams Jr., tư lệnh các lực lượng viễn chinh Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 12/1968 đến tháng 11/1972. (Ghi chú của người dịch)

Nixon: Và – và, cố nhiên, báo chí đang sử dụng các thuật ngữ mà họ từng dùng cho chuyện bên Lào – tháo chạy tán loạn, hỗn độn, vân vân và vân vân. Tôi không nghĩ tình hình tồi tệ đến thế, nhưng tuy nhiên, tôi không biết.

Kissinger: Tôi nghĩ là –

Nixon: Người ta bảo phía quân đội đang lên tiếng phản đối chiến tranh. Còn Abrams – còn ông Abrams, hoặc MACV¹¹, thì bảo rằng QLVNCH bị một quả bất ngờ. Bây giờ, lạy Chúa tôi, chúng ta gánh trách nhiệm về việc ghi nhận tin tình báo chết tiệt ngoài kia. Chúng ta không thể – quân đội không thể phản đối chuyện này, Henry.

Kissinger: Đúng thế –

Nixon: Và, mẹ kiếp, điều duy nhất tôi muốn nắm chắc là Laird¹² sẽ không hở miệng nói ra điều đó. Chúng ta chắc chắn rằng họ đã nhận được lệnh để ném bom trở lại kể từ khi chúng ta trở về từ Trung Quốc.¹³

Kissinger: Đúng. Họ không – không, ông ta sẽ không nói điều đó, bởi vì ông ta đang ở tư thế phải dùng mọi nỗ lực để thực hiện bất kỳ vụ đánh bom nào.

Nixon: Vâng.

Kissinger: Không, ngược lại là đằng khác. Họ đã không để lộ ra ở đây bất kỳ thông tin nào về xáo trộn. Ví dụ, tôi không thể tin rằng họ chẳng hề nắm vững thông tin là chúng đang tập kết quân ngay sát vùng phi quân sự.

Nixon: Ừ. Họ chẳng khi nào nói về điều ấy –

- MACV: từ viết tắt của *Military Assistance Command, Vietnam* (Bộ Chỉ huy Viện trợ Quân sự Mỹ tại Việt Nam) đóng tại Căn cứ Không quân Tân Sơn Nhất, Sài Gòn. (Ghi chú của người dịch)

(12) - Melvin R. Laird, Bộ trưởng Quốc Phòng trong nội các Nixon, từ 22/01/1969 đến 29/01/1973. (Ghi chú của người dịch)

(13) - Chuyến công du của Nixon đến thăm Bắc Kinh, Thượng Hải và Hàng Châu từ 21/02/1972 và kết thúc ngày 28/02/1972. (Ghi chú của người dịch)

Kissinger: Nhưng họ lo sợ Tổng thống sẽ ra lệnh một cuộc tấn công –

Nixon: Họ đang nói về B-3 cùng nhiều sự việc khác.

Kissinger: Và tuần rồi, hôm thứ Năm, tôi báo Haig¹⁴, “Đây là một cuộc tấn công.” Anh ta bèn gọi cho Pursley¹⁵, tay tướng chủ hòa phụ tá của ông Laird. Rồi ông ta nói, “Ồ, chúng ta chỉ nhận được một mớ báo cáo chứa đầy hoang mang.” Phải qua đến nửa đêm thứ Bảy thì họ mới xác nhận với tôi rằng vụ ấy lớn hơn thay vì chỉ là các cuộc tấn công lẻ tẻ.

Nixon: Ừ, ừ.

Kissinger: Làm chính tôi cũng tự đánh lừa với cả Dave Kraslow¹⁶, khi anh ta gọi tới. Tôi báo, “Đề tôi hỏi bên Ngũ Giác Đài xem thế nào.” Rồi anh ta đáp, “Chúng đang cắt ngang qua khu phi quân sự.” Tôi bèn gọi ông Moorer¹⁷ và ông Laird để hỏi –

Nixon: Vâng, chính anh cũng báo tôi như thế cơ mà.

Kissinger: Thì đúng là tôi đã báo cáo với Tổng thống như thế.

[... ..]

Kissinger: Nhưng tôi nghĩ, trình Tổng thống, rằng đến giờ này họ đã mất 10 dặm, 15 dặm. Họ đây là sư đoàn tân lập mới chỉ hình thành vào năm ngoái. Đó là Sư Đoàn 3.

(14) - Alexander Meigs Haig, Jr., thời điểm 1972 là tham mưu trưởng Tòa Bạch Ốc của Richard Nixon. (Ghi chú của người dịch)

(15) - Thiếu tướng Robert E. Pursley, trợ lý quân sự cho Bộ trưởng Quốc phòng Melvin R. Laird. (Ghi chú của người dịch)

(16) - Tác giả David Kraslow phái viên thường trú của nhật báo Los Angeles Times tại thủ đô, đồng tác giả cuốn “Cuộc Bí mật Truy tìm Hòa bình ở Việt Nam” với Stuart Loory, viết về chiến dịch Cúc Vạn Thọ xuất bản năm 1968. (Ghi chú của người dịch)

(17) - Đô đốc Thomas Hinman Moorer, chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ, tiếng Anh: Chairman, Joint Chiefs of Staff. (Ghi chú của người dịch)

Nixon: Vâng. Lý do quái nào mà họ lại bố trí một sư đoàn yếu kém ngoài ấy?

Kissinger: Là vì, không ai ngờ chúng lại ngang nhiên mang binh lực cắt qua vùng phi quân sự. Sư đoàn thiện nghệ của họ dành để bảo vệ Huế và Đà Nẵng.

Nixon: Đúng rồi.

Kissinger: Chúng ta lúc nào cũng dự kiến rằng chúng có thể đánh chiếm một, hoặc hai, hoặc ba tỉnh lỵ.

Nixon: Quả thế thật.

Kissinger: Ta có thể mất thành phố Kontum. Thật tình tôi chờ việc mất Kontum –

Nixon: Thế còn Quảng Trị?

Kissinger: Và chúng ta có khả năng mất Quảng Trị. Nhưng mất theo kiểu—

Nixon: Máy thành phố khôn kiếp ấy chẳng đáng một xu –

Kissinger: – theo nghĩa là chúng tấn công vào các trung tâm của – loanh quanh sát biên giới của chúng thôi –

Nixon: Ừ.

Kissinger: – nhìn xem họ đã bị đẩy lùi bao xa. Và tôi nghĩ bây giờ mình chẳng cần phải rối trí. Chúng ta – nói sao nhỉ – trong tình huống buồn ngủ gặp chiếu manh. Ta cần cho chúng một sự trừng phạt đích đáng.

Nixon: Vâng. Bởi vì –

Kissinger: Tôi tin rằng –

Nixon: Một cơ hội bằng vàng là vì nếu chúng không ra tay lúc này, với những gì chúng đang làm, thì tới tháng Mười chúng cũng sẽ làm. Dù rằng lúc ấy thời tiết vẫn còn tệ, nhưng không thể tốt [cho chúng ta] bằng ngay lúc này; có phải thế không nào?

Kissinger: Vâng, trong tháng Mười thời tiết cũng tương tự như bây giờ. Bây giờ là cuối mùa mưa.

Nixon: Đúng vậy.

Kissinger: Chúng có thể –

Nixon: Cũng thế thôi.

Kissinger: – ra tay vào tháng Mười.

Nixon: Như vậy thì cứ xảy ra ngay lúc này.

[... ..]

Kissinger: Nếu phía quân đội VNCH sụp đổ, chúng ta sẽ dùng bất cứ chiêu thức nào có thể, thưa Tổng thống –

Nixon: Mình sẽ thua cuộc nếu quân đội VNCH sụp đổ. Đừng nói rằng – đấy chỉ là một, chỉ là một – chỉ là một vấn đề mà chúng ta không thể tiên liệu tới. Nếu quân đội VNCH sụp đổ, rất nhiều thứ khác cũng sẽ đổ sụp theo ngay quanh đây. Nếu mà họ phải quy xuống, thì họ đã sụp từ một năm trước rồi. Năm nay chúng ta không để cho tiêu tủng, Henry.

Kissinger: Đúng. Họ sẽ không tan hàng. Tôi biết –

Nixon: Anh hiểu ý tôi chứ? Chúng ta không thể để xảy ra chuyện như thế.

Kissinger: Tôi đồng ý. Chính thế nên mình phải hạ thủ –

Nixon: Đúng như thế.

Kissinger: – làm cho Bắc Việt phải lạnh xương sống. Dù có chùn tay, chúng ta cũng chẳng thêm được gì –

Nixon: Đúng rồi –

Kissinger: – và phải thế thôi –

Nixon: Đúng –

Kissinger: Tôi nghĩ nếu chúng ta cứ thẳng tay với chúng, chúng ta sẽ có phía Nhật –

Nixon: [không rõ] –

Kissinger: – Tuyệt, chúng ta có thể nhờ Nga và Trung quốc giúp, vì các nước ấy không thể khoanh tay nhìn chúng ta dứt nọc. Nhưng [để được thế] chúng ta cần bắt tay vào việc ngay lúc này.

Nixon: Vâng.

[... ..]

Nixon: Chúa ơi! Đây là phần phía bắc của quốc gia. Trong khi ấy không ai – không bất cứ ai đã từng tới Việt Nam – trời ạ, bên ấy không đủ người Việt¹⁸ để lật ngược thế cờ. Họ chỉ có dăm ngàn –

(18) - Ý nói lính VNCH (Ghi chú của người dịch)

Kissinger: Thưa Tổng thống, không thể nào bảo vệ một phòng tuyến kéo dài ngót cả ngàn cây số chống lại mọi cuộc tấn công mà không mất chút lãnh thổ nơi này hay nơi khác. Phía tấn công luôn luôn có lợi thế là tiên hạ thủ vi cường.

Trích và dịch từ sách “*Cuộc Tấn công Mùa Phục sinh 1972*” của Trung tướng Ngô Quang Trường, do Trung tâm Quân sử Lục quân Hoa Kỳ phát hành năm 1977 và không giữ bản quyền.

Chương 5

Cuộc xâm lược Quảng Trị¹⁹

Tình hình trước cuộc tấn công

Quân khu 1 gồm năm tỉnh phía bắc của Nam Việt Nam kéo dài từ vùng phi quân sự ở hướng bắc đến Sa Huỳnh giáp với ranh giới Quân khu 2 ở phía nam. Phần lớn phần đất này được hình thành bằng rừng rậm và các ngọn núi của dãy Trường Sơn, từ các đỉnh cao dọc biên giới Lào đổ nghiêng xuống phía biển. Giữa chân núi và mé biển là các thửa đất canh tác hẹp chạy dọc theo Quốc lộ 1. Đây là nơi sinh sống của hầu hết người dân địa phương. Hai tỉnh phía bắc của QK1 – Quảng Trị và Thừa Thiên nơi đặt cố đô Huế – tách lia khỏi ba tỉnh phía nam Quảng Nam, Quảng Tín và Quảng Ngãi bằng đèo Hải Vân là một vách đá dựng thọc ra tới biển. Đà Nẵng, ở ngay phía nam của đèo, là

(19) - Quảng Trị là tên tỉnh cực bắc của VNCH, cũng là tên thành phố thủ phủ của tỉnh trong thời đệ nhất và đệ nhị cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Đến ngày 30/6/1989 theo quyết định của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 5, ba tỉnh này lại được tách ra như thời VNCH, và thị xã Đông Hà được chính quyền cộng sản chọn làm thủ phủ mới thay cho thành phố Quảng Trị.

thành phố lớn nhất của quân khu và cũng là nơi đặt tổng hành dinh của Quân Đoàn I QLVNCH. Đây cũng là hải cảng chính có khả năng chứa các tàu biển xuyên đại dương. Một hải cảng nhỏ hơn, Tân Mỹ, ở phía đông bắc của Huế, được sử dụng như một cứ điểm vận tải quân sự cho các tàu nhỏ để tiếp viện cho các đơn vị QLVNCH ở phía bắc QK1. Đây chính là khu vực đã xảy ra nhiều trận đánh lớn trong biển cố xâm lược Phục Sinh năm 1972.

Do vị trí cận kề với miền bắc Việt Nam, QK1 mặc nhiên trở thành mục tiêu chính phải hứng chịu áp lực nặng nề và liên tục của đối phương. Cũng do thế, QK1 được gọi bằng cái tên ẩn dụ “Vùng Hòa Tuyến”. Địa hình gồ ghề cố nhiên thuận tiện cho địch quân khi họ nắm được lợi thế có đường tiếp vận ngắn nhất tính từ bắc Việt Nam. Mặc dù lợi thế nghiêng về phía đối phương với cán cân thiên lệch lớn như thế, QK1 đã luôn luôn đứng vững và đã dũng cảm bảo vệ được lãnh thổ của mình, đặc biệt là phòng tuyến Quảng Trị và cố đô Huế là các yếu tố quan trọng về cả chính trị lẫn tâm lý cho cả hai phe. Để bảo vệ khu vực này, lực lượng VNCH tại hai tỉnh phía bắc, Quảng Trị và Thừa Thiên, có thời điểm đã từng được tăng cường lên tới 5 sư đoàn – ba sư đoàn lính Mỹ cùng với hai sư đoàn VNCH. Biển cố tập trung đông quân ấy xảy ra vào thời điểm cần nỗ lực lớn để tái chiếm Huế trong cuộc tổng tấn công Tết Nguyên đán 1968. Kể từ đó, bản đồ QK1 đã được ghi bằng một hệ thống các căn cứ hòa lực và trọng điểm chằng chịt hỗ trợ nhau, trong đó các điểm quan trọng hơn được cắm ngay phía nam khu phi quân sự và phía tây Huế.

Tới tháng 3/1972, hầu hết các đơn vị chiến đấu của Hoa Kỳ đã được triệt thoái ra khỏi QK1. Đơn vị duy nhất còn lại, Trung Đoàn 196/BB Hoa Kỳ, còn đơn phương bám trụ nhưng chỉ tiến hành các cuộc hành quân phòng thủ quanh các phi trường Đà Nẵng và Phú Bài trong khi chờ triệt thoái về nước. Trách nhiệm chiến đấu diện địa hoàn toàn trên vai các đơn vị QLVNCH với sự yểm trợ của không quân chiến thuật và pháo của hải quân Mỹ cùng với sự hỗ trợ của các cố vấn Mỹ. Trong

khu vực phía bắc đèo Hải Vân – nơi từng có tới 80.000 binh sĩ Mỹ đóng quân – nay chỉ còn hai sư đoàn bộ binh VNCH được hỗ trợ bởi một số đơn vị pháo binh và thiết giáp mới hình thành. Tổng cộng binh lực để bảo vệ khu vực này không vượt quá con số 25.000.

Xương sống của QĐI – đơn vị gánh chịu trách nhiệm bảo vệ QK1 – gồm ba sư đoàn bộ binh VNCH: Sư đoàn 1, 2 và 3, Trung đoàn 51/BB, Lữ đoàn 1/BĐQ (gồm 3 tiểu đoàn cơ động và 6 tiểu đoàn biên phòng) và Lữ đoàn 1 Kỵ binh²⁰. Các lực lượng chiến đấu cơ hữu khác của QĐI gồm Liên đoàn 10 Công binh Chiến Đấu và các đơn vị pháo binh trực thuộc quân đoàn. Lực lượng quân sự trên mặt đất của QK1 là thành phần chiến đấu quan trọng của sáu tiểu đoàn và các đại đội địa phương quân cũng đã đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ an ninh khu vực cho tất cả năm tỉnh. Quân Đoàn I do Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm làm tư lệnh và tiến hành chỉ huy tất cả các lực lượng chính quy và địa phương quân được giao cho QK1. Tướng Lãm, một sĩ quan Thiết giáp, là người gốc Huế.²¹

Thời gian sắp có cuộc tấn công của đối phương, việc bố trí tổng quát của QĐI đã giao cho SĐ3/BB, đơn vị vừa được thành lập sáu tháng trước đó, lãnh nhiệm vụ bảo vệ phòng tuyến phía bắc của miền Nam Việt Nam. Mặc dù chưa từng chiến đấu trong một trận phối hợp ở cương vị sư đoàn, nhưng các tiểu đoàn đã là những đơn vị chiến đấu dày dặn kinh nghiệm lâu năm ở miền bắc Quảng Trị. Hầu hết quân nhân của sư đoàn là dân thổ công của khu vực, quen thuộc với địa hình và được trui rèn với phong thổ ẩm ướt, cái lạnh khắc nghiệt của thời tiết. Đặc biệt các tiểu đoàn của Trung Đoàn 56 và 57 đều là cựu binh của vùng phi quân sự. Họ từng trú đóng trong nhiều năm tại các căn cứ và trọng điểm mà nay họ lại được phân nhiệm còn gia đình họ hiện sinh sống trong những làng mạc quanh đó. Xét

(20) - Trong QLVNCH, tên đơn vị trên tiểu đoàn có các cách gọi khác nhau cho cùng từ tiếng Anh *regiment*: trung đoàn Bộ binh và trung đoàn Nhảy dù; lữ đoàn TQLC và lữ đoàn Kỵ binh; liên đoàn Công binh.

(21) - Huế là thành phố thủ phủ của miền Trung Việt Nam – một vương quốc xưa kia cai trị phần lãnh thổ trải dài từ Thanh Hóa (nay thuộc Bắc Việt) vào đến Phan Rang, là vùng duyên hải nay thuộc QK1 và QK2.

yếu tố thời gian và chi phí điều binh, sẽ không thực tế chút nào nếu cứ mang một sư đoàn nào khác tới vùng phi quân sự thay chỗ cho SĐ3, chi đề tận dụng lợi điểm có khả năng đạt được với kinh nghiệm trận mạc trong việc hành quân cấp sư đoàn.²² Thực tế đơn giản là vì các tiểu đoàn của SĐ3 là những đơn vị có kinh nghiệm nhất về vùng phi quân sự hơn bất kỳ đơn vị nào của QLVNCH và họ được kỳ vọng sẽ chiến đấu hữu hiệu hơn bất kỳ ai khác trong môi trường đó.

Nói chung SĐ3 chịu trách nhiệm trên lãnh thổ tỉnh Quảng Trị. Bản doanh của sư đoàn, dưới sự chỉ huy của Chuẩn tướng Vũ Văn Giai, nguyên tư lệnh phó SĐ1, được đặt tại căn cứ quân sự Quảng Trị. Hai trong ba trung đoàn của sư đoàn, Trung đoàn 56 và 57 tân lập, được triển khai trên một loạt các trọng điểm và các căn cứ hòa lực nằm rải rác ngay phía nam của vùng phi quân sự kéo dài từ bờ biển đến khu vực chân núi ở phía tây. Trung Đoàn 56 đặt bản doanh chính tại Căn cứ Hòa lực Carroll²³ trong khi Trung đoàn 57 đặt tại Căn cứ Hòa lực C1. Trung Đoàn 2, trước đây là một bộ phận của SĐ1, cũng đóng ở Carroll với hai tiểu đoàn tại Căn cứ Hòa lực C2. Carroll là một căn cứ chiến đấu lớn nằm cách 7 km về phía tây nam của thị trấn Cam Lộ trên QL9, là con đường chính yếu dẫn về phía tây đến biên giới Lào. Thiết đoàn 11 Kỵ binh, đơn vị hữu cơ của sư đoàn, đóng gần bãi đáp trực thăng²⁴ Sharon. Những căn cứ hòa

(22) - Thay đổi vĩnh viễn việc bố phòng một sư đoàn QLVNCH là một công tác triển khai khổng lồ, bởi nó đòi hỏi việc di dời hàng ngàn gia đình, binh sĩ và quân nhu quân cụ. Trước đây, công trình chuyển đổi SĐ25BB từ Quảng Ngãi vào Hậu Nghĩa đã mất tròn bảy tháng. (Ghi chú của tác giả NQT)

(23) - "Căn cứ Carroll" hình ngũ giác nằm trên một ngọn đồi trống cạnh QL9 đủ rộng để chứa trên 2.000 quân cùng lúc, cách thị trấn Đông Hà khoảng 22 km, còn có tên là căn cứ 241 (mang tên cao độ 241 trên bản đồ quân sự) hay căn cứ hòa lực "Tân Lâm" - được binh sĩ Mỹ thành lập ngày 10/11/1966 và đặt theo tên của James J. Carroll, đại úy TQLC Hoa kỳ vừa tử trận ngày 5/10/1966 trong cuộc hành quân Prairie ở thung lũng Cam Lộ. Căn cứ Carroll sở dĩ quan trọng vì từ đây đại bác 175 ly có thể bắn yểm trợ cho căn cứ Khe Sanh cách đó 20 km về hướng tây nam, hay phản pháo súng 130 ly của VC từ bờ bắc sông Bến Hải.

(24) - Trong sách báo quân sự về cuộc chiến Việt Nam, các tác giả dùng thuật ngữ "LZ" viết tắt của Landing Zone (bãi đáp) ở mức độ qui mô hơn so với các cuộc chiến khác trên thế giới do chủ trương trực thăng hóa để tận dụng tính năng di động và nhanh chóng khi vận chuyển các lực lượng chiến đấu. LZ có thể chỉ tạm thời, lớn hơn một chút so với việc nổ loại bom phát quang để đốn ngã cây rừng trong phạm vi 60 mét đường kính, lấy chỗ cho trực thăng đổ quân, rút quân hay tải thương, tiếp viện. Những LZ được tác giả ghi trong sách này là bãi đáp trực thăng vừa là căn cứ hòa lực được thiết lập có tính bán vĩnh viễn hay vĩnh viễn hơn so với một LZ cấp thời chỉ dùng một lần trong khi đang hành quân.

Theo Roland Bruce Frankum trong *"Like rolling thunder: the air war in Vietnam, 1964-1975"*, kể từ

lực chủ yếu yểm trợ cho SĐ3 là C1, C2 và Carroll.

Ngoài các đơn vị cơ hữu của mình, SĐ3 còn điều động hành quân lực lượng trừ bị gồm hai lữ đoàn TQLC 147 và 258, được bố trí theo hình vòng cung kéo dài từ QL9 ở phía tây bọc xuống sông Thạch Hãn ở phía nam. Bộ chỉ huy LĐ147 đặt tại Căn cứ Hòa lực Mai Lộc trong khi đơn vị kia, LĐ258 đặt tại Căn cứ Nancy. Việc bố trí TQLC thành một tuyến phòng thủ mạnh hướng về phía tây, là hướng của hầu hết các cuộc tấn công của địch, vừa bảo vệ dân chúng sống ở miền đất thấp của tỉnh Quảng Trị. Cùng đặt dưới sự giám sát của SĐ3 nhưng không nhận lệnh trực tiếp của sư đoàn như trường hợp TQLC còn có các đơn vị địa phương quân liên kết các tiền đồn thành tuyến phòng thủ đôi diện vùng phi quân sự kéo dài từ QL1 ra tới bờ biển. Các thành phần này nằm dưới quyền chỉ huy của Tiểu khu Quảng Trị và Chi khu Gio Linh.

Khu vực từ phía nam ranh giới tỉnh Quảng Trị - Thừa Thiên²⁵ đến phía bắc đèo Hải Vân²⁶, là khu vực trách nhiệm chiến thuật²⁷ của SĐ1/BB do Thiếu tướng Phạm Văn Phú chỉ huy. Nhiệm vụ chính của sư đoàn là bảo vệ sườn phía tây của Huế. Sư đoàn đã bố trí Trung Đoàn 1 tại Trại Evans, Trung Đoàn 3 tại Căn cứ Hòa lực T-Bone và Trung Đoàn 54 tại Căn cứ Hòa lực Bastogne. Bộ tư lệnh sư đoàn đặt tại Căn cứ Eagle, ngay phía nam thành phố Huế²⁸. Thiết đoàn 7 Kỵ Binh, đơn vị hữu cơ của sư đoàn, đồn trú chung với Trung đoàn 1 Bộ binh tại Căn cứ Evans²⁹.

tháng 12/1967, Không quân Hoa Kỳ thử nghiệm bom lớn thả bằng trực thăng CH-54 để khai quang khu vực rừng rậm làm bãi đáp trực thăng. Do khai quang bằng trực thăng tốn kém, mất nhiều thời gian và kém hiệu quả nên tới tháng 10/1968, dưới sự hướng dẫn của radar MSQ-77, Mỹ quay sang dùng máy bay C-130 để nổ bom M121 đốn ngã cây rừng với đường kính 60 mét; bom cũng gây choáng váng cho người trong vòng 500 mét.

Sử dụng bom M121 để xóa cây lá một khu rừng rậm là một thành công kỹ thuật, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát quang một diện tích rừng đủ rộng cho 5 trực thăng cùng đổ quân một lúc. Do đó, M121 được thay thế bằng bom BLU-82 mới được chế tạo năm 1969. Không như M121 dùng chất bộc phá TNT, bom BLU-82 sử dụng hỗn hợp bùn của nitrat ammonium và nhôm bột, để tăng đường kính bị công phá lên tới 80 mét.

(25) - Sông Ô Lâu, tức Mỹ Chánh

(26) - Lăng Cô, tên hành chánh trước kia là xã Lộc Hải, quận Phú Lộc – nay đã được nâng cấp thành thị trấn

(27) - Tức TAOR: Tactical Area of Responsibility (Ghi chú của tác giả)

(28) - Căn cứ Eagle đóng tại Dạ Lê, nằm giữa Huế và phi trường Phú Bài

(29) - Bên trái quốc lộ 1 đi Quảng Trị, cách Huế 24 km về hướng tây bắc.

Ba tỉnh phía nam thuộc QK1, tất cả đều nằm ở phía nam đèo Hải Vân, thuộc trách nhiệm của SĐ2/BB, do Chuẩn Tướng Phan Hòa Hiệp chỉ huy. Bộ chỉ huy sư đoàn đặt tại Chu Lai, tỉnh Quảng Tín, nơi có Thiết đoàn 4 Kỵ Binh là đơn vị hữu cơ cho sư đoàn cũng trấn thủ ở đó. Mỗi trong ba trung đoàn của sư đoàn được giao phó một tỉnh riêng biệt. Trung Đoàn 5 hoạt động gần Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam; Trung Đoàn 6 đặt bộ chỉ huy tại Căn cứ Hòa lực Đồi Pháo Binh³⁰ trong tỉnh Quảng Tín còn Trung Đoàn 4 tại Căn cứ Hòa lực Bronco³¹, tỉnh Quảng Ngãi. Do vùng trách nhiệm lãnh thổ khá lớn, SĐ2 còn được hỗ trợ bởi sáu tiểu đoàn BĐQ biên phòng.

Trong số các lực lượng của QĐI, Lữ Đoàn 1 Kỵ Binh – đơn vị giữ vai trò quan trọng trong trận chiến Quảng Trị – đã không thực sự tham chiến từ hơn một năm nay. Trận cuối cùng của lữ đoàn diễn ra trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 bên hạ Lào từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1971, nơi đơn vị bị tổn thất nặng. Mặc dù đã được tái tổ chức và tái trang bị bằng những nỗ lực qui mô, bao gồm việc đưa vào chiến đấu Thiết đoàn 20 là đơn vị duy nhất của lữ đoàn được trang bị loại xe tăng hạng trung M-48, khả năng chiến đấu của Lữ đoàn vẫn chưa được thử nghiệm và khó lòng đánh giá.

Trong khi SĐ1 và SĐ2/BB đã chứng tỏ sức chiến đấu, SĐ3/BB chỉ vừa được tổ chức thành một đơn vị vào ngày 1/10/1971. Hai trong ba trung đoàn của sư đoàn, TrĐ56 và TrĐ57, vừa mới được thành lập và triển khai tới các vị trí tuyến đầu dọc theo vùng phi quân sự 3 tuần lễ trước khi cuộc xâm lược nổ ra. Vào thời điểm ấy, sư đoàn không hề có các đơn vị yểm trợ tiếp vận của riêng mình còn phía pháo binh thì vẫn đang tiếp nhận thiết bị rời. Nhưng tình trạng tổng thể dường như khá tốt, tinh thần binh sĩ cao, và các chương trình huấn luyện đã theo đúng tiến độ. Người chỉ huy sư đoàn có đủ năng lực chuyên môn và rất tận tụy với chức năng của mình; cung

(30) - Tên tiếng Anh là *Artillery Hill*, tọa lạc trong lãnh thổ tỉnh Quảng Tín, ở vị trí cách 10 km phía tây Chu Lai, 23 km đông nam thị xã Tam Kỳ và 5 km tây QL1.

(31) - Tọa lạc ở vị trí cách 16 km tây tây nam quận lỵ Nghĩa Hành, 18 km tây nam thị xã Quảng Ngãi và 3 km tây nam Cao điểm 1136.

cách lãnh đạo của ông đã truyền niềm tin xuống các đơn vị trực thuộc. Cánh quân này vẫn còn thiếu nhiều hạng mục quan trọng, đặc biệt là lãnh vực truyền tin. Dù vậy, sư đoàn đã nỗ lực phát triển khả năng chiến đấu của mình bằng việc huấn luyện liên tục nên tỏ ra khá hiệu quả. Tuy nhiên không vì thế để mặc nhiên coi SĐ3 đã được chuẩn bị đầy đủ để chiến đấu trong một trận chiến lớn và quy ước.

Hai lữ đoàn TQLC dưới quyền kiểm soát của SĐ3 hoàn chỉnh mọi mặt để tác chiến đạt hiệu quả triệt để. Cả hai có đủ cấp số, được trang bị tốt và được tiếp vận tốt bằng hệ thống riêng của mình. Nhưng trong khi là đơn vị ưu tú của QLVNCH với kết cấu vững chắc và tinh thần chiến đấu dũng cảm của họ được hun đúc bằng lòng tự trọng, họ hiếm khi đáp ứng triệt để các chỉ thị và nhu cầu của tư lệnh SĐ3. Đó là một thực tế bất hạnh trong sự sinh tồn của QLVNCH vì lòng trung thành của các đơn vị TQLC được ký thác vào tư lệnh TQLC trước, rồi kể đến mới tới tư lệnh sư đoàn hay quân đoàn mà họ được tăng phái. Đặc tính riêng tư này đã biểu hiện, và gây ra một số rắc rối chiến thuật nghiêm trọng trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 vào đất Lào năm 1971. Nguyên nhân phát sinh thái độ này được hằn sâu và bộc lộ trong thực tế khi các sư đoàn bộ binh VNCH có rất ít kinh nghiệm hành quân với cấp số nhiều tiểu đoàn, sĩ quan chỉ huy và bộ tham mưu của họ có ít kinh nghiệm và ít quan tâm đến việc nhận trách nhiệm trên các đơn vị tăng phái, nên cánh này phải dựa vào hệ thống quân giai của binh chủng mình khi cần đến bất cứ thứ yểm trợ gì. Hơn nữa, các đơn vị biệt phái, dù là Nhảy Dù, là TQLC hay Biệt Động, Thiết Giáp – thường thấy mình bị đối xử lạnh nhạt, hoặc bị ném vào các trận mạc với kế hoạch hành quân tồi và hành xử kém hoàn hảo.

Đối với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I, họ chưa bao giờ thực sự chỉ huy và ban hành lệnh hành quân lớn ở cấp độ phối hợp nhiều quân binh chủng, ngoại trừ trường hợp duy nhất là cuộc hành quân Lam Sơn 719 trong đó chiến trường được điều khiển do chỉ một bộ chỉ huy hành quân lần đầu tiên. Mặc dù nhân

viên QĐI xuất sắc trong công tác hành chính và nghi thức, và có hiệu quả trong việc điều khiển hành quân diện địa và an ninh lãnh thổ, họ vẫn thiếu kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp và sáng kiến cần thiết của cấp chỉ huy chiến trường trong thời điểm sinh tử của trận đánh.

Trong thời gian tháng 1/1972, lệnh của QĐI ban hành cho tất cả các đơn vị nòng cốt trực thuộc, cảnh báo họ phải sẵn sàng cho một cuộc tấn công lớn của địch trong những ngày Tết âm lịch³². Lệnh này được đưa ra chi để khởi đi ngược với mệnh lệnh từ Sài Gòn³³ thôi, vì vị tư lệnh QĐI không thấy dấu hiệu gì để tin sẽ có một cuộc tấn công lớn của địch. Mặc dù Sài Gòn kết luận việc chuẩn bị cho hoạt động chiến đấu đã được phát hiện từ các sư đoàn Bắc Quân tại bờ bắc vùng phi quân sự là lý do đủ để ban hành lệnh báo động, các sư đoàn này vẫn còn xa đường biên giới nên Tướng Lâm thấy không việc gì phải báo động cấp thời. Ông biết rõ diễn tiến tập trung hậu cần của địch ở khu vực phía bắc và phía tây của phòng tuyến Quân Đoàn I, nhưng ông cả tin rằng các hoạt động của Cộng sản vào thời điểm Tết chỉ giới hạn quanh việc gia tăng pháo kích và các cuộc phá hoại cầu cống trên các tuyến giao thông của VNCH. Tướng Lâm chỉ dành sự quan tâm của mình cho tới khi nào các sư đoàn Bắc Quân di chuyển hẳn vào các khu vực tập kết quân ở sườn phía tây của tỉnh Quảng Trị, ở phía tây tỉnh Thừa Thiên, và miền phía nam QK1. Các dấu chỉ của việc điều động quân kiêu này luôn được nhìn thấy được trước khi xảy ra tấn công như từ trước đến nay, còn hiện thời, tình hình vẫn yên ắng.

Và cứ thế, các biện pháp cần thiết đã được các lực lượng Quân Đoàn I chuẩn bị để đánh trả các hoạt động quấy rối của địch thay vì sẵn sàng triệt để cho một cuộc tấn công lớn của đối phương. Các đơn vị QLVNCH thực sự đã phản công hiệu quả trước các hoạt động do địch khởi xướng trong khắp QK1, và những ngày lễ Tết âm lịch đã trôi qua tương đối yên tĩnh. Trong khi đó, các chuyên viên quân báo và các cấp chỉ huy chiến thuật theo dõi chặt chẽ và chờ đợi dấu hiệu chuyển quân của các lực

(32) - Tết nguyên đán Nhâm Tý nhằm ngày 15/02/1972 dương lịch.

(33) - Túc Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH.

lượng Bắc Việt. Chính dự đoán chuẩn xác của thuộc cấp về khả năng gây rối của địch trong dịp Tết đã củng cố niềm tin của họ, và phần ông tướng có lẽ không cần thiết phải hoài nghi luận cứ của mình về việc ém quân của địch trước khi chúng phát động cuộc tấn công.

Trong tháng Hai, cách đánh giá tình hình như thế càng tạo sự tự tin hơn nữa khi có tin tiết lộ Sư Đoàn 324B của Bắc Việt đã chuyển vào thung lũng A Chau ở phía tây tỉnh Thừa Thiên. Đây là khu vực tập kết quân quen thuộc và thông thường mỗi khi sư đoàn này tấn công Huế. SĐ1/BB VNCH đã kịp triển khai thích ứng để ngăn chặn âm mưu này và đã đụng độ dữ dội với các đơn vị BV dọc tuyến đường 547³⁴ phía tây Huế vào đầu tháng Ba. Chỉ còn lại phần phải kiểm chứng là những dấu hiệu rõ ràng về cuộc tấn công được tiên liệu trong QK1 gồm hoạt động của các thành phần thuộc Sư đoàn 304 và 308 BV ở sườn phía tây tỉnh Quảng Trị. Trong khi có những báo cáo chưa được xác nhận rằng Trung Đoàn 66 của Sư Đoàn 304 đã có mặt tại thung lũng Ba Lòng gần căn cứ hỏa lực Sarge³⁵, thì vị trí ém quân của hai trung đoàn còn lại là 9 và 24 vẫn chưa được phát hiện. Người ta cho là vẫn còn đóng ở phía bắc của vùng phi quân sự như trường hợp toàn thể Sư đoàn 308.

Tướng Lãm không tin vào lập luận cho rằng Bắc Quân có thể tấn công qua vùng phi quân sự mặc dù nguy cơ của một cuộc tấn công như vậy đã không bị loại trừ; chuyện ấy chưa hề xảy ra trước đây. Vùng đất khi ho cò gáy này hầu hết là bằng phẳng, địa hình lộ liễu, không tiện điều khiển các binh đoàn lớn, dù được yểm trợ của thiết giáp, vì sẽ bị lộ diện và ăn đạn pháo binh, thiết giáp cũng như của chuỗi các căn cứ hỏa lực vững chắc của chúng tôi. Những dấu hiệu chuyển quân của bộ đội BV ở hướng tây tỉnh Quảng Trị cũng góp phần củng cố niềm tin của tướng tư lệnh rằng nếu địch tấn công, có lẽ họ sẽ

(34) - Trong chiến tranh, Tuyến lộ 547 từ Nam Giao, Huế, qua cầu Lim vượt phá sông Hương ở chợ Tuần, là con lộ quân sự huyết mạch để tiếp tế vũ khí đạn dược từ Căn cứ Phú Bài cho binh sĩ Mỹ trấn đóng tại các căn cứ hỏa lực Birmingham, Bastogne và Boyd; bây giờ đã cải danh là QL49, dọc theo nhánh Hữu Trạch của sông Hương, xuyên qua Bình Điền, nối vào QL14 dọc biên giới Lào.

(35) - Căn cứ Sarge nằm ở tọa độ YD 029-478 tức núi Bá Hộ, tại địa điểm 32km tây Quảng Trị, 3km ở hướng chính đông Cà Lu và 6km tây tây nam căn cứ Mai Lộc.

khai hòa từ phía này, là cách tiến quân thông thường của họ. Thật vậy, những nỗ lực của đối phương nhằm mở các tuyến đường mới và tăng cường nhiều súng phòng không vào khu vực này đã khiến cho đánh giá của Tướng Lãm thậm chí còn trở nên thuyết phục hơn. Nhưng cuộc tấn công sẽ không cận kề, theo lý luận của ông, vì việc chuẩn bị của địch đang diễn ra với tốc độ chậm thấy rõ.

Khi đối mặt với khả năng một cuộc tấn công của Bắc quân xuyên qua khu phi quân sự, Tướng Giai, tư lệnh SĐ3, cũng có lập luận như Tướng Lãm. Ông này cũng tin rằng bất cứ cuộc tấn công lớn nào nếu có sẽ phải đến từ phía tây mặc dù ông không bác bỏ hoàn toàn khả năng tấn công từ phía bắc vì đã có những dấu hiệu cho thấy địch đã mang vào loại hỏa tiễn địa không, tăng cường đại pháo 130 ly, đạn dược và thiết giáp vào khu vực tập kết phía bắc vùng phi quân sự, và kể từ ngày 27 tháng 3 đã có sự gia tăng đáng kể các cuộc tấn công gián tiếp vào các căn cứ hỏa lực của sư đoàn trong khu vực phi quân sự. Nhưng Tướng Giai đang bận đối diện với nhiều áp lực khác nặng hơn trong khu vực trách nhiệm của mình vào thời điểm đó. Mối quan tâm chính của ông là củng cố vị trí phòng thủ bị chiếm đóng gần đây ở phía tây, huấn luyện và tiếp tục chuẩn bị sẵn sàng cho sư đoàn của mình trước cuộc tấn công của đối phương. Tuy nhiên, ông và ban tham mưu vẫn liên tục tranh luận về lợi hại của địa hình, về hành động có thể xảy ra nhất của địch, về việc bố trí các đơn vị, cấu trúc vị trí phòng thủ của họ và trên hết là làm sao sử dụng lực lượng của mình một cách hiệu quả trong trường hợp địch tấn công.

Trong khi ban tham mưu của ông đang xây dựng kế hoạch toàn diện để bảo vệ khu vực trách nhiệm của sư đoàn, Tướng Giai đã khởi xướng chương trình luân phiên các đơn vị của mình trong các khu vực hoạt động để các trung đoàn làm quen với địa hình và loại trừ “hội chứng đồn bót” của lính tráng. Theo kế hoạch này, vào ngày 30/3, Trung Đoàn 56 và 57 bắt đầu chuyển đổi lịch trình đóng quân của mình. TrĐ56 đã tiếp

quản lãnh thổ của TrĐ2 bao gồm căn cứ Carroll, Khe Gió và Fuller; nhận trách nhiệm tuyến phòng thủ phía tây bắc. TrĐ57 chuyển vào vùng vừa do TrĐ56 rời đi, trải dài từ Đông Hà³⁶ về phía chính bắc tới khu phi quân sự và phía đông đâm ra tới bờ biển. Phần TrĐ2 chiếm đóng các căn cứ hỏa lực ở phía bắc Cam Lộ trong lãnh thổ TrĐ56 vừa bỏ ngỏ. Vào giữa trưa, khi lịch trình hoán đổi lãnh thổ này đang xúc tiến được nửa chừng thì địch nổ súng.

Trong tháng trước khi xảy ra cuộc tấn công, ở phía nam, SĐ1/BB đã hoạt động tích cực ở các khu vực phía tây và tây nam của Huế, nơi dọn dẹp các khu vực dẫn vào các căn cứ hỏa lực Rakkasan và Bastogne, để chuẩn bị cho các cuộc hành quân trong tương lai tiến vào thung lũng A Shau. Ở khu vực này rõ ràng địch đang tập trung quân nhưng sư đoàn đã ra tay trước khi xảy ra các cuộc tấn công vào căn cứ Bastogne. Các đơn vị địch được khẳng định gồm Trung đoàn 6 của Quân khu Trị-Thiên/Huế và Trung đoàn 803 và 29 của Sư đoàn 342B Bắc Quân. Sức kháng cự của các đơn vị địch được ghi nhận là mạnh và họ có vẻ quyết tâm giành quyền kiểm soát quanh khu vực căn cứ Veghel, hang Cù Mông và tinh lộ 547 bất chấp các cuộc tấn công hiệu quả của SĐ1.

(36) - Thị xã nằm giữa sông Miêu Giang và QL1, QL9, cách thành phố Quảng Trị 10 km về phía tây bắc; nay là thủ phủ tỉnh Quảng Trị.

Các trận đánh mở màn

Cuộc tấn công của đối phương³⁷ khởi sự vào buổi trưa ngày 30 tháng 3 với cường độ pháo binh nhắm trực tiếp vào các cứ điểm và căn cứ hòa lực của SĐ3. Hòa lực pháo binh hùng hậu này đã được tính toán kỹ và chính xác. Việc xác định vị trí chính xác và cách bố trí quân của quân đội VNCH thật quá dễ đối với địch, vì những điểm ấy từng được cả Mỹ và VNCH sử dụng trong nhiều năm. Ngoài ra, các vị trí chính của VNCH lọt hẳn vào tầm bắn của pháo 130 ly địch đặt ở phía bắc vùng phi quân sự. Các cuộc mưa pháo chết người này đã tập trung xuống căn cứ Carroll, Mai Lộc, Sarge, Holcomb, A4, A2, C1, C2 và Đông Hà trong khi các đơn vị của TrĐ56 và 57 vẫn đang di chuyển tới chốt mới ở căn cứ Carroll và Charlie 1.

Các đợt cường tập pháo binh này được tiếp nối và phối hợp với các cuộc tấn công mặt đất, dẫn đầu bằng các xe tăng, từ phía bắc xuyên qua vùng phi quân sự và từ phía tây qua ngã Khe Sanh. Từ phía bắc, lực lượng địch bao gồm bốn mũi nhọn. Hai mũi được phân nhiệm đánh thốc vào các vị trí của TrĐ56 trong vùng bao quanh căn cứ Fuller và A4. Hai mũi kia đánh dọc và song song với QL1, nhắm vào các vị trí của TrĐ57 tại căn cứ A2 và A1. Trong khi đó, từ phía tây, mũi tiến quân chính của Bắc Việt được chỉ thị nhắm vào LĐ147/TQLC tại Núi Bá Hộ, căn cứ Sarge và Holcomb. Như được xác nhận về sau, lực lượng địch tiến hành các cuộc tấn công dạo đầu này bao gồm các đơn vị của SĐ304 và 308, ba trung đoàn bộ binh riêng biệt của Mặt Trận B-5, hai trung đoàn thiết giáp, năm trung đoàn pháo binh và ít nhất một tiểu đoàn công binh. Cuộc tấn công đột ngột qua vùng phi quân sự đã đánh trúng các bộ phận tiên tiêu của SĐ3 khi đang hoán chuyển quân, chỉ một phần nhỏ kịp vào các vị trí phòng thủ sau một thời khoảng mà họ đã không

(37) - Sử gia Max Hastings cho rằng không phải tới ngày 30/03/1972 Việt Cộng mới công khai vi phạm các hiệp định mà họ đặt bút ký. Trong cuốn *"Việt Nam – bi kịch mang tính sử thi, 1945-1975"* xuất bản năm 2018, ông viết: *"Để vi phạm Hiệp định Genève, Hà Nội đã lệnh cho hàng vạn bộ đội Việt Minh bí mật mai phục lại ở miền Nam, nhằm chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh vũ trang."*

đóng quân, đối diện với quân số địch đông hơn gấp ba, và bị pháo địch có tầm bắn xa hơn áp đảo. Trong khi đó, việc phòng thủ của VNCH trong khu phi chiến được bố trí chi để chống lại sự xâm nhập và tấn công vật vánh của du kích địa phương. Không có vị trí nào được chuẩn bị để đối mặt với cấp độ chiến trường cần thiết để đánh trả một cuộc tấn công với tầm cỡ và xung lượng của trận đánh đang phù lên đầu họ. Cuộc tấn công của địch gia tăng cường độ trong ngày hôm sau. Tất cả các căn cứ hòa lực của SĐ3 lãnh chịu đạn pháo hạng nặng. TrĐ56, 57 và 2 cùng các tiểu đoàn TQLC đều chạm súng với các mũi tấn công. Buổi tối, căn cứ Núi Bá Hộ đã được di tản còn Sarge bị tràn ngập trong những giờ đầu ngày 1 tháng Tư, làm cánh TQLC phải rút về Mai Lộc. Áp lực địch làm các đơn vị của TrĐ56 gần căn cứ Fuller và của TrĐ2 gần Khe Gió phải rút về phía nam sông Cam Lộ. Đến tối 1 tháng 4, tất cả các cứ điểm dọc theo vành đai phía bắc phải di tản, kể cả căn cứ Fuller và Khe Gió. Việc rút khỏi A1, A4, và các cứ điểm khác, kể cả các đơn vị Nghĩa quân và Địa phương quân, được tiến hành trong trật tự, đúng kế hoạch và phù hợp với tình hình chiến thuật. Tuy nhiên, những sai lầm nghiêm trọng đã xảy ra tại A2 và C1, nơi hai pháo đội được bố trí. Để khỏi vướng chân khi triệt thoái, hai căn cứ này đã quyết định phá hủy và bỏ rơi 12 khẩu pháo (sáu khẩu 105 ly và sáu khẩu 155 ly). Vào lúc này, TrĐ56 đã rút về căn cứ Carroll và bị tấn công. TrĐ57 bật lui về phía bắc Đông Hà và TrĐ2 đến Cam Lộ, còn các đơn vị TQLC vẫn ở Mai Lộc và căn cứ Pedro. Kết quả là dưới hỏa lực pháo tới tấp của địch dập xuống Căn cứ Ái Tử, Bộ tư lệnh SĐ3 dời vào thành cổ ở Thành phố Quảng Trị.

Vào lúc 18g00 ngày 1 tháng Tư, Tướng Giai đã ra lệnh sắp xếp lại ngay lập tức các vị trí phòng thủ. Khái niệm của ông là tận dụng các chướng ngại vật tự nhiên như sông Cửa Việt và sông Miêu Giang để lập một tuyến phòng thủ ở bờ nam của các sông này. Tất cả các đơn vị của sư đoàn đang ở phía bắc Đông Hà được lệnh rút về phía nam. Các đơn vị NQ và ĐPQ giữ một phòng tuyến trên bờ nam sông Cửa Việt từ biển trải dài khoảng 5 km sâu vào trong đất liền; TrĐ57 lập các vị trí của mình từ điểm đó đâm về hướng tây đến thị trấn Đông Hà. Thành phố và

vùng phụ cận trực tiếp được đặt dưới sự chỉ huy của Lữ Đoàn 1 Kỵ Binh với thành phần chính gồm Thiết đoàn 20 – đơn vị đang đợi hoàn tất khóa huấn luyện tại căn cứ Evans³⁸ nay nhanh chóng được ném vào trận chiến. Sườn phía tây từ Đông Hà đến bờ nam sông Miêu Giang được giao trách nhiệm cho TrĐ2 trấn giữ một tuyến tại Cam Lộ, được tăng cường bằng một thiết đoàn Kỵ binh trang bị xe bọc thép. Kế TrĐ2 là TrĐ56, được tăng cường Thiết đoàn 11/KB, được lệnh phải giữ căn cứ Carroll. Tuyến phòng thủ này sau đó còn phải trải rộng về phía nam để bắt tay với vùng trách nhiệm của LĐ147 quanh Mai Lộc. Phần các tiểu đoàn TQLC thì được lệnh chiếm giữ các cao điểm dọc theo Quốc lộ QL9 giữa Cam Lộ và Mai Lộc, vừa bảo vệ Căn cứ Ái Tử vừa tiếp tục chiến đấu gần căn cứ Pedro.

Việc phòng thủ của SĐ3 vào ngày 2 tháng 4 kể như được tổ chức tốt. Cách bố trí các đơn vị của sư đoàn là tốt và bộ tư lệnh sư đoàn nắm phần kiểm soát các đơn vị trực thuộc khá chặt chẽ. Tướng Giai đích thân giám sát công tác tổ chức phòng thủ và sự hiện diện công khai của ông tại một số vị trí tuyến đầu đã khôi phục và kích thích tinh thần chiến đấu cùng lòng tự tin trong tâm lý của binh sĩ dưới quyền. Trong những ngày tiếp theo, cánh quân trách nhiệm phòng tuyến sông Cửa Việt – TrĐ57, LĐ1/KB và đặc biệt là cánh NQ & ĐPQ đã chứng tỏ hiệu năng chiến đấu của mình và hoàn toàn hết mình với nhiệm vụ được giao. Họ liên tục đẩy lùi những nỗ lực của địch nhằm vượt sông và gây cho đối phương những tổn thất nặng nề. Thiết đoàn 20 tân lập cũng chứng tỏ hiệu quả trong cuộc đối đầu với xe tăng Bắc Quân, ngăn không để chúng đến gần các điểm vượt sông tại Đông Hà. Về phía tây và tây nam, TQLC đã giữ vững vị trí tại hai căn cứ chính là Mai Lộc và Pedro. Dường như cánh này không bị ảnh hưởng bởi những thất bại của mình tại Sarge, Núi Bá Hộ và Holcomb khi mới nổ súng.

(38) - Sau khi được quân đội Mỹ bàn giao, binh sĩ VNCH gọi căn cứ Evans bằng tên "Hòa Mỹ". Theo sách "Where We Were" – cẩm nang các vị trí đóng quân của Hoa kỳ tại Việt Nam của soạn giả Michael P. Kelley – căn cứ Evans nằm ở tọa độ YD 541-318 trên bản đồ hành quân, tức trên tỉnh lộ 601, cách quận lỵ Phong Điền 2.5 km về phía đông nam, 11 km phía tây tây bắc của căn cứ Sally, 24 km tây bắc thành phố Huế, và cách QL1 800 mét về phía tây.

Ngày 2 tháng 4 được đánh dấu bởi nhiều sự kiện bi thảm. Bắt đầu là các cuộc tấn công cùng lúc của đối phương nhắm vào Đông Hà và căn cứ Carroll. Một lần nữa, thời tiết xấu ngăn cản việc sử dụng không quân chiến thuật có hiệu quả trong suốt cả ngày. Từ sáng đến tối, xe tăng và bộ binh địch liên tục tìm cách tiếp cận Đông Hà từ phía bắc. Mũi tiến quân này vấp phải sự chống trả của TrĐ57, Thiết đoàn 20 KB, TĐ3/TQLC, hỏa pháo Hải quân Hoa Kỳ nên mọi nỗ lực vượt cầu Đông Hà đều bị đẩy lui. Dòng người tị nạn hỗn loạn chạy trốn bom đạn dọc theo QL1 từ sáng tinh mơ đã ảnh hưởng sâu đậm đến tinh thần chiến đấu của binh sĩ TrĐ57 vốn có hàng ngũ đã bị phá vỡ vào giữa trưa và rút lui về phía nam trong cảnh vô trật tự. Giá như đã có một kế hoạch sơ tán thường dân khỏi khu vực chiến đấu, và nếu kế hoạch ấy đã được thực hiện tốt với biện pháp kiểm soát và vận chuyển thích nghi, thì có khả năng TrĐ57 đã bám trụ được tại vị trí. Nhưng khi họ chứng kiến sự rối loạn và hoảng sợ giữa đoàn người tị nạn này – trong đó có gia đình và người thân của mình – nỗi hoảng loạn đã lan truyền. Khi Tướng Giai nhận được tin những gì đang xảy ra, ông tức tốc bay đến ngay vị trí ấy. Sự hiện diện của ông tại chỗ đã khôi phục lại sự tự tin trong lòng người lính nên họ quay lại với đơn vị của mình. Để chặn đứng mũi tiến quân của xe tăng có bộ binh từng thiết của đối phương, cầu Đông Hà đã bị công binh VNCH³⁹ phá hủy lúc 16g30.

Trong khi đó ở phía tây, căn cứ Carroll đã bị địch bao vây từ sáng sớm. Binh sĩ của TrĐ56 tại đây đã dũng cảm chịu đựng hỏa lực pháo binh hạng nặng và đánh trả các cuộc tấn công lặp đi lặp lại của bộ binh địch trong tình thế nhận được ít yểm trợ pháo binh hoặc phi pháo vì phối hợp hỏa lực đã lên phương

(39) - Sách này của Tướng Trưởng được viết xong ngày 31/08/1977. Mười hai năm sau, 1989, Viện Nghiên cứu Hải quân Hoa Kỳ xuất bản cuốn "Cầu Đông Hà" của tác giả John Grider Miller, và năm 1991, chuyện đánh sập cầu Đông Hà được nhắc lại ở chương 4 cuốn "TQLC ở Việt Nam 1971-1973". Tới năm 2010, hiệp hội American Society for the Defense of Tradition, Family & Property xuất bản cuốn "Cuộc đời Đại tá John W. Ripley" của Norman Fulkerson; cả 3 cuốn cùng thuật lại hành động quả cảm của Đại úy cố vấn Ripley (TQLC Mỹ) dưới làn đạn của 2 phe đù găm cầu ra giữa sông và quay vào nhiều lần để mang đủ chất nổ ra cài nhằm giạt sập cầu Đông Hà ngăn bước tiến của xe tăng Bắc Việt đang ở đầu cầu phía bắc. Hành động can trường kéo dài suốt ba tiếng đồng hồ ấy đã mang lại cho ông Huân chương Thập tự Hải quân.

án tồi. Vị trung đoàn trưởng, Trung tá Phạm Văn Đính, người quân nhân đã chứng minh tính can trường và lòng tận tụy của mình (ông là sĩ quan phục hồi màu cờ quốc gia ở Cố đô Huế trong cuộc tấn công năm 1968) đã thất vọng. Sư đoàn không dành cho ông sự yểm trợ còn quân đoàn chùng như đã quên mất tập thể mang tên Trung Đoàn 56 Bộ Binh. Thấy tình trạng tuyệt vọng và muốn cứu mạng càng nhiều binh sĩ thuộc quyền càng tốt, ông đã tập họp ban tham mưu của mình rồi tuyên bố quyết định đầu hàng. Ông ra lệnh cho ban an ninh trung đoàn mang tám vải trắng đến treo ở cổng chính của căn cứ. Xong, họ liên lạc vô tuyến với địch quân và thực hiện việc đầu hàng. Một ngàn rưỡi binh lính VNCH đã bị bắt cùng với 22 nòng pháo, gồm một khẩu đại bác 175 ly cùng rất nhiều khẩu pháo các loại khác – một cấp số vũ khí pháo binh lớn nhất trong toàn bộ QK1. Như thế, Trung Đoàn 56 bị khai tử.

Việc thất thủ căn cứ Carroll làm cho công tác phòng thủ căn cứ Mai Lộc kể bên trở thành cực kỳ bấp bênh. Lữ đoàn trưởng 147 đã quyết định rằng căn cứ này không cách nào có thể cầm cự và theo yêu cầu của ông, Tướng Giai đã cho phép di tản. Cuối buổi chiều, TQLC đã dạt lùi về tới thành phố Quảng Trị. Và cứ thế, sau nhiều lần liên tiếp trong ba ngày qua, các cánh quân Mũ Xanh này đành phải rút lui và vùng trách nhiệm hành quân của SĐ3 đã phải teo tóp lại theo cả hai phía bắc và tây. Các đợt triệt thoái này đã được tiến hành trong khuôn khổ trật tự nhưng lữ đoàn đã gánh chịu những tổn thất nặng nề trong những trận giao tranh trong mấy ngày đầu tiên nên khi vừa về đến Quảng Trị, họ được lệnh đi thẳng vào Huế để tập họp và tái trang bị. Vị trí của họ cũng đã được điền khuyết bởi LĐ369; đơn vị mới này lập tức thành lập một phòng tuyến bảo vệ mới quanh căn cứ Nancy.

Cách xoay vòng như thế có tác dụng hồi sinh đối với binh sĩ TQLC trong vùng giao tranh. Nó chứng minh là một yếu tố quan trọng góp phần duy trì hiệu quả chiến đấu của TQLC ở mức độ cao trong suốt cuộc tấn công của đối phương. Đáng tiếc là binh sĩ của SĐ3/BB, của LĐ1KB, và của các đơn vị Biệt

Động được gọi đến tăng cường thì việc quay vòng như thế hiếm khi xảy ra.

Giữ vững phòng tuyến

Sau bốn ngày chiến đấu gian khổ và rút lui ê chề, tình trạng quân ta trên mặt trận Quảng Trị vẫn còn gay gắt. Tuy nhiên, có nhiều hy vọng rằng tuyến phòng thủ mới sẽ đứng vững. Mặc dù có những trận đánh khốc liệt, cả hai lực lượng chính quy và địa phương quân VNCH có vẻ đã bảo vệ rất tốt dọc theo phòng tuyến mới này. Về chiến công, họ đã ngăn chặn cuộc xâm lược của Bắc Quân – ít nữa là đến thời điểm này. Họ đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, không phụ thuộc vào yểm trợ của không quân Hoa Kỳ mà bằng vào sự yểm trợ chiến đấu của đơn vị bạn. Thực ra, thời tiết xấu kéo dài đã tiếp tục loại trừ việc yểm trợ hiệu quả của không quân chiến thuật và trói tay trong việc sử dụng trực thăng. Nhưng hải pháo của Hoa Kỳ rất hữu hiệu, cũng như các đợt đánh bom bằng B-52 tiến hành năm hay sáu lần một ngày nhắm vào những nơi nghi ngờ có tập trung quân binh BV và các hành lang tiếp cận của địch.

Việc mất căn cứ Carroll và Mai Lộc dẫn đến những hi sinh lớn lao về nhân sự và vật chất đã tác động tâm lý bất lợi cho phía Nam Việt Nam, nhưng dường như không hề làm nao núng tinh thần chiến đấu hay lòng tự tin nơi lực lượng phòng thủ. Trong tuần lễ kế tiếp, cảm giác tự tin trong QLVNCH trên chiến tuyến càng tăng lên. Mọi nỗ lực của địch để chọc thủng đều bị đánh bại triệt để. Theo báo cáo từ các đơn vị, nhiều đội hình tấn công của đối phương đã bị phá vỡ, phân tán và buộc phải rút lui trong rối loạn hoàn toàn dưới hỏa lực ngàn ngút của bộ binh, kỵ binh và pháo binh của chúng tôi.

Bây giờ địch đã rút lui để tập hợp lại chỉ còn các vụ chạm súng lẻ tẻ cũng như các cuộc tấn công xảy ra trong suốt khu vực trách nhiệm của SĐ3. Mặc dù thời tiết tiếp tục ngăn cản sự

dụng tối đa không quân chiến thuật của Mỹ, tuyến phòng thủ của QLVNCH vẫn được duy trì.

Trong khi đó, ba liên đoàn Biệt Động Quân 1, 4 và 5, đã đến để tăng cường phòng thủ cho Quảng Trị. Thấy thời tiết có dấu hiệu cải thiện, tư lệnh QĐI đã thận trọng cân nhắc một kế hoạch phản công sẽ áp dụng ngay khi nào không quân chiến thuật có thể sử dụng toàn bộ hỏa lực của mình. Mọi bận tâm của ông Lãm với kế hoạch phản công đã làm lệch hướng ban tham mưu QĐI từ việc tổ chức lại toàn bộ công tác phòng ngự là nỗ lực cần phải được ưu tiên hàng đầu trong hoàn cảnh bấy giờ. Không nhận thức được như thế rõ ràng là một sai lầm nghiêm trọng dẫn đến việc mất thành phố Quảng Trị.

Rõ ràng, Tướng Lãm đã cả tin quá mức bởi sự xuất hiện của quân tiếp viện. Đơn vị đầu tiên đã tới là LĐ369, kế đến là Bộ Tư Lệnh Biệt Động Quân với ba liên đoàn, mỗi liên đoàn có ba tiểu đoàn; tất cả đều nguyên vẹn cấp số, không vận tới từ Sài Gòn. Tướng Lãm tin rằng với những lực lượng bổ sung này, ông không chỉ có khả năng nắm giữ hai tỉnh phía bắc mà còn đủ sức tái chiếm phần lãnh thổ đã bị mất chỉ sau một thời gian ngắn.

Tuy nhiên, dù với nhịp độ kiểm soát ngày càng tăng, SĐ3 vẫn chưa bao giờ nhận được yểm trợ bổ sung về tiếp vận và truyền tin cần thiết cho việc thi hành một cách có hiệu quả lệnh chỉ huy và kiểm soát. Rắc rối này đã được ban tham mưu QĐI nhìn nhận vào thời điểm đó, nên họ đưa ra khuyến cáo rằng gánh nặng áp đặt trên vai Tướng Giai cần được giảm bớt. Điều này có thể thực hiện được bằng cách đặt Sư Đoàn TQLC dưới quyền chỉ huy của QĐI, và bằng cách cho Bộ Tư Lệnh TQLC cũng như Bộ Tư Lệnh BĐQ có thẩm quyền trên một khu vực riêng biệt của binh chủng mình. Nhưng vì những lý do nào đó chỉ có riêng mình Tướng Lãm biết, những khuyến cáo ấy bị gạt sang một bên. Không chừng vì Tướng Lãm đã không cảm thấy vững lòng rằng ông có thể ứng xử thuận buồm xuôi gió với vị tư lệnh TQLC là người trong cuộc hành quân Lam Sơn 719⁴⁰ đã từng bất tuân mệnh lệnh của ông Lãm – nhưng sau đó vẫn binh

(40) - Cuộc hành quân qua Hạ Lào kéo dài từ 8/02 đến 25/03/1971 nhằm cắt đường mòn Hồ Chí Minh, kết quả miền nam có 1.529 binh sĩ tử trận, miền bắc 2.163 và phía Mỹ 253 người thiệt mạng.

chân như vại. Hậu quả là cánh quân BĐQ dưới quyền tư lệnh của Đại tá Trần Công Liễu bị bỏ ngời chơi xơi nước ở Đà Nẵng trong khi ngoài Huế Bộ Tư lệnh TQLC không trực thuộc quyền điều động của Bộ Tư lệnh QĐI. Tình trạng này phát sinh thêm các rắc rối cho tư lệnh SĐ3, kẻ thường xuyên nhận ra rằng các mệnh lệnh mà ông ban hành đến các đơn vị biệt phái cho mình như nước đổ đầu vịt cho đến chừng nào người chỉ huy cấp dưới kiểm tra và nhận được lệnh từ bộ chỉ huy hàng dọc của mình. Điều này càng đặc biệt đúng nếu các mệnh lệnh đòi hỏi dấn thân vào một chiến dịch khó khăn.

Nhưng Tướng Lãm dường như không hay biết gì về các vấn nạn của Tư Lệnh SĐ3. Tâm trạng của ông luôn lạc quan. Ông tin rằng QĐI có đủ lực lượng để ngăn chặn các đơn vị Bắc Quân tại tuyến phòng thủ hiện tại trong khi ông và ban tham mưu của ông rảnh tay lên kế hoạch để khởi động một cuộc phản công.

Thái độ lạc quan của Tướng Lãm đã được chứng minh bởi các sự kiện xảy ra hôm 9 tháng Tư. Hôm ấy, địch đã mở một mũi dùi lớn thứ nhì, một lần nữa từ phía bắc và phía tây. Nhưng cũng thêm lần nữa, phe phòng ngự đã thành công trong việc đánh trả mọi cuộc tấn công. Lữ Đoàn 1KB, Lữ Đoàn 258/TQLC và Liên đoàn 5/BĐQ đều báo cáo thắng trận. Nhiều xe tăng của địch đã bị lính thủy quân lục chiến sử dụng hỏa tiễn LAW⁴¹ đánh lật gọng, cũng như làm mồi cho pháo xe tăng của Lữ đoàn 1. Căn cứ hỏa lực Pedro, bị tràn ngập trước đó trong ngày đã được tái chiếm vào hôm sau khi lính SĐ3 đẩy lùi được ba đợt tấn công lớn. Một lần nữa, địch đã thất bại trong việc vượt qua hàng phòng thủ của VNCH ngay cả khi họ tung vào chiến trường các thành phần tinh nhuệ của Sư Đoàn 304 và 308 cộng với hai trung đoàn xe tăng. Vào cuối ngày, vành đai phòng thủ của SĐ3, chạy từ bờ biển dọc theo sông Cửa Việt đâm về phía tây qua Đông Hà rồi rẽ về phía nam nối vào căn cứ Pedro và sông Thạch Hãn, vẫn còn nguyên vẹn.

(41) - LAW là từ viết tắt tiếng Anh của *Light Anti-Armor Weapon*, tức súng chống tăng loại nhẹ, tên quân sự Mỹ là M-72, được thiết kế và chế tạo để thay thế cho bazooka. Đây là loại vũ khí mang vai tương đương với súng ручной противотанковый гранатомет của Liên Xô, viết tắt là RPG-7 sang chiến trường Việt Nam gọi là B-40, có nghĩa "súng phóng lựu chống tăng xách tay".

Vào thời điểm này, trách nhiệm cá nhân và quyền hạn của Tướng Giai đã vượt xa quá tầm mức mà mọi người thường trông đợi nơi một vị tư lệnh sư đoàn. Chỉ là một chỉ huy cấp sư đoàn, nhưng ông phải gồng gánh quyền chỉ huy hai trung đoàn bộ binh thuộc sư đoàn mình, kiểm soát hành quân hai lữ đoàn TQLC, bốn liên đoàn Biệt Động, một lữ đoàn thiết giáp cộng với tất cả các đơn vị Nghĩa quân và Địa Phương Quân của tỉnh Quảng Trị. Như vậy, trách nhiệm chỉ huy của tư lệnh SĐ3 bao gồm chín lữ đoàn với tổng cộng hai mươi ba tiểu đoàn, chưa kể quân số Nghĩa quân và Địa Phương Quân. Trách nhiệm của ông cũng bao gồm cả việc giám sát và xử lý việc phòng thủ cho các đơn vị pháo binh và hậu cần của QĐI đang hoạt động tại Đông Hà, cũng như theo dõi tình trạng hoạt động của chính quyền hành chánh tỉnh và các quận của tỉnh Quảng Trị. Ông đã hài lòng và được kích thích bởi sự tin tưởng tuyệt đối mà tư lệnh QĐI đã trao cho ông.

Nghe có vẻ khó tin, nhưng trong thực tế Tướng Lãm hiếm khi cảm thấy bị thôi thúc phải đến thị sát các chỉ huy cấp dưới của mình tại mặt trận hoặc các đơn vị tiền phương của QĐI. Ông theo dõi diễn tiến các trận đánh qua các báo cáo và ông ngồi tại văn phòng tư lệnh⁴² để ban hành các chỉ thị và quân lệnh. Ông chưa bao giờ đặt chân tới để quan sát tuyến phòng thủ của SĐ3 nhằm xác định các vấn đề nan giải mà các chỉ huy đơn vị phải đối phó. Rõ ràng, ông ta không nghĩ tình hình nghiêm trọng đủ để nghiệm ra sự hiện diện của mình ngoài mặt trận là tối cần. Thành công của binh sĩ VNCH trong ngày 9 và 10 tháng 4 đã thúc đẩy ông lạc quan thêm, dẫn đến cho ông niềm tin rằng thời gian đã chín muồi để phản công. Ông được thuộc cấp của mình cung cấp hoang tưởng với kế hoạch khai mào một cuộc tấn công qua sông Cửa Việt nhằm tái chiếm quận Gio Linh và toàn bộ khu vực phía bắc của vùng phi quân sự. Ông tin chắc rằng một cuộc tấn công như thế nằm trong tầm tay của QĐI và sẽ ngăn chặn được cuộc xâm lược của Bắc Việt. Nếu thành công, cuộc phản công của ông không chừng có thể buộc địch quân phải triệt thoái tất cả các lực lượng về phía bắc của vùng phi quân sự.

(42) - Ở Đà Nẵng.

Mặc dù kế hoạch phản công đã được thảo luận và cân nhắc kỹ lưỡng, nhưng cuối cùng nó đã bị loại bỏ. Tất cả chi vi, số lượng tay súng cần thiết để thành công trong cuộc bắc tiến ấy sẽ làm suy yếu cạnh sườn phòng thủ phía tây, nơi địch quân mạnh hơn. Nếu sườn phía tây không được bảo vệ nguyên vẹn thì thành phố Quảng Trị chắc chắn sẽ tiêu tủng. Thành thử, sau khi cân nhắc cặn kẽ, Tướng Lãm quyết định rằng cuộc phản công nên được hướng mũi dùi về phía tây thay vì ra phía bắc. Ông dự định tái thiết lập tuyến phòng thủ cũ ở phía tây bằng cách tung ra một cuộc tấn công toàn diện để giành lại từng đợt một các căn cứ như Cam Lộ, Carroll và Mai Lộc. Cùng lúc, ông ra lệnh cho các đơn vị tham dự hành quân phải dọn sạch tất cả các phần tử địch khỏi khu vực mình trước khi chuyển sang bước kế tiếp. Cuộc phản công được đặt tên là Chiến dịch Quang Trung 729, ám chỉ đến cùng một sự kiện lịch sử mà phía Cộng sản đã khai thác khi đặt tên cho cuộc tấn công của họ. Tên xưng đế của Nguyễn Huệ là Quang Trung; cuộc hành quân dự kiến sẽ khởi sự vào ngày 14 tháng 4.

Chính Tướng Giai đã lệnh cho SĐ3 cũng như các đơn vị tăng phái để mở màn chiến dịch Quang Trung 729. Tuy nhiên, không có diễn tiến đột biến nào của bộ binh và thiết giáp vượt qua khởi điểm. Ngược lại, binh lính trên sườn phía tây vốn đã mệt mỏi vì cận chiến với địch thù, vì họ đóng ở đó đã hai tuần, nên không mẫn mòi gì, cũng không thể tiến quân. Pháo Bắc Việt tàn phá và tiêu hao hàng ngũ VNCH thật nặng nề. Vào cuối tuần đầu của chiến dịch, không có đơn vị nào đã tiến xa hơn 500 mét so với tuyến xuất phát. Với quyền chỉ huy và điều quân bị hạn chế của mình, Tướng Giai thấy không thể phối hợp một cuộc tấn công mạnh mẽ và được yểm trợ tốt ở bất cứ vị trí nào trong khu vực. Thêm vào đó, có vẻ như vào thời điểm này ông không nhận thức được tình trạng xuống tinh thần của các chỉ huy cấp dưới cũng như của binh sĩ. Các vị chỉ huy này đã mất niềm tin vào khả năng tấn công địch khi mà Tướng Giai đã không thể áp dụng mệnh lệnh trên nhiều đơn vị bị phân tán, nên thuộc cấp của ông cứ việc trì hoãn công tác chuẩn bị tấn công

bằng cách mượn có thiếu hụt hậu cần, tiêu hao nhân sự, binh sĩ mệt mỏi và bất cứ lý do nào khác để bào chữa việc trì hoãn. Mặc dù họ vẫn báo cáo thường nhật cho Tướng Giai về những nỗ lực để tiến quân, nhưng chiến tuyến vẫn dậm chân tại chỗ. Lệnh buộc họ phải thanh lọc mọi địch quân trong khu vực mình trước khi bước qua đọt tiếp theo đòi hỏi cuộc tấn công phải thận trọng, chậm rãi trong mọi trường hợp, cũng như đã biện hộ đặc lực cho lý do họ không thể tiến quân nhanh hơn.

Song song với các báo cáo mà Tướng Giai nhận được từ các sĩ quan chỉ huy của mình mô tả nỗ lực dọn sạch địch trong khu vực trách nhiệm, họ cũng đã đưa ra nhiều yêu cầu không kích nhắm vào nơi tập trung quân của địch – biện pháp cần thiết để làm địch suy yếu trước khi các tiểu đoàn VNCH có thể bắt đầu tiến quân về phía tây. Ngày lại ngày, các tiểu đoàn đang chạm địch đã nhận chìm bản doanh SĐ3 bằng các báo cáo về các cuộc tấn công của đối phương với hòa lực hùng hậu, và những thương vong cao của phía mình. Chiến dịch Quang Trung 729 không còn là một cuộc tiến công, mà biến dạng thành một trận đánh đắt giá để tiêu hao sinh lực trong đó các tiểu đoàn VNCH đã bị giảm thiểu sức mạnh và hiệu quả vì hòa lực pháo binh chết người của địch. Tinh thần chiến đấu tiếp tục xuống dốc và Tướng Giai không thể khôi phục lại; ông cũng chẳng thể xua các tiểu đoàn của mình ra khỏi các hố cá nhân hay các công sự để lao vào cuộc tấn công. Dường như các chỉ huy cấp dưới đã thừa biết rằng đơn vị của mình thiếu sức mạnh để chọc thủng đội hình Bắc quân đang đối mặt với họ, rằng pháo binh địch chắc chắn sẽ chụp xuống và tiêu diệt họ giữa chỗ lộ thiên, và rằng sự yểm trợ hậu cần và hòa lực mà họ cần để tấn công là điều vượt quá tầm tay của SĐ3 hoặc QĐI.

Chính trong thời gian này, sự thất bại của QĐI nhằm thiết lập một hệ thống điều khiển và chỉ huy hiệu quả đã trở thành vấn đề nghiêm trọng. Bộ tư lệnh TQLC và BĐQ được tức tốc tăng phái cho QĐI thì tiếp tục bị bỏ ra châu rìa bên ngoài các hoạt động chiến đấu mà cũng chẳng được giao nhiệm vụ hay trách nhiệm cụ thể nào. Ngược lại, trong tư thế là bản doanh mẹ

của TQLC và Biệt Động lễ ra phải xung trận, họ lại đóng góp không ít vào sự rối rắm lộn xộn của Tướng Giai bằng cách đặt câu hỏi hay bình luận tới về bất cứ gì có liên quan đến đơn vị mình. Tuy nhiên, không chỉ họ là cánh duy nhất hành xử như thế. Tướng Lãm thường xuyên ban hành chỉ thị bằng điện thoại cho các tư lệnh lữ đoàn, đặc biệt là chỉ huy trưởng LĐ1/KB⁴³ và hiếm khi chia sẻ cho Tướng Giai về nội dung các cuộc gọi này. Thường, Tướng Giai chỉ ngộ ra những chỉ thị ấy sau khi lệnh đã được thi hành và cách hành xử như thế làm suy thoái quyền lực của ông một cách nghiêm trọng. Sự bất tín và bất tuân dần dần xen vào để cuối cùng dẫn đến sự gián đoạn hoàn toàn quân lệnh và kiểm soát ở tuyến đầu của QK1.

Sau hai tuần lễ mưa dầm dề và trần mây thấp nặng phủ kín làm cản trở nghiêm trọng việc yểm trợ không quân, thời tiết nay bắt đầu khá hơn. Với một nhịp độ tăng tốc như để bù đắp cho thời gian bị mất, máy bay các loại của Mỹ hàng ngày tràn ngập không phận Quảng Trị. Các phi tuần B-52, máy bay oanh kích, trực thăng vũ trang đã gia tăng đều đặn mỗi ngày đánh vào tất cả các mục tiêu nghi ngờ. Nhịp độ bùng lên này đã khôi phục lại tinh thần chiến đấu và lòng tự tin của binh sĩ dưới mặt đất.

Sang ngày 18 tháng 4, hoạt động của địch tăng lên đáng kể với các trận thăm dò bằng pháo và bộ binh. Đây là đợt tiến quân lớn thứ ba của đối phương nhằm chiếm Quảng Trị. Tất cả các đơn vị lực lượng quân VNCH và TQLC đều báo cáo đụng độ và bị pháo dập. Lúc 18g30, một cuộc tấn công hợp đồng của đối phương đã được tung ra nhắm vào khu vực phía tây của SĐ3. Tất cả các vị trí và tất cả các đơn vị đều báo cáo hoạt động của xe tăng địch. Trong ba tiếng đồng hồ liền, không quân Hoa Kỳ đã đáp trả vừa bằng trực thăng vừa bằng B-52 được huy động từ các căn cứ khác, với những cuộc không tập tàn khốc đến nỗi cuộc tấn công của đối phương hoàn toàn bị gián đoạn. Tình hình ấy đã tạo cho các đơn vị VNCH cơ hội vượt qua được cuộc

(43) - Kỳ binh là binh chủng "gà nhà" của tướng Lãm. Ngày 25/06/1951 tốt nghiệp khóa 3 Trần Hưng Đạo tại trường Võ bị Liên quân Đà Lạt với cấp bậc Thiếu úy hiện dịch, ông về Chi đoàn 4 Thám thính Xa với chức vụ Chi đội phó, đồn trú ở Cao nguyên Trung phần; ngày 1/10/1952, ông theo học khóa căn bản Thiết giáp tại Trung tâm Huấn luyện Thiết giáp Viễn Đông của Quân đội Pháp tại Cap Saint Jacques (Vũng Tàu) trong thời gian 6 tháng. Ngày 1/04/1953, mãn khóa học này ông trở về Chi đoàn 4.

tấn công và khởi xướng cuộc phản công, bằng Chiến Dịch Quang Trung 729. Nhưng vẫn không có gì xảy ra. Khi ngày lên, binh sĩ vẫn bám trụ ở chiến hào và không có nỗ lực đáng kể nào để tiến quân.

Thực tế của biến cố một nỗ lực lớn khác của địch bị chặn đứng một cách hiệu quả đã chỉ làm tư lệnh QĐI bị đánh lừa một lần nữa với ý nghĩ rằng tình hình Quảng Trị đã nằm dưới quyền kiểm soát của mình. Nhưng yếu tố trì trệ đang phát triển trong các đơn vị VNCH lẽ ra phải cảnh tỉnh ông tướng về yêu cầu cấp thiết của việc tái bố trí các cánh quân và xoay vòng các đơn vị chiến đấu đang mệt mỏi. Điều tối cần nầy hoàn toàn không có trong đầu ông ta. Mặt khác, dấu hiệu của địch trong khả năng tiến hành một cuộc tấn công quy mô lẽ ra cũng đủ thúc bách phía VNCH cần áp dụng một nỗ lực lớn nhằm lên kế hoạch phòng thủ phối hợp – nếu còn muốn nắm giữ Quảng Trị. Nhưng nỗ lực ấy đã không hề xảy ra.

Tuần lễ tiếp sau đó tuyến phòng thủ tại Đông Hà và dọc theo cửa sông Cửa Việt đã bị chọc thủng vì một điều ngờ ngẩn chiến thuật. Điều này xảy ra khi nhận được báo cáo rằng địch đã thâm nhập từ phía tây và đe dọa cắt đứt tuyến tiếp vận giữa Đông Hà và Căn cứ Ái Tử. Theo sáng kiến của riêng mình, chỉ huy trưởng Lữ đoàn 1 Kỵ Binh⁴⁴ đã điều Thiết đoàn 20 rời phòng tuyến Cửa Việt đang khôi phục các vị trí đã đánh mất để tiến về phía nam dọc theo QL1 nhằm xóa sổ các phần tử địch ở đó. Ngay khi thấy đám xe tăng di chuyển về phía nam, binh sĩ VNCH đã choáng váng vì hoảng sợ, bèn phá vỡ hàng ngũ và tuôn chạy theo. Trước khi tư lệnh SĐ3 phát hiện chuyện gì đang xảy ra, nhiều binh sĩ của ông đã chạy vào đến Ái Tử còn phòng tuyến Cửa Việt là một trong những tuyến phòng thủ mạnh nhất của quân ta đã đánh bật được mọi âm mưu tấn công của địch trong gần suốt một tháng trời – đã bị bỏ ngõ. Vị trí ấy gần như dọn cỗ trên mâm mời kẻ thù chỉ vì một vị chỉ huy chiến thuật đã tự mình thực hiện một động tác lớn mà không báo cáo cho thượng cấp mà không tiên liệu được hậu quả của hành động của mình.

(44) - Vị chỉ huy Lữ đoàn 1 Kỵ Binh vào thời điểm này là Đại tá Nguyễn Trọng Luật – về sau được thăng chức tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Tiểu khu Daklak, rồi bị chính bộ đội xe tăng thuộc Trung đoàn 273 của miền Bắc bắt sống ở vườn cà phê của Trung tướng Thái Quang Hoàng ngày Ban Mê Thuật thất thủ 10/03/1975.

Thêm lần nữa, bằng sự can thiệp tức khắc, tư lệnh SĐ3 đã thành công trong việc tái lập trật tự, dù không kéo dài được lâu. Nhiều quãng thời gian quý báu đã mất hẳn. Vào thời điểm cuối cùng khi ông đã giành lại được quyền kiểm soát tình hình, thì vô phương để đẩy các đơn vị của mình trở lại Cửa Việt nhằm khôi phục các vị trí vừa đánh mất. Buộc lòng ông phải tập trung quân ở phía tây thành phố Quảng Trị và lập tuyến phòng thủ mới ở bờ bắc sông Thạch Hãn. Tuyến mới này bao quanh và bảo vệ căn cứ chiến đấu Quảng Trị⁴⁵ đang giữ tầm quan trọng của một trung tâm hỗ trợ tiếp liệu dù đã giảm sút rất nhiều xét theo lượng quân nhu teo tóp còn sót lại ở đó.

Vào ngày 23 tháng 4, Lữ Đoàn 147/TQLC trở lại tiếp quản việc phòng thủ căn cứ Quảng Trị sau thời gian nghỉ ngơi và tái trang bị tại Huế. LĐ258 đã về đến Huế nhưng Tiểu đoàn 1 của lữ đoàn vẫn ở lại căn cứ Pedro và đặt dưới quyền chỉ huy của LĐ147.

Trong những ngày sau đó, tinh thần binh sĩ VNCH suy giảm nhanh chóng. Hàng ngày họ phải đưa lưng hứng chịu pháo binh cũng như các cuộc tấn công của xe tăng địch. Họ bị tổn thương bởi nhịp độ dữ dội của loại chiến tranh quy ước. Họ phải trải qua những đêm dài mất ngủ, căng thẳng, không ngủ, bó tay trước viễn ảnh các cuộc tấn công của bộ binh địch có thể từ bóng tối ào ra bất cứ lúc nào. Tình trạng uể oải gần như trọn vẹn của binh sĩ VNCH vào ban đêm cho phép địch có thể nghỉ ngơi và hồi phục hầu như bất cứ lúc nào đối phương muốn. Do đó, những quãng ngưng đọng ngắn trong trận chiến lúc nào cũng là thời điểm được địch quân tận dụng để nghỉ ngơi. Cùng lúc đó, lính VNCH phập phồng chờ đợi, liên tục báo động, dưới sự căng thẳng ngày cũng như đêm, năng lượng của họ bị hủy hoại bởi nỗi sợ hãi và sự không chắc chắn thường chi để bảo vệ một căn cứ chiến đấu với giá trị chiến thuật đáng nghi ngờ.

Căn cứ Tác chiến Quảng Trị ở phía bắc sông Thạch Hãn thực sự là một lựa chọn tồi cho việc phòng ngự nếu xét theo quan điểm chiến thuật. Khi tháng Tư sắp kết thúc, thì nguồn tiếp vận tại căn cứ này cũng cạn kiệt. Do đó, tư lệnh SĐ3 quyết

(45) - Tức Căn cứ Ái Tử.

định di tản khỏi căn cứ này để rút về bờ nam của dòng sông. Ông ta đã âm thầm tự mình thực hiện kế hoạch triệt thoái, chỉ tham khảo ý kiến với cố vấn trưởng của sư đoàn. Tướng Giai lo sợ rằng nếu các chỉ huy cấp dưới của ông biết được kế hoạch của ông, họ có khả năng làm hỏng thế trận bằng các hành động dục tốc. Ông Giai cũng cố tình giữ kín kế hoạch này cả với tư lệnh QĐI. Đơn giản, ông chỉ muốn thận trọng, để công việc thành tựu. Nhưng chính hành động này đã đẩy ông ta xa lánh tư lệnh QĐI và trái bóng ngờ vực giữa họ ngày càng trương phình đã cộng hưởng thêm khía cạnh cuối cùng dẫn đến việc thất thủ thành phố Quảng Trị.

Thành phố Quảng Trị thất thủ

Các hành động cuối cùng của Bắc Quân góp phần vào biến cố thất thủ thành phố Quảng Trị xảy ra trong tuần cuối của tháng Tư. Bảy giờ, ảnh hưởng của sự căng thẳng và chấn thương tâm lý sau bốn tuần chiến tranh quy ước đối với binh sĩ VNCH vốn không được chuẩn bị kỹ đã ảnh hưởng đến kỷ luật của đơn vị và tính hiệu quả. Đã qua rồi những mảnh vụn cuối cùng sót lại của lòng tự tin và sự cam kết. Các đơn vị của SĐ3 đánh đấm mà không có niềm tin và trên thực tế còn bị bỏ mặc để tự bảo vệ mình. Khu vực trách nhiệm của sư đoàn đã teo tóp lại theo với thời gian mỗi ngày trôi qua.

Trong thời gian này, các cuộc tấn công của địch từ phía tây sát ranh giới tỉnh Thừa Thiên đã cắt đứt QL1 nối vào phía nam và ngăn chặn tất cả các phương tiện giao thông của quân bạn trên một đoạn đường dài 7 km. Biến cố ấy đã cô lập hóa lực lượng QĐI còn trên phần đất tỉnh Quảng Trị và hoàn toàn cắt đứt mạch sống để duy trì họ trong tình trạng chiến đấu. Phản ứng đầu tiên của Tư Lệnh QĐI trước tình huống này là một chùm các mệnh lệnh buộc các đơn vị hậu cần VNCH phải mang các đoàn công voa vượt qua các chướng ngại vật của

địch. Tiếp theo, tư lệnh SĐ3 liên tục nhận lệnh phải giải tỏa áp lực trên QL1 từ phía bắc. Quân lệnh như thế bắt buộc Tướng Giai phải chuyển hướng một thiết đoàn kỵ binh từ vị trí tiên tiêu quan trọng gần Quảng Trị để dồn hòa lực về địa bàn hành quân ở phía nam. Cuối cùng, tư lệnh QĐI còn quyết định lấy một tiểu đoàn TQLC mới dành cho việc bảo vệ Huế để giải tỏa QL1 từ phía nam. Những cuộc chuyển quân này đã rút ráo làm cạn kiệt nguồn nhiên liệu và đạn dược tối cần ở Quảng Trị mà vẫn không thành công trong nỗ lực khai thông tinh mạch hậu cần quan trọng này.

Thời tiết đặc biệt xấu vào ngày 27 tháng 4 và địch đã lợi dụng lợi thế ấy. Các hoạt động quân sự trong ngày hôm đó báo hiệu màn khởi đầu đợt tấn công của Bắc Quân để giành tất cả phần lãnh thổ còn sót lại từ tay quân đội VNCH ở tỉnh Quảng Trị. Dọc theo tuyến phòng thủ mới của SĐ3 vốn đã bị thu hẹp và ép sát đến vùng ngoại ô phía đông, phía bắc và phía tây của thành phố Quảng Trị, các đơn vị báo cáo hoặc chạm súng hoặc bị pháo tới tấp. Trong suốt ngày hôm ấy, tất cả các đơn vị tiên tiêu của sư đoàn đều bị pháo và bị bộ binh địch được xe tăng yểm trợ tiến đánh. Hầu hết các đơn vị đều bị mất một số lãnh thổ nhưng vẫn cố bám giữ một cách bấp bênh. Vào cuối ngày, phần lớn chiến xa của LĐ1/KB bị đẩy lùi từ hai đến ba cây số trên QL1 trong khi hỏa lực pháo binh của địch vẫn tập trung như vũ bão xuống Căn cứ Quảng Trị. Đáp lại lời tuyên bố tình trạng chiến thuật khẩn cấp của tư lệnh SĐ3, máy bay khu trục và B-52 của Mỹ đã can trường bất chấp thời tiết bất lợi để ngăn chặn sức tiến quân của địch trên đất Quảng Trị.

Ngày hôm sau, 28 tháng 4, xe tăng địch tiến sát cầu Quảng Trị, cách thành phố Quảng Trị khoảng 2 km về phía tây nam, là địa bàn trách nhiệm của TrĐ2. Thiết đoàn kỵ binh được gửi đến tăng phái cho Trung Đoàn 2 đang làm nhiệm vụ trấn giữ cầu buộc phải rút lui. Các thiết đoàn khác của LĐ1/KB cũng bị đánh bật trong ngày và đã rút lui ngót một cây số về phía bắc của Căn cứ Quảng Trị. Lúc ấy chỉ huy trưởng lữ đoàn bị thương

và được tàn thương⁴⁶. Với việc đầu tàu thương vong ấy, kỷ luật sụp đổ và lính LĐ1 chạy dọc QL1 trốn về phía nam, tràn qua chướng ngại vật do LĐ147 dựng lên.

TrĐ57 trong thời gian đó đã trở nên mất hiệu quả. Người chỉ huy đơn vị không biết gì về hiện tình của hai tiểu đoàn mình gần thành phố Đông Hà. Nhóm quân binh duy nhất mà trung đoàn trưởng đang chỉ huy chỉ là một trung đội trinh sát. Suốt đêm, lính tráng tiếp tục tuôn về phía nam. Đơn vị duy nhất còn hiệu quả đang bảo vệ căn cứ chiến đấu Quảng Trị là LĐ147 và cánh quân này bị pháo nặng 130 ly dập không ngừng nghỉ.

Đến ngày 29 tháng 4, tình hình Quảng Trị đã trở nên nghiêm trọng. Sáng kiến mới của địch xoay qua một nỗ lực chính khác. Về phần QLVNCH, các chỉ huy đơn vị vào thời điểm này hoàn toàn âu lo về tình trạng thiếu hụt nhiên liệu và đạn dược. Một số súng bích kích pháo đành phải được phá hủy sau khi toàn thể đạn dược dự trữ đã sử dụng sạch. Nỗ lực của VNCH nhằm khai thông QL1 bấy giờ tiến triển với tốc độ của loài rùa vì thiếu phối hợp và nỗ lực tích cực; triển vọng của biện pháp này không có gì hứa hẹn. Quảng Trị được tiếp viện bằng trực thăng là phương pháp vô cùng liều lĩnh khi máy bay tiến vào gần thành phố, nhất là đường bay dọc theo QL1.

Đối diện với thảm họa chỉ mảnh treo chuông này, hôm 30 tháng Tư, Tướng Giai bèn triệu tập các chỉ huy cấp dưới đến bàn doanh tư lệnh và thuyết trình kế hoạch di tản về phía nam sông Thạch Hãn. Về cơ bản, kế hoạch bao gồm việc giao cho một lữ đoàn TQLC bảo vệ thành phố Quảng Trị bằng cách án ngữ tuyến phòng thủ dọc bờ phía nam Thạch Hãn với bộ binh và Biệt Động Quân trong khi về phía nam tung đu xe tăng và các đơn vị kỵ binh làm nhiệm vụ cấp bách khai thông QL1. Tất cả các đơn vị được lệnh phải chuyển quân vào sáng hôm sau, 1 tháng Năm. Khi được thông báo về kế hoạch rút quân của Tướng Giai, Tướng Lãm đã ngầm đồng ý mặc dù ông chưa bao giờ công khai xác nhận việc chấp thuận. Ông ta cũng không

(46) - Ngày 21/11/2018, chúng tôi phỏng vấn qua email tác giả cuốn "Thép và Máu" để hỏi danh tính vị sĩ quan chỉ huy phó Lữ đoàn 1/KB hôm 28/04/1972 – nhưng được cựu Đại tá Thiết giáp Hà Mai Việt trả lời: "Trong thời gian này tôi là quận trưởng ở Phú Hòa tỉnh Bình Dương thuộc QK3 sau đó được bổ nhiệm làm tư lệnh chiến trường Nam Bình Định thuộc QK2 nên không biết những gì mà anh hỏi!"

đưa ra bất kỳ chỉ thị nào cho tư lệnh SĐ3 về việc di tản.

Tuy nhiên, vào sáng ngày 1 tháng 5, Tướng Lãm gọi cho tư lệnh SĐ3 nói rằng ông không hề chấp thuận kế hoạch rút quân. Ông lệnh cho Tướng Giai phải xác quyết là tất cả các đơn vị phải trụ lại tại vị trí mình và bảo vệ “bằng bất cứ giá nào.” Ông cũng minh định với Tướng Giai rằng không bất cứ đơn vị nào được rút lui trừ phi đích thân ông cho phép. Phản lệnh vào giờ thứ 25 của Tướng Lãm hóa ra chỉ là sự lặp lại chỉ thị của Tổng thống Thiệu vừa mới được nhận từ Sài Gòn. Quyết định này đã được đưa ra có lẽ là do cuộc đàm phán tại Paris vừa được nối lại sau khi bị phái đoàn VNCH tẩy chay kể từ khi bắt đầu cuộc xâm lược của phía Bắc Quân.

Việc cứ bốc điện thoại và ban ra một phản lệnh thì chẳng có gì dễ dàng hơn. Tại mặt trận và dưới áp lực nặng nề của địch quân, kiểu lệnh lạc trống đánh xuôi kèn thổi ngược như thế hẳn phải dẫn đến một cơn ác mộng do ngộ nhận và hỗn quan hỗn quân. Thậm chí Tướng Giai không đủ thời giờ để nghịch đảo các mệnh lệnh trước đó của chính mình đồng thời truyền đạt mệnh lệnh mới xuống cấp dưới qua một chuỗi các cuộc gọi vô tuyến. Cộng thêm vào đó, tất cả các chỉ huy trưởng lữ đoàn và trung đoàn không ở tư thế để chấp hành các mệnh lệnh mới. Một vài người trong số họ báo cáo rằng các đơn vị của mình đã chuyển đến các vị trí mới theo đúng kế hoạch trước; kẻ khác thẳng thừng từ chối hủy đổi một phương án đã được thi hành. Phía Tướng Giai tiếp tục thuyết phục họ chấp hành các lệnh mới của QĐI vừa ban hành. Ông nhắc lại các quân lệnh mới và nhấn mạnh mỗi đơn vị phải tuân thủ. Ông cũng hủy bỏ lệnh di tản bộ chỉ huy của mình trước kia, và bám trụ lại ở thành phố Quảng Trị.

Và cứ thế, trong vòng bốn giờ đồng hồ, các tuyến phòng thủ được phân nhiệm của QLVNCH sụp đổ hoàn toàn. Các đơn vị đóng quân ở vị trí phía bắc xung quanh Căn cứ Quảng Trị tràn qua sông Thạch Hãn và tiếp tục ủa về phía nam cứ như nước vỡ bờ. Các đơn vị cơ giới đến được đầu cầu Quảng Trị thì không thể vượt qua; cây cầu đã bị phá hủy. Họ bỏ rơi lại tất

cả các xe cộ và thiết bị và vượt sông ở chỗ cạn để xuôi nam. Trên bờ nam của dòng sông, các đơn vị bộ binh không còn ở vị trí mới được phân nhiệm. Ngay khi phát hiện xe tăng VNCH đã rút về phía nam, họ đã đảo ngũ khỏi vị trí của mình và trà trộn vào đoàn quân tháo chạy. Nhưng đoàn quân chạy làng này không tiến xa. Xe tăng và xe bọc thép bắt đầu cạn nhiên liệu và từng chiếc một bị bỏ rơi lại dọc theo QL1. Đơn vị duy nhất còn duy trì được sự thống nhất và kỷ luật hoàn toàn trong thời điểm này là LĐ147 đang làm nhiệm vụ bảo vệ thành phố Quảng Trị. Cuối cùng, lữ đoàn trưởng nhận định rằng tình hình đã tuyệt vọng nên ra lệnh cho đơn vị mình chuyển quân rời khỏi Quảng Trị vào lúc 14g30, bỏ lại vị tư lệnh SĐ3 và dăm sĩ quan tham mưu của ông ta trong thành cổ không còn được bảo vệ.

Sau chót, khi biết điều gì đang xảy ra, tư lệnh SĐ3 và bầu đoàn thể tử của ông đã lên ba chiếc xe bọc thép với hy vọng bắt kịp đoàn quân binh của mình đang phía trước. Điều này xảy ra khi các trực thăng của Mỹ đến để giải cứu các cố vấn sư đoàn và nhân viên người Việt Nam của họ.

Nỗ lực của tư lệnh SĐ3 nhằm nhập bọn với đoàn quân của ông cũng thất bại nốt. QL1 bị tắc nghẽn bởi đoàn người tị nạn và binh sĩ tan hàng, trộn chung với tất cả các loại xe cộ quân sự và dân sự, ai cũng điên cuồng tìm đường vào Huế dưới những đợt mưa pháo man rợ nhất giữa biển lửa của địch nhằm cầm chân. Tướng Giai buộc lòng phải quay trở về thành cổ và sau đó ông cùng nhóm tham mưu bỏ túi của ông đã được các trực thăng Mỹ bốc đi. Khi “gã không lồ xanh”⁴⁷ cuối cùng cất cánh lúc 16g55 với cố vấn trưởng SĐ3⁴⁸ trên tàu, chiếc trực thăng đã bị địch quân dùng súng nhỏ bắn theo. Vào giờ đó, những bộ đội miền Bắc đầu tiên đã thâm nhập vào thành cổ Quảng Trị. Thành phố Quảng Trị nay thuộc về địch quân: đây là thủ phủ đầu tiên của một tỉnh thuộc chính phủ VNCH rơi vào tay cộng sản trong chiến tranh.

Trên QL1, cơn sóng thần người tị nạn xen kẽ với binh

(47) - Tên lóng để gọi loại trực thăng không lồ Sikorsky HH-3E của Mỹ chuyên dùng vào công tác tìm cứu phi công bị bắn rơi máy bay trong chiến tranh Việt Nam.

(48) - Đại tá Gerald H. Turley, TQLC, tác giả cuốn “The Easter Offensive – Vietnam 1972” (Cuộc Tấn công Mùa Phục sinh – Việt Nam 1972) mà chúng ta sẽ trích đoạn tường thuật của ông ở chương sau.

lính tiếp tục di chuyển về phía nam. Con đường biến thành một cảnh tượng hủy diệt đáng kinh ngạc. Xe cộ các loại, xe tải, xe bọc thép, xe đồ dân sự và xe hơi⁴⁹ bốc cháy lên kín mặt đường cao tốc buộc dòng giao thông phải tách khỏi mặt nhựa trong khi khối người đang run sợ trở thành mục tiêu tập trung pháo của địch. Đến cuối buổi chiều ngày hôm sau, cuộc tàn sát đã kết thúc. Kết quả hàng ngàn người dân vô tội đã nhận lấy cái chết bi thảm trên đoạn đường dài của QL1 mà về sau được báo chí địa phương gọi là “Đại Lộ Kinh Hoàng”⁵⁰. Cú sốc và chấn thương của thảm kịch này, giống như vụ thảm sát năm 1968 ở Huế, trở thành nỗi ám ảnh người dân các địa phương phía bắc QL1 trong một thời gian dài rất dài.

Trong bối cảnh đó, một số đơn vị VNCH và LĐ147 đã tìm cách duy trì chút trật tự giữa sự hỗn loạn và mở đường máu đến vùng lân cận quận lỵ Hải Lăng⁵¹. Liên đoàn 5/BĐQ, theo sau là LĐ1 và LĐ4, tiến về phía nam để giải tỏa một chốt chặn của địch. Cánh này được LĐ1/KB đóng quân đêm qua ở vị trí 4km về phía tây nam quận lỵ Hải Lăng nhập chung vào. Đến tối, tàn quân của SĐ3 đã đến được vùng lân cận của căn cứ Evans nơi Tướng Giai đã có mặt. Nơi đây, ông đã tìm cách tái lập ban doanh chỉ huy của mình và tổ chức lại các đơn vị của sư đoàn.

Vào ngày 2 tháng 5, LĐ1/KB đã cố gắng di chuyển về phía nam bằng QL1 nhưng bị pháo tầm tã và liên tục. Cánh kỵ binh này cuối cùng đã về tới căn cứ Evans ở khoảng 25 km về phía nam sau xế trưa, còn LĐ147 chạm súng lẻ tẻ từ hướng Hải Lăng khi họ di chuyển về phía nam lúc rạng đông. Với sự yểm

(49) - Tác giả dùng từ “cars” trong nguyên tác. Đây là phương tiện giao thông mà miền bắc gọi “xe con”, trong nam gọi “xe hơi”.

(50) - Trong nguyên tác tiếng Anh, tác giả dùng chữ “*Terror Boulevard*”. “*Terror*”, danh từ, vừa có nghĩa “khủng bố” vừa là “kinh hoàng”, “khiếp sợ”. Chữ “*Terror*” diễn tả sát nghĩa hơn cảnh máu đổ thịt rơi vào thời điểm đoàn người đang bị thảm sát bằng pháo trong những ngày cuối tháng 4 và đầu tháng 5/1972, còn khi chúng tôi phát hiện bãi tử thi im ắng của 60 ngày trước, trong bài tường thuật gọi từ bưu điện Huế về tòa soạn báo Sóng Thần ở Sài Gòn đêm 1/07/1972, chúng tôi đã dùng tập ngữ “Đại Lộ Kinh Hoàng”.

(51) - Trong nguyên tác, tác giả chỉ viết “*Hai Lang*”. Thực ra, khu vực mà chúng tôi phát hiện bãi xác người xác xe nằm dọc QL1 mới chạy qua lãnh thổ xã Hải Trường và Hải Thọ cũng thuộc quận Hải Lăng. Như thế, khi nói các đơn vị VNCH “*mở đường máu đến vùng lân cận Hải Lăng*”, chúng tôi cho rằng tác giả muốn diễn tả tòa nhà hành chính quận Hải Lăng, đặt ở thôn Diên Sanh, tức ngã ba nơi tỉnh lộ 602 từ bờ biển, cắt qua tỉnh lộ 555 (Con Phố Buồn Thiu) và sông Vĩnh Định nối vào QL1 cũ do người Pháp xây dựng trước năm 1954, cách QL1 mới do Công binh Mỹ thiết lập dọc đường sắt khoảng 2.500 mét.

trợ của không quân và của một số xe tăng, lữ đoàn này đã di chuyển qua các chốt phòng thủ của LĐ369 ở giao điểm QL1 và sông Mỹ Chánh vào lúc sắp tối.

Như thế, nay toàn thể lãnh thổ tỉnh Quảng Trị đã rơi hẳn vào tay kẻ thù. Điều này tạo điều kiện cho Bắc Việt có cơ hội đẩy nhanh tiến độ nhằm vào tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế.

Trích từ sách “*Cuộc Tấn công Mùa Phục sinh – Các Cố vấn Mỹ Cuối cùng ở Việt Nam, 1972*” của Đại tá Gerald Turley, cố vấn trưởng Sư Đoàn 3 Bộ Binh.

Chương 6

Tỉnh Quảng Trị Thất Thủ

Lời cảnh cáo trong bản tin tình báo thứ nhì chúng tôi có độ chính xác cao khi vào sáng ngày 27⁵² xuất hiện các dấu hiệu cho thấy đợt tấn công chính của đối phương nhằm vào thành phố Quảng Trị đã bắt đầu. Giữa một sự lộn xộn đáng ngại của những ngày tuyệt vọng đầu tiên của cuộc tấn công của Bắc Quân, hàng trăm trái pháo đã bắt đầu tấn công tuyến phòng thủ phía tây và chụp xuống Trung Đoàn 57 trấn thủ ở Đông Hà trên bờ nam sông Cam Lộ-Cửa Việt.

Thật trở trêu, ngay cả thời tiết cũng quay lưng với binh sĩ VNCH vào tiết gió mùa trở lại và một trần mây đen kịt phủ kín vùng phi quân sự và lãnh thổ tỉnh Quảng Trị, cắt hẳn việc yểm trợ bằng máy bay vô cùng quan trọng. Lúc 06g15, Liên đoàn 4/BĐQ đang đóng chốt ở khoảng giữa của tuyến phòng thủ VNCH đã bị tấn công bởi một lực lượng bộ binh lớn. Về phía nam, TĐ1/TQLC bị đánh lúc 06g30. Chỉ trong hai tiếng đồng hồ đầu, tiểu đoàn lãnh đủ hơn 500 trái bích kích pháo 82 ly và đẩy lùi hai cuộc tấn công diện địa.

Trong khi các cuộc tấn công này đang diễn ra, Tiểu Đoàn

(52) - Ngày 27/04/1972.

8 phát hiện các đơn vị địch ở sau lưng, một khu vực lẻ ra là do một tiểu đoàn bạn chiếm đóng. Với các vụ chạm súng lẻ tẻ trên sườn phía tây, tiểu đoàn triển khai nhóm B và hai đại đội phản công địch, quét sạch chốt với kết quả hơn 80 lính BV bị giết, tịch thu nhiều khẩu AK-47, súng máy, súng không giật và súng cối 82 ly.

Ở các vị trí cực nam của sư đoàn đối diện với thung lũng Ba Lòng, TrĐ2 bị tấn công lúc 06g45. Quân VNCH đã giữ vững được phòng tuyến. Pháo lại bắt đầu dội xuống thành phố Quảng Trị, Hải Lăng và căn cứ Ái Tử trong khi tiếng gầm thét không gián đoạn của những khẩu pháo tầm xa và những cú nổ khi đầu đạn rơi xuống làm rung chuyển mặt đất. Cường độ pháo BV bắn phá bừa bãi vào các khu vực dân cư đã đạt hiệu quả mong muốn của địch khi nhiều thương dân đành lao ra đường để tạo thêm phức tạp cho xe tải chở quân, xe chỉ huy và xe tiếp liệu. Dân chạy loạn từ Cam Lộ và Đông Hà, đã chạy đến thủ phủ của tỉnh, nay một lần nữa hoảng sợ nên hàng ngàn người bắt đầu ừa chạy dọc theo QL1 về phía thành phố Huế ở hướng nam. Lợi dụng khối đông người tuyệt vọng này, tiền sát viên BV chỉnh tọa độ cho các nòng pháo 130 ly của họ bắn dọc theo dòng người tị nạn không được bảo vệ trộn lẫn với những binh sĩ VNCH lạc đơn vị. Đúng như được tính toán, hiệu ứng đã gây tàn phá và tạo ra hỗn loạn. Đám đông như rắn mất đầu vượt qua cây cầu đánh dấu ranh giới phía nam của tỉnh Quảng Trị nơi LĐ369 đang bám trụ. Đại tá Phạm Văn Chung, chỉ huy trưởng lữ đoàn, đang thiết lập bộ chỉ huy hành quân của mình trên bờ phía nam con sông Mỹ Chánh, sát một ngọn đồi nhỏ bao phủ cây xanh, vị trí này cho ông một cái nhìn suốt tầm mắt trên đoạn QL1 dài hơn chục cây số chạy về phía thành phố Quảng Trị ở hướng bắc. Cảnh tượng đang đập vào mắt ông – một con đường kẹt cứng với những người dân chạy giặc và tàn binh – hẳn không phải là một hình ảnh ngoạn mục.

Trong khu vực tây bắc vùng hành quân của SĐ3, LĐ1/KB kiểm soát phần phía bắc quan trọng của tuyến phòng thủ.

Lúc 06g00, pháo binh đối phương bắt đầu bắn phá vị trí

của họ bằng pháo 122 ly và 130 ly. Sau đó, lúc 07g15, Liên đoàn 5/BĐQ bị tấn công bằng xe tăng vừa bộ binh. Đến 09g00, một trái pháo của BV đã bắn trúng chiếc xe bọc thép chỉ huy của Thiết đoàn 20 làm chết và bị thương mọi binh sĩ trên xe. Cộng thêm vào sự rối rắm này, ba xe tăng khác trong thiết đoàn không lâu sau đó bị phá hủy bởi hỏa tiễn chống chiến xa B-72.

Thành phần còn lại của thiết đoàn trông thấy xe tăng M-48 bị bắn cháy đã tự tan hàng khi không có chỉ huy nên quay xe chạy về QL1 ở phía đông. Các đơn vị bộ binh và BĐQ chứng kiến xe tăng quân bạn đang chót ở tuyến lửa bỗng dưng rút lui làm gia tăng rối loạn và góp phần đổ sụp tuyến chiến đấu. Quân BV quay sang tấn công suốt theo phòng tuyến phía tây. Trong khu vực trách nhiệm của LĐ5/BĐQ, chiến sự tiếp tục với mức độ nặng nề khi bộ đội BV tràn lên công hãm các tiểu đoàn 30 và 38. Đến 09g15, vị trí của TĐ38 đã bị tràn ngập, và Liên đoàn 5 bị hờ cạnh sườn, bắt đầu rút về phía đông. Áp lực tiếp tục đè nặng và quân BV truy kích theo về phía đông, không để lính Biệt Động có thì giờ sơ tán thương binh hoặc tử sĩ. Rõ ràng là lớp vỏ bọc bên ngoài của tuyến phòng thủ SĐ3 đang yếu ớt tột cùng và rạn nứt.

Tất cả những sự kiện này diễn ra chớp nhoáng đến mức phòng hành quân SĐ3 không thể nắm bắt kịp hiện tình chiến thuật. Không có lệnh nào từ bộ tư lệnh sư đoàn được gửi xuống các chỉ huy phía dưới khác hơn là quyết định “Phải cố thủ bằng mọi giá.” Trong tình trạng hỗn loạn như thế, các đơn vị VNCH bị phân tán, cấp chỉ huy bị tách lìa khỏi đơn vị của mình (một số trường hợp còn do chính họ lựa chọn như thế), và sự rối loạn lên ngôi.

Ở phần giữa của tuyến phòng thủ, LĐ4/BĐQ tiếp tục cố thủ trong khi xe tăng và bộ binh BV tấn công vị trí của họ. Lính Biệt Động báo cáo phá hủy hai xe tăng ngay trước trưa. Tuy nhiên, vào lúc 14g00, một hỏa tiễn B-72 đã bắn trúng một trong những chiếc M-48 còn sót của lữ đoàn. Đến 16g15, một lực lượng địch ước tính ít nhất hai tiểu đoàn bộ binh đã tràn ngập vào giao thông hào chiến đấu của LĐ4. Vào lúc 16g40, dưới sự

căng thẳng ấy TĐ43 đã vỡ tuyến và bắt đầu chạy về phía đông.

Lớp vỏ bọc phòng thủ mong manh bên ngoài của SĐ3/BB đã bị phá vỡ. «Hiệu ứng gợn sóng» ấy đã ảnh hưởng ngay lập tức khi BĐQ bắt đầu rút lui mà không thông báo cho các đơn vị bạn bên cạnh. Đại tá Luật, chỉ huy trưởng LĐ1/KB, lo ngại rằng cánh quân của ông thuộc Thiết đoàn 20 dọc theo Quốc Lộ 9⁵³ sắp bị cắt đứt, đã ra lệnh cho các xe tăng quay rút lui. Theo sáng kiến của riêng mình, ông điều Thiết đoàn 20 trên phòng tuyến Cửa Việt ở phía tây Đông Hà dạt lui phía QL1. Ngay khi trông thấy đợt xe tăng thứ hai có nhiệm vụ tăng phái cho mình di chuyển, binh sĩ VNCH bị hoảng loạn, tan hàng và ào ạt ụp theo đoàn xe tăng đang gào thét và bầu vùi lấy các quai dùng làm bậc thang của xe tăng để thoát thân mà không cần gìn giữ sĩ diện hay biết xấu hổ nữa. Trước khi Tướng Giai hoặc sĩ quan chỉ huy của ông phát hiện ra những gì đang xảy ra, đông đảo lính của ông đã chạy về tới Căn cứ Ái Tử. Quyết định của ông Luật nhằm cứu xe tăng của mình bằng cách khởi động cuộc rút quân mà không báo cho thượng cấp rút cuộc đã gây ra sự sụp đổ chót của tuyến phòng thủ sườn phía bắc.⁵⁴

Khi biết được việc rút quân ngoài kế hoạch ấy, ông Giai và Đại tá Murdock đang trên trục thẳng bay đến một địa điểm sát bìa phía nam thành phố Đông Hà. Sự dũng cảm của vị tướng quân một lần nữa được chứng minh bằng việc ông thành công khi đích thân tái lập trật tự. Tuy nhiên, vào giờ phút ông đạt thành tựu ấy, trong việc thực hiện điều này và lãnh trách nhiệm về tình hình, ông buộc lòng phải tập hợp các lực lượng vô tổ chức của mình lại dọc theo tuyến phòng thủ mới bờ bắc sông Thạch Hãn. Tuyến phòng thủ mới vừa được vội vã vạch ra của ông chỉ bao quanh khu phức hợp Ái Tử.

Về phía tây, các tiểu đoàn TQLC vẫn giữ vững vị trí của mình trong khi các đơn vị BĐQ vỡ tuyến ụp về phía đông. Tuy nhiên, vào cuối buổi chiều, TĐ1 và TĐ8 bị tấn công bởi mười lăm xe tăng phối hợp với một cánh bộ binh từng thiết lớn. Tám

(53) - QL9 bắt đầu từ thị trấn Đông Hà, đâm tới biên giới Lào, là con đường độc đạo nối Căn cứ Ái Tử với các tiền đồn ở phía tây.

(54) - "Cuộc Tấn công Mùa Phục sinh 1972" của Tướng Ngô Quang Trưởng, trang 39. (Ghi chú của tác giả)

chiếc trong đám xe tăng của BV đang đối đầu với TQLC đã bị phá hủy khi pháo binh Mũi Xanh và các tăng M-48 của VNCH xuất trận, trước là để phá hủy mối đe dọa của thiết giáp địch và kế đến nhằm ngăn chặn đợt tấn công của bộ binh. Ngay trước đêm, bộ đội và các xe tăng còn lại phải rút lui khi chạm trán với hàng rào pháo binh phối hợp tốt và đầy sức tàn phá bắn tới từ Ái Tử.

Vì cạnh sườn của cả TrĐ1 và TrĐ8 vốn đã bị hở do BĐQ rút lui nên TQLC cũng được lệnh rút theo. Và tính đến lúc chấp choạng tối, họ rút thêm về chỉ còn cách vòng rào phòng thủ bao quanh Ái Tử chỉ 1.500 mét.

TrĐ2 với nhiệm vụ bảo vệ vùng tiếp cận tự nhiên từ thung lũng Ba Lòng chạy xuôi xuống thành phố Quảng Trị cũng đã trải qua một ngày dài nối kết bằng các cuộc tấn công thăm dò của địch khi chúng di chuyển dọc theo tả ngạn sông Thạch Hãn đến cách cầu Quảng Trị trong vòng chưa tới 3km. Nếu mũi tiến quân của Bắc Việt không bị chặn đứng dọc theo tuyến đường này, hàng ngàn binh sĩ VNCH chiến đấu quanh Đông Hà và căn cứ Ái Tử sẽ bị bao vây, thành thủ TrĐ2 được trảm vào đó.

Để chuẩn bị, Đại Tá Tùng đã phân tán mỏng bộ chỉ huy TrĐ2 vào một số lều trại trong căn cứ Ái Tử. Sau đó vào buổi chiều, pháo binh của địch đã tăng cường khi Đại tá Bill Camper và Thiếu tá Joe Brown đang thảo luận về tình hình tồi tệ hơn với đồng đội của mình. Ông Camper nhận ra nhu cầu quan trọng phải giữ cho cầu Quảng Trị an toàn nhưng thông tin về tình hình đang phát triển, đặc biệt là từ Tiểu đoàn 2 và 3 rất mù mờ. Ông trở nên lo lắng khi nghe các phát súng nhỏ dọc dòng sông và quyết định chính mình phải đi kiểm tra nguyên nhân của cuộc chạm súng. Ông bước vào hầm chỉ huy trung đoàn để xem bản đồ chiến thuật để biết rằng vị sĩ quan VN đối tác không nắm vững những gì đã xảy ra hoặc vị trí chính xác nơi các tiểu đoàn bộ được bố trí. Tình hình trong bộ chỉ huy trung đoàn thật mập mờ.

Rời hầm chỉ huy, Camper và Brown bắt đầu xem xét các hàng cây dọc bờ sông. Pháo địch đã bắn phá quanh họ với mức

độ dày đặc nhất tập trung vào các cây cầu đường bộ và đường sắt. Khi họ đến gần cầu Thạch Hãn, một quả đạn pháo vừa lao tới đung phai một thân cây trên đầu họ và mảnh đạn bắn tung tóe vào cả nhóm, đánh trúng người Bill Camper. Vậy là ông này trở thành tổn thất mới nhất của phía Hoa Kỳ trong cuộc tấn công Nguyễn Huệ. Sau này, ông nhớ lại:

“Tôi bị mảnh đạn pháo trúng vào mặt và cổ và ngay lập tức tôi biết mình lâm vào tình trạng khá xấu, vì máu chảy tuôn ra. Tôi đã cố nói cho Joe Brown biết những gì đã xảy ra với tôi nhưng không thể nói mạch lạc: một trong những mảnh đạn đã làm đứt dây thanh âm và máu ở mặt và trong hộp sọ của tôi làm tôi nghẹt thở. Joe đặt tôi xuống để nước trong tôi có thể thoát ra. Điều cuối cùng tôi nhớ rất rõ là nằm trên mặt đất bẩn, trong một thửa ruộng nào đó, để miệng, mũi và mặt tôi có thể thoát nước.”

Brown gọi máy cho bộ chỉ huy Trung đoàn 2 để xin hỗ trợ khẩn cấp. Anh ta thừa biết rằng Camper bị thương nghiêm trọng và cần tán thương ngay lập tức, nên đã xoay xở xin các đơn vị QLVNCH khác đang di chuyển về phía cầu Quảng Trị trợ giúp nhưng vô hiệu. Trong tuyệt vọng, anh gọi thẳng cho cố vấn Mỹ tại Trung tâm Hành quân đặt trong thành cổ. Có hai người Mỹ, một binh sĩ và một y tá chiến trường của Hải quân, đã lập tức tình nguyện đi tiếp cứu. Một trong hai người, trung sĩ Roger Shoemaker tìm thấy một chiếc xe bọc thép M-113 của VNCH trong khi y tá TQLC Thomas Williamson vợ vội dụng cụ y tế của mình. Bất chấp màn mưa đạn pháo binh và đạn súng cá nhân dữ dội, họ từ thành phố băng qua sông Thạch Hãn và chạy bộ tới chỗ sĩ quan bị thương. Khi tới nơi, y tá Williamson đã lập tức làm các bước cứu thương cho Camper. Hai người lính đã đặt vị đại tá đang bất tỉnh lên cáng vải rồi chuyển vào lòng xe thiết giáp để mang trở lại thành phố Quảng Trị. Joe Brown ở lại cạnh ông Camper cho đến khi ông ta được sơ tán bằng trực thăng lúc 18g40. Cứ thế, hàng ngàn binh lính miền Nam vô danh và một sĩ quan Mỹ đã cống hiến tất cả cho đất nước của mình. Đối với đám cố vấn chúng tôi, một khi Bill

Camper bị đốn ngã, là khi một trong những người tài ba nhất của quân đội, và chắc chắn là một trong những người dũng cảm nhất – đã phải trả giá cho sự can trường của mình.

Căn cứ Ái Tử thất thủ

Khi các đơn vị QLVNCH đã bị đẩy lui, Bắc quân đã tiến lên để tiếp quản khoảng trống. Do đó, khi bóng tối chụp xuống trên tỉnh Quảng Trị, tư lệnh Sư đoàn 3 không còn nắm biết lực lượng của mình đang ở đâu, hoặc đơn vị nào vẫn thực sự còn hiệu quả. Trong lúc đó, hàng trăm binh sĩ Biệt Động và những sắc phục khác của QLVNCH đang lững thững đi dọc QL1 xuôi về hướng thành phố Quảng Trị.

Lúc 17g30, Đại tá Luật và Trung tá Louis C. Wagner, Jr., sĩ quan Lục quân cố vấn, cùng tiểu đoàn trưởng TrĐ32/BĐQ, bằng các nỗ lực phi thường của các ông, rốt cuộc đã có thể chặn đứng được các cánh quân của TrĐ43/BĐQ tìm cách bỏ chạy khỏi chiến trường. Đã có một phút giây tột cùng căng thẳng khi ba vị sĩ quan phải hạ thấp nòng súng xuống chĩa thẳng vào đám lính khiếp sợ để buộc họ phải quay trở lại vị trí phòng thủ.

Chi đoàn 2 của Thiết đoàn 20 và Chi đoàn 18 được lệnh của Đại tá Luật thực hiện một cuộc rút quân trong đêm để trở về căn cứ chiến đấu Đông Hà. Họ phải phối hợp với các cánh của TrĐ57. Tuy nhiên, trong quá trình rút lui, ba chiếc tăng M-48 đã bị hòa lực địch loại khỏi vòng chiến. Đã thế, cuối cùng khi các đơn vị này về đến được căn cứ, họ không tìm thấy quân bạn, thay vào đó họ bị địch quân dàn chào. Về sau mới biết TrĐ57 đã bỏ ngõ Đông Hà để di chuyển về phía nam. Dưới hỏa lực mạnh, các đơn vị của Thiết đoàn 20/KB đã triệt thoái ra khỏi thành phố, vừa đánh vừa mở đường máu để lần đường thoát ra QL1, rồi di chuyển về phía nam, để lại lọt vào một cuộc phục kích bằng súng cá nhân. Hóa ra họ đã phải ăn đạn của các toán quân bọc hậu của TrĐ57 đang tột cùng hỗn loạn phi phách tán – những tay súng lâm trường họ là địch. Sự hỗn loạn thêm một lần nữa lại ngự trị chiến trường. Cũng may cuộc chạm súng này không gây tử vong.

Tình hình toàn tỉnh Quảng Trị càng lúc càng trở nên nguy kịch. Tuy nhiên, một sự kiện nữa sẽ xảy ra để khép lại chuỗi ngày bi thảm khi pháo binh địch đánh trúng vào kho chứa đạn gần Ái Tử. Với một cú nổ kinh hoàng, những trái đạn pháo cực kỳ cần thiết, thuốc mìn và ngòi nổ đã bị phá hủy. Đứng trên các bức tường của cố thành trong thành phố cũng có thể nhìn thấy một đồng lửa và cột khói không lồ.

Lữ đoàn 1 Ky Binh đã mất cả đêm để cố gắng xác định vị trí các đơn vị được phân công và đánh giá hiệu quả chiến đấu của từng đơn vị.

Lúc 06g30, pháo binh hạng nặng bắt đầu tấn công các đơn vị của lữ đoàn thiết giáp khi Đại tá Luật và Đại tá Wagner di chuyển về phía bắc sông Vĩnh Phước, nơi đã nhìn thấy xe tăng Cộng quân đang tiến tới cứ điểm.

Sau một trận pháo ngắn, ba chiến xa T-54 bắt đầu bắn vào số ít chiến xa còn lại của VNCH đang giữ phòng tuyến và một trận đánh chiến xa xảy ra sau đó dẫn đến việc phá hủy thiết giáp của Cộng quân. Lúc 09g30, một lực lượng bộ binh địch khoảng 100 người mở cuộc tấn công xuống Quốc lộ 1 nhằm vào cứ điểm nhưng bị hỏa lực súng máy đánh bật lui. Vị trí phòng thủ được thiết lập vội vàng ở cực bắc của QLVNCH đã được giữ vững trong giây lát.

Đại tá Luật lệnh cho Liên đoàn 5 BĐQ và Thiết đoàn 20 thiết lập một tuyến phòng thủ mới ở phía nam sông Vĩnh Phước vì đây là hàng rào sông cuối cùng ở phía bắc căn cứ chiến đấu Ái Tử. Tuyến mới kéo dài khoảng 1.000 m về phía đông và tây của cầu đường cao tốc. Điều này phải được thực hiện trong khi cứ điểm ở độ cao 1.000 mét về phía bắc đang chiến đấu với xe tăng địch. Lúc 10g30, người ta phát hiện các đơn vị chưa lập tuyến phòng thủ mới dọc theo sông Vĩnh Phước lại đang tháo chạy về phía nam.

Để ngăn xe tăng và thiết vận xa trong cứ điểm bị cắt đứt, Luật ra lệnh cho họ rút lui. Khoảng phần nửa đã vượt qua cầu Vĩnh Phước thì bị hai loạt đạn pháo 130 ly tấn công, thổi bay một phần của một nhịp. Trước khi nhịp cầu sụp đổ, hai chiếc M-113 từ nhóm chỉ huy của ông Luật đã có thể kịp phóng qua,

nhưng sáu M-113 và một tăng M-48 đã trở thành chướng ngại vật vì bị lính bỏ rơi mà không vô hiệu hóa hoặc phá hủy.

Ngay khi Luật đi qua cây cầu bị hư hại, ông ta bị trọng thương bởi hỏa lực chống tăng nên phải sơ tán vào Quảng Trị, bỏ Lữ đoàn 1 KB trong một thời gian không có ai chỉ huy.

Trong khi Trung tá Wagner tìm kiếm chỉ huy mới, ông yêu cầu máy bay Hoa Kỳ phá hủy các phương tiện ở phía bắc cây cầu để ngăn khỏi rơi vào tay địch. Mặc dù những đám mây thấp vẫn tiếp tục treo lơ lửng trên chiến trường, ngay sau trưa, một số máy bay đã xuyên thủng lớp mây che phủ, bay xuống thấp và phá hủy các xe pháo.

Trong khi cuộc không kích đang diễn ra, BCH Liên đoàn, pháo binh trực thuộc và Liên đoàn 4 BĐQ bắt đầu di chuyển về phía nam. Quốc lộ 1 trở nên tắc nghẽn với các phương tiện xe pháo và ách tắc giao thông lớn xảy ra ở phía bắc căn cứ chiến đấu Ái Tử khi các binh sĩ TQLC của Lữ đoàn 147 từ chối cho xe cộ hoặc binh sĩ đi qua chướng ngại vật.

Sáng sớm hôm đó, Đại tá Bảo và Thiếu tá Joy đã lái xe vào cô thành để họp với Tướng Giai. Khi đang ở Bộ Tư lệnh Sư đoàn, Joy nhận được một bức điện từ các cố vấn của anh ta từ Ái Tử rằng các đơn vị thiện chiến ở phía bắc đang rời vị trí và rút lui về phía nam qua căn cứ chiến đấu Ái Tử. Bảo và sĩ quan cố vấn của mình vội vã quay trở lại Ái Tử và quan sát thấy cảnh tắc đường ồ ạt. Sau một cuộc hội đàm giữa lữ đoàn trưởng TQLC và chỉ huy các đơn vị rút lui, người ta đã đồng ý cho họ vượt qua thay vì giam chân lại một đám hỗn tạp ở phía bắc căn cứ chiến đấu Ái Tử.

Đến đêm ngày 28, Liên đoàn 4 BĐQ đã bố trí ở đầu phía bắc phi đạo Ái Tử; Liên đoàn 5 BĐQ ở phía nam Ái Tử, phía bắc các cây cầu dẫn vào thành phố Quảng Trị. Các thành phần của TrĐ2 đã thiết lập các chốt chặn xung quanh cầu cao tốc. Trung đoàn 57 bất khiển dụng và hầu hết các thành phần của Lữ đoàn 1KB đã rút vào thành phố Quảng Trị.

Thùy quân Lục chiến muốn giữ được phía bắc, thì cần có viện binh. Vì thế TĐ7 được lệnh từ phòng tuyến Mỹ Chánh tiến ra hướng bắc để hỗ trợ cho Lữ đoàn 147. Nhưng đơn vị này lại

bị địch tấn công ở phía nam thành phố Quảng Trị nên chỉ có hai đại đội tiến đến được Ái Tử.

Lúc 02g00 ngày 29 tháng 4 Cộng quân mở cuộc tấn công bằng xe tăng và bộ binh vào hai cây cầu trên Quốc lộ 1 bắc qua sông Thạch Hãn dẫn vào thành phố Quảng Trị. Cuộc tấn công xuất phát từ hướng tây nam nhanh chóng cuốn gọn hai tiểu đoàn của TrĐ2BB. Các xe thiết giáp của Kỵ binh đã chiến đấu kiên cường và ngăn chặn cuộc tấn công. Jim Joy về sau đã báo cáo:

“Sau đó, trong một trong những cuộc không tập kịp thời nhất và tàn khốc nhất mà tôi từng chứng kiến, một tiền sát viên dùng đèn pháo sáng hướng dẫn máy bay thực hiện các cuộc không kích tiếp nối nhau nhắm vào kẻ thù. Cuộc tấn công của địch đã bị đánh bại, dẫn đến việc ba trong số năm xe tăng địch bị tiêu diệt.”

Tướng Giai nhận định căn cứ chiến đấu Ái Tử là một lựa chọn tồi để phòng thủ trên quan điểm chiến thuật. Một kế hoạch phòng thủ mới được thực hiện mà sau này Trung tướng Trương đã ghi lại:

“Tư lệnh SĐ3 quyết định di tản khỏi căn cứ này để rút về bờ nam của dòng sông. Ông ta đã âm thầm tự mình thực hiện kế hoạch triệt thoái, chỉ tham khảo ý kiến với cố vấn trưởng của sư đoàn. Tướng Giai lo sợ rằng nếu các chỉ huy cấp dưới của ông biết được kế hoạch của ông, họ có khả năng làm hỏng thế trận bằng các hành động dục tốc. Ông Giai cũng cố tình giữ kín kế hoạch này cả với tư lệnh QĐI. Đơn giản, ông chỉ muốn thận trọng, để công việc thành tựu.”

Trong khi việc sụp đổ các tuyến phòng thủ phía bắc của Sư đoàn 3 nhận được mối quan tâm tức thời cao nhất trong ngày, các sự kiện khác có ý nghĩa tương tự đang xảy ra tại tỉnh Quảng Trị. Các lực lượng Bắc Việt tấn công về phía nam dọc theo bờ biển đã lọt vào khu vực chỉ còn cách tỉnh lỵ trong vòng ba dặm. Các đơn vị bộ binh, được hỗ trợ bởi xe tăng lội nước

hạng nhẹ PT-76, đã tràn ngập lực lượng ĐPQ và NQ ở phía bắc và phía đông thành phố và đang tiến triển đều đặn hầu như vào chỗ không người.

Các đơn vị địch ở phía nam thành phố Quảng Trị đang đánh chặn Quốc lộ 1 tại một số vị trí dọc theo con đường bằng phẳng dài 12 km đến cầu Mỹ Chánh. Trong một số trường hợp, trực tiếp tế quan trọng này đã bị cắt đứt. Tướng Giai nhiều lần được lệnh của Tướng Lãm mở lại quốc lộ. Các cuộc tấn công bằng pháo binh và vũ khí nhỏ của đối phương vào những người dân tị nạn và bất kỳ lưu lượng xe quân sự nào dọc theo con đường đều gia tăng. Cuối cùng, Giai buộc lòng phải cắt một đội kỵ binh bọc thép khởi vai trò tiên tuyến để giao tiến hành các hoạt động dọn đường cần thiết. Trong nỗ lực duy trì nhu cầu tiếp tế ngày càng tăng của sư đoàn, các đơn vị tiếp vận của VNCH thường xuyên lao vào các cuộc giao tranh nảy lửa trước khi các đoàn xe của họ có thể vượt qua các rào cản của đối phương. Tất cả các đoàn xe tải khác với các sĩ quan ít chuyên tâm hơn thường không chịu chạy về hướng bắc vượt quá sông Mỹ Chánh, và quay lại.

Để làm trầm trọng thêm tình trạng rối ren, pháo binh địch tiếp tục giáng xuống trên hàng loạt binh lính VNCH đang hoang mang, lo sợ và dân thường lánh nạn đang di chuyển xuống Quốc lộ 1 từ phía bắc thành phố Quảng Trị. Trong những điều kiện tốt nhất, không có cách nào để quân đội duy trì tính toàn vẹn của đơn vị khi các cá nhân tiếp tục di chuyển xung quanh các phương tiện bị phá hủy hoặc bị bỏ rơi. Nhìn từ trên không, hiện trạng hỗn mang đáng vẻ của một đàn kiến, với hàng nghìn kiến thợ đang quần quanh từng chướng ngại vật để giữ tốc độ tiến về phía trước đến một điểm đến xa xôi và không xác định nào đó.

Vì sự vô trật tự rõ ràng và bất khả trong điều tiết xe cộ ngày càng tăng, mọi kiểm soát bị mất nhanh chóng khi cảm giác hoảng sợ đang tăng dần sắp sản sinh thêm một cuộc tháo chạy khác. Vào lúc 18g20, Trung tá Joseph Devins, cố vấn cao cấp của Trđ57 đã gọi máy cho tổng hành dinh sư đoàn rằng trung đoàn này hoạt động kém hiệu quả và tan rã xung quanh

ông vì ông trung đoàn trưởng không hề biết về tình trạng của hai tiểu đoàn của mình – các tiểu đoàn đã được giao nhiệm vụ phòng thủ Đông Hà. Thật vậy, đội quân duy nhất dưới quyền kiểm soát trực tiếp của ông ấy chỉ gồm một trung đội trinh sát.

Suốt đêm những người lính mắc kẹt ở phía bắc sông Vĩnh Phước tiếp tục xâm nhập vào phía nam mà không có thiết bị và phương tiện. Đơn vị duy nhất còn hiệu quả để bảo vệ được căn cứ chiến đấu Ái Từ là LĐ147/TQLC nhưng đơn vị này đã bị pháo kích nặng và gần như liên tục. Trước đó trong ngày, Thiếu tá Huff, cố vấn Tiểu đoàn 8, báo cáo rằng những gì còn lại của hầm chỉ huy cũ của SĐ3 đã hứng chịu 25 trái đại pháo đánh trực diện. Dưới hỏa lực như vậy, góc tây nam hầm cuối cùng đã sụp đổ và ăng ten vô tuyến của bộ tư lệnh đã bị đốn ngã. Ông ấy báo cáo rằng hầm khó lòng có thể chịu được thêm các trái pháo khác.

Phía tây Ái Từ, địch tiếp tục các cuộc tấn công kéo dài trong ngày khi số lượng lớn xe tăng và bộ binh của địch đã buộc TĐ1/TQLC phải kéo tuyến phòng thủ phía tây của họ trở lại trong vòng một dặm cách QL1. Phòng thủ của Lữ đoàn 147 đang bị tấn công cả ba mặt và đều bị dồn ép về phía sông Thạch Hãn.

Đến rạng sáng ngày 29 tháng 4, tình hình ở tỉnh Quảng Trị tiếp tục xấu hơn. Bộ chỉ huy TrĐ2, trước đó đã báo cáo hai tiểu đoàn của mình đang ở phía bắc và nam cầu xa lộ Quảng Trị, giờ không thể định vị được. Thiếu tá Thomas MacKenzie, cố vấn Hoa Kỳ, báo cáo rằng đơn vị xe tăng của ông đã thành công trong việc cầm cự suốt đêm mặc dù thương vong nặng nề. Vào lúc 05g20, đội quân kỵ binh của ông hoạt động không có yểm trợ của bộ binh, đã đẩy lui một cuộc tấn công của địch nhắm vào các cây cầu bắc qua sông.

Bắc Việt đã khai thác lợi thế chiến thuật của họ trước các lực lượng VNCH đang rút lui, để tăng cường các cuộc pháo kích dọc theo Quốc lộ 1, cả phần phía bắc lẫn phía nam thành phố. Các đơn vị địch được cho là cách tỉnh lỵ 3.000 mét về phía đông bắc, và tại 4.000 mét về phía đông, cho thấy một nỗ lực chậm chạp nhưng chắc chắn của Cộng quân nhằm bao vây các vị trí của VNCH. Lực lượng ĐPQ và NQ ở khu vực ven biển

báo cáo xe tăng PT-76 và bộ binh đang tiến về Hải Lăng từ phía đông. Về phía tây nam, tất cả giao thông trên Quốc lộ 1 tiếp tục bị gián đoạn bởi hỏa lực pháo binh và lực lượng bộ binh dịch di chuyển từ thung lũng Ba Lòng và Căn cứ Anne xuống. Thành phố Quảng Trị đang dần bị phong tỏa và bị bao vây bởi những trận pháo kích vô tận của pháo binh và hỏa tiễn. Cuộc bao vây tinh lý của bộ đội Bắc Việt gần giống với các cuộc tấn công có hệ thống nhằm cô lập rồi sau đó tràn ngập quân Pháp tại Điện Biên Phủ.

Lúc 08g00, Đại tá Bảo nhận được bức mật điện từ BCH Ái Tử của ông tiết lộ rằng không lực lượng thiện chiến nào còn lại ở phía bắc cầu Quảng Trị nằm về phía nam của ông. Đây là một tin nghiêm trọng vì nếu đường quốc lộ đóng, sẽ không có cách nào để tiếp tế cho các đơn vị của ông ta ở phía tây bắc của con sông. Hai đại đội thuộc TĐ7 đóng ở vành đai phía nam Ái Tử được giao nhiệm vụ trấn giữ quốc lộ. Đến 09g30, đơn vị TQLC, cùng với xe tăng hạng nhẹ M-41 của Kỳ binh, dọn đường, triển khai xung quanh các hướng tiếp cận phía tây đến các cây cầu. Mười hai Cộng quân đã bị xóa sổ khỏi các hầm bê tông của cầu quốc lộ ở bờ bắc. Hai tù binh bị bắt, một trong hai mang theo bản đồ chiến thuật tỉ lệ 1:50.000 của Hoa Kỳ còn người kia giữ một chiếc điện đài nhỏ. Bản đồ của họ cho thấy có đánh dấu các vị trí của VNCH cùng các thông tin cho pháo binh Cộng quân.

Vào thời điểm đó, không thể xác định được liệu VC đã gài mìn các cây cầu hay chưa, vì vậy giao thông qua cầu phải tạm dừng cho đến khi công binh xác minh xem nó có còn an toàn. Tuy nhiên, cuộc điều tra cũng xác định rằng cầu chính quốc lộ đã bị hư hại do trúng đạn pháo của đối phương và không còn tải nổi xe pháo hạng nặng. Như thế chỉ còn lại cây cầu đường sắt để vượt sông vào thành phố.

Trong vòng vây ngày càng thu hẹp mà quân miền Nam còn trấn giữ ở bờ bắc, các lực lượng thiện chiến đang hứng chịu thương vong liên tục do hỏa lực không ngừng của đối phương. Lữ đoàn 1KB báo cáo rằng Thiết đoàn 20 chỉ có 19 xe tăng M-48 và 12 chiếc M-113 còn hoạt động. Cánh thứ nhì của Thiết

Đoàn 11KB cho hay 4 trong số các xe tăng M-41 và 12 chiếc M-113 của họ vẫn đang hoạt động và có thể chiến đấu.

Tại căn cứ chiến đấu Ái Tử, Lữ đoàn 147 TQLC tiếp tục trấn giữ vòng vây trước áp lực nặng nề của địch, dự kiến sẽ dồn dập hơn vì có báo cáo là xe tăng địch đang tiến đến từ phía bắc. Những chiếc T-54 khác đang tiến từ phía tây đến trong tầm bắn của các khẩu pháo chính của họ ở hai cây cầu, gây nguy cơ bị chặn bắn trực tiếp hoặc phá hủy đoạn vượt sông quan trọng.

Đến chiều tối, kho đạn Ái Tử lại bị trúng pháo và số đạn được còn lại, phần lớn vừa được tiếp viện từ miền Nam, đã bị phá hủy. Đây là một đòn giáng mạnh sau khi các chỉ huy VNCH đã báo cáo tình trạng thiếu đạn dược và nhiên liệu trầm trọng. Các khẩu đội pháo binh không hoạt động nữa vì chẳng có ngòi nổ hoặc thuốc bồi.

Lúc 15g50, một chiếc tăng M-48 bị chết máy ở đầu phía bắc cầu đường sắt chỉ đi lọt một xe, choán nguyên mặt đường vào Quảng Trị khiến toàn bộ xe cộ phải dừng lại. Sự chậm trễ này càng gây thêm hoang mang, tạo ra sự sợ hãi trong tập thể binh lính và thường dân vẫn đang cố gắng chạy thoát vào thành phố. Binh sĩ của LĐ4/BĐQ đã cố gắng di chuyển chiếc xe tăng khỏi mặt cầu. Sau nhiều lần cố gắng đẩy chiếc xe tăng nặng 50 tấn bằng sức người, lính BĐ đã bỏ nó đẩy để đi bộ qua cầu. Cuối cùng, vào lúc 18g50, cây cầu đường sắt đã được thông xe và xe cộ mới bắt đầu vào thành phố.

Ở phía nam thành phố, ngày 29 tháng 4 cũng là một ngày vô cùng bối rối. Các đơn vị trước đây làm nhiệm vụ bảo vệ tuyến phòng thủ phía bắc đã đi qua thành phố Quảng Trị nhưng vẫn chưa được giao nhiệm vụ phòng thủ cụ thể. SĐ3 không biết chắc phần lớn các đơn vị của mình đang ở đâu, vì rất nhiều đơn vị đã báo cáo sai địa điểm. Hầu hết các đơn vị chỉ đơn giản là tự mình rút lui về các vị trí sát QL1.

Các nỗ lực của VNCH nhằm mở lại con đường thoát hiểm duy nhất về phía nam đang diễn ra với tốc độ cực kỳ chậm vì thiếu sự phối hợp và lãnh đạo tích cực ở cấp chỉ huy. Các đơn

vị lè thỉnh thoảng cố gắng chọc thủng lực lượng nhỏ của địch đã chiếm Quốc lộ 1. Tuy nhiên, những nỗ lực này đã bị cản trở nghiêm trọng bởi giao thông dân sự và quân sự. Thêm vào tình hình vốn đã khó hiểu, các xe bọc thép và chiến xa khác của VNCH đang di chuyển về phía nam đã không chịu hợp tác hoặc hỗ trợ trong các cuộc tấn công vào các chốt chặn của Cộng quân. Khi các cố vấn Mỹ hỏi tại sao họ lại di chuyển về phía nam, sĩ quan cấp cao đáp: “Họ được lệnh phải đi về phía nam để bảo trì xe.” Thiếu sự phối hợp giữa các chỉ huy khác nhau ở khu vực đó và cảnh tượng thiết giáp của VNCH rút lui càng làm tăng thêm sự hãi hùng và hoang mang trong các đơn vị đang bố trí dọc theo QL1.

Trước thảm họa sắp xảy ra, Tướng Giai đã lập kế hoạch cố gắng giữ cố thành Quảng Trị bằng lữ đoàn TQLC và thiết lập tuyến phòng thủ ở bờ nam sông Thạch Hãn bằng bộ binh và biệt động. Nếu thành công, ông hy vọng rằng sẽ giải tỏa đủ đơn vị xe tăng để tiến hành nhiệm vụ quan trọng hiện nay là khai thông QL1. Để phối hợp kế hoạch, các chỉ huy TQLC, BĐQ và KB dưới quyền ông đều được lệnh có mặt tại một phiên họp ở thành cố vào lúc 09g00 sáng hôm sau, ngày 30 tháng 4.

Về phía TQLC, do BCH tại Ái Tử đã bị pháo kích nặng nề trong ngày 29 nên Đại tá Bảo quyết định cắt nhóm chỉ huy của mình thành hai bộ phận. Ngay sau khi trời tối, anh ta di chuyển bộ phận chỉ huy “nhẹ” của mình đến rìa phía nam của căn cứ Ái Tử. Cùng đi với Bảo trong nhóm này có sĩ quan tác chiến Ban 3, thiết đoàn trưởng Thiết đoàn 11 Kỳ binh, chỉ huy pháo binh của ông ta (là người đóng vai trò điều phối viên yểm trợ hỏa lực) và hai cố vấn Hoa Kỳ, Trung tá Wagner, Lục quân, từ Thiết đoàn 20, và Thiếu tá Joy.

Joy trước đó đã chia biệt đội cố vấn lữ đoàn của mình thành hai nhóm, và vào ngày 28, ông đã cử ba cố vấn vào thành phố Quảng Trị để lập hậu cứ. Nhóm này bao gồm Đại úy Marshall Wells, người trước đó đã bị thương nhẹ và vẫn còn ốm vì một cuộc tấn công và hiện kiệt sức do nhiệt, cùng với các thiếu tá Charles Goode và Tom Gnibus.

Lúc 04g48 phút ngày 30 tháng 4, căn cứ chiến đấu Ái Tử và thành phố lại bắt đầu hứng chịu thêm một đợt tấn công dữ dội khác của pháo hạng nặng và hỏa tiễn. Các khẩu pháo của VNCH không thể làm gì để phản công áp chế các họng pháo đối phương. Ví dụ, Tiểu đoàn 33 Pháo binh có 4.000 viên đạn pháo 105 ly tại vị trí của mình nhưng chỉ có 400 ngòi nổ. Tình hình toàn khu vực cũng nghiêm trọng tương tự, vì tiểu đoàn pháo binh TQLC tại Ái Tử chỉ còn lại chưa đầy 1.000 viên đạn 105 ly. Phía bắc sông Thạch Hãn tình hình đang xấu đi nhanh chóng ngay cả khi Đại tá Bảo, Jim Joy và các chỉ huy khác leo lên hai chiếc M-113 để về Quảng Trị hợp với tư lệnh sư đoàn bàn kế hoạch ổn định trận đánh và tiến hành một cuộc triệt thoái.

Khi tất cả các chỉ huy cấp dưới đã tề tựu đông đủ, Tướng Giai giải thích kế hoạch mới để cứu thành phố Quảng Trị và khai thông quốc lộ về phía Nam. Hội nghị diễn ra căng thẳng, xúc động vì người chỉ huy thẳng thắn, thường xuyên phấn khởi, xem xét tình hình nguy cấp. Có nhiều lời chỉ trích công khai về kế hoạch của Tướng Giai. Xuyên suốt hội nghị, tư lệnh sư đoàn nhấn mạnh rằng tuyến phòng thủ mới mà ông ta định thiết lập sẽ phải giữ vững hoặc toàn bộ Tỉnh Quảng Trị sẽ bị mất vào tay quân cộng sản. Khi Tướng Giai kết thúc cuộc họp, ông nhấn mạnh rằng các đơn vị cá nhân không được rút lui hoặc di chuyển cho đến khi nhận được lệnh cụ thể từ bộ tư lệnh của ông vào sáng ngày 1 tháng Năm.

Trong khi cuộc họp đang được tổ chức, một lực lượng địch khác được báo cáo đang đóng quân ở phía tây nam Ái Tử. Nguồn của tin này là do một sĩ quan VNCH bị bắt tại Trại Carroll vào ngày 1 tháng 4, và sau khi trốn thoát, ông đã vượt qua các phòng tuyến để đến khu vực Tiểu đoàn 8. Người sĩ quan này, gần kiệt sức, báo cáo rằng đã quan sát thấy hai mươi xe tăng và một lực lượng bộ binh cỡ trung đoàn ở một vị trí tấn công ở phía tây nam Ái Tử. Vì lực lượng đông đảo của đối phương ở quá xa trong đất liền để hải quân Hoa Kỳ có thể tấn công mục tiêu, nên cần phải dựa vào không quân làm cánh tay

yểm trợ chính để đưa vị trí tấn công của Cộng quân vào tầm đạn. Làm việc với các kiểm soát viên không quân, Thiếu tá Huff đã thực hiện chuyển bay này đến chuyển bay khác đánh xuống đối phương. Các phi cơ phản lực tấn công đang ném bom quá gần tiền tuyến của TĐ8/TQLC đến nỗi binh sĩ Cộng quân đang chạy trốn bom nổ và bom cháy napalm đã lạc vào vòng ngoài của TQLC để lãnh hỏa lực vũ khí nhỏ của lính Mũ Xanh.

Trưa ngày 30, Đại Tá Bảo cho Jim Joy biết Tướng Giai đã quyết định rút khỏi căn cứ chiến đấu Ái Từ và nhiệm vụ mới của Lữ Đoàn 147 là bảo vệ thành phố Quảng Trị. Ngay lập tức, hai sĩ quan bắt đầu xây dựng kế hoạch rút lui. Đại tá Bảo giao cho sĩ quan điều hành của mình phụ trách cuộc rút lui trong khi ông và Thiếu tá Joy tiến vào thành phố để tiến hành trinh sát.

Trong quá trình trinh sát, Đại tá Bảo đã lựa chọn “hầm cạp” của Toán 19 Lục quân Hoa Kỳ bỏ lại để làm BCH mới của mình. Ngay cả khi Đại tá Bảo và người phó của ông đang ở thành phố Quảng Trị, trận chiến xung quanh Ái Từ đã đạt đến một mức độ ác liệt mới. Áp lực địch đã làm cho các Tiểu đoàn 1 và 8 phải lùi vào bên trong vòng rào phòng thủ.

Đại tá Bảo quyết định ở lại Quảng Trị và chỉ đạo ông phó trở về Ái Từ để bắt đầu chuẩn bị cho việc di chuyển đơn vị trở lại thành phố. Tuy nhiên, cố vấn Jim Joy cảm thấy bắt buộc cả vị chỉ huy lẫn ông phải đích thân trở lại Ái Từ để giám sát việc lui binh của các lữ đoàn. Đại Tá Bảo nghe theo lời đề nghị của ông ta, nhưng quyết định rằng ông ta có thể kiểm soát tốt hơn việc triệt thoái từ hầm chỉ huy mới của mình.

Nói chuyện với Thiếu tá Emmett Huff trong hầm chỉ huy Ái Từ, Thiếu tá Joy thông báo cho ông về kế hoạch và về lữ đoàn phó, thay vì Đại tá Bảo, đang quay lại để lệnh cho bốn tiểu đoàn trưởng về kế hoạch rút lui. Về sau, Thiếu tá Joy ghi nhận, “Các sĩ quan lữ đoàn vào thời điểm này trên thực tế đang hoạt động dưới sự chỉ đạo của Thiếu tá Huff. Chỉ huy trưởng lữ đoàn, chỉ huy phó và sĩ quan phụ trách tham mưu đều vắng mặt tại BCH.”

Khi đang trên đường quay lại Ái Từ, chiếc xe jeep của lữ

đoàn phó bị trúng đạn pháo của địch và người lái xe của ông bị giết. Ông phó may mắn sống sót sau vụ nổ mà không bị thương. Bây giờ, không có phương tiện di chuyển, ông ta đã điện thoại cho các tiểu đoàn trưởng và sĩ quan điều hành của tiểu đoàn pháo binh đến gặp anh ta ở lối vào phía nam của căn cứ chiến đấu nơi chiếc jeep của anh ta đã bị phá hủy.

Sau khi lữ đoàn phó rời Quảng Trị, Đại tá Bảo được gọi trở lại BTL SĐ3/BB và nhận lệnh phải cho Lữ đoàn 147 bắt đầu rút quân ngay lập tức. Một báo cáo tình báo mới cho biết rằng một cuộc tấn công quy mô cấp sư đoàn vào thành phố Quảng Trị đã được dự kiến trong đêm. Sử dụng máy truyền tin bảo mật của cố vấn, Đại tá Bảo chuyển thông tin mới này cho Thiếu tá Huff, người lần lượt thông báo lại cho chỉ huy phó về tình hình khẩn cấp mới được bổ sung cho việc rút lui của lữ đoàn.

Sự thay đổi đột ngột trong kế hoạch rút quân là quá tải đối với các sĩ quan và nhân viên VNCH trong hầm chỉ huy. Sự đột ngột này chẳng khác việc SĐ3 rút về cố thành. Đại úy Xuân bắt đầu yêu cầu các cố vấn rời khỏi điện đài và thiết bị của họ và ngay lập tức di chuyển đến vị trí của lữ đoàn phó. Thiếu tá Huff từ chối, nói rằng, “Tôi sẽ không rời đi cho đến khi nào các thiết bị vô tuyến an toàn và tài liệu được phân loại bị phá hủy.” Ông đại úy, bối rối trước sự kiên định của ông Huff, đã phải quay lui quay tới hầm chỉ huy nhiều lần nữa, để yêu cầu các cố vấn làm theo lời ông ta. Với việc pháo binh đang tấn công khu vực, sự kiên trì của Emmett Huff – một kẻ chào đời ở Texas – vượt nổi lên hàng đầu khi ông xác định một cách có phương pháp và tỉ mỉ cũng như tính toán tất cả các hồ sơ nhạy cảm và sau đó nhìn thấy chúng được chất thành đống ở một góc hầm. Làm xong việc này, ông Huff, đại úy Skip Kruger, và đại úy Guernsey bắt đầu kéo các chốt trên lựu đạn cháy, đặt chúng lọt vào giữa các vật liệu xếp chồng lên nhau. Khi họ chắc chắn rằng ngọn lửa đã bắt đầu đốt cháy những hồ sơ nhạy cảm và những tấm gỗ nặng của hầm chỉ huy đang bốc cháy, họ mới khoác ba lô và rời đi. Huff là người cuối cùng bước ra. Ông nhìn lần cuối quanh hầm đang cháy để chắc chắn rằng kẻ thù không còn lấy được gì giá

trị. Khói đen cuộn cuộn ngoài lối vào phía nam. Hàm đã từng là nơi trú ẩn an toàn cho nhiều cố vấn Hoa Kỳ trong tháng đầu tiên của cuộc tấn công của Cộng quân. Nó đã phục vụ tốt mục đích của nó.

Bên ngoài căn hầm đang cháy, Huff đã hoàn tất kế hoạch triệt tiêu của mình khi ông ta yêu cầu hải pháo của hải quân từ tất cả các loại súng hiện có cùng nhắm vào căn cứ Ái Tử, hầm chỉ huy và một số thùng nhiên liệu còn lại gần đó. Một lần nữa, các chiến hạm Mỹ ở ngoài khơi đáp trả, dựng một bức tường thép gần như kiên cố bằng đạn của các khẩu pháo 127 ly giữa quân Bắc Việt đang tiến lên, và các cố vấn.

Vào thời điểm Huff và Kruger đã hoàn thành nhiệm vụ của mình và nắm chắc rằng ngọn lửa sẽ bao trùm hầm chỉ huy, ông lữ đoàn phó và nhân viên lữ đoàn đã khởi hành. Riêng ba vị cố vấn đồng hành với Tiểu đoàn 4 ở góc đông nam vành đai phòng thủ Ái Tử.

Kế hoạch rút lui và tái định vị của Đại tá Bào ra lệnh bộ chỉ huy lữ đoàn và tiểu đoàn pháo binh xuất phát trước, tiếp theo là các Tiểu đoàn 1 và 8, với Tiểu đoàn 4 làm hậu cứ. Cuộc rút lui được thực hiện suôn sẻ dưới làn đạn pháo bắn tới. Khi các phần tử dẫn đầu của lữ đoàn tiến đến trong tầm nhìn của thành phố, công binh VNCH, những người đã lùi vào thành phố, đã sớm phá hủy cây cầu cuối cùng còn sử dụng được. Với sự thận trọng, TQLC tiếp tục cuộc hành quân đến bờ tây, chỉ nhìn thấy vài nhíp dầm sắt xoắn còn sót lại của cây cầu gãy gọn sóng trên dòng sông Thạch Hãn đang chảy xiết bên dưới.

Trong lúc tuyệt vọng, vị chỉ huy tiểu đoàn pháo binh đã định vượt sông bằng xe tải của mình nhưng không thành công. Không có cách nào để vượt qua bằng xe tải và mười tám xe kéo pháo, lính pháo binh bắt đầu rải vũ khí của mình, tháo bỏ cơ bả súng, bắn vỡ lốp xe và đốt cháy xe. Khi các tiểu đoàn TQLC đang rút lui tiến vào tới, trên những cây cầu bị phá hủy, hơn một trăm xe cộ đã bốc cháy.

Di chuyển xuống khu vực lợi sông cũ, gần 2.000 lính thủy đánh bộ bắt đầu vượt sông. Hầu hết cố gắng đi bộ ra khu vực nông nhất, sau đó sẽ bơi khoảng 50 thước trước khi họ có thể

chạm đáy một lần nữa. Những chiếc thuyền tam bản và mọi thiết bị nổi khác đều đã được trưng dụng. Những tấm nệm hơi còn sót lại nhanh chóng trở thành bè cho thương binh hoặc điện đài. Nhiều ba lô bị bỏ lại ở bờ bắc nhưng hầu hết lính thủy quân lục chiến đều giữ súng đạn cá nhân của mình khi phải vật lộn với dòng chảy của con sông. Một số ít đã bị chết đuối; điều ấy không thể tránh khỏi.

Hậu cứ của Tiểu đoàn 4 trấn giữ bờ bắc cho đến khi lữ đoàn qua sông xong mới tiến hành vượt sông. Thiếu tá Huff tiếp tục phối hợp các cuộc không kích và hải pháo cho đến khi thời điểm vượt sông của riêng ông ấy đến gần. Ba ông cố vắn đều cao ngót 2 mét, vì vậy bằng cách di chuyển chậm và đứng yên trên con sông ngập nước, nước chỉ cao đến cổ khi họ từ từ băng qua sông.

Khi họ đã đặt máy bộ đàm và vũ khí của mình trên một tấm đệm hơi và đang ở nơi sâu nhất của con sông thì một lính TQLC bất ngờ túm lấy Đại úy Kruger và leo lên vai ông ta. Kruger, đầu đội nón sắt và khoác áo giáp chống đạn cũng như đang mang thắt lưng đạn súng trường, đã hụt bước và ngã xuống. May mắn thay, anh đã đưa tay chụp lấy chiếc điện thoại vô tuyến và giữ nó khi dây ống nói kéo dài hết cỡ mà không bị đứt. Emmett Huff, tay giữ chặt điện đài, đã có thể kéo hai TQLC trở lại vị trí an toàn bằng cách kéo sợi dây cáp của ống nói cầm tay. Do đó, ba cố vấn là những người cuối cùng từ dưới nước lên bờ nam con sông.

Quyết định tuyệt vọng của lữ đoàn là bơi qua sông Thạch Hãn – nhưng lại là một trường hợp khác của sự bối rối và thiệt hại không đáng có về nhân mạng và trang thiết bị vì SĐ3 không phối hợp được các đơn vị của mình. Qua tất cả những điều này, mô hình làm việc của SĐ3 vẫn không thay đổi và không phù hợp với thực tế vì mệnh lệnh cứ được đưa ra thường xuyên, thường là phản lệnh ngay lập tức và luôn được cho là sẽ được các đơn vị cấp dưới thực hiện ngay lập tức.

Chưa bao giờ có một nỗ lực tận cùng nào từ đội ngũ cán bộ sư đoàn khi dân thân vào các vị trí chiến đấu phía trước để giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các mệnh lệnh chiến thuật của

sư đoàn trong tình trạng khó khăn. Tôi nhận ra điều này trong một trong những chuyến bay đáng nhớ vào thành cổ Quảng Trị vào ngày 26 hoặc 27 tháng 4. Tôi đã tham quan hầm chi huy hành quân của SĐ3 và sau đó đi ngang qua khu nhà đến hầm của cố vấn, Trung tâm Điều phối Yểm trợ Hành quân. Đáng buồn thay, hai trung tâm điều phối quan trọng này vẫn bị tách rời. Vào thời điểm chỉ vài giây để xác định khi nào các nhiệm vụ pháo binh, súng hải quân hoặc một loạt bom của máy bay có thể được thả – các sĩ quan vẫn phải chạy qua chạy lại giữa các trung tâm để cho phép Hoa Kỳ khai hỏa vào các mục tiêu của đối phương. Thường xuyên hơn thế, cả pháo binh, hải pháo hoặc phi pháo đều “tạm dừng” và không ai được bắn vào quân đội Bắc Việt. Sau một tháng chiến đấu đặc biệt căng thẳng, hai trung tâm phối hợp vẫn hoạt động kém hiệu quả. Có một cảm giác thất vọng hoàn toàn giữa các nhân viên pháo của Lục quân, Không quân và Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ. Họ muốn cung cấp sự hỗ trợ tốt hơn, nhưng vì một sai sót trong guồng máy lãnh đạo của đội hình, điều đó đã chẳng bao giờ xảy ra.

Đến chạng vạng ngày 30, quân xâm lược Bắc Việt đã kiểm soát toàn bộ phần lãnh thổ tỉnh Quảng Trị ở phía bắc thành phố. Tất cả các thông tin tình báo đều báo động rằng một cuộc tấn công lớn khác sắp xảy ra.

Di tản khỏi thủ phủ của tỉnh

Trong đêm 30 tháng 4, tình hình xung quanh tỉnh lỵ càng xấu đi khi địch gia tăng pháo kích, đánh phá bừa bãi các mục tiêu dân sự và quân sự. Với lính Bắc Việt chỉ cách 500 mét trên bờ bắc sông Thạch Hãn, 8.000 đến 10.000 dân thường còn lại ở trong thành phố thủ phủ đang trong tình trạng hoảng loạn hàng loạt vì dường như không có nơi nào an toàn để trốn khỏi cuộc chiến.

Các cố vấn Hoa Kỳ tại BTL SĐ3 tiếp tục yêu cầu và điều động việc chia lửa cho họ vào các vị trí của kẻ thù xung quanh thành phố. Thiếu tá Jimmy Davis, Jr., cố vấn Ban 3 của Toán 155, đã thực hiện một cách khéo léo các nhiệm vụ tác chiến của mình, kết hợp một loạt các hoạt động yểm trợ của không quân và hải quân Hoa Kỳ. Thiếu tá Dave Brookbank vẫn nhiệt thành mong muốn cung cấp cho VNCH tất cả các hỗ trợ không quân có thể. Dave đã cùng với đội liên lạc không yểm của ông đã điều hợp hơn 200 phi tuần không tập mỗi ngày.

Khi chu vi phòng thủ của VNCH tiếp tục bị thu hẹp, mọi vấn đề về phối hợp yểm trợ hỏa lực càng gia tăng do các vị trí pháo binh của VNCH liên tục thay đổi. Không bao giờ chắc chắn được súng của họ khai hỏa khi nào hoặc theo hướng nào. Tâm cao của đường đạn đạo của những quả đạn pháo này thường gây nguy hiểm cho các phi công Mỹ vì máy bay đã hơn một lần bay qua một tầm đạn pháo “của quân bạn”.

Những nỗ lực của dàn tàu chiến vũ trang không lộ hỗ trợ hỏa lực bằng hải pháo đã được điều phối bởi Thiếu tá Glen Golden. Vào giữa tháng 4, anh đã được điều động đến chiến trường Quảng Trị vì đã chứng minh được khả năng chuyên môn của mình trong việc phối hợp tất cả các loại hỏa lực yểm trợ. Ngay lập tức, Glen và Dave đã trở thành vô giá đối với Toán cố vấn 155 và, vô tình, hai người Mỹ này đóng một vai trò quan trọng khác trong cuộc tấn công mùa Phục sinh.

Suốt đêm nay, thành phố Quảng Trị chìm trong ánh sáng hỏa châu. Các tàu ngoài khơi, các khẩu đội pháo và máy bay rải hàng trăm quả pháo sáng dù. Trên những bức tường cổ của cố thành, những bóng đen kỳ quái nhấp nháy và nhảy múa khi bầu trời phía trên được lấp đầy bởi ánh sáng nhân tạo để lộ ra kẻ thù đang tiến quân.

Ngay trước bình minh ngày 1 tháng 5, Tướng Lãm gọi điện cho Tướng Giai và nói rằng ông không chấp thuận kế hoạch rút quân mới nhất. Ông ta ra lệnh cho Giai rằng tất cả các đơn vị phải giữ vị trí hiện tại của họ “bằng mọi giá” và không được rút lui trừ khi được đích thân ông ta chấp thuận. “Thủ phủ

của tình phải được giữ bằng tất cả mọi giá.”

Cái phản lệnh của Tướng Lãm chỉ là sự nhắc lại chi thị vừa nhận được từ Tổng thống Thiệu ở Sài Gòn chứ không phải là những phản ánh tinh táo của một vị chỉ huy đã phân tích tình hình chiến thuật. Nhận lệnh, Giai cố gắng làm ngược lại các mệnh lệnh trước đó của mình một cách vô ích, bằng cách phát đi những lệnh mới trên các kênh vô tuyến của tư lệnh sư đoàn nhưng đã quá muộn. Một số đơn vị đã di chuyển ra ngoài để truy quét địch dọc theo QL1. Những đơn vị khác chỉ đơn giản là không chấp hành mệnh lệnh mới; từng đơn vị VNCH lần lượt rút khỏi vị trí dọc sông Thạch Hãn, về phía đông thành phố, và bắt đầu di chuyển xuống phía nam.

Sau khi vượt sông và tập hợp lại, LĐ147/TQLC vẫn ở trong các vị trí phòng thủ mới xung quanh thành phố trong khi các đơn vị VNCH khác ở phía đông và tây thủ phủ đang rút lui hoàn toàn về phía nam. Điều này khiến lữ đoàn TQLC, các thành phần chỉ huy của Sư đoàn 3, và các thành viên của Toán cố vấn 155 Hoa Kỳ trở thành những đơn vị tiền tuyến hiệu quả duy nhất. Với lực lượng ít ỏi này, các cố vấn Hoa Kỳ vẫn tiếp tục phối hợp không quân và hải quân nã đạn vào các vị trí của đối phương để bảo vệ thành phố nhưng với quá ít hỗ trợ chiến đấu trên bộ, vị trí của họ nhanh chóng trở nên dễ bị xâm phạm.

Các cố vấn trong cố thành bắt đầu lên những kế hoạch cuối cùng cho việc di tản. Khoảng 10g00, Đại tá Murdock đã gặp phó cố vấn cấp cao của đội, Trung tá William E. Lozier. Ông đã cùng Thiếu tá Davis và Golden thảo luận tình hình với Murdock khi Lozier chủ trì điều phối kế hoạch sơ tán. Họ quyết định thử một phi vụ trực thăng của Không quân Hoa Kỳ vì tình hình đã xấu đi trên QL1. Ông ta chia người Mỹ thành ba đội và cũng lập một kế hoạch trừ bị để thay thế, nếu phi vụ trực thăng không thành công.

Khắp thành cổ, tin đồn lan tràn rằng Cộng quân sắp mở một cuộc tấn công bằng pháo lớn vào thành phố Quảng Trị. Đại tá Bảo và Jim Joy quay lại sở chỉ huy sư đoàn để họp bàn với Tướng Giai. Khi đang ở đó, Giai cho biết các nguồn tin tình báo

đã tiết lộ rằng Cộng quân sẽ bắt đầu một cuộc tấn công bằng 10.000 quả pháo vào thành phố Quảng Trị lúc 17g00. Rời khỏi khung cảnh âm đạm, hai ông TQLC trở về vị trí của lữ đoàn và bắt đầu thu xếp những gì còn có thể.

Tới 12g00, ông Giai tuyên bố tình hình vô vọng; thành phố không thể giữ được trong hoàn cảnh hiện tại. Ngay sau đó hai chiếc bọ thép M-113 của VNCH tiến vào thành cổ. Ngay lập tức, Giai và khoảng 25 sĩ quan tham mưu cao cấp nhất của mình leo lên nóc xe bắt đầu tẩu thoát về hướng sông Mỹ Chánh. Sự ra đi đột ngột này khiến khoảng tám mươi người Mỹ đơn độc trong thành cổ hy vọng được di tản bằng trực thăng một cách tuyệt vọng. Dave Brookbank và Glen Golden đã khéo léo lên kế hoạch cho các trái đạn hải và không pháo yểm trợ cho họ bao bọc xung quanh thành cổ để “tử thủ”.

Vào lúc 14g00, hai chiếc M-113 chở Tướng Giai và các nhân viên của ông quay về lại thành cổ. Hóa ra sau khi rời thành phố, hai chiếc xe của họ đã bị một đơn vị Cộng quân phát giác và tấn công khoảng hơn cây số về phía nam. Với lối thoát bị chặn, họ buộc phải quay trở lại phía bắc để đến nơi an toàn là thành cổ. Khi đến nơi, Giai yêu cầu cố vấn Mỹ điều thêm máy bay trực thăng để cứu nhân viên của mình.

Vào lúc 14g20, Trung tâm I Không trợ Trực tiếp ở Huế đã chuyển một lời nhắn đã mã hóa đến Dave Brookbank ghi sẵn một tập hợp các tọa độ để di tản bằng trực thăng. Bãi đáp dự định cách thành cổ 1.000m về phía nam. Tuy nhiên, để đến được vị trí đó, người Mỹ sẽ phải chiến đấu theo đường rút ra khỏi thành cổ để đến điểm đón. Murdock bèn chỉ đạo rằng điểm hạ cánh của trực thăng phải được đổi thành bãi đáp trực thăng bên trong cổ thành.

Với phương án được thiết lập cho việc di tản, Brookbank liên lạc với ba điều hợp viên hàng không xung quanh thành phố để bao quát việc chuyển quân của LĐ147 về phía nam. Lúc 15g00, mỗi điều hợp viên được chia bốn chuyến bay máy bay để sử dụng khi thấy phù hợp để tấn công các mục tiêu của đối phương trong khi các máy bay trực thăng cứu hộ Jolly Green⁵⁵

(55) - Tên gọi của dòng trực thăng Sikorsky MH-53 Pave Low – loại máy bay trực thăng hoạt động đặc biệt tầm xa và chiến đấu tìm kiếm cứu nạn. Dòng máy bay này tuy hữu hiệu trong chiến tranh Việt Nam, nhưng Không quân Hoa Kỳ đã cho nghỉ hưu vào tháng 9/2008.

của Không quân Hoa Kỳ bắt đầu những cuộc tiếp cận cuối cùng vào thành cổ. Tốp trực thăng này bắt đầu được hộ tống và bảo vệ bởi những chiếc Phantom F4 từ lúc 15g30.

Trong nội thành, công tác chuẩn bị cho cuộc di tản tiếp tục diễn ra với tốc độ nhanh chóng khi các cố vấn tiếp tục đốt vật liệu và hồ sơ đã được phân loại và phá hủy càng nhiều thiết bị càng tốt. Lúc 15g20 phút, máy phát điện bị nổ tung. Vẫn chưa chắc chắn về việc giải cứu, các cố vấn bắt đầu nghe thấy tiếng vũ khí nhỏ ngày càng tăng từ phía bên ngoài các bức tường thành. Tất cả xung quanh họ là thành phố chìm ngập trong biển lửa. Không thể làm gì khác ngoài chờ đợi và cảnh giác.

Vào lúc 16g00, máy phát thanh của Brookbank trở nên sống động với một thông điệp vô tuyến rằng tàu Jolly Greens đang trên đường đến. Lúc 16g15 phút chiếc trực thăng đầu tiên được nhìn thấy bay đến ở trần mây thấp. Các máy bay hộ tống A-1 đang bay kiểu thông thường của chúng xung quanh trực thăng.

Cuối cùng, vào lúc 16g30, chiếc trực thăng dẫn đầu, mang số hiệu Jolly Green 71, đáp xuống. Tướng Giai, một số nhân viên của ông và một số cố vấn vội vã lên tàu. Lúc 16g32 phút chiếc trực thăng cất cánh với ba mươi bảy hành khách. Chiếc máy bay cứu hộ thứ hai, Jolly Green 65, hạ cánh, đón bốn mươi bảy hành khách và cất cánh chỉ sau hai hoặc ba phút. Chiếc Jolly Green thứ ba theo sau để sơ tán 45 nhân viên còn lại. Đại tá Murdock và Thiếu tá Golden là những người cuối cùng bước lên tàu. Một chiếc trực thăng thứ tư cũng đã hạ cánh, nhưng lại cất cánh sau 30 giây, khi phi công phát hiện ra tất cả mọi người đều đã lên được 3 chuyến tàu trước. Nhiệm vụ di tản của Không quân đã thành công với 129 người. Chỉ trong chốc lát, họ đã được cứu và bay đến Đà Nẵng an toàn. Brookbank đã làm bản tổng kết tốt nhất về kinh nghiệm của các cố vấn đã bị bao vây trong thành cổ:

Thành phố đã bị cắt đứt và cô lập. Pháo binh hạng nặng và chiến xa của Cộng quân đã tạo ra sức tàn phá tối đa bằng cách chia cắt một số lực lượng VNCH và gây hoang sợ cho những người khác. Các điều hợp viên của Hoa Kỳ được sử dụng hiệu quả hơn trong khi pháo binh VNCH dần mất hết giá trị. Nhiều lực lượng VNCH đã

cầm cự trong khi những người khác tan vỡ và bỏ chạy. TQLC VNCH không bao giờ mất hiệu quả chiến đấu và phải được lệnh rút lui nhiều lần để bịt các khoảng trống trên phòng tuyến. Cuối cùng, Lữ đoàn thủy quân lục chiến 147, Lữ đoàn thủy quân lục chiến 258 và Thiết đoàn 20 Kỵ Binh, nhờ họ không ngừng chiến đấu và vẫn hoạt động hiệu quả, đã cho phép các cố vấn Hoa Kỳ, cô lập thành cô, để di tản.

Khi khói của thành phố bốc cháy cuộn cuộn quanh họ và trực thăng biến mất về phía nam, Cộng quân đã đạt được mục tiêu đầu tiên, chiếm được tỉnh lỵ Quảng Trị. Trước hoàng hôn của ngày hôm đó, người ta thấy những lá cờ Bắc Việt tung bay trên cô thành.

Đọc tuyên Mỹ Chánh, Lữ đoàn 369 chẳng hề nhàn rỗi. Lực lượng hơn 3.000 TQLC của Đại Tá Phạm Văn Chung ban đầu được giao một khu vực trách nhiệm kéo dài sâu vào vùng núi phía tây và bắc sông Mỹ Chánh để giao chiến với một toán biệt động ở phía nam La Vang. Bên trong khu vực trách nhiệm của lữ đoàn là các căn cứ hỏa lực Jane, Nancy và Barbara và khu rừng Hải Lăng nhiều cây cối ở vùng núi phía tây, một khu vực hiểm trở từng là nơi trú đóng của quân Việt Cộng và Bắc quân. Quốc lộ 1 đi qua trung tâm khu vực trách nhiệm của lữ đoàn và là đường tiếp tế chính của SĐ3 cho tỉnh Quảng Trị.

Cũng như nhiều sĩ quan TQLC cao cấp khác, Đại Tá Chung sinh ra ở Bắc Việt và di cư vào nam khi Pháp rút quân. Là người miền bắc, anh ta có thân hình to hơn và nặng hơn hầu hết các đồng nghiệp miền Nam Việt Nam. Ông Chung không chỉ là vị chỉ huy Thủy quân Lục chiến cao cấp nhất mà còn là người có nhiều kinh nghiệm chiến đấu nhất. Là một người có kỷ luật vững vàng, ông cũng được biết đến với sự nhạy cảm với hoàn cảnh của những thường dân bất lực bị cuốn vào các cuộc chiến tranh Đông Dương.

Trong suốt đầu tháng 4, các Tiểu đoàn 2, 5 và 9 của ông đã đánh một loạt các trận trong khi trọng tâm chiến đấu vẫn là các đơn vị phòng thủ khu vực Đông Hà-Cam Lộ. Vào thời điểm đó, cố vấn Hoa Kỳ cấp cao của Chung là Thiếu tá TQLC Robert Sheridan. Họ đã trở thành một cặp không thể tách rời. Sau đó,

nhớ lại các chiến thuật cảnh giác của Chung để né tránh pháo tầm xa của kẻ thù trong tháng Tư, ông Sheridan nói:

Không đơn vị nào được phép ở lại một địa điểm lâu hơn 36 giờ. Trong tháng Tư, chúng tôi đã di dời bộ chỉ huy của mình hai mươi một lần. Các khẩu đội pháo binh của chúng tôi, vốn là mục tiêu chính của hỏa lực địch, phải di dời thường xuyên hơn. Trong khoảng thời gian 24 giờ gần cuối tháng 4, tiểu đoàn pháo binh của chúng tôi phải di chuyển bốn lần và một khẩu đội của nó phải di chuyển sáu lần. Bất chấp việc di dời nhiều như vậy, các tiểu đoàn bộ binh của chúng tôi không bao giờ thiếu pháo yểm trợ khi cần.

Vào giữa tháng 4, cuộc chiến tại khu vực trách nhiệm của Lữ đoàn 369 gia tăng nhịp độ khi Cộng quân bắt đầu tung ra các cuộc tấn công quy mô cấp tiểu đoàn nhằm cắt đứt QL1. Trên Căn cứ Hòa lực Barbara, TĐ2/TQLC đã phải hứng chịu những đợt pháo cực mạnh. Trong một khoảng thời gian dài mười hai tiếng đồng hồ, vị trí của tiểu đoàn đã bị cắt đôi trong một cuộc tấn công bằng “làn sóng biển người” của Cộng quân. Tuy nhiên, bất chấp áp lực nặng nề của đối phương, Tiểu đoàn 2, với Thiếu tá Bill Sweeney và Đại úy Merl Sexton, đã trấn giữ thành công các ngọn đồi chiếm ưu thế và nhìn bao quát QL1 và cầu Mỹ Chánh. Do đó, lữ đoàn TQLC của Chung đã liên tục chạm trán với lực lượng Cộng quân kể từ khi họ đến vào ngày 3 tháng 4.

Khoảng giữa buổi sáng ngày 29 tháng 4, các đại úy George Philips và Bob Redlin lái xe jeep vào phạm vi BCH Lữ đoàn 369 và gặp Thiếu tá Sheridan. Nhận xét đầu tiên của Philips là, “Chúa ơi, bạn có nhìn thấy con đường không? Có hàng ngàn người từ Quảng Trị đi dọc đường quốc lộ. Bạn có thể thấy cả phía bắc lẫn phía nam con đường chật ních người tị nạn.”

Chung cũng vừa mới nhận thức được những gì đang xảy ra ở phía đông BCH của mình và tự mình đi xem tình hình. Sheridan và các cố vấn khác theo Chung đến một bãi đất trống ở rìa làng, nơi họ có thể nhìn thấy con đường. Về sau Sheridan đã ghi lại:

George Philips đã không ước lượng quá cao. Đúng là có hàng nghìn người đang di chuyển về phía nam. Không có bất kỳ người lính nào trong nhóm này; chỉ những người rất già, rất trẻ, người bệnh, người mù, người bị thương. Phụ nữ thì có ít tài sản của họ trong một chiếc thùng được cân bằng với đầu bên kia của một chiếc đòn gánh mang theo trẻ sơ sinh của họ. Thủy quân Lục chiến cho họ thức ăn, nước uống, tiền bạc. Sự hào phóng không thể làm giảm bớt sự đau khổ của người dân vì số lượng của họ quá lớn.

Dòng người tiếp tục trong nhiều giờ. Khoảng giữa ngày, pháo binh Cộng quân lại xả súng vào đoàn người. Vào ban đêm, những người tị nạn di chuyển qua vị trí của TQLC. Vào khoảng 21g00, đoàn người tị nạn, ngoại trừ một vài người đi lạc, đột ngột kết thúc. Ông Chung ngay sau đó được biết lý do của sự thay đổi đột ngột này là do Bắc Việt đã thành công trong việc cắt đứt Quốc lộ 1 phía Nam thành phố Quảng Trị. Rõ ràng cây cầu bắc qua sông Nhung do một đơn vị biệt động VNCH trấn giữ đã bị chiếm. Như thế, các thành phần của SĐ3 do đó bị cô lập ở vị trí 8 km về phía bắc của sông Mỹ Chánh.

Ngay sau nửa đêm, Lữ đoàn 369 nhận được lệnh di chuyển lên phía bắc để liên kết với BĐQ nhằm cố gắng mở lại đường quốc lộ. Chung giao nhiệm vụ này cùng với nhiệm vụ khác tấn công về phía bắc lúc rạng sáng cho Tiểu đoàn 5 của mình do Thiếu tá Lick chỉ huy. Thiếu tá Don Price, cố vấn cao cấp của tiểu đoàn, di chuyển cùng nhóm chỉ huy Alpha. Ban đầu sự di chuyển của các đại đội bộ binh của tiểu đoàn chỉ gặp sự kháng cự nhẹ, chủ yếu là lính bắn tỉa ở phía tây con đường. Tuy nhiên, sau khi vượt sông Ô Khê, các phần tử tiền sát đã bị hỏa lực nặng nề từ một pháo đài kiểu tam giác cũ do người Pháp xây dựng vào những năm 1950. Thủy quân Lục chiến đã không bắn trả trận hỏa lực này vì họ tin rằng lực lượng cố thù là một đơn vị ĐPQ, nên dừng tạm đội hình lại.

Cả hai thiếu tá Lick và Price đều báo cáo tình hình qua các kênh radio của họ cho lữ đoàn. Khi Chung nói chuyện trên vô tuyến xong, ông ta bước tới Sheridan và hỏi “Anh có sẵn chuyển không yểm nào không?» Sheridan vừa nhận được báo

cáo vô tuyến của Price và không chắc liệu người đồng sự của ông ta có được thông báo rằng máy bay oanh kích có thể bắn nhằm vào Thủy quân Lục chiến hay không.

Câu trả lời của Chung ngắn gọn và rõ ràng. “Lực lượng ĐPQ không đòi nào bắn vào Thủy quân Lục chiến. Đây là VC. Xin vui lòng yêu cầu không tập.” Sheridan ngay sau đó đã yêu cầu qua vô tuyến. Một điều hợp viên được chọn và Price được chỉ định điều khiển chuyển bay để phá hủy pháo đài. Ông nhanh chóng thông báo cho điều hợp viên về tình hình và vị trí của Thủy quân Lục chiến. Sau đó, mười phi xuất của máy bay ném bom và một cuộc tấn công bằng máy bay C-130 Spectre của Không quân Hoa Kỳ đã được tiến hành vào pháo đài với hiệu ứng tàn khốc. Tiếp theo, Tiểu đoàn 5 tấn công vào vị trí và sau đó đếm được 234 xác — tất cả đều mặc quân phục Cộng quân, một phần của Trung đoàn 27 tinh nhuệ. Các tù binh VC bị thương sau đó đã kể lại việc trung đoàn của họ đã chiếm được pháo đài vào đêm hôm trước, sau khi nó được giao nhiệm vụ cho một đơn vị ĐPQ nhưng lại bị bỏ rơi.

Hành động này của TĐ5/TQLC đã giải tỏa phần lớn địch quân tại đoạn ấy của QL1 và đơn vị tiến về phía trước theo lịch trình liên kết với biệt động và xe tăng đã được lệnh di chuyển xuống quốc lộ từ phía bắc. Đến một cây cầu khác, TQLC đã gặp và vượt qua một lực lượng CSBV cỡ trung đội, và đặt trong một vòng vây an toàn 360° trong khi họ chờ đợi sự xuất hiện của phía biệt động. Tám giờ sau, khi mặt trời lặn, vẫn không có liên kết nào được thực hiện. Với phòng tuyến trải quá rộng, cần được tiếp tế và lo cho thương binh từ sĩ, TĐ5 bắt buộc phải rút về các vị trí dọc sông Ô Khê. Việc này khiến hai mũi quân VNCH trên quốc lộ bị cách nhau khoảng 5 km, với quân Bắc Việt xen ở giữa họ.

Vào sáng ngày 30 tháng 4, Lữ đoàn 1 KB đã cố gắng mở lại Quốc lộ 1 đến Mỹ Chánh nhưng gặp phải sự kháng cự nặng nề và chỉ đạt được kết quả hạn chế. Lữ đoàn trước hết tìm cách phá chốt chặn đường lớn của địch bằng cách chiếm lại cây cầu bắc qua sông Nhung. Chạy ra khỏi dãy Trường Sơn, sông quá sâu không thể qua được, do đó cầu sông Nhung trở nên quan

trọng đối với sự sống còn của các đơn vị còn lại của SĐ3. Đến giữa buổi chiều, xa lộ vẫn chưa được mở và các đơn vị VNCH khác đang chạy trốn về phía nam đã án binh bất động do chốt chặn của địch. Kỵ binh được lệnh dẫn đầu cuộc tấn công để khai thông quốc lộ. Cuộc tấn công này đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt khi Cộng quân đáp trả bằng súng trường không giật, súng cối và vũ khí cỡ nhỏ. Cuối cùng, vị trí địch đã bị tràn ngập và bộ chỉ huy LĐ1/KB tiến lên đánh giá tình hình. Người ta phát hiện ra rằng cây cầu đã bị chặn bởi xe cộ đốt cháy ở cả hai lối vào và bởi một số phương tiện trên cầu. Trong khi các phương tiện phục hồi đang được đưa về phía trước để dọn cầu, Cộng quân bắt đầu bắn hỏa tiễn chống tăng AT-3 Sagger vào phía xe pháo VNCH đang in bóng trên mặt đường quốc lộ trên cao. Pháo binh địch cũng bắt đầu nổ vào binh sĩ và phương tiện đang tập kết nhằm diệt điểm hiểm yếu này ở phía nam tỉnh lỵ.

Tình hình càng trở nên nguy ngập hơn khi các nỗ lực trấn áp hỏa lực của địch không có hiệu quả và pháo địch tăng cường tấn công vào hàng loạt người và phương tiện bị ách tắc. Giữa bãi cát nằm dọc hai bên đường quốc lộ, không thể tìm thấy nơi nào an toàn trong khi bối rối và hoang sợ xảy ra. Cuộc di tản đã bị khựng lại. Trong một số trường hợp, các khẩu pháo trong đoàn người đã bị bỏ rơi trong khi một số lượng lớn người tị nạn và binh lính ừa chạy lên phía bắc, rồi xuống phía nam dọc theo quốc lộ, tìm mọi cách để tránh pháo địch.

Hàng trăm tàn binh VNCH tràn ngập lòng đường. Hàng trăm người khác chạy bừa qua các bãi trống và cồn cát. Khi làn sóng những người vô tổ chức tìm cách chạy trốn và bị chặn lại bởi các rào cản của đối phương, họ đã bung ra mọi hướng để thoát khỏi các loạt đạn pháo và súng cối. Những người phía sau của đoàn người, lúc này kéo dài nhiều cây số, do không hiểu tại sao những nỗ lực thoát thân của họ đã bị dừng lại nên cứ tiếp tục dồn đẩy về phía trước. Trong một trăm thước bề ngang ở mỗi bên của QL1, người tị nạn và binh sĩ đào ngũ cuồn cuộn chạy trốn giữa những chiếc xe đang bốc cháy, chạy băng qua các gia đình đang tụ tập, những người đã chết và đang chết dần

chết mòn, giữa hàng đống đồ dùng cá nhân và vũ khí bị vứt bỏ.

Tác giả Arnold R. Isaacs đã đi bằng xe jeep qua đoạn đường quốc lộ kinh hoàng này trong tháng Bảy. Anh ta bị choáng ngợp bởi phạm vi của thảm kịch, và ghi lại:

Khi bắt đầu cuộc phản công, lính Dù của miền Nam Việt Nam đã chứng kiến một trong những cảnh tượng kinh hoàng nhất của toàn bộ cuộc chiến: tàn tích của một đoàn xe không lồ gồm những người lính và người tị nạn đã bị mắc kẹt ở phía bên này của cây cầu bị thổi bay và bị phá hủy trong chuyến đào thoát ra khỏi tỉnh. Trên chiều dài nhiều cây số, xe cộ tan nát nằm thành một dòng gần như liên tục ở cả hai bên đường. Đi về phía bắc với một chiếc jeep của phóng viên khác một vài ngày sau khi các lính dù vượt sông, tôi đếm được hơn 400 xác xe cộ trong 3 km đầu tiên, rồi tôi ngừng không đếm nữa rất lâu trước khi chúng tôi đến phần kết thúc của sự tàn phá. Những chiếc xe tải nhà binh, bạt của chúng bị đốt cháy hoặc bắn nát, nằm trơ với khung sườn nhô lên như những bộ xương của loài khủng long. Lẫn lộn trong số đó có rất nhiều xe cộ dân sự: xe đồ với các tấm bên hông bị mảnh pháo và các lỗ đạn phá nát; xe máy bị cong, gãy; xe Lam nát bươm; những chiếc xe hơi gia đình cháy đen với những chiếc đèn pha hắt tung ra ngoài trông như hóc mắt của đầu lâu con người.

Mặc dù binh lính chính phủ đã kiếm được hàng trăm thi thể, nhưng nhiều xe cộ bị hỏng hóc vẫn chứa cả đống xác chết ghê rợn, những xác ướp teo tóp, cháy đen sau hai tháng dưới cái nắng gay gắt của Việt Nam. Không ai đếm được con số người chết một cách khả tín; con số chết lên đến hàng ngàn.

Riêng thiếu tá Sheridan cũng ghi lại những gì ông quan sát được về hiện trường ngày càng gia tăng của tấn thảm kịch và sự tàn phá:

Đoàn người tiếp tục trong nhiều giờ và tôi nghĩ sẽ không thể chứng kiến một cảnh tượng tồi tệ hơn khi các xạ thủ Bắc Việt, vì những lý do gì tôi không bao giờ hiểu được, đã nã súng đại bác vào đám người ấy ngay sau buổi sau trưa. Hàng trăm người đã bị giết và bị tàn sát, nhưng khối lượng người vẫn tiếp tục đổ dồn về phía nam.

Chúng tôi không thể bắn trả bằng pháo binh vì các họng pháo của địch ở ngoài tầm bắn của chúng tôi. Bất kỳ sự kính trọng nào tôi

dành cho quân đội Bắc Việt lâu nay, nay đã mất vào ngày hôm đó. Các tiền sát viên của họ – những người gọi báo các tọa độ cho loạt đạn pháo này – đang đủ gần để xác định rằng đám đông ấy hầu hết là dân thường mà không phải một lực lượng quân sự.

Tới 16g00, lực lượng Cộng quân vẫn phong tỏa con đường chạy về phía nam. Vào khoảng 17g00, một mệnh lệnh được truyền qua các tần số của SĐ3/BB nhằm “thực hiện cuộc rút quân ban đêm về phía nam dọc theo xa lộ và phá hủy tất cả các thiết bị bất khiển dụng”. Trước khi mệnh lệnh này được làm rõ và các cố vấn có thể ngừng thi hành, mười hai trong số các xe tăng hạng nhẹ M-41 của Thiết đoàn 17 Kỵ Binh và mười tám khẩu pháo 105 ly của Tiểu đoàn 33 Pháo Binh đã bị tiêu diệt. Mặc dù lệnh bị hủy bỏ vào khoảng 18g00, nhưng vũ khí quan trọng này đã bị mất một cách vô phương cứu vãn được vì lữ đoàn thiết giáp được Sư đoàn 3 yêu cầu tiếp tục nỗ lực bảo vệ cầu sông Nhung.

Mặc dù các lực lượng của địch quân đã được xác định chỉ cách 500 mét về phía đông bắc Lữ đoàn, nhưng trong đêm không có cuộc quấy rối nào. Do đó, ngay từ đầu giờ sáng ngày 1 tháng 5, tập đoàn quân lòng leo của lữ đoàn thiết giáp đã bắt đầu một cuộc triệt thoái khác xuống phía nam. Sư đoàn 3 đã gửi một yêu cầu khẩn cấp xin B-52 tấn công phía đông và phía tây cây cầu nhưng lúc 05g00, Trung tá Wagner được thông báo rằng sẽ không có phi tuần B-52 nào oanh kích để hỗ trợ các cuộc di tản về phía nam.

Lúc 06g00, một chiếc máy bay quan sát bay qua lữ đoàn thiết giáp báo cáo cầu sông Nhung đã bị phá hủy. Các thành phần của lữ đoàn sau đó quay qua phía đông về hướng làng Hải Lãng trong một động tác liêu lĩnh khác để thoát ra khỏi vòng vây sắp xảy ra. Thiết đoàn 17 Kỵ binh, lúc này đã trừ mười hai chiến xa M-41 của mình, dẫn đầu và sau vài giờ đã tìm thấy một địa điểm có thể cho quân lợi qua sông Nhung. Sau khi các xe bọc thép của thiết đoàn 17 đã qua sông, bộ chỉ huy lữ đoàn đã cắt đứt liên lạc với các cánh quân dọc theo đường quốc lộ và di chuyển qua pháo đài. Đến 12g30, các đơn vị này được tập hợp

lại ở bên kia sông. Từ vị trí này, lữ đoàn một lần nữa quay về hướng nam và tiến về hướng sông Mỹ Chánh.

Với việc BTL SĐ3 không còn ở trong khu vực và không có khả năng kiểm soát lực lượng của mình, đã xảy ra nhiều sự bối rối không biết đơn vị nào là bạn hay thù. Vì vậy, khi chỉ đoàn của lữ đoàn thiết giáp tiến đến Mỹ Chánh, Đại Tá Chung ra lệnh dừng lại vì muốn xác định chắc chắn rằng đó không phải là một đơn vị Cộng Quân hay quân địch xen lẫn với các đơn vị bạn hoặc đang sử dụng một số ít M-113 còn sót lại.

Ở khắp mọi nơi, các cố vấn Hoa Kỳ khuyến khích các sĩ quan cao cấp của các đơn vị VNCH cố gắng tổ chức những người đi lạc thành một số đơn vị hỗn hợp. Nhưng không có gì được thực hiện hoặc thậm chí đã cố gắng để tiến hành; tất cả bề ngoài của hàng ngũ lãnh đạo quân đội VNCH đã không còn nữa.

Khi bình minh ló dạng sáng ngày 2 tháng 5, các xe pháo của lữ đoàn thiết giáp và hàng ngàn bộ binh của VNCH đã bám trụ một lần nữa bắt đầu di chuyển theo hướng tây nam về hướng cầu Ô Khê và phòng tuyến Mỹ Chánh. Khi các xe bọc thép dẫn đầu còn cách tuyến TQLC trong vòng một cây số, Cộng quân lại tấn công vào đoàn xe bằng một loạt pháo hạng nặng.

Với cuộc tấn công bất ngờ này, quyền lực cuối cùng của ban chỉ huy VNCH trong đoàn người bị bao vây chỉ đơn giản là sụp đổ. Các vị chỉ huy xe trở nên phấn khích và các sĩ quan mất kiểm soát đơn vị của họ. Có sự rối loạn hàng loạt một khi hàng chục xe pháo lao vào nhau khi cố gắng chạy trốn khỏi hỏa lực của đối phương theo mọi hướng bắn tới. Một số binh lính của họ đã bị đâm tràn qua và bị bỏ lại phía sau.

Một chiếc máy bay quan sát của Mỹ bay bên trên không phận Hải Lăng đã hỗ trợ Đại tá Wagner cố gắng tìm một kẽ hở xuyên qua các vị trí của đối phương. Cuối cùng, vào lúc 12g00, những gì còn sót lại của Lữ đoàn 1 Kỳ Binh di chuyển qua các vị trí tiền tiêu của Thủy quân Lục chiến và băng qua cầu Mỹ Chánh để vào tỉnh Thừa Thiên và lọt vào Căn cứ Evans an toàn. Đã có lúc lữ đoàn này đã anh dũng chống lại các sư đoàn Bắc

Việt, nhưng sau ba mươi ba ngày chiến tranh quy ước, đơn vị đã mất chín mươi phần trăm xe tăng và thiết giáp M-113 nên không còn là một lực lượng chiến đấu hiệu quả nữa.

Trích từ chương 6 của tác phẩm “*TQLC ở Việt Nam – Cuộc Chiến Không Dứt, 1971-1973*” của Trung tá Curtis Arnold và Thiếu tá Charles Melson đồng tác giả, do Cục Quân sử và Bảo tàng thuộc Bộ Tư lệnh TQLC xuất bản ở Washington DC năm 1991.

Chương 7

Lưu Vong

Từ Quảng Trị Thân Yêu

Lúc 02g00, ngày 29 tháng 4, Cộng quân mở cuộc tấn công bằng xe tăng và bộ binh dọc theo mặt trận của Trung đoàn 2 VNCH và sông Thạch Hãn, chiếm giữ được đầu phía bắc của cây cầu dẫn vào thành phố Quảng Trị. Nhóm điều phối không quân tiền phương đã hoạt động dưới ánh sáng hòa châu để tấn công vào vị trí của đối phương. Ba trong số năm xe tăng địch bị tiêu diệt ở phía tây bắc cầu, nhưng địch vẫn kiểm soát được đầu phía bắc. Ban đầu, Lữ đoàn 147/TQLC giao nhiệm vụ cho hai đại đội của TD7 làm nhiệm vụ thông cầu. Được sự yểm trợ của chiến xa thuộc Thiết đoàn 20/KB, TQLC đã đánh đuổi Cộng quân từ các hầm phòng thủ của cây cầu, giết chết 12 tên địch và bắt sống hai tù binh.

Các Liên đoàn 4 và 5 BĐQ, được giao nhiệm vụ đảm bảo đầu cầu vừa được tái lập, đã băng qua cầu để đi thẳng vào thành phố Quảng Trị. Cuối cùng, Đại Tá Bảo, không còn tìm thấy bất kỳ đội quân VNCH nào, và cũng không còn tin tưởng vào khả năng duy trì chiếc cầu của SĐ3/BB, đã giao cho các

đơn vị TĐ7/TQLC chịu trách nhiệm trấn giữ cây cầu. Khi điều này xảy ra, các vị trí phòng thủ phía bắc Ái Tử, vốn đã chống lại kẻ thù trong gần một tháng, tiếp tục sụp đổ. Bộ binh VNCH đã rút khỏi vị trí của mình trong một cuộc rút lui tùy tiện và tràn về phía nam trong tình trạng hỗn loạn qua cầu Thạch Hãn. Chiều tối ngày 29 tháng 4, pháo binh Cộng sản lại đánh trúng vào kho đạn Ái Tử. Hòa hoạn và các vụ nổ bùng lên giữa các kho đạn dược còn lại cho đến sáng ngày 30 tháng 4, làm số đầu đạn pháo của phía Thủy quân Lục chiến giảm xuống còn dưới 1.000 viên. Điều hiển nhiên đối với Thiếu tá Joy, cố vấn trưởng của Lữ đoàn 147/TQLC, trước cuộc rút lui ồ ạt khỏi phía bắc, là căn cứ Ái Tử không còn khả năng phòng thủ.

Sáng sớm Chủ Nhật, ngày 30 tháng 4, một binh sĩ VNCH bị Cộng quân bắt tại Căn cứ Carroll đã trốn thoát được về khu vực của TĐ8/TQLC. Anh ta báo cáo rằng một lực lượng địch cỡ trung đoàn được hỗ trợ bởi 20 xe tăng đang ở khu vực tập kết phía tây nam Ái Tử. Cho đến thời điểm này, pháo binh và xe tăng đã ngăn chặn được các cuộc tấn công, nhưng hiện tại, việc tiếp tế đạn dược là rất quan trọng và các xe tăng của LĐ1/KB đã được lệnh rút qua phía nam sông Quảng Trị để thiết lập một phòng thủ xung quanh thành phố. Không thể sử dụng hải pháo để chống lại địch trong khu vực dàn trận do VNCH chỉ định vì quá sát tầm bắn tối đa trong khi các cánh quân bạn đang ở ngay trên tuyến mục tiêu của đại pháo từ chiến hạm. Thủy quân Lục chiến đành gọi không quân chiến thuật với các phi vụ tấn công gần tiền tuyến đến nỗi quân địch phải chạy trốn vào hàng rào phòng thủ của ta để cố gắng thoát khỏi dinh bom cháy và bom nổ.

Rạng sáng ngày 30 tháng 4, Đại Tá Chung của LĐ369/TQLC lệnh cho Tiểu Đoàn 5 của ông tiến lên phía bắc QL-1 để mở đường vào Quảng Trị. Tiểu đoàn được bố trí trên các xe tăng M-48 và thiết giáp M-113. Ngay phía nam cầu sông Ô Khê, binh sĩ tiểu đoàn đã bị trúng đạn tự động hạng nặng và hỏa lực súng trường không giật. Cố vấn tiểu đoàn, Thiếu tá Donald L. Price, kể lại: “Lực lượng TQLC tiếp tục tiến lên, đánh đuổi quân địch. Khi tiểu đoàn trưởng và Thiếu tá Price tiến về phía

trước đề có tầm nhìn rõ hơn về cây cầu, họ nghe thấy tiếng động cơ xe tăng Cộng quân ở bờ bắc sông. Với khả năng xảy ra một cuộc phục kích bằng xe tăng, Thiếu tá Price bắt đầu cái mà ông gọi là “cuộc thư hùng giữa các tiền sát viên hai bên.”

Từ bờ phía nam sông Ô Khê, Thiếu tá Price gọi hải pháo, tập trung vào vùng có tiếng động cơ xe tăng. Trong khi đó, Cộng quân ở phía bắc sông gọi pháo 122 ly và 130 ly, nã xuống con đường tiến về phía nam. Cuộc đọ sức này diễn ra trong hơn một giờ đồng hồ cho đến khi ông Price thấy đã chiếm ưu thế với một loạt các cuộc không kích chính xác, dẫn đến các vụ cháy và nổ trong vị trí của đối phương. Sau đó Tiểu đoàn 5 điều động lại đội hình thiết giáp và tấn công qua cầu với M-48 dẫn đầu, bắn nhanh vào các vị trí nghi ngờ có địch phục kích dọc đường.

Một nút thắt cổ chai khác nằm giữa khu vực cây cầu và quận lỵ Hải Lăng, nơi Cộng quân đã đóng chốt trong các tiền đồn chiếm được của VNCH dọc theo quốc lộ. Thiếu tá Price đã phải gọi yểm trợ trên không, bao gồm cả máy bay AC-130, “để thổi bay mục tiêu.” Khi các họng súng Gatling 20 ly và lựu pháo Spectre 105 ly khai hỏa, máy bay oanh kích xuất hiện với độ chính xác kinh hoàng vào mục tiêu hiện đang bốc khói. Bị trúng đòn kết hợp chết người của bom nổ cao MK82 và bom cháy napalm, bộ binh Cộng sản sống sót cố gắng vượt thoát ra mọi hướng, hầu hết đều bị TĐ5/TQLC bắn hạ. Ngay sau khi lực lượng địch này bị tiêu diệt, trên QL-1 xuất hiện một dòng người tị nạn chạy trốn về phía nam. Mặc dù vậy, triển vọng của tiểu đoàn nhằm bắt tay với các đơn vị từ thành phố Quảng Trị mờ nhạt. Bây giờ họ đã quá tải, thiếu đạn dược, và cũng không thể di chuyển trên đường, hòa vào dòng người tị nạn. Đại Tá Chung ra lệnh cho đơn vị TQLC quay trở lại cầu Ô Khê và tổ chức cho các đơn vị từ phía bắc đánh đột phá.

Ngay cả những cuộc không tập nặng nề cũng không thể cứu vãn được vùng phía bắc sông Thạch Hãn. Vào trưa 30 tháng 4, Chuẩn tướng Giai, Tư lệnh SĐ3/BB quyết định rút bỏ Căn cứ Ái Tử và đưa LĐ147/TQLC về thành phố Quảng Trị để làm lực lượng phòng thủ và tập trung bảo đảm thông

tin liên lạc với phía nam. Thiếu thông tin liên lạc an toàn với tất cả cấp dưới, Tướng Giai gọi tất cả các chỉ huy đơn vị của mình đến họp tại thành cổ. Ông giải thích lý do của mình cho việc di dời về phía nam sông Thạch Hãn: khả năng một cuộc tấn công mới của địch; tình trạng thiếu nhiên liệu và đạn dược; lo ngại về việc các khẩu pháo bị mất; khả năng thực sự bị cắt đứt bởi đối phương; và địch liên tục bắn các chuyến trực thăng vào Quảng Trị và Ái Tử. Theo kế hoạch được tổ chức chặt chẽ này, an ninh của thành phố Quảng Trị sẽ được duy trì bởi Lữ đoàn 147 TQLC, đơn vị chiến thuật duy nhất còn lại trong mọi điều kiện để giữ đường tiếp cận phía bắc đến thành phố Quảng Trị. Cố vấn Mỹ cao cấp của Tướng Giai, Đại tá Metcalf, cảm thấy “đó sẽ là tuyến phòng thủ cuối cùng” trước Sư đoàn 304 Bắc Việt đang tấn công. Các lực lượng Bộ Binh và Biệt Động Quân VNCH còn lại sẽ tạo thành một tuyến phòng thủ trên bờ nam Thạch Hãn. Thiết giáp và xe tăng sẽ quyết liệt khai thông đường quốc lộ về Huế ở hướng nam.

Đại Tá Bảo cùng với Thiếu Tá Joy tham dự cuộc họp tại thành cổ Quảng Trị. Khi nhận được lệnh rút lui, Bảo và Joy điện cho Trung tá Nguyễn Xuân Phúc, Lữ đoàn phó, đang ở Ái Tử với Thiếu tá Huff, để thông báo quyết định này. Không thiết lập được liên lạc thoại an toàn, nên lữ đoàn phó được lệnh vào Quảng Trị họp giao ban. Trong khi chờ ông ta đến, Đại tá Bảo và Thiếu tá Joy tiến hành việc trinh sát thành phố.

Khi Phúc đến, Bảo nói sơ qua về kế hoạch rút lui của sư đoàn. Mặc dù Joy đã cố gắng thuyết phục lữ đoàn trưởng đích thân trở lại Ái Tử để giám sát việc rút quân, Bảo cảm thấy mình có thể kiểm soát tốt hơn từ bộ chỉ huy mới tại vị trí mà trước đây do Đội Cố vấn MACV 19 cho tỉnh Quảng Trị chiếm giữ. Trong khi lữ đoàn phó Phúc đang quay trở lại Ái Tử, SĐ3/BB nhận được tin tình báo cho biết Cộng quân đã lên kế hoạch cho một cuộc tấn công quy mô cấp sư đoàn vào thành phố Quảng Trị vào đêm hôm đó nên ra lệnh cho Ái Tử bắt đầu cuộc di tản ngay lập tức.

Trước khi di tản đi, Thiếu tá Huff và Đại úy Kruger đã phá hủy thiết bị vô tuyến và các tài liệu được phân loại khác. Các cố

vấn Mỹ, sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiêu hủy, đã gia nhập vào TĐ4/TQLC ngay khi đơn vị này đang giải tỏa mặt phía đông nam của căn cứ Ái Tử.

Khi Lữ đoàn 147 TQLC từ Ái Tử di chuyển về phía nam, Thiếu tá Huff đã yêu cầu Thiếu tá Glen Golden gọi xin pháo yểm trợ và người này đã chuyển yêu cầu đến các tàu chiến. Lúc đó 16 chiến hạm hải quân đã đáp lại yêu cầu của Golden. Các tàu này bao gồm tàu tuần dương hạm USS Newport News với nòng hải pháo 8 inch, 3 tàu tuần dương với đạn 6 inch và 12 tàu khu trục có nòng pháo 5 inch. Golden cố gắng giữ bức tường đạn hải pháo giữa lữ đoàn và Cộng quân, cũng như bằng cách này hay cách khác cung cấp một hình thức yểm trợ hỏa lực nào đó liên tục. Trong tình hình hiện tại, anh lo ngại rằng mình có thể phải rời thành phố Quảng Trị trong tình trạng hai khớp đầu gối bị đau.

Cuộc triệt thoái diễn ra đúng như kế hoạch cho đến khi cánh quân TQLC tiến đến thành phố Quảng Trị, phát hiện công binh VNCH đã phá hủy cả hai cây cầu bắc qua sông Thạch Hãn. Thủy quân Lục chiến cố gắng kéo pháo của họ lội qua chỗ sông cạn, nhưng dòng chảy xiết và bùn mềm đáy sông đã làm nản lòng nỗ lực của họ, buộc họ phải phá hủy 18 xe pháo và 22 xe tăng. May mắn là 16 trong số 18 chiến xa còn lại của Thiết đoàn 20 Kỳ Binh đã có thể vượt sông cách cây cầu một cây số về phía bắc. Hai chiếc xe tăng đã bị mất, một chiếc trúng mìn và chiếc còn lại do đạn súng trường không giết. Lính TQLC thì bơi ngang qua sông tại vị trí cầu và tiến thẳng vào vị trí phòng thủ của mình. Trong khi lội sông, đại úy Kruger thoát chết trong gang tấc khi một lính TQLC Việt Nam bị hụt chân, hoảng sợ níu lấy cánh tay của Kruger. Ông cố vấn đã hai lần bị chìm xuống nước, nhưng tay vẫn giữ vững máy vô tuyến nổi trên một tấm đệm hơi. Thiếu tá Huff đẩy tấm đệm hơi về phía Kruger để ông này sau đó đã tự mình thoát thân.

Đến tối, lữ đoàn đã chiếm được các vị trí phòng thủ dự kiến trong thành phố Quảng Trị: Tiểu đoàn 1 TQLC bố trí ở khu vực phía tây thành phố; Tiểu đoàn 4 trấn giữ các hướng tiếp

cận phía đông và nam; còn Tiểu đoàn 8 phòng thủ phía bắc. Bộ chỉ huy và các đơn vị tùy tùng chiếm một vị trí bên trong khuôn viên thành cổ.

Bên trong cố thành, BTL SĐ3 đang gặp khó khăn trong việc điều phối các đơn vị cơ động của sư đoàn. Tính toán vẹn của mệnh lệnh đã hoàn toàn tan biến. Các đơn vị bộ binh đóng dọc sông, thấy xe tăng tiếp tục di chuyển về phía nam, đã rời bỏ vị trí. Tất cả các loại xe cộ bắt đầu cạn kiệt nhiên liệu và bị bỏ rơi. Thiếu tá Golden, sĩ quan điều hợp hải pháo, người đã đến bộ chỉ huy Sư đoàn 3 một tuần trước đó, đã tìm thấy rất ít sự gắn kết giữa các sĩ quan VNCH và các đối tác của Quân đội Hoa Kỳ. Theo Golden, hai căn hầm bên trong cố thành đóng vai trò là trung tâm kiểm soát của sư đoàn. Một hầm đặt làm trung tâm tác chiến của SĐ3/VNCH; chiếc kia, cách đó 50 thước, là trung tâm chỉ huy của Đội MACV 155. Trao đổi duy nhất tồn tại là ở cấp cao nhất giữa Chuẩn tướng Giai và Đại tá Metcalf. Các đối tác khác không nói chuyện với nhau và 27 sĩ quan nếu họ có báo cáo, là báo cáo trong tư thế các đơn vị riêng lẻ.

Theo sáng kiến của mình, Golden đã lắp đặt một đường dây điện thoại trực tiếp giữa sĩ quan pháo binh VNCH trong hầm chỉ huy hành quân VNCH với ông ta trong hầm cố vấn. Mỗi khi nhận được yêu cầu khai hỏa từ các cố vấn Thủy quân Lục chiến đang rút lui cùng đơn vị của họ, hoặc từ các quan sát viên trên không đang bay bằng máy bay OV-10 của Không quân Hoa Kỳ, ông ta đã có thể bắn nhiều mục tiêu cùng lúc bằng pháo binh VNCH và hải quân Mỹ. Không có kế hoạch hỏa lực chính thức, nhưng các trận địa pháo của không quân, pháo binh và hải quân đã cố gắng tạo áp lực lên đối phương. Golden nhận được sự hướng dẫn đầu tiên và duy nhất của mình từ Đại tá Metcalf, người đã chỉ vào bản đồ và nói, “mọi thứ bên ngoài vòng tròn này bao quanh cố thành đều là vùng tự do tác xạ.” Mặc dù Golden đã yêu cầu hàng ngàn phát đạn của hải quân để hỗ trợ cuộc rút quân, nhưng sau đó anh ta tuyên bố “thứ duy nhất cứu vãn được toàn bộ tình hình, thứ duy nhất làm cho Cộng quân chậm lại, là không quân chiến thuật của Mỹ. Chúng ta đã có quá nhiều.”

Tuy nhiên, kẻ thù đã đánh đuổi quân Nam Việt ở phía bắc và muốn duy trì áp lực lên thành phố. Ngày 1 tháng 5, Tướng Giai quyết định việc phòng thủ thêm thành phố Quảng Trị sẽ không có kết quả, và để bảo vệ “tính mạng của tất cả quân bạn,” ông quyết định kéo tất cả các đơn vị về tuyến phòng thủ tại Mỹ Chánh. Các báo cáo tình báo cho biết thành phố sẽ hứng chịu một cuộc tấn công bằng 10.000 viên đạn pháo bắt đầu từ 17g00. Lúc 12g15, tham mưu trưởng Sư đoàn 3 bước vào hầm của Đội Cố vấn 155 và sử dụng mạch vô tuyến của Mỹ, gọi tất cả các chỉ huy cấp dưới cùng các cố vấn và cho biết «Tướng Giai đã lệnh cho tất cả các chỉ huy vừa chiến đấu vừa rút về phòng tuyến sông Mỹ Chánh!» Điều này hoàn toàn gây bất ngờ cho tất cả người Mỹ ở trong hầm. Trong vòng 30 phút sau, Tư lệnh Quân đoàn I, Trung tướng Lãm, hoặc một cấp phó, ra phân lệnh cho quân đội “trụ lại và chết”. Chi thị này rõ ràng là từ Sài Gòn do ông Lãm đang báo cáo trực tiếp với Tổng thống Thiệu.

Vào thời điểm này, thuộc hạ của Tướng Giai từ chối tuân theo, và nói rằng ông có thể rút lui với họ hoặc bị bỏ lại tại thành, “một đe dọa mà họ đang bắt tay thực hiện.” Khắp nơi, các chỉ huy đã bắt đầu cho rút quân và một cuộc di tản ồ ạt đã bắt đầu. Các chỉ huy đơn vị không hiểu sự thay đổi mệnh lệnh hoặc công khai từ chối tuân thủ mệnh lệnh ban đầu. Trong vòng vài giờ, toàn bộ khu vực đã rối loạn và bao trùm cảnh hỗn loạn quân.

Không có kế hoạch rút lui trong trật tự nào được ban hành hoặc thậm chí đề xuất. Tiểu đoàn nào cứ việc lo cho chính tiểu đoàn ấy. Mọi cảm giác về thống nhất được đều vỡ vụn. Sự nhầm lẫn của mệnh lệnh, cộng với một tháng bị pháo kích liên tục và chiến đấu bừa bãi, đã tàn phá những dấu vết cuối cùng của sự gắn kết giữa cố vấn và quân VNCH. Một đám đông sợ hãi tuôn trào ra như một làn sóng thần trên Quốc lộ 1 và tuôn chạy về Huế ở hướng nam. Chỉ có Lữ đoàn 147 TQLC vẫn được kiểm soát. Ngay sau đó, Đại tá Metcalf gọi điện cho bộ chỉ huy lữ đoàn qua đường dây an toàn và nói, “VNCH đang rút quân; các cố vấn có thể ở lại với đơn vị của mình hoặc tham

gia cùng tôi” để di tản. Thiếu tá Joy trả lời rằng các cố vấn của Lữ đoàn 147 sẽ ở lại với đơn vị của họ.

Rút khỏi Quảng Trị, Lữ đoàn 147 phá hủy quân trang quân dụng bị thừa. Việc phá hủy có trật tự này bao gồm một lượng lớn thiết bị thông tin liên lạc do các đội cố vấn trước đây chiếm giữ nay bỏ lại. Một chút sau 13g00, bộ chỉ huy lữ đoàn và của tiểu đoàn pháo binh di chuyển đến một điểm phía tây nam của thành cổ, nơi họ dự kiến sẽ có sự tham gia của chỉ huy và binh sĩ Sư đoàn 3, sau đó sẽ tiến về phía nam để liên kết với Lữ đoàn 369 ở Mỹ Chánh.

Tướng Giai đã chất đầy các sĩ quan tham mưu còn lại của mình lên ba chiếc thiết giáp và rời âm âm ra khỏi thành để cố gắng nhập chung với đoàn người đang rút lui. Các xe M-113 khởi hành đã bỏ lại khoảng 80 người Mỹ và người Việt trong hầm cố vấn. Đại tá Metcalf đã gọi cho Tướng Kroesen để xin trực thăng cứu hộ theo kế hoạch đã sắp xếp trước. Ông nói, «Bây giờ là đã tới lúc.»

Tướng Giai và bộ tham mưu của ông, không thể đột phá được vòng vây của địch và liên kết với Lữ đoàn 147 TQLC, đã rầm rập quay xe trở lại thành cổ – vậy là có thêm ít nhất 40 người nữa phải được di tản bằng trực thăng. Đến 15g00 trực thăng vẫn chưa đến. Thiếu tá Golden đã mất liên lạc vô tuyến với Lữ đoàn 147 khi họ di chuyển ra khỏi tầm sóng. Lúc này, khi ông đang phá hủy tất cả các thiết bị vô tuyến điện và vũ khí thì điện thoại reo: đường dây điện thoại dân sự về bưu điện Huế vẫn tiếp tục hoạt động. Bất chấp sự khẩn trương của thời điểm, với ngọn lửa bùng lên xung quanh đám quân dụng chiến tranh đang cháy, Golden đã trả lời cuộc gọi theo cách chính xác nhà binh mà các chuyên gia sử dụng trong cuộc điện đàm. Tuy nhiên, cảm giác bình thường ấy không kéo dài được lâu, khi giọng ở đầu dây bên kia của sĩ quan yểm trợ hải pháo tại Huế, thản nhiên hỏi mọi thứ diễn ra ở Quảng Trị đang như thế nào. Tức giận với cuộc điện thoại “xã giao”, Golden giật chiếc điện thoại khỏi tường và ném vào lửa.

Lúc 16g35, máy bay trực thăng tìm kiếm và cứu nạn của Không quân Hoa Kỳ đến. Các trực thăng vũ trang của Mỹ hộ

tổng trực thăng chở quân trong khi các phân lực chiến đấu của TQLC và Không quân Hoa Kỳ bay yểm trợ trên không. Chiếc trực thăng đầu tiên hạ cánh, nhanh chóng chở 40 người, trong đó có Tướng Giai. Chiếc trực thăng thứ hai hạ cánh theo sau, và sau khi chở thêm khoảng 40 người, bay đi. Mười sáu người Mỹ vẫn ở trong thành cổ cùng với các binh sĩ của BTL SĐ3/BB còn lại. Sau một thời gian chờ đợi kéo dài như không thể dứt, một chiếc HH-53 thứ ba hạ cánh và ổn định trong bãi đáp. Những người sống sót còn lại vội vã leo lên tàu. Đại tá Metcalf và Thiếu tá Golden là những người Mỹ cuối cùng rời mặt đất thành cổ. Khi chiếc trực thăng cuối cùng cất cánh, một tay súng đơn độc của đối phương tiến vào khu nhà và bắn nhiều phát vào máy bay. Nhiệm vụ giải cứu nguy hiểm đã được hoàn thành với thời gian vừa vặn không chậm trễ.

Về phía nam, Lữ đoàn 147 đã đợi ông Giai và các sĩ quan tham mưu của ông đến để di chuyển vào sông Mỹ Chánh. Thiếu tá Joy đã nói chuyện với Đại tá Metcalf vào đầu giờ chiều để điều phối nỗ lực. Sau khi không thể đột phá và gia nhập vào lữ đoàn, Metcalf đã nói với Joy rằng không thể thực hiện việc tập kết và các cố vấn của lữ đoàn nên cứ việc tùy cơ ứng biến. Metcalf nhắc lại rằng các cố vấn Thủy quân Lục chiến, bao gồm thiếu tá Huff, Charles J. Goode, và Thomas E. Gribus, cùng các đại úy Kruger và Marshall R. Wells, có thể cùng với ông di tản bằng trực thăng. Thiếu tá Joy từ chối lời mời, nói rằng các cố vấn sẽ ở lại với đơn vị của mình. Sĩ quan cao cấp của Toán 155 Cố vấn đang khởi hành trả lời: “Chúc may mắn.” Thiếu tá Joy nhìn thấy trực thăng đang tiến vào thành cổ, sau đó ông nhận ra rằng chỉ có kẻ thù ở phía bắc. Lữ đoàn 147 tiến về phía đông khoảng 2.000 mét rồi quay về hướng nam. Sau nhiều lần vượt sông khó khăn, đoàn quân đã đến được khu vực tỉnh lỵ Hải Lăng, cách thành phố Quảng Trị 10 km về phía Nam. Địch đang giao tranh với các lực lượng VNCH đang tháo chạy ngay phía tây của Bộ chỉ huy Chi khu Hải Lăng, làm tắc nghẽn mọi cuộc di chuyển về phía nam. Một hạ sĩ Cộng quân thuộc một đơn vị súng cối báo cáo, “Người ta đang di chuyển trên xe đạp, xe máy và xe buýt... Không ai có thể chạy thoát.» Cuộc tấn

công của Cộng quân trên con đường này, bằng vũ khí pháo binh và bộ binh, đã mang lại cho Quốc lộ 1 danh hiệu «Đại lộ Kinh hoàng» với khoảng 2.000 dân thường và quân nhân thiệt mạng dọc theo một đoạn dài hơn một cây số. “Đoàn người chạy loạn biến thành một bức tường thành lèn chặt xe cộ của quân và dân đủ các kiểu, và ba dãy xe nối đuôi nhau san sát” vẫn còn ứ đọng trên mặt đường. Vật dụng cá nhân và thi thể chất đống trong xe cũng như nằm rải rác dọc theo đoàn xe, và ở phía đông, nơi xác mỗi người vừa cố gắng chạy trốn tìm đến một nơi an toàn.

Đại tá Bảo, Lữ đoàn trưởng LĐ147/TQLC, sau một hồi thảo luận sôi nổi với các tiểu đoàn trưởng, quyết định thiết lập một vòng vây thật chặt trong đêm và sẽ tiếp tục cuộc hành quân vào ngày hôm sau. Cuộc họp cho thấy rõ rằng tất cả các đơn vị trong lữ đoàn vẫn được tổ chức tốt và chiến đấu có hiệu quả. Tuy nhiên, 10 chiếc tăng M-48 đã bị mất lại tại khu vực ven sông Nhung. Bốn chiếc bị tiêu diệt bởi hỏa lực súng trường không giật của đối phương, trong khi sáu chiếc bị thất lạc khi cố vượt sông. Chỉ còn lại sáu chiếc trong số 42 chiếc đến Đông Hà vào hôm Chủ nhật Phục sinh. Thiếu tá Huff hỗ trợ sĩ quan tham mưu của lữ đoàn, chuẩn bị hỏa lực phòng thủ ban đêm và yêu cầu một thành viên điều hợp không quân ở lại trực ban suốt đêm. Một máy bay AC-130 cũng ứng chiến ngay lập tức nếu có bất kỳ liên lạc nào trong đêm. Thiếu tá Joy, trong mạng lưới chiến thuật của Lữ đoàn 369 TQLC, đã liên lạc với Thiếu tá Robert F. Sheridan, cố vấn cao cấp của lữ đoàn này. Thiếu tá Sheridan đã theo dõi chặt chẽ lưu lượng truy cập vô tuyến của các cố vấn đồng nghiệp của mình trong những ngày trước cuộc di cư hàng loạt. Sheridan đã trình bày cặn kẽ cho Joy về tình hình và khu vực mà Lữ đoàn 147 đang di chuyển.

Thiếu tá Sheridan đã khuyên Đại tá Chung cho Lữ đoàn 369 di chuyển, kể cả các khẩu pháo 105 ly. Việc thay đổi vị trí liên tục, không bao giờ ở hai đêm trên cùng một địa hình, đã làm cho pháo binh và bộ binh Cộng quân mất dấu. Đại úy George Philip, với tiểu đoàn pháo, cảm thấy lữ đoàn là “cái đích” cho pháo binh Cộng sản. “Mục tiêu ưa thích là các khẩu

đội 105 ly, vì chúng nằm ngoài tầm bắn và thường dễ dàng bị quan sát” bởi địch quân từ các vị trí trên cao của họ ở phía tây. Các khẩu đội TQLC phải thay thế bốn đến năm lần một ngày để có thể sống sót bằng cách “cực kỳ chậm” mà các tiền sát viên Cộng quân cố gắng lấy tọa độ. Đó vẫn là một trải nghiệm bất lực và bức bối. Thiếu tá Andrew D. DeBona nhớ lại, “Chúng tôi liên tục di chuyển, hiếm khi ở cùng một chỗ trong một ngày.” Ông này đã lưu ý rằng việc đào các vị trí chiến đấu mới không bị ảnh hưởng.

Thiếu một tiểu đoàn tại Căn cứ Hòa lực Jane, lữ đoàn đã không thành công trong nỗ lực mở đường giữa Quảng Trị và Huế, nhưng đã gây cho địch những tổn thất đặc biệt nặng nề khi cận chiến. Người ta ước tính rằng ít nhất một trung đoàn Cộng quân được tăng cường hiện đã trấn giữ đoạn QL-1 qua Hải Lăng, nhưng một đám đông dân và quân bộ đơn vị trộn tạp đã ngăn cản lưu thông trên quốc lộ.

Các nỗ lực của Lữ đoàn 369 lúc này là nhằm giữ cho các cầu qua sông Ô Khê và Mỹ Chánh thông thoáng để quân và dân thường rút lui. Với việc thành phố Quảng Trị bị thất thủ, Đại Tá Phạm Văn Chung quyết định rằng Lữ Đoàn 369 TQLC sẽ bị Cộng quân tấn công vào ngày hôm sau. Khi lập kế hoạch phòng thủ tuyến sông Ô Khê và sông Mỹ Chánh, Sheridan nhớ lại, “Ông ta ra lệnh cài mìn ngay dọc theo Quốc lộ 1, đăng ký hải pháo và pháo binh,» và các vị trí chốt chặn của tiểu đoàn được bố trí dọc theo quốc lộ.

Rạng sáng ngày 2 tháng 5, “cả địa cầu vỡ tan” khi Lữ đoàn 369 TQLC đã phải hứng chịu trận địa pháo lớn khắp khu vực của mình. Thiếu tá Sheridan ghi nhận rằng “tất cả chúng tôi chỉ chui sâu hơn xuống các giao thông hào của mình và gọi hải pháo bắn vào các tuyến đường bị nghi ngờ trước.» Hai tiểu đoàn tiền tiêu của lữ đoàn, do Thiếu tá Donald L. Price và Thiếu tá James D. Beans cố vấn, bị xe tăng và bộ binh địch bắn trúng và phải chạy đến sông Mỹ Chánh, cách xa ngót hai cây số về phía nam, “vừa chạy vừa đánh địch dọc đường.” Tại sông Mỹ Chánh, lữ đoàn đào hố cá nhân dọc QL-1 để trấn giữ các

cây cầu. Sheridan quan sát, thấy hàng nghìn người dân tị nạn, xen kẽ với binh lính, đã đi qua các cây cầu. Thiếu tá Price kể lại rằng có rất nhiều lo ngại rằng thiết giáp của Cộng quân sẽ truy đuổi Lữ đoàn 147. Mọi quan tâm này được tập trung vào cây cầu xa lộ lớn, tiếp giáp với cây cầu đường sắt đã bị phá hủy từ lâu, bắc qua sông Mỹ Chánh.

Xa hơn về phía bắc, sáng sớm ngày 2 tháng 5, sau một đêm không bình yên, Lữ đoàn 147 chuẩn bị xuất quân theo kế hoạch. Lúc 05g00, tiếng động xe tăng được báo cáo về phía tây, gần khu vực của Tiểu đoàn 1. Bộ chỉ huy Lữ đoàn đặt toàn thể đơn vị trong tình trạng báo động 100%. Đến 06g00, không thấy xe tăng nào xuất hiện từ phía tây, nhưng Tiểu đoàn 8 báo cáo xe tăng đã đổ bộ về phía nam, theo hướng lữ đoàn định vượt sông Ô Khê. Lúc 07g15, các đơn vị bắt đầu bị hỏa lực vũ khí nhỏ từ phía tây bắc, tiếp theo là một khối lượng lớn hỏa lực vũ khí nhỏ từ vùng lân cận Hải Lăng ở phía đông. Lữ đoàn và số thiết giáp còn lại của Thiết đoàn 20 Kỳ Binh, với đủ loại lính VNCH và dân thường xen kẽ – bị bao vây.

Đồng thời, thiết giáp địch được bộ binh từng thiết và hỏa lực súng trường không giật 57 ly và 75 ly đánh từ phía bắc, phía tây và phía đông. Tài xế xe tăng và xe bọc thép của VNCH hoảng sợ lái xe bỏ chạy để tránh chạm trán với đối phương; đám này tan vỡ mà không bắn trả được một phát nào. Không một chiến xa M-48 nào còn lại đến sông Mỹ Chánh; tất cả được cho là đã trở thành thương vong do địa hình. Với sự tan hàng của phía thiết giáp, quyền chỉ huy và kiểm soát hữu hiệu của Lữ đoàn 147 TQLC đã biến mất khi sự lo lắng nhường chỗ cho sự cuồng loạn.

Thiếu tá Joy và Huff nhảy ra khỏi xe thiết giáp khi xe họ bị đứt lia khỏi đội hình. Joy hét lên để các cố vấn khác, đi trên chiếc xe sau, cũng nhảy theo. Một người di tản dân sự Mỹ, Jerry Dunn, kỹ thuật viên truyền thông từ đội cố vấn CORDS của tỉnh, đã tham gia cùng sáu Thủy quân Lục chiến. Hai cố vấn Lục quân Mỹ vẫn nán lại trong M-113 để bị nuốt chửng trong cát bụi và bồi rối. Các cố vấn TQLC, di chuyển ở cuối đoàn

quân, tiếp tục gọi các cuộc không tập xuống khu vực Hải Lăng, nơi xuất phát cuộc tấn công. Rõ ràng là các cố vấn này đã bị tách biệt một cách tuyệt vọng khỏi các đồng tác của họ – những người vẫn ở trong xe bọc thép. Trong khi di chuyển, Thiếu tá Joy báo Thiếu tá Huff liên lạc với chiếc quan sát cơ đang bay phía trước và yêu cầu một trực thăng sơ tán khẩn cấp. Máy bay ghi nhận yêu cầu và cho hay rằng có xe tăng địch đang di chuyển về phía cố vấn từ hướng đông và nam. Khoảng chưa đầy 10 phút nữa các chiến xa của Cộng quân sẽ lên trên những cố vấn này.

Lúc 09g45, các cố vấn nghe thấy tiếng trực thăng trên không. Thiếu tá Huff đã báo tín hiệu và, khi phi công bắt đầu một vòng xoắn để xuống, Thiếu tá Joy đã ném một quả lựu đạn khói và đứng dậy để hướng dẫn trực thăng vào bãi đáp. Trực thăng hạ cánh trong một trận địa pháo, súng cối, vũ khí cỡ nhỏ và súng trường không giật. Ngay trước khi máy bay hạ cánh, chỉ huy máy bay, Đại úy Stanley A. Dougherty, đã xoay ngang máy bay của mình 90 độ, quay cửa hông về phía cố vấn, nhưng do đó các thành viên còn lại của nhóm không thể tiếp cận cánh cửa sập.

Dưới hòa lực của địch từ mọi phía, các cố vấn chạy tán loạn bởi những quân nhân VNCH hoảng loạn đang bám lấy càng trực thăng. Chiếc trực thăng bất ngờ cất lên khi Thiếu tá Huff đang ngồi trên càng, một tay giữ đại úy Kruger và tay kia niu lấy thân máy bay. Ở độ cao gần 20 mét, phi công chợt thấy Kruger đang lủng lẳng bên dưới máy bay của mình, đã hạ xuống đất lại trong trận mưa đạn, để hai Thủy quân Lục chiến lọt vào máy bay.

Khi các cánh quạt tăng tốc, phi công đã cố gắng cất cánh thêm một lần nữa. Cuối cùng, sau khi đá văng tất cả trừ bốn binh sĩ VNCH đang bu bám ở càng, chiếc máy bay đã tăng được chút độ cao nhất định, với đầu tàu chúi xuống một góc 45 độ. Ở tầng ngọn cây, chiếc máy bay trực thăng đang bốc khói đã tránh được rơi xuống và tăng tốc độ. Khi lướt về tới bờ nam sông Mỹ Chánh, các cố vấn TQLC phát hiện ra rằng họ vừa được Chuẩn

tướng Thomas W. Bowen, Jr. cứu. Bowen đang bay trong khu vực giao tranh, đã ra lệnh cho phi công của mình thực hiện nỗ lực giải cứu can đảm. Sáu TQLC Mỹ, một dân thường, và bốn binh sĩ VNCH đã tránh khỏi bị bắt hoặc cái chết.

Theo lệnh của Đại tá Chung, Thiếu tá Price cho phá cầu sông Mỹ Chánh. Một toán công binh TQLC đã cố gắng làm cho cây cầu bất khiển dụng. Chỉ với một lượng thuốc nổ hạn chế, họ tiến hành cuộc phá sập cầu dưới nhịp chính ở giữa sông, nhưng chỉ thành công ở mức phá hỏng được một vài miếng gỗ chéo và đánh bật dăm thanh gỗ khác. Nhận thấy rằng đối phương có thể dễ dàng sửa chữa cầu để vượt sông, Thiếu tá Price đã cho các lính công binh hút nhiên liệu từ các quân xa của họ. Thành lập một “biệt đội gàu” với lính công binh, dùng ngay nón sắt của mình để đựng nhiên liệu, họ tằm mặt cầu gỗ bằng xăng và dầu cặn. Thiếu tá Price đã đốt cháy cây cầu bằng pháo hòa châu. Khói lửa kéo dài nhiều ngày làm đèn hiệu dọc QL-1 cho máy bay cường kích. Sheridan nhận xét, “mặc dù không ngoạn mục như tác phẩm cầu Đông Hà của người bạn John Ripley của chúng tôi, nhưng nó vẫn có kết quả tương tự.” Lữ đoàn 369 TQLC của ông Chung nắm địa hình then chốt và ông tuyên bố “Sẽ không có người lính Cộng sản nào qua sông mà còn sống”. Các tù nhân bị bắt ngày hôm đó thú nhận rằng họ bị bắt ngờ trước cuộc kháng cự mà họ gặp phải; họ được cấp trên cho biết là đường vào thành phố Huế đã thông thoáng, rộng mở.

Lữ đoàn 369 TQLC đã tiếp cận được dàn hỏa lực không lồ của Mỹ từ trên không và trên biển. Tối hôm đó, Sheridan cố gắng điều phối các phi vụ không tập vào các xe tăng và bộ binh của Cộng quân có thể nhìn thấy ở phía bắc sông Mỹ Chánh, nhưng ông thất vọng khi điều hợp viên không quân không thực hiện các cuộc không kích vì từ trên máy bay họ không thể nhìn thấy các mục tiêu. Ông Chung không cần quan tâm, miễn là không quân tiếp tục yểm trợ ở phía bắc sông. Khi Sheridan gọi điện cho Trung tá Turley tại bộ tư lệnh sư đoàn TQLC để nhờ can thiệp giải quyết tình trạng bế tắc ấy, ông nhớ lại, “Tôi bị đánh gục xuống đất rồi bị bật dậy va vào bên này bên kia liên

tục tưởng như là bất tận.” Sáu chiếc B-52 thả bom ngay bên kia sông. Khi chấn động kết thúc, một Đại tá Chung thất thần chui ra khỏi hầm chỉ huy bị sập và nói với một nụ cười, “Tốt quá. Hãy cứ lặp lại như thế.”

Chương 8

Vượt Thoát Từ Thân ở Đại Lộ Kinh Hoàng

Mục sư Le Roy Josephsen sống 8 năm ở thành phố Đông Hà, đã là người chứng của cảnh chết chóc trên Đại Lộ Kinh Hoàng. Câu chuyện do ông kể lại được đăng trên tờ *Việt Nam Ngày Nay*, tạp chí thông tin do Liên minh Cơ đốc và Truyền giáo phát hành 2 lần mỗi năm, số 12 năm 1972. Bản tiếng Việt của Ngy Thanh.

Chúng tôi, những người dân tỉnh Quảng Trị không bao giờ mơ điều đó xảy ra. Chiến tranh nổ ra xung quanh chúng tôi. Mọi người từ xa và gần bắt đầu đổ xô vào thành phố của chúng tôi. Khi những người tị nạn đang chạy ra khỏi khu vực Đông Hà trước khi sụp đổ, một góa phụ với bốn đứa con nhỏ và một đứa trẻ sơ sinh quấn khăn đang cố gắng leo lên một chiếc xe đò. Người mẹ quá cố gắng để đưa những đứa con nhỏ của mình lên xe mà không để ý đến số phận của đám con mình.

Sau khi lên xe và di chuyển xuôi xuống nam về phía Quảng Trị khoảng gần cây số, họ nhận thấy pháo và hỏa tiễn đang nã vào nơi họ đứng. Người mẹ nhìn vào đồng giẻ rách nơi đáng lẽ đứa con mới sinh của mình đang nằm. Đứa trẻ đã biến mất. Bé đã rơi ra trong lúc hỗn loạn khi lên xe. Trước khi vào

thành phố Quảng Trị, những người tị nạn phải đi trên một đoạn quốc lộ chạy qua một căn cứ quân sự lớn. Vì căn cứ này là mục tiêu chính để bị đạn pháo kích, họ sẽ chạy qua khu vực này càng nhanh càng tốt. Một người mẹ đã tới lúc sinh con đã cố hết sức mình để nín đẻ. Bà sinh con bên vệ đường. Một đại úy VNCH đã nhìn thấy cảnh ấy và đỡ hai mẹ con lên xe jeep của mình. Khi ông vừa nổ máy để hành trình vào bệnh viện Quảng Trị, một quả tên lửa đã lao thẳng vào chiếc xe jeep, cướp đi sinh mạng của cả ba người.

Người dân trong và ngoài thành phố Quảng Trị bắt đầu đổ xô về Huế. Nhiều đạo hữu của hội thánh bắt đầu đi về phía nam. Sau khi hoàn tất nghi lễ Phục sinh, tôi đưa vợ con và trẻ mồ côi vào Huế tạm trú tại cơ sở của Liên minh Cơ đốc và Truyền giáo. Sau đó tôi trở lại Quảng Trị vì một số tín đồ trong vùng chưa thể rời đi được.

Sau vài tuần đánh đấm, mọi sự có vẻ tốt hơn nhiều và hầu hết người dân Quảng Trị đã trở về thành phố. Khi điều kiện trở nên yên bình hơn, tôi đã mang gia đình và hầu hết những đứa trẻ mồ côi lớn tuổi quay về. Mọi thứ dường như trở lại bình thường. Nhưng khoảng một tuần sau, tình hình đã đảo ngược. Các hỏa tiễn lớn và đạn pháo bắt đầu bắn vào thành phố và có tin đồn rằng xe tăng Bắc Việt đang tiến vào thành phố từ phía bắc và phía tây. Dân chúng lại chạy trở về Huế. Một lần nữa tôi gửi gia đình và những đứa trẻ mồ côi trở vào Huế – ngoại trừ đứa con gái lớn ở với tôi ở Quảng Trị. Vào nửa đêm 28 tháng 4, trong khi con gái tôi và những gia đình Cơ đốc trú tại chỗ của chúng tôi, đang ngủ say trong hầm, tôi bắt đầu thấy rằng thành phố sắp gặp nguy hiểm. Vào lúc hai giờ sáng ngày 29, tôi đánh thức con gái tôi và những người theo đạo và nói với họ rằng chúng ta phải rời đi trong bóng tối của màn đêm trong khi vẫn còn kịp thì giờ. Quốc lộ bên ngoài chật cứng người và xe cộ đi vào Huế. Sau khi chúng tôi đi được khoảng gần 3 cây số, tôi cảm thấy việc đi xa hơn nữa là bất khả nên tôi và con gái quay trở lại Quảng Trị. Những Cơ đốc nhân đã đi với chúng tôi không muốn quay lại nên họ đã tiếp tục đi với đám đông. Chúng tôi không biết điều gì đã xảy ra với họ.

Chúng tôi ở trong căn hầm lớn tại nhà cho đến 7 giờ sáng thì bị đánh thức bởi một quả tên lửa lớn phát nổ cạnh nhà thờ bên ngoài. Bố con chúng tôi nhanh chóng chuẩn bị sẵn chiếc xe máy Honda và buộc bất cứ đồ đạc gì có thể vào xe để chuẩn bị cho chuyến hành trình dài ngày đến Huế. Tôi nhìn quanh lần cuối ngôi nhà thờ, trường dạy trẻ, trại trẻ mồ côi và trường học. Tôi nhìn thấy đó là phần thưởng của tám năm làm việc chăm chỉ và trái tim tôi rất buồn khi phải vất bỏ lại tất cả. Bây giờ là 8 giờ sáng và tôi đã cố gắng hết sức để chiếc Honda đi nhanh nhất có thể, lạng lách qua hàng dài xe tải và những người đang đứng trên đường. Nhiều người chỉ có một vài thứ vật vãnh trong bàn tay mệt mỏi. Những người khác mang những vật rất nặng được treo vào hai đầu của một chiếc đòn gánh. Một cụ già ốm yếu ngồi trong chiếc thùng buộc vào giữa một cây sào mập mập; hai thanh niên, mỗi người gánh một đầu cây sào, khiêng cụ đi tới. Các bà mẹ vận chuyển trẻ bằng mọi cách. Một vài bà đặt lũ trẻ vào trong những chiếc thùng treo lưng lửng ở đầu các đòn gánh. Một người mẹ đã buộc sáu đứa con nhỏ của mình thành một xâu bằng sợi dây thừng dài, rồi buộc đầu dây quanh eo mình để đừng đứa nào bị lạc.

Chúng tôi đã đi tiếp. Chỉ còn không tới một cây số nữa là chúng tôi sẽ có mặt tại cây cầu dài quá Quảng Trị tám cây số. Chính nơi đây ngày hôm trước đã có nhiều người bị tàn sát. Một số người cùng đi với chúng tôi đã đi rất chậm; nhiều người trong số họ đã dừng hẳn lại, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục thúc giục đám đông. Con gái tôi ngồi sau xe máy cầu nguyện liên tục. Từ con đường trông xuống độ 300 mét, một cảnh tượng khủng khiếp hiện ra. Có rất nhiều xác chết nằm tứ tung. Một số người còn sống đang khóc trong khi các xác chết bắt đầu trương phình to. Một số xác bị mất chân, tay... Đó là cảnh tượng mà tôi không bao giờ quên. Đột nhiên tên lửa bắt đầu bắn tới và nổ giữa nhóm người đi trước chúng tôi trên cầu. Chúng tôi đã khóc khi chứng kiến và nghe thấy âm thanh của sự chết chóc và đau khổ. Đối mặt với tất cả những điều này, tôi chỉ muốn quay lại, nhưng đứa con gái của tôi ngồi trên chiếc xe máy đã nói:

“Bố, bố phải tiếp tục đi tới nếu chúng ta muốn sống.” Trong sự sợ hãi và run rẩy, chúng tôi đã băng qua cầu mà không dừng lại.

Khi chúng tôi tiếp tục đi xuống con đường mà nhiều người gọi là “Con Phố Buồn Thiu”, chúng tôi đã ca ngợi Đức Chúa Trời vì sự bảo vệ của Ngài. Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã vượt qua phần tồi tệ nhất của con đường quốc lộ nguy hiểm ấy. Nhưng khi chúng tôi vừa đến một pháo đài nhỏ nằm trên cồn cát ven Quốc lộ 1, binh lính bảo chúng tôi dừng lại. Họ nói rằng 500 thước ở phía trước, mới không quá 30 phút vừa trước đó, các xạ thủ của đối phương đã giết chết 5 người và buộc người dân phải rút lui. Một chiếc xe của chính phủ đã bị phá hủy. Mọi người dừng chân đứng đó cầu mong xe quân sự mở đường cho chúng tôi tiến lên. Thêm nhiều người đã đến và cùng chúng tôi chờ đợi trên bãi cát nóng bỏng để xem tình hình có thay đổi. Đoàn người tị nạn dồn cục trở lại hơn 15 km. Nơi này nằm cách xa một ngôi làng và hoang vắng không có bóng mát của cây cối. Tất cả chúng tôi đều phơi ra giữa cái nắng mặt trời như lò nướng. Nơi đây có rất ít nước.

Mọi người đã ô lên thích thú khi thấy những chiếc xe bọc thép đầu tiên tiến lên phía trước và bắt đầu băng qua cây cầu ở phía xa. Nhưng sau 15 phút, tiếng nổ đã nghe thấy. Không lâu sau, mọi thứ bốc cháy và khói đen bay đầy trời. Trong nhiều tiếng đồng hồ, đầu đạn bay vụt qua trên đầu chúng tôi.

Một lúc sau, một nhóm xe bọc thép đi qua và dừng lại khoảng 500 thước trên đường. Hầu hết mọi người đều tập trung phía sau đoàn xe. Tôi và con gái bắt đầu cầu nguyện để được hướng dẫn. Chúng ta phải làm gì? Kinh thánh cho biết người ta đặt niềm tin vào ngựa và xa mã nhưng chúng tôi sẽ đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời trên cao. Tôi lập luận, “Nếu chúng tôi ở bên cạnh những chiếc xe quân sự, kẻ thù sẽ cố gắng phá hủy chúng; thì chúng ta thực sự sẽ gặp rắc rối.” Vì vậy, một nhóm nhỏ chúng tôi đang chạy xe máy Honda, xe đạp và đi bộ, quyết định cứ đi tới và vượt qua đoạn đường nguy hiểm này. Chúng tôi đã đi qua vô số xác chết và xe cộ bị phá hủy mà không gặp một sự cố lớn nào. Đã vượt qua quá nhiều nguy

hiêm, nay chúng tôi nghĩ rằng nếu có thể tiến thêm 300 thước nữa thì chúng tôi sẽ đến một khu vực an lành hơn. Cây cầu Bến Đá ở đằng xa như một ngọn hải đăng đối với chúng tôi. Đột nhiên, như sấm và sét từ trên trời giáng xuống, một vụ nổ lớn ập xuống bên cạnh chúng tôi. Không ai ra hiệu lệnh cả, nhưng mọi người quay lại và bắt đầu chạy. Tôi giảm tốc độ và quyết định ở lại giữa đường hơn. Hầu hết mọi người chạy đến gần đoàn xe và ngay lập tức súng bắt đầu bắn về hướng đó. Tiếng kêu thảm thiết của con người vì đau đớn và cái chết hòa cùng tiếng nổ của súng trường, súng cối và tên lửa tạo nên một bầu không khí sợ hãi ngột ngạt mà tôi chưa từng trải qua trong đời. Tôi và con gái nhanh chóng bắt đầu dùng tay đào những rãnh cạn trên cát. Tôi nghĩ rằng đây sẽ là những hầm hố thu nhỏ để cứu sống chúng tôi hoặc sẽ là những nắm mỏ nông cạn mà chúng tôi sẽ yên nghỉ. Chúng tôi chui vào các hố và cố gắng hết sức để che phần lớn cơ thể bằng cát. Trời cực kỳ nóng và lớp cát bao quanh nướng da chúng tôi như thể chúng tôi đang ở trong lò nướng. Nhiều quả đạn lớn bắn tới khu vực chúng tôi đang ở và phát nổ rất gần. Lúc này có rất nhiều người chạy qua lại trên cồn cát. Nhưng tôi thấy rất ít người trong số họ thoát khỏi được thung lũng chết chóc này và không một chiếc xe nào chạy ra khỏi nơi diễn ra vụ thảm sát này.

Bây giờ đã gần tối và chúng tôi vẫn nằm đó, chôn vùi thân trong cát. Chúng tôi vẫn còn một chặng đường dài 45 km phía trước trước khi đến cố đô Huế. Nguồn nước mắt của chúng tôi đã cạn, và hơi ẩm trong miệng chúng tôi chuyển sang dạng sệt. Con gái tôi nhìn thẳng vào mặt tôi và nói: “Bố ơi, hãy can đảm lên. Bố hãy đứng lên và nghỉ ngơi chút xíu, để có thể sống và mang lại sự giúp đỡ và an toàn cho Mẹ, cho gia đình và cho Giáo hội.” Tôi trả lời: “Con gái à, điều đó sẽ không bao giờ, không bao giờ xảy ra. Bố sẽ không chạy và bỏ con, bỏ máu thịt của mình ở đây để chịu chết.” Con tôi nói, “Mặc dù bố có thể bị thương, bố vẫn có thể hồi phục.” Tôi thì thầm, “Vậy thì cả con lẫn bố phải bỏ ra khỏi đây và bỏ lại chiếc xe gắn máy Honda của mình cùng với hàng trăm người khác đã bị bỏ rơi.” Con tôi

không đồng ý. “Chiếc Honda mà Roy và Nancy đã tặng cho bố à? Bố, bố không thể bỏ nó lại ở đây. Làm sao chúng ta đến được Huế? Con sẽ đi lấy xe cho bố.” Con bé bò rất nhanh về phía chiếc Honda nhưng tôi đã ở ngay sau lưng nó. Chúng tôi vừa đẩy chiếc Honda vừa bò, cố gắng không để bị đối phương chú ý. Sau khi làm như thế trong khoảng 200 thước, chúng tôi đã thử động cơ. Máy nổ, và chúng tôi tăng tốc về phía cây cầu bằng cách nhanh nhất có thể. Chúng tôi ca ngợi Chúa khi đi đoạn cuối cùng đến nơi an toàn vì Ngài đã đưa chúng tôi qua thung lũng của cái chết và qua các con sông của nghịch cảnh.

Qua ngày 1 tháng Năm, tất cả chúng tôi di chuyển từ Huế vào Đà Nẵng.

Le Roy Josephsen (Giáo sĩ Tin lành)

Chương 9

Hàng ngàn người bỏ Quảng Trị
để chạy thoát bằng Quốc lộ 1

• *Sidney H. Schanberg / New York Times / 30-04-1972*

MỸ CHÁNH, NAM VIỆT NAM, ngày 28 tháng Tư – Hàng ngàn người dân tị nạn Nam Việt Nam – cùng với một số binh sĩ – hôm nay đã bỏ chạy xuống phía nam trong nỗi hốt hoảng và rối loạn trong khi lực lượng xâm lược Bắc Việt tiến quân sâu hơn vào mạn phía bắc.

Một cố vấn Mỹ vừa cười vừa nói: “Mọi thứ diễn ra khá tệ trong ngày hôm nay.”

Mọi thứ còn tệ hơn là “khá tệ” đối với người dân trong vùng. Đoạn quốc lộ 1 giữa Quảng Trị và Huế dài 60km về phía tây nam, đã nghẹt cứng người tị nạn cố gắng để thoát khỏi sự tấn công của phía địch.

Nhưng con lộ cũng chẳng an toàn.

Các mũi xe tăng và bộ binh của địch đã di chuyển về phía nam Quảng Trị ở cả hai bên Quốc lộ 1, cố gắng cắt con đường. Người tị nạn đã chạy trốn xuống phía nam mãi tận làng

Mỹ Chánh, 16 km bên dưới thành phố Quảng Trị. Và khi họ di chuyển ra Quốc lộ 1, hướng về Huế ở phía nam, một số đã bị giết và bị thương bởi hỏa lực súng máy và vũ khí nhỏ của địch.

Nhiều người dân tị nạn đã bị giết

Trên một ngọn đồi ở phía bắc, những đám khói bốc lên khi hỏa lực pháo binh của đối phương dồn dập bắn tới, và những người tị nạn đến từ hướng đó nói rằng nhiều người tị nạn khác đã thiệt mạng vì các vụ nổ.

Các đoàn xe dài của chính phủ chở đạn dược và quân tiếp viện đã bị kẹt cứng không chỉ bởi hỏa lực của đối phương mà còn bởi những đoàn người tị nạn tràn đầy trên đường. Dù rất sợ hãi, nhưng những người nông dân không hề hoảng hốt mà ngược lại còn khắc kỷ và thực dụng. Nhiều người trong số này đã kinh qua tất cả cảnh tượng này trước đó, một số mới chỉ vài tuần trước khi họ bỏ nhà ra đi trong cuộc tấn công đầu tiên của Cộng sản và sau đó quay trở lại, vì lầm tưởng rằng tình thế đã an toàn trở lại.

Một người phụ nữ đang chạy loạn cùng hai con lần thứ hai cho biết: “Chúng tôi đã cố gắng tránh xa những quả đạn pháo đang rơi xuống Quảng Trị. Nhưng đạn pháo đã chụp xuống khắp nơi nên chúng tôi phải rời thành phố.”

Nhiều người tị nạn báo cáo nhìn thấy binh lính và xe tăng Bắc Việt chỉ cách Quảng Trị vài ba cây số, còn sĩ quan quân đội nói rằng trừ con lộ mong manh dẫn đi Huế, thành phố Quảng Trị đã bị bao vây, với chỉ còn khoảng 5, 6 cây số xung quanh thành phố là khoảng trống còn lại trong tay chính phủ.

Dòng sông thâm lặng

Người tị nạn biến thành con sông kéo dài liên tục ở một số nơi dài ngót 5 cây số hoặc hơn. In bóng trên bầu trời tối đen và mưa phùn, họ lao về phía nam với các bao tải, trẻ sơ sinh và thú vật. Lợn con kêu ré lên. Gà gáy râm ran. Nhưng mọi người thì im lặng.

Những người may mắn được cỡi trên máy kéo, ô tô, xe tải, xe buýt, xe máy và xe đạp. Con đường ngay phía nam Quảng Trị bị hỏa lực nặng nề nhất của địch, và chính phủ đang điều xe tải từ Huế lên để giúp người tị nạn di tản, nhưng xe không đến được tận nơi. Vì vậy, hầu hết những người tị nạn phải tìm cách đi bộ qua đoạn đường nguy hiểm đó.

Khi họ đến được chỗ an toàn hơn cách xa Quảng Trị khoảng 20 cây số, xe chính phủ mới đón một số trong đám họ đi nốt phần còn lại của con đường, nhưng số người tị nạn quá đông với số xe tải, nên hầu hết lại phải tiếp tục đi bộ.

Một số đã quá mệt mỏi vì phải gánh đồ đạc bằng những chiếc đòn gánh tre vắt ngang vai, đến nỗi họ phải đơn giản vất bỏ của cải giữa đường để đi tay không.

Đôi khi một chiếc xe buýt tư nhân nhỏ loại 15 hoặc 20 chỗ xuất phát từ Huế. Hàng trăm người tị nạn sẽ tràn lên xe – làm xe như muốn vỡ tung ra – hoặc bu bám quanh xe và leo lên mui xe.

Binh lính cũng bỏ chạy

Và đôi khi những người lính Nam Việt Nam chạy trốn khỏi mặt trận sẽ đẩy dân thường xuống để giành lấy chỗ trên xe cho mình.

Nhiều trăm binh sĩ được nhìn thấy đang rút lui một cách hỗn loạn trên Quốc lộ 1. Tuy nhiên, các viên chức quân sự ở Huế cho hay họ không biết có đơn vị chủ lực nào đã tan hàng hoặc đào ngũ trên chiến trường, và họ cho rằng vấn đề đào ngũ không nghiêm trọng.

Tại một địa điểm trên đường, ba binh sĩ đã chạy trốn khỏi Đông Hà, một thị trấn phía bắc Quảng Trị đã bị xe tăng và bộ binh tràn ngập vào chiều hôm qua và thất thủ vào sáng sớm nay, cho biết họ đang chạy về Huế để thoát khỏi cuộc chiến. Khi được hỏi tại sao họ không dừng lại ở Quảng Trị trên đường rút lui, để giúp bảo vệ thành phố đó, một trong số họ trả lời: “Chúng tôi đã chiến đấu hết sức rồi. Quảng Trị không an toàn cho chúng tôi.”

Hai binh sĩ Nghĩa Quân, một loại lính gác tại gia, đã thẳng thắn thừa nhận nỗi sợ hãi của họ khi họ trèo lên một chiếc xe buýt nhỏ chạy về Huế.

“Chúng tôi sợ các cuộc pháo kích”, một người nói. “Hãy để cho lính chính quy chiến đấu.”

Các bộ phận của một số đoàn xe tiếp tế của chính phủ được xe tăng dẫn đầu đã từ Huế tới được Quảng Trị cuối ngày hôm nay, và hai đại đội bộ binh tiếp viện từ một căn cứ hòa lực gần đó cũng vượt qua được. Nhưng do hòa lực của địch từ hai bên đường, phần lớn đoàn quân tăng cường cho xe tải chở đạn và binh sĩ bị trói chân thành hàng dài dọc theo quốc lộ.

Hầu hết mọi người đang rời bỏ thành phố

Máy bay trực thăng của Mỹ và VNCH bay dọc theo đường quốc lộ trong các nhiệm vụ trinh sát hôm nay thường xuyên bị bắn bởi vũ khí nhỏ và súng máy, và một số được ghi nhận là đã trúng đạn mặc dù không bị bắn rơi.

Các cố vấn Mỹ bay trên Quảng Trị bằng trực thăng báo cáo rằng gần như toàn bộ cư dân của tỉnh lỵ, nơi từng có 50.000 người, đang thu dọn đồ đạc trong tận cùng bối rối và vội vã rời khỏi thành phố.

Sự vội vàng của họ cũng hợp lý thôi. Hôm qua, một khách du lịch từ Huế đã có thể đi trên QL1 tương đối an toàn tới điểm còn cách Quảng Trị khoảng 8 cây số. Hôm nay, điểm nguy hiểm là 16 cây số về phía nam của thành phố.

Binh sĩ Pháp, những người đã mất nhiều đồng đội trên đường quốc lộ này hai thập niên trước trong cuộc chiến chống cộng sản để giữ cho nó được mở, đã đặt tên cho con đường là “*La Rue Sans Joie*” – Con Phố Buồn Thiu. Nay, con đường lại được mang tên ấy thêm một lần nữa.⁵⁶

(56) - Chi tiết này, nhà báo Sidney Schanberg bị làm. *Con Phố Buồn Thiu* là Tỉnh lộ 555 chạy dọc bờ biển, ở cách QL1 mới 9 km về phía đông.

Chương 10

Bộ đội miền bắc đào ngũ kể chuyện thăm sát thường dân

• *Michael Putzel, Associated Press, ngày 8/09/1972*

Hôm thứ Sáu, chính quyền mang ra trình diện một cán binh miền bắc kể lại anh ta có liên quan tới việc thăm sát thường dân Nam Việt chạy loạn từ Quảng Trị trong tháng Tư và tháng Năm vừa qua.

Lê Xuân Thủy, một thanh niên 22 tuổi đi nghĩa vụ quân sự và đã phục vụ khoảng một năm trong quân đội Bắc Việt, cho biết cuộc tàn sát Quốc lộ 1 là một yếu tố chính khiến anh quyết định đào tẩu sang phía Nam Việt Nam mà anh đã thực hiện vào ngày 31 tháng 7 tại tỉnh Thừa Thiên ở ngay phía nam Quảng Trị.

Cuộc phục kích trên Quốc lộ 1 trong khoảng thời gian từ ngày 28 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5 ngay trước và sau khi thành phố Quảng Trị thất thủ đã được các phóng viên ở mặt trận phía bắc tường thuật lại và thêm nhiều chi tiết hơn khi quân miền Nam chiếm lại đoạn đường cao tốc đó vào cuối tháng Sáu.

Vào tháng Tám, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ gọi vụ việc ấy là một cuộc thảm sát “có chủ đích” của quân đội Bắc Việt đối với những thường dân không nơi nương tựa và ước tính rằng 1.000 đến 2.000 người tị nạn phi quân sự đã thiệt mạng. Các cuộc phỏng vấn với những người sống sót và kiểm tra hiện trường cho thấy con số này có nhiều khả năng từ 200 đến 600 người chết.

Tại một cuộc họp báo do Bộ chỉ huy Sài Gòn bảo trợ, Thủy từ chối đưa ra ước tính về con số thiệt mạng nhưng nói rằng “có quá nhiều để đếm.”

Người đào tẩu cho biết anh ta là nhân viên điện đài của Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 2, Sư đoàn 324 Bắc Việt, đã được bố trí ở vị trí cách quốc lộ từ 100 đến 150 thước vào ngày 28 tháng Tư.

Anh ta kể, ngày hôm sau, tiểu đoàn trưởng nói với bộ đội dưới quyền rằng bất cứ ai từ Quảng Trị di chuyển vào phía nam đều là địch.

“Thật quá kinh hoàng”

Thủy cho biết nhiều binh lính và dân thường đang chạy trốn trên Quốc lộ, và bộ đội Bắc Việt đã khai hỏa bằng súng cối 61 ly và 82 ly cũng như súng trường tự động.

Anh ta nói: “Mọi người di chuyển bằng xe đạp, xe máy và xe buýt. Nhưng không ai có thể thoát.”

Thủy cho biết anh và những người lính khác trong đơn vị đi lên mặt đường cao tốc sau đó. “Thật quá kinh hoàng. Nhiều người thiệt mạng, bao gồm cả người già, trẻ em và phụ nữ đang mang thai. Những người hấp hối la hét và cầu xin nước uống.”

“Bộ đội lột xác, lấy đồng hồ, gạo, tiền và quần áo.”

Kéo ra và bắn chết

Kẻ đào tẩu và đồng đội của anh ta kéo một số người sống sót từ những nơi trú ẩn dọc đường, ra lệnh cho họ di chuyển khỏi khu vực, sau đó bắn họ khi họ bỏ chạy.

Khi được hỏi liệu những người lính Nam Việt Nam và thường dân di chuyển thành từng nhóm riêng biệt trên đường quốc lộ hay tập hợp lại với nhau, Thùy cho biết họ đôi khi tách biệt và lúc khác xen kẽ. Nhưng chẳng có sự phân biệt nào được thực hiện, anh ta nói, bởi vì mệnh lệnh là bắn vào bất kỳ ai di chuyển về phía nam.

Thùy nói có hai người bộ đội Bắc Việt mặc quần áo dân sự mà họ tìm thấy trên đường, lấy chiếc xe đạp lấy được từ địa điểm phục kích và bắt đầu đạp về hướng thành phố Quảng Trị.

Họ đạp xe vào một khu vực do cánh quân khác chiếm giữ và bị chính đồng đội của mình bắn chết. Người đào tẩu không nói rõ lý do tại sao những người bộ đội cố gắng đi lên phía bắc hoặc tại sao họ giả làm dân thường.

Những vụ xử tử

Thùy cho biết có hai lần ở tỉnh Quảng Trị, anh đã chứng kiến vụ hành quyết hai vợ chồng được cho là công chức của chế độ Sài Gòn.

Lần đầu, anh nói, một phụ nữ được tìm thấy trong một ngôi làng, rồi bị những kẻ bắt giữ bắn chết bà ấy, còn người chồng bà ta bị chặt đầu ngay sau đó. Trong một lần khác, một người đàn ông và bà vợ đang cố gắng chạy trốn vào Thừa Thiên sau khi Quảng Trị bị thất thủ, và họ bị bắn sau khi họ tìm cách ở lại khi thành phố mất.

Một phát ngôn viên quân sự cho biết cuộc họp báo được tổ chức vì có thông tin đáng kể về vụ phục kích trên Quốc lộ 1 và Thùy, với tư cách là nhân chứng, có đủ tư cách để kể về vụ việc.

Chương 11

Các Nhân Chứng Kể Về
Cuộc Thảm Sát Thường Dân
Chạy Trốn Từ Quảng Trị

• *Nicholas Ruggieri, Phóng viên IPS, 7/08/1972*

Hai sĩ quan thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đã cung cấp các tài liệu làm chứng về cuộc tàn sát của Bắc Việt khoảng 2.000 người, bao gồm cả người già và trẻ em ốm yếu, những người tìm cách chạy trốn khỏi cuộc xâm lược của Cộng sản vào Quảng Trị vào tháng Tư vừa qua.

Lời kể do Thiếu tá Robert F. Sheridan và Thiếu tá Donald L. Price cung cấp cho thấy rõ rằng hành động của Bắc Việt là có chủ ý.

Thiếu tá Sheridan nói: “Chúng tôi chỉ ngồi ở đó và không thể tin được. Bộ đội Bắc Việt biết họ đang làm gì. Họ có những tiền sát viên phía trước, những người có thể đang ở trong vòng vài trăm mét tính từ đoàn người tị nạn. Đám người này rõ ràng không có vũ khí, không có phương tiện, và thực sự hầu như không có đàn ông nào ngoại trừ những người rất lớn tuổi. Trước kia tôi đã từng có một số tôn trọng đối với quân đội Bắc

Việt Nam về kỹ luật được cho là của họ đối với người dân địa phương – nhưng lần này chỉ đơn thuần là hành động tội ác tàn sát những người già và yếu.”

Thiếu tá Sheridan và Thiếu tá Price là thành viên của toán cố vấn Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ được giao nhiệm vụ làm việc với các tiểu đoàn TQLC Việt Nam Cộng Hòa, cố gắng ngăn chặn cuộc càn quét ban đầu của Cộng sản vào tỉnh Quảng Trị. Họ có mặt ở các vị trí không xa hiện trường thảm sát. Cố vấn Mỹ và những người đồng đội Việt Nam đã bất lực không thể làm gì khác ngoài việc chứng kiến cảnh tượng kinh hoàng. Họ nói rằng ba hoặc bốn phóng viên nước ngoài đã đi cùng nhóm của họ, và một số đã quay phim cuộc tàn sát.

Cuộc tấn công nhằm vào những người tị nạn không nơi nương tựa dường như bắt đầu vào ngày 21 tháng 4 khi họ lên nhiều loại xe khác nhau, bao gồm cả xe Lam ba bánh, xe tải dân sự và quân sự trên Quốc lộ số Một.

Thiếu tá Price cho biết quân đội Bắc Việt đã phục kích đoàn người trên đường quốc lộ và dùng vũ khí nhỏ để bắn và pháo kích vào đoàn xe làm nổ tung thành từng mảnh vụn, và cánh đồng xung quanh đoạn đường chẳng mấy chốc đã ngổn ngang xác phụ nữ, người già và trẻ em.

Năm ngày sau, vào ngày 29 - 30 tháng 4, hàng ngàn thường dân khác đang chạy trốn khỏi tỉnh bị chiếm đóng lại cũng bị trúng đạn pháo của Bắc Việt ở đoạn xa hơn về phía nam trên quốc lộ.

Thiếu tá Sheridan nói “đó là cảnh tượng tồi tệ nhất mà tôi từng thấy.”

Ông cho biết những người tị nạn chủ yếu là trẻ nhỏ và người già, nhiều người trong số này bị khòm lưng do viêm khớp và không thể đi quá vài mét mà không dừng lại để nghỉ. Một số người già đang mang theo trẻ em hoặc đồ đạc được thu gom vào những chiếc thùng treo trên những chiếc đòn gánh trên lưng họ.

Vị sĩ quan Mỹ cho biết không có binh sĩ Nam Việt Nam nào trong số những người tị nạn và không có dấu hiệu là họ có

vũ khí. Một vài người đàn ông dường như là thành viên của lực lượng Nhân dân Tự vệ. Ông nói rằng trong các vụ việc mà ông chứng kiến, đám người tị nạn không có phương tiện xe cộ gì, dù quân sự hay dân sự.

Từ vị trí của mình, ông trông thấy ngôi làng nhỏ nằm ngay gần Đường số Một. Cách cầu Mỹ Chánh khoảng một cây số về phía bắc, Thiếu tá Sheridan cho biết ông có thể thấy một trung đoàn Bắc Việt bắn đạn 130 ly. Đạn pháo binh với ngòi nổ chậm khác nhau đã bùng nổ trên đầu những người tị nạn. Những quả đạn nổ cao từ 30 đến 40 mét trên đoàn người tị nạn, xé nát chân tay thân thể họ.

“Pháo binh Bắc Việt liên tục bắn vào những người tị nạn bị mắc kẹt suốt cả ngày. Chúng tôi đếm được hàng trăm quả đạn bắn tới. Khi các nạn nhân ngã xuống do những vụ nổ khủng khiếp trên cao, chẳng có ai đến cứu giúp những người bị thương. Mỗi khi một vụ nổ làm rạp xuống một lỗ trống giữa đám người tị nạn, những người đi sau đã đè lên các thi thể bị xé nát. Không có gì đủ mạnh để ngăn chặn và người sống cứ tiếp tục cầm lặng tiến tới”.

Thiếu tá Sheridan cho biết Thủy quân Lục chiến Nam Việt Nam đi cùng ông đã khóc trước cuộc tàn sát, trong sự tức giận, đau buồn và thất vọng vì không thể làm gì được. Ông nói rằng họ đã mang tất cả thức ăn và tiền bạc của họ cho những người tị nạn đang thất thểu, vấp ngã và loạng choạng ra khỏi vùng bắn giết chết người.

Thiếu tá Sheridan cho biết ông không thể ước tính được số người thiệt mạng do pháo binh Bắc Việt trong vụ việc mà ông chứng kiến vào các ngày 29 và 30 tháng Tư.

Chương 12

Những hình ảnh khủng khiếp trên “ĐẠI LỘ KINH HOÀNG”

Bài báo của ký giả Lê Thiệp đăng trên báo Chính Luận đề ngày 4/07/1972

QUẢNG TRỊ – 15 giờ chiều Chủ Nhật 2-7, Tiểu đoàn 3 Dù đang chia làm 3 cánh quân chờ tiến vào quận lỵ Hải Lăng. 2 cánh, 1 từ phía Nam, 1 từ Đông Nam sẽ cầm tới để cầm cờ trên quận lỵ Hải Lăng sau 3 tháng⁵⁷ lọt vào tay CSBV, 1 cánh nữa ẩn ở phía Tây làm rào cản đón những cán binh CSBV chạy càn ra. Qua máy vô tuyến, Thiếu tá Trần Văn Sơn, Tiểu đoàn Trưởng TĐ3 Dù đã nói “thế nào Dù cũng cầm cờ trên Hải Lăng hôm nay”. Phái viên Lê Thiệp bám sát TĐ3 Dù để chờ vào Hải Lăng. Bài báo sau đây do anh gửi về ghi lại những hình ảnh bi thảm nhất trên Đại Lộ Kinh Hoàng, nơi anh đã theo toán quân phụ gỡ mìn để đến với TĐ3 Dù đang nằm ở bờ ruộng cách Hải Lăng 500 thước.

Quả đúng với tên Đại lộ Kinh hoàng, trên 1 quãng đường dài 1 cây số sau khi qua khỏi cầu Bến Đá, chứng tích của chiến tranh làm mọi người phải ứa lệ kinh hoàng. Hậu quả của 1 cuộc “di tản chiến thuật” thật là khủng khiếp.

(57) - Tòa soạn đã sắp chữ sai. Đúng ra, chỉ vừa tròn 2 tháng. (Ghi chú của Ngy Thanh).

Hàng trăm chiếc xe đủ loại, GMC, xe đồ cháy rụi 2 bên đường. Trên mặt QL1, xác người nằm ở đủ phương thế. Những xác chết co quắp cháy nám chỉ còn là những khúc xương nám đen đê lên bộ quần áo nay đang tan rã từng mảnh. Dù mọi thứ cho thấy trong giờ phút kinh hoàng nhất của những kẻ bỏ thành phố Quảng Trị cách đây 3 tháng. 1 chiếc sọ bé tí nằm trong 1 chiếc chậu thau cùng bộ xương lồng ngực, cạnh đó 1 bộ xương lớn hơn xoài ra, tay như vớ lấy chiếc chậu thau. Xác lớn hơn có lẽ là bà mẹ vì cạnh đó có 1 cái quần lãnh đen lấp 1 nửa dưới đất cát.

Trong 1 xe cứu thương khác cả chục chiếc sọ người. Hầu như tất cả các xe đều có xác người. Trên 1 chiếc xe Dodge nhà binh bừa bãi mùng mền chần gối, mảnh vỡ của 1 chiếc TV, xác 1 người đàn ông có lẽ đã già vì hàm râu dài còn dính ở da. Sau 3 tháng trời, thịt rã ra, thấm xuống gia tài của gia đình ông nay cả người chỉ còn lớp da dính sát xuống bộ xương tạo thành 1 hình ảnh mà người nhìn khó quên.

Cả trăm chiếc xe đạp, xe gắn máy nằm chõng trơ cạnh những chiếc va ly khá đắt tiền, nắp bật tung quần áo vương vãi xung quanh. Nhiều xe Honda hãy còn nổ máy được. Trên một chiếc xe đồ chạy đường Quảng Trị-Huế, trên vè xe, 1 chiếc giày con nít màu đỏ nằm chõng chênh cạnh 1 lọ mực tím với nửa lọ mực và dưới đất có 1 cuốn album hình ảnh nhạt hết, 1 hộp phấn ri nát nằm gần đó. Có những chiếc sọ nằm trong mũ sắt, có những xác người đùm lại thành từng nhúm, dưới gầm xe có những xác còn ôm M16, có những xác nằm thòng xuống đất nửa người còn đeo trên xe. 1 xác người đàn bà nằm chết hãy còn đồng hồ, dây chuyền vàng, thỉnh thoảng 1 con chó nằm dưới gầm xe lười lè dài sông đuôi cúp chạy đi chạy lại, 1 vài con gà có lẽ còn là những sinh vật duy nhất còn sống sót sau những giây phút kinh hoàng chạy tán lạn khắp nơi.

Một binh sĩ nói với chúng tôi, “12 năm đi lính đánh nhau lung tung kẻ cả trận An Lộc chưa bao giờ tôi thấy cảnh này.”

Có lẽ đoàn xe hơi cố chạy khỏi Quảng Trị nhưng sau khi thoát khỏi ngã ba rẽ vào Quận Hải Lăng độ 3 cây số thì bị cộng

quân chặn lại. Theo một số binh sĩ thiết giáp thì Cộng quân đã pháo kích vào đoàn xe và sau đó dùng súng nhỏ bắn xối xả từ những ụ cát hai bên đường. Dọc quãng đường 1 cây số đó chúng tôi đã nhìn thấy nhiều vỏ bom na-pan. Có lẽ vì không muốn Cộng sản có thể sử dụng những gì còn lại của đoàn xe nên những quả bom này đã được thả xuống. Trên một chiếc GMC, 8 chiếc băng ca còn 8 xác người chết khô. Có một đôi boot sờ sờ⁵⁸ còn 2 xương ống chân lòi ra ngoài. Những chiếc xe ủi đất của công binh đang cố dọn dẹp cho sạch sẽ đại lộ kinh hoàng này. Những đồng xương khô còn lại, quần áo, nòng súng đủ thứ linh tinh được ủi thành một đống nhỏ bên đường. Một ký giả khi đến cuối đoàn xe dừng lại, nhìn sang chúng tôi: “Dunkerque⁵⁹ đến thế này chăng!” và anh gõ gõ chiếc tẩu thuốc vào thành xe, đọc nho nhỏ câu thơ “lưỡng tướng danh tiêu vạn cốt khô⁶⁰.”

(58) - Giày da nhà binh, gọi theo tiếng Pháp *Bottes de saut*, tiếng Anh: *jungle boot*

(59) - Trận *Dunkerque* (hay tiếng Anh: Trận *Dunkirk*) là một trận đánh quan trọng nổi tiếng trong Thế Chiến thứ Nhì, diễn ra tại Dunkerque, Pháp từ ngày 26/05 cho đến ngày 4/06/1940 giữa quân đội Đồng Minh và Đức Quốc xã, với kết quả phe Đức thắng.

(60) - Có lẽ nhà báo Lê Thiệp ngụ ý nói về câu thành ngữ tiếng Hán, “Nhất tướng công thành vạn cốt khô 一將功成萬骨枯”.

Chương 13

“Kinh hoàng”

Trích từ chương “Hiệp định Paris” trong cuốn “Không Danh Dự – Thất trận ở Việt Nam và Cambodia” của Arnold Issacs, do Viện đại học Johns Hopkins ở Baltimore xuất bản năm 1983.

Trận tàn sát vào mùa hè ở Quảng Trị, theo một nghĩa nào đó, không phải là trận điển hình đầy biến thiên bất ngờ và thuộc loại bỏ túi của cuộc chiến Việt Nam. Nó khởi đầu kiểu mở màn của Thế chiến II bằng các đơn vị lớn cấp sư đoàn; sau một vài tuần, Quảng Trị bắt đầu gọi lên ký ức về mô hình chiến tranh thậm chí được hình thành sớm hơn: cuộc tàn sát tĩnh lặng, có khuynh hướng tiệt hào chiến⁶¹ của Thế Chiến thứ I. Tuy nhiên, theo một nghĩa khác, trận chiến biểu hiện một hình ảnh hoàn toàn chính xác về cuộc chiến Việt Nam vào thời điểm 1972, biểu tượng của sự bế tắc vô tận, vô vọng, đẫm máu mà cuộc chiến đã biến hóa.

(61) - Tác giả dùng từ chuyên môn quân sự “trench-bound” trong nguyên tác tiếng Anh, phiên âm sang tiếng Hán là “tiệt hào chiến” (堑壕战), một hình thái tác chiến được phát triển tốt cùng ở Mặt trận Miền Tây trong Đệ Nhất Thế chiến khi các đạo quân hàng triệu binh sĩ của hai phe núp dưới các giao thông hào đối diện nhau để tránh đạn và pháo của đối phương.

Cuộc phản công của Nam Việt Nam bắt đầu vào cuối tháng 6, với Sư đoàn TQLC tiến dọc dài cát giữa QL1 và bờ biển, trong khi Sư đoàn Nhảy Dù sau khi bắc cầu phao qua sông Mỹ Chánh để thay thế nhịp cầu đã bị phá hủy trong cuộc rút quân vào tháng Năm, đánh thốc theo quốc lộ hướng về phía thủ phủ của tỉnh. Ngay lúc vừa bắt đầu tiến quân, binh sĩ Nhảy Dù đã bắt gặp một trong những cảnh tượng kinh hoàng nhất của toàn bộ cuộc chiến: những tàn dư của một đoàn quân xa với binh lính và người tị nạn đã bị kẹt cứng ở phía bên kia của cây cầu bị giật nổ và phá hủy trong chuyến di tản ra khỏi tỉnh – bị đốt cháy tàn khốc. Hàng xe cộ tồng húc nhau kéo dài hàng dặm nằm nối đuôi thành một dãy gần như liên tục ở cả hai bên đường.⁶² Quá giang xe đi về hướng bắc trên một chiếc *jeep* lèn chặt các phóng viên khác vào dặm ngày sau khi lính dù vượt sông, tôi đếm được trên 400 xác xe trong ba cây số đầu tiên, rồi tôi ngừng không đếm thêm nữa, rất lâu trước khi chúng tôi đến điểm kết thúc của cuộc tàn phá. Xe tải nhà binh, phần vãi bạt hai bên hông xe bị đốt cháy hoặc bắn rách bươm, tro thân với khung căng bạt chổng lên trời trông như bộ xương khủng long. Xen kẽ giữa đám xe quân sự này là nhiều xe thường dân: xe buýt với các tấm kim loại hai bên đã bị mảnh bom và lô đạn chém nát; xe gắn máy bị vặn xoắn, gãy vỡ; xe ba bánh bị băm vụn; xe nhỏ bị đốt cháy đen với đèn pha hắt văng ra khỏi ổ đèn nhìn trùng trùng y như các hố mắt của hộp sọ con người.

Mặc dù các binh sĩ chính phủ đã chuyển đi nơi khác hàng trăm thi thể⁶³, nhiều xác xe lâm nạn vẫn còn chất đầy từ thi, xác chết khô đét đen thui sau hai tháng phơi phóng dưới ánh mặt trời rực lửa của Việt Nam. Không ai có thể đưa ra con số đáng

(62) - Mô tả bằng câu "*For miles, smashed vehicles lay in an almost unbroken line on both sides of the road*", tác giả Arnold Issacs nhìn nhận trước khi ông tới, hàng xác xe đã được công binh VNCH ủi dạt ra hai bên lề đường để mở một lối đi đủ rộng cho việc tiếp viện vũ khí và binh sĩ cho Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù và Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù đang giao tranh ở La Vang và nhà ga Quảng Trị ở phía trước – khác với khi các phóng viên Sóng Thần phát hiện vào sáng 1/07/1972, "*Đại Lộ Kinh Hoàng*" còn nguyên trạng như ngày đầu của vụ thảm sát.

(63) - Ngồi trên xe jeep phóng suốt chiều dài "*Đại Lộ Kinh Hoàng*" chưa tới 6 km để làm phóng sự chỉ là một kiểu cỡi ngựa xem hoa, khó lòng nắm vững rằng binh sĩ Nhảy Dù đang phải làm nhiệm vụ giao chiến, bộ máy hành chánh tỉnh QT còn ly tán chưa trở về nhiệm sở như ghi nhận của ký giả Đoàn Kế Tường trong bài viết "*Nỗi cô đơn và niềm phẫn khởi của người đi nhật xác đồng bào*" đăng trên nhật báo Sóng Thần ngày 21/07/1972 – trừ dăm người lính lái xe thuộc Liên đoàn 10 Công binh Chiến đấu của Trung tá Trần Phú Vạn – các đơn vị quân đội khác chưa được lệnh vượt cầu Mỹ Chánh.

tin cậy về người chết; các ước tính leo lên tới đơn vị hàng ngàn.

Binh sĩ Nhảy Dù đã hành quân chớp nhoáng ngang qua đoàn xe bị thảm sát đến bìa thành phố Quảng Trị – mục tiêu mà bộ tham mưu ở Sài Gòn ước tính có thể tái chiếm vào ngày thứ chín của cuộc phản công. Thay vì như thế, đã phải mất đến hai tháng rưỡi kinh hồn, là thời gian diễn ra một trong những cuộc không tập và pháo binh nặng nề nhất kể từ Thế chiến II không chi đội xuống thành phố, mà gần như tất cả mọi nhà cửa trên toàn tỉnh. Qua tháng 8, pháo binh đã khai hỏa với cường độ đáng kinh ngạc 25.000 viên đạn mỗi ngày, trong khi các máy bay ném bom của Mỹ và Nam Việt Nam đã bay hàng chục phi vụ cộng với những 40 chiếc B-52 tham chiến, mỗi chiếc chở 30 tấn bom, ném xuống lãnh thổ của tỉnh mỗi ngày.

Chương 14

Đại Lộ Kinh Hoàng

Trích đoạn bài viết của các tác giả Hà Mai Việt, Huỳnh Văn Phú, Lê Văn Khoa, Lê Đắc Lực, Trương Văn Vinh, Craig R. Whitney, Vũ Ngự Chiêu, Alje Vennema.

Hà Mai Việt, *Thép và Máu*, tác giả tự xuất bản, Sugar Land, Texas, 2005.

Vào các ngày 29 và 30-4-1972, những ngày Quảng Trị hấp hối, trước cảnh tháo lui hỗn loạn của các đơn vị tham chiến và trước sự đe dọa của các trận hỏa pháo khủng khiếp do CSBV dồn dập trút vào thành phố, dân chúng Quảng Trị hoảng hốt, gồng gánh, bồng bế nhau bỏ chạy. Trong cơn hoang mang rối loạn, hàng chục ngàn người ứa ra Quốc lộ 1 chạy thực mạng về hướng Nam.

Ra khỏi thành phố chừng vài ba cây số, địa thế hai bên Quốc lộ 1 là vùng cát trắng khô nóng, hoang vu, nhấp nhô bởi những ngọn đồi cát hoang vắng, điểm những bụi phi lao chen lẩn trong đám dứa dại. Một vài nhánh sông nhỏ chạy ngoằn ngoèo, uốn khúc trong đồng cát trắng, chia thành nhiều nhánh khô cạn chia về phương Đông.

Song song với QL1, về hướng Đông là quốc lộ cũ. Tại ngã ba đường cũ, lối rẽ về Mỹ Thủy là “dãy phố buồn hiu”. Xa xa là hương lộ 555 chạy dọc theo bờ biển Thái Bình Dương đến tận Phá Tam Giang xứ Huế. Về hướng Tây là con đường xe lửa xuyên Việt chạy trên những cồn cát khô cằn nằm dọc theo quốc lộ. Xa tấp là giãy núi Trường Sơn hùng vĩ đang thi gan cùng tuế nguyệt. Từ chân núi trải rộng ra là những rừng trời rậm rạp, vắng bóng người. Các căn cứ Barbara và Động Ông Đô, những cao điểm chiến lược trọng yếu nhòm xuống toàn vùng, nằm án ngữ mọi cuộc xâm nhập của CSBV xuất phát từ đường mòn Hồ Chí Minh xuống chiến khu Ba Lòng, đổ về đồng bằng Hải Lăng và Triệu Phong, nay đã bỏ trống.

Từ trên không nhìn xuống quốc lộ, đoạn đường từ ngã ba Long Hưng đến phía Bắc cầu Mỹ Chánh, dài khoảng 18 cây số, đầy ắp người và xe cộ đủ loại, nối đuôi nhau từ từ trôi như một “giòng người” để về phương Nam. Họ là những quân nhân, gia đình binh sĩ, thường dân vô tội. Họ là những trẻ thơ non dại, những hài nhi còn bú mớm, những ông già, bà lão còn khỏe mạnh hay bị tàn phế. Phần đông họ diu dắt nhau lội bộ. Một số ngồi co cụm trên xe bò, xe đạp, xe gắn máy, xe đò hay quân xa.

Tất cả mọi người, già trẻ, lớn bé, nối đuôi nhau bò chạy trong hoảng sợ để tìm lấy sự sống còn trong tự do no ấm...
(Trang 115)

... Sau khi Cộng quân chặn dứt đoàn xe di tản tại cầu Bến Đá thì cảnh tượng hãi hùng đã xảy ra trên khắp đoạn đường từ cầu Bến Đá ngược về Quảng Trị. CSBV đã biến đoạn đường này thành một tử địa đầm máu và thê thảm nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Để nói lên sự khủng khiếp đó, người ta gọi nơi này là “Đại lộ Kinh Hoàng”.

Ngày 30-4-1972, trong khi hàng chục ngàn người rối loạn, tiếp tục chạy trên quốc lộ 1 thì chiến xa, hỏa tiễn và đại pháo các cỡ dồn dập chụp vào đầu họ. Hình ảnh khói lửa ngút trời, những trận mưa pháo kinh hoàng thi nhau xé xác con người làm nhiều mảnh, ném tung tóe hai bên vệ đường, hàng hàng

lớp lớp chết tức tưởi. Hình ảnh trẻ thơ khát sữa đang lăn lóc, rên rỉ trong lòng xác mẹ. Hình ảnh ông già, bà lão, thiếu phụ từ thương nằm ngôn ngang, chồng chất lên nhau. Tất cả những hình ảnh ấy đã nói lên hành động man rợ, tàn bạo, khủng khiếp chưa từng thấy trong cuộc chiến nôi da xáo thịt này.

Vào ngày 22-10-2000, tại Philadelphia với chủ đề “Thương về Quảng Trị”, hai nhân chứng lịch sử trên đại lộ kinh hoàng đã thuật lại với soạn giả những điều tai nghe mắt thấy như sau:

- Ông Phan Văn Châu cùng gia đình di tản từ Quảng Trị vào Huế bằng quốc lộ 1. Gia đình ông bị thất lạc sau khi địch pháo kích dữ dội vào đoàn người di tản. Ông kẹt lại trên đại lộ kinh hoàng một ngày, một đêm. Trong dịp họp mặt này, ông đã kể cho chúng tôi nghe như sau:

Sáng ngày 29 tháng 4, gia đình tôi gồm vợ mang thai và bốn đứa con từ 1 đến 4 tuổi cùng gia đình người chị ruột có bốn cháu, đứa lớn đã 18 tuổi, tổng cộng là 11 người cả lớn, lẫn nhỏ và một bào thai. Từ Thạch Hãn, chúng tôi kéo ra quốc lộ 1, theo đoàn người di tản chạy về Mỹ Chánh.

Sau khi qua khỏi quận Mai Lĩnh, tôi thấy ở phía bên phải quốc lộ, mé Tây, có nhiều quân nhân mặc đồ rằn ri của lính Nhảy Dù hay Thủy quân Lục chiến nấp trong hố cá nhân mới đào. Có hố chứa hai người, một người thủ súng trường, người kia cầm ống nói và giữ máy truyền tin. Họ nằm dọc theo quốc lộ, mỗi hố cách nhau khoảng từ 10 đến 20 thước, quân số ước chừng gần một đại đội.

Khi tôi đến gần cầu Ngán, địch quân pháo kích liên hồi, không biết phải chạy hướng nào. Tôi liền nằm trong đám từ thi sát bên lề đường, giả đồ như đã chết để quan sát, bỗng tôi thấy có mấy người nằm trong hố cá nhân gần tôi, luân phiên bắn vào lớp xe nhà binh có chở sĩ quan. Bắn xong họ ngồi thụp xuống để tránh lộ liễu. Đến lúc này tôi mới vỡ lẽ ra rằng những người mặc đồ rằn ri nằm dọc theo mé lộ là người của địch giả dạng lính quốc gia.

Lúc đại pháo từ hướng Tây bắn ra quốc lộ, chính mắt tôi thấy có mấy người nằm dưới hố dọc bên lề đường dùng máy vô tuyến đàm thoại trông có vẻ nghiêm trọng. Mỗi khi hàng loạt đạn chạm nổ, họ quan sát một lúc rồi mới nói vào máy với nhau những gì tôi không nghe rõ, sau đó đạn lại rơi vào nơi khác. Có lẽ mấy người này là tiền sát viên cho đại pháo, trà trộn trong đám người tị nạn để hướng dẫn pháo binh bắn vào người di tản, do đó mà hai bên đường, người tị nạn gục ngã ngổn ngang, nằm chết như rạ. Trước mắt tôi, máu đỏ chan hòa, xác người nằm la liệt trên quốc lộ vì bị thương hay đã chết, hình ảnh thật vô cùng thảm khốc.

Đoàn người dày đặc, tròng tròng điệp điệp đang chạy trên quốc lộ thì bỗng nhiên họ tóe ra như đàn ong vỡ tổ, kẻ Bắc người Nam tìm cách vượt thoát, không còn biết phải chạy lối nào cho thoát khỏi tử thần. Chính vào lúc này đại gia đình tôi tứ tán, mạnh ai nấy chạy, còn lại một mình tôi và đứa cháu trai với chiếc xe Honda chất đầy quần áo, chăn mền và đồ gia dụng.

Sau khi nhịp độ pháo kích thưa dần, tôi chạy quanh trên đại lộ để tìm kiếm gia đình nhưng vẫn biệt tăm. Cuối cùng tôi đành phải lật từng xác người để nhận diện nhưng cũng không thấy.

Khoảng hơn 10 giờ sáng, tôi nhìn thấy 3 chiếc trực thăng Cobra của Hoa Kỳ nhào lộn ở phía Tây quốc lộ, bắt chọt 2 chiếc bị cháy và 1 bị rớt tại vùng Phụng Sơn bởi hỏa lực phòng không của địch quân. Lúc đó tôi nhìn thấy 2 phi công HK nhảy ra khỏi phi cơ nhưng không rõ số phận của họ ra sao.

Khi màn đêm buông xuống, cảnh tượng thật hãi hùng. Tôi và đứa cháu đã mệt nhoài, hai người dựa vào nhau tạm nghỉ bên đường. Trong lúc hai cậu cháu đang nằm chung với các thầy ma, bỗng tôi thấy có người tới gần, họ nói tiếng Bắc, tôi đoán là quân chính quy Bắc Việt. Họ la lớn:

- Ngụy quân, ngụy quyền hãy mau mau ra trình diện, nếu không sẽ có tội với nhân dân, cách mạng. Nếu là đồng bào thì nằm xuống. Nếu không sẽ bị lạc đạn của địch.

Sau đó, họ tiến tới những chiếc xe nhà binh mà họ bắn xẹp

lớp hồi sáng để bắt sĩ quan dân đi. Tôi cũng bị xét hỏi như mấy người khác, nhưng sau khi tôi khai là giáo sư đi với người cháu thì được họ thả ngay.

Khoảng 6 giờ sáng hôm sau, tôi lên chạy vào con đường quốc lộ cũ nằm về hướng Đông của quốc lộ 1. Khi tới một cây cầu nhỏ, tôi gặp một trung úy Thủy quân Lục chiến, ông ta chặn tôi lại để kiểm soát. Sau khi tôi xuất trình giấy tờ hợp lệ và vừa đi khỏi chừng 50 thước thì nghe một tiếng nổ “bụp” trong đám người tị nạn ở phía đằng sau tôi bắn ra. Ngoảnh lại thì tôi thấy vị sĩ quan TQLC vừa xét hỏi tôi đã bị trúng đạn gục ngã ngay tại chỗ. Tôi đoán là có địch trà trộn nhưng vẫn lạng lẽ chạy vào tỉnh lộ tìm đường về Mỹ Chánh để vào Huế.”

- Đại úy Lê Phước Thuận, nguyên tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 105 Địa Phương Quân thuộc Tiểu khu Quảng Trị, vào lúc 5 giờ chiều ngày 29-4-1972, cùng 20 quân nhân trong đơn vị rút lui trên QL1, nay tường thuật lại:

Về tới thành phố, thành phố đổ nát tàn banh, có người cho hay ngày hôm qua, Tòa Hành Chánh đã alô alô yêu cầu đồng bào khẩn cấp ra khỏi tỉnh. Vô bộ chỉ huy Tiểu khu, quang cảnh vắng hoe, lạnh ngắt, các Phòng, Ban chỉ còn lưa thưa vài binh sĩ, áo giáp, nón sắt, tay cầm súng sẵn sàng nhảy xuống hầm khi nghe đạn pháo gầm trên trời cao, hệ thống phòng thủ rời rạc. Đến Trung tâm Hành quân, sĩ quan Tiểu khu ngồi thừ ra, gương mặt hồi hộp chờ đợi mà cũng chẳng biết chờ đợi cái gì, không lệnh lạc, không biết thân phận của mình ra sao sắp tới...

... Tôi chạy ra thì anh em, một số hoảng hốt về phần vợ con nên đã bỏ đi, một số quỳnh quáng theo các đơn vị khác đông trước, số còn lại khoảng 20. Tôi chọn xe Dodge cứu thương và gọi tất cả lên xe đi. Phố vắng tanh, đồ đạc rơi vãi ngổn ngang, đạn pháo rớt từng loạt xuống đường...

... Chi khu Mai Lĩnh trống rỗng. Ngoài lộ, đoàn xe dài vẫn đang nổ máy, một số ít dân sự, khá đông quân nhân, sắp xi

quân số một tiểu đoàn, ngòi, đưng lộn xộn, nón sắt, áo giáp, tay cầm súng sẵn sàng, nhưng đúng là chim lạc đàn, ong vỡ tổ...

... Qua khỏi cầu Dài, ba lô, gióng gánh vớt rải từ tung. Hai bên đường người chết sấp ngửa, có người đứt đầu xương gân cổ còn giật giật, máu vừa phun vừa nhều lai láng. Có người tay chân mất cụt, cổ đưa cao vẫy gọi kêu cứu, la ó, rên rỉ thảm thương. Từ ngã ba Hải Lăng vào chừng 200 mét, ôi thôi! Xe cộ, chiếc giữa bên phải, chiếc nghiêng bên trái, chiếc xoay ngang giữa đường, dọc Quốc lộ 1 la liệt xa tắp cho đến bên kia cầu Bến Đá...

... Tiến lên một đoạn nữa, ôi! Cảnh tượng thật kinh hoàng và đau thương, lửa cháy hừng hực làm nóng cả vùng trời, khói bay cuộn cuộn phủ kín mặt mù. Loạn xạ và ngón ngang, người chết, người bị thương nằm trên từng mét vuông đất, một đôi nơi vài ba thi thể chồng vấp lên nhau, trẻ em ngòi khóc thét trên thân cha đã sinh, bé sơ sinh nhui nhũi tìm vú sữa trên xác mẹ còn nóng hổi, vũng máu sậm từ mấy ngày trước, vũng máu tươi vừa mới mấy phút qua. Tiếng la ó kêu gào cứu vớt, tiếng rên rỉ đón đau, than khóc hoảng hốt, âm thanh ấy hóa thành một sầu điệu ai oán rùng rợn làm cho tôi đến giờ này vẫn còn văng vẳng bên tai.

Và om sòm nhất là trên những chiếc GMC bánh xep giữa nghiêng, đoàn xe di tản thương bệnh binh, người cụt chân đang băng bó vết thương cũ chưa lành, nay lành thêm mảnh pháo cắt ngang bụng lòi ruột, người cánh tay què còn treo trên băng trắng vắt qua cổ, một mảnh đạn đục vỡ đầu, máu lan tràn trụa, người người dẫy giụa vì đau nhức không chịu nổi.

Nghe tiếng khóc thét của trẻ con, đàn bà trên chiếc xe phía trước, tôi chạy lại, té ra là một gia đình binh sĩ thuộc chi khu Mai Lĩnh, anh ấy la lên hốt hải, đại úy ơi! Vợ và bốn con của tôi đều bị thương cả: lật qua lật lại xem xét, tôi tuyệt vọng nói, thôi, chỉ còn cách vài té sống một lạy rồi bái biệt mà ra đi, có thể mới bớt chết thêm một người. Anh ta khóc sụt sùi, làm nhảm thì thầm, đạn pháo lại tới tấp, tôi kéo anh ấy xuống nằm sát vào bìa nghiêng cạnh đường, song hét lớn, tất cả chạy về hướng Chi khu Hải Lăng, tránh xa trọng điểm đạn rơi.

Ra khỏi chừng 300 mét, chúng tôi nhìn lại hướng đồi cao, đồn Bến Đá, VC đang tàn ác pháo kích dữ dội, chúng rải ngang song song QL1, quân dân kẹt lại tại đó hoảng hốt chạy về hướng Đông, rồi chúng lã dĩ dọc nghiêng nát xương thịt. Xong, chúng lại rải ngang dồn quân dân từ hướng Đông trở về QL1, trên bãi cát trắng, không nơi ẩn nấp, thân nhân nằm la liệt rên xiết, kẻ nặng, người nhẹ, cho nên không ai nỡ bỏ đi và cứ như thế mà chịu trận.

Trên hướng Tây, căn cứ Barbara và động Ông Đô đã bỏ ngỏ, VC chiếm lấy đỉnh cao, nhìn ra tứ bề, mặc sức cho tiền sát viên điều chỉnh tác xạ giết diệt quân dân mình...

... Ngang qua suối Khe Chè, hàng hàng lớp lớp người bị thương, mất máu, khát nước, cần bò đến uống rồi gục xuống, Khe Chè nhuộm đậm màu đỏ. (trang 117, 118)

Sau khi kế hoạch hồi cư và định cư đồng bào Quảng Trị tạm ổn định, vào đầu tháng 4 năm 1973, đại tá Hà Mai Việt, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Quảng Trị và ông Trần Đạo Đông, Chủ tịch Hội đồng tỉnh Quảng Trị cùng phái đoàn Đại diện Tỉnh đã lựa chọn địa điểm để thiết lập Nghĩa trang và xây Đài tưởng niệm vong linh Dân, Quân, Cán, Chính VNCH chết tức tưởi dưới làn mưa đạn của Cộng quân trên đại lộ Kinh hoàng trong các ngày 28, 29 và 30-4-1972.

Khu đất được phái đoàn Đại diện Tỉnh chọn làm nghĩa trang cho Đại lộ Kinh hoàng nằm tại phía Tây QL1, khoảng 6 cây số về phía Nam cầu Dài (cầu sông Nhung) thuộc xã Hải Trường, quận Hải Lăng.

Theo đồ án thi đànng trước nghĩa trang là ngôi nhà ba gian, dùng làm Đền thờ Vong linh nạn nhân chết thê thảm trên Đại lộ Kinh hoàng. Ngay trước mặt Đền thờ Vong linh là Đài Tưởng niệm. Về phía Nam Đài Tưởng niệm khoảng một cây số là khu đất tạm xây Chùa Tỉnh hội Phật giáo Quảng Trị. Ở phía trước Chùa, nằm sát với QL1, thượng tọa Thích Chánh Trực đã cho dựng tượng đài Đức Địa Tạng Vương Bồ tát. Đài này được gọi là “Chiêu Linh Đài”, đến nay vẫn còn tồn tại.[76] (trang 122)

Số [76] là ghi chú của tác giả Hà Mai Việt. Ghi chú ấy được giải thích ở trang 162 của cuốn *Thép và Máu*, như sau:

Tại Philadelphia, trong ngày “Thương về Quảng Trị,” 20-10-2000, ông Trần Đạo Đông, nguyên chủ tịch Hội đồng tình hữu hảo, đã kể lại như sau: “Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam VN vào ngày 30 tháng Tư năm 1975, tà quyền Cộng Sản trị quốc không khác gì một phường thảo khấu. Đối với người còn sống chúng cướp đoạt hết tiền bạc, nhà cửa, tàu bè, xe cộ, phương tiện làm ăn buôn bán, gây hận thù trong mọi tầng lớp nhân dân khiến hàng triệu người phải bỏ nước ra đi. Đối với người đã chết, ngay cả những người do chúng chém giết mà sau này không hề hối hận, họ cũng cướp đoạt cả nơi an nghỉ cuối cùng của người đã khuất. Điển hình là tại Đại lộ Kinh hoàng, Quảng Trị, chúng triệt phá Đền Thờ Vong linh trên Đại lộ Kinh hoàng, chúng biến cái Đài Tưởng niệm Đại lộ Kinh hoàng thành Đài Liệt sĩ CS và chúng san bằng Nghĩa trang Kinh hoàng để làm Nghĩa trang CS.

Chúng tôi nhân đây xin khẳng định lại một số điểm mà ông Trần Đạo Đông kể lại với cựu Đại tá Hà Mai Việt không đúng sự thật:

1. Khi vượt sông Bến Đá (bắt qua sông Ô Khê ở km 784,210) và đi dọc QL1 đến cuối “Đại Lộ Kinh Hoàng” ở cầu Dài 2 (trên sông Nhung, ở km 778,936) hôm 1/07/1972, chúng tôi ghi nhận khoảng cách giữa hai cây cầu mà chúng tôi đặt tên “Đại Lộ Kinh Hoàng” dài đúng 5.274 mét.

Như thế, “Khu đất được phái đoàn Đại diện Tỉnh chọn làm nghĩa trang cho Đại lộ Kinh hoàng nằm tại phía Tây QL1, khoảng 6 cây số về phía Nam cầu Dài 2 (cầu sông Nhung) thuộc xã Hải Trường, quận Hải Lăng” là không đúng, vì như thế, khu đất do Hội đồng Tỉnh mà người đại diện là ông Trần Đạo Đông chọn phải nằm ở phía nam sông Ô Khê, tức giữa cầu Bến Đá và cầu Mỹ Chánh. Trong khi đó, từ tháng 4/1973 đến

nay, trên đoạn đường này không có nghĩa trang nào mà chỉ có “dự án của Hội đồng Tỉnh Quảng Trị.”

2. *“Theo đồ án thì đằng trước nghĩa trang là ngôi nhà ba gian, dùng làm Đền thờ Vong linh nạn nhân chết thê thảm trên Đại lộ Kinh hoàng. Ngay trước mặt Đền thờ Vong linh là Đài Tưởng niệm. Về phía Nam Đài Tưởng niệm khoảng một cây số là khu đất tạm xây Chùa Tỉnh hội Phật giáo Quảng Trị. Ở phía trước Chùa, nằm sát với QL1, thượng tọa Thích Chánh Trực đã cho dựng tượng đài Đức Địa Tạng Vương Bồ tát. Đài này được gọi là “Chiêu Linh Đài”, đến nay vẫn còn tồn tại.”*

Như thế, theo lời ông Trần Đạo Đông, theo đồ án, đằng trước nghĩa trang là ngôi nhà ba gian, dùng làm Đền thờ Vong linh, trước mặt Đền thờ Vong linh là Đài Tưởng niệm, cách Đài Tưởng niệm khoảng một cây số về phía Nam là khu đất tạm xây Chùa Tỉnh Hội. Đến nay, tất cả các công trình ấy vẫn còn là... dự án.

Riêng phía trước chùa, nằm sát với QL1, thượng tọa Thích Chánh Trực đã cho dựng tượng đài Đức Địa Tạng Vương Bồ tát, còn gọi là Chiêu Linh Đài, đến nay vẫn còn tồn tại. Sự thật, công tác thu lượm và mai táng xác nạn nhân bị thảm sát trên ĐLKH do anh chị em nhật báo Sóng Thần tiến hành mất 7 tháng, kéo dài từ tháng 7/1972 đến tháng 1/1973. Số tiền kêu gọi độc giả đóng góp đã vượt quá ngân sách cần thiết, nên báo ST đã phải thông báo tạm ngừng nhận tiền và sau khi kết thúc việc thu lượm và mai táng 1.841 xác, số tiền thặng dư được báo ST quyết định dùng để xây đài Đức Địa Tạng Vương Bồ tát. Ngày khánh thành đài, nhà báo Lý Đại Nguyên đã từ Sài Gòn ra Quảng Trị để chủ tọa; trong nghi thức tiến hành, Sóng Thần có mời thượng tọa Thích Chánh Trực chủ trì và đọc bài văn tế.

3. *“Diễn hình là tại Đại lộ Kinh hoàng, Quảng Trị, chúng triệt phá Đền Thờ Vong linh trên Đại lộ Kinh hoàng...”* – Vừa trước đó, ông Trần Đạo Đông cho biết *“Theo đồ án thì đằng trước nghĩa trang là ngôi nhà ba gian, dùng làm Đền thờ Vong*

linh”. Như thế, Đền thờ Vong linh cho đến giờ này vẫn còn nằm trong dự án của Hội đồng Tỉnh Quảng Trị, chưa thực sự được xây dựng để... bị triệt phá.

4. “... chúng biến cải Đài Tưởng niệm Đại lộ Kinh hoàng thành Đài Liệt sĩ CS...” – Đài Tưởng niệm mà ông Trần Đạo Đông đề cập “nằm ngay trước Đền thờ Vong linh”, cũng thế, đến giờ này vẫn còn nằm trong dự án.

5. “...và chúng san bằng Nghĩa trang Kinh hoàng để làm Nghĩa trang CS”. Về điểm này, (a) Nghĩa trang Kinh hoàng do Hội đồng Tỉnh chọn đất để xây dựng, nhưng suốt thời gian từ tháng 4/1973 đến ngày 26/03/1975 vẫn chưa được xây dựng, chưa tổ chức tìm lượm xác và mai táng – nên việc Nghĩa trang Kinh hoàng (của Hội Đồng Tỉnh) bị san bằng là không có. (b) “Nghĩa trang Đồng bào Chiến nạn Quảng Trị” do báo Sóng Thần mai táng 1.841 xác nằm ở Mỹ Chánh sát thôn Hội Kỳ thuộc xã Hải Chánh, quận Hải Lăng. (c) Nghĩa trang Liệt sĩ của Cộng Sản với 1.699 ngôi mộ nằm ở cách Đài Địa Tạng khoảng 1.5 km về hướng Tây Bắc, cũng bên phía đường sắt xuyên Việt, đối diện khu công nghiệp Hải Lăng hiện nay. Vị trí của nghĩa trang liệt sĩ của bên thắng cuộc là khu đất trống – không phải *san bằng Nghĩa trang Kinh hoàng* của Hội Đồng Tỉnh, cũng không phải san bằng “Nghĩa trang Đồng bào Chiến nạn” nơi báo Sóng Thần mai táng 1.841 xác nạn nhân ở Mỹ Chánh.

o

Hành Lang Máu

Lời kể của Thiếu tá TQLC Huỳnh Văn Phú về những gì mà ông chứng kiến trên Quốc lộ 1 vào các ngày cuối tháng 4-1972 như sau:

Đùng một cái, vào các ngày 28, 29, và 30-4, Cộng quân pháo kích với cường độ “cấp tập” vào thành phố Quảng Trị.

Thế là dân chúng hoảng hốt, bồng bế nhau chạy về Huế lánh nạn. Không thể nào kể hết những thảm cảnh của đám người chạy nạn đó. Trong hai ngày 29 và 30-4, trên quãng đường dài từ Quảng Trị đến Mỹ Chánh, dân chúng đi chen chúc nhau chật cả quốc lộ, từ sáng đến chiều vẫn không dứt. Thôi thì đủ các loại xe lớn, nhỏ nối đuôi nhau đi nườm nượp về phía Nam và phần đông là những người đi bộ, gồng gánh trên vai những gì họ có thể mang theo được.

Dưới mắt tôi, đó là một “con rắn người” không lồ ngoằn ngoèo dài đến hàng mấy chục cây số. Đây là một thanh niên công người mù trên lưng, vừa đi vừa thở, đằng kia là một người đàn bà gánh đôi thùng, ở đầu thùng trước một em bé chừng 4 tuổi đang vốc cơm ăn ngon lành, đầu thùng sau chứa đầy quần áo và mấy bịch nylon đựng gạo. Chỗ khác, một gia đình gồm nhiều người đang ra sức đẩy cái xe bò chất đủ thứ nào bàn ghế, quần áo, nồi niêu xoong chảo và có cả một con heo nằm co quắp ở phía trước. Một ông già, có vẻ là chủ gia đình, đang kéo chiếc xe một cách mệt nhọc. Tôi đến trước mặt ông, lấy máy ảnh bấm một “bô”. Ông cố nở một nụ cười... Không biết ông cười vì được chụp ảnh trong hoàn cảnh đáng ghi nhớ này hay cười vì cảnh đời dẫu bẽ và nghiệt ngã đổ ập xuống quê hương ông? Chiều đã xuống dần, giòng thác người vẫn xuôi Nam trong ánh nắng hoàng hôn của ngày 29-4. Một bà già có tật ở chân đang khập khễnh đi nhờ chiếc gậy trên tay, cái bóng bà đổ dài trên mặt đường. Bà đi chừng mười mười lăm bước lại dừng. Xa hơn một chút, một cụ già và hai cháu nhỏ ngồi thờ đốc bên vệ đường...

Ngay trước vị trí đóng quân của Tiểu Đoàn 5/TQLC, các anh chiến sĩ thuộc đơn vị này đem nước ra để hai bên đường cho dân chúng uống. Có anh đem cả phần gạo sấy của mình chia cho những gia đình đang đói lã. Dù sao, đây cũng là những người còn được ít nhiều may mắn vì đã vượt về đến Mỹ Chánh. Một số lớn dân chúng đã bị kẹt trong vùng giao tranh giữa ta và địch tại cây cầu Bến Đá, 5 cây số Bắc Mỹ Chánh. Đó là khoảng đường “hành lang máu” của hàng ngàn dân vô tội chết

oan trong khi đi lánh nạn. Lợi dụng một lỗ hông nhỏ do sự rút quân của Tiểu Đoàn 7/TQLC để đi ra tăng cường cho mặt trận Quảng Trị, Cộng quân đã xâm nhập được cây cầu Bến Đá, từ đó chúng chặn đót đoàn xe chở đám người chạy nạn và bắn giết họ không nương tay.

Dân chúng đang đi trên đường thì bị hàng loạt đại bác 130 ly ngã ra chết. Những cái chết vô lý búa chập xuống đời họ, họ chết trong nỗi kinh hoàng. Một chiếc xe bị bắn lật nhào xuống hố kéo theo 30 mạng người trong xe và cái hố đó cũng chính là mồ chôn họ luôn. Trên quãng đường này, không một gia đình nào còn nguyên vẹn, kẻ mất người còn thất lạc tứ tung. Đây, sự nghiệp giải phóng của đoàn quân miền Bắc là như thế đấy. Giải phóng người dân vô tội đi nhanh về bên kia thế giới, giải phóng sự nghiệp của mọi người trở về với hai bàn tay trắng. Những hình ảnh đó suốt đời tôi không thể nào quên. Mỗi ngày, tôi từ vị trí đóng quân ra ngồi trên con đường sắt, con đường mà ngày xưa xe lửa đã chạy ra đến Hà Nội, nhìn dân chúng lũ lượt kéo nhau đi mà lòng chùng xuống... Tôi cố tìm trong đám người đi đó xem có ai quen thuộc không, nhưng không, không có ai tôi quen cả. Tôi muốn chia sẻ những nỗi đau khổ với họ nhưng hình như lúc ấy niềm đau ở trong tôi đã trộn chung với niềm đau của họ...

o

Két bia xe thập đỏ – Đại lộ kinh hoàng 1972

(Trò chuyện với Lê Văn Khoa)

Vào tháng 4.1972, Lê Văn Khoa là Dược sĩ Trung úy, Tiểu đoàn 3 Quân y, Sư đoàn 3BB/QLVNCH, đồn trú tại Bộ Tư lệnh Sư đoàn, căn cứ Ái Tử, tỉnh Quảng Trị.

• *Anh có mặt tại Quảng Trị từ thời gian nào?*

■ Tôi ra trường năm 71. Vào cuối năm, tháng 12, tôi ra trình diện đơn vị mới và cũng là đơn vị đầu tiên của tôi, Sư đoàn 3 Bộ binh mới vừa thành lập. Lúc trẻ, vì tính phiêu lưu nên tôi chọn Sư đoàn giới tuyến “Tam sơn nhị hà” này, nhưng cũng không biết 3 quả núi là 3 quả núi nào với 2 con sông nào.

Tôi còn nhớ, chiếc C130 hay C119 chở tôi ra, sau khi thả một tốp xuống Phú Bài, chỉ có mình tôi còn lại là xuống phi trường Quảng Trị. Bước ra khỏi, một bên là núi, một bên là cát, tôi đứng nhìn nó bay vòng trở về rồi một thân xách túi ra hỏi người lính gác, lối nào đi đến đơn vị.

• *Lúc đó tình hình tại “tuyến địa đầu” này ra sao?*

■ mấy tháng đầu yên ắng, nhiệm vụ tôi là trưởng phòng thí nghiệm, kiêm y khoa phòng ngừa và thanh tra thuốc men. Phòng thí nghiệm thì chỉ là 4 cái cọc chưa có mái, tôi cũng chẳng có chuyện gì làm. Các y sĩ thì ra Trung đoàn, theo Đại đội, cả Sư đoàn chỉ có 2 dược sĩ, người kia lo việc phân phối thuốc còn tôi thì lẩn quẩn đi chơi.

Nhưng không có xe, ai rù đi đâu thì tôi theo đó, có lần ra đến Gio Linh hay ra Đông Hà mua mấy cái lật vặt, nút áo để may vá. Người ta bảo con gái Đông Hà mắt to và đẹp, tôi cũng chẳng biết. Một bạn anh bạn bên Thiết giáp thích một cô bán quán cũng mắt to và đẹp đưa ra đến Cam Lộ, quán cà phê “Da vàng” hay “Con gái”, chỉ có mấy đứa tôi lính ngồi uống nước, phở xá vắng ngắt...

Nguy hiểm ở đâu thì tôi không biết, ông Tiểu đoàn trưởng bảo đi thanh tra chỗ này chỗ kia, tôi đi thì bị trách tại sao lại nhận. Tôi trả lời là lệnh Tiểu đoàn trưởng, họ bảo chỗ đó dễ chết, ông muốn đi thì ông cứ đi sao lại dắt tôi theo. Nhưng nói chung là cũng chẳng có gì, các y sĩ theo đơn vị hành quân mới đụng trận gì đó, còn tôi ở hậu cứ.

Cuối tháng 3, Ái Tử liên miên ăn pháo, cả ngày ở dưới hầm, đến giờ ăn chạy lên ăn rồi vào hầm trở lại. Nói là ngày đêm liên tục nhưng họ cũng có giờ nghỉ!

Một y sĩ mới đến, vào trình diện Tiểu đoàn trưởng, trở ra thì ông này không sao nhưng người lính dẫn ông đến lại trúng pháo chết! Bộ Tư lệnh Sư đoàn bị áp lực dời về Cổ thành, Tiểu đoàn trưởng Quân y vào trong đó với ông Giai, các y sĩ thì ở các đơn vị, tôi và mấy sĩ quan và bộ phận hành chánh sang bên Bệnh viện Dân quân tỉnh Quảng Trị ở tạm.

Lúc đó Quảng Trị cũng ăn pháo, phần lớn là trong Cổ thành, ngoài phố lác đác. Biệt động quân, Thủy quân Lục chiến ra tăng phái, sở dĩ tôi được biết là vì quân y hiện dịch đều biết nhau từ lúc ở trong trường. Tôi có gặp anh bạn y sĩ Biệt động quân đóng ở bên kia sông, BS Hương, tụi tôi ăn uống kham khổ nên anh hay rủ qua chỗ anh ăn chung, tuy là y sĩ nhưng anh cũng có người lính nấu nướng, làm cơm cho ăn với mấy cái đồ hộp.

Rồi có cả phản công, các đơn vị tăng phái đánh Việt cộng đuổi lên đến tận Cửa? Tôi nghe nói vậy nhưng cũng không biết Cửa ở đâu, được vài bữa chẳng hiểu sao lại lúp xúp chạy ngược về.

Đêm hôm đó (28.4) tôi đang ngủ thì súng bắn mờ mịt khói, vào 3 giờ sáng, đủ loại lớn nhỏ, tiếng AK lách cách ròn rã, hình như có cả pháo tăng địch. Tôi lên phòng Giám đốc Bệnh viện thì ông này đã đi đâu mất, tối tôi còn thấy ông đốt nến làm việc mà giờ thì cây nến lạnh ngắt và bệnh viện vắng tanh!

Tôi và Thiếu úy Hiếu (sĩ quan hành chánh Tiểu đoàn 3 Quân y) ra ngoài bám theo một cái xe Hồng thập tự tài thương, loại Dodge 4x4, đu bên ngoài nhưng cái xe rất trơn, không có thành để bám, lại đêm sương xuống ướt mái, khi đến chỗ... cửa hàng bánh cuốn mái tôn, nó lên dốc gắt cua tôi văng xuống đường, nhìn sang thấy Hiếu bên kia xe cũng tuột!

Hai người rủ nhau chạy bộ vào Cổ thành, có vài xác trên đường lác đác nhưng vẫn còn vắng. Tôi định tìm đơn vị trưởng đề trình diện nhưng đến cổng thành, lính kéo kềm gai ngang không cho vào. Lúc đó súng tiếp tục bắn mờ mịt, khói súng đạn dày đặc tương như là màn sương, trong thành chắc họ sợ Việt cộng đã vào trong thị xã, đặc công cài trang quân áo lính mình.

Chúng tôi bèn rẽ mặt theo đoàn người, trong đó dân có, lính có, chạy về nam thì gặp một xe jeep quân y của Thủy quân Lục chiến, Bác sĩ... Trường tôi quen, cho tôi lên. Đến Mai Lĩnh thì Quốc lộ bị gài mìn, đoàn xe đoàn người tắc lại nghẽn, không tiến lên được.

• *Đoàn người chạy này phần lớn là dân hay là lính?*

■ Đủ hết, dân chạy loạn, xe nhà binh, xe dân sự, đi bộ gồng gánh. Lính thì đủ các loại, lính Sư đoàn 3, Địa phương quân, Công binh... Thủy quân Lục chiến, có cả Thiết giáp. Phần lớn là Bộ binh (áo xanh). Biệt động quân, lúc đó tôi thấy còn đóng ở Mai Lĩnh.

• *Lính các sắc như anh nói di chuyển theo đơn vị, đội hình?*

■ Không, lính và dân lẫn lộn, lính chạy với gia đình của họ, chạy một mình, từng tốp hỗn loạn, chạy chứ không phải hành quân khai thông quốc lộ gì hết.

• *Ở Mai Lĩnh vậy chưa có pháo vào đoàn người di tản?*

■ Lúc đó trời mới sáng, chưa có pháo, ở phía trước bảo đánh mìn không lên được, tôi bỏ xe xuống tìm đường đất để men ra hướng biên. Nhưng mới vừa đi thì có tốp người bên cạnh trúng ngay mìn, chỉ có vài mét, xác văng lên rách tan!

Tôi và Hiếu lại lần về Quốc lộ. Được một lúc thì thiết giáp bên trên gỡ bãi mìn lại đi được tiếp.

• *Là có đơn vị thiết giáp hay công binh lên gỡ mìn?*

■ Tôi không biết, hay là cá nhân tự động họ gỡ, khi tôi đi lên đến thì thấy có mấy tờ giấy trắng đánh dấu các bãi mìn cẩn thận, chẳng hiểu là ai làm.

Nặng lên, vào mùa đó trời rất oi ả khó chịu, tôi đi còn đeo theo ba lô với mấy bộ quần áo và mấy cuốn sách, áo giáp, nón sắt và cây M16, lưng lặn khẩu Colt nặng chình chịch.

Nhiều người mệt cời vất nón vất giáp, đến lúc đó thì bị pháo.

Một bên là núi, một bên là bãi cát trắng chạy dài ra đến biển, đoàn người bỏ đường chạy ra hướng này lại bị pháo quay về đầu kia, dạt qua dạt lại như là một ruộng lúa dưới gió, hết vòng tới lại vòng lui.

• *Như vậy là rất đông người?*

■ Tôi không biết là bao nhiêu, như là lúa ở trên cát ng-
hiêng ngã theo nhịp pháo. Bỗng có từ đâu mấy cái thiết giáp
chạy lên mở chốt, xạ thủ nổ đại liên ùng ùng, một lúc khựng
lại không tiến lên được!

• *Vậy là vẫn còn đơn vị có khả năng tác chiến?*

■ Có lẽ là đơn vị nhỏ hay vài xe hành động cá nhân. Tôi
nghĩ là nếu có chỉ huy, điều động thì đã mở được đường!

Tôi cũng theo đoàn người chạy qua chạy lại, về phía biển
thì một lúc gặp đầm lầy không băng qua được. Hiếu trẻ khỏe
hơn tôi, nên gắng kéo tôi đi. Nhưng mệt quá rồi, là người, tôi
trở về đường nhựa ngòi, sóng chết ra sao thì không biết, ở đó
mà nhìn người ta dạt tới dạt lui và pháo đuổi theo.

• *Thiệt hại, người chết có nhiều không?*

■ Tôi không nhớ, lúc đó cũng không để ý hay quan sát
chung quanh, chỉ nghĩ sao về gặp lại được gia đình! Hẳn là có
chứ, người chết cháy, chết co quắp lăn lóc đây đó. Bãi cát thênh
thang nên pháo nổ loảng đi, không phải như là âm thanh trong
ciné, chỉ thấy từng bụi đất cát mỗi lần đột ngột đây đó bốc lên
tung tóe.

• *Pháo này là pháo đuổi từ xa bắn theo hay ở gần bắn tới?*

■ Tôi không biết pháo gì, có cả cán B40, đuôi bích kích
vung vãi trên đường. Việt cộng rất gần, có lúc thấy rõ bóng
người chạy qua chạy lại. Người ta bắn, tôi cũng lấy M16 ra mà
khĩa, bắn lấy vui túi bụi, đến độ hết cả đạn!

Lúc đó rất sợ bị bắt, tôi nhặt được mấy quả lựu đạn mini,
nghĩ là nếu bị bắt chắc dám làm liều nổ lựu đạn tự sát. Thì gặp

một cái xe Hồng loại Dodge đến, một tay bác sĩ ở Bệnh viện Quảng Ngãi hay Chu Lai ra tăng phái, BS Lưu, nhóm giải phẫu thi phái. Tôi lên xe anh này, thật tình chuyện sống qua nhưng giờ rất mơ hồ, hình như là đằng sau lính còn khoẻ có leo lên đẩy thương binh nhẹ xuống, dồn mấy người bị thương nặng lại một đống, xe theo đường len lên, hình như có cán qua xác chết gì đó.

BS Lưu nói, xe Hồng chắc tụi nó không bắn, mình liều chạy đại! Khúc đường phải băng qua đằng trước vắng ngắt, chỉ chừng 500 mét mà thăm thẳm, tôi lại ngồi phía ngoài cùng, phía núi, tức là phía đạn, mà họ đang nổ súng loại thượng liên, chứ không phải là đại liên nữa, loại thượng liên thứ bắn máy bay! Tôi nhớ lúc đó mình nghĩ bản, tay Hiếu này lên xe trước len vào ngồi trong, mình thì ngồi ngoài! Trước tôi có một cái xe Quân y khác, nhưng là xe jeep, tôi ngồi khom người, chẳng hiểu từ đâu thấy dưới chân lại có một két bia!

Chiếc jeep dẫn đầu không biết có phải vì bị bắn trúng hay bị bắn vào bánh, chạy đến đầu cầu bên này đâm vào giây kềm gai giăng trên cầu, bị vướng vòng vèo đâm vào đôn Địa phương quân ở cạnh cầu, ngưng lại. Xe tôi vọt qua chỗ giây kềm do họ mở, chạy sang bên kia cầu Mỹ Chánh.

- *Vậy còn số phận của két bia anh vừa mới nói?*

- Vào đến tuyến Thủy quân Lục chiến, trên xe mở luôn liền ra uống! Nhìn lại, chỉ thấy có một vết đạn trên thành, phía trên bánh, không hiểu là vì xe Hồng nên họ không bắn, hay chạy bất ngờ họ bắn không kịp, không trúng, hay họ chỉ cố tình muốn bắn vào lốp. Sau tôi còn một xe nữa qua được, đó là 3 chiếc xe duy nhất, sau đó chốt đóng lại mấy ngày liền không ai qua khỏi.

- *Như vậy là vào ngày 29.4, chuyện chết chóc lớn là sau đó khi Quốc lộ 1 tắc hoàn toàn. Khi khai thông trở lại, Phan Nhật Nam đi ngược về Bắc kể xe ủi đất đùn xác người thành đống, mỗi mét trên 9 cây số là 2 mạng, anh không có chứng kiến?*

■ Tôi về đến Huế, sau đó Sư đoàn tập trung lại ở Phú Lương, về sau tái phối trí ở núi Khánh Sơn, Đà Nẵng, tôi không có dịp trở lại Hải Lăng vào những ngày hay tháng ngay sau.

* Nguồn: <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=3185&rb=0307>

O

Đoạn văn này – với sự đồng ý của tác giả – được trích từ chương mang tên nguyên thủy *Cố Thành Quảng Trị*, trong sách *Tàn Con Bình Lửa* của Lê Đắc Lực, từ trang 122 đến trang 128. Tôn trọng tác giả và độc giả, chúng tôi trích nguyên văn, kể cả những danh từ chung được tác giả viết bằng chữ in hoa.

Hôm Đại Lễ Kỷ Niệm Ngày Quân Lực 19 tháng 6 năm 1972⁶⁴, Tổng Thống đọc diễn văn và ra lệnh cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, trong vòng 3 tháng, phải chiếm lại Cố Thành Quảng Trị. Kể từ hôm Tổng Thống ra lệnh, đến ngày chúng tôi lên máy bay chỉ mới 9 ngày⁶⁵. Ngoài ấy, Tướng Ngô Quang Trường đang là Tư Lệnh Chiến Trường, ngoài các đơn vị của Quân Đoàn I, thì các Sư Đoàn Dù, Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến cũng đã có mặt rồi. Không những Quân Đội chúng ta giữ được phòng tuyến sông Mỹ Chánh, mà lại còn đang phản công ra phía Bắc con sông này.

Xuống ở Phi Trường Phú Bài, chúng tôi được Quân xa đưa thẳng ra PK.17, tức là Đồn Cây Số 17, như dân chúng thường gọi. Đây là căn cứ của Trung Đoàn 3, Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Trung Đoàn đã ra trận, chỉ còn một ít Binh Sĩ ở lại phòng thủ Doanh Trại.

Đêm đó, như thường lệ, trước mỗi cuộc hành quân, chúng tôi nhận 7 ngày lương khô và được Đại Tá Chi Huy Trường Phan Văn Huân chỉ thị nhiệm vụ cho từng Đại Đội. Ông đã được vinh thăng đặc cách Đại Tá tại mặt trận Bình Long, An Lộc, cũng như về sau này tất cả Quân Nhân khác trong đơn vị có tham dự tại chiến trường An Lộc, mỗi người đều được thăng một cấp.

Tôi, Đại Đội Trưởng Đại Đội 4, cùng Đại Úy Nguyễn Ích

(64) - Chúng tôi đánh dấu làm ngày N1 để bắt đầu tính lúc đơn vị của tác giả có mặt ở Đại Lộ Kinh Hoàng. (Ngỵ Thanh)

(65) - N2 = N1 + 9 = ngày 28/06/1972 (Ngỵ Thanh)

Đoan, Đại Đội Trưởng Đại Đội 1, được lệnh đưa hai Đại Đội ngày mai lên đường⁶⁶ tăng phái cho Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù của Thiếu Tá Lê Văn Mễ. Đơn vị này mới từ Charlie về, vừa bổ sung tái huấn luyện, ra Quảng Trị hồi đầu tháng 5, ngay sau khi Thành Phố Quảng Trị bị mất, nay đang hành quân từ phòng tuyến Mỹ Chánh, tiến dọc theo các ngọn đồi sát chân núi Trường Sơn, phía Tây Quốc Lộ 1. Mục tiêu của Tiểu Đoàn 11 Dù là Nhà Thờ La Vang. Tiểu Đoàn 11 Dù đã hoàn thành nhiệm vụ.

Đại Đội tôi được đoàn Quân xa vận chuyển đến gần ngã ba đường vào Xã Ưu Đàm⁶⁷, từ đây chúng tôi men theo hai bên Hương Lộ, để di chuyển về hướng Mỹ Chánh, vượt qua cầu Mỹ Chánh vào khoảng trưa, Đại Đội phân làm 2 cánh, tiến ra hướng Bắc, ở hai bên Quốc Lộ mới, do Công Binh Mỹ vừa xây xong. Con đường này không đi qua Diên Sanh, Phù Ly Hải Lăng cũ. Trong suốt một ngày đường là chúng tôi tới khu vực Đại Lộ kinh hoàng.⁶⁸

Một khung cảnh quá khủng khiếp hiện ra trước mắt, đã làm cho máu tôi ứa trào lên. Tại sao Việt cộng tàn ác đến như vậy?

Đó là câu hỏi đầu tiên hiện ra trong trí tôi. Những cái ác mà tôi không thể tưởng tượng nổi, không thể chịu đựng nổi, không thể chấp nhận được. Tôi vốn là một Phật Tử mà. Nhưng dù là một Phật Tử, máu tôi không thể không sôi sục dâng trào trước cảnh tượng bất nhân, tàn ác đó.

Trên mặt đường nhựa, xác người dân nằm la liệt, ngổn ngang. Thấy người chết ở mọi tư thế khác nhau, nằm sấp, nằm ngửa, nghiêng. Xác thì chân tay giang ra, xác thì chân hay tay co lại. Xác này chồng lên xác kia, dồn đống, có xác một mình co quắp bên lề đường... Cái mất đầu, cái mất tay, mất chân. Có xác

(66) - N3 = 28/06/1972 + 1 = 29/06/1972 (Ngỵ Thanh)

(67) - Trong khi trao đổi để cùng tìm vị trí đơn vị của tác giả được đổ quân xuống xe, anh Lê Đắc Lực xác nhận "cách xa ngã ba Mỹ Chánh và tỉnh lộ 49B (vào năm 1972 chưa có tên này) khoảng chừng 8 km đường bộ." Như thế, quân đã xuống xe ở điểm 1 trên tỉnh lộ 555, và theo đường này, vượt 8 km đến Mỹ Chánh, rồi đi dọc theo QL1 mới cặp sát đường sắt do Công Binh Mỹ làm sau 1964.

(68) - Cùng ngày 29/06/1972, buổi chiều. Như thế, những quân nhân thuộc Đại đội 4 của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù là những người đã đến, đã trông thấy, đã chứng kiến và đã đóng quân thâu đêm 29/06/1972 ngay trên đoạn đường đầy xác chết – trước Đoàn Kế Tường và tôi khoảng 40 tiếng đồng hồ (ghi chú của Ngỵ Thanh)

đàn ông, có xác đàn bà, có xác trẻ em, có xác không còn nhìn ra là đàn ông hay đàn bà nữa. Không thể nào tả hết được!!!

Đoạn đường Việt cộng giết người này, xảy ra ngay ngày Việt cộng chiếm Thành Phố Quảng Trị, ngày 1 tháng 5 năm 1972 và những ngày tiếp sau đó.

Vậy là đồng bào nằm đây đã gần hai tháng, da thịt đã rữa. Có nơi xương trắng đã bày ra, sọ, tay chân hay xương sườn. Dù Quân Nhân mặc đồ trận hay thường dân, thì đồ trận, áo quần cũng đã phai màu, mục nát. Mái tóc dài của mấy Mẹ, mấy Chị, mấy Cháu đã tróc khỏi sọ não, bay là đà theo từng cơn gió thoảng, trên mặt cát còn xông đầy mùi tử khí.

Họ là những người trốn chạy, dù họ là dân sự hay quân nhân. Họ trốn chạy cộng sản. Họ trốn chạy chiến tranh. Họ trốn chạy tên bay đạn lạc, dù không biết rõ của phe bên nào. Giết chết những người trốn chạy. Vậy là vô nhân đạo, là vô lương tri. Là kẻ giết người dã man, họ đã đi tới chỗ tận cùng của lương tâm.

Trên mặt đường và cả hai bên vệ đường, bên cạnh xác người là lỗ chỗ các hố sâu của đạn súng cối, đại bác, hỏa tiễn mà giặc cộng đã nhắm tâm rớt xuống để giết hại đồng bào và những trẻ thơ vô tội.

Xe cộ nằm dọc theo đường đi, mũi xe hướng về Nam. Xe Quân Đội, xe Dân Sự, xe Hàng, xe đồ chở khách. Xe lớn nhỏ đủ các loại. Nhiều chiếc bị cháy sạm đen, nhiều chiếc bị đạn pháo bắn hư hại một phần hay hoàn toàn. Rải rác đây đó là các loại xe gắn máy, Vespa, Lambretta, Honda, Mobilette và khá nhiều xe đạp. Hầu hết, bị hư, cong vành bẻ lốp chi còn là đồ phế thải.

Dù là một người lính trận, từng vào sinh ra tử, tôi không dám nhìn kỹ những cái xác ấy. Kinh hoàng quá! Kinh hoàng quá! Tàn ác quá! Tàn ác vô cùng tận!!!

Chúng tôi lặng yên di chuyển trong đau buồn và tức giận, vừa sẵn sàng súng đạn để phản công nếu địch phục kích, lại cũng vừa để tránh địch phát hiện. Chúng sẽ pháo, pháo dòn dập nếu thấy chúng tôi.

Đêm mùa hè, trời tối chậm. Chúng tôi được lệnh dừng quân nghỉ qua đêm. Tôi cho lệnh các Trung Đội đào hố cá nhân phòng thủ ở cả bốn hướng, trải rộng dọc theo hai bên Quốc Lộ 1, để tránh tổn thất khi bị địch pháo kích, đồng thời là để phản ứng ngay nếu bị địch tấn công. Tôi và Ban Chi Huy Đại Đội đóng cạnh một chiếc xe GMC của phe ta bỏ lại.

Đêm trôi đi trong bóng tối tĩnh mịch, thỉnh thoảng có ngọn gió thổi qua, tôi thấy dễ chịu đôi chút. Nhưng suốt cả đêm, tôi chỉ chợp mắt từng chập. Tôi không sợ chết. Nếu thần chết có đến, tôi sẽ chống lại, như cái bản năng sinh tồn của muôn loài muôn vật.

Chính tôi đã viết trên tường Đài Từ Sĩ ở An Lộc: “*Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*”. Nói câu đó, và khắc viết lại câu nói đó của người xưa, tức là tôi đã chấp nhận cái kỳ kiến ấy rồi. Có chi mà tôi phải thắc mắc.

Nhưng những thây người nằm ngổn ngang đang rữa mục, trên đoạn đường đi qua hồi chiều ám ảnh tôi, làm tôi không ngủ được. Chiến tranh là tàn ác. Những người đi đánh trận như tôi, vì Tổ Quốc, vì Đồng Bào, tôi chấp nhận nó. Nhưng với những người nằm chết kia, tôi thấy tội nghiệp cho họ, hay như câu Mạ tôi thường nói: “*tội vô cùng*”. Tội cho họ quá, không làm sao một con người còn có lương tâm, có thể chấp nhận được.

Sáng hôm sau thức dậy, nhìn vô thùng xe, nhìn chung quanh lại đầy rẫy xác người chết khô, nằm co quắp, nằm dọc dài trên thảm cát, bên vệ đường. Thật là quá thương tâm, não ruột. Tôi không kiềm chế được nổi xúc động, hai dòng nước mắt ứa trào.

o

Bỏ phiếu bằng chân

Bản phỏng dịch của Ngy Thanh, từ bộ *Binh Đoàn Mới*, của tác giả Trương Văn Vinh, cuốn 1, do nhà Trafford xuất bản năm 2010, trang 203 và 204

Nam Việt Nam đã thất thủ tỉnh Quảng Trị vào ngày 1 tháng Năm 1972. Bây giờ chỉ có một con đường duy nhất để thoát khỏi cái vòng vây khép kín: Quốc lộ số 1. Vào ngày này, binh sĩ VNCH tẩu thoát khỏi thành phố và bỏ rơi phòng tuyến của mình. Nhiều ngàn thường dân vô tội cùng trong tình trạng bị bỏ rơi tìm đường thoát thân cũng bằng con đường thoát của lính tráng. Bất hạnh thay, cây cầu Trường Phước phía trước mặt đã bị phá hủy. Và cầu Bến Đá sau lưng họ cũng đã bị VC đánh sập⁶⁹. Kết cuộc, vô số quả đạn pháo tầm xa và bích kích pháo nổ tung ngay trên đầu các người dân. 60 ngày sau, hôm 1 tháng Bảy, là phi tuần trưởng⁷⁰ tôi dẫn phi tuần trực thăng võ trang 4 chiếc hộ tống phi hành và bắn phá dọn bãi đáp cũng như dùng lựu đạn khói vàng đánh dấu điểm đổ quân cho 100 chiếc trực thăng UH-1 (40 chiếc của KQVNCH và 60 chiếc của SĐ Không Kỳ Hoa Kỳ) đang không vận nguyên một lữ đoàn Nhảy Dù tái chiếm cố thành Quảng Trị, bay cắt qua sông Trường Phước⁷¹ và chứng kiến quá nhiều thi thể trẻ em sinh thối giữa xác người lớn và xác gia súc. Trong giây phút chạnh lòng ấy, tôi nghĩ đây là “ĐẠI LỘ KINH HOÀNG”. Các trận đánh trong lãnh thổ Quảng Trị đã nổ ra vào ngày 29/03/1972. Hai sư đoàn của Nam VN cùng các đơn vị yểm trợ có nhiệm vụ bảo vệ 2 tỉnh chống lại 6 sư đoàn đối phương vừa được trang bị loại hỏa tiễn phòng không tự hành và tên lửa chống tăng do Liên Xô chế tạo cùng các vũ khí hiện đại khác. Sau 30 ngày quần thảo dữ dội với đối phương, Sư đoàn 3BB – vừa ra chiến

(69) - Tác giả Trương Văn Vinh đã nói ngược vị trí 2 tên cầu. Từ Quảng Trị chạy vào Huế, chiếc cầu trước mặt phải là cầu Bến Đá ở vị trí 784.210 mét phía nam khởi điểm QL1 ở cửa khẩu Hữu Nghị, còn cầu Trường Phước, dân địa phương gọi là Cầu Dài 2 nằm ở vị trí sau lưng, 778.936 mét (Ghi chú của Ngy Thanh).

(70) - Thời điểm này, tác giả Trương Văn Vinh là phi đoàn trưởng phi đoàn Song Chùy 213, một trong 3 phi đoàn trực thăng (213, 233 và 239) của Sư đoàn 1 Không quân đặt bộ tư lệnh ở căn cứ Không quân Đà Nẵng (Ghi chú của Ngy Thanh).

(71) - Cầu Bến Đá (Ghi chú của Ngy Thanh).

trường và bị áp đảo về quân số – triệt thoái khỏi Quảng Trị để tái bố trí ở phòng tuyến mới dọc theo con sông Mỹ Chánh, nằm khoảng giữa Quảng Trị và Huế. Binh lính rút lui đã bị hàng ngàn thường dân hốt hoảng chạy theo, là những người vẫn còn ghê sợ các cuộc thảm sát hồi Tết năm 1968. Đoàn người chiến nạn cuối cùng đã bị vướng chân ở cầu Trường Phước⁷² vì nạn kẹt xe do pháo địch đã làm tổn thất cây cầu một cách nặng nề. Hoảng loạn bùng ra khi pháo đối phương bắt đầu tưới như mưa bằng hàng trăm phát đạn pháo 130 ly trên đám dân chạy loạn. Tiếp theo sau đó, bộ đội cộng sản đã tấn công đám đông bằng vũ khí bộ binh kể cả bích kích pháo và súng phóng lựu. Rõ ràng là cấp chỉ huy cộng sản đã ra lệnh tấn công một cách có tính toán khi mà họ thừa biết 90 phần trăm số người đang di chuyển dọc quốc lộ là dân thường. Một số các chiến thuật gia tin rằng bằng cách ra tay như thế, cấp chỉ huy cộng sản có lẽ đã hy vọng họ có thể tạo ra một chướng ngại vật bằng xác người thật và xác xe cộ để cản trở cuộc lui binh.

Chi dài gần 9 cây số, đoạn quốc lộ 1 này đã có cả ngàn, hay hơn nữa, xác chết của nạn nhân bị cháy thành than đen hay vữa ra dưới cái nắng thiêu đốt của mặt trời đầu hè. Vì thế, các thi hài ấy chỉ còn nhận dạng được là nam hay nữ bằng vào quần áo họ mặc. Mùi tử khí từ những thân ma đang mục vữa quá sức nồng nặc còn bị cơn gió nóng bức thổi đi xa hơn. Tất cả các xác người và xác xe cộ này cũng như các vật dụng khác loại đã nằm nguyên vị sau hai tháng rong rọc dưới cái thời tiết của miền nhiệt đới.

o

(72) - Cầu Bến Đá (Ghi chú của Ngy Thanh).

Đại Lộ Kinh Hoàng

Trích bài tường thuật của phóng viên chiến trường Craig R. Whitney – trưởng văn phòng New York Times tại Sài Gòn – đăng trên trang 1 và trang 30, nhật báo New York Times phát hành ngày 8-10-1972.

...
Tuyến Quốc lộ 1 từ Huế đi Quảng Trị chạy qua một dải cát dài 10 dặm đã được biết đến bằng tên Đại lộ Kinh hoàng.

Cái tên của nó xuất phát từ những tổn thất ghê rợn gây ra cho quân binh và thường dân đang nhanh chân mưu tìm sự an toàn nhưng lại thấy mình bị khóa cứng giữa làn đạn của hai phe dọc theo đường quốc lộ vào mùa xuân vừa qua.

Nhiều xác chết đã nằm dầm mưa dãi nắng trong nhiều tháng, rồi một nhật báo của phía Sài Gòn, tờ Sóng Thần, tổ chức một chiến dịch gây quỹ gọi là “*Sống mái nhà, thác năm mồ*”. Với số tiền lạc quyên được – theo ông Nguyễn Kinh Châu, văn phòng trưởng của tờ báo ở Huế – họ đã mai táng được 384 tử thi.

Hôm nay ông Châu đang có mặt ở Quảng Trị, cùng với các thiện nguyện viên dân sự tham gia chiến dịch. Trên cánh tay trái của anh ta vắt ngang hơn một chục chiếc túi nhựa trong suốt.

“Chúng tôi chỉ lo thu nhặt người chết và chôn tất cả những xác nào chúng tôi có thể tìm gặp, bất cứ họ là thường dân, quân nhân hay cả bộ đội Cộng sản,” ông nói trong khi vừa hướng dẫn cho nhóm của ông chuyên [xác] vào căn nhà từng là một trường trung học Quảng Trị.

Quay sang hướng nào họ cũng đều đụng xác chết. Cánh đàn ông trải các túi nhựa ra trên mặt đất và tìm cách xếp đặt các phần hài cốt còn lại vào bên trong. Có cả một xác chết trong bộ đồng phục của bộ đội Bắc Việt.

...

Độc giả có thể đọc trọn bài báo ở đây:

<https://www.nytimes.com/1972/10/08/archives/quangtri-in-ruins-after-battles-quangtri-city-after-battles-is.html>

0

Xác người và thú vật đầy đường

(*Vũ Ngự Chiêu*)

Chiến dịch khởi đầu từ trận Động Toàn (30/3-1/4/1972), phía tây đường 9 — Quốc lộ chiến lược từ Cửa Việt, qua Đông Hà, Cam Lộ, men theo sông Thạch Hãn, tới Khe Sanh (Tà Cơn và Hướng Hóa), Lao Bảo rồi Tchépone, Savanakhet của Lào — đúng như VNCH dự đoán. Động Toàn, tây bắc mật khu Ba Lòng, nam Cà Lu, do Tiểu Đoàn 4/147 Thủy Quân Lục Chiến VNCH trấn giữ, là căn cứ được TQLC Mỹ xây dựng rất kiên cố năm 1966, nơi đường 9 và sông Thạch Hãn tiếp cận nhau rồi chạy song song một đoạn dài. Ngày 30/3, Trung Đoàn 66/304 CSBV, cùng Lữ đoàn tăng 203, tấn công mạnh, khiến sau hai ngày cầm cự TQLC phải rút về Ái Tử.

Nhiều tiền đồn VNCH khác ở phía bắc đường 9 cũng bị Sư đoàn 308, với Lữ đoàn 204 tăng, từ phía tây vùng phi quân sự đánh dồn xuống Cồn Tiên, Bái Sơn. Từ phía đông Khu Phi Quân Sự, còn một lực lượng tương đương cấp sư đoàn, gồm hai TrĐ 27 và 31 BB, cùng TrĐ 126 đặc công, tăng cường Lữ đoàn 201 tăng, hướng về Cửa Việt. Ngày 2/4/1972, tại căn cứ Carroll, nơi đặt Bộ Chỉ Huy Trung đoàn 56/3BB, Trung tá Phạm Văn Đính, Trung đoàn trưởng, kéo cờ trắng đưa 1,800 quân nhân ra hàng.

Theo nhận định của Bộ Chính Trị Đảng LĐVN ngày 8/4/1972, cấp chỉ huy VNCH và Mỹ đã sai lầm khi ước đoán hướng tấn công của CSBV. Thật vậy, Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư lệnh Vùng 1 từ năm 1966, cả tin rằng CSBV chẳng bao giờ liều lĩnh vượt Bến Hải. Trung tướng Frederick J. Kroesen, Jr., Cố vấn trưởng QĐ I, đồng ý.

Bởi vậy không ai nêu lên vấn đề Sư đoàn tân lập số 3 — chỉ có Trung đoàn 2 vốn thuộc Sư đoàn 1 là thiện chiến, nhưng năm 1971 trong số chín Tiểu đoàn trưởng chỉ còn một từ Hạ Lào trở về hậu cứ — phải bảo vệ bắc Quảng Trị (tức B-5). Thêm nữa, sự xuất hiện của Sư đoàn 324B tại thung lũng A Shau vào

tháng 2/1972 khiến sĩ quan quân báo VNCH và ngay cả Cố vấn trưởng Kroesen ước đoán rằng CSBV sẽ chọn Huế làm mục tiêu chính. Kinh nghiệm CSBV chiếm thành nội Huế 25 ngày năm 1968 còn hằn in trong tâm trí các cấp chỉ huy Đồng Minh. (Thực ra, cán bộ cao cấp bắt đầu rút từ ngày 8-9/2/1968)

Sự trì hoãn tấn công của CSBV trong ba tháng đầu mùa khô 1972 càng khiến các Tướng tin rằng khoảng tháng 5 hay 6/1972, SĐ 324B cùng hai Trung đoàn 5 và 6 CSBV mới đánh Huế. Mãi tới ngày 27/4, Kroesen mới báo cáo có thể CSBV muốn chiếm Quảng Trị, giống như Đoàn 1/525 ghi nhận ba tuần trước. Bộ TTM VNCH sau này cho rằng đã ra lệnh báo động toàn quốc, nhưng MACV, Bộ Tư lệnh Cố Vấn Địa Phương I [First Regional Adviser Command, hay FRAC, thay thế US XXIV Corps đã giải thể], và BTL Vùng/QĐI không hay biết gì về lệnh này.

Từ ngày 2/4, SĐ 304 tiến đánh TrĐ 57/3 BB, cùng BĐQ, TQLC tại Đông Hà (27-28/4/1972), phía bắc Quảng Trị 10 cây số nhưng thất bại. Ngày 8-9/4, lại tấn công, vẫn bị đẩy lui. Từ 14 tới 26/4/1972, trong khi tái tổ chức và chuẩn bị đợt thứ hai, CSBV tập trung hỏa lực pháo kích. Trong báo cáo về Bộ Quốc Phòng ngày 24/4/1972, Abrams còn chú quan, ca ngợi tinh thần chiến đấu của các đơn vị VNCH, trong đó có TrĐ 2/3, niềm kiêu hãnh của Chuẩn tướng Vũ Văn Giai, và Thiết đoàn Ky Binh 20.

Để mở đầu đợt 2, ngày 27/4, Lê Trọng Tố cho nã trên 30,000 đạn pháo vào khu Đông Hà - Lai Phước theo đúng qui ước chiến. SĐ 308 “Thép” (gồm TrĐ 102, 88 và 36) chiếm các cao điểm phía tây, xuyên xuống phi trường, cắt đôi tuyến phòng ngự theo QL1. Trong ngày 28/4, ở hướng nam, TrĐ 102/308 chiếm cầu Lai Phước, chia cắt đội hình Nam quân. TrĐ 88 đánh Đại Áng, Trung Chi. Hướng Bắc, TrĐ 36 vượt sông Hiếu đánh vào Đông Hà. TrĐ 28/320B — thành lập ngày 23/8/1965, sau 1979 đổi thành Sư đoàn 390 — tấn công BTL SĐ 3 VNCH, LĐ147 và 258 TQLC tại Ái Tử, phía bắc sông Thạch Hãn. 18g00 ngày 28/4, Bắc quân làm chủ tình hình. VNCH phòng

thủ cơ động, phối hợp Thiết Giáp và BB, tổ chức 4 cụm phòng thủ bên ngoài. CS phá cầu Quảng Trị để chặn đường tiếp viện. Sáu chiến xa M-48 bị hỏa tiễn Nga “Strela 2” bắn cháy, nhưng TrĐ 24/304 vẫn bị đẩy lui nhiều lần. Ngày 29/4 CS lọt vào phía bắc phi trường Ái Tử. TrĐ 9/304 chiếm An Đôn, Nhan Biều trên QL1 phía nam căn cứ. TrĐ 48/320B từ hướng bắc đánh xuống vị trí của LĐ147/TQLC. Ngày 30/4, từ ba hướng, đồng loạt tấn công.

Những ngày đầu Xuân rục rủa này, tình trạng Nam quân thật bối rối. Trận địa pháo địch khiến tinh thần binh sĩ xuống dốc. Tướng Lãm điều TQLC và BĐQ vào tăng viện, nhưng hiềm khích giữa các cấp chỉ huy khiến Giai không thể điều động lực lượng tăng phái theo ý muốn. Một trong những lý do là Lãm ít khi rời hãm chỉ huy ở Đà Nẵng để thị sát chiến trận. Không ít cấp chỉ huy đơn vị đe dọa sẽ bỏ vị trí, vì không được yểm trợ. Khi Dũng đưa thêm quân vượt vĩ tuyến đánh sang, Giai quyết định bỏ ngõ Quảng Trị ngày 1/5/1972. 14g00 ngày 2/5, Bắc quân làm chủ tình hình.

Cuộc triệt thoái của Nam quân cực kỳ hỗn loạn. Do hiềm khích giữa Thiết Giáp và TQLC, hầu hết lực lượng Thiết Đoàn 20 không qua được sông Mỹ Chánh, bị CSBV tịch thu, sử dụng trong những cuộc tấn công sau này. Tàn binh bắn giết lẫn nhau, cướp bóc, hãm hiếp dân chúng. Pháo địch rải theo những đoàn người trốn chết. Xác người và thú vật đầy đường. Nửa năm sau, việc thu lượm hài cốt chưa hoàn tất. Bao lực còn theo đám tàn binh tràn về Huế, cùng các cơ sở nằm vùng CS nổi lửa nóc chợ Đông Ba.

Giai biến thành con vật tế thần, bị đưa về Sài Gòn tổng giam chờ ra tòa án Quân sự. Do đề nghị của Abrams, Thiệu cách chức Lãm, đưa Tướng Ngô Quang Trưởng, cựu Tư lệnh SĐ 1 BB, từ Cần Thơ ra Đà Nẵng để đương đầu với Dũng và Tố. Bộ Tổng Tham Mưu cũng tăng viện TQLC và Biệt Động Quân cho mặt trận.

Ngày 15/5, SĐ 1 BB của Tướng Phú — được các cố vấn Mỹ đánh giá cao, không kém gì các sư đoàn Mỹ — cũng bắt

đầu tìm được phong độ cũ. Trung đoàn 3/1 chiếm lại được căn cứ Bastogne, phía tây nam Huế, do 2 tiểu đoàn 5 và 9 của SĐ 324B CSBV trấn giữ. SĐ của Chu Văn Đới, người Tây, 50 tuổi, phải rút qua Lào bổ sung lực lượng.

* Vũ Ngự Chiêu, 2005

Cuộc “tấn công Trị Thiên Xuân-Hè 1972”

o

Bằng chứng hiển nhiên từ các chính trị gia của Mặt Trận

Đoạn văn Alje Vennema viết về vụ thảm sát ở Đại Lộ Kinh Hoàng, Quảng Trị vào năm 1972. Trích từ nguyên tác tiếng Anh sách *The Viet Cong Massacre at Hue (Vụ Việt Cộng Thảm sát ở Huế)* phát hành vào năm 1976.

... ..

Từ những bằng chứng được trình bày ở trên, khá rõ ràng rằng khủng bố được sử dụng để tiêu diệt phe đối lập, để thúc đẩy tinh thần của tổ chức, gây rối loạn xã hội, và khiến nó trở nên bất an, và do đó con người trở nên sống vô mục đích. Tuy nhiên, nó đã phản tác dụng. Người dân Huế và Việt Nam hiểu rõ hơn bao giờ hết sự khủng bố và không muốn, cũng như không bao giờ muốn nữa, do đó, họ tiếp tục phản đối. Tháng 5 năm 1972, khi địch tiến qua Khu phi quân sự và tiến vào thành phố Quảng Trị, dân chúng các tỉnh phía Bắc chạy về phía Nam. Trong bốn ngày đường tắc nghẽn, không chỉ đến Huế, mà chính Huế đã trở thành một thành phố ma, không ai muốn một lần nữa rơi vào tay giặc. Trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5, hàng trăm công dân vô tội đã cố tình bị giết trên đường. Việt Cộng coi tất cả những người chạy trốn khỏi Quảng Trị vào nam là những người ủng hộ chính phủ; như vậy họ đã chống Cộng và bị xử bắn. Con người, xe cộ, xe

đạp — bất cứ thứ gì di chuyển đều bị bắn bởi độ chính xác chết người của súng cối 60 và 82 ly. Chưa bao giờ việc tàn sát bừa bãi lại xảy ra đối với những người tị nạn vô tội ở Việt Nam với quy mô lớn như vậy.

Việc rút quân của Mỹ cũng chẳng ngăn cản được nỗi kinh hoàng; ngược lại, công dụng của nó tăng lên. Nếu Mặt Trận cảm thấy bị đe dọa, họ sẽ tiến hành khủng bố nhiều hơn; nếu Mặt Trận thành công trong việc từng bước chiếm đóng miền Nam Việt Nam, họ sẽ tung ra đòn thù và giải quyết những món nợ máu, những hiềm thù cũ, và thực hiện những cuộc trả thù chính trị như đã từng làm ở Huế năm 1968 với quy mô chưa từng thấy ở Việt Nam.

Việt Cộng giết công chức và quân nhân. Điều này có thể được giải thích là do những người này đã cản đường; họ đã chống Cộng. Bởi lòng căm hận và sự báo thù, Việt Cộng đã giết, bắn những người thân, vợ và con cái của họ, những người có thể trở thành kẻ thù; điều này có thể được giải thích tương tự. Việt Cộng đã giết các giáo sĩ, linh mục và tu sĩ vì họ là những kẻ chống đối có liên quan đến sự phản bác học thuyết của họ; điều này vẫn có thể được giải thích. Nhưng tại sao lại phải loại bỏ những cụ già ở tuổi bảy mươi trong thời kỳ cuối đời của họ, hoặc việc giết hại những học sinh mười hai tuổi một cách vô cớ vào lúc bình minh của cuộc đời chúng, hoặc hành quyết một bác sĩ ngoại quốc đến đất nước họ để phục vụ không vụ lợi hay thành kiến để giúp đỡ rất nhiều người, nhưng trên hết, tại sao lại tàn nhẫn bỏ rơi những người bị thương của họ trên chiến trường hoặc xích đồng đội của họ vào một cỗ súng máy?

... ..

Phần II



PHẦN II

Ghi nhận rời của nhiều người về vụ thảm sát giữa cầu Bến Đá và cầu Trường Phước, tính từ ngày các ký giả báo Sóng Thần phát hiện hàng ngàn xác chết ở cầu Bến Đá 1/07/1972.



Đại Lộ
KINH HOÀNG

Chương 1

Trích đăng lại loạt bài phóng sự của nhà văn nữ Trùng Dương, là chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo Sóng Thần, người trực tiếp tham dự đợt đầu tiên thu lượm xác người tử nạn trên Đại Lộ Kinh Hoàng, ở quận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Loạt bài được đăng trên Sóng thần từ ngày 11/07/1972 đến ngày 3/08/1972. Phóng sự này do Ngy Thanh sao lục từ vi phim trong văn khố John Olim của Viện Đại học Cornell, ở thành phố Ithaca, tiểu bang New York, vào tháng 2/2018.

NHẬT BÁO SÓNG THẦN VÀ CÁC THÂN HỮU VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐI NHẬT XÁC ĐỒNG BÀO Q.TRỊ TRÊN ĐƯỜNG “KINH HOÀNG”

• *Bút ký TRÙNG DƯƠNG*

**DỌC THEO Q. LỘ KHOẢNG 2000 XÁC RỬA THỐI
ĐANG CHỜ ĐƯỢC CHÔN CÁT
NGÀY ĐẦU TIÊN KÍCH TƠI BỜ.**

Tái ngộ Huế của 6-72

Phần vụ tại Quảng Ngãi tạm xong, mặc dù những lưu luyến do cảm tình của nhóm anh em ST ở đó tôi vội vã về Đà Nẵng bằng đường bộ để sáng sớm hôm sau bám theo chuyến

trực thăng đồ tiếp tế khởi hành đi Huế để có mặt trong một chương trình do nhóm anh em Sóng Thần tại đây thực hiện: nhật xác đồng bào chiến nạn nằm rải rác dọc theo QL1 từ giữa Mỹ Chánh và Quảng Trị nơi mà NgyThanh đã mệnh danh là Đại Lộ Kinh Hoàng.

Đây là lần thứ 2 kể từ khi biến cố 4-72 bắt đầu, tôi ra Trung.

Mặc dù thành phố Huế mỗi ngày, không phân biệt sáng chiều tối, đều lãnh những trái pháo kích của Cộng quân đều đều, sinh hoạt vẫn nhộn nhịp, khác hẳn với thời gian cách đó 1 tháng. 70% số đồng bào Huế di tản đã rời Đà Nẵng trở về thành phố. Không nghe còn nhiều lần những câu hỏi “liệu Huế có mất?” mặc dù điều này vẫn còn ám ảnh những người ưu tư về thời cuộc và các vấn đề chính trị, mặc dù có một số đồng bào đã trở về Huế lại vội vã ra đi khi “mùa” pháo kích bắt đầu cách đó khoảng 1 tuần.

Một ngày nghỉ săn tin cho chương trình “nhật xác”

Gặp những anh em ST/Huế trước số 90 Chi Lăng, tôi được anh Nguyễn Kinh Châu cho biết hôm nay anh em ST nghỉ săn tin một ngày cho chương trình “nhật xác”. Dĩ nhiên điều này trên một khía cạnh nào đó làm nhóm anh em trẻ có hơi... buồn một chút. Số là các anh em trẻ này mỗi ngày chia nhau đi theo các cánh quân tiến chiếm Quảng Trị với 1 lời thách thức xem ai sẽ là người tiến tới gần Quảng Trị hơn cả. Họ chẳng những thách thức với nhau mà còn ganh đua với các phóng viên báo Việt khác và ngoại quốc nữa. Tuy thế, lệnh của anh văn phòng trường đã đưa ra, và cũng ý thức chương trình đó là cần thiết, họ tạm xếp tính hiếu thắng lại.

Bên ly cà phê tại một quán cóc bên tả ngạn, anh Châu cho tôi xem sắp hình chụp những cảnh trạng trên Đại lộ Kinh

Hoàng trước khi được dọn dẹp lấy chỗ quân xa di chuyển: xe cộ đủ loại – xe hàng, xe vận tải, xe GMC, xe Jeep, thiết vận xa vv... cháy đen nằm thành ụ trên Quốc lộ 1 thành 3,4,5 hàng chứng tỏ một cuộc rút lui vô trật tự không thể tưởng tượng cách đây 2 tháng cộng vào do những cuộc thanh toán thật gọn gàng của cộng quân. Đó là những bức ảnh toàn cảnh của Đại lộ Kinh Hoàng. Chi tiết mới là cả một cơn ác mộng chưa từng xảy ra trong bất cứ 1 phim chiến tranh nào mà tôi đã được xem:

Xác người chỉ còn xương khô có cái còn ít da bọc màu xám ngắt và ít thịt bầy nhầy và áo quần tơi tả sau 2 tháng phơi trước nắng mưa và gió, thường dân có, lính có, già có, trẻ có, đàn ông có, đàn bà có với đủ kiểu nằm, ngồi, đứng.

Anh Châu cho biết hiện có khoảng 2000 xác nằm rải rác từ cầu Trường Phước trở ra. Đó là chi mới kể tới những xác nằm dọc theo hai bên quốc lộ.

CÓ CHỖ CẢ TRĂM MẠNG CHẾT VÌ ĐẠN B.40 KHI ĐỒNG BÀO NHẢO XUỐNG 1 VŨNG NƯỚC

Không ai nghĩ tới việc chôn cất cho họ kể từ khi quãng đường này được khai thông cách đây một tuần.

Quân đội bạn đánh giặc, chính quyền bù đầu với việc cứu trợ nạn nhân chiến cuộc, và cũng từ 1 tuần nay, dân chúng lo âu vì nạn pháo kích. Cũng có thể họ có nghĩ tới việc chôn cất những người dân Quảng Trị chạy nạn xấu số nọ, nhưng vấn đề là phải có một đoàn thể nào đó đứng ra khởi xướng.

Và anh Châu với tư cách là đại diện Nhật báo ST tại Huế, từ một tuần nay, kể từ ngày anh vượt qua cây cầu nổi Mỹ Chánh theo chân quân đội VNCH đặt chân lên Đại lộ kinh hoàng đã âm thầm xúc tiến việc trên với 1 số thân hữu.

Phải nhật xác họ, bằng bất cứ giá nào

- Phải nhật xác họ bằng bất cứ giá nào. Đó là bốn phận của những người còn lại.

Bằng 1 giọng trầm tĩnh pha xót xa, anh Châu nói với tôi như thế. Anh nói ít, nhưng tôi ngờ là mình thấy và hiểu được cả những điều anh không nói ra: mỗi ray rứt khắc khoải kể từ ngày đặt chân lên Đại lộ kinh hoàng.

- Và cần phải làm sớm vì để lâu mưa xuống công việc sẽ khó khăn hơn, chưa kể sẽ không tìm ra xác các em nhỏ xương còn nhỏ bị cát và nước vùi sâu xuống lòng đất làm cho tan đi.

Là một người sinh trưởng tại QT và vừa thoát khỏi sự kềm tỏa của Cộng Sản, Đoàn Kế Tường, tác giả hồi ký “Địa ngục Hải Lăng” một người trẻ và tinh cảm và có lẽ vì tình cảm nên hay đòi hỏi sự tuyệt đối đã tỏ ra lo ngại cho chương trình “nhật xác” này vì anh ta quan niệm “đã nhật thì phải nhật cho bằng hết” mà “nhật xác” thì chắc không thể thực hiện được giữa lúc Cộng quân còn pháo kích dài dài trên đoạn đường này. Đây là chưa kể có nơi cả trăm mạng chết vì B40 khi nhào xuống một vũng nước cách quốc lộ 1 cs về phía biển mà chính mắt Tường chứng kiến khi cùng chạy với họ và suýt trở thành nạn nhân nếu không vì “đến chậm”.

Một chương trình nặng nề

Với trên dưới 2000 người tính sơ sơ dọc theo quốc lộ, với những cơn mưa pháo kích hàng ngày của Cộng quân dù rất ít khi trúng quốc lộ với những trái bom bi còn sót lại ẩn dưới những lùm cỏ khô hay vùi hờ dưới cát sẽ phát nổ khi bị đụng phải với hai bàn tay trắng và một nhóm anh em vốn bận rộn với

việc săn tin khá nguy hiểm với không đầy 60.000đ quyên lai rai trong nhóm thân hữu, anh Châu sẽ xoay sở ra sao, tôi thực không hiểu, nếu không nói là thành thực e ngại.

Sau khi điều đình mượn xe của Thiếu tá PB Đỗ Văn Mai xong, chúng tôi tới nhà một người em gái của anh Châu ở đường Thuận An.

Tại đây tôi được chứng kiến những hình ảnh thật đẹp của tình người, không phải của người sống với người sống vốn là chuyện thường tình, mà là của người sống đối với người chết khiến tôi hơi ngỡ ngàng vì từ hồi nào tới giờ tôi vốn bận tâm tới cuộc sống và coi thế giới bên kia cùng với những kẻ đã thuộc về nó là cái gì vượt ngoài sự hiểu biết và quan tâm của mình.

*** Hết đào xác nạn nhân biển cổ Mậu Thân tới việc đi nhật xác nạn nhân biển cổ 4/72**

Họ là 2 thiếu phụ trên dưới 30.

Một người có chồng bị giết hồi xảy ra biển cổ Mậu Thân và đó là nguồn động lực khiến nàng và người cháu gái của chồng gia nhập ban tổ chức việc đào xác nạn nhân biển cổ MT. Nàng còn trẻ và tôi xúc động bởi vẻ trẻ trung với một nét gì đó tinh khiết nơi nàng. Tuy nhiên, tích cực phải kể tới người cháu gái lớn hơn nàng vài tuổi.

Kinh nghiệm của những chuyến đi đào xác trước đây đã giúp họ khá nhiều trong dịp này để có thể tiếp tay với nhóm ST; họ biết những gì phải sắp sẵn mà chính anh Châu cũng không ngờ tới. Đây đây những túi ni lông để đựng hài cốt người chết, này đây ni lông loại chắc chắn để cột, này kéo, băng sát trùng, vở bút để ghi chép những chi tiết đặc biệt của mỗi xác chết theo

số thứ tự 1, 2, 3, lại có cả một xấp giấy vuông màu đỏ ghi số 1, 2, 3, 4... để dính vào mỗi xác. Họ khoe chúng tôi 1 cuộn giấy ni lông do nhà sách Gia Long trên phố tặng khi họ vào hỏi mua và nói về chương trình nhật xác đồng bào Quảng Trị xấu số. Họ cũng cho biết đã kêu mấy người phu trước đây đã tiếp tay với họ trong chuyến đào xác nạn nhân biển cố Mậu Thân.

- Hồi đó họ làm không công. Nhưng bây giờ vì đang vụ mùa, từ chối không đành tâm, họ đề nghị xin ít thù lao để bù vào những thiệt hại.

Thực ra, nguyên do là sau vụ đào xác nạn nhân biển cố Mậu Thân, Bộ Xã Hội có trả tiền cho Ban Tổ chức trung bình mỗi xác 1.000đ và dường như cuộc chia chác tới nay vẫn chưa xong. Có lẽ đó cũng là 1 nguyên nhân khiến nhóm phu được mời lần này đòi được trả công. Giọng anh Châu vẫn không có vẻ gì là bị xáo trộn hay bực dọc:

- Sao không nói cho họ biết là mình làm việc này hoàn toàn có tính cách nhân đạo, không có ai trả tiền hết mà còn phải đi quyên tiền để làm.

- Nói đó, nhưng họ bảo kẹt vụ mùa. Và họ cũng sợ pháo kích.

***Những giai thoại về chuyến đào xác nạn nhân biển cố Tết Mậu Thân**

Sau khi thỏa thuận giá cả 1500đ cho mỗi người, và dường như để trả lời cho về ngõ ngàng của tôi trước bàn luận của họ, câu chuyện hướng sang chuyện đào xác nạn nhân biển cố Mậu Thân.

Tôi thực tình không tin lắm, hay nói đúng hơn, không có ý kiến gì về hiện tượng người chết hiện về báo cái này cái nọ

và cũng chẳng mấy khi bận tâm về những chuyện tương tự. Tuy nhiên, vẫn xin tường thuật lại những điều đã được nghe kể trong lúc ngồi đợi giờ lên đường đến Đại lộ Kinh hoàng tiếp tay với anh em ST/Huế trong chương trình nhật xác đồng bào Quảng Trị xấu số. Những giai thoại do chính những người phu đào xác kể lại.

Họ đều là những người đã ngoài 50 và sinh hoạt của những người làm nghề đào vẫn ít nhiều còn xa lạ và dị kỳ đối với tôi, cũng như sự chết vẫn là cái gì xa lạ và khó hiểu đến dị kỳ với mỗi một người sống.

Hồi xảy ra biến cố Mậu Thân với vụ VC tàn sát tập thể đồng bào Huế vô tội, nhiều hồ chôn người tập thể đã được phát giác và khai quật lên sau đó. Công việc này do dân chúng Thừa Thiên đứng ra làm rồi về sau dường như có sự nhúng tay ăn cò của một số đảng phái địa phương khiến công việc trở nên có phần phức tạp phiền hà.

- Hồi đó tui cứ làm 1 tuần thì nghỉ 1 tuần và cứ thế có cả trên 1 tháng trời. Vậy mà cũng có nhiều xác không được phát giác để rồi chính người chết hiện về chỉ chỗ cho mà đào.

Những vụ người chết hiện về chỉ chỗ xác mình bị vùi dĩ nhiên không nhiều. Người phu già kể tiếp:

- Một đêm nọ, tui đang ngủ có 2 bóng người con gái vô nhà khấn khoản tui lấy 2 chị em họ lên. Tui hỏi họ nằm mô thì họ bảo cách chỗ bác đào bữa trước 2 thước.

Hôm sau tui nghe lời tới đào lên, quả nhiên bắt gặp 2 xác con gái còn thể căn cước trong túi rõ ra là 2 chị em ruột.

Còn nhiều giai thoại nữa, như giai thoại người chồng về báo cho mẹ và vợ ngay giữa bữa ăn tối cho biết cái đầu lâu mà

họ chôn chung với xác của anh ta không phải của anh và chỉ chỗ cho mẹ và vợ anh đi lấy cái đầu thực sự của anh, như giai thoại về những người chết về xin tìm giùm khúc xương còn thiếu.

Hồi đó làm việc có sự tham dự của nhiều người vui lắm... Có bà bỏ nhiều buổi chợ đi gánh xác về...

Tôi nói anh Châu. Như hiểu được câu tôi muốn hỏi, anh Châu chậm rãi nói:

- Lần nì mà mình thông báo thì cũng có lắm người tham dự. Nhưng kẹt nôi khúc đường chỗ đó chỉ có báo chí vô được thôi vì lý do an ninh.

Bây giờ thì tôi bắt đầu nhìn thấy rõ tầm vóc to lớn của chương trình hốt xác. Bây tỏ mối lo ngại đó với anh Châu, anh cho biết dù gì cũng phải làm.

- Hy vọng khi mình khởi sự, chính quyền và các đoàn thể tôn giáo sẽ tiếp tay gánh vác bớt cho mình...

Những gai góc của chương trình hốt xác

Chiếc xe Jeep anh Đỗ Văn Mai hứa cho mượn đi đưa đám 2 cha con người nọ bị pháo kích chết từ sáng đã không trở về đúng hẹn. Chương trình đành dời lại tới hôm sau. Nhóm anh em phóng viên trẻ thờ dài tiếc rẻ cho 1 ngày ở không vô tích sự. Tôi theo Đoàn Kế Tường và NgyThanh về căn nhà ở Chi Lăng ngủ trưa cho lại sức trong khi anh Châu với Trần Tường Trình leo xe Honda ra quận Phong Điền xin quận trưởng PĐ yểm trợ phương tiện và cho mượn chỗ để xác cùng là xin một miếng đất để chôn những xác đó hầu sau này thân nhân của họ trở về tìm

cho dễ. Mặt khác, anh Châu cũng gửi mấy người phu đi theo xe của một nhóm phóng viên ngoại quốc ra Đại Lộ Kinh Hoàng thăm thú tình hình.

Những trái pháo kích của Cộng quân vẫn tiếp tục giót xuống 2 bên quốc lộ khoảng Đại Lộ Kinh Hoàng khiến mấy người phu lo sợ. Anh Vân⁷³ phóng viên của UPI phải trấn an họ bằng câu nói dối:

- Hôm nay tụi nó pháo thì ngày mai sẽ thôi không pháo nữa. Mấy bác yên chí đi.

Anh Châu trở về với 1 kết quả tương đối khả quan cộng với 1 ưu tư có lẽ không ngoài tính cách phức tạp của vấn đề. Buổi chiều hôm đó, tôi theo anh đi mời người mai ra nhận diện những xác không còn giấy tờ gì và đặt hòm để liệm xác v.v...

Số tiền chi phí tính sơ sơ lên tới 2 triệu.

*** Ông quận trưởng Phong Điền cho mượn ngôi trường làm nơi đặt hòm**

Trên đường trở về chùa Phước Hải nơi tôi sẽ nghỉ đêm với gia đình anh Châu, anh Châu tâm sự với tôi và có lẽ là lần đầu từ khi nghe anh nói về chương trình nhật xác tôi thấy anh hơi mệt mỏi, cái mệt mỏi của một người trầm tĩnh và ít khi chịu lùi bước bó tay chịu trận, cái mệt mỏi có giá trị của một bước nghi chân để tập trung nghị lực mang nhiều tính cách tự thách thức và thách thức hoàn cảnh thay vì buông xuôi trong mòn mỏi.

Lẽ ra chương trình này phải được sửa soạn cả tháng trời, lần này tôi muốn thử xem với sự sửa soạn của một tuần lễ liệu kết quả sẽ đạt được bao nhiêu phần trăm.

(73) - Lim Thanh Vân, hiện đang nghỉ hưu ở California, vẫn còn liên lạc qua Facebook với NgyThanh (Ghi chú của NgyThanh, 2022)

Trên đường tới Đại Lộ Kinh Hoàng

Sau bữa uống trà buổi sáng bên hồ nước nhỏ trong chùa Phước Hải với thầy Đức Tâm về, sau khi phân công công việc cho anh em phóng viên, anh Châu chỉ giữ lại có Đoàn Kế Tường gốc người QT để cùng chúng tôi tham dự chương trình nhật xác trên đại lộ kinh hoàng.

Khi ghé quận Phong Điền để xem xét ngôi trường mà ông Quận trưởng có nhã ý cho mượn để đặt hòm trước khi tổ chức cuộc mai táng, chúng tôi nhận được lá thư của 1 nhân vật tại Huế cho biết người nhận diện “bị đau từ mấy hôm nay” nên không tới tiếp tay với chúng tôi được. Thực ra, đó chỉ là một lý do phụ.

Người mà chúng tôi nhờ vả nằm trong một đảng phái địa phương. Có những uẩn khúc mà tôi không tiện nói ra trong bài này về sinh hoạt của các đảng phái chính trị địa phương ngay cả khi họ đứng trước những công tác hoàn toàn có tính cách xã hội và nhân đạo.

Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình về phía Đại Lộ Kinh Hoàng sau khi nhận được lời hứa sẽ có 1 xe GMC ra lấy xác về Phong Điền vào lúc 12 giờ trưa.

Dọc đường, 1 cụ già râu tóc bạc phơ đón xe lại xin thắp tùng ra tìm xác con bỏ mình trên đoạn đường kinh hoàng, có lẽ trên đời này cái cảnh bi đát nhất vẫn là cảnh người già đi tìm xác con để mai táng. Vẫn biết là nước thường chảy xuôi. Song tôi vẫn nghĩ thế hệ người già ở VN hiện nay bi đát hơn bất cứ cảnh trạng nào của bất cứ người già nào, cái thế hệ mệnh danh là “thế hệ bị bỏ rơi, bị quên lãng” trên thế giới. Ở đây là sự bị bỏ rơi hoàn toàn trọn vẹn với tất cả những chua xót đau đớn của tuyệt vọng. Chúng tôi phải từ chối cụ già vì xe ngoài 3 chúng tôi ra còn có 6 người phụ nữa nên không còn chỗ, hứa sẽ đem cụ theo trong chuyến trở về Huế chờ hòm ra PĐ vào lúc 10g.

Len lỏi trong khu phố ngập bụi và đổ nát của Mỹ Chánh với đôi ba người đàn bà bới tìm trong đồng tro tàn giương đôi mắt vô hồn khi xe chúng tôi đi qua, vượt qua cây cầu nổi bắc ngang sông Mỹ Chánh, chúng tôi đi 1 đôi nữa thì Đoàn Kế Tường cho tôi biết:

- Minh bắt đầu bước vào khúc đường đó rồi chị.

Từ xa, giữa vùng cát trắng cỏ úa lúa thừa, bóng dáng của những chiếc xe bị nạn phết thành những tảng đen trên bức tranh của đất trời mênh mông. Tôi tưởng như nghe thấy văng vẳng từ đâu đó 1 khúc nhạc bi thương đang từ từ chỗi lên... chỗi lên... cùng với hình ảnh của xe cộ cháy đen, áo quần vật dụng của dân chạy loạn rải rác khắp nơi phơi móc lẫn lộn với những xác người đã rữa nát khô queo hiện rõ dần trước tầm mắt cùng với tốc độ xe được giảm dần...

Tôi phải diễn tả ra sao cảnh ngộ đang bày ra trước mắt?

*** Những người phu già mỗi người đốt một nén nhang
khấn vái trước khi hốt cốt**

Tôi có thể nói rằng ngay cả một đạo diễn QT lừng danh nhất cũng không thể nào dàn nổi một cảnh chiến tranh đầy đủ và trọn vẹn hơn cái cảnh ngộ tôi đang được chứng kiến. Tôi hiểu vì sao anh Châu cứ thúc tôi phải có mặt tại Huế bằng mọi giá để sửa soạn thâu trước một mớ hình ảnh cho một phim chiến tranh mà nhóm phim do một nhóm anh em văn nghệ và tôi chủ trương sẽ làm. Nhưng tôi đành bó tay vì sức vóc có hạn và vì những xúc động còn quá mới mẻ tinh khôi để cho phép tôi làm được cái gì ngoài việc mở mắt thật lớn mở mọi giác quan thật rộng để thâu lấy tất cả những kinh nghiệm của thời đại tôi...

Sau khi liên lạc với một đơn vị Dù trách nhiệm khoảng đường này để thông báo việc làm của chúng tôi, chúng tôi đồ đám phu và vật dụng cần thiết xuống đầu đường dẫn vào đại lộ kinh hoàng.

Những thủ tục lễ nghi đơn giản nhất đã diễn ra ngay sau đó. Hai trong số 6 người phu già mỗi người lấy 1 nén nhang đốt lên, rồi chia nhau mỗi người ở 1 bên quốc lộ vãi 4 phương 8 hướng niệm hồn người chết cho phép họ hốt hải cốt về mai táng cho trọn vẹn tình nghĩa con người đối với nhau. Giữa đất trời mang mang với cái bối cảnh bi thương cùng tận đó, dù không có ý kiến và chẳng quan tâm tới sinh hoạt của thế giới bên kia, tôi cũng không khỏi xúc động đến độ muốn khóc...

Đoàn người bắt đầu bắt tay vào việc. Ba xác chết được moi móc vun quén lại bỏ vào 3 bọc ni lông sau khi anh Du, 1 đàn em của anh Mai ghi mọi chi tiết cần thiết vào một cuốn vở học trò có đánh số thứ tự hẳn hoi. Công việc không đơn giản vì có xác đã bị cát vùi sâu xuống đất và vì kinh nghiệm những người phu quyết không để sót lại dù 1 đốt xương dù nhỏ nhất của kẻ quá cố.

Nhìn họ làm công việc nhặt xác một cách thận trọng nhường ấy, tôi không khỏi ví họ với những nghệ sĩ chân chính đã không làm thì thôi mà làm thì phải làm cho tới chốn.

Người đàn bà áo trắng chấp chới giữa quang đồng không mông quạnh

Để tôi có cái nhìn toàn diện về khúc đường Kinh Hoàng, anh Châu và Tường đưa tôi lên tận ngã ba đi Hải Lăng.

Đây quả là cuộc diễn hành bi thảm lần đầu tiên trong đời tôi được tham dự.

Anh Châu chột đập vào vai tôi và chỉ về phía tay mặt. Giữa cảnh đông không mông quanh đầy cỏ cháy và vật dụng của dân chạy loạn, bóng một người đàn bà mặc áo trắng chập chới như một cánh bướm ma quái đi tìm xác người thân. Tôi tưởng như nhìn thấy rõ ràng khuôn mặt tuyệt vọng của người đàn bà và khúc hát của Trịnh Công Sơn như vang vang đâu đó: “Mẹ già lên núi tìm xương con mình”... Tôi tự hỏi người đàn bà đã làm cách nào vào lọt khoảng đường cấm dân sự trừ báo chí này?

Xe dừng lại bên một toán lính đứng vây quanh một xác đã rữa nát, những khúc xương ngập một nửa xuống mặt cát ẩm, bộ đồ lính còn nguyên nhưng có lẽ nếu đụng tới lớp vải sẽ mùn vữa ra, đầu xác chết gói lên một vật gì đó như một khúc cây. Xác chết nằm ngửa, hai tay hai chân dang ra trong một thế nằm thoải mái, thanh thản.

Dường như anh ta đã bị thương và một thời gian sau đó mới chết. Tôi có cảm tưởng thế khi nhìn thế nằm như nghi ngời, dưỡng sức của anh ta. Toán lính đang sửa soạn đưa anh ta về chôn cất. Bên cạnh đó, một chiếc băng ca đã đặt sẵn.

Dùng mũ sắt làm búa đóng cọc đánh dấu chỗ chôn xác con

Xe đi một quãng nữa giữa những xác xe cộ ngổn ngang và xác người, chúng tôi gặp 1 người đàn ông đang dùng 1 cái mũ sắt làm búa đóng cây cọc sắt trên mộ phần của 1 người thân. Đoàn Kế Tường nhận ra người tài xế xe lam ở tỉnh nhà nên vẫy lại hỏi thăm. Nét đau khổ đã biến khuôn mặt sạm đen nhếch nhác mồ hôi thành bất động. Cái bất động của một pho tượng có hồn khí.

- Xác ai vậy anh?

- Con tui. Ba đứa chết cả ba. Một đứa chết bom hồi chạy loạn. Đứa ni tui mới tìm ra, chôn tạm đó chờ khi mô yên về cải táng lại. Còn đứa nữa bị thương đem về tới Đà Nẵng cũng chết luôn.

- Làm sao anh ra được đây?

- Tui đi nhờ xe của nhà báo. Chút trở lui cho tui quá giang về Huế nhé.

Chúng tôi gạt, trả người đàn ông đau khổ về với phần mộ đơn sơ của đứa con bất hạnh.

Dọc đường, nhiều năm mộ được chôn cất vội vàng với những cách làm dấu đủ loại. Điều đó chứng tỏ đã có nhiều người đánh dấu mộ bằng cách này hoặc cách khác để đi tìm xác người thân chôn cất vội vàng rồi lại trở vô Huế hoặc Đà Nẵng chờ yên bình hơn để về cải táng.

*** Địch pháo như mưa lên đầu đoàn người đi hốt xác khiến một bác phu... đào ngũ**

Có nhiều tiếng nổ mà kinh nghiệm cho biết không phải của ta bắn đi. Chúng tôi vội vã trở lại vị trí nhất xác để trấn an mấy người phu hốt xác.

Khi xe về tới nơi, chúng tôi đụng với một toán quân Dù đang từ căn cứ cách quốc lộ khoảng 1cs về phía núi rút ra quốc lộ. Pháo Cộng đuổi theo tới tấp làm 2 binh sĩ bị thương. Đoàn phu hốt xác ngưng tay, về kinh hoàng lộ ra trên nét mặt.

Anh Châu chụp lên đầu tôi cái nón sắt nặng như cùm làm đầu tôi muốn gục xuống và hỏi tôi rời xe chạy về bên kia quốc

lộ. Viên chỉ huy toán lính Dù yêu cầu chúng tôi tiến vào phía trong quốc lộ và tìm chỗ nấp tránh pháo.

Pháo mỗi lúc một rơi mau. Tường nắm tay kéo tôi vào 1 hố cát. Không may đó là hố cát chứa đạn. Chúng tôi bèn rút sang một cái hố bom B52 ở cách đó vài thước. Hại thay trong lòng hố bom lại nằm sẵn 1 trái bom bi. Chúng tôi ngồi ở thành dốc của hố với 5 người phu còn lại sau khi người phu thứ sáu vì quá sợ hãi đã xách nón ra giữa quốc lộ chặn 1 cái xe Jeep vừa chạy qua tể như tể sao để xin quá giang về Huế. Thế là có một kẻ đã đào ngũ. Những câu chuyện đùa cợt được anh Châu đem ra kể để trấn an nỗi sợ của những người phu còn lại. Một vài miếng pháo rơi xuống xung quanh có lúc chỉ cách lưng tôi có 1 thước.

Khi pháo đã ngớt, chúng tôi kéo vào phía trong độ chục thước nấp sau một mô cát và chờ đợi.

Có người thúc, về Huế cho rồi.

Tường nói gần như nạt:

- Tôi có kinh nghiệm chiến trường nhiều. Ra khỏi chỗ nấp lúc này là lãnh đủ cho coi.

Bữa ăn trưa thanh đạm gồm bánh mì chả và nước lọc được giải quyết nhanh chóng tại chỗ.

Khoảng 1g sau, chúng tôi mon men đi lại gần quốc lộ nơi toán quân dù đang ngồi nghỉ. Vừa ra tới nơi, pháo lại bắt đầu mặc dù trước đó B52 đã làm một vòng bên trên vị trí đặt ổ pháo của chúng và hỏi thăm tận tình. Tiếng gọi máy tới tập của viên sĩ quan truyền tin cho thấy tình hình có thể còn lâu mới bình thường lại. Chúng tôi thu xếp đồ đạc về Huế với vồn vện vài xác thu lượm được.

Buổi sáng hôm nay, đoàn người nhật xác phải nghỉ một ngày vì tối hôm trước trời mưa, đám phu ngại khí độc bốc lên có thể bị phung. Một tin vui cho chúng tôi là các bà bán hàng tại chợ Đông Ba sẵn sàng đóng góp tiền bạc cho chương trình nhật xác này.

Tôi cũng rời Huế hôm đó vì có tin từ Saigon gọi về để ra toà ký cả chục bản kháng án những vụ báo tịch thu.

Tôi viết những giòng này để nói lên tình của người sống đối với người chết, để nói lên niềm đau thương của người dân miền địa đầu hết gặp thiên tai bão lụt lại gặp chiến tranh bom đạn, để nói lên sức chịu đựng vô bờ của người dân Việt.

Trong sự khổ đau nào cũng chứa sẵn một nụ hoa sẽ nở và mùi hương kỳ diệu. Tôi tin tưởng mãnh liệt như thế trên đường trở về Saigon...

*** Một quan niệm hết sức dân tộc: “Sống mái nhà, thác năm mô”**

Niềm cảm lặng của những người chết

Liên sau khi thu xếp một số công việc ở Saigon xong, tôi bay ra Huế lại sau khi tạt qua Quảng Ngãi và Đà Nẵng. Cùng đi với tôi từ Quảng Ngãi có anh bạn thi sĩ Phan Nhự Thức – 1 người hoạt động khá tích cực cho QN Nghĩa Thực.

Có một sức lôi cuốn mãnh liệt đối với tôi đến không thể không trở lại Huế, nơi mà những người anh em của tôi đang làm cái việc chẳng ai buồn làm, nếu không nói là “dở hơi” như 1 vị đại biểu khả kính nào đó đã tuyên bố 1 cách hết sức... nhân đạo là: “lo cho người sống còn chưa xong huống hồ là...”

như 1 cách để trấn an lương tâm! Tôi cũng không quên câu anh Phạm Văn Lương nói với tôi lúc tôi ghé qua Đà Nẵng: “Hãy nhìn việc nhật xác dưới khía cạnh tình cảm. Và người sống đã có nhiều người lo và họ nói lên được nguyện vọng của họ trong khi người chết thì câm lặng. Hơn nữa, dù họ chết rồi nhưng họ vẫn là người VN và người VN thì vốn quan niệm sống thì có thể sao cũng được nhưng chết phải có một nấm mồ.”

Vì sự lầm lẫn kỹ thuật, 2 trường hợp thân nhân người chết nhận lộn xác

Vừa thấy tôi, anh Châu đã trách:

- Trong Saigon sắp chử sao mà để lộn số tùm lum. Có ông nọ dò theo báo tới nhận cái hòm số 10 thay vì số 4 rồi phủ phục xuống khóc như mưa gió trước cái hòm đó, tới chùng mở nắp ra thì không phải xác thân nhân mình.

Mọi người phì cười. Tôi bảo anh Thức:

- QNNT còn đang đi xin thấy mồ đi mà còn bày đặt đóng góp!

Tuy vậy, mọi người vẫn có vẻ cảm động trước đề nghị của anh Thức.

Quả thực đã có lúc tôi tự trách sao với 3 ngày ở Saigon dù bận rộn nhưng đã không tích cực lưu ý anh em Saigon phát động chiến dịch “Đắp Nấm Mồ Yên Nghi” đúng hơn.

Mới đặt chân tới Huế mà sao tôi nôn nóng về ngay Saigon để trình bày tất cả cái khó khăn về mặt tài chính của anh em ST Huế bên cạnh những khó khăn khác mà họ đã được biết.

Có nhẽ, phải thành thật mà nói rằng, trừ những người đã được chứng kiến tận mắt cảnh đồng bào Quảng Trị đã chết thảm ra sao trên bước đường chạy loạn, chứng kiến không phải bằng đôi mắt báo chí có tính cách chuyên nghiệp, mà bằng đôi mắt của kẻ mang nặng tình tự dân tộc, còn đối với đa số công việc “nhặt xác” ít nhiều là chuyện “nghe xong bỏ đấy”. Và lại, làm sao trách tha nhân thờ ơ được khi chưa có một khơi dậy thích đáng!

Tôi cũng cảm thấy nóng ruột trong lòng thành phố Huế cổ kính rất trầm lặng với đôi ba lần trong ngày bị đánh thức bởi hàng loạt pháo kích của CQ.

Tái ngộ “Đại lộ kinh hoàng”

Sáng hôm sau sau bữa cơm hên, món ăn đặc biệt Huế, chúng tôi gồm 6 người cùng 6 người phu đáp chiếc xe Dodge mượn được của Quân Nhu lên đường rời Huế đi về phía Đại lộ kinh hoàng để tiếp tục công cuộc nhặt xác. Trời mưa nhỏ.

ĐK Tường dặn tôi:

- Lát nữa chị đừng xuống bãi nữa nghe. Trời mưa thế này nguy hiểm lắm...

Tôi cười thay câu trả lời.

Chúng tôi ghé lại quận Phong Điền vào ngôi trường mượn đỡ để để xác đồng bào Quảng Trị xấu số.

*** Trong một phòng học chứa trên 30 áo quan lớn nhỏ và cả trăm bọc nylon hài cốt.**

Phía trước hàng rào kẽm gai xiêu của trường có treo 1 cái băng đờ rôn trắng kẻ chữ đỏ với dòng chữ vì vôi vàng nên có 1 sơ xuất lớn về phương diện ý nghĩa của danh từ và anh em thường đem ra nói đùa với nhau những khi quá mệt nhọc.

Sở dĩ không thể kể lại cái băng đờ rôn khác cũng chỉ vì thiếu tiền. đành cứ tùm tùm cười một mình mỗi khi đọc hàng chữ: “Chương trình nhận diện và chôn cất đồng bào chiến nạn Quảng Trị do nhật báo ST và thân hữu thực hiện.”

Chiếc Dodge tiến thẳng vào sân trường. Mùi nồng nặc từ trong các lớp học xông ra. Chúng tôi phải hút thuốc để trấn át mùi hôi. Nơi hành lang dẫn vào phòng học đối diện với cổng trường: một bàn thờ đã được bày sẵn có lẽ là do thầy Đức Tâm thực hiện. Trong một phòng học, khoảng trên 30 cái áo quan thô sơ lớn nhỏ đủ cả, phòng kế bên là cả trăm bọc nylon chứa hài cốt đồng bào được xếp trên những chiếc bàn học chờ vô hòm. Trong khi NgyThanh hết đi quanh quanh giữa những chiếc bàn trên đặt các hài cốt lại ra hành lang kẻ những dòng chữ chỉ dẫn thân nhân người chết lên tường, tôi và ĐK Tường đứng ở hành lang nhìn người đàn ông tay cầm cây nén tay cầm nén nhang vừa đi theo sau một cái quan tài vừa được khiêng từ trong phòng ra lên 1 chiếc GMC vừa khóc hu hu. Người chết là một quân nhân.

Chiếc GMC rời khỏi trường học tiến ra phố quận đồ nát hoang tàn. Tôi tự hỏi 1 cách lần thần và chua xót một mai, khi bình yên rồi, những em nhỏ trở lại trường ngồi nơi những chiếc bàn đã 1 thời dùng để đặt những hài cốt nọ, các em sẽ nghĩ gì sẽ cảm thấy sao nếu có ai bảo cho các em biết điều đó?

Trong sân trường, anh Châu vừa tiếp xúc với những đồng bào đến nhờ anh tìm hộ tên này tên nọ, vừa trao đổi câu chuyện

với mấy sĩ quan Quân nhu lo về Chung Sự. Họ cử một toán lính và 1 GMC đi theo phái đoàn chúng tôi để chờ xác về Phong Điền.

Đoàn người rời quận Phong Điền lên đường, bỏ lại phía sau những khuôn mặt khổ đau chất phác của những người bỏ cả công ăn việc làm để đi tìm xác thân nhân. Mỗi ngày họ đón đọc báo ST để dò tìm thân nhân nơi danh sách thi hài nạn nhân chiến cuộc. Họ đặt hết hy vọng vào những chuyến đi nhật xác của anh em ST/Huế. Người chết thì quá nhiều và rải rác khắp nơi.

Từ Quảng Trị đến cầu Trường Phước qua Hải Lăng trong khi khả năng, hoàn cảnh của anh em ST Huế thường không vượt quá 1cs cách QL1! Căn cứ vào những lời thuật lại về cách nằm chết và vị trí của các nạn nhân của anh em và những người phu, có thể nói là những người chết trên Đại lộ kinh hoàng thường không chỉ chết một lần và được chết tức khắc hoặc chết lần chết mòn chết khô chết héo sau khi bị thương hoặc chết ngay song sau đó lãnh thêm ít bom hay pháo.

Những người lính QC đã quen mặt phái đoàn hốt xác nên không còn chặn lại xét hỏi hay gạn lọc những người không phận sự mặc dù ngoài mấy người phu hốt xác, xe chúng tôi vẫn chờ thêm 1 đôi thiếu niên vừa đi theo để tìm xác thân nhân vừa tiếp tay anh em ST ghi những chi tiết về các xác chết.

Trời mưa lất phất khi đoàn xe dừng lại trong con phố đồ nát của Mỹ Chánh chờ bom phao cầu nổi.

Qua khỏi cầu Mỹ Chánh, tới cầu Trường Phước bước vào Đại Lộ Kinh Hoàng⁷⁴ đã gần như trở thành hoài niệm vì xác xe đã được kéo đi gần hết cùng với những xác người được anh em ST Huế hốt mang về Phong Điền trên đường chỉ còn lại những mảnh áo quần và vật dụng của dân chạy loạn đang bị gió thổi cát khỏa lấp dần. Chúng tôi qua khỏi Cầu Dài và đoàn người

(74) - Đứng ra, từ Huế đi về hướng Quảng Trị, Đại lộ Kinh hoàng bắt đầu từ cầu Bến Đá và kết thúc ở cầu Trường Phước (ghi chú của NgyThanh).

hốt xác bắt đầu tủa xuống hai bên đường đi đào và hốt xác đồng bào dưới những tiếng đạn pháo kích xẹt qua bên trên đầu.

Thoắt cái, khoảng 1 tiếng sau, gần 10 xác chết được bọc trong bao nylon cột lại kỹ càng xếp dài ở một mé quốc lộ. Để tránh làm mục tiêu cho cộng quân pháo từ phía Đông Hà ra, anh Châu lưu ý mọi người đừng đứng dính chùm một chỗ trên quốc lộ. Một người phu đem lại cho Tường tấm thẻ kiểm tra tìm thấy trên một xác chết thiếu nữ mất chân, có tiếng 1 trong 2 thiếu niên đi theo chúng tôi kêu lên giọng như khóc:

- Đây là bà Chị tôi!

Nói rồi anh ta meo máo chạy tới bên một bọc ny lông bên đường. Một chiếc xe Jeep dừng lại và 2, 3 sĩ quan cấp tá bước xuống, mũ sắt áo giáp nai nịt kỹ lưỡng.

*** Đồng bào lết vào trong miếu với hy vọng thần linh che chở để rồi chết ở đó**

Anh Châu giới thiệu chúng tôi với nhau và tôi được biết viên Tr. tá ở bên Quân Nhu coi về Chung Sự. Chiếc áo giáp che khuất bảng tên của ông. Ông ta vừa từ phía La Vang về và cho chúng tôi biết có khoảng 5, 6 xác chết nằm trong chiếc miếu ven đường. Có lẽ những người này đã bị thương và giữa cảnh bãi cát mênh mông và dưới cơn mưa bom đạn, họ đã lết vào trong miếu với 1 hy vọng mong manh được thần linh che chở cho tai qua nạn khỏi để rồi chết rục trong đó. Ông nói như thể việc hốt xác như là... của độc quyền anh em ST Huế, kể cả xác quân nhân.

Gió thổi mạnh đôi khi át cả tiếng départ của pháo cộng và cũng đôi khi làm chúng tôi tưởng lầm là tiếng départ của pháo ta. Anh Châu hối phu làm mau cho xong đoạn đường này để

rời xa cây cầu vốn là một trong những mục tiêu của pháo cộng.

Viên Trung tá Chung Sự nói với tôi:

- Bà không sợ những xác chết này hay sao? Nhà tôi mà thấy là bà xỉu liền.

Tôi “dạ” một cách vu vơ và cười. Tôi có nhiều cái khác để sợ hơn là sợ những người đã không còn có thể nói lên nguyện vọng thiết yếu cuối cùng của 1 đời người rằng: “Chúng tôi cần một nắm mồ để yên nghỉ giấc ngàn thu”. Tôi thực không hiểu mấy ông bên Chung Sự làm sao có thể chỉ đi tìm xác quân nhân giữa đồng xác của bao nhiêu người bất hạnh khác, trong đó có cả trẻ con? Nhưng dường như họ cũng chỉ cho chúng tôi mượn phương tiện chuyên chở duy nhất và phó mặc luôn cả phần vụ lượm xác quân nhân cho đám phu chúng tôi mượn, mượn bằng số tiền cầm xe Honda của anh Châu.

Viên Tr. tá nói gì đó và tôi hỏi lại.

- À vâng... Việc này bên Chung Sự làm một mình không xuê cũng như một mình ST chúng tôi làm không xuê. Tôi đồng ý với Trung tá là phải có sự hợp tác...

Anh Châu tới bên chúng tôi dù đôi mắt vẫn trông chừng đám phu để họ không lượm đồ cũng như để họ không bỏ sót dù một mẫu xương nhỏ của người chết. Tôi nghe tiếng viên Trung tá nói giữa tiếng départ của pháo cộng từ trong phía Đông Hà bay chéo qua quốc lộ lẫn trong tiếng rít của gió.

- Chiều nay anh cho phép mấy người bên tôi qua trường nhận mấy xác quân nhân về?

- Dạ được, Trung tá...

Xong, ông quay qua tôi nói hân hạnh được quen biết rồi

cùng các sĩ quan tháp tùng lên xe và người tài xế mở hết tốc lực lao xuống con dốc dẫn tới cây cầu nổi bất thể Cầu Dài đã bị giạt sập để về Huế.

Anh em ST quay về với công tác của mình. Trời vẫn lát phát mưa. Từ Cầu Dài lên tới La Vang chỉ có nhóm anh em chúng tôi và những người phu. Thịnh thoảng một chiếc xe nhà binh xả hết tốc lực chạy trên đường về phía QT hoặc từ QT về Huế tạo cho bầu không khí một vẻ căng thẳng ngột ngạt. Pháo cộng vẫn thỉnh thoảng rít trên đầu. Anh Châu nhìn theo hướng pháo rồi nói:

- Khéo không lát nữa không có cầu mà về

Một trái pháo rơi trúng nơi có lẽ là chỗ đặt thuốc nấp ở khoảng cầu Trường Phước làm một cột lửa bùng lên và không có tiếng nổ tiếp theo.

Chúng tôi gặm bánh mì phía sau một mô đất thấp và kết thúc bữa ăn trưa mau chóng sau đó. Chiếc GMC của Chung Sự không còn đi theo chúng tôi nữa. Không biết họ còn nằm ở Cầu Dài không hay đã đông về Phong Điền.

Sau khi thu nhặt những xác trong và xung quanh ngôi miếu nhỏ cách nhà thờ La Vang hơn 500m, NgyThanh được chỉ thị lái chiếc Dodge về Cầu Dài gọi chiếc GMC lên. 15 phút sau Thanh trở lại cho biết họ đã chờ những xác nhặt được ở Cầu Dài về Ph Điền. Anh Châu lộ dáng bức dọc, gọi mọi người lên đường về. Thế là với 1 chiếc Dodge chúng tôi cả thầy trên 20 mạng, 1 nửa sống, 1 nửa chết chồng chất lên nhau đi về Phong Điền. Lúc đó đã 3g chiều. Trời vẫn mưa lát phát và có mầu chì khiến khó mà phân biệt thời gian nếu không nhìn đồng hồ.

**Hình ảnh người cha già Việt Nam:
Hết đi tìm con tại các quân y viện
lại đi tìm xác con trên Đại lộ Kinh Hoàng**

Với non 200 xác do anh em ST Huế nhặt được tính đến ngày 15-7-72 có tới non 50 xác quân nhân. Dầu sao thì với sự tiếp tay về chôn cất của ban Chung Sự quân đội chúng tôi cũng bớt được phần nào gánh nặng. Chúng tôi xin ghi nhận điều này dù rằng đó là bổn phận của ban Chung Sự.

Vừa về tới trường tiểu học Phong Điền anh Châu đã bị bao vây bởi đám đồng bào đợi sẵn ở đó. Những câu hỏi vừa ngớ ngẩn vừa bi thảm:

- Ông có thấy xác con tôi không?
- Ông có nhặt được xác chồng tôi không?

Họ tranh nhau dò trong cuốn vở nhận diện. Rồi thỉnh thoảng có tiếng kêu lên:

- Nè, thằng con tui nè! Đúng nó rồi chớ còn ai nữa!

Rồi họ tách ra chạy tới bên chiếc Dodge ngó chăm chăm vào từng bao ny lông đang được chuyển xuống đưa vào lớp học.

Sau khi khuyến đồng bào lại trụ sở của uỷ ban đặt ở 20 Đống Đa Huế để dò trong bảng danh sách đặt tại đó mỗi ngày để biết chắc rồi hẵng ra Phong Điền cho đỡ mất thì giờ, anh Châu ra quán nước trước công trường ngồi uống nước với chúng tôi. Tôi nói với anh:

- Sao anh không nhờ Hồng Thập Tự hay Hướng Đạo cho người tới tiếp tay với anh, ít là trong việc tiếp xúc và giải thích cho đồng bào? Cả ngày ở ngoài bãi, về đây lại phải tiếp xúc, giải thích này nọ, sức vóc nào chịu nổi?

Anh đáp:

- Cả 2 nơi đó hầu như chẳng còn ai. Và tôi có dặn đồng bào cứ đến 20 Đống Đa Huế xem danh sách trước, có tên thân nhân thì hãy ra nhận xác

Nói cho cùng thì đa số những xác nằm trong trường tiểu học Phong Điền đều vô thừa nhận. Vì vậy, anh Châu dự trù sẽ làm lễ mai táng tập thể khi nào có đủ hòm. Khi nào có đủ hòm có nghĩa là khi nào có tiền.

Vừa lúc đó, một người đàn ông nhà quê luống tuổi tới bên chúng tôi rụt rè hỏi:

- Máy anh có thấy xác con tôi đâu không?

Đoàn Kế Tường đưa ông ta cuốn vở nhận diện để ông ta dò. Nét thất vọng lộ rõ trên khuôn mặt sạm đen. Sau khi ông già dò hết cuốn vở, ông ta trả lại cuốn vở nhàu nát nói như than với đứa con không biết sống chết nơi nao:

- Thiệt khổ cho tui. Hồi hấn còn sống đi lính thì tui đi tìm hấn ở các quân y viện, nay đồ chừng hấn đã chết trong đợt rút lui khỏi Q Trị, tui đi tìm xác hấn. Cả tháng nay rồi.

Tường ngược nhìn ông già:

- Thằng đó đi lính gì vậy bác?

- Hấn lính sư đoàn 3.

- Tôi cũng ở SĐ 3, có thể biết hấn. Hấn tên chi đó bác?

- Lê Lý.

- Thằng đó chạy với tôi. Tôi biết nó mà.

Mắt người cha sáng lên:

- Anh biết nó?

- Thì nó chạy cùng với tôi. Tới Hải Lăng thì tôi không thấy nó nữa. Nếu nó chết thì chết ở mạn đó. Tụi tôi chưa tới hốt xác ở đó vì lý do an ninh.

Giọng Tường nhanh và bình thản như nói tới một chuyện hết sức bình thường. Trong nhóm anh em ST đồng tuổi 24, Tường bị coi là “sữa” nhất vì mập nhất, nhưng lại nhiều nhất. Và có lẽ vì sống nhiều, trong đó có lần bị VC bắt giam tưởng bỏ mạng trong khi rút lui khỏi Quảng Trị, nên anh ta có vẻ chai sạn lì lợm. Tôi tưởng như Tường là hiện thân của tuổi trẻ VN bị già trước tuổi quá nhiều.

Người cha cảm ơn – chẳng biết là cảm ơn cái gì? Vì Tường đã cho biết con ông nằm chết ở đâu chẳng? – rồi lúp xúp đi ra khỏi quán, cái cổ như rút vào giữa hai bờ vai gầy...

Hôm đó là thứ 7, ngày 15/7, mọi người xem ra đều mệt mỏi, muốn có 1 ngày nghỉ. Anh Châu cười buồn:

- Không nghỉ cũng phải nghỉ vì 2 lẽ: cần tổ chức văn phòng ở 20 Đống Đa Huế để tiếp xúc đồng bào và vì... hết tiền.

Tôi cảm thấy ngọt ngọt khó chịu khi sau bữa cơm tối, anh Châu bảo nếu cần anh sẽ bán rế miếng đất của anh trị giá 1.000.000đ để công tác được hoàn tất.

Đêm hôm đó tôi nuôi ý định về Đà Nẵng ngày hôm sau để cầu cứu anh Phạm Văn Lương trong khi chờ đợi chiến dịch quyên góp được phát động từ Trung ương. Vì không tin là mình

thành công trong chuyến về Đà Nẵng nên tôi không dám thông báo mục đích của chuyến đi với anh Châu mặc dù sự ngạc nhiên nơi anh khi nghe tôi đòi rời Huế sớm hơn dự định.

**Đi Đà Nẵng xin viện trợ:
Một kết quả bất ngờ và cảm động**

Cùng đi với tôi về Đà Nẵng có Đoàn Kế Tường.

Vừa nghe chúng tôi trình bày khó khăn của Huế, mặc dù đang nhức đầu đến nỗi phải bỏ cả cơm tối, sau khi nốc 4 viên APC, anh Lương lấy xe chở chúng tôi đến gặp vợ chồng ông Lương, một thương gia người Quảng Bình di cư vào Đà Nẵng hồi 54 để nhận số tiền 20.000đ mà bà Hiền gọi là đợt đóng góp đầu tiên của Hội Phước Thiện Bảo Sanh ĐN mà bà làm đại diện. Kế đó anh Lương đưa chúng tôi tới gặp dược sĩ Nhân để thảo luận một kế hoạch quyên góp tiền mua áo quan cho những đồng bào Quảng Trị xấu số.

Liên đó, mặc dù giờ giới nghiêm bắt đầu, chúng tôi làm một cuốn sổ đi quyên tiền. Tôi biên vội một lời kêu gọi và cùng với anh Lương ký tên rồi kéo cả một phái đoàn đi gõ cửa của các thân hữu của hai anh Lương và Nhân. Tối hôm đó chúng tôi quyên được sơ sơ gần 100 ngàn. Kế Tường lộ vẻ vui khi nghĩ ngày mai về Huế với 1 món tiền để nhóm anh em ngoài đó “cầm hơi”.

Rồi cả ngày hôm sau anh dược sĩ Nhân với sự tiếp tay của ông Ng. Gia Thụy, 1 thương gia có tiếng ở Đà Nẵng và cũng là người đã đứng ra tổ chức cứu trợ cho đồng bào hồi cư trước 1954 ở Hà nội, cùng với Đoàn Kế Tường đi quyên được khoảng 200.000đ.

Buổi tối vừa ở bệnh viện về, anh Lương chép lại lời kêu gọi vào một cuốn sổ khác và đi quyên thêm bỏ cả cơm tối trước cái nhìn thâm lặng và chịu đựng của chị Lương bên mâm cơm.

Kết quả thật phần khởi: số tiền quyên được lên tới 300 ngàn!

Tôi bỗng cảm thấy phần khởi, vì nếu cứ cái đà này, có lẽ chúng tôi không phải nhờ tới chính quyền vốn quá nhiều... rùa trong hệ thống hành chính.

Người dân Việt, trên một khía cạnh nào đó, chưa phải là đã chai sạn thân nhiên đến lạnh lùng sau mấy chục năm sống trong khói lửa, thiên tai triền miên nhiều người quen nghĩ như thế.

Tôi vẫn thực sự không hiểu tại sao, với 1 đất nước chiến tranh và thiên tai triền miên, như nước ta mà vấn đề cứu trợ chỉ có tính cách tạm bợ do các sự đóng góp tùy tâm thay vì có một quỹ riêng biệt và 1 chính sách thuộc loại quốc sách hẳn hoi?

Tôi trở về Saigon giữa bầu không khí xúc động của toà soạn khi nhận được những hưởng ứng đóng góp của độc giả ST sau khi chiến dịch “Đắp một nắm mồ yên nghỉ cho đồng bào nạn nhân chết trên đại lộ kinh hoàng” được phát động. Một trong những câu chuyện cảm động nhất là câu chuyện về 1 người đàn bà không biết chữ, đi bộ từ Chợ Lớn xin góp 1000đ chỉ vì nghe có người nói về chiến dịch trên của ST.

Chúng ta không cô đơn, tôi muốn kêu to lên như thế với anh em ST ở Huế. Và tôi cũng muốn lặp lại với anh em lời của 1 người bạn, rằng: “Các anh chị đang làm những việc tích đức”. Nếu quả thật việc làm hiện nay của chúng tôi đưa đến kết quả đó thật, chúng tôi xin dành cái đức ấy cho thế hệ tôi và những thế hệ tới nữa, để họ không phải sống trong 1 thời đại kinh hoàng như thời đại chúng tôi hầu có thể nghĩ tới việc dựng xây thay vì chỉ làm được việc hàn gắn vá vúi tuy cần thiết nhưng thật nhỏ nhoi trong hiện tại giữa một đất nước bị vây bủa bởi ngàn vạn vấn đề lớn.

Chương 2

Trích đăng lại loạt bài phóng sự của Ngy Thanh – tìm thấy trong văn khố John Olin của Viện Đại học Cornell, ở thành phố Ithaca, tiểu bang New York, vào tháng 2/2018.

(Sóng Thần ngày 4/8/1972)

KÝ SỰ VIẾT VỀ LỄ AN TÁNG TẬP THỂ ĐỢT I MỘT VUÔNG ĐẤT BÌNH YÊN

• *NGYTHANH*

Chiếc trực thăng đưa các anh Lý Đại Nguyên, Phạm Văn Lương, Nguyễn Liệu, anh Nhân, anh Can và chị Lương tắt máy ở cao độ 500 thước khi bay qua không phận Thừa Thiên, trên phá Cầu Hai. Trước đó, con tàu đã nháy lên nháy xuống như một con ngựa bất kham. Sau cùng thay vì làm phiền anh Châu phải nhận thêm 11 thi hài về mai táng vào ngày hôm sau tại Phong Điền, thì phi công đã đem được hơn 10 khuôn mặt đối diện từ thân, đáp tàu xuống một thửa ruộng hoang ở Thiên Lợi.

Buổi chiều khi ra đến Huế bằng đường bộ, anh Lương gặp tôi và xuyết xoa đùa, phải chỉ lúc bấy giờ có Ngy Thanh để chụp mỗi người một “pose” cận ảnh làm kỷ niệm.

Khác với những lần theo chân các cánh quân dù, tôi có dịp đi tàu bay chuồn chuồn mỗi lần theo chân TQLC. Đi với Nhảy Dù thì quá giang xe. Từ xe gắn máy hay xe buýt ra An Hòa. An Hòa ra An Lỗ bằng GMC. An Lỗ đến Mỹ Chánh bằng xe cần trục công binh và chui vào gầm thiết vận xa M-113 để từ Mỹ Chánh ra mặt trận để khỏi bị làm khó dễ. Đi với TQLC thì ngược hẳn lại.

Những tháng sau khi vừa mất Quảng Trị, Bộ Tư Lệnh TQLC đóng tại Đại Nội. Muốn ra tiểu đoàn hành quân nào cứ việc vào gặp trung úy Nghĩa hoặc trung úy Long là xong.

Tàu bay đậu sẵn đó, chiếc nào nổ máy cứ nhảy lên. Điều kiện chỉ là áo giáp nón sắt. Sau này BTL/TQLC dời ra Hương Điền, chúng tôi vẫn có thói quen vào sân bay Tây Lộc chờ. Trục thẳng xuống nhào lại hỏi anh pilot, tàu đi đâu? “Hương Điền”. Xong. Bất kể tàu chờ VIP, tàu tải thương, đồ quân, tiếp tế hay gunship võ trang kèn còi súng đạn. Cứ nhảy đại lên. Thú thật, lắm khi không biết trong tiếng động cơ phành phạch, ông phi công có thuận cho đi không. Mà làm báo thì ngoài đức tính liều phải li nữa. Trừ phi họ đập xuống khỏi tàu, ngoài ra thì đàn ông nào cũng đến được 1 chỗ có tiếng súng đạn.

Vậy mà trong tất cả các chuyến đi bằng trực thăng vừa kể, tôi vẫn không tưởng tượng nổi cảm giác ghê rợn khi sự thông minh của hai viên phi công đã bị giới hạn. Đi tàu thủy, đi xe lữ bị trực trực còn dừng lại sửa chữa. Bay trên trời thì hết thuốc trị. Đang bay, máy kẹt tí ti là đủ. Một viên đạn bắn trúng vào bất cứ chỗ nào trên thân tàu là đủ. Gió tạt mạnh, chờ nặng cũng vừa đủ để về bên kia thế giới.

Người ta bảo đi nhiều rồi dạn dĩ ra. Thực tình với tôi không phải thế. Càng đi, càng biết được nhiều cách chết mình càng sợ sệt là thế đó. Cứ lấy tôi ra mà nói, người ai mà chẳng tham sinh úy tử, nhất là những cái tử mà mình có thể úy được. Vậy mà có một số người xem đó là trò chơi ngoạn mục. Có

những buổi trưa trên bãi cát nóng bỏng ở Hương Điền, họ vừa nhai cơm sậy vừa thuật lại cho chúng tôi nghe, đến độ nếu sau đó tôi không phải lên trực thăng, tôi sẽ ngây ngất mơ tưởng.

Họ cũng là phi công, cũng lính lái tàu bay như ai vậy, nhưng có những điều bình dị đến độ bất ngờ. Phi công phản lực, phi công chong chóng vận tải bay ngày 2 rides là cùng, tổng cộng không đến 5 tiếng đồng hồ.

Phi công trực thăng, trong lúc đó, “cày” ngày 8 tiếng trở lên. Họ cũng ăn cơm tác chiến (có hôm cơm sậy không có thịt nguội). Thậm chí, có lần, tôi theo trên một chuyến tải thương. Cũng bàn tay đó bế xốc từng chiến sĩ TQLC máu me vung vãi rồi cũng bàn tay đó cầm bánh mì vừa gặm vừa lái tàu bay. Tay chân đó làm công việc cứu thương, di chuyển các poncho gói người chết cũng smooth như khi điều khiển con tàu vậy. Họ lam lũ lắm chứ không phải chi là lướt không mà thôi. Nếu có dịp theo 1 chuyến tản thương đêm đèn pha đèn điện trên tàu tất hết để tránh phòng không bên dưới âm u màu đen dày đặc là vùng đất dịch “tạm chiếm đóng”. Quân bạn ở một góc nào đó sẽ bắt chợt chớp 1 ánh đèn cách khoảng 5 phút. Không bàn đồ, không mình đồng da sắt. Với con mắt trần nhìn xuống các đầu đạn đạn lưới lừa dày đặc họ lách con tàu đến đúng vị trí bốc lính bạn bị thương về quân y viện, mới hiểu thấu phần nào về những tài xế và xạ thủ đại liên trên những con chuồn chuồn UH1-D nổi.

Định xuống phố kiểm tờ báo đọc. Báo hôm nay bị tịch thu. Đang loanh quanh giữa đường Trần Hưng Đạo, tôi gặp Song Thương.

Tôi hỏi về ít diễn tiến công tác mai táng vào ngày mai, Song Thương cho biết:

- Sau hai tuần, mình kiếm được gần 2 trăm thi hài. Một trong số có thân nhân đến nhận. Một số khác mang lý lịch quân nhân, bên chung sự mang xe ra chở đi. Còn lại hơn 120. Tất cả

đều đã liệm. Quan tài cũng sẵn sàng. Anh Châu đi trả tiền hòm, Tường đi xin xe và chị Nhiên, chị Lãm ra thấp hương, xem lại lần chót ngoài Phong Điền.

- Mấy hôm nay có gì trở ngại không?

- Trở ngại thì không. Nhưng có ít điều bực mình. Đại khái có nhiều người không làm lại quai miệng ra chỉ trích. Nhưng việc mình mình làm. Ai nói gì thì nói. Anh Châu bảo thế.

Bảy giờ 6 giờ chiều. Mọi người chắc sắp về đông đủ trong vài phút nữa. Chúng tôi chia nhau trong khoảng thời gian ngắn mang một ít thiệp đến khách sạn Hương Giang mời các anh phóng viên quân đội và phóng viên ngoại quốc. Báo chí Việt Nam tại Huế, trừ các thông tin viên địa phương, chúng tôi không còn tìm thấy ai cả.

Đến 7g rưỡi các anh mới về, có vẻ mệt mỏi, anh Lý Đại Nguyên trứng gió bỏ cơm tối và nằm riêng một góc. Mọi người xum họp thật đông đảo. Anh Nguyễn Liệu QNNT từ Saigon ra. Anh Can QNNT. Anh Lương: bông hồng M79⁷⁵. Anh Nguyễn Kinh Châu, anh Tô Hữu Quy, anh Huỳnh Văn Phúc, anh Đỗ Văn Mai và 1 ít thân hữu. Chị Nhiên, chị Lãm trông quá sức bận rộn, vừa đi cứng về, không kịp rửa những lớp bụi đỏ trên tóc đã tắt tả lo bữa ăn tối. Họ là những “cây nội trợ” hết sức đảm đang. Phần nữa công trình góp vào thành công trong đợt an táng ngày mai là do hai chị vừa kể và chị Trùng Dương. Những hy sinh của ba người đàn bà ấy làm những đứa con trai ngược đãi vai rộng như chúng tôi hổ thẹn.

Chị Trùng Dương dù sao khi lặn lội từ Saigon ra hai ba chuyến, đến tận nơi có tiếng nổ pháo kích, có chết chóc gần kề và giữa bãi xác nồng nặc thối tha cũng còn lý do để giải thích. Còn chị Nhiên và chị Lãm... Có lẽ ngay cả tôi cũng không

(75) - Bác sĩ Phạm Văn Lương, người mổ và lấy đầu đạn M-79 ra từ đầu quân nhân Đinh Văn Né ở quân y viện Duy Tân, Đà Nẵng, cũng là người cầm lựu đạn đã rút chốt an toàn ra trước cửa Hạ Viện, Sài Gòn để tố cáo tham nhũng. (Ghi chú của NgyThanh)

xứng đáng để ghi công 2 chị. Và chắc 2 chị cũng chẳng muốn ai biết đến những việc 2 chị làm. “Minh làm cho người chết. Người chết linh thiêng lắm, họ biết đủ rồi”.

Cơm tối xong, mọi người lại thảo luận và phân công. Chị Lương “đại diện” anh Lương đi thăm bà con trong thành nội. Song Thương, Kế Tường và Trình được anh Kinh Châu chia đi thuê đòn và dây néo để gánh đám. Chị Châu góp lời:

- Máy người phải hứa lo xong vụ này cho anh Châu tui ngay tối hôm nay đó.

Thương, Tường, Trình đứng dậy đi ngay. Anh Châu còn viết “đôi lời” ngày mai đọc trong buổi lễ.

Dạo này anh hốc hác hẳn ra. Việc hốt xác thoát đầu anh nghĩ phải dành cho Sư đoàn Thuận Hoá. Anh nói với tôi ý nghĩ đó do đêm 10.5 cùng anh Uyên Thao ngồi tâm sự ở bậc thềm chùa Phước Hải, anh đã trình lên Đại tá Tỉnh trưởng Thừa Thiên rồi. Đại tá ghi nhận nhưng sau đó ông ấy... [đoạn này bị in đè lên không đọc được một số từ] ...thứ 3 thứ tư có phần bất tiện nên ngay sau khi quân đội VNCH vừa đẩy lui Cộng quân khỏi đại lộ kinh hoàng, anh Châu quyết định ngay: “Chính quyền không làm, mình làm”. 3 ngày sau công tác bắt đầu ngay.

Theo chương trình, 8g45 ngày 1.8.72 quan khách và thân nhân các nạn nhân đến địa điểm hành lễ, trường tiểu học Tân Nguyên tại Phong Điền. 09giờ 00, buổi lễ sẽ bắt đầu.

Khác với mọi lần, lễ an táng đợt 1 các quan khách tham dự đã đến trước giờ. Sân trường Tân Nguyên mùi xác chết từ các quan tài thoảng với hương hoa cúng bái. Chính giữa là bàn thờ tưởng niệm những người quá cố. Bên trái, cha Tuyên úy Tiểu khu QT cử hành lễ mỗ, trong khi bên phải tiếng thỉnh kinh của các vị lãnh đạo Phật giáo bắt đầu.

Tiếng khóc âm ức của các cụ già thoát ra từ đám đông hơn 1000 người dự lễ. Tiếng đạn trọng pháo xé gió dập tiếng nổ đầu đây. Tôi không phân biệt được đạn bắn đi hay đưa đến. Trước sân trường đoàn quân xa TQLC đây nhóc chiến binh và súng đạn chạy ngang. Họ đi chậm rề. Bên trong 3 phòng học sắp hơn một trăm cỗ quan tài, những bà mẹ, bà chị đang tấm tức kể lể. Hai ba người ôm ngang cùng một cái hòm mẹ, bên trên đặt cái hòm con (hai mẹ con đã tìm thấy nằm chồng lên nhau) giữa gian nhà bốc mùi tử thi nồng nặc đến ngộp thở.

Có lẽ phút giây đau xót thống khổ nhất trong các cuộc tiễn biệt kẻ quá cố là giờ phút phải mang họ ra khỏi mái ấm. Khi một thân hữu ST người xướng ngôn điều khiển chương trình loan báo nghi thức Triệt Linh Sàng, chúng tôi cùng tất cả mọi người dự lễ trong sân trường không ai bảo ai cùng quay về hướng tiếng khóc trong và cao của đứa bé gái chừng 11t. Cô bé là người sống sót duy nhất trong một gia đình có đến hai mươi người. Bảy người đã được tìm thấy còn lại hơn mười người không biết ra sao.

Trên mỗi quan tài, ban tổ chức đặt một bát nhang và một ngọn nến. Những đồng bào tha hương đến tham dự đứng kín khuôn cửa hẹp. Phòng chứa xác tối đen nổi bật những ngọn nến trắng lung linh ma quái.

Mùi tanh tươi của thịt da người từ những mép hòm xông lên không ngăn nổi những bàn tay thiện chí.

Hai bàn tay người đàn bà trẻ giật ngược bên vai làm tôi suýt té giữa khi đang nhón gót đưa một chiếc hòm lên cao chờ mấy anh ĐPQ quận Phong Điền sắp vào lòng xe.

Trời ơi! Khiêng di tôi đi mô. Bỏ xuống đây, bỏ xuống. Oi chao ơi chết chi mà thăm rứa trời, di tui tra lão mù loà chộ đường chộ xá, có chém giết ai mô mà chết mất đầu thiếu tay khổ rứa trời.

Báo chí, thương phế binh và các anh ĐPQ/NQ Phong Điền tiếp tục đến bốn mươi năm phút nữa mới hoàn tất việc di chuyển, sắp xếp gần 200 cỗ quan tài lên đoàn xe để bắt đầu theo hương lộ lồi Phò Trạch tiến ra phía Đông.

Hơn 100 huyết mộ do Tiểu đoàn Xung kích đào sẵn thành từng dãy. Anh Viên, Đại úy phế binh vừa kịp hoàn tất một Đài tưởng niệm tượng trưng bằng vải trắng kẻ chữ đen.

Mười hai giờ trưa trên bãi cát Phong Điền nắng cháy, Đại diện Sóng Thần ghi ơn những người góp của góp công và thành kính chia buồn cùng các thân nhân bị thảm sát (Máy bay trực thăng đến đón chính quyền Thừa Thiên ra về). Một giờ chiều vẫn chưa đưa hết quan tài xuống huyết. Nhưng quá nửa số hòm đã được an táng, lấn đất đặt bia. Tiếng khóc ngất vẫn chưa vơi, bên những nấm mồ sắp thành hàng cạnh con đường đất hoang phế.

Chúng tôi tới Huế vào buổi chiều bằng chuyến trực thăng dường như vừa hoàn tất một phi vụ cứu phi công lâm nạn, còn nguyên những dụng cụ móc xích dây đu. Con tàu bốc khói bãi đáp Mang Cá lúc gần 6g chiều.⁷⁶

Lần rời xa này buồn như lần xuống tàu từ biệt cố đô sau Mậu Thân nhà cửa đổ nát. Trên cao khi qua quận Vinh Lộc, chúng tôi đi vòng ngọn núi Túy Vân đổ ra cửa Tư Hiền để tránh đường bay của một phi tuần A-37. Đi Quảng Trị hay lên Phú Xuân? Phi đoàn 516 hay 528? Ngang qua nghĩa trang Phong Điền ngoài kia, các anh nhớ “múc” nhẹ xuống một cái⁷⁷. Các anh xem bãi tha ma hoang hôn về bóng tối vươn dài tay từ núi rừng âm u ra vuông đất trắng đến con đường đỏ. Xin con đường

(76) - Chúng tôi từ nghĩa trang ở Mỹ Chánh về Huế bằng xe, rời rời Huế bằng trực thăng UH-1B từ Mang Cá (Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 1 – trại Nguyễn Tri Phương) để bay về Đà Nẵng. (Ghi chú của Ngy Thanh, 2017)

(77) - Phi công phần lực A-37 có thói quen “chào” làng quê mình hay những nơi có chiến hữu thân tín đang hành quân bên dưới, bằng cách mang tàu xuống sát ngọn cây, lúc vừa bay qua vị trí họ muốn “chào”, thì kéo cần stick cất thẳng mũi tàu lên không. Họ dùng động từ “múc” để diễn tả kiểu chào đặc biệt này. (NgyThanh, 2022)

kia là phòng tuyến ngăn chặn những muện phiền khói lửa hận thù ngoài kia, và cầu mong những vương đất bé nhỏ kia muôn đời bình yên ngàn đời không vang vọng tiếng đạn, không rung chuyển đầu bom và di tích ô nhục dã thú trên đường kinh hoàng là đầy đủ, nếu những nắm xương vừa mồ yên mà đẹp và những khung xương khác chưa kịp tìm thấy là chiến thắng và vinh quang của một loại người.

Chương 3

Trích đăng lại các bài viết của nhà báo Đoàn Kế Tường đăng trên nhật báo Sóng Thần đề ngày 21/07/1972 – do Ngy Thanh tìm thấy trong văn khố John Olin của Viện Đại học Cornell, ở thành phố Ithaca, tiểu bang New York, vào tháng 2/2018.

Nỗi cô đơn và niềm phẫn khởi của người đi nhật xác đồng bào

• ĐOÀN KẾ TƯỜNG

(viết tặng quý vị dân biểu và nghị viên của tôi)

Tôi đã nhiều lần bần khoản sau mỗi ngày trở về từ đoạn đường Kinh hoàng với những xác chết đã khô héo của đồng bào mình bằng một tâm trạng lo âu. Liệu ngày mai mình có thể còn tiếp tục công việc tìm cho mỗi thi hài khốn khổ này được một nắp áo quan và một nơi yên nghỉ để gởi nắm xương tàn hay là phải bỏ cuộc dù trong nhóm anh em vẫn còn dư thừa thiện chí. Buổi chiều tôi ngồi lặng trong nỗi buồn vơi vơi khi nhìn bác phu nhật xác thiếu nảo nhận lời khát nợ tiền công trong ngày. Bác âm thầm cúi đầu đi ra con ngõ không nói một lời nhưng tôi hiểu bác đang nghĩ gì và ngày mai chắc chắn bác không còn

đến đây cùng chúng tôi làm tiếp công việc thiêng liêng này nữa. Tôi nhả khói thuốc lên trần nhà và lắng tai nghe tiếng rên khe khẽ của Trần Tường Trình đang lên cơn bệnh vì nhiễm phải khí độc trong rừng từ thi vào những ngày mưa. Những tờ giấy bạc cuối cùng mà anh Nguyễn Kinh Châu đã đào ra bằng cách cầm chiếc xe Honda của mình cũng đã không còn. Làm sao? Làm sao? Trăm ngàn câu hỏi quay cuồng đầu óc, những xác chết đang nằm ngoài bãi hoang và những xác chết đã đem về trường Tiểu học Phong Điền vẫn nằm trơ chờ đợi một mảnh áo quan. Những người có trách nhiệm tinh thần lẫn vật chất với hàng ngàn hồn ma đồng bào của họ vẫn im lặng trốn tránh đến độ lì lợm. Tôi bắt đầu thấy nổi cô đơn len lỏi vào hồn, nổi cô đơn của một người trẻ tự nguyện dán thân hàn gắn phần nào những xót đau nhức nhối của một quê hương bị thảm. Hơn bao giờ hết lúc này tôi nghe nhớ nhung những ngài dân biểu, nghị viên ở Quảng Trị vô cùng, những người đã từng huênh hoang tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả cho đồng bào tôi để được dón phiếu. Tội nghiệp họ ở quá xa nên làm sao mà hy sinh, làm sao mà chia sẻ được nỗi hạnh phúc của hàng ngàn người dân đã được giải thoát bằng súng đạn. Chắc chắn linh hồn những kẻ đã chết bất đắc kỳ tử sẽ phò trì cho họ gặp nhiều may mắn trong công việc làm ăn.

Tôi ngồi vào mâm cơm thật mệt nhọc, miếng cơm nuốt vào cổ có vị đắng như bồ hòn, hình ảnh đoạn đường kinh hoàng hiện ra nháy múa trước mặt. Những đốt xương khô khảnh khiu vất vờng bên thành xe, đồng đầu lâu trắng hếu nhe răng khùng khiếp. Thi hài một trẻ nít nằm gọn trong thi hài một người mẹ đã rã thịt mở tóc dài rối rắm một nửa đã vùi dưới cát. Gió Nam thổi mạnh xôn xao trên sườn xe cháy nám, gió tung bụi cát khóa lấp thi hài những người xấu số... Tôi không thể bỏ cuộc, tất cả anh em chúng tôi không thể bỏ cuộc bởi lẽ cái ràng buộc thiêng liêng giữa người sống và người chết đã trở thành phong tục của dân tộc tôi. Tôi là người Quảng Trị, nỗi khổ đau của đồng bào tôi phải là nỗi khổ đau của tôi. Niềm thiết tha xây dựng lại một quê hương đã điêu tàn khởi đi bằng công việc hàn gắn những

thương tâm trong lòng mỗi người dân khốn khổ khi nghĩ về người thân của họ đã nằm xuống ở chặng đường này. Tôi phải làm tất cả những gì mình có thể làm được để tiếp tục công việc nhật xác đồng bào đã trở thành hứng khởi và cần thiết. Dù mười ngày qua anh em chúng tôi đã làm trong sự thiếu thốn và vất vả.

Buổi sáng tôi cùng chị Chủ nhiệm quay về Đà Nẵng thật sớm bằng tâm trạng một sứ giả đi cầu cứu viện trợ tài chánh với các thân hữu. Qua nỗi lo lắng của chị Trùng Dương, sự sốt sắng của Bác sĩ Phạm văn Lương và Dược sĩ Lê văn Nhân và nhất là tấm lòng hào hiệp của những Mạnh Thường Quân đã tỏ ra cảm thông với hoàn cảnh máu chảy ruột mềm của đồng bào tử nạn đã làm tôi xúc động. Họ đã đóng góp bằng tất cả nhiệt tình, có nhiều người đã bỏ tất cả công việc làm ăn trong ngày để kêu gọi bạn bè cùng hưởng ứng với họ. Tôi bắt đầu thấy việc làm của mình không còn cô đơn, ít ra trong cái đất nước cùng cực này vẫn còn có một số người biết vun xới thêm niềm tin cho tuổi trẻ dám hy sinh. Bây giờ thì chúng tôi không còn lý do để bỏ cuộc được nữa; đồng bào ruột thịt của tôi đang phơi thây ngoài bãi cát dầm mưa giải nắng chắc chắn sẽ có một nấm mồ ấm cúng. Một nấm mồ được thành hình bằng tình đồng bào và nghĩa cử chia sẻ đau khổ cao quý nhờ ở thái độ tha thiết và cảm thông của những thân hữu Đà Nẵng. Buổi chiều tôi quay lại Huế với một nỗi mừng vui khua động tâm hồn. Tôi hình dung ngày mai mình lại trên đường tìm ra bãi xác ở Đại lộ kinh hoàng với những phu già cần cù, chịu đựng. Gió mùa từ Lào về sẽ đùn cát trên thi hài người chết và cả thân thể người sống. Con đường như một địa ngục đỏ sẽ được che lấp dần bởi anh em chúng tôi còn cả đôi tay tuổi trẻ và những thân hữu xa gần tiếp tục đóng góp để giúp chúng tôi thực hiện trọn vẹn chương trình.

o

MỸ CHÁNH - QUẢNG TRỊ CHẶNG ĐƯỜNG NGÚT NGÀN TỬ KHÍ

(Đoàn Kế Tường)

Tôi đã chờ trong âm ức, từng bản tin chiến sự, từng chuyến theo chân hành quân các đơn vị nhảy dù, TQLC tôi hy vọng được về gần gũi quê hương mà tôi đã bỏ đi. Sau hơn hai tháng trời chui rúc trong các khu tạm cư khôn khổ. Ngày 29-6-72 hàng trăm ngàn trái tim người dân Quảng Trị đã cùng hòa điệu nhịp nhàng trong niềm ước mơ hiện hình được trở về quê hương theo chân đoàn quân áo hoa anh dũng. Buổi sáng niềm vui phá ngập trong hồn. Tuyến Mỹ Chánh không còn là lần mức ranh giới, từng đoàn con yêu của tổ quốc súng đạn lên vai qua sông tiến về phương Bắc ở đó bầu trời dang rộng đôi tay chào đón. Tôi theo họ. Phải về nhìn lại đoạn đường như một vết ô nhục, bạo tàn mà ngày bỏ đi biết bao nhiêu đồng bào trong đó có cả bạn bè và tình nhân mình đã nằm xuống ngủ yên.

Đoạn đường với dãy đầy bất trắc, đạn trọng pháo của Bắc quân rải đều đặn hai bên, tiếng đạn đã trở thành quen thuộc trong trí nhớ hãi hùng. Cầu Bến Đá gãy gục, vài ba quả mìn chống chiến xa nằm chênh hênh bên bờ cỏ ngụy trang đã khô. Vài đám dân gầy gò hốc hác bông bế nhau chạy về nhìn thấy người chiến binh mà trào nước mắt. Phía dưới chiếc cầu nổi vừa được bắc xong, người lính công binh ngồi tựa lưng vào vách tường sập đổ tìm giấc ngủ. Rồi cũng qua cầu đi lần về thành phố phía trước, con dốc Bến Đá che khuất đoạn đường vừa qua còn lại đó một địa ngục khủng khiếp của cả một đoàn xe cháy nám nối đuôi nhau chông chát gần năm cây số. Bắt đầu bằng những chiếc xe gắn máy đủ loại, đủ kiểu nằm ngôn ngang. Bên những xác người đã khô khảnh khiu những đốt xương trong áo quần ám kín. Tôi đã bật khóc thành tiếng, tiếng khóc uất nghẹn căm hờn không thể thoát ra cổ họng. Ngày 1-5-72 một trong

những chiếc xe khốn nạn đã đưa tôi đến đây với hàng chục ngàn đồng bào khác đã nhận lãnh những đầu đạn của Bắc quân bắn phủ đầu. Tôi đã bỏ chạy trên xác bà con anh em mình mà không dám ngoảnh mặt nhìn lại. Bây giờ trở về đoạn đường máu thắm mạch đất cố tình tìm lại trên những đồng xương nhầy nhựa trắng hếu này một khuôn mặt quen thuộc cũng là một điều khó khăn. Một mái tóc nằm bên một cái sọ và một chiếc áo dài màu tím phủ nằm xương tàn. Từ một cánh cửa gãy lìa của một chiếc xe cứu thương vài cánh tay đưa ra tội nghiệp. Trên một chiếc băng ca người lính xấu số đã thật sự chết hai lần nằm với nắng mưa suốt hai tháng trời. Tôi lay mình trong đoàn xe ngộp mùi tử khí sinh thúi như một chứng nhân cho một cuộc thảm sát vĩ đại của người Việt cho người Việt. Một bà mẹ chết gục trên thành xe hai tay còn ôm chặt xác con. Trên một chiếc xe khác ngón ngang một đồng xương gần hai chục người đã chết cùng một lần. Tôi muốn ngộp đi vì không khí cô độc mùi tử thi dày đặc, quay mặt chạy xuống bãi cát bên vệ đường, bãi cát Hải Lăng là một rừng xác người khô héo bên những đồ đạc họ đã mang theo trên bước đường chạy loạn. Rải rác đó đây xác lính Bắc quân hai tay ghi chặt bá súng AK cũng xương trắng, đầu lâu cạnh những nạn nhân của họ.

Ngày mai, những người dân Quảng Trị khi trở về ngang đây tìm lại một quê hương đã điêu tàn chắc chắn họ không tránh khỏi ngậm ngùi bởi một phần đời của mình đã để lại đó. Một đoạn đường ô nhục nhất trong lịch sử của dân tộc hiếu hòa. Có lời lẽ nào có thể bào chữa nổi những hành động bạo tàn của Bắc quân với vũ khí tối tân trên tay họ nhắm vào đám dân lành vô tội. Có bao nhiêu người đã nằm xuống ở đó, chắc chắn không dưới vài ngàn, tướng Giáp và những người chủ trương cuộc chiến tranh này nghĩ gì về cuộc thảm sát đồng bào Quảng Trị do quân đội của họ gây nên. Những hình ảnh về đoạn đường máu này có phải là những chiến thắng thiết thực nhất của người cộng sản không?

Đoạn đường Mỹ Chánh - Quảng Trị với hàng ngàn oan hồn rên xiết chắc chắn sẽ là niềm đau vĩ đại cho cả dân tộc hai

miền Nam Bắc. Đành rằng mặt thật của bất cứ cuộc chiến tranh nào là tàn phá nhưng không có nghĩa phải đem sự tàn phá của bom đạn vô tri được sử dụng bởi những bàn tay thô bạo đổ lên đầu đám người khốn khổ, hiền hòa đang cố chạy thoát ra khỏi vòng ảnh hưởng của chiến tranh ngoại trừ một cuộc chiến diệt chủng. Tôi nghĩ không thể nào là một cuộc xung đột tình cờ được, bởi lẽ ngay sau tiếng súng đầu tiên thoát nòng từ bàn tay của một tên lính Bắc quân nào đó bắn thẳng vào đoàn xe này đã có sự hiện diện của tôi tại chỗ. Không một người dân nào trên xe có lấy một tác vật để kháng cự và họ đã chạy bừa vào bãi cát mênh mông như đàn ong vỡ tổ. Đạn đại pháo và bắn thẳng của quân bộ chiến miền Bắc thi nhau đôn ngã rùng người. Họ phải giữ dân ở lại dù chỉ là cái xác không hồn. Một cuộc tàn sát có tính toán và được ra lệnh hẳn hoi đã diễn ra thật man rợ mà sau hai tháng những ai may mắn như tôi được nhìn lại không khỏi phải úp mặt trong lòng bàn tay.

Mãi mãi đoạn đường Mỹ Chánh - Quảng Trị đã trở thành một tí vết tui nhục cho dân tộc không có gì xóa tẩy được. Liệu nắm mồ tập mồ tập thế to lớn đó với khung cảnh bi thảm này có đủ để thức tỉnh những kẻ đang chơi trò chém giết để thỏa mãn quyền lợi và tham vọng mà hàn gắn được niềm thù hận anh em suốt mấy chục năm dài.

ĐKT

Chương 4

Trích đăng lại các bài viết của nhà báo Đỗ Quý Toàn và của nhà thơ Tú Kếu – do Nguyễn Thanh tìm thấy trong văn khố John Olin của Viện Đại học Cornell, ở thành phố Ithaca, tiểu bang New York, vào tháng 2/2018.

[Đăng trên nhật báo Sóng Thần ngày 15/7/1972]

DÂN BIỂU, NHÀ VĂN VÀ XÁC CHẾT

• ÔNG ĐẠO CÂY

Trong số báo Đời tuần này, ông Đào Gối thuật lại lời nhà dân biểu Nguyễn Trọng Nho than phiền các nhà làm văn nghệ ở xứ ta không diễn tả nổi những đau khổ của đồng bào hiện nay, ông dân biểu nói:

“Nói thật với bác, trước những đau khổ vĩ đại của cuộc chiến tranh này, người làm văn nghệ chỉ cần diễn tả nổi 1/10 cái đau khổ đó thì cũng đủ để được giải thưởng Nobel rồi. Nếu không diễn tả nổi thì thà vứt bút đi đừng bao giờ viết nữa. Chỉ

cần ra mặt trận ghi lại hình ảnh những cái chết khủng khiếp v.v... là nói lên được cái đau khổ vĩ đại của dân tộc này, mà tại sao các nhà làm văn nghệ của ta tồi thế, chưa thấy ai trúng giải Nobel”.

Đầu Gối trả lời:

- Anh chê là đúng lắm. Nhưng trước khi anh chê, anh đã đọc Phan Nhật Nam chưa?

Nhà dân biểu ngơ ngác:

- Phan Nhật Nam nào?

Đầu Gối cười:

- Anh chưa đọc Phan Nhật Nam mà lên tiếng chê tất cả những người làm văn nghệ ở đất nước này là đáng trách lắm. Đáng lẽ ra các anh nên thành lập 1 ủy ban vận động cho Phan N. Nam được giải thưởng Nobel mới phải.

Ông dân biểu Nguyễn trọng Nho không đọc báo, ít nhất thì cũng không đọc báo Đời, mà ông lại phê bình những người viết văn. Như vậy chẳng trách được báo Đời cứ chống Cộng kịch liệt mà vẫn cứ bị tịch thu. Vì các nhà làm chánh trị xứ ta không mấy khi đọc báo trừ khi báo đăng tên họ. Không đọc báo thì làm sao hiểu nổi người dân nghĩ gì và muốn gì?

Bữa qua cũng có một ông dân biểu nói riêng với tôi, chỉ trích việc nhóm Sóng Thần Trị Thiên việc chi không lo đi lo lượm xác chết.

Ông này cũng không chịu đọc báo Đời. Thành ra ông không hiểu nổi tâm trạng của con người khi nhìn thấy xác đồng bào mình phơi bày la liệt như thế nào. Tôi phải biểu ông một số báo Đời mới và dí vào mắt ông đoạn ký sự của NgyThanh

và Đoàn kế Tường, để ông thấy đồng bào ông chết như thế nào. “Một bà mẹ chết gục trên thành xe hai tay còn ôm chặt xác con. Trên một chiếc xe khác ngổn ngang một đồng xương gân hai chục người và cùng chết 1 lần. Tôi muốn ngộp vì không khí độc mùi tử thi dày đặc, quay mặt chạy xuống bãi cát bên vệ đường, bãi cát Hải Lăng là 1 rừng xác người khô héo bên những đống đặc họ đã mang theo trên bước đường chạy loạn. Rải rác đó đây xác lính Bắc quân hai tay ghì chặt bả súng AK cũng xương trắng, đầu lâu bên cạnh những nạn nhân của họ”. (Đoàn kế Tường).

“Trái hòa tiễn kế tiếp xé gió đập ngay vào hàng cây sau lưng. Thân cây gãy làm đôi. Lá bay tung tóe như sao rụng. Mùi nhựa cây nồng nồng. Một trái khác nổ ngay lên thùng xe. Những xác người còn trên băng ca tung lên. Mấy đốt xương rơi là tả. Con pháo kích chầm dứt. Khi lồm cồm bò dậy, tôi mới khám phá ra mình đã ngồi lên 1 xác người từ lúc nào. (Đ. K. Tường)

“Nhìn thấy định đưa máy ảnh bấm nhưng đã nôn mửa, bò nhích lên sườn hố bom bỏ đi. Tôi nhìn xác chết thêm lần nữa. Tóc còn vài mảng. Đôi chỗ trên đầu đã hết thịt – phần xương sọ lộ ra trắng hếu, thịt ở lưng còn dính dính lều bều đen và thối, nom như mỡ dùng trong cơ phận xe hơi. Phía hông đã khô xương chậu và xương sống dính đất đá. Hai chân đã bay mất. Một bộ xương khác nhỏ hơn nằm đè dưới bụng. Bàn tay trẻ con đặt lên con búp bê úp mặt”. (NguyThanh)

Trong thiên ký sự nồng nặc mùi tử khí, NguyThanh viết tiếp:

“Quá nhiều xác xe, có đến hơn 500 chiếc cháy xém. Trên mỗi xe đều có xác người. Dưới gầm xe cũng là xác người. Xác người còn kẹt giữa những bánh xe, xương người dính giữa xích sắt xe tăng. Chiếc này tông húc, chồm lên chiếc kia. Dầu máy và dầu lửa cháy nung đen con đường. Tôi không còn phân biệt được đâu là viên đá, đâu là trái đạn, đâu là xương. Trên những xe hỏng thập tự, xác chết nồng nặc hơn vì thùng xe che kín gió mưa chưa làm rửa hết thịt. Chiếc đầu nhựa tanh tươi thò ra ở chỗ thùng xe bị trái phá xe toang. Da mặt nhăn nhó và đen như mướp ngọt phơi nắng lâu ngày.

Mặt kẻ chết nào còn nguyên vẹn đều nhăn nhúm, nhe nguyên hàm răng, họ chết đã 60 ngày nhưng nét mặt còn nguyên vẹn vẻ thông khổ gào thét cùng cực. Nhìn từ bãi cát, đoạn đường máu chảy đen hẳn rõ đoàn xe lồ lồ trên cao vàng rực như đoàn cua nướng. Ở một xe khác, bốn chân người vắt ra thùng xe, bên dưới ống quần tergal còn nguyên nếp chi 3 bàn chân có ngón. Bàn chân kia ngón đã rụng xuống mặt đường. Những hố bom đào sâu xẻ ngang con lộ thông khổ mặt nước dưng dưng vô tình. Vài xe khác men theo lối xe tăng càn qua bãi cát. Lâu ngày cát vùi ngập nửa thân xe.

Chiếc xe hàng dân sự trông càng khủng khiếp hơn. Các khung cửa hai bên hông có lẽ không đủ rộng cho đám người lồi 30 người chui thoát ra nên bên trong còn nguyên một khối xác chết co quắp gài vào nhau. Xác đứa bé nằm cạnh cửa sau, ở ngực còn nguyên chiếc nệm vú bằng cao su dính vào áo bằng cái kim băng đã han rỉ. Đứa bé không còn đầu.

Ngày 4.7, cây cầu Ngâm chưa bắc xong. Chúng tôi tìm cách sang bên kia để phải chứng kiến cảnh một cụ già râu tóc bạc phơ ngồi ở đầu ống cống gục mặt, hai tay nắm chặt hai chân người thanh niên chết nằm giữa, đầu và mình che khuất trong đường cống. Ống cống làm bằng tôle tròn đường kính gần 1 thước, dẫn từ mé đường này thông sang bên kia. Khoảng hơn 10 người chết sinh dọc theo con đường hầm này. Ông cụ thuật lại câu chuyện 60 ngày trước, khi đoàn xe vừa tiến [đến] đây, cầu Trường Phước (tức cầu Dài) đã bị bắn sập. “Giải Phóng” từ 2 mé đường bắn B40 và loại súng liên thanh tới tấp. Đứa cháu gái bị thương chui vào ống cống cùng mười mấy người khác để lẩn tránh. Ông lão chưa bị đạn kéo đàn cháu nhỏ theo những người trai trẻ chạy trốn vào làng. Một số đã bị bắn chết với 2 đứa cháu nội. Ông bị bắt giữ, ông quả quyết số người bị chết trong lỗ cống này không phải vì vết thương đói khát. Mấy phút sau cuộc phục kích, một viên chỉ huy nói giọng Quảng Trị đã ra lệnh cho 1 tên lính mang AK bắn xuyên đám người từ bên này sang bên kia. Ông đã nghe rõ tiếng la khóc van xin và tiếng rú ghê rợn cuối cùng của đoàn người này. Ông đã nhờ người xung quanh kéo bớt xác chết để chui vào tìm thầy ma đứa cháu gái. Một người lính già bò qua từng găm xe, nhặt từng đốt xương bỏ vào nón sắt. Ông ta có vợ và 3 đứa con chết dưới găm xe. May mắn ông ta còn nhớ số xe. Ông nói ông

đã tìm được 2 chiếc đầu của con nhưng đầu người vợ thì bị bánh xe cán nát. Vợ ông lúc chết mang thai. Nhưng bộ xương sườn đã tiêu hết thịt như một khung thạch cao”.

Đọc tới đây, mà ông DB chưa hiểu các nhà văn đã làm gì trên đất nước này, tại sao người ta lo đi chôn xác đồng bào vô tội, thì xin ông DB nên... về nhà với vợ.

Phóng viên NgyThanh gọi từ Huế về Sài Gòn để tường thuật cảnh tượng kinh hoàng và chết chóc vào tối ngày 1/07/1972. Trưa hôm sau, có mặt tại tòa soạn khi báo vừa in xong đưa về từ nhà in Nguyễn Bá Tông, đọc bản tin, nhà thơ Tú Kếu Trần Đức Uyên đã sáng tác ngay bài thơ về ĐẠI LỘ KINH HOÀNG, đăng trên Sóng Thần đề ngày 8-07-1972, như sau:

TRÊN ĐƯỜNG VỀ QUANG TRỊ

Quân về giải phóng chân không mỏi
Quen rồi há sợ quăng đường xa
Ngại luồng pháo kích khôn lường trước
Rót trứng đầu, đá cũng nát ra.

Con đường “số một”, đường xương sống
Nay đã hoang tàn khác hẳn xưa!
Bốn bề bát ngát đìu hiu vắng
Mong tiếng chim kêu thật bất ngờ.

Dọc hai cây số cảnh tiêu điều
Xe trận hàng trăm cháy đổ xiêu
Có chiếc lặn cù nghênh bốn vó
Còn đâu chồm thét khí hùng kiêu?

Xe tăng những chiếc xoay nằm ngang
Chấn lồi quân đi, ri sét vàng
Xích nhào, sườn quăn trơ thép vụn
Nhớ thời xông xáo tiếng gầm hang!

Người chết hôm nào sao vẫn đây
Thịt thối mòn tiêu xương trắng bầy
Xương trắng rã rời, quần áo mục
Đầu lâu mắt hổ răng nhe đây.

Một xác, hai xác, bao nhiêu xác
Xác rải kinh hồn đếm mỗi tay
Xác phơi mỗi bước theo chân bước
Suốt đoạn đường hai vạn thước dài.

Những bộ xương sườn không trọn vẹn
Những xương ống gãy, những hàm rơi
Những đầu lâu nhô, xương đầu rập
Miệng mò chừng than với đất trời.

Quân tiến cầm chừng tai vênh nghe
Bông chú gà đầu tiếng gáy nhè
Tiếng chó oăng oăng chiều tĩnh mịch
Nghếch cao mõm nhọn sủa quân đi.

Máy “chú” làm sao sống tới giờ
Hắn là sống sót nhờ thầy ma?
Tranh cùng ròi bọ ngày đêm khoét
Gặm chiếc xương rời, nuốt miếng da?

Tú Kếu
(2-7-72)

Ghi chú về tác giả:

Tú Kếu tên thật là Trần Đức Uyên, sinh năm 1937 tại Sơn Tây. Trước khi làm báo, ông dạy học. Ông là nhà thơ trào phúng nổi tiếng nhất của làng báo Miền Nam trong hai thập niên 1960 và 1970 qua các mục thơ biếm chích thường xuyên trên các nhật báo và tuần báo mà ông đặt là Thơ Chua, Thơ Đen, Thơ Chém Treo Ngành. Khi làm thơ không châm biếm, ông dùng các bút hiệu khác là Nguyễn Huy Nhiên, Hoàng Bình Sơn.

Sau 1975, Ông bị nhà cầm quyền cộng sản bắt và kết án 18 năm tù vì những bài thơ chống Cộng của ông. Nhưng ở tù mới được 12 năm thì được thả về vì bệnh mất trí nhớ (Alzheimer) của ông đã đến thời kỳ trầm trọng.

Ra tù, ông sống ở Bảo Lộc, Lâm Đồng. Những ngày cuối đời ông, gia đình đưa ông về Sài Gòn, và mất tại đây vào ngày 25/4/2002.

Chương 5

Quảng Trị Mùa Hè Đỏ Lửa 1972

Hốt xác đồng bào tử nạn trên ‘Đại Lộ Kinh Hoàng’

Lời giới thiệu:

Do nhu cầu ghi lại lịch sử trung thực cho các thế hệ tương lai, chúng tôi thực hiện những bài viết này. Loạt bài bên dưới do bốn người – nhà văn Giao Chi, ký giả và phóng viên nhiếp ảnh NgyThanh, Trùng Dương và Nguyễn Kinh Châu – viết từ bốn góc nhìn về những thời điểm khác nhau, song cùng một chủ đề: “Đại Lộ Kinh Hoàng”, nơi gần 2.000 con người chạy loạn đã bị Cộng quân pháo kích chết thê thảm, không bút nào tả siết, vào Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 khi Cộng quân từ phía bắc xua quân và chiến xa tràn qua sông Bến Hải đánh chiếm Quảng Trị, trắng trợn vi phạm Hiệp Định Ngừng Chiến Genève 1954. Tôi mạn phép sắp xếp bài theo thứ tự thời gian của các biến cố: 1) Nhân chứng sống, cựu Trung sĩ Phan Văn Châu, người đã trải qua và chứng kiến tận mắt cảnh đồng bào bị pháo kích Cộng sản tàn sát trên cái mà 2) phóng viên chiến trường của nhật báo Sóng Thần, NgyThanh, đã đặt tên là “Đại Lộ Kinh Hoàng” sau khi anh và đồng nghiệp Đoàn Kế Tường trở thành hai người đầu tiên đặt chân lên đoạn đường này hai tháng sau cuộc tàn sát, 3) Chương trình hốt xác đồng bào tử nạn trên ĐLKH do nhật báo Sóng Thần phát động, và 4) Chương trình hốt xác đồng bào chiến nạn tiếp tục kéo dài thêm bảy tháng nữa (do Nguyễn Kinh Châu kể qua điện thoại và NgyThanh ghi).

Kể từ khi bài do bốn người viết này được phổ biến trên tạp chí Thời Báo (Houston) số ra ngày 20 tháng 11, 2009, tr. 54-109, chúng tôi đã sưu tầm thêm được một số thông tin và tài liệu liên quan đến đoạn đường đau thương này, kể cả

bài ký sự của Trùng Dương ghi lại giai đoạn đầu của công cuộc hốt xác nạn nhân ĐLKH vào mùa hè 1972, đăng nhiều kỳ trên nhật báo Sóng Thần. Phần hình ảnh và chú thích của loạt bài này cũng đã được cập nhật bên dưới. Riêng nội dung của bốn bài viết vẫn được giữ nguyên.

– Trùng Dương
[2009, 2022]

Người nhân chứng qua đêm trên “Đại Lộ Kinh Hoàng”

– *Giao Chi*
San Jose

Khi đi tìm nhân chứng của một chiến trường hết sức oan nghiệt và thê lương, hết sức dũng mãnh và hào hùng, tôi vẫn không quên đoạn đường đầy xác người trên Quốc Lộ số 1.

Ngay khi chiến trường còn vương khói súng, cây bút nhầy dù, Đại úy Phan Nhật Nam đã viết “Mùa hè đỏ lửa”. Tác phẩm đem vinh quang cho tác giả đồng thời cũng làm khổ ông sau 1975. Nhưng trước sau “Mùa hè đỏ lửa” đã gắn liền vào tên tuổi Phan Nhật Nam.

Phải chờ đến 32 năm sau, Hà Nội mới xuất bản cuốn “Mùa hè cháy” của đại tá pháo binh “quân đội nhân dân” viết về trận pháo kích của trung đoàn pháo Bông Lau, trận pháo dã man trên đường di tản của dân Quảng Trị, giết chết hàng ngàn người và làm đoạn đường trên 2 cây số giữa con sông Thạch Hãn và Mỹ Chánh trở thành “Đại Lộ Kinh Hoàng”.

Chúng tôi vẫn đi tìm xem ai là người đặt tên cho đoạn đường của trận thảm sát mùa hè năm 1972. Có lẽ chỉ trong chiến tranh Việt Nam mới có cái đại lộ mang tước hiệu kinh hoàng.

Anh phóng viên của bộ thông tin có mặt tại Quảng Trị nói rằng bác đi hỏi ông Lê Thiệp trên Washington, D.C. Khi quân

ta phản công ở Mỹ Chánh, ông nhà báo Lê Thiệp có đi theo trên Quốc Lộ 1 qua lối này. Năm 2005 tôi có nhân dịp gặp ông Thiệp tại DC, ông nói rằng không biết tay nào đặt cái tên “Đại lộ Kinh Hoàng” thật hay. Câu chuyện dừng tại đó.

Một lần khác, chúng tôi rao lên là muốn tìm gặp những ai đã chạy trên con đường ác độc vào đúng lúc địch pháo kích. Tôi biết có trung tá Lê Huy Linh Vũ của Tổng cục Chiến tranh Chính trị là người đã trải qua và đã viết lại thành cuốn sách. Con gái của Trung tá Vũ là họa sĩ Hương, Alaska, có cho phép chúng tôi in lại cuốn này để tặng các bạn. Nhưng ông Vũ nay không còn nữa.

Đại tá Hà Mai Việt, tỉnh trưởng Quảng trị thời kỳ 1972, đã nói rằng: “Tại ông không lưu tâm đọc sách của tôi. Mở trang này ra mà xem, nhân chứng sống là ông Phan văn Châu. Tôi đã viết rõ từng trường hợp của trận Quảng Trị trong tác phẩm ‘Thép và Máu’. Ông nhân chứng này không những chịu đựng trực tiếp trận pháo trên quốc lộ mà còn nằm lại một đêm giữa các xác chết.”

Sau cùng nhờ ông Hà Mai Việt, chúng tôi đã gặp nhân chứng sống. Trung sĩ Phan văn Châu, năm nay 68 tuổi, quả thực là một người dân tiêu biểu của miền đất Quảng. Qua máy điện thoại, dường như cả một trời tâm sự tuôn tràn. Những hình ảnh quê hương, chiến tranh, loạn lạc, pháo kích, khói lửa, lẫn lộn giữa trận 1972 và trận 1975.

Nói đến chuyện đất nước biết bao nhiêu địa danh: nào là Nhan Biều, Cầu Ga, Ái Tử, Mai Lĩnh, Cầu Dài. Rồi đến biết bao nhiêu con sông, bao nhiêu rạch nước. Âm thanh đất Quảng của người dân chân chi hạt bột, vòng qua quay lại để sau cùng trở về với cái ngày cả gia đình bỏ Nhan Biều mà đi.

Ông Châu nói rằng, lúc đó dường như mọi người đã chạy hết. Phan văn Châu là trung sĩ thông dịch viên cho ngành tình báo tại Đà Nẵng đang đi công tác về Ái tử.

Đến khi thiên hạ bỏ chạy hết, thầy thông ngôn trẻ tuổi mặc đồ dân sự cùng một đứa cháu, dẫn vợ có bầu với ba đứa

con nhỏ, năm một, 6, 7, và 8 tuổi. Tất cả vội vàng ra đi bỏ lại phía sau căn nhà mới cất tại Nhan Biều bên bờ bắc của sông Thạch Hãn.

Vợ con đi trước một đoạn với gia đình bà chị. Thằng cháu và ông Châu đi xe gắn máy kéo theo một chiếc xe gỗ hai bánh. Hành trang chất đầy, người kéo, người đẩy, chiếc xe qua khỏi cầu Ga, đi được một đoạn dài đến 9 giờ sáng thì pháo nổ ngay trên đường. Con đường đầy người chạy loạn. Cả dân cả lính với đủ mọi thứ xe. Đa số đi bộ vì đường tắc nghẽn nên không thể đi nhanh. Đạn rơi chỗ nào cũng có người chết. Xác bắn tung lên trời. Khói lửa mù mịt. Mạnh ai nấy chạy. Vợ con thất lạc ngay từ lúc đó. Ông Châu nghĩ rằng vợ con có thể đang ở phía trước. Nhưng phía trước hay phía sau thì cũng bị pháo. Khi pháo tạm ngưng thì có người lại tràn ra đi tới. Nhưng phần lớn nằm yên chịu trận. Có nhiều người không chết ở đợt pháo đầu nhưng rồi bị chết ở các đợt pháo sau. Nhiều xác chết trên đường bị pháo đi pháo lại nhiều lần. Bị thương rồi lại bị pháo rồi cũng chết. Biết bao nhiêu người cố chạy cho thoát bỏ lại cả gia đình vợ con. Những đứa nhỏ nằm khóc bên xác mẹ. Những em bé sơ sinh bú vú mẹ đã lạnh khô. Có người còn sống thấy đó mà phải bỏ đi. Ông Châu và đứa cháu chạy về phía đông quốc lộ, vùi thân xuống cát mà chịu đựng một ngày pháo kích. Dù loại pháo của cộng sản thay phiên bắn phá suốt một ngày dài. Pháo 122, pháo 130 và pháo 155. Chỉ khi nào có B-52 đến thả bom mới thấy địch im tiếng súng được một lúc. Toàn thân ông tê liệt dưới trời nắng gắt. Phải bò đến các vũng nước có cả phân trâu và máu người để uống.

Khi trời tối dần, tất cả đều im lặng và ghê sợ. Ông Châu và đứa cháu bắt đầu bò quanh lật các xác chết đàn bà và trẻ em lên xem có phải vợ con. Lật một xác phụ nữ mà ông nghĩ rằng người vợ, đầu óc ông mê muội. Thằng cháu còn tinh táo nói rằng không phải vợ. Vợ có bụng mà cậu. Máy người khác còn sống cũng làm như vậy. Tất cả đi tìm xác thân nhân. Nhưng rồi trời tối hẳn, bộ đội Việt Cộng bắt đầu xuất hiện. Chúng tìm đến các xe nhà binh và tìm các quân nhân mặc quân phục bắt đi

hết. Cậu cháu ông Châu khai là dân thường nên được lệnh phải nằm yên tại chỗ. Đêm hôm đó, ông Châu thức trắng trên bãi cát đầm máu của Đại lộ Kinh Hoàng. Hình như có đôi lúc ông cũng thiếp đi. Cũng chẳng còn nhớ rõ. Chung quanh toàn xác chết. Người chết nhiều hơn người sống. Những xác chết cháy như than củi. Ông nghĩ rằng chắc xác vợ con cũng quanh đây. Sáng hôm sau, từ sớm mai những người còn sống đành phải bỏ lại một cánh đồng xác ở đằng sau để chạy về miền Nam. Đi đến gần sông Mỹ Chánh thì gặp toán tiền sát của thủy quân lục chiến Việt Nam chặn lại. Khi biết chắc là không phải quân địch, ông trung úy thủy quân lục chiến phát tay cho qua. Vừa đi khỏi một đoạn đường thì thấy ông sĩ quan bị du kích phía sau bắn sè chết ngay tại chỗ. Đó là cái chết cuối cùng ông chứng kiến tại Quảng Trị.

Tìm xe quá giang về Huế với tâm trạng hết sức náo nê. Nhưng rồi phép lạ đầu tiên đến với cuộc đời ông. Ngay tại khu vực tạm cư Phú văn Lâu trên tả ngạn sông Hương, thuộc thành phố Huế, ông gặp lại đầy đủ vợ con. Bà vợ mang bầu đã dẫn ba đứa con nhỏ đi xuống đường ven biển theo dân địa phương. Đoàn người đi xa quốc lộ nên tránh được pháo kích. Vợ con dắt díu nhau đi suốt một ngày một đêm về đến Mỹ Chánh, rồi được xe cho bà bầu quá giang về Huế. Hai năm sau người vợ đầu tiên của ông Châu qua đời, sau khi sinh cho ông thêm ba người con nữa. Cô gái còn nằm trong bụng mẹ trên đại lộ kinh hoàng năm nay đúng 37 tuổi, tốt nghiệp đại học và đã có gia đình, hiện cư ngụ tại miền đông Hoa kỳ.

Những bước chân trần ai trên bãi cát Quảng Trị mùa hè năm 1972 của bà mẹ mang bầu không biết có còn vương vấn chút nào trong lòng cô bé nghe pháo kích từ lúc chưa ra đời. “Tụi nhỏ chẳng biết gì đâu,” ông Châu nói. “Chỉ có đứa lớn nhất năm nay ngoài 40 tuổi là còn nhớ đôi chút.” Hỏi rằng thế ông có được bao nhiêu con tất cả. Ông tính nhẩm rồi nói rằng tất cả 10 con. Bà đầu tiên sáu con. Bà thứ hai ba con. Bà này bỏ tôi đi lấy chồng nên bây giờ vẫn còn ở Việt Nam. Tôi đưa cả ba cháu sang đoàn tụ bên này. Bà hiện nay ở với tôi có một cháu, năm nay cháu 24 tuổi rồi. Bà sau này có một con riêng.

Như vậy là chúng tôi có 11 con. Thế bác có hạnh phúc không? “Hạnh phúc chứ. Tất cả là số trời,” ông Châu nói, “Cái đêm nằm ở đại lộ kinh hoàng, uống nước máu người và phân trâu tôi không bao giờ giờ nghĩ đến có ngày đi Mỹ như bây giờ. Tôi nghĩ bây giờ vợ con chết hết thì mình sẽ ra sao. Làm sao tìm xác? Rồi chôn ở đâu? Hàng trăm xác người chung quanh, biết bao nhiêu xác trẻ con, vợ con tôi đều trong số đó. Không hiểu nó bắn pháo đạn gì quá ác. Tất cả xác chết như than củi chẳng làm sao biết được người nào là người nào.”

“Năm 1973 tôi có trở lại, đi qua con đường thấy có đài tưởng niệm, rồi có các mồ chôn tập thể, có mồ chôn riêng rẽ. Lòng tôi hết sức xúc động,” ông Châu nói. “Cho đến bây giờ tôi vẫn còn xúc động. Con cháu tôi thì nhiều nhưng mà làm sao các con hiểu được những gì tôi đã trải qua. Trận 1972 quân ta mới lấy lại một nửa Quảng Trị. Đứng bên này dòng Thạch Hãn, bên kia là Nhan Biều, nơi tôi ra đời còn cả ngôi nhà thân yêu. Bên ta đã bị địch chiếm bờ bắc, chỉ giữ được bờ nam, đến 1975 thì bờ nam cũng chẳng còn.”

“Vâng thưa bác, năm nay em 67 tuổi,” ông Châu nói tiếp, “Quê ở Nhan Biều, bờ bắc sông Thạch Hãn, ngay dưới cầu Ga. Nhà em thi vào làm trung sĩ thông dịch viên năm 1966 khóa 11 tại Quân đoàn I. Sau 75 em trốn được. Nếu khai thật chắc là bị buộc tội CIA. Sau đó em vượt biên rồi đoàn tụ. Trước sau ba vợ, 11 người con. Bà sau này là bà bền chặt nhất đã sống với nhau 25 năm. Vâng, thưa bác, đây chắc chắn là bà sau cùng. Gia đình em rất hạnh phúc. Phần em, dù có bị kinh hoàng nhưng cũng chỉ có một ngày một đêm. So với người ta có người cả đời kinh hoàng thì nỗi khổ của chúng em có thấm vào đâu.”

Đó là câu chuyện của ông Châu, nhân chứng số 1 của chúng tôi. Tôi hỏi ông Châu câu cuối cùng.

“Ông có biết ai đặt tên Đại Lộ Kinh Hoàng?” – “Không đâu,” bây giờ ông gọi tôi là cụ. “Cụ với cụ Hà Mai Việt còn không biết thì ai mà biết. Nhưng quả thực là kinh hoàng thực đấy các cụ ạ.”

Tuy hỏi vậy, nhưng tôi đã tìm ra ai là người đặt tên ...

o

“Đại Lộ Kinh Hoàng”

– *Ngỵ Thanh*

Năm ấy tôi 23 tuổi, mặc đồ lính mới được một năm, chịu trách nhiệm phòng nhiếp ảnh của Bộ Chi Huy Tiểu Đoàn 10 Chiến Tranh Chính Trị, KBC 3463, đóng tại bờ biển Thanh Bình, Đà Nẵng. Với số tuổi oắt con của thời chiến sau khi vừa rời quân trường chỉ một năm, tôi còn ngu ngốc lắm, lại ham vui, và hiếu thắng, ngày nào không ra mặt trận để chiều về làm bản tin hành quân, là một hồ thẹn với tất cả đạo quân phóng viên nằm tại Huế, một thành phố lòng lèo vì phần lớn thường dân và vợ con lính đã chạy vào Đà Nẵng, sau kinh nghiệm “di tản chiến thuật” khỏi Quảng Trị - Đông Hà.

Bảy giờ, phía Nhảy Dù vẫn giữ cánh trái giữa Quốc Lộ 1 trải dài lên phía Động Ông Đô và căn cứ Barbara, đánh cuốn chiếu ra từ sông Mỹ Chánh. Thủy Quân Lục Chiến cặp sườn QL1 bên trái giăng hàng ngang theo sông Mỹ Chánh ra tới các làng Mỹ Thủy, Gia Đăng ở trên bờ biển, cùng nhắm hướng tây bắc.

Hôm mùng 1 tháng 7 năm 1972, đám phóng viên chiến trường “ăn cơm thánng ở quán ăn trước khách sạn Hương Giang Huế” không đi tập trung như mọi ngày, mà tản mác theo các đơn vị Nhảy Dù và TQLC bố phòng hơn là theo các mũi dùi tấn công chính trên đường đánh về Quảng Trị. Cái ngày rất dễ nhớ vì vừa chẵn hai tháng sau khi ông anh họ tôi ném trái CBU-55 xuống cầu Đông Hà để diệt sống đoàn xe tăng T-54 đang qua cầu để tấn công phía sau lưng của quân Việt Nam Cộng Hoà đang “di tản chiến thuật”, bỏ ngỏ phần đất tỉnh Quảng Trị, và tái bố trí ở bờ sông Mỹ Chánh. Hôm ấy tôi đi chung với Đoàn Kế Tường, cả hai chúng tôi là phóng viên chiến trường của báo Sóng Thần. Bên cạnh tình bạn, Đoàn Kế Tường là người Quảng Trị, anh cũng là quân nhân của một đơn vị pháo binh Sư Đoàn 3 Bộ Binh, nên rành rẽ đường đi nước bước trong thành phố, nếu chúng tôi có may mắn lọt vào được thành phố tái chiếm trong tư cách là phóng viên đầu tiên – nhưng chuyện ấy sau mới xảy ra trên đường Lê Huấn.

Khoảng 10 giờ sáng, đầu cầu Bến Đá vắng lặng và không có lính trấn thủ khi chúng tôi đến: những mũi dùi tấn công của Nhảy Dù và TQLC đã được trực thăng vận vượt sông đánh lên quá sông Trường Phước. Bến Đá bây giờ có hai cầu. Cầu xe hơi trên QL1 bị phá sập, hoàn toàn không qua được. Chiếc cầu sắt xe lửa nằm ở phía núi gãy gục đoạn giữa cắm xuống sông thành hình chữ V, khu đất đầu cầu do quân VNCH trấn giữ trước đó đã được cài nhiều mìn chống chiến xa.

Thấy yên lặng và không có người, cả ta lẫn địch, hai chúng tôi bò theo khung cầu sắt gãy qua bên bờ bắc, len lách giữa đám mìn chống chiến xa, để quay trở lại QL1. Trước mắt chúng tôi, ngay trên bề mặt QL1, là xác xe chiếc ngược chiếc ngang, phần lớn giờ mũi không biết vì lý do gì. Trong nhiều xe cứu thương đã bị bắn cháy nhưng còn đọc được phù hiệu Hồng Thập Tự hai bên hông, chúng tôi nhìn vào cánh cửa xe hé mở và thấy xác thương binh chết nằm chết ngổ trong đó, mùi tử khí đã dịu thành mùi thối, thay vì mùi tanh nồng của xác người như khi mới chết ít hơn hai tuần. Chúng tôi tiếp tục lội xuống bãi cát hai bên đường, bãi phía biển có nhiều xác chết hơn bãi phía núi, có lẽ vì khi bị tàn sát, người ta có khuynh hướng chạy ra phía đông là khu vực có thể có người tiếp cứu mình, trong khi phía núi chỉ là vùng hoang vu, không có ai sinh sống. Trên bãi cát này chúng tôi thấy xác người lớn và xác trẻ em, xác quân nhân và xác thường dân, cảnh sát. Nhiều xác úp mặt chổng lên nhau, có lẽ bị bắn chết khi đang chạy tới để thoát hiểm và bị bắn từ sau lưng.

Vì không có xe cộ lưu thông, hai chúng tôi luẩn quẩn dọc đoạn đường xác người này trong vòng khoảng non cây số. Chúng tôi đã chụp (bằng phim) rất nhiều ảnh của đoạn quốc lộ này, khi công binh VNCH chưa bắc cầu đã chiến qua sông Bến Đá, nên hình chúng tôi chụp còn nguyên vẹn bãi chiến trường. Tấm ảnh duy nhất còn lại hiện được lưu giữ tại <https://pbase.com/ngythanh/image/166967397>.

Vào xế trưa, công binh bắc xong cầu, và mang xe ủi qua, gạt các xác xe dạt xuống hai bên vệ đường, mở một lối đi nhỏ

trên mặt nhựa cho các xe tiếp tế đạn dược lên phía Quảng Trị, cũng như lấy thương binh và xác tử sĩ về. Do đó, ngoài hình ảnh của chúng tôi, những hình chụp sau khi xe ủi qua, đã không còn cảnh nguyên thủy của nét kinh hoàng.

Buổi tối về tới Huế, như mọi khi, tôi gọi cho anh Đỗ Quý Toàn bên Phú Nhuận để nhờ anh ghi lại tin tức về hoạt động của chúng tôi trong ngày, để sau đó anh ấy chuyển cho anh Đỗ Ngọc Yến, là người ngồi cạnh anh Uyên Thao, tổng thư ký tòa soạn. và các anh Trương Cam Vinh, Đường Thiên Lý để làm tin và chọn tin. Anh Yến vẫn chuyển tin của chúng tôi tới anh UT như thế mỗi ngày. “Đại Lộ Kinh Hoàng” là cái tên tôi chọn làm đề tựa bài viết ngày hôm ấy. Chọn “Đại Lộ Kinh Hoàng” thật ra cũng chỉ do một lúc ngẫu hứng thôi, như một vé cho câu đối “Con Phố Buồn Thiu” (La rue sans joie) mà Bernard Falls đặt cho hương lộ 555 chạy dọc bờ biển Quảng Trị, cách đó vài cây số, trong thời kỳ chiến tranh Đông Dương Lần thứ nhất, 1946-54.

Vài tuần sau, chị chủ nhiệm Trưng Dương và anh chị em Sóng Thần tổ chức chiến dịch thu lượm xác người trên “Đại Lộ Kinh Hoàng”. Tòa báo bỏ chi phí ra làm việc này. Đích thân chủ nhiệm từ Saigon ra ăn chay nằm đất với chúng tôi, hàng ngày kết hợp với anh Nguyễn Kinh Châu, trưởng văn phòng đại diện Sóng Thần Huế, và các thân hữu, chúng tôi liên tục tới hiện trường thu nhặt xác chết gói vào từng bao nylon, trước khi bỏ vào quan tài bằng gỗ thô sơ, mai táng ở một khu đất xin được ở phía đông của QL1, ở làng Mỹ Chánh. Khi làm việc này, chúng tôi không treo băng dựng bảng để khoe công. Tấm bảng thật lớn cắm ở đầu cầu bên trái sau khi qua khỏi cầu Bến Đá (trước ngày mất nước) là do lệnh của Tổng thống Thiệu. Bốn chữ “Đại Lộ Kinh Hoàng” là chữ của tôi, nhưng bên dưới tấm bảng ghi là “*Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu*”.

Những chuyện vụn vặt quanh cái tên ĐLKH đã cũ quá rồi, tôi không nhớ hết. Anh Uyên Thao còn sống. Anh Đỗ Quý Toàn còn sống. Ký giả Anh Điền còn sống. Chị Trưng Dương còn sống. Đoàn Kế Tường còn sống (đang làm báo Công An

TP HCM). Tôi quý anh [Giao Chi, trong nhóm thực hiện phim tài liệu Quảng Trị] nên ghi lại một ít chi tiết để anh đọc, nhưng nếu có ai muốn nhận bốn chữ “Đại Lộ Kinh Hoàng” là của họ, thì cứ giao cho họ, anh ạ. Mất nước, nhưng chúng ta còn nhiều việc phải làm hơn là tranh nhau cái chức vị “tác giả” của bốn chữ sáo rỗng ấy.

– *Houston, Tháng 9, 2009*

o

Hốt xác đồng bào tử nạn trên “Đại Lộ Kinh Hoàng”

– *Trùng Dương*

Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân và Việt Nam Cộng Hòa với trụ sở đặt tại San Jose, California, qua nhà văn Giao Chi Vũ Văn Lộc, vừa chuyển đến chúng tôi lời mời tham dự vào việc thực hiện cuốn phim tài liệu về trận phản công tái chiếm Quảng Trị của quân đội Việt Nam Cộng Hòa vào Mùa Hè 1972. Đây là một trong một loạt phim tài liệu nhằm viết lại lịch sử 20 năm của Việt Nam Cộng Hòa trong đó, theo Viện BTTN&VNCH, loạt phim Chân Dung Người Lính Việt Nam Cộng Hòa gồm bốn DVD, tổng cộng 8 giờ, được coi là “sản phẩm tiêu biểu”.

Ông Lộc cho biết Viện BTTN&VNCH hiện đang xúc tiến thực hiện một bộ phim tài liệu về trận Quảng Trị 1972, còn gọi là «Mùa Hè Đỏ Lửa», khi Bắc quân đem quân và chiến xa tràn qua Vùng Phi Quân Sự tại vĩ tuyến 17, trắng trợn vi phạm Hiệp Định Geneve 1954, xâm chiếm Quảng Trị vào tháng 3-1972, song bị quân đội VNCH đẩy lui sáu tháng sau đó.

“Trong chiến tranh VN có ba trận đánh quy mô cần quan tâm. Đó là trận Mậu Thân, Hoa Kỳ gọi là Tet Offensive 1968.

Trận thứ hai là trận Quảng Trị 1972, Hoa Kỳ gọi là Easter Offensive. Trận thứ ba là 30-4-1975,” Ông Lộc cho biết trong lá thư gửi tới thân hữu. “Lịch sử chiến tranh Việt Nam cần có một phim tài liệu về Quảng Trị. Đây sẽ là phim đầu tiên.”

Được biết cuốn phim tài liệu về Quảng Trị sẽ gồm hai đĩa. Đĩa thứ nhất dành cho thời gian từ ngày lui binh sau khi thất thủ Đông Hà - Quảng Trị từ cuối tháng 3 đến đầu ngày 1-5-1972; và đĩa thứ hai dành cho thời gian phản công từ tháng 5 đến tháng 9-1972. Bộ phim Quảng Trị là một phần của chương trình sản xuất các tài liệu song ngữ của Viện BTTN&VNCH để phổ biến khắp thế giới và dành cho thế hệ tương lai.

Chúng tôi được ông Vũ Văn Lộc mời đóng góp vì những bài báo của các phóng viên chiến trường của nhật báo Sóng Thần tường thuật tại chỗ về Mùa Hè Đỏ Lửa, mà một trong những tác giả của những bài tường thuật bấy giờ hiện có mặt tại Hoa Kỳ, là NgyThanh, có thể đóng góp cho dự án phim tài liệu với tư cách một nhân chứng.

Nhật Báo Sóng Thần, do tôi làm chủ nhiệm và chủ bút, cố nhà văn nhà báo Chu Từ làm chủ biên và ký giả Uyên Thao, hiện định cư tại Virginia, làm tổng thư ký, ngoài phần vụ thông tin, đã có những đóng góp ngoài nghề nghiệp mà chúng tôi, vì tính chất nhân đạo của những việc này, ít khi đề cập tới.

Trước hết, về mặt thông tin: khi chiến trận bùng nổ, văn phòng đại diện Sóng Thần Quảng Trị do anh Nguyễn Quý coi sóc phải di tản vào Huế, sáp nhập với văn phòng đại diện Sóng Thần Huế do anh Nguyễn Kinh Châu điều hành, cộng với NgyThanh đặc phái viên Sóng Thần Quân Khu I từ Đà Nẵng ra tăng cường. Kết quả là nhờ số nhân sự đông đảo của văn phòng ba tỉnh nhập lại, chúng tôi may mắn có đủ lực lượng để bao sân nhiều lãnh vực. Đặc biệt là nhờ văn phòng trưởng Nguyễn Kinh Châu, vốn là một “thổ công” địa phương, có nhiều mối quen biết từ cấp tỉnh trưởng trở xuống; Đoàn Kế Tường, quân nhân đồng thời cộng tác với văn phòng Sóng Thần Quảng

Trị, vì “đánh mất” Quảng Trị nên ngày nào cũng bám theo các mũi dùi tái chiếm với lời thề sẽ là nhà báo đầu tiên đặt chân trở lại thành phố thân yêu; Trần Tường Trình theo chân Sư Đoàn 1 kiên cường trấn thủ Bastone, Birmingham và Tà Râu ở cạnh sườn phía tây; và Ngy Thanh, phóng viên và cũng là một nhiếp ảnh viên xông xáo, ra bám trụ tại Huế để hằng ngày theo các mũi tiền quân của QLVNCH săn tin. Trong khi nhiều ký giả trong nước cũng như ngoại quốc, lúc ấy vì bất ngờ, chưa kịp trở tay, thì Sóng Thần đã có tin cập nhật hàng ngày do các đặc phái viên “nằm vùng” của các văn phòng này gửi về. Do vậy, báo Sóng Thần có số bán lớn nhất trong thời kỳ này.

Song có lẽ một trong những điều đáng nói hơn cả, và cũng ít người biết tới, là chương trình hốt xác của ngót 2.000 đồng bào thiệt mạng vì pháo kích lẫn bom bay đạn lạc trên đoạn Quốc lộ 1 từ cầu Bến Đá tới cầu Trường Phước – đoạn đường máu mà Ngy Thanh trong bài tường thuật qua điện thoại tối 1-7-1972 đã gọi bằng tên “Đại Lộ Kinh Hoàng”, và bốn chữ đó trở thành tên của đoạn quốc lộ của Từ Thần này.

Ngay sau bài tường thuật tại chỗ và những hình ảnh do Ngy Thanh chụp cảnh máu đổ thịt rơi của các nạn nhân, anh chị em Sóng Thần chúng tôi ở mỗi nơi không hẹn mà gặp trong tâm tư dần vật vờ vô số xác chết phơi nắng dầm mưa trên Đại Lộ Kinh Hoàng. Hồi ấy Nhật Báo Sóng Thần đang thực hiện chương trình “Sống Một Mái Nhà” và tòa soạn ủy thác việc trông coi cho Vũ Ngọc Long, một sinh viên trẻ tới với nhóm ST từ khi còn phôi thai. Hàng tuần hay tháng, tôi không còn nhớ rõ, Long đều đặn dẫn một số sinh viên học sinh tình nguyện đi xây lại nhà cho một gia đình nghèo ở quanh thành phố Saigon. Khi chúng tôi ngồi lại bàn với nhau về việc phải làm một cái gì cho các nạn nhân chiến cuộc này, ký giả Đường Thiên Lý đề nghị quyền tiên để giúp hốt xác nạn nhân và đặt tên cho chương trình này là “Thác Một Năm Mồ”, có lẽ là cho có được tính liên tục với chương trình do Long trông coi. Trong khí đó ngoài miền Trung, không hẹn mà Nguyễn Kinh Châu cũng bàn

bạc với cố bác sĩ Phạm Văn Lương, người trông coi văn phòng Sóng Thần Đà Nẵng. Hai anh đồng ý nhân danh tập thể Sóng Thần để tiến hành thu nhặt xác, và anh Lương gọi vào Saigon đúng lúc chúng tôi cũng vừa bàn xong, và định gọi ra xin quyết định của các văn phòng địa phương.

Máu chảy ruột mềm, đáp ứng của độc giả đối với lời kêu gọi đóng góp của Sóng Thần cho chương trình “Thác Một Năm Mồ” vừa mau mắn vừa đông đảo, cho thấy tính nhân bản và tình thương rất cao của người Việt miền Nam đối với các đồng bào ruột thịt miền Trung thiếu may mắn chết mà chưa yên, thân xác còn phơi nắng dầm sương ròn rã đã nhiều tháng trời, khiến không ai là không khỏi đau xót. Tôi được anh chị em trong nhóm chủ trương tờ báo đề cử đem gói tiền đầu tiên góp được ra Huế trao anh Nguyễn Kinh Châu để xúc tiến chương trình hốt xác.

Tôi không bao giờ quên được một tuần lễ ở Huế dạo ấy. Hồi ấy, tôi không nhớ đích xác tháng nào, quân Cộng hoà đã lấy lại được phần đất phía dưới Quảng Trị, nơi có đoạn đường có hõn danh là Đại Lộ Kinh Hoàng, song chưa mở ra cho dân chúng vào vì chiến cuộc vẫn còn diễn ra, với đạn pháo tầm xa 130 ly của quân Cộng sản vẫn thỉnh thoảng rớt xuống vùng này từ trên dãy Trường Sơn. Và hễ mỗi lần có pháo kích từ núi xuống là sau đó không bao lâu ta có thể nghe tiếng rung chuyển trời đất của máy bay bỏ bom B-52 dội bom phản kích.

Qua sự dàn xếp của anh Nguyễn Kinh Châu, chúng tôi – gồm anh Châu, NgyThanh, tôi, và cả chị Châu cũng không bỏ lỡ dịp xin đi theo trong một, hai chuyến đầu – vào được khúc đường này, mượn đem theo mấy người phu chuyên nghiệp cải táng. Đối với các ông thợ này – tôi để ý thường họ đem theo vài chai rượu đế, vừa để uống vừa để khử trùng – hốt xác không phải là việc xa lạ: họ đã trở thành các tay chuyên nghề sau khi phía Cộng Sản chôn sống quá nhiều người trong vụ Tết Mậu Thân 1968 để họ thực hành việc hốt xác của nhiều ngàn người bị chôn trong những hố tập thể.

Ngày đầu nhật xác dọc hai bên Đại Lộ Kinh Hoàng, tôi như đi trong một cơn mộng dữ, không uống rượu mà như say, bước đi mà chân như không chạm đất, giữa một bầu không khí đầy mùi tử khí trong một khung cảnh với nhiều chiếc xe, kể cả chiến xa, cháy rụi nằm ngang dọc đó đây, áo quần đồ đạc vương vãi bên những xác người đã rữa nát nằm chết đù kiêu la liệt, trong đó có nhiều đàn bà và trẻ con.

Trong khi NgyThanh bấm máy không ngừng, tôi đi quan sát những xác người. Một trong những hình ảnh tôi nhớ nhất, tới tận bây giờ, là cảnh một người mặc đồ lính đã rách nát, nằm xoãi hai chân hai tay, đầu gối trên một khúc cây gãy, khuôn mặt gầy như chỉ còn xương với tí thịt rữa còn vương dính lại, hai hốc mắt là hai cái lỗ đen ngược lên như chất vẩn trời cao. Tự dưng tôi nghĩ anh ta đã chỉ bị thương, chưa chết, đã cố lết tới đây nằm vật ra, mặt ngửa lên trời, và chết dần. Tôi tự hỏi anh đã nghĩ gì trước khi trút hơi thở cuối cùng. Mẹ cha, anh chị em, vợ con hay người tình ở đâu? Lớn lên trong chiến tranh và sống phần lớn ở Sài Gòn, thỉnh thoảng có thấy người ta chết vì súng đạn, vì pháo kích, nhưng đây là lần đầu tôi thấy nhiều người chết như vậy, và chết đù kiêu. Tôi có mô tả những cảnh này trong bài phóng sự đăng làm nhiều kỳ trên báo Sóng Thần, như một báo cáo lại với những nhà hảo tâm đã mau mắn đóng góp tiền bạc để chúng tôi thực hiện công tác nhân đạo này.

Những ngày kể đó chúng tôi hàng ngày, sau khi ăn sáng rất thanh đạm, chất nhau lên một cái xe cam-nhông nhà binh do anh Châu điều đình mượn được, cùng với mấy người thợ bốc xác, trở lại Đại Lộ Kinh Hoàng. Có lúc tôi ngồi xem mấy người thợ bốc xác làm việc, vừa nghe họ kể chuyện hồi hốt xác nạn nhân Tết Mậu Thân, như thể những gì đang diễn ra chưa đủ kinh hoàng bằng. Nào là có linh hồn nọ, linh hồn kia về than còn thiếu bàn tay, khúc xương, cái sọ, vv. Thỉnh thoảng có ông thợ ngưng tay lôi chai rượu đế ra nốc một ngụm. Vì họ làm việc bằng tay trần, không có bao tay, nên rượu cũng còn được dùng để mấy ông thợ rửa tay trước khi ăn trưa.

Những gì có thể giúp để nhận diện xác chết, như thẻ căn cước, hay một món đồ đặc biệt nào đó tìm thấy gần xác đều được anh Châu ghi lại trong sổ tay, bên cạnh số của xác đã được ghi trên bọc plastic đựng xác. Tôi xem và ghi chép. Khi nào mỏi mệt, tôi ra đứng ngoài lộ nhìn lên rặng núi Trường Sơn, nhớ lại những mẩu chuyện nhà văn hồi chánh Xuân Vũ kể trong *Đường Đi Không Đến*, tự hỏi sao con người ta ở đây không chịu ở yên đây để xây dựng xã hội, phát triển kinh tế, vun xới đời sống và con người, như các nước khác trong vùng Đông Nam Á này? Sao gây ra chiến tranh? để chi? được chi? Rồi tôi ngóng về phía bắc lắng nghe tiếng súng văng lại từ phía Quảng Trị, nơi quân Cộng Hòa đang đánh chiếm lại từng thước đất đã bị Cộng quân chiếm đóng, và thầm cầu nguyện cho những người lính Cộng Hòa.

Có lần, chúng tôi đang làm việc thì nghe mấy người lính Cộng Hòa gọi nhau ới ới, và vẫy gọi cả chúng tôi. Anh Châu ra lệnh cho mọi người ngưng tay chạy tìm chỗ ẩn náu vì pháo kích từ trên Trường Sơn bắt đầu rót xuống quanh chỗ chúng tôi. Ai đó kéo tôi xuống một hố bom bảo bám chặt vào thành hố bằng cát, đã hẳn là dù vậy vẫn thấy mình từ từ tuột xuống vì cát rời. Tôi đang thắc mắc sao không xuống hẳn lòng hố cho chắc ăn thì có người chỉ cho tôi thấy một trái bom bi chưa nổ ở dưới lòng hố.

Mỗi chuyến xe chúng tôi chở xác về xếp trong ngôi trường của thị trấn Mỹ Chánh, nhiều người có thân nhân trong đám nạn nhân trên Đại Lộ Kinh Hoàng chờ chực sẵn ở đó xúm lại tíu tít hỏi thăm, mặt ai cũng bơ phờ, thất thần, thấy thương tâm hơn cả người đã chết nay không còn gì để phải vương vấn nữa. Trong một cuộc điện đàm gần đây với NgyThanh, anh Châu cho biết con số đích xác của những xác người đã được hốt về từ Đại Lộ Kinh Hoàng năm ấy: 1.841 xác. *Một ngàn tám trăm bốn mươi một xác người*, anh nói không một giây do dự hồi tưởng, như thể con số ấy đã được ghi tạc trên phiến đá của ký ức anh từ 37 năm qua chỉ chờ dịp bật ra khi được hỏi tới! Những xác người

bất hạnh này đã được chôn tại một khu đất sau lưng trường tiểu học Mỹ Chánh, được biết tới với tên Nghĩa trang Đồng bào Chiến nạn Quảng Trị.

Cứ vậy mà một tuần trôi qua đến ngày tôi phải về lại Sài Gòn, trước sự bịn rịn của anh chị Châu. Tôi mất ngủ nhiều ngày sau đó, vì sợ thì ít mà vì những gì đã thấy đã khiến tôi như tê dại hẳn đi – cảm giác tê dại mà tôi lại được biết tới vào ba năm sau đó, ngày 30 tháng 4, năm 1975...

*

Vì nhận thấy đây là một sinh hoạt có tính cách nhân đạo, nếu đưa vào phim có thể làm loãng đi chủ đề của phim, đó là về cuộc chiến đấu dũng cảm của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa nhằm tái chiếm lại Quảng Trị, nên chị em chúng tôi bàn nhau viết bài này để ghi lại một sinh hoạt mà nếu không ghi lại cho các thế hệ tới thì sẽ bị mai một đi, cùng với bao nhiêu câu chuyện khác của một thời Việt Nam Cộng Hòa nhân bản, đầy tình người, dù những hạn chế không tránh được của một chế độ vừa lo phát triển vừa phải lo chống lại tham vọng của những người quyết tâm áp đặt chủ nghĩa Cộng sản phi nhân lên phần đất tự do cuối cùng của Việt Nam.

Bài này cũng xin được coi là thêm một lần nữa, tri ơn những vị hảo tâm đã đóng góp để chương trình “Thác Một Năm Mồ” được hình thành cách đây đã gần 40 năm. Đồng thời như một nén hương tưởng niệm những người đã bỏ mạng trên Đại Lộ Kinh Hoàng, xác phơi nắng mưa tới hơn hai tháng trời trước khi chúng tôi xin được phép vào tới nơi để làm cái việc hốt xác.

– Oregon, Tháng 9, 2009

o

Bảy tháng giữa những xác người

– Nguyễn Kinh Châu

Nguy Thanh ghi lại, các chi tiết dựa theo 4 buổi nói chuyện qua điện thoại với Nguyễn Kinh Châu từ quận Bình Thạnh, Saigon vào tháng 10-2009

Ba mươi bảy năm sau khi cùng nhau cầm bao nylon lom khom lội vào vùng chiến sự để thu nhặt xác đồng bào bị thảm sát bởi đạn của Trung Đoàn Pháo Bông Lau mà cứ như lén lút vào kho tội ác của Cộng sản để đánh cắp, câu đầu tiên anh Nguyễn Kinh Châu nhắc đi nhắc lại với tôi (như cứ sợ chính mình cũng sai sót) là tên đầy đủ của nghĩa trang mà nhật báo Sóng Thần đã mai táng 1.841 xác, “Nghĩa Trang Đồng Bào Chiến Nạn Quảng Trị do nhật báo Sóng Thần và thân hữu phụng lập”.

Một lần đi hốt xác đồng bào bị Việt Cộng chôn sống trong tết Mậu Thân ở Huế, và lần thứ nhì hốt xác đồng bào bị Việt Cộng tàn sát trên Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị, những hình ảnh ghê rợn đã khắc chạm thật sâu vào ký ức anh Châu, như một thứ đèn tưởng niệm Cánh Đồng Chết của nạn nhân Pol Pot ở Cam-Pu-Chea – “Trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”. Trả lời câu hỏi của tôi, anh Nguyễn Kinh Châu nhắc lại con số 1.841 xác nạn nhân một cách dễ dàng như không cần khai một gói thuốc lá để biết trong đó có 20 điếu. Tôi hỏi tiếp, làm sao anh nhớ được chính xác như thế, anh tâm sự, “Làm sao không, có ngày nào là áo quần không thấm mùi hôi của xác chết, có xác nào không là xác đồng bào, anh em?”

Khi mới bắt tay vào việc, chính quyền và quân đội chưa cho phép thường dân qua sông Mỹ Chánh vì vấn đề an ninh (sợ Việt Cộng trà trộn để hoạt động) và vì vấn đề an toàn (sợ đạn pháo binh Việt Cộng bắn trúng làm chết nhóm người đi lượm xác đồng loại). Vấn đề mang một nhóm thường dân vượt qua phòng tuyến quân sự Mỹ Chánh để tìm và thu nhặt xác

là chuyện chưa từng xảy ra trước đây trong chiến tranh Đông Dương. Mặt khác, anh em báo ST ngại một khi đăng lời kêu gọi xin độc giả tiếp tay đóng góp, tiền tới tay rồi mà lỡ xác đồng bào lấy về không được sẽ bị mang tiếng lừa phỉnh, nên anh Châu hội ý với anh em phóng viên ST đang có mặt tại Huế, rồi vào Đà Nẵng bàn thêm với bác sĩ Phạm Văn Lương. Kết quả: chúng tôi quyết định thử nghiệm trước bằng cách tự lực. Anh Châu đã mang chiếc xe gắn máy Honda 68 tới xin cầm cho một thân hữu là anh Huỳnh Văn Phúc, chủ tiệm vàng Phúc Ân kiêm tổng thư ký Hội Đồng Tỉnh Thừa Thiên, lấy 50 ngàn đồng để làm vốn liếng khởi công. Ngạc nhiên thấy anh Châu cầm xe, anh Phúc hỏi đôn, nên đã biết sự thật là anh Châu cần tiền để trao cho thầy Thích Đức Tâm ở chùa Pháp Hải bên cồn Hến đóng quan tài để ra Quảng Trị lượm xác đồng bào bị pháo chết. Biết việc chúng tôi làm như thế, anh Phúc bảo anh Châu cứ mang xe về, và cho anh chị em ST mượn 50 ngàn tiền mặt, một số tiền không nhỏ lúc bấy giờ, để khởi công. Bên cạnh đó, anh em ST vào Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn I tiếp xúc với Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương. Chỉ huy trưởng, thiếu tá Nguyễn Văn Cơ đã cho nhóm Sóng Thần 200 bao nylon loại dùng để tắm liệm quân nhân tử trận. Ngoài ra, nhóm mượn được một xe GMC của Tiểu Khu Thừa Thiên làm phương tiện vận chuyển đoàn hốt xác và xác hốt được. Về sau khi số xác lượm được tăng lên tới con số gần hai ngàn, anh Cơ vẫn cung cấp đầy đủ để gói ghém tử thi đồng bào, đồng thời phía Tiểu Khu Thừa Thiên tăng cường cho mượn thêm một xe GMC nữa, và phía Tiểu Khu Quảng Trị cho mượn hai xe GMC khác, để di chuyển xác chết.

Sóng Thần đã tiến hành hốt xác tất cả ba đợt. Khi chị chủ nhiệm Trùng Dương từ tòa soạn ra tham dự để ăn đạn pháo kích là đợt một. Đợt này đoàn hốt xác có bốn tổ, mỗi tổ bốn người, thu được trên 800 xác. Về sau đoàn hốt xác tăng lên thành bảy tổ. Sợ mùa mưa tới xác đồng bào bị vữa và trôi hết phần thịt, chúng tôi đã tăng gấp đôi số nhân công để rút ngắn thời gian.

Khởi đầu, thầy Đức Tâm thuê đóng và giao cho đoàn 20 quan tài để mang theo, xem thử đủ thiếu thế nào. Lên đường, anh em ST chúng tôi chỉ dám cầu mong lượm được tới 20 xác như mong muốn của thầy Đức Tâm, vì khu vực giữa hai cầu Bến Đá và Trường Phước là đụn cát trắng không nhà cửa cây cối, hề thấy bóng người di chuyển là tiền sát viên Việt Cộng gọi pháo tầm xa từ Trường Sơn bắn xuống. Kết quả của ngày đầu thật bất ngờ với con số 96 xác. Hai mươi xác đầu tiên được xếp vào quan tài, phần xác còn lại gói tạm vào bao nylon mang về đặt trong các phòng học của trường Mỹ Chánh đang bỏ ngõ.

Đạo 1968, anh Nguyễn Kinh Châu là ký giả đã theo chân đoàn người đi khai quật các hố chôn tập thể và đã có loạt hình chạy tám cột bê ngang trên báo Hòa Bình tường thuật tội ác rùng rợn này. Cũng nhờ quen biết cũ từ bốn năm về trước, lần này đề xuất việc đi lượm xác, anh Châu đã quay lại Phú Thứ để tìm gặp và thuyết phục các người chuyên về di dời xác chết bốn năm trước, sau Tết Mậu Thân, để họ bằng lòng tham gia công việc nghĩa tử dưới làn đạn pháo của Trung Đoàn Pháo Bông Lau. Đúng là Việt Cộng đã dành cho những người này những việc làm có một không hai trong lịch sử tội ác chiến tranh. Nhưng vì lãnh thổ Quảng Trị vẫn còn giao tranh và bom đạn, nên những người phu chi bằng lòng nhận lời với chi phí 1.600 đồng mỗi ngày, so với giá thuê mướn làm công nhật ở thành phố Huế lúc bấy giờ là 100 đồng/ngày, và giá vàng 1.600 đồng một chỉ. Sở dĩ giá cả cao như thế mà nhóm ST phải chấp nhận vì khu vực “Đại Lộ Kinh Hoàng” vẫn còn rất kinh hoàng, phu hốt xác ra đó để thu lượm xác không những phải làm việc giữa điều kiện mất vệ sinh giữa những xác chết, mà còn phải đưa lưng đội đạn pháo từ Trường Sơn bắn xuống. Những tay làm báo chúng tôi vì nghiệp dĩ của mình mà lặn lưng ra chốn tên bay đạn lạc, nhưng người dân họ có lý của họ, nhất là khi phải đôi bát máu lấy bát cơm để nuôi thân và nuôi gia đình. Khi tới bãi xác người, những phu lượm xác này mỗi người đều mang theo một lọ mắm ruốc. Họ đã lấy ngón tay chấm mắm ruốc bôi lên mũi, dùng mùi thối của mắm để mong át đi mùi thối của xác chết, và cũng để đánh lừa khứu giác của mình.

Sau những ngày đầu vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đoàn hốt xác buổi tối về hay tập trung ở nhà từ đường của chị Tôn Nữ Mộng Nhiên ở số 100 đường Thuận An, thành phố Huế, là nơi “đóng đô” miễn phí của đám phóng viên ST trẻ Trần Tường Trình, Đoàn Kế Tường và NgyThanh. Nghe đám nhà báo bàn bạc chuyện lượm xác, ban đầu hai cô chủ nhà là chị Mộng Nhiên và chị Lâm góp ý. Từ từ bén chuyện, hai cô tình nguyện tham dự trò chơi với đạn pháo kích. Thế là đoàn hốt xác có thêm hai khuôn mặt hoàng phái, đảm nhiệm việc ghi chép sổ sách và ghi số mỗi xác, cùng những giấy tờ hay di vật gì chúng tôi lấy được trên thi thể của họ. Những vật dụng và tư trang cá nhân ấy được cho vào bao nylon có ghi số trùng với số của quan tài, để về sau trả lại cho thân nhân người quá cố.

Công tác hốt xác kéo dài ròng rã tới bảy tháng mới hoàn tất.

Sau khi thu nhặt hết xác trên hai bãi cát dọc hai bên đoạn quốc lộ mang tên “Đại Lộ Kinh Hoàng” và mai táng xong, anh em ST còn giữ lại nửa triệu, tức một phần sáu tổng số tiền lạc quyền được từ độc giả hào tâm, chúng tôi đã dùng số tiền này dựng một bức tượng Đức Địa Tạng rất lớn ngay chỗ có nhiều xác chết nhất, lập một đền thờ oan hồn, và tổ chức một lễ cúng do anh Lý Đại Nguyên từ Saigon đại diện tòa soạn ra chủ tọa. Đền thờ này vẫn còn cho đến ngày nay.



Lời cuối:

Cuộc chiến nào mà không có thảm sát, chiến tranh nào mà chẳng có nạn nhân. Nhưng hình ảnh của một đứa bé ngồi khóc bên xác mẹ giữa một chiến trường thảm khốc đầy xác thường dân như ở Đại Lộ Kinh Hoàng vẫn là một hình ảnh đau thương nhất mà chúng ta không thể nào quên được.

Vì vậy tôi cố tìm cho được câu chuyện của một nhân chứng đích thực, còn sống để kể lại hầu quý vị và riêng tặng cho đại tá Nguyễn Quý Hải, chỉ huy Tiểu đoàn 1 Trung đoàn pháo Bông Lau của Quân đội Nhân dân của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong tác phẩm “Mùa hè cháy”, xuất bản năm 2005, tác giả đã viết thật rõ ràng là đơn vị của ông khai hỏa tập trung pháo 122, pháo 130 và pháo 155 mà ông gọi là trận địa pháo cường tập trên Quốc Lộ 1 vào đám nguy quân trên đường bỏ chạy.

Ông đại tá pháo binh tác giả của tác phẩm “Mùa hè cháy” đã đích thân quan sát trong vai trò tiền sát viên để trực tiếp chỉ huy bắn.

Bài báo ngắn ngủi và khiêm nhường hôm nay hy vọng sẽ đến tay các pháo thủ miền Bắc ngày xưa để họ nhớ lại thành quả vào ngày 1 tháng 5 trong chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.

Định mệnh nào đã dành cho ông Phan văn Châu còn sống để định cư tại Hoa Kỳ với 11 người con thành đạt, hàng năm vẫn gửi tiền về giúp cho miền quê nghèo khổ xứ Nhan Biều. Bây giờ, những mộ phần tập thể của dân oan chết vì trận mưa pháo Bông Lau năm 1972 đã chẳng còn dấu vết. Những đứa bé đói sữa nằm bên xác mẹ rồi cũng đã chết hết trên Đại Lộ Kinh Hoàng 37 năm về trước.

Nhưng mà sao tiếng khóc của em vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây ...

– Giao Chi

San Jose 2009

Bài tường thuật lễ an táng đợt nhất thi hài các nạn nhân bị thảm sát trên Đại Lộ Kinh Hoàng. Bài đăng trên báo Sóng Thần đề ngày 3/08/1972 – hiện đang được bảo lưu tại văn khố viện đại học Cornell ở tiểu bang New York.

Lễ an táng đồng bào Quảng Trị tử nạn trên đường chạy giặc

Huế 1.8 (ST) hơn một ngàn người hiện diện không cầm giữ nỗi sự xúc động khi đứng trước 128 cỗ quan tài và tiếng khóc thảm thiết của thân nhân những đồng bào chết thảm trên đường chạy giặc từ Quảng Trị về Huế hồi 3 tháng trước đây, nay được Ủy ban Truy tầm và Mai táng thi hài đồng bào chiến nạn thu nhặt được và tổ chức lễ an táng tại nghĩa trang quận Phong Điền, Thừa Thiên.

Sau khi các đặc phái viên chiến tranh của Nhật báo ST tại mặt trận Trị Thiên nhận thấy trên khoảng đường từ cầu Bến Đá đến cầu Trường Phước trên quốc lộ 1 có nhiều thi hài đồng bào nằm phơi giữa trời mưa nắng suốt 3 tháng trời, Văn phòng Đại diện ST tại Huế tình nguyện đứng ra thu nhặt để an táng, bất chấp mọi nguy hiểm của bom đạn dội xuống đầu mình.

Cực khổ làm việc hơn nửa tháng trời, anh em ST địa phương đã tìm được hơn 200 xác đồng bào tử nạn, đem về đặt tạm tại trường tiểu học cộng đồng Phong Điền tại quận Phong Điền, quyên góp tiền bạc của các giới hào tâm mua hòm và quyết định mai táng tập thể đợt đầu tại nghĩa trang Phong Điền.

Trong số hơn 200 xác đồng bào do Ủy ban Truy Tầm và Mai Táng của ST tổ chức thu nhặt được, có 77 xác đã được thân nhân đến nhận diện trong đó 74 xác do thân nhân tự động lo liệu việc chôn cất. 198 xác do anh em ST Huế Quảng Trị phối hợp với các đoàn thể địa phương và chính quyền 2 tỉnh TT–QT tổ chức an táng tập thể đợt đầu.

Dưới ánh nắng chói chang, đại diện nhật báo ST, anh Nguyễn Kinh Châu, đã bày tỏ lòng xót xa cho đồng bào tử nạn

trước thảm cảnh của chiến tranh và anh cũng nói rằng anh em ST không thể làm ngơ khi thấy xác đồng bào ruột thịt mình nằm phơi xương giữa trời mưa nắng mà không có một nắm mồ, dù là sơ sài, như một sự an ủi phần nào sự đau khổ của người dân chiến nạn. Các vị đại diện tôn giáo, đại diện các đoàn thể quần chúng địa phương, đại diện quân khu 1 và 2 vị tỉnh trưởng Quảng Trị - Thừa Thiên hiện diện trong buổi lễ đã lên tiếng ca ngợi việc làm của anh em ST địa phương đồng thời cũng bày tỏ lòng đau xót khi thấy đồng bào ta bị chết thảm trên đường chạy giặc.

Sau lễ điện, văn tế và cầu nguyện tôn giáo, 128 cỗ quan tài đã được hạ xuống các huyệt đã được đào sẵn trong khu đất dành riêng tại nghĩa trang Phong Điền.

Buổi lễ mai táng đã hoàn thành hồi 11g35 ngày 1/8/1972 giữa sự xúc động tận cùng của những người đưa đám.

Chương 6

Những tấm ảnh đã đăng trên báo Sóng Thần năm 1972, do Thái Nguyễn dán đề giữ lại và sưu tầm.

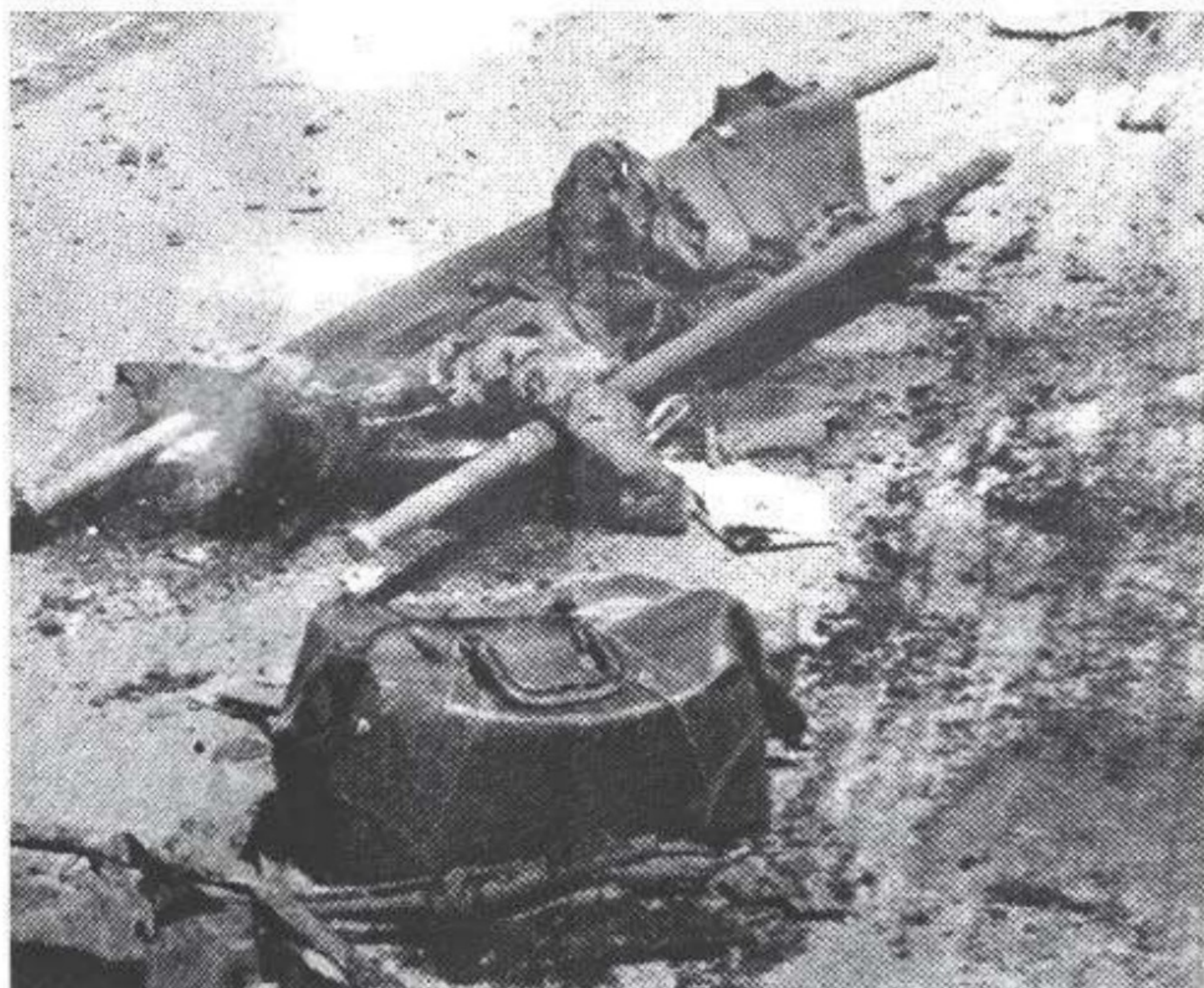
Ngày 12/08/2019, Facebooker Thái Nguyễn, từ Fresno, California gửi đến tôi một loạt ảnh cũ 10 tấm, với lời nhắn:

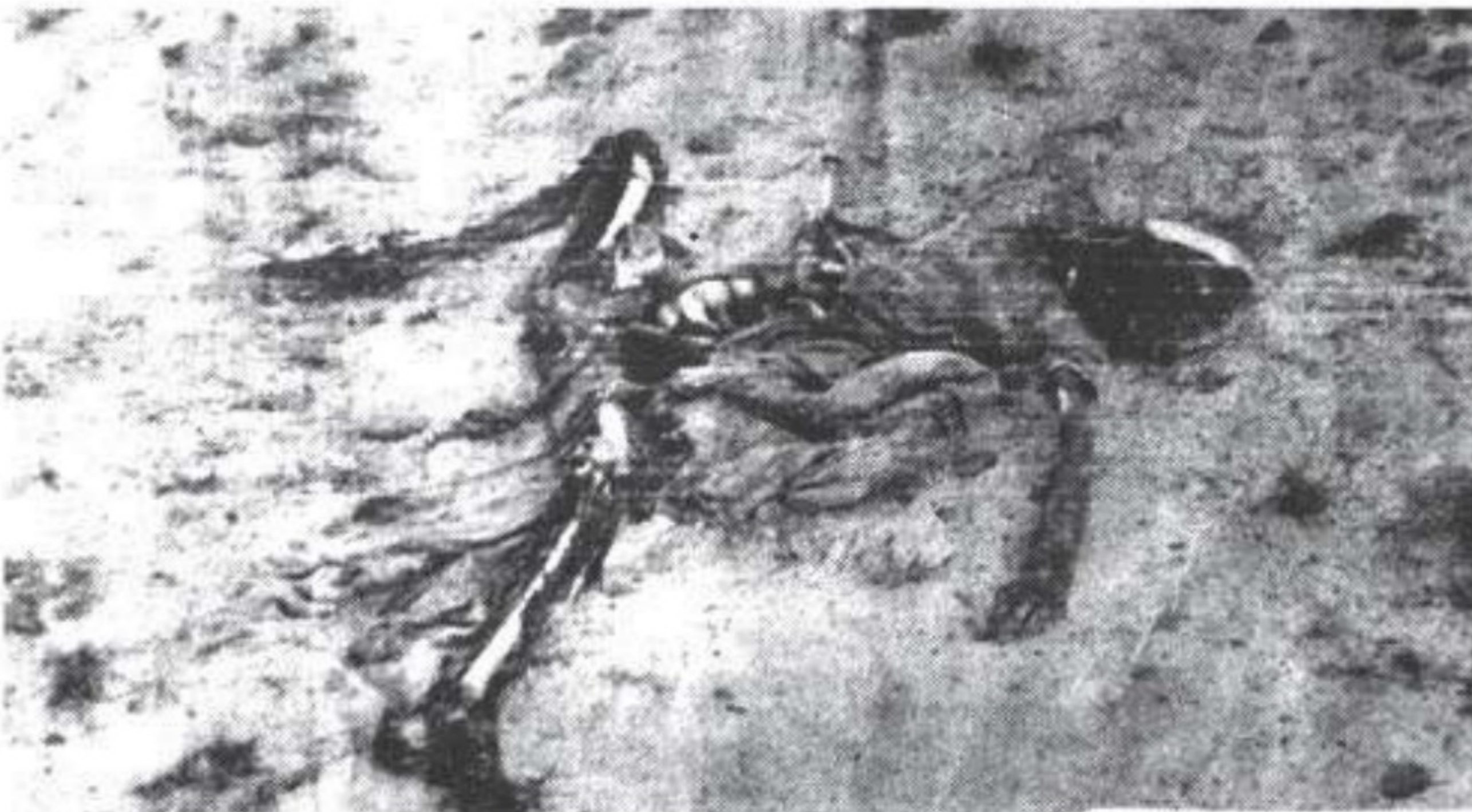
“Khoảng 3-4 năm trước, trong một bài viết tường niệm sự kiện Đại Lộ Kinh Hoàng đăng lên FB, tôi có đưa lên một số hình ảnh sưu tập trên báo Sóng Thần những ngày phóng viên theo chân nhóm người đi lượm xác người mùa hè đỏ lửa 1972 và nói là xin tặng nhà báo Ngy Thanh vì nghe tin là anh đã mất rất nhiều hình ảnh ngày ấy, chỉ còn giữ lại rất ít.

Mùa hè đỏ lửa 1972, tôi chỉ là thằng bé 15, 16 tuổi theo gia đình từ Huế chạy giặc vào Sài Gòn. Hằng ngày theo dõi hành trình nhân đạo cao cả của báo Sóng Thần, của các anh chị phóng viên, của các bác phu thu lượm xác người... Cảm phục tinh thần đó, cũng như muốn lưu giữ hình ảnh đau thương của chiến tranh mà người dân Quảng Trị phải gánh chịu, nên đã sưu tập một số hình ảnh và bài viết của báo, cắt và dán vào một cuốn vở học trò. Nay mới tìm thấy FB của anh nên cố tìm lại để gửi đến anh...”

Xin đăng lại ở đây để chia sẻ cùng tất cả mọi người.











Trên Quốc lộ máu số 1, những xác chết đã trở thành những bộ xương khô, nằm chồng chất lên nhau.





Con gái của giáo sĩ Le Roy Josephsen, ảnh do Ngô Tấn Phi chụp trên Đại Lộ Kinh Hoàng trong những ngày đoàn người bị thảm sát.

ern
BV

Độc Chính Luận theo chân đoàn chiến sĩ Mũ đỏ tiến vào Hải L. Những hình ảnh khủng khiếp TRÊN « ĐẠI LỘ KINH HOÀNG »

© LÊ-VĂN-THIỆP

QUẢNG TRỊ. - 15 giờ chiều Chủ Nhật 2-7. Tiểu đoàn 3 Dù đang chia làm 3 cánh quân chủ tiến vào quận lỵ Hải Lăng 2 cánh; 1 từ phía Nam, 1 từ Đông Nam sẽ căn cứ để cắm cờ trên quận lỵ Hải Lăng sau 3 tháng lọt vào tay CSBV. 1 cánh nữa đi về phía Tây làm rào cản đùn những cán binh CSBV chạy ra. Qua mấy vỏ tuyến chiến tá Trần Văn Sơn, Tiểu đoàn Trưởng Tô 3 Dù đã nói "thế nào Dù cũng cắm cờ trên Hải Lăng hôm nay. Phát viên Lê Văn Thiệp bám sát Tô 3 Dù để chụp ảnh Hải Lăng. Bài báo này đây do anh gửi về ghi lại những hình ảnh bi thảm nhất trên Đại lộ Kinh Hoàng, nơi anh đã theo chân quân đội đi đến với TDS Dù đang nằm ở bờ sông cách Hải Lăng 500 thước.

Quả đàng với tên Đại lộ, kinh hoàng, trên 1 quảng đường dài 1 cây số sau khi qua khỏi cầu Bến Đá, chứng tích của chiến tranh làm mọi người phải óa lệ kinh hoàng. Hàng quả của 1 cuộc « đi tấn chiến thuật » thật là khủng khiếp.
Hàng trăm chiếc xe dù loại GMC, xe dù, chầy rọi 2 bên đường. Trên mặt QL1, xác người nằm ở đủ phương thế. Những xác chết có

quần chấy sấm chỉ cho là những khúc xương sấm đen đé lều bều quăn to này đang tan vì từng mảnh. Dù mọi thứ cho thấy trong giờ phút kinh hoàng nhất của những kẻ bù thành phố Quảng Trị cách đây 3 tháng. 1 chiếc xe bị tí nằm trong 1 chiếc chấu thép cũng bộ xương lũng người, cạnh đó 1 bộ xương lũng hươu sừng sừng, tay như vôi lầy chiếc chấu thép. Xác lớn hơn cả là 1 xác người, cạnh đó có 1 cái quần lũng đen lẹp lẹp màu đen dầy dầy.

Trong 1 xe cứu thương khác có chụp chiếc xe người. Hầu như tất cả các xe đều có xác người. Trên 1 chiếc xe Dodge nhà binh hươu bị mìn mìn chôn gói, mảnh vụn của 1 chiếc TV, xác 1 người đàn ông có lẽ đã già, vì hàm răng đen tím dính ở da. Sau 3 tháng trời, thật

sẽ ra, thêm ruộng gia tài của gia đình ông này cả người chỉ còn lúp đả dính sát ruộng, bộ xương tạo thành 1 hình ảnh mà người nào khó quên.

Cả trên chiếc xe đạp, xe gắn máy này cũng tro tro không khác với thế đất này, nắp bảo xăng quăn đơ vương vãi xung quanh. Nhiều xe Honda bị cán nát máy được. Trên 1 chiếc xe dù chạy đường Quảng Trị-Huế, trên xe có 1 chiếc giày của anh này đã nằm không chênh lệch 1 ly, một tấm vải của anh này và dưới đất có 1 cái quần Albin khác anh khác hẳn, 1 hộp phía trái anh này gần đất. Có những chiếc xe nằm trong bụi rậm, có những chiếc xe người đem lại thành từng nhóm dưới gầm xe có những xác còn áo M16, có những xác nằm thủng xuống đất như người của ông, trên xe. 1 xác người đàn bà nằm chết bên cạnh đường, gầy chực vẹo, thỉnh thoảng 1 con chó nằm dưới gầm xe lướt đi dưới ruộng dưới cặp chạy đi chạy lại. 1 xác con gà có lẽ cũng là những sinh vật chạy nhốt của ông sẽ xác những giây phút kinh hoàng chạy tấn lượ khắp nơi.

Một hình ảnh nữa với chúng tôi « 12 anh đi lính dính nhau lưng lưng kê cá trên An Lộc chưa bao giờ tôi thấy cảnh này ».

Có 1 đoàn xe hơi có chạy khỏi Quảng Trị nhưng sau khi thoát khỏi ngã ba rẽ vào Quận Hải Lăng độ 3 cây số thì bị cộng quân chặn lại. Theo một số binh sĩ thì giúp

Xem tiếp H trong 10

theo CS ở Thái ONG Ở CÒ HỌNG THÁI

—Trưởng
ph Quân
vong giới
về Việt
Mỹ tuyên
ng «sự
ng cũng
ràng của
ra hương
bị bắt vì
i, trong
Lâu vào
nh quyết
kháng
phao cho
được do
về CS
hết chế,
đã bắt
là Trần
Tha Bn
cho biết
y lãnh tụ
khí anh
ở Thái
Cảnh sát
lâm việc
ở Đông

ng sáng họ sẽ trở thành có thể lực và ảnh hưởng lan tràn sang những vùng khác.
Ông nói: « về thời cơ sinh họ như một thời bất truyền nhiệm giữ biệt lập thì không nguy hiểm, nhưng để mặc nó thì nó lan tràn mau chóng ».

Khoảng 50.000 Việt Kiều đã được đưa về BV bởi đầu thập niên 1960-70 nhưng sau đó đã ngưng lại khi Mỹ bắt đầu can thiệp BV.

Từ đó các cuộc hội đàm với Hãng Thập Tự BV không đem lại kết quả. Chính phủ VNCH cũng không chịu nhận họ trở về quê hương của họ.

Sự sinh đẻ mau chóng của nhóm Việt kiều khiến họ có thể cung cấp người cho các lực lượng du kích. Con cháu họ học trong các trường ở miền và được huấn luyện chính trị từ rất sớm. Khi được 15 tuổi chúng được đưa về BV để huấn luyện về du kích. Chúng trở lại Thái khi đã thành cán bộ theo sự đề cử của địa phương tại phía Bắc.

Chúng sinh trưởng ở Thái, nói tiếng Thái, y hội người Thái nhưng là người VN gốc BV. Một người

CHÍNH LUẬN ĐÃ CHUYỂN 303.000đ. CỦA ĐỘC GIẢ TỚI TQLC và QĐ1

QUẢNG TRỊ 3-7. - Thực hiện lời hứa với 1 số độc giả cơ bản của báo chí về chuyển tiền các đồng vị QL VNCH & QĐ 1, ngày 28-6 vừa qua, Đ. Chính Luận Nguyễn Tô đã ban ra Huế và cùng ngày tiền đã chuyển 200.000 đồng (gồm 100.000 đồng của 1 ban sĩ về danh của BV trường Bưởi và 100.000đ của ông PQK) tới Châu Trường Bùi thế Lân Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến để chuyển thường các chiến sĩ TQLC.

Đ. Nguyễn Tô cũng đã trao số tiền 101.000đ của 1 số độc giả «đến 17 năm ở Quảng Trị» như chuyển tặng đưa về địa điểm đầu tiên «ở Quảng Trị, sau Trung Tướng Nguyễn Quang Trưởng Tu Lính QĐ 1. Khi tiếp nhận số tiền này, T.T. Trương đã cùng cùng anh em số 1 đồng với Quảng Trị đã phải tự

**VỤ 1 ĐẢNG VIÊN ĐVCN
bị tra tấn chết
đã được giải quyết êm**

Bài báo của ký giả Lê Thiệp đăng trên báo Chính Luận để ngày 4/07/1972



Cầu Bến Đá ở km 784.210, chụp từ bờ bắc hướng về Huế



Cầu Dài 2 (còn gọi là cầu Trường Phước) ở vị trí km 778-936, chụp ở bờ nam hướng về Quảng Trị



Bến xe Đông Hà, ngày chưa mất thành phố Quảng Trị
(Ảnh do Ngô Tấn Phi chụp, tháng 4/1972)

*Xe đồ địa phương trong những ngày đồng bào Quảng Trị
chen lấn nhau để chạy trốn bom đạn*



*Anh chị em báo Sóng Thần tiến hành lượm xác trên ĐLKH
chuyến về Mỹ Chánh tắm liệm và mai táng từ tháng 7/1972*

Nỗi cô đơn và niềm phấn khởi của người đi nhật xác đồng bào

• ĐOÀN KẾ TƯƠNG

(Bài tiếp theo từ số 10 báo Nhân Dân)

Tôi là người lần đầu tiên sau mỗi ngày trở về từ đồng bào mình bằng một tấm lòng rất nặng nề. Tôi nhớ rằng có thể còn tiếp tục công việc làm cho mỗi tôi lại không thể này được một nếp áo quan và một nơi yên nghỉ để gửi thân xác người thân của mình về quê hương. Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi. Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi. Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi.

Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi.

Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi. Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi.

Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi. Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi.

Tôi nhớ rằng tôi đã từng thấy người thân của mình nằm trên bàn mổ, họ đã được đưa đi chôn cất ở đâu đó trong rừng núi.



Bài báo của Đoàn Kế Tường trên Sóng Thần số 10 ngày 21/07/1972

Sóng Thần ngày 15/07/1972 (Ông Đạo Cây)

ÔNG ĐẠO CÂY

Dân biểu, nhà văn và xác chết

Trong số báo Đời tuần này, ông Đâu Gối thuật lại lời nhà dân biểu Nguyễn Trọng Nho thán phiền các nhà làm văn nghệ ở xứ ta không diễn tả nỗi những đau khổ của đồng bào hiện nay, ông dân biểu nói :

« Nói thật với bác, trước những đau khổ vĩ đại của cuộc chiến tranh này, người làm văn nghệ chỉ cần diễn tả nỗi 1/10 cái đau khổ đó thì cũng đủ để được giải thưởng Nobel rồi. Nếu không diễn tả nỗi thì thà vứt bút đi đừng bao giờ viết nữa. Chỉ cần ra mặt trận ghi lại hình ảnh những cái chết khủng khiếp v.v... là nói lên được cái đau khổ vĩ đại của dân tộc này, mà tại sao các nhà làm văn nghệ của ta tối thế, chưa thấy ai trúng giải Nobel ».

Đâu Gối trả lời :

— Anh chệ là đúng lắm. Nhưng trước khi anh chệ anh đã đọc Phan Nhật Nam chưa ?

Nhà dân biểu ngờ ngạc :

— Phan Nhật Nam nào ?

Đâu Gối cười :

— Anh chưa đọc Phan Nhật Nam mà lên tiếng chệ tất cả những người làm văn nghệ ở đất nước này là đáng trách lắm. Đáng lẽ ra các anh nên thành lập 1 ủy ban vận động cho Phan N. Nam được giải thưởng Nobel mới phải.

Ông dân biểu Nguyễn Trọng Nho không đọc báo, ít nhất thì cũng không đọc báo Đời, mà ông lại phê bình những người viết văn. Như vậy chẳng trách được báo Đời cứ chống Cộng kịch liệt mà vẫn cứ bị tịch thu. Vì các nhà làm chánh trị, xứ ta không mấy khi đọc báo trừ khi báo đăng tên họ. Không đọc báo thì làm sao hiểu nỗi người dân nghĩ gì và muốn gì ?

Bữa qua cũng có một ông dân biểu nói riêng với tôi, chỉ trích việc nhóm Sóng Thần Trĩ Thiên viết chỉ không lo, lại lo đi lượm xác chết.

Ông này cũng không chịu đọc báo Đời. Thành ra ông không hiểu nỗi tâm trạng của con người khi nhìn thấy xác đồng bào mình phơi bày la liệt như thế nào. Tôi phải biểu ông một số báo Đời mới và đi vào một Any đoạn kỹ sự của Ngự Thành và Đoàn kế Tường, để ông thấy, ông bảo ông chết như thế nào. « Một bà mẹ chết gục trên thành xe hai tay còn ôm chặt xác con. Trên một chiếc xe khác ngón ngang một đồng xương gần hai chục người đã cùng chết 1 lần. « Tôi muốn ngộp vì không khi được mùi tử thi dầy đặc, quay mặt chệ, xuống bãi cát bên vệ đường bãi cát Hải Lăng là 1 rừng xác người khô hén bên những đờ đờ họ đã mạng theo trên bước đường chệ, loạn. Rồi rác đó dầy xác lính Bắc quân hai tay ghi chặt bả súng AK cũng xương trắng, dài lâu cạnh những nạn nhân của họ ».

(Đoàn kế Tường)

(CÒN TIẾP)

Ngày
có ngu
cách
tây. B
Ninh
được
mỗi cái
đó bị
sách ki
vào phi
cho ng

BÁC

Thứ 11
12g đ
đến 7g
BS. T.
— H.
— Ng
BS Ng

KẾT Q

M& n
— T
— T
— T
— T
— T
52.45
— T
223.5
— T
277.7
— T

NĂM

SAT
sát đi t
khá ng
nay có
gây p
sát li
Nguyễn
Radio

Bài báo của Ông Đạo Cây đăng trên nhật báo Sóng Thần ngày 15/07/1972

THƠ TỬ KẾU

Trên đường về Quảng-Trị

Quân về giải phóng, chôn không mới
 Owen rồi há sự quảng đường xa
 Ngồi lưng phèo kích khảm iường trước
 Rút trứng dẫu, đá cũng nát ra.

Con đường " số một ", đường xương sống
 Nay đã hoang tàn khác hẳn xưa !
 Bốn bề bát ngát đìu hiu vắng
 Mung tiếng chim kêu thớt bất ngờ.

Đọc hai cây số cánh tiêu diều
 Xe trận hàng trăm chày đồ tiêu
 Có chiếc lặn củ nghênh bốn vó
 Còn đâu chòm thét khí hung kiêu ?

Xi tống những chiếc xoay năm ngang
 Chấn lữ quân đi, tí sét vông
 Xích nhào, sườn quã, trơ thép vụn
 Như thời xông xáo tiếng gấm hồng !

Người chết hôm nao sao vẫn đây
 Thịt thối mòn tiêu xương trắng bày
 Xương trắng rã rời, quần áo mục
 Đầu lâu mát hổ răng - nhe đây.

Một xác, hai xác bao nhiêu xác
 Xác rải kinh hồn đêm mỗi tay
 Xác phơi mỗi bước theo chân bước
 Suốt đoạn đường hai vạn thước dài.

Nhưng bộ xương sườn không trọn vẹn
 Nhưng xương ống gầy, những hàm rơi
 Nhưng đầu lâu nhỏ, xương dẫu tập
 Miệng mở chứng than với đất trời.

Quân tiến cầm chừng tại vãnh ngho
 Bỗng chú gà dẫu tiếng gáy nhỏ
 Tiếng chó oăng oăng chiều tình tịch
 Nghếch cao mồm nhọn sủa quân đi.

Mấy «chú» làm sao sống tới giờ
 «Hắc là» sống sót nhờ thầy ma ?
 Tranh cũng rồi bọ ngày đêm khoét
 Gặm chiếc xương rời, nuốt niết dơ ?

TỬ KẾU
 (27-72)

giúp cho việc
 triệu chứng là
 trường trong
 nếu các nghệ
 tài cũng có gá
 chỗ sinh hoạt

Kết thúc
 vấn đề này
 Theo Đ

BU

những ngư
 nửa lần can
 tội ác. Một
 hoang, một
 và những h
 biệt mình l
 là nhu cầu
 cũng vì cái
 đã dành đ
 vào những
 tiện tự vệ
 vực so toàn
 chiến tran
 những mối
 đạo là phi
 đến mặt c
 cảm ứng

Tại
 Cầu tri
 có lẽ ruột
 giữa hai s
 thức rằng
 xã hội tới
 - h...

Bài thơ của Tử Kếu viết về Đại Lộ Kinh Hoàng

CẢM TẠ

Nhật báo Sáng Thức và Ủy Ban Tin Kịch và Mai Táng Thi Hại Đầy Đủ nạn nhân chiến tranh xin thay mặt các thân nhân nạn nhân số 5, châu thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Chánh Đại Diện CHPGVNTN Tỉnh Quảng Trị
- Thượng Tọa Đại Diện CHPGVNTN Huế, Thừa Thiên
- Linh Mục Tuyền Ủy Tịch Khu Quảng Trị
- Thượng Tọa Thích Đức Tâm
- Đại Tá Phan Phiêu, Tham Mưu Phó CTCT Đại diện Trung Tướng Tư Lệnh QĐ I QK I
- Đại Tá Phan bá Hòa
- Tỉnh Trưởng kiêm Tịch khu Trưởng TK Quảng Trị
- Đại Tá Đào thất Khiển
- Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, Thị Trưởng thị xã Huế
- Thiếu tá Phó Bình Đã văn Mai, Khu hội Trưởng PĐ/QK I và Tịch Đoàn Xung Kịch/Thương phế Binh
- Thiếu tá Quận Trưởng Quận Phong Điền
- Đại úy Tịch Tọa TĐP TĐ 10 CTCT
- Quý vị Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh, Thị xã Quảng Trị, Thừa Thiên, Huế
- Quý vị quan khách, anh em, ĐPQ/NG Quận Phong Điền, Các Hội Đoàn Từ Thiện, các Phòng y tế THVN, Đại Phái Thanh Huế và Phòng viên thông tấn Ngoại Quốc và toàn thể công bào

Đã vui lòng tham dự lễ an táng tập thể đợt 1 cách thi hài đồng bào bị Việt Cộng sát hại trên QL I từ Trường Phước đến La Vang, tổ chức ngày 1-8-72 tại Phong Điền, Thừa Thiên.

Đặc biệt, chúng tôi xin ghi ơn tất cả quý vị hảo tâm đã đóng góp hiến kim, hiến vật cho chương trình "Một Năm Đủ Yên Ngãi". Và Chính quyền tỉnh Quảng Trị cũng như TĐ 10 CTCT đã giúp đỡ phương tiện cho Ủy Ban chúng tôi trong suốt thời gian tìm thi hài cũng như tổ chức lễ an táng tập thể vừa qua. Trong lúc tổ chức tang lễ vừa qua nếu có gì sơ sót xin quý vị niệm tình tha thứ.

NGUYỄN KINH CHÂU
Đại Diện Nhật Báo Sáng Thức Huế T.T
Trưởng Ban
Tin Kịch và Mai Táng T.H.Đ.B.C.N

CHỦ DIỆN

Chu Tô

và nhân

Hà Thúc Nhuận

NĂM THỨ 2 — SỐ 2

COI ĐÓ LÀ M

TỔNG TRƯ TÁI LẬP C

Ngoài 10, 20 triệu ký

SAIGON 5.8(ST) Một ký giấy viết bằng tay ra khỏi lò. Thông Tin ở đường Phan Đình Phùng thoát tay là họ luôn miệng kêu vì đi 1 vở đi. Chỉ cho chủ nhiệm và tổng thư ký sao thời, cảm ơn ký giấy!

Rên trong công 1 nhân viên to bèo đang 2 tay cầm bút chỉ tại đài coi chúng mình thư hay giấy ủy quyền của chủ nhiệm.

NỮ ƯỚC THỜI BÁO TIẾT BV CỐ THIẾT DẪN DẦU TỐI

Dù vậy BV không đủ số
HOA THANH ĐÓN 6.8 (AF-P) Bức Việt dòng như đã thiết lập song một ống dẫn dầu nối liền biên giới Trung Cộng với Thị trấn kép cách phía Bắc: Hanoi độ 50 cây số.

KỶ SỰ VIẾT VỀ LỄ AN TÁNG TẬP THỂ ĐỢT 1

Một vương đất bình yên

(TIẾP THEO)

Thượng, Tướng, Trình đứng đợi đi ngay. Anh Châu còn viết dài lời

có phần bất tiện nên ngay sau khi quân đội VNCH vừa đẩy lui công quân khởi đại lộ kinh hoàng số

NGY THANH

trăm cô quan tài, những họ mẹ bà

Bài "Cảm Tạ" về việc mai táng đợt 1, các nạn nhân bị giết trên Đại Lộ Kinh Hoàng

Lễ an táng đồng bào Quảng Trị tử nạn trên đường chạy giặc

HUẾ 1.8 (ST) hơn một ngàn người hiện diện không cầm giũ nói sự xúc động khi đứng trước 128 cỗ quan tài và tiếng khóc thảm thiết của thân nhân những đồng bào chết thảm trên đường chạy giặc từ Quảng Trị về Huế hồi 3 tháng trước đây, nay được Ủy Ban Truy Tầm và Mai Táng thi hài đồng bào chiến nạn thu nhặt được và tổ chức lễ an táng tại nghĩa trang quận Phong Điền, Thừa Thiên.

Sau khi các đặc phái viên chiến tranh của Nhật báo ST tại một trận Trị Thiên nhận thấy trên khoảng đường từ cầu Bến Đá và cầu Trường Phước trên quốc lộ 1 có nhiều thi hài đồng bào phơi giữa trời mưa nắng suốt 3 tháng trời. Văn phòng Đại diện ST tại Huế tình nguyện đứng ra thu nhặt để an táng, bất chấp mọi nguy hiểm của bom đạn dội xuống đầu mình.

Cực khó làm việc hơn nửa tháng trời, anh em ST địa phương đã tìm được hơn 900 xác đồng bào tử nạn, đem về đặt tạm tại trường tiểu học cộng đồng Phong Điền tại quận Phong Điền, quyên góp tiền bạc của các giới hảo tâm mua hòm và quyết định mai táng tập thể đợt đầu tại nghĩa trang Phong Điền.

Trong số hơn 900 xác đồng bào do Ủy Ban Truy Tầm và Mai Táng của ST tổ chức thu nhặt được, có 77 xác đã được thân nhân đến nhận diện trong đó 74 xác do thân nhân tự động lo liệu việc chôn cất. 128 xác do anh em ST Huế, Quảng Trị phối hợp với các đoàn thể địa phương và chính quyền 2 tỉnh TT - QT tổ chức an táng tập thể đợt đầu.

Dưới ánh nắng chói chang, đại diện Nhật báo ST, anh Nguyễn kính Châu, đã bày tỏ lòng xót xa cho đồng bào tử nạn trước thảm cảnh của chiến tranh và anh cũng nói rằng anh em ST không thể nào làm ngơ khi thấy xác đồng bào ruột thịt mình nằm phơi xác giữa trời mưa nắng mà không có một nắm mồi, dù là sơ sài, như một sự an ủi phần nào sự đau khổ của người dân chiến nạn. Các vị đại diện tôn giáo, đại diện các đoàn thể quần chúng địa phương, đại diện quân khu II và 2 vị tỉnh trưởng Quảng Trị, Thừa Thiên hiện diện trong buổi lễ đã lên tiếng ca ngợi việc làm của anh em ST địa phương đồng thời cũng bày tỏ lòng đau xót khi thấy đồng bào bị chết thảm trên đường chạy giặc.

Sau lễ diện, văn tế và cầu nguyện tôn giáo, 128 cỗ quan tài đã được hạ xuống các huyệt đã được đào sẵn trong khu đất dành riêng tại nghĩa trang Phong Điền.

Buổi lễ mai táng đã hoàn thành hồi 11g35 ngày 1/8/72 giữa sự xúc động tận cùng của những người đưa đám.

KI

HC

☉ S/

HOA
Cổ vấn
lợi học
Xứ T
Tôn Đức
là làm b

L

KÊ

LÂ

☐ V

NAS
đại biệt
Hợp N
năm đã
còn một
201 các
chết
mai táng
Châu

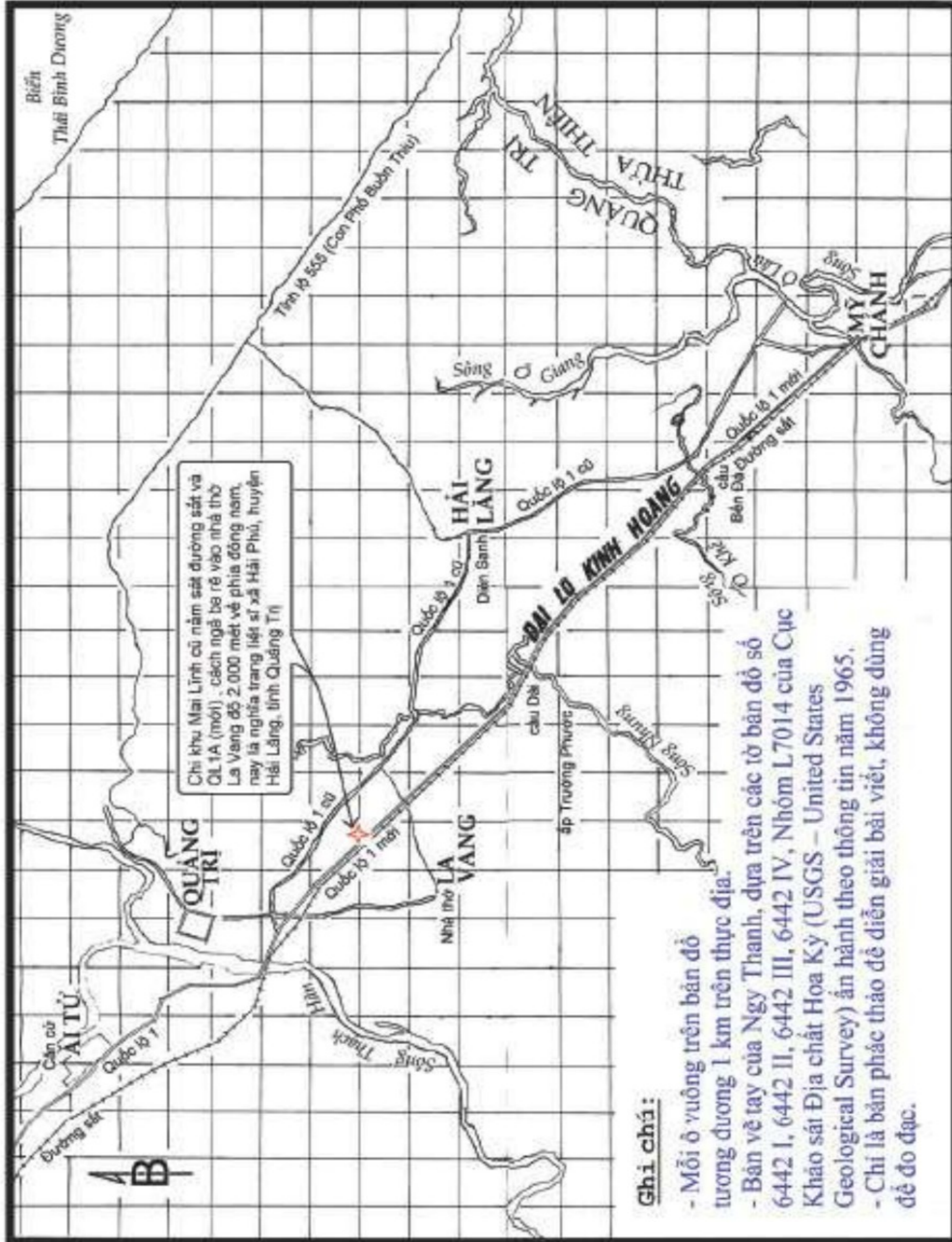
Bên t
trình đ
Châu (i
Kính n
gày ba
kính t
9 qui
Đại L
Hàn, t
Luật
và hội
làm tiết
các qui
Tây L
dự cu

Tức
hợp, t
mà hội
chấp o
đại hội
thành l
Châu.

Bài "Cảm Tạ" về việc mai táng đợt 1, các nạn nhân bị giết trên Đại Lộ Kinh Hoàng



*Bản đồ Sa Huỳnh do Nha Địa dư Quốc gia Hoa Kỳ phát hành,
với điểm cao 93 mét ở bìa phải*



Bản đồ khu vực quận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị năm 1972, do Ngy Thanh vẽ tay.

Bình (Chuồn)
Nặng) Hào

TU TRỢ THU CÓC

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Báo Sóng Thần
đề ngày phát
hành 7/09/1972

đến Bộ GD kêu gọi và vận động
trường tiểu học bắt họ đóng góp. Các
1 ngàn ngàn của trường như m. In
m cho con em mình vào học và họ
đi góp vào cho đến các trường đã
yêu cầu cho biết lý do và mục
đích của số tiền nhập học làm như
vậy.

Nhiều gia đình, nghèo không có 2
3 ngàn nộp cho nhà trường như cuối
tháng tại m. Các trường tiểu học phải
chịu cách thất học.

Được biết, theo chỉ thị của Bộ
GD, các trường tiểu học trên toàn
quốc phải thu tiền nhập học cho
học sinh.

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?

Đón ?



Tại chiến trường Kampuchea. Bạch Tuyết bị BQ/Việt
Điền châu vấn: 'Cải lương Chí hào' định bỏ nghề đi làm phóng
viên ST sao? BT đáp: 'Tại sao không, thưa các anh. Kỳ này
Tuyết dứt nghề thật mà.'

CHIẾN TRƯỜNG PHẦN KHỚP

SONG THƯƠNG

Song thương tự nhiên được mỗi người
tự phát triển và bị học làm. Thời kỳ
đi đi để nhớ. Từ đó thì phải nghe
lời kẻ khác. Với lại, cái lương
của dân đi, tài, sau khi mất
tặng bằng há lại chỉ nghĩ học
đọc từ ĐP vì thời đồng hay
sơn.
Đón ?

CHỈ TRONG VÒNG 3 NGÀY ĐAU THẮNG 9.72 GẦN 10.000 TẤN XI MĂNG XUẤT KHO THƯƠNG CẢNG

B.K.T chấp thuận 100.000 MK nhập cảng hàng hóa

SAIGON... 3/9 (VTX)Gals10000
đến và mang đến và được thông quan
xuất kho Thương Cảng Saigon trong
ba ngày đầu tháng 9.72 gần 3212
tấn được bốc dỡ trong ngày 1 và
5589 tấn bốc dỡ trong 2 ngày 2 và
3/9.
Ngày 1 và 2 có gần 7.000 tấn
hàng khác cũng đã thông quan xuất
khẩu Thương Cảng Saigon trong thời
gian nói trên trong đó có 1.000 tấn
hàng lấy ra từ các kho và 5767 tấn
hàng được bốc dỡ trực tiếp từ tàu
lên các xe vận tải. Một khác của 10
1000 tấn hàng thông quan được
bốc từ tàu để nhập kho thương cảng.
Theo tin Nhà Thương Cảng SG
cho tới 3/9 của 3307 tấn hàng của
tàu và 4479 tấn hàng của bãi thương
cảng.
Số: chưa của 13 kho và 13 bãi
trong vùng thành Thương Cảng lên
sai trên 50.000 tấn.

in văn học te

Quốc phòng
thiệt mạng
đi cư rớt ở
vị bị giết ở

NG VIÊN THAN QT YOUNG

HỒI THỨ Vi thom Thần Y

— T
phong cảnh
chàng -oi ng
mà -ông lly
Nai
chỉ m -mục
mày -hu th
— T
sua -u oit
Quá h nghĩ
— N
ma -uic mđ
cong tang vi
Thần
— T
— N
Thần
— S
ph. lam gi
Quá
— T
kháng có gi h
KHÔNG
chết thành
Thần
— T
má giông lia
Quá
— T
được thấy.
đọc ăn vào
— T
Thần
mặt mặt h
mặt người
— T
ĐƯỢC ĐƯỢC
Th
Ta
cũng có
chết. Lâm
Quá h nghĩ
— T
phái đi ra
là Thần y
lam gi dân
TK
Nghệ Đ
— T
hạ đi li ng
li với của
nhập li đi
Nai
vật xan. T
cho non ng
chàng chỉ
— T
— T

Báo Sóng Thần đề ngày 7/09/1972 đăng loạt bài phóng sự viết về tòa soạn ST cũ cô
đào Cải Lương Bạch Tuyết cùng Ngy Thanh xuống Châu Đốc,
xin trực thăng của tỉnh trưởng để bay qua thăm đơn vị Biệt Động Quân
đang hành quân trên phần đất Cambodia, ủy lạo chiến sĩ bằng tiền mặt.

Với chính quyền Sài Gòn cột cờ bị gãy là điềm gở. Cái hổi cột cờ hàng gỗ ở Biệt Điện, Đà Lạt không mới mà tự nhiên gãy nhào, lúc đó cựu hoàng Bảo Đại đang ở Pháp không về được, bà Từ cung phải tức tốc từ Huế bay vô lập đàn chay cúng vái trời đất rồi dựng cột cờ mới ngay, nhưng cũng chẳng có hiệu quả. Vài tháng sau Bảo Đại bị phế truất.

Tiểu đoàn tập trung đánh địch cơ cạm...

Tiểu đoàn không đánh địch trên đường nữa vì đã có xe tăng và bộ binh ta phục kích chờ địch.

Lệnh anh Tuệ trưng đêm đại đội 5 phải cơ động lên chiếm lĩnh trận địa mới ở Thượng Phước để bắn vào Đồng Lâm. Đại đội 5 đã đưa được 2 khẩu qua sông Thạch Hãn chiếm lĩnh trận địa và chuẩn bị xong trước sáng.

2/5/1972

Đài quan sát tiểu đoàn chuyển lên cao điểm 132, ở đây quan sát tốt.

H12 vẫn bắn vào La Vang nhưng trong đó im ắng không một bóng người, có lẽ địch đã rút.

Đọc đường số 1 hàng trăm xe ngồn ngang, địch bỏ chạy. Máy bay địch thám độc thả bom vào những đoàn xe dề phi tang, bất kể kẻ lính của chúng bị thương còn ngồn ngang. Xe cháy nghi ngút.

Xe tăng và cao xạ của ta vượt qua sông Thạch Hãn. Từ trên đài quan sát tận mắt thấy xe tăng của ta ào ạt tiến lên, tôi lại mừng tượng đến những trận đánh thiết giáp lớn trong lịch sử chiến tranh thế giới như trận đánh của con "cáo Sa mạc" Rommel

lính. Đài quan sát chỉ huy của trung đoàn đặt trên một đỉnh núi cao có tầm nhìn bao quát từ Ai Tử đến cầu Quảng Trị bắc qua sông Thạch Hãn, vào tới La Vang.

Trong hai ngày 29 và 30-4-1972, các loại pháo của ta bắn rất chính xác xuống các mục tiêu được giao. Pháo chiến dịch làm tê liệt và tiêu diệt các trận địa pháo binh địch ở Ai Tử, La Vang, liên tục bắn phá sở chỉ huy sư đoàn 3 ngày, cản cơ hậu cần và sân bay Ai Tử. Sở chỉ huy của chuẩn tướng ngày Vũ Văn Giai rơi vào tình trạng hỗn loạn, quan quân vất lại toàn bộ giấy tờ sổ sách "bỏ của chạy lấy người". Một tiểu đoàn 130mm của trung đoàn 38 được cấp thêm 700 trái đạn, chuyển sang làm nhiệm vụ chặn địch rút chạy vào phía nam theo trục đường 1 và chi viện cho bộ binh sư đoàn 304 đánh chiếm phía bắc cầu Quảng Trị.

Sáng 1-5-1972, trong lúc bộ binh qua cầu tiến vào thị xã Quảng Trị và tiếp tục truy quét địch, pháo 122mm và 130mm của trung đoàn 38 chụp lên đội hình bộ binh và cơ giới địch đang chen chúc dày đặc trên đường 1, gây cháy nổ và im ắng, tạo thành một vùng lửa đỏ và khói bụi trùm kín. Trên đoạn đường Quảng Trị-La Vang, địch rơi vào một thảm cảnh khủng khiếp. Cũng trong ngày hôm đó, sư đoàn 324 và trung đoàn 27 của Mặt trận B5 nhanh chóng làm chủ địa bàn được giao vào sát sông Mỹ Chánh tiếp giáp với Thừa Thiên. Toàn tỉnh Quảng Trị đã giải phóng.

Trương Nguyễn Tuệ

Hình chụp các trang 155 và 241 sách Mùa Hè Cháy của tác giả Quý Hải, nguyên là sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn pháo binh duy nhất của Bắc Việt tham chiến tại chiến trường Quảng Trị với pháo 130 ly - nhưng khi chúng tôi liên lạc qua email và đặt câu hỏi, thì đại tá Quý Hải chối.

THAM

SỐ 259
Giá 25 đồng
Thứ Hai
3-7-1972

CH MẠNG DÂN TỘC XÃ HỘI BÁO QUÂN 135 VU TÁNH SAIGON—ĐT. 93727-98810

THÀNH TÍCH GIẢI PHÓNG CỦA CSBV TRÊN QUỐC LỘ 1

XÁC DÂN TỶ NẠN TRO' XƯƠNG NĂM DÀI 2CS TRÊN QUỐC LỘ 1

- NHỮNG CON GÀ VÀ CHÓ HOANG SÔNG NHỜ XÁC CHẾT RỪA
- CỜ VIỆT NAM CỘNG HÒA TUNG BAY SÁT THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

MỸ CHÁNH 2.7 (ST).— Phải viên Ngự Thanh và Đoàn Kế Tường của Sóng Thần cho họ đã vượt sông Mỹ Chánh để tới một đoạn đường dài 10 cây số Đông Nam Quảng Trị gọi là "đoạn đường máu" nơi đây cho hàng triệu xác quân

xa chờ đợi báo Quảng Trị đi lần trong ngày 2.4, chấy rôm nằm la liệt, bên cạnh còn thấy những xác của đồng bào bị lính BV pháo kích chết cách đây hơn 2 tháng. Những xác này nay đã rửa trôi, chỉ còn tro xương.

Cây cầu xe lửa Bến Đá bị quân cộng nước, cầu QL1 bị sụp. Mãi từ đây sông lên sông nước.

Đoạn đường từ Mỹ Chánh trở ra trên QL1 bị bom cây nát.

Quân Đà đã được trục thăng vận công là vang Thưởng và một vị trí khác gần Ai Tề phía bắc Thạch Hãn đã làm đầu cầu cho quân VNCH tiến chốt sông và quanh Q. Trị. Quân Đà tiếp tục tiến về Quảng Trị. Trên đường Lưảng-Q. Trị có nhiều cầu gỗ cũ của ta hiện nay là các vị trí phòng kháng của BV. Phải xin Ngự Thanh nói rằng thật sự toàn quân đi chuyển bằng đường bộ mới vượt qua khỏi cầu bến đá 600 thước, Công binh được buy động để dọn dẹp đường tiến quân. Trên đoạn đường dài trên 4 cây số, xe cộ nằm la liệt, hàng bức nhau lưu luyến với các xe tăng của địch. Hàng trăm xác đồng bào đã

- NGUY THẠNH
- ĐOÀN KẾ TƯỜNG

của thời. Hàng trăm xác xe honda còn nguyên cả chìa khóa, chỉ cần gọi Xem tiếp 1 trang 1

QUA THƯƠNG THUYẾT

áp, Anh ăm Đ.Đ

tr) sắp tới tại B. Dương

này. Vấn đề thân vật Ngự thì chính cuộc viếng thăm ĐD cũng chỉ có tính các biến chính thức thêm thêm do tình hình dân chúng và nhà soạn cho 1 cao thiệp quốc tế vào các biến chuyển chính trị sắp diễn ra tại ĐD.

Trong khi đó, kàng AP thuật lại nhận định về tình hình VN của và quan sát viên chính trị và quân sự của

LẤY LÝ DO CUỘC TẤN CÔNG TT NIXON XIN ĐỂ GIA TĂNG

- ĐẶC SỨ CONNALLY
CỬ THAY THẾ Ô PORTE

HOA THỊNH ĐÓN 1.7 (UPI-AP) TT Nixon hôm thứ sáu đã nêu câu cuộc hội trợ cấp thêm một ngàn lĩn 2.25 tỷ Mỹ kim để đài thọ số chiến phí gia tăng của các hoạt động của HK tại VN gây ra bởi cuộc tấn công của BV. Số chiến phí này đã gia tăng tới 70%. ĐHầu hết số tiền trợ cấp tiền sẽ

Hàng AP nhận định về cuộc tấn công của Bắc Việt

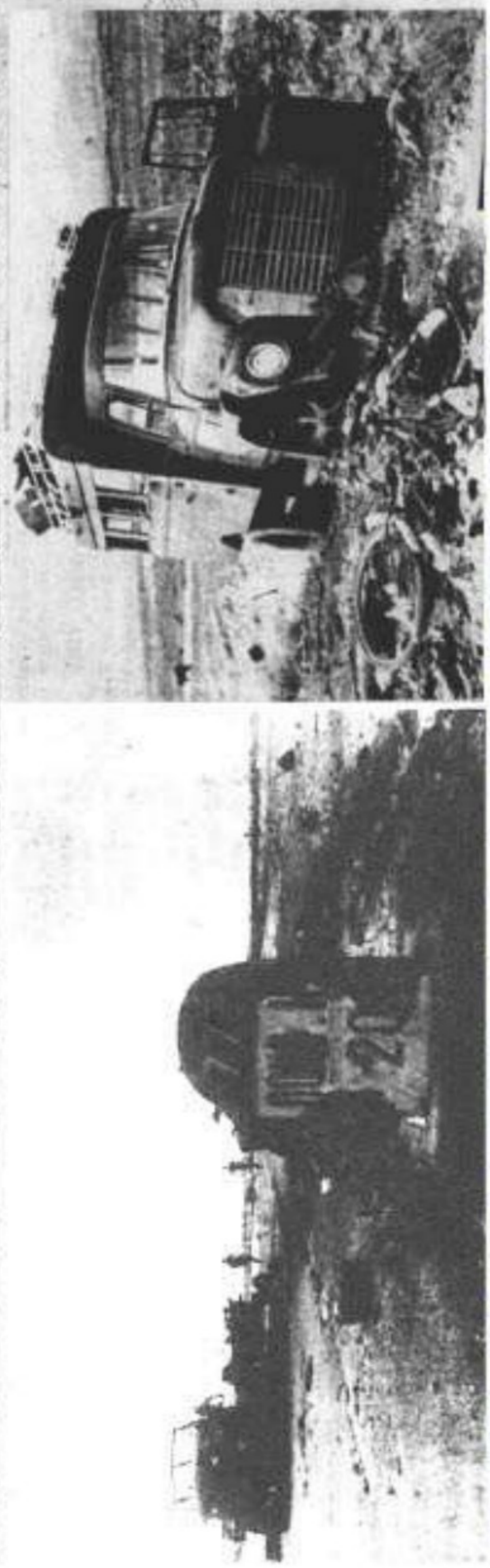
Báo Sóng Thần ngày 3-07-1972 đăng bản tin đầu tiên do Ngự Thanh và Đoàn Kế Tường ghi nhận đoạn quốc lộ 1A từ bờ bắc cầu Bến Đá dấy dẫy xác xe xác người.

SỐ 959
 Giá 25 đồng
 Phức B2
 11-7-1972

SONG THAM

SỐ BIÊN
 TU TỬ
 SỐ 8180
 NGÀY 10/7/72

IỆM, CHU BÚT TRÙNG DƯƠNG, NG. THỊ THAI CƠ QUAN VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG DÂN TỘC XÃ HỘI BAO QUẢN 135 VŨ TẠNH SAIGON —ĐT. 93727-98810



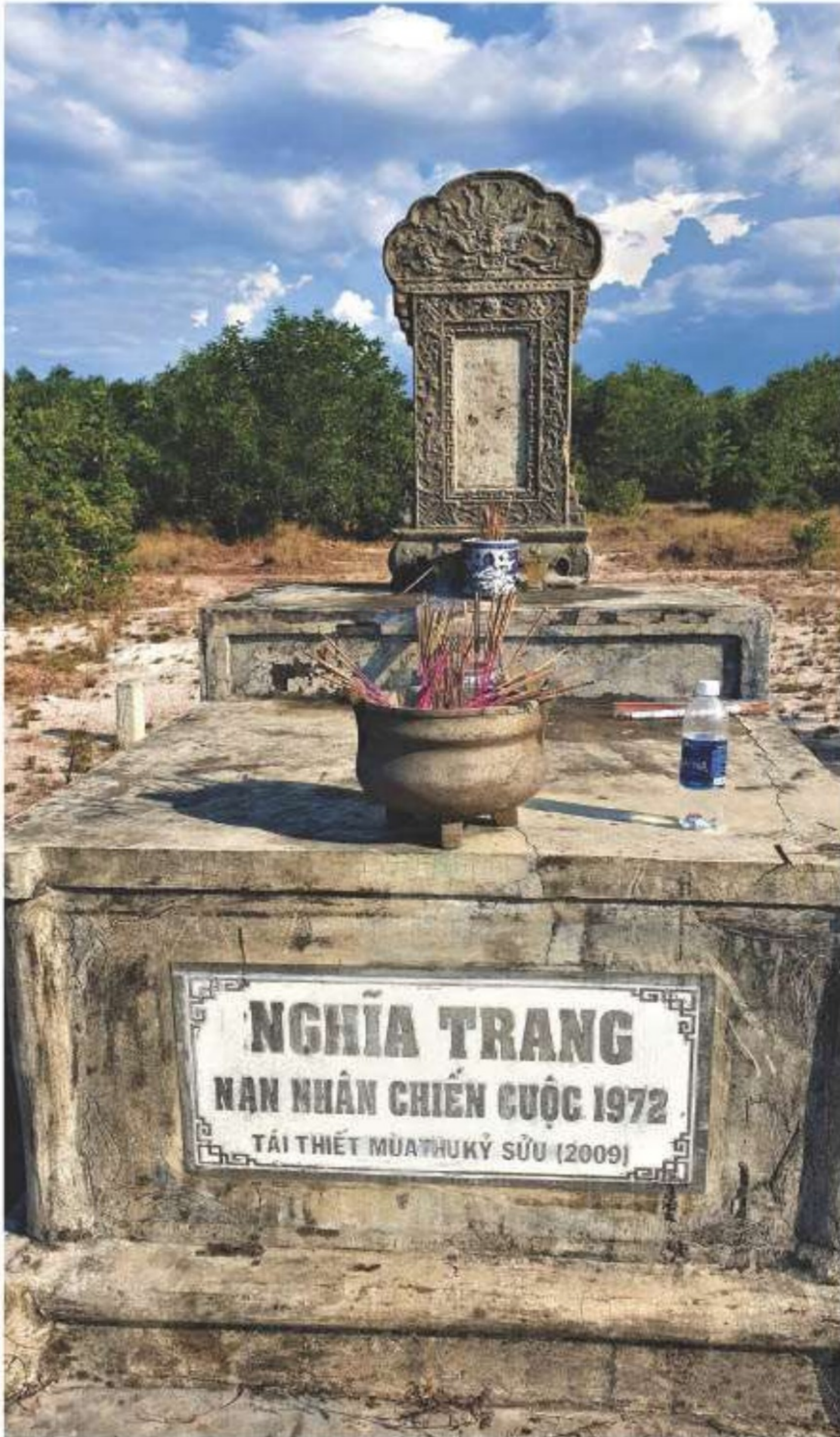
“Đại Lộ Kinh Hoàng”, ảnh do NgyThanh chụp ngày 1/07/1972, đăng trên trang 1 nhật báo Sóng Thần đề ngày 1/07/1972, hiện được bảo lưu bằng vi phim tại Viện Đại Học Cornell, thành phố Ithaca, tiểu bang New York.



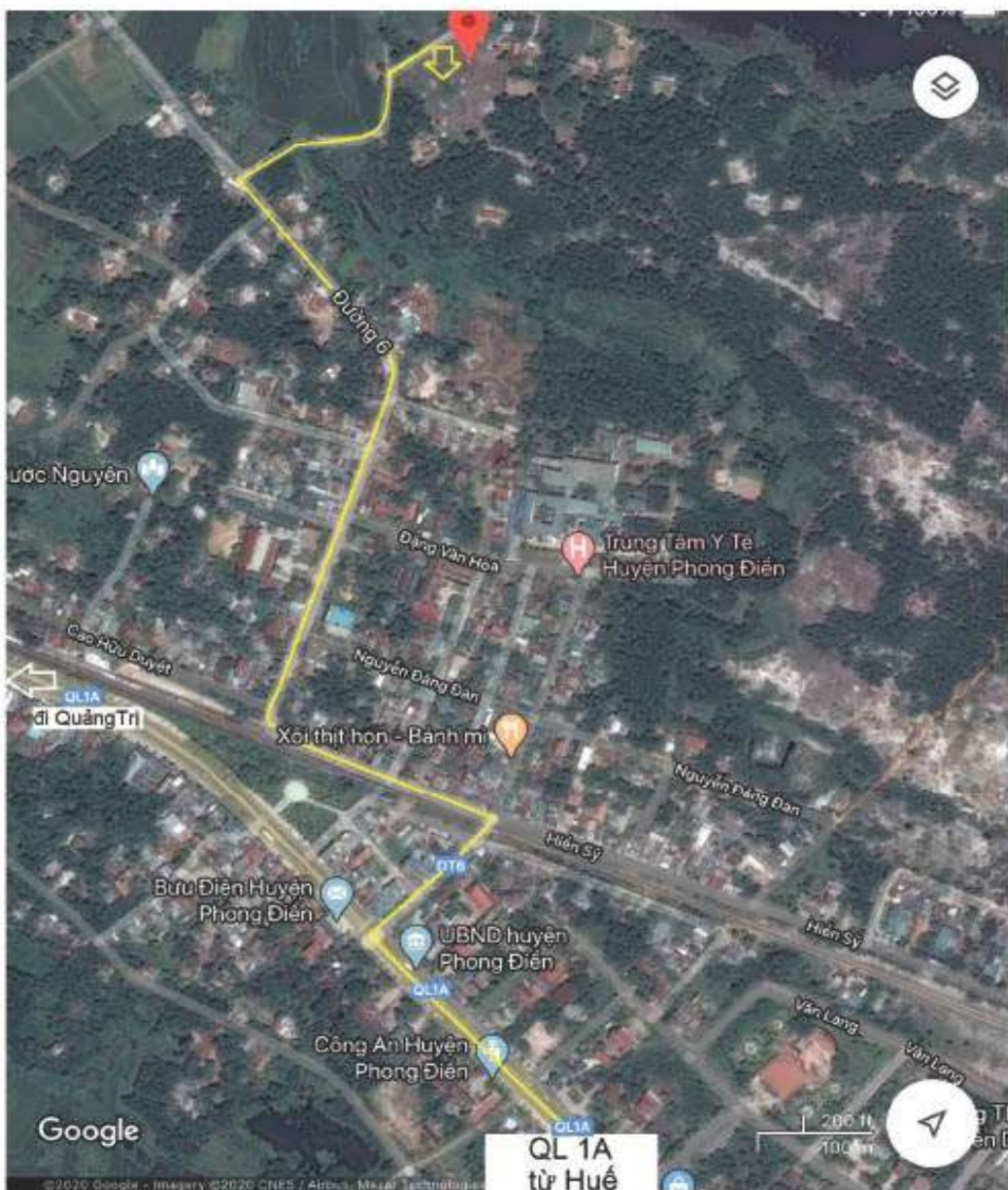
Đài Địa Tạng để thờ kính hương hồn các nạn nhân bị thảm sát trên Đại Lộ Kinh Hoàng vào cuối tháng 4 và đầu tháng 5/1972. Ảnh do Đoàn Lý bấm máy ngày 24/06/2019 ghi nhận việc chính quyền địa phương cắt khoảng sân trước của đài để xây dựng thêm con đường nhựa, làm một chân của lư hương bị gãy lìa khi di dời.



Tấm bia bằng xi măng đang được đặt tại nghĩa trang Phò Trạch, với nét chữ sắt mề viết thẳng bằng mũi nhọn lên lớp xi măng lúc mới tô còn mềm, chữ viết nông sâu ko đều, nét nguệch ngoạc và bị sắt mề nhiều chỗ mang hai dòng chữ "Nghĩa trang Đồng bào Nạn nhân Chiến cuộc Trị Thiên / Nhật báo Sóng Thần và Thân hữu..."



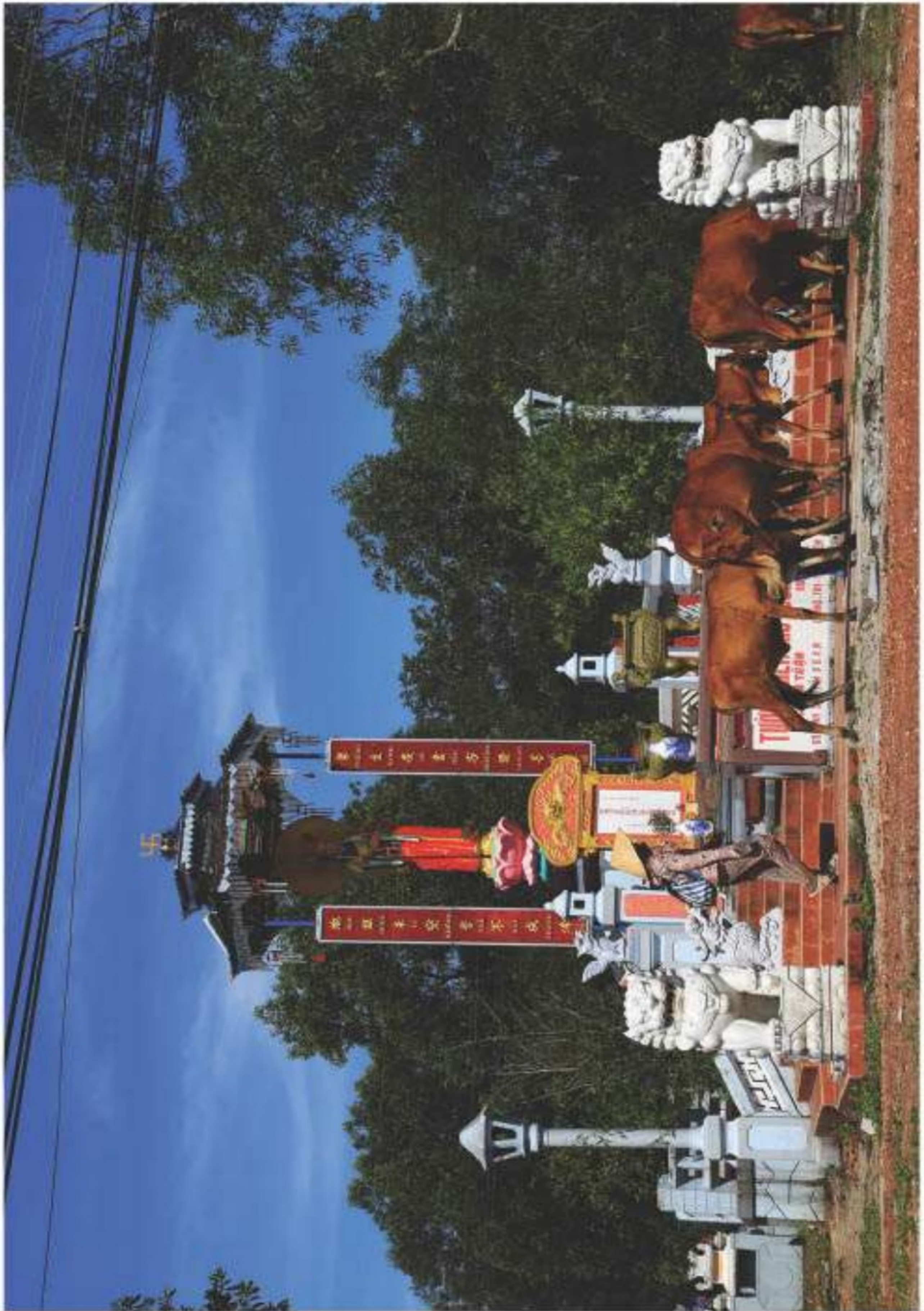
*Bên trước bệ gạch ở nghĩa trang Phò Trạch có tấm bảng ghi rõ nét
"Nghĩa trang Nạn nhân Chiến cuộc 1972 / Tái thiết mùa thu Kỷ Sửu 2009"*



Hướng dẫn đường đến nghĩa trang Phò Trạch, tính từ đường QL1A



Dân địa phương trồng cây trà và cây keo ngay cả lên mộ đã đặt vòng bi để lấn chiếm đất dùng vào việc riêng.



Đài Địa Tạng do báo Sóng Thần xây dựng năm 1973. Ảnh chụp ngày 22.06.2016

Chương 7

Đại Lộ Kinh Hoàng Tình Người Không Vơi

• *Trịnh Bình An*

“Đại Lộ Kinh Hoàng” – cái tên đã để lại trong lòng hàng triệu người Việt Nam và cả người ngoại quốc những hình ảnh ghê rợn nhất của cái chết.

Đại Lộ Kinh Hoàng chính là đây
Đoạn đường bão lửa pháo bay rầm trời...
Đại Lộ Kinh Hoàng chính là đây
Đoạn đường địa ngục: phơi thây... trùng trùng... (1)

Thế nhưng ít ai để ý chính nơi này đã thể hiện tình đồng bào và sự đoàn kết của người dân miền Nam trong những ngày khốc liệt nhất của cuộc chiến.

Giáo sư Vân Nguyễn-Marshall (2) đã tìm hiểu tinh thần cao quý này trong nghiên cứu tựa đề “*Appeasing the spirits along the ‘Highway of Horror’: Civic Life in Wartime South Vietnam*” (Xoa dịu các vong hồn trên ‘Đại Lộ Kinh Hoàng’: Cuộc Sống Người Miền Nam trong Thời Chiến), đây là một trong những tham luận đóng góp cho cuộc hội thảo “*Nation-Building in War: The Experience of Republican Vietnam, 1949-1975*” (Kiến Thiết Đất Nước trong Thời Chiến: Kinh Nghiệm của Việt Nam Cộng Hòa, 1949-1975), hai ngày 17 và 18 tháng Mười, 2016 tại đại học University of California, Berkeley.⁷⁸

Dựa trên nghiên cứu của giáo sư Vân Nguyễn, bài viết này nhằm hướng bạn đọc một góc nhìn khác về Đại Lộ Kinh Hoàng, cho thấy: Người dân miền Nam dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, dù trong hoàn cảnh chiến tranh khắc nghiệt vẫn giữ vững sức sống và tình đồng bào.

Mở đầu bài tham luận, giáo sư Vân Nguyễn viết:

“Bài viết này sẽ xem xét cuộc thăm sát dọc theo Quốc Lộ Một, xa lộ dài 10 km từng được đặt tên là Đại Lộ Kinh Hoàng (Highway of Horror). Trọng tâm chính của bài viết, tuy nhiên, sẽ hướng vào các nỗ lực nhân đạo của một nhật báo miền Nam Việt Nam, tờ Sóng Thần [Tsunami] nhằm thu lượm và chôn cất các nạn nhân của vụ thăm sát này.

Khi làm việc này, sự trình bày của tôi nhấn mạnh vai trò của các nhóm tình nguyện ở Nam Việt Nam, đặc biệt trong việc xoa dịu nỗi đau chiến tranh. Bài viết này – nằm trong một nghiên cứu lớn hơn về xã hội dân sự Nam Việt Nam - cho thấy bất chấp nhiều năm chiến tranh và những vấn đề trầm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội mà Nam Việt Nam phải đối mặt, người dân không cho phép họ biến thành nạn nhân, thay vào đó, họ tự mình hành động để giúp cải thiện tình hình”.

Hai hành động được nhắc tới ở đây là thu lượm và chôn cất xác nạn nhân trên Quốc Lộ Một, và xây dựng nhà ở cho một số đồng bào tị nạn chiến tranh. Chủ trương hai việc làm này là

(78) - Để tiện việc tra cứu của người đọc, chúng tôi xin phép tác giả Van Nguyen-Marshall để đăng nguyên văn bài tham luận của nữ tiến sĩ ở phần cuối tuyển tập này.

nhật báo Sóng Thần (1971-1975).

Về việc gom xác trên Đại Lộ Kinh Hoàng, nhà báo Ngy Thanh (3) trong bài viết “*Bảy tháng giữa xác người trên ‘Đại Lộ Kinh Hoàng’*” đã thuật lại như sau:

“*Khi mới bắt tay vào việc, chính quyền và quân đội chưa cho phép thường dân qua sông Mỹ Chánh vì vấn đề an ninh (sợ Việt Cộng trà trộn để hoạt động) và vì vấn đề an toàn (sợ đạn pháo binh Việt Cộng bắn trúng làm chết nhóm người đi lượm xác đồng loại). Vấn đề mang một nhóm thường dân vượt qua phòng tuyến quân sự Mỹ Chánh để tìm và thu nhặt xác là chuyện chưa từng xảy ra trước đây trong chiến tranh Đông Dương. Mặt khác, anh em báo Sóng Thần ngại một khi đăng lời kêu gọi xin độc giả tiếp tay đóng góp, tiền tới tay rồi mà lỡ xác đồng bào lấy về không được sẽ bị mang tiếng lừa phỉnh, nên anh Nguyễn Kinh Châu hội ý với anh em phóng viên Sóng Thần đang có mặt tại Huế, rồi vào Đà Nẵng bàn thêm với bác sĩ Phạm Văn Lương.*

Kết quả: chúng tôi quyết định thử nghiệm trước bằng cách tự lực. Anh Châu đã mang chiếc xe gắn máy Honda 68 tới xin cầm cho một thân hữu là anh Huỳnh Văn Phúc, chủ tiệm vàng Phúc Ân kiêm tổng thư ký Hội Đồng Tỉnh Thừa Thiên, lấy 50 ngàn đồng để làm vốn liếng khởi công. Ngạc nhiên thấy anh Châu cầm xe, anh Phúc hỏi dồn, nên đã biết sự thật là anh Châu cần tiền để trao cho thầy Thích Đức Tâm ở chùa Pháp Hải bên cồn Hến đóng quan tài để ra Quảng Trị lượm xác đồng bào bị pháo chết. Biết việc chúng tôi làm như thế, anh Phúc bảo anh Châu cứ mang xe về, và cho anh chị em Sóng Thần mượn 50 ngàn tiền mặt, một số tiền không nhỏ lúc bấy giờ, để khởi công.

Bên cạnh đó, anh em Sóng Thần vào Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn 1 tiếp xúc với Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương. Chỉ huy trưởng, thiếu tá Nguyễn Văn Cơ đã cho nhóm Sóng Thần 200 bao nylon loại dùng để tắm liệm quân nhân tử trận. Ngoài ra, nhóm mượn được một xe GMC của Tiểu Khu

Thừa Thiên làm phương tiện vận chuyển đoàn hốt xác và xác hốt được. Về sau khi số xác lượm được tăng lên tới con số gần hai ngàn, anh Cơ vẫn cung cấp đầy đủ để gói ghém tử thi đồng bào, đồng thời phía Tiểu Khu Thừa Thiên tăng cường cho mượn thêm một xe GMC nữa, và phía Tiểu Khu Quảng Trị cho mượn 2 GMC khác, để di chuyển xác chết.

Sóng Thần đã tiến hành hốt xác tất cả 3 đợt.

Khi chị chủ nhiệm Trưng Dương từ tòa soạn ra tham dự để ăn đạn pháo kích là đợt một. Đợt này đoàn hốt xác có 4 tổ, mỗi tổ 4 người, thu được trên 800 xác. Về sau đoàn hốt xác tăng lên thành 7 tổ. Sợ mùa mưa tới xác đồng bào bị vữa và trôi hết phần thịt, chúng tôi đã tăng gấp đôi số nhân công để rút ngắn thời gian.

Khởi đầu, thầy Đức Tâm thuê đóng và giao cho đoàn 20 quan tài để mang theo, xem thử đủ thiếu thế nào. Lên đường, anh em Sóng Thần chúng tôi chỉ dám cầu mong lượm được tới 20 xác như mong muốn của thầy Đức Tâm, vì khu vực giữa hai cầu Bến Đá và Trường Phước là đụn cát trắng không nhà cửa cây cối, hề thấy bóng người di chuyển là tiền sát viên Việt Cộng gọi pháo tầm xa từ Trường Sơn bắn xuống. Kết quả của ngày đầu thật bất ngờ với con số 96 xác. 20 xác đầu tiên được xếp vào quan tài, phần xác còn lại gói tạm vào bao nylon mang về đặt trong các phòng học của trường Mỹ Chánh.

Đạo 1968, anh Nguyễn Kinh Châu là ký giả đã theo chân đoàn người đi khai quật các hố chôn tập thể và đã có loạt hình chạy 8 cột bẻ ngang trên báo Hòa Bình tường thuật tội ác rừng rợn này. Cũng nhờ quen biết cũ từ 4 năm về trước, lần này đề xuất việc đi lượm xác, anh Châu đã quay lại Phú Thứ để tìm gặp và thuyết phục các người chuyên về di dời xác chết bốn năm trước, sau Tết Mậu Thân, để họ bằng lòng tham gia công việc nghĩa tử dưới làn đạn pháo của Sư Đoàn Pháo Bông Lau.

Đúng là Việt Cộng đã dành cho những người này những việc làm có một không hai trong lịch sử tội ác chiến tranh. Nhưng vì lãnh thổ Quảng Trị vẫn còn giao tranh và bom đạn, nên những người phu chi bằng lòng nhận lời với chi phí 1.600

đồng mỗi ngày, so với giá thuê mướn làm công nhật ở thành phố Huế lúc bấy giờ là 100 đồng/ngày, và giá vàng 1.600 đồng một chỉ. Sở dĩ giá cả cao như thế mà nhóm Sóng Thần phải chấp nhận vì khu vực “Đại Lộ Kinh Hoàng” vẫn còn rất kinh hoàng, phu hốt xác ra đó để thu lượm xác không những phải làm việc giữa điều kiện mất vệ sinh giữa những xác chết, mà còn phải đưa lưng đội đạn pháo từ Trường Sơn bắn xuống.

Nhưng người dân họ có lý của họ, nhất là khi phải đổi bát máu lấy bát cơm để nuôi thân và nuôi gia đình. Khi tới bãi xác người, những phu lượm xác này mỗi người đều mang theo một lọ mắm ruốc. Họ đã lấy ngón tay chấm mắm ruốc bôi lên mũi, dùng mùi thối của mắm để mong át đi mùi thối của xác chết, và cũng để đánh lừa khứu giác của mình.

Sau những ngày đầu vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đoàn hốt xác buổi tối về hay tập trung ở nhà từ đường của chị Tôn Nữ Mộng Nhiên ở số 100 đường Thuận An, là nơi “đóng đó” của đám phóng viên Sóng Thần trẻ Trần Tường Trình, Đoàn Kế Tường và Ngự Thanh. Nghe đám nhà báo bàn bạc chuyện lượm xác, ban đầu hai cô chủ nhà là chị Mộng Nhiên và chị Lâm góp ý. Từ từ bén chuyện, hai cô tình nguyện tham dự trò chơi với đạn pháo kích.

Thế là đoàn hốt xác có thêm hai khuôn mặt hoàng phái, đảm nhiệm việc ghi chép sổ sách và ghi số mỗi xác, cùng những giấy tờ hay di vật gì chúng tôi lấy được trên thi thể của họ. Những vật dụng và tư trang cá nhân ấy được cho vào bao nylon có ghi số trùng với số của quan tài, để về sau trả lại cho thân nhân người quá cố.

Công tác hốt xác kéo dài ròng rã tới bảy tháng mới hoàn tất!”

Tình hình tại hiện trường cam go như thế, còn ở Sài Gòn, văn phòng chính của báo Sóng Thần, thì ra sao? Nhà văn Uyên Thao (4) cho biết như sau:

Ngay đầu tháng 5/1972 đã dôn dập hàng loạt tin về người

dân bị tàn sát kinh hoàng trên đoạn đường từ phía nam Hải Lăng tới bờ bắc sông Mỹ Chánh. Đây là thời điểm người dân Quảng Trị kéo nhau chạy về Huế tị nạn khi quân Cộng Sản Bắc Việt vượt sông Bến Hải mở cuộc tấn công. Mấy ngày đầu tháng 5, khoảng đường trên nối tiếp những đám đông dắt diu bé bỏng, chen chúc nhau di chuyển bằng đủ mọi phương tiện nhưng đa số bằng chính đôi chân của họ và đã biến thành mục tiêu xả đạn của pháo binh CSBV từ vùng đồi núi phía tây.

Trong nhiều ngày, hàng chục ngàn trái pháo nối nhau trút xuống khúc đường dài khoảng 6, 7 cây số đang dôn ép cả trăm ngàn người. Không biết bao nhiêu thân xác đã bị xé nát và tiếp tục bị quăng quật nhiều lần cùng không biết bao nhiêu con người bất ngờ bị cắt đứt tay chân dẫy dựa thét gào thất thanh vô vọng giữa các cơn đau khủng khiếp... Những tin không thể kiểm chứng này lập tức trở thành mối ám ảnh hãi hùng bám riết chúng tôi, dù không ai hình dung nổi thực tế ra sao.

Gần 2 tháng sau, sáng sớm 1/7/1972, tôi mới thực sự đối diện với tấm hình đầu tiên về đoạn đường. Ba ngày trước đó, 28/6/1972, phóng viên Ngy Thanh theo đơn vị Dù rời sông Mỹ Chánh khởi sự trận đánh tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị và gửi về toà soạn những hình ảnh và tin tức đầu tiên. Dù sự việc xảy ra ở một nơi cách xa hơn 1000 cây số và còn đang bị vùi dập giữa đạn bom, tôi vẫn thấy không thể im lặng. Trong bữa ăn trưa của toà soạn, tôi đặt vấn đề với mọi người và hết thảy đều nghĩ phải làm một điều gì cụ thể cho những nạn nhân xấu số mà thân xác đã bị vứt bỏ giữa sương gió nắng mưa gần hai tháng qua.

Tuy vậy, chúng tôi chưa biết khởi sự ra sao.

Giữa lúc đang tính toán, tôi bỗng nhận được điện thoại của bác sĩ Phạm Văn Lương, văn phòng trưởng Sóng Thần Đà Nẵng. Phạm Văn Lương báo tin vừa cùng Nguyễn Quý, văn phòng trưởng Sóng Thần Quảng Trị và Nguyễn Kinh Châu, văn phòng trưởng Sóng Thần Huế đồng ý thực hiện thu gom xác nạn nhân, dù các trận đánh còn đang diễn ra khốc liệt quanh các vùng Hải Lăng, La Vang, Triệu Phong... Phạm Văn Lương

đề nghị tôi biến công việc trên thành công việc chung của tờ báo và yểm trợ phương tiện cho anh em tiến hành ngay.

Một tuần sau, tôi có mặt tại Huế và được Nguyễn Kinh Châu đưa đi quan sát thực địa. Chúng tôi qua bờ bắc sông Mỹ Chánh, tới cầu Bến Đá là khúc cuối của đoạn đường đã được mọi người gọi tên là Đại Lộ Kinh Hoàng. Tôi không còn nhận ra nổi con đường quen thuộc nhiều ngày trước vẫn cuốn hút tâm mắt tôi với bãi cát trắng phẳng lì trải rộng. Dọc hai bờ đường quanh tôi lúc này là đủ loại xác xe cộ, gông gánh, đồ đạc... và xác người. Cách nơi tôi đứng không xa là xác một con trâu gần như đã biến thành một gò đất đen thui nồng nặc mùi hôi thối. Gần xác con trâu là xác một phụ nữ khô quắt với xác đứa bé nằm úp ngang trên ngực.

Tôi bỗng nghĩ đứa bé không chết bởi đạn bom mà đã trải nhiều ngày đói khát trong tư thế ngậm chặt vú người mẹ đã chết khô cho tới lúc trút hơi thở cuối cùng. Từ cuối năm 1946, khi bắt đầu rời Hà Nội, tôi đã chứng kiến không ít cái chết kinh hoàng và tiếp tục đối diện với không biết bao nhiêu cái chết tàn khốc suốt mấy chục năm sau. Nhưng ý nghĩ về cái chết của đứa bé khiến tôi không thể dừng lâu tại đó nữa. Tôi chỉ kịp nhắc Nguyễn Kinh Châu trở về và nhắc anh tiến hành ngay công việc dự tính, không thắc mắc về mọi khoản chi phí từ thuê người lượm xác, mua sắm áo quan, lo việc an táng, xây dựng nghĩa trang, vì theo tôi, đây không chỉ là việc của riêng tờ Sóng Thần mà chính là việc chung của những người Việt Nam còn là người Việt Nam.

Ý nghĩ của tôi không xa thực tế.

Khi tờ Sóng Thần loan báo việc làm với mong mỏi bạn đọc tiếp trợ cho chi phí chỉ giới hạn trong việc mua sắm áo quan sẽ cập nhật hoá theo từng giai đoạn thì mỗi ngày tòa soạn liên tục nhận được thư ủng hộ từ khắp nước. Khi mức ủng hộ vượt khỏi dự trù của nhóm trực tiếp phụ trách công việc, Sóng Thần thông báo cùng bạn đọc là chấm dứt nhận thư hỗ trợ. Chính thông báo này đã khiến những ngày sau đó, tôi gặp nhiều nhiều trường hợp không cầm nổi nước mắt tương như

thực tế cuộc sống từng trải đã khiến cạn khô rồi, trong đó có một trường hợp mà tới nay tôi vẫn chưa quên.

Đó là một ngày tôi bỗng thấy nhân viên tòa soạn đột ngột đưa một bà cụ vào phòng tôi. Chưa kịp hỏi bà cụ cần việc gì thì bà cụ đã níu bàn tay tôi, bật nức và lên tiếng giữa những dòng nước mắt với những lời tôi còn nhớ gần nguyên vẹn như sau: “Má lạy con, con ơi. Má phải từ Cà Mau lên đây để xin con. Con hãy thương Má, đừng từ chối. Con hãy nhận số tiền này cho Má. Đây là tâm nguyện cuối đời của Má, vì Má không thể không gửi tới bà con xấu số của mình vài nén nhang. Con hãy thương Má, đừng bắt Má cầm tiền về. Má lạy con...”

Ôi, tâm tình những bà mẹ Việt Nam đáng quý biết bao!

Thuộc thế hệ lớn lên sau chiến tranh trên con đường tìm hiểu lịch sử cuộc chiến Việt Nam, giáo sư Vân Nguyễn cho biết không có nhiều tài liệu ghi nhận biến cố kinh hoàng này:

Trong khi cuộc tàn sát Mỹ Lai (1968) được phổ biến rộng rãi, tôi chỉ tìm được một số ít tài liệu về cuộc tàn sát Quảng Trị (1972), hoặc trên vài tờ báo tiếng Anh đương thời hoặc trong vài nghiên cứu chuyên môn. Mặc dù nhiều ký giả của các tờ báo hay hãng thông tin hàng đầu của Hoa Kỳ có nhắc tới cuộc tàn sát tập thể này, nhưng đa số đều chỉ nói qua loa, không hề có sự điều tra sâu rộng về tấn thảm kịch này. Với những cuốn sách viết về Trận Tấn Công Lễ Phục Sinh (Easter Offensive – tiếng Mỹ, Mùa Hè Đỏ Lửa – tiếng Việt) chỉ có vài cuốn nhắc tới cuộc thảm sát trên Quốc Lộ 1.

Tuy nhiên, chìm trong bức tranh tang thương đầy máu và nước mắt, giáo sư Vân Nguyễn cũng lúc nhận ra những điểm sáng tuyệt đẹp của tình người, tình đồng bào:

Dù nghĩa cử đầy tình người của báo Sóng Thần thật đáng quý nhưng đó không là thí dụ duy nhất về tinh thần thiện nguyện của người miền Nam trong thời chiến.

Xã hội Việt Nam, thấm nhuần đạo đức Không Giáo, Phật

Giáo và Thiên Chúa Giáo, từ lâu đã có truyền thống làm việc từ thiện và đùm bọc lẫn nhau. Trong thời Pháp thuộc, tinh thần “lá lành đùm lá rách” còn được người Pháp cho phép nhằm mục đích buộc người bản xứ phải tự cứu giúp lấy nhau thay vì trông chờ sự hỗ trợ của chính phủ thuộc địa. Tập quán này kéo dài cho đến thời kỳ sau 1954 tại Nam Việt Nam .

Nghiên cứu của tôi về đời sống xã hội của Việt Nam Cộng Hòa cho thấy những tổ chức thiện nguyện, đặc biệt những tổ chức từ thiện và tình thương, là rất nhiều. Nhiều nhóm tôn giáo, thanh niên, phụ nữ được thành lập nhằm giúp đỡ lâu dài người nghèo và các cô nhi. Ngoài ra, còn có những tổ chức tình nguyện với các chương trình cấp cứu nạn nhân chiến tranh hay thiên tai.

Nhật báo Sóng Thần là một trong những tổ chức thiện nguyện kể trên. Trước khi xảy ra thảm kịch Đại Lộ Kinh Hoàng, Sóng Thần đã thực hiện chương trình xây dựng nhà ở cho người nghèo. Chương trình này có tên “*Sóng Một Mái Nhà*”.

Uyên Thao kể lại công cuộc dựng nhà từ thiện này như sau:

Động cơ thúc đẩy hình thành tờ Sóng Thần không chỉ gói gọn trong mục tiêu có một cơ sở thông tin thuần túy mà là tạo phương tiện để mọi người cùng đóng công góp sức vào đời sống xã hội. Do đó, ngày 25/9/1971, Sóng Thần mới phát hành số ra mắt, nhưng nhiều ngày trước đó, nhóm chủ trương đã nghĩ tới các công tác xã hội cấp thiết do thực tế gợi nhắc hoặc do chính một số thành viên nhóm chủ trương đang theo đuổi. Cụ thể là nhóm chủ trương đã gây xong quỹ học bổng dành cho trẻ em nghèo đang cần phương tiện tiếp tục tới trường và tích cực hỗ trợ dự án Quảng Ngãi Nghĩa Thục mà thành viên Nguyễn Liệu đang cùng bạn bè thực hiện. (5)

Khoảng hai tháng sau khi tờ báo ra mắt, cuộc sống đầu đường góc chợ của những nạn nhân chiến nạn phải rời bỏ xóm làng để chịu cảnh màn trời chiếu đất trên khắp các ngã đường Sài Gòn đã trở thành vấn đề cần giải quyết và chương trình

Sống Một Mái Nhà lập tức được đề ra với 4 công việc cụ thể. Trước hết, gửi người đi khắp các ngõ ngách, trực tiếp gặp gỡ, tìm hiểu mong muốn của những nạn nhân. Kế tiếp, liên lạc với các cấp bộ chính quyền thành phố xin xử dụng các khu đất bỏ trống và giấy phép cất dựng nhà. Thứ ba, tìm gặp mọi tổ chức từ thiện, xã hội, tôn giáo, các cơ sở kinh doanh cùng các cá nhân hảo tâm ... xin giúp đỡ phương tiện được nêu rõ như tôn, gô, gạch, ngói, xi-măng... Cuối cùng là việc cất dựng nhà được ấn định phải hoàn tất với tốc độ tối đa chỉ trong hai ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật hàng tuần.

Tờ báo chịu mọi chi phí cần thiết cho hoạt động và cả chi phí về vật liệu nếu không quyền góp được đầy đủ. Rất may, công việc đã được sự hưởng ứng của khá đông anh chị em sinh viên thuộc nhiều trường đại học ở Sài Gòn. Các sinh viên không chỉ đóng vai thợ mộc, thợ hồ hoặc phu khuân vác trong hai ngày cuối tuần mà còn thực hiện cả 3 phần việc tìm hiểu ý nguyện nạn nhân, liên lạc với chính quyền và vận động các giới hảo tâm. Bắt đầu từ tháng 5/1972 tới ngày cuối của tờ báo là cuối năm 1974, tôi được báo cáo đã hoàn thành cất dựng hơn 200 căn nhà tại Sài Gòn tức đã giúp được hơn 200 gia đình có một mái ấm tạm thời lớn nhất cũng chỉ khoảng 30 thước vuông. Từ đầu năm 1974, chương trình đã được một số văn phòng Sống Thần địa phương tại Qui Nhơn, Nha Trang, Phú Yên, Ban Mê Thuột, Pleiku, Châu Đốc hưởng ứng để mở rộng trên khắp nước... Tuy nhiên tôi không nắm chắc các địa phương trên tiến hành ra sao và cũng không nắm chắc con số cụ thể cuối cùng tại Sài Gòn là bao nhiêu căn nhà đã được cất dựng.

Chuyện đã hoàn toàn chìm vào quên lãng, kể cả ngay lúc này nếu muốn tìm hiểu tôi cũng bó tay. Lý do đơn giản là người trực tiếp phụ trách chương trình, sinh viên Vũ Ngọc Long không còn nữa. Vũ Ngọc Long là nhân viên tòa báo và cũng là sinh viên trường đại học Vạn Hạnh được tôi trao cho công việc trên từ đầu năm 1972. Nhưng khi tôi còn đang bị quản chế ở Sài Gòn thì Vũ Ngọc Long đã qua đời tại Đức trong một tai nạn xe cộ dường như vào thập niên 1990.

Hai chương trình “Sống Một Mái Nhà” – dựng nhà cho

người sống – và “Chết Một Năm Mò” – đắp mộ cho người chết – tuy đều do thờ Sóng Thần chủ trương nhưng có thể nói đều chính từ tinh thần yêu nước thương nòi của người dân Việt từ bao đời: Dù trong chiến tranh với muôn vàn khó khăn bất ổn, tình thương giữa người và người vẫn không rời cạn.

Điều này có được một phần nhờ vào chính thể Cộng Hòa của Nam Việt Nam, nơi con người được hưởng các quyền tự do căn bản, mà tự do lập hội là một, và nhà nước không tìm cách quản lý mọi ngõ ngách đời sống người dân.

Giáo sư Vân Nguyễn kết luận:

Bất chấp hàng chục năm chiến tranh và khó khăn, người dân Việt đã không để họ trở thành mất niềm tin, cay độc, hay ích kỷ. Tức nhiên có một số người đã tuyệt vọng, và cũng có không ít những vấn đề khác như tham nhũng, thế nhưng, Nam Việt Nam vẫn là một xã hội đa dạng, kiên cường và đầy sức sống.

“Sống Một Mái Nhà – Chết Một Năm Mò” hay “Người sống phải được săn sóc – Người chết phải được tôn trọng”, đó chính là điều mà Việt Nam Cộng Hòa dù chỉ vồn vẹn trong 20 năm đã kiến tạo được.

Nhưng than ôi, mọi nỗ lực đều bị ngưng lại bởi cái ngày đen tối nhất của đất nước: 30.4.75!

Cùng với hàng trăm nghĩa trang trên khắp miền Nam, nghĩa trang chôn xác người trên Đại Lộ Kinh Hoàng đã bị cộng sản san bằng.

Nguy Thanh viết:

Trước mắt tôi, chỉ có sự biến mất của nghĩa trang nạn nhân Đại Lộ Kinh Hoàng khi hai người bạn của tôi, từ Sài Gòn và từ Huế, phối hợp nhau để cùng ra Hội Kỳ hôm 22/06/2016 dẫm nát, tìm nơi chôn 1841 xác, nhưng toàn bộ đã bị xóa sổ!

Giờ đây, khi thấp nén hương tưởng nhớ những cái chết oan khốc của Đại Lộ Kinh Hoàng, xin cũng hãy nghĩ tới tấm chân tình của người dân Nam Việt Nam thời ly loạn luôn sẵn

sàng nhường cơm xẻ áo cho nhau.

Trong vô vàn đau thương,
mà sao,
tình người không vơi!

Đưa người qua Dãy Phố Buồn Hiu
Xin để con tim ra ngoài lồng ngực
Và nói cho mọi người hãy biết yêu nhau
Hãy biết yêu nhau hỡi Việt Nam đồng bào tất cả
Đừng biến Việt Nam thành Dãy Phố Buồn Hiu
Đừng để Việt Nam thành quê hương điêu tàn (6)

Trịnh Bình An

(Những ngày cuối năm 2016)

Chú thích:

(1) Trích “Đại Lộ Kinh Hoàng” thơ Nguyễn Minh Thanh.

(2) Vân Nguyễn Marshall: Giáo sư Sử học, phân khoa Sử, đại học Trent University, Canada. Một số nghiên cứu tiêu biểu: “*Student Activism in Time of War Youth in the Republic of Vietnam, 1960s–1970s*”, “*The Associational Life of the Vietnamese Middle Class in Saigon (1950s-1970s)*”.

(3) Ngy Thanh: Thông tin viên nhật báo Sóng Thần (Sài Gòn) trước 1975.

(4) Uyên Thao: Tổng thư ký nhật báo Sóng Thần (Sài Gòn). Hiện là chủ biên nhà xuất bản Tủ Sách Tiếng Quê Hương (Virginia, USA).

(5) Đọc thêm thông tin về ngôi trường miễn phí Quảng Ngãi Nghĩa Thục trên trang báo điện tử: “nghiathuc.wordpress.com”

(6) Trích “Đưa Người Qua Dãy Phố Buồn Hiu” ca khúc Huyền Anh.



Phần III

PHẦN III

Trả lời người đọc Đoàn Lý về những điều nhà văn Trần Thy Vân viết về Đại Lộ Kinh Hoàng trong cuốn *Anh Hùng Bạt Mạng*, và thư từ trao đổi với đại tá nhà văn Nguyễn Quý Hải, tác giả cuốn “*Mùa Hè Cháy*”.

Chương 1

“Đại Lộ Kinh Hoàng” dưới góc nhìn của một sĩ quan VNCH

Từ ngày Tạ Quang Bửu, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đặt bút ký Hiệp định Geneve tại Thụy Sĩ, Hà Nội vẫn tiếp tục tiến hành các hành động thù địch và chiến sự tại phía nam vĩ tuyến 17. Bộ đội miền bắc xâm nhập vào miền nam được ngụy tạo thành “quân và dân miền nam”, sống cũng như chết. Ngày 15/02/1961, họ ngụy tạo ra “Quân Giải phóng Miền Nam” do Trung ương cục miền Nam lãnh đạo, để che giấu việc vi phạm Hiệp định Geneve – cho đến khi cướp được miền nam năm 1975, mới công khai khẳng định Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, cũng như các mặt trận trước đó và sau này là các tổ chức chính trị - xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra. Tuy nhiên, ngày 30/03/1972 là ngày mà Hà Nội công khai xua quân qua vĩ tuyến 17, nằm cách QL9 từ Đông Hà đi Lao Bảo khoảng 10km về phía bắc.

Những vấn đề mà thế hệ chào đời sau ngày 30/03/1972⁷⁹ đặt ra xoay quanh vụ thảm sát trên đoạn QL1 thuộc lãnh thổ xã Hải Trường, quận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị – được gọi bằng tên “Đại Lộ Kinh Hoàng”, được một người trẻ viết thư đặt câu hỏi với tôi, sau như sau:

1. Phía nào đã nã pháo vào đoàn người? Pháo binh miền Bắc từ trên dãy Trường Sơn nhằm lẫn giữa thường dân chạy loạn với binh lính rút chạy từ Quảng Trị về Huế, hay cùng với đạn pháo của Bắc quân, có cả đạn pháo của hải quân VNCH ở ngoài khơi Mỹ Thủy như trong hồi ký của một tác giả miền Nam?

2. Trong chương sách viết về “Đại Lộ Kinh Hoàng”, lần tái bản thứ tư tác phẩm “Anh Hùng Bạt Mạng”, của sĩ quan miền Nam ấy, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần mà không tự giải thích được một số vấn đề như hải pháo của VNCH bắn lên đoàn người chạy loạn, và, thái độ đáng lên án của phóng viên chiến trường phía VNCH.

Tác giả Trần Thy Vân viết:

(a) “Đại Lộ Kinh Hoàng! Một cụm từ nghe rất kêu của một nhà báo ngoại quốc viết theo quán tính...”

(b) “Dưới cơn mưa pháo dữ dội của địch quân, biết đồng bào và đoàn quân bại trận thê thảm ấy không thể nào vượt qua được khúc sông sâu đầy xác giặc...”

(c) “Khi tới mé biển tôi cho quẹo phải về Nam. Vẫn chưa yên thân, đoạn đường này lại bị đại bác Hải Quân của ta ngoài khơi nã vào làm chết thêm một số nữa. Các quả đạn cực mạnh nổ tung lên giữa nhiều đám người khiến quân với dân như cát với bụi. Thì ra ông hạm trưởng nào đó đã không nắm vững tình hình ở đất liền, hoặc vì “tàu lặc lư làm sao viết

(79) - Ngày Võ Nguyên Giáp ra lệnh khai hỏa và vượt qua sông Bến Hải, công khai nhìn nhận việc vi phạm hiệp định Geneve 1954.

thư tình”, nên buồn bản sàng để mai một về “cấp bên” kể em nghe anh vừa chơi một trận hải chiến đầy... tưởng tượng trên sóng nước Trị Thiên”.

(d) “Để tránh đạn của các ông hạm, Đại đội (1/21 BĐQ của tác giả) tiếp tục dẫn đầu cả trăm ngàn quân lẫn dân ép vào trong, đi dọc theo quốc lộ số 1 cũ, xuyên qua trung tâm quận Hải Lăng, rồi dừng lại bên bờ sông Mỹ Chánh...”

(e) “Những sự thật ấy chẳng nghe ai kể, ngay cả chuyện Quách Ân, Quách Thương nào ai biết! Ai là ai? Là phường giả áo túi com, vinh thân phì gia, sống trên xương máu của các chiến sĩ, còn đối xử tệ với binh chủng anh hùng Biệt Động Quân. Đa số các phóng viên, nhà báo quân đội cứ đi mây về gió. Mỗi lần viết phóng sự chiến trường, họ hay đến các đại đơn vị hào nháng và chỉ tường thuật cặn kẽ các trận nào thuộc binh chủng gà nhà thôi. Họ tả nghe cũng khiếp, cơ mưu chiến thuật cùng tài điều quân khiến tướng thần sầu quý khóc, còn hơn cả Khổng Minh Gia Cát Lượng”.

3. Tại sao việc hốt xác đồng bào chiến nạn và tử sĩ VNCH không do phía chính quyền tỉnh Quảng Trị lúc bấy giờ đảm trách mà lại do toà soạn báo Sóng Thần quyền tiền, lượm xác và mai táng? Quá trình quyền tiền, hốt xác và mai táng diễn ra như thế nào?

4. Nghĩa trang đồng bào chiến nạn này được báo Sóng Thần xây dựng ở vị trí nào trên bản đồ khi đó và hiện nay? Cách Đài Địa Tạng về phía Nam hay phía Bắc? Thuộc về địa giới tỉnh Quảng Trị hay Thừa Thiên? Một nghĩa trang rộng lớn từng hiện hữu (với 1.841 ngôi mộ thì không thể là một vuông đất nhỏ), vậy tại sao nó lại mất hoàn toàn dấu tích, không còn dù chỉ một ngôi mộ? Giả dụ, nắng mưa vùng cát có thể san bằng tất cả, thì không lẽ trong gần 2.000 bộ hài cốt, lại không hề còn một manh mối nào cho thấy sự tồn tại của mình?

5. Có hay không sự di dời nghĩa trang? Nếu di dời thì sẽ chuyển từng đó bộ hài cốt đi đâu? Ai là người chịu trách nhiệm di dời? Tại sao phải di dời? Di dời một số lượng lớn ngôi mộ như vậy, ắt hẳn là sự kiện xã hội lớn, gây xúc động mạnh với người dân đang sống ở chính vùng bom đạn khi xưa, mà sao người dân sống ở đó không hề biết?

Các câu hỏi hóc búa như thế trong suy nghĩ của tôi như cột thép của nhà cửa thành phố Quảng Trị còn sót lại sau bom đạn ác liệt của cả 2 phe, chưa ai giải thích giùm một cách đầy đủ, bài bản, dù người chứng có thể chủ quan vì đã hiện diện ở hồ cá nhân của chỉ một bên giao tranh.

Tôi cho rằng hoài nghi của thế hệ chào đời sau biến cố lịch sử như bản thân tôi là chính đáng – một hoài nghi được tác giả Nguyễn Thanh Việt khẳng định trong cuốn *“Không gì có thể chết”*: “Mọi trận đánh đều được chiến đấu những hai lần, lần đầu tại chiến trường, lần sau trong ký ức.”

Lần gần đây nhất tôi trở lại Đại Lộ Kinh Hoàng là ngày 24/6/2019. Tôi đã lội bộ vào một số nhà dân sống ngay dưới chân cầu Bến Đá, ngõ hầu tìm hiểu được chút gì đó. Rất may, tôi đã gặp được 2 người, một già một trẻ.

Nhà của cháu Tâm ngay dưới chân con dốc phía bắc dưới chân cầu Bến Đá. Ngôi nhà cấp 4 đơn sơ nhưng sạch sẽ. Trên vách nhà treo ảnh những người trong gia đình, trên cùng là tấm hình Hồ Chủ tịch ngồi trên ghế mây, tay cầm điếu thuốc lá và làm việc. Tấm giấy khen “Học sinh tiên tiến” dán ở mặt kính chiếc tủ buýp-phê kê chính giữa nhà. Khi tôi nói tôi từ ngoài Bắc vào tìm người thân mất tích ở Quảng Trị năm 72, và hỏi về đoạn đường có nhiều người chết gần đây, cậu bé nói, “Đó là Đại Lộ Kinh Hoàng, cách đây không xa, bên đường kia”. Cháu chỉ cho tôi Đài Địa Tạng, và nói đó là miếu thờ và là nơi chôn người chết. Tâm chỉ cho tôi sang nhà bà nội. Bà đã 86

tuổi. Cửa đóng. Tôi tìm tới một căn nhà nhỏ trong xóm, vì theo suy nghiệm, nhà nhỏ và cũ thường là của người già. Bà cụ khi nghe mục đích chuyến đi của tôi, đã vui vẻ mời vào nhà. Năm nay bà 80 tuổi, tên là Lợi. Năm 72 bà 38. Hồi đó, bà chạy loạn vào Huế, tới năm 75 mới trở về. Bà chạy qua lối Mỹ Thủy như đoàn người được Trần Thy Vân mô tả chứ không qua Đại Lộ Kinh Hoàng. Chồng bà là nghĩa quân đã qua đời năm 30 tuổi, vì bị “người ta” phục kích giết chết. Bà biết Đại Lộ Kinh Hoàng là đoạn đường người chết nhiều lắm, hỏi mộ của những người chết hiện chôn ở đâu thì bà cũng chỉ tới Đài Địa Tạng. Hỏi tiếp vậy bây giờ còn nhiều người biết chuyện này không thì bà nói có, người già biết thôi chứ trẻ thì không vì hồi đó chẳng ai không phải chạy loạn. Như vậy, với quãng thời gian nửa thế kỷ, ngay cả người trẻ lẫn người già địa phương trên vùng đất dẫm máu cũng chỉ nhắc về quãng đường này với một hiểu biết sơ sài, chung chung – thậm chí ước đoán sai lạc.

Nói gì thì nói, người chết cũng đã chết, cho dù đã dầm dãi nắng mưa thì cũng đã được các người làm báo tâm liệm, chôn cất tử tế. Nhưng rốt cuộc, nằm xuống, mồ yên mà đẹp mà rồi họ nào có được yên. Họ đã đi đâu, gần 2.000 oan hồn hoang lạnh? Tới đây, tôi lại nhớ tới lời người bạn vong niên, một người dân Huế, du học tại đại học Fulbright, sau biến cố 1975 đã định cư lại nước Mỹ, tự nhận mình: “Đối với mẹ Việt Nam, chú coi mình như con đứt tao nôi” nhưng vẫn day dứt khi nghĩ về đất mẹ: “Cả dân tộc ta rất đáng thương, chúng ta cần tránh đi từ một cuộc nội chiến nóng sang một cuộc nội chiến lạnh”.

Vâng. Đặt những câu nghi và vấn trên, không phải để nhằm khơi lên một cuộc nội chiến lạnh trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Nhưng muốn xoá bỏ tất cả những hận thù, chia rẽ, không phải là chuyển giao tội ác cho đối phương, không phải là xóa tận cùng dấu vết, cũng không phải chôn vùi sự thật trong im lặng và thời gian, mà không gì khác là phải tôn trọng sự thật lịch sử, có biết đúng mới hiểu đúng, mới có

thẻ nhìn nhau bằng đôi mắt đồng bào, để ngòi lại cùng nhau, băng bó, thuốc thang những vết thương một thời với lòng cảm thông, bao dung, thành tâm. Bằng không, một mặt, sự thật, tội ác sẽ bị chôn vùi, mặt kia, vết thương sẽ mãi không bao giờ lành với những thân nhân đồng bào chiến nạn, với những nhân chứng của mùa hè đỏ lửa 1972 và với những người đang đào bới lịch sử. Cả hai điều đó đều bất công, với người chết và cả người đang còn sống. Thẻ chế là hữu hạn. Nhưng con đường lịch sử là vô cùng. Một mai, hậu thế không còn khái niệm bên thắng bên thua, cũng như chúng ta hiện tại nhìn nội chiến Đàng Trong - Đàng Ngoài, cuộc nội chiến của ông cha ta, đều là tộc người máu đỏ da vàng “Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long”. Nên, mọi điều cần được ghi lại, không có sự thật nào quá nhỏ bé để có thể bôi xóa, không có ai tầm thường quá để bị lãng quên. Cần để cho hậu thế hiểu rằng, có một thời, người Việt đã sống và đã chết tang thương thế nào, đừng khiến bi kịch nghi kỵ thêm một lần lặp lại.

Đoàn Lý
Ngày đầu năm 2020

o

Phân trích từ chương “*Sa Huỳnh Biền lừ*” trong truyện dài “*Anh Hùng Bạt Mạng*” của Trần Thy Vân, từ trang 117 đến trang 120, lần tái bản thứ tư, tháng 7/2010, cùng với phần tôi trả lời các câu hỏi của Đoàn Lý về tác giả và tác phẩm “*Anh Hùng Bạt Mạng*”.

Đại Lộ Kinh Hoàng⁸⁰

Một lần, vào mấy ngày tinh Quảng Trị sắp thất thủ mùa hè 1972, mặt trận tây nam La Vang trở nên ác liệt, Tiểu đoàn 21 BĐQ bị Sư đoàn 304 CSBV vây đánh te tua. Biệt phòng tuyến Đại đội 2 mình thế nào cũng vỡ, Trung úy Ân chạy vào BCH Tiểu đoàn kêu lớn:

— Anh Thương! lính chết nhiều rồi, cho rút lui ngay! Việt Cộng đông lắm!...

Nghe tiếng Ân nói như muốn chủ bại, Thiếu tá Thương tức giận, từ dưới hố cá nhân nhảy vọt lên rồi vừa đưa tay chỉ ngay mặt người em vừa quát to:

— Mi rút mi chết với tao! Ra chi huy, mau!

Ân lật đật quay lui, có vẻ khiếp sợ ông anh hơn địch. Sau đó, Cộng quân lăn xả vào như kiến, dù chúng đã hết chết lớp này sang lớp khác. Đại đội tôi ké bên trái Ân, cả hai tiếp tục chống trả. Lúc ấy đang cận chiến, không thể dùng máy truyền tin để điều động kịp nữa, tôi cũng như Ân chỉ còn hét lên và cùng lính vừa bắn vừa đóc lựu đạn kháng cự một cách tuyệt vọng. Địch liền phối hợp hỏa lực, từ phía tây trút xuống một trận pháo phủ đầu, bất kể quân của chúng vẫn còn nắm sát vị trí Biệt Động, rồi với chiến thuật biến người cố hữu, địch xung phong tràn ngập như nước vỡ bờ.

BCH Liên đoàn hay tin vội cho lệnh Tiểu đoàn rút ngay về đồi 34, gần nhà thờ La Vang, nắm thủ để bảo toàn lực lượng.

Trong khi đó, các phòng tuyến chiến đấu ở mạn bắc Quảng Trị đều tan vỡ. Các binh lính rã ngũ quá hỗn độn, chạy ào vào hướng Huế, lôi cuốn toàn quân toàn dân địa phương bỏ nhà, bỏ đơn vị triệt thoái khỏi tỉnh địa đầu một cách rối loạn tạo ra lăm

(80) - Tựa đề này do tôi – Ngy Thanh – chọn cho phân trích đoạn này.

cảnh chết chóc không thể nào kể xiết, như lá rụng mùa thu. Nơi khủng khiếp nhất, biết bao kẻ mất đầu, người lòi ruột nằm ngổ ngang, chồng chất lên nhau trên xe dưới đất, là một đoạn đường ngắn vài cây số của Quốc lộ 1, trước căn cứ BCH Chi khu Mai Lĩnh, phía nam thành phố tang thương ấy, mà về sau người ta gọi là “Đại Lộ Kinh Hoàng”.

Đại Lộ Kinh Hoàng! Một cụm từ nghe rất kêu của một nhà báo ngoại quốc viết theo quán tính. Nhưng ít ai hiểu tại sao kinh hoàng. Chắc họ thấy chết nhiều? Thôi, cứ hiểu đơn giản đó là một cõi chết, cõi chết đặc biệt không có thú vật dự phần vì chung quanh đều đồng trống, chỉ dành riêng cho người, từ thường dân, nam lẫn nữ, trẻ sơ sinh với kẻ già cả, đến đủ mặt các quân binh chủng hùng mạnh nhất lúc bấy giờ...

Khi triệt thoái, người và xe cộ chen chúc nhau vào Huế. Địch thâm hiểm đẩy Đại đội C7 thuộc Sư đoàn 304 Cộng Sản BV, chiếm cầu Bến Đá ở mạn nam thành phố Quảng Trị để chặn đường. Lúc ấy, quân số Tiểu đoàn 21 tuy sút giảm, nhưng khả năng chiến đấu và hệ thống chỉ huy còn vững chắc, vừa từ La Vang về nằm thù trong căn cứ Chi khu Mai Lĩnh. Thấy đồng bào bị dồn đống ngoài quốc lộ, Thiếu tá Thương vội kéo đơn vị ra, một mặt bảo tôi tức tốc dẫn Đại đội tới đánh C7 để mở đường. Sau vài tiếng đồng hồ quân thảo địch quân tan rã, chết còn 9 tên. Trước khi bỏ chạy, Thiếu úy Nguyễn Văn Đường, Đại đội trưởng C7, cho giật mình sập cây cầu định mệnh Bến Đá. Tiếp theo, các khẩu đại bác, 82 đến 130ly của Cộng quân đã áp sát tứ bề đua nhau rót đạn vào như mưa bắc. Một rừng người đu thành phần đang đụn lại dài hai cây số, họ gào thét, giãy giụa giữa biển lửa, lớp nát thây vì đạn pháo kẻ thù, lớp xếp lếp do các xe GMC, Jeep, cùng các sợi xích thiết giáp của Quân Lực VNCH quay cuồng nghiền lên để giành đường thoát thân. Bi thảm nhất, hàng ngàn thương bệnh nhân, từ các bệnh viện thành phố Quảng Trị di tản, đang nằm ngất ngưỡng trên các xe. Họ không chết hết ngay tại chỗ, cũng tắt thở dần mòn sau khi bị bỏ lại bên kia cây cầu đã gãy.

Dưới cơn mưa pháo dữ dội của địch quân, biết đồng bào và đoàn quân bại trận thê thảm ấy không thể nào vượt qua được

khúc sông sâu đầy xác giặc, đề ra khỏi “Đại Lộ Kinh Hoàng”, tôi cố xin lệnh Thiếu tá Quách Thương mở đường mới dẫn tất cả đăm thẳng hướng Đông. Lúc băng qua cánh đồng ruộng nước, Việt Cộng pháo theo, thấy người rơi là tả dưới sinh lầy. Khi tới mé biển tôi cho quẹo phải về Nam. Vẫn chưa yên thân, đoạn đường này lại bị đại bác Hải Quân của ta ngoài khơi nã vào làm chết thêm một số nữa. Các quả đạn cực mạnh nổ tung lên giữa nhiều đăm người khiến quân với dân như cát với bụi. Thì ra ông hạm trưởng nào đó đã không nắm vững tình hình ở đất liền, hoặc vì “tàu lắc lư làm sao viết thư tình”, nên buồn bấn sáng đề mai một về “cấp bến” kể em nghe anh vừa chơi một trận hải chiến đầy... tưởng tượng trên sóng nước Trị Thiên.

Để tránh đạn của các ông hạm, Đại đội tiếp tục dẫn đầu cả trăm ngàn quân lẫn dân ép vô trong, đi dọc theo quốc lộ số 1 cũ, xuyên qua trung tâm quận Hải Lăng, rồi dừng lại bên bờ sông Mỹ Chánh. Lúc bảy giờ đêm đã khuya. Sáng hôm sau, đoàn người thất điên bát đảo, dài lê thê mới được đơn vị Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ ở đây lần lượt cho qua cầu, rồi mạnh ai nấy “tan hàng cố gắng”. Riêng Đại Đội 1/21 BĐQ tôi khi về tới cửa Thượng Tứ Huế thì có khác nào Đại đội C7 của Thiếu Úy Nguyễn Văn Đường Cộng Sản Bắc Việt bị tôi đánh tan tác hôm qua tại cầu Bến Đá Quảng Trị cũng chỉ còn chín người bơ phờ, nhìn nhau mãi mới nhận ra thầy trò.

Những sự thật ấy chẳng nghe ai kể, ngay cả chuyện Quách Ân, Quách Thương nào ai biết! Ai là ai? Là phường giá áo túi cơm, vinh thân phì gia, sống trên xương máu của các chiến sĩ, còn đối xử tệ với binh chủng anh hùng Biệt Động Quân.

Đa số các phóng viên, nhà báo quân đội cứ đi mây về gió. Mỗi lần viết phóng sự chiến trường, họ hay đến các đại đơn vị hào nháng và chỉ tường thuật cặn kẽ các trận nào thuộc binh chủng gà nhà thôi. Họ tả nghe cũng khiếp, cơ mưu chiến thuật cùng tài điều quân khiến tướng thần sấu quý khốc, còn hơn cả Không Minh Gia Cát Lượng.

Phân tra cứu, kiểm chứng và trả lời
các nghi vấn của người đọc Đoàn Lý về “Đại Lộ Kinh Hoàng”
trong tác phẩm của nhà văn Trần Thy Vân

“Anh Hùng Bạt Mạng” là tác phẩm được nhiều người sùng bái và ca ngợi nhiều hơn bất cứ cuốn nào do người Việt viết về chiến tranh Việt Nam mà tôi có may mắn đọc từ trước đến nay. Nhiều hơn vì các tác giả khác do lòng tự trọng đã không khoe thành tích của mình, càng không dẫn chứng các lời tán tụng của kẻ khác nhiều hơn cả một chương sách. Nhiều đến nỗi Trần Thy Vân phải vận dụng 26 trang của cuốn sách, từ trang 212 đến trang 237, để in những lời thiên hạ ngợi khen và vinh danh chính tác giả, so với tổng chiều dài 193 trang để in 13 chương của “truyện dài”. Gọi là “truyện dài” thay vì *bút ký* hay *lịch sử* hay *tiểu thuyết giả tưởng*, dựa trên các tên tuổi thật của nhân vật và địa danh thật của Việt Nam mà tác giả cung cấp, người đọc có thể tùy nghi. Riêng tôi, tôi cho rằng đây là cuốn *hoang sử*, dựa trên những gì đã phối kiểm được.

Để có thể đưa ra câu trả lời cho cư dân mạng Đoàn Lý, chúng ta không thể không đọc kỹ toàn cuốn sách, cũng như tìm hiểu về thân thế sự nghiệp của tác giả do chính ông ấy công bố.

Trước hết, nói về phong cách anh hùng của mình, tác giả tiết lộ cho độc giả biết ông thuộc một dòng dõi lầy lừng, đầy huyền thoại:

“Cố tôi luyện được nhiều phép, như sang sông bằng nón lá, dấm đậu thành binh... đánh nhau với làng Quá Giáng kẻ bên, do vụ đổi chùa. Vì tài đó Cố bị vua Nguyễn giết, buộc thắt cổ, nhưng Cố điểm nhãn, biến khúc lụa đào thành rồng cỡi bay đi mất dạng...” (Anh Hùng Bạt Mạng, trang 60)

Về tiểu sử của chính mình, trong sách, tác giả dành nguyên trang 211, trong đó có các trích đoạn như sau (nguyên văn):

“Tú tài 2 ban toán. Cựu học sinh Phan Thanh Giản Đà Nẵng Bò Đê, Quốc Học Huế, Duy Tân Phan Rang. Trước 75:

Thơ đăng báo Phụ Nữ NM, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Tiếng Vang.

Tình nguyện nhập ngũ khóa 22 Sĩ Quan TĐ, tháng 03 năm 1966. Đỗ thủ khoa (Honorman) khóa 2 Reconnaissance, do Sư Đoàn 1 TQLC Hoa Kỳ đào tạo tại Phước Tường Đà Nẵng 1970. Kế tiếp làm huấn luyện K.3 Recon, gồm các khóa sinh Việt-Mỹ và Đại Hàn. Trung đội trưởng Trung đội Viên Thám, nhảy toán cho SĐ1TQLC Hoa Kỳ khắp rừng núi Trường Sơn vùng I.

Chín năm Biệt Động, dự nhiều cuộc hành quân vùng I, II và Lam Sơn 719 Hạ Lào. 18 huy chương, Anh Dũng Bội Tinh gồm 1 Đồng, 1 Bạc, 10 ngôi sao Vàng, 4 nhánh Dương Liễu loại tuyên dương cấp quân đội, và 2 Chiến Thương BT ngôi sao Đỏ.

Chức vụ sau cùng: Trung úy Đại đội trưởng ĐĐ1/21BDQ. 2 lần bị thương, lần hai cụt hai chân tại Quảng Ngãi, 3-3-74.

Thành viên sáng lập hội Thương Phế Binh, Biệt Động Quân, Tù Nhân Chính Trị là các đoàn thể đầu tiên tại Nam California, hiện phát triển nhiều nơi trên thế giới. Quyên góp 98 xe lăn gởi tặng các thương phế binh VNCH trong nước từ năm 1984.

Chủ nhiệm & Chủ Bút BNS Thương Binh. Hội viên International P.E.N. Đệ nhị Phó chủ tịch VBVNHN, NK 2001-2003. Dự Đại Hội Văn Bút Quốc tế tại London England, 2001."

Để có thể đánh giá và kiểm chứng việc ông "Chủ tịch TTVB Nam California ba nhiệm kỳ 2000-02, 2002-04, 2007-2010" trên giấy trắng mực đen kết án hải pháo của VNCH đã làm chết dân trong biển cố Mùa Hè Đỏ Lửa, chúng ta cần so sánh một số chi tiết do tác giả nêu ra để đối chứng với những gì chưa bị thất tung theo năm tháng.

Suốt tác phẩm "Anh Hùng Bạt Mạng", đếm từ đầu đến chữ cuối, chúng ta tìm thấy cuốn sách có 155 chữ "Thương", trừ 7 chữ không viết hoa nói về "thương phạt", 148 chữ còn lại Trần Thy Vân sử dụng để vinh danh cá nhân nhân vật "Quách Thương", vị chỉ huy trực tiếp của tác giả; trong khi nhắc tên "Trung tướng Ngô Quang Trường" 3 lần. Riêng tên của sĩ quan

tư lệnh Sư đoàn 2 Bộ Binh mà đơn vị Biệt Động Quân của tác giả được vị tư lệnh Quân đoàn gọi đến tăng phái, trung úy Trần Thy Vân 3 lần gọi đầy đủ với tên họ và cấp bậc “*Chuẩn tướng Trần văn Nhựt*”, 1 lần dùng tên gọi “*tướng Nhựt*”, 1 lần đủ họ tên “*Trần văn Nhựt*” nhưng bị tước cấp bậc, 1 lần là “*bọn lưu manh Trần văn Nhựt*”, 1 lần “*trúng âm binh của Nhựt*” và 1 lần “*bọn Trần văn Nhựt*”. Trong khi đó, để vinh danh đại đội 1/21 (do ông làm đại đội trưởng, thuộc Tiểu đoàn 21/BĐQ) và những quân nhân quen biết hay cùng đơn vị, tác giả sử dụng 64 lần chữ “*hùng*” dưới dạng vừa danh từ vừa tính từ. Riêng việc nói về bản thân mình, chữ “*tôi*” đã được tận dụng 1.258 lần trong suốt chiều dài tác phẩm dài 242 trang. Như thế, người đọc đã nhận ra sự phân biệt rất rạch ròi về chủ đích của cuốn sách.

Tuy sách của ông Trần Thy Vân được ghi là “*tiểu thuyết*”, độc giả vẫn khó lòng nhận định đây là tiểu thuyết lịch sử (historic novel) hay tiểu thuyết giả tưởng (fiction) hay tiểu thuyết không tưởng (utopian novel). Khó – vì chính tác giả tự thú sự “*bạt mạng*” của mình hơn một lần trong cuốn sách:

- “*... cố nén cơn giận vu vơ*” (chương 3 “*MỪNG 1 TẾT XUẤT QUÂN*”, trang 45)

- “*tôi có nhiều mặt xuất sắc, đứng đầu 12 đại đội trưởng thuộc Liên đoàn 1 BĐQ, như chỉ huy giỏi, chiến công nhiều, đơn vị kỷ luật, ít người đào ngũ. Khi lâm trận, khả năng của đơn vị tấn công rất tàn bạo, tốc chiến, phủ đầu địch trên mọi địa thế, từ thành phố đến miền rừng núi, ngay cả đột kích đêm. Lắm lúc quân bạn bị cầm chân hay không nuốt nổi mục tiêu, tôi lại tình nguyện thanh toán chớp nhoáng. Do đó, mỗi lần gặp khó khăn nào, Quách Thường giao tôi là xong. Sự năng nổ do tấm lòng nhiệt tình, yêu thích, coi chuyện đánh giặc như việc nhà...*” (chương 3 “*MỪNG 1 TẾT XUẤT QUÂN*”, trang 48)

- “*Nhiều lần tôi lại bằng lòng để Quách Thường lấy chiến công của tôi áp đặt cho sĩ quan khác nhận huy chương, nên*

người khóa sau sớm thừa điều kiện được thăng cấp trước... ..
Tôi khoái cái tình quân tử của tôi chỗ đó.” (chương 3 “MỪNG
1 TẾT XUẤT QUÂN”, trang 49)

- “Từ khi Trung tướng Ngô Quang Trưởng làm Tư lệnh
Quân đoàn I, không riêng gì hàng binh, ngay các quan lớn tác
chiến cũng buộc phải mang áo giáp, dây ba chạc, đội nón sắt,
còn đeo lưng lẳng cái xẻng bên hông, trông chẳng giống con
giáp nào hết.” (chương 6 “MÁY BAY BẮN LÂM”, trang 92)

- Tuyệt vời là do tự tin, xét đoán đúng, quyết tâm chiến
đấu. Tôi chẳng cần giờ binh thư hay chiến pháp cao siêu nào
của ngoại bang, mà các tướng thời thế từng áp dụng vớ vẩn vào
một chiến trường quá phức tạp và đa diện tại Việt Nam chúng
ta. Tôi lấy kinh nghiệm, trí thông minh nhận hiểu hòa lực... ..
Hãy nhớ, không ai kham nổi ngoài chúng ta, những anh hùng
Biệt Động Quân này.” (chương 8 “MÁY BAY BẮN LÂM”,
trang 129)

- “Tôi phải tìm cách moi gan kẻ thù mới hả dạ.” (chương
9 “TRẬN HÒA THIÊU”, trang 137)

Thứ đến, chúng ta thử tìm hiểu những điều được ông Đệ
nhị Phó chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đưa vào sách của
mình để chứng minh độ chính xác:

- “...hắn bọn giặc cỏ xâm lược như “ngựa run đùi⁸¹
hí lạnh giữa tàn quân (Thơ Mã Chiếm⁸² Sơn?).” (chương 10
“TRẬN HÒA THIÊU”, trang 154)

Ông Phó Chủ tịch Văn Bút Quốc Tế đã nhầm lẫn khi lấy
tên nhân vật chính “Mã Chiếm Sơn” làm tác giả. Theo Hoàng
Hải Thùy – nhà văn, nhà thơ, nhà báo, dịch giả của Sài Gòn
trước 1975 – bài thơ này có tựa là “Ly Rượu Thọ” với nhiều
ý kiến tranh cãi về tác giả thực của nó: một số cho là của Tô

(81) - Trong nguyên tác, tác giả viết “rung đùi”, Trần Thy Vân sửa lại thành “run đùi”.

(82) - Ghi chú: “Chiếm”: chiến tranh.

Hữu, một số khác bảo Phạm Huy Thông mới là người sáng tác. Bài thơ có 54 câu, mở đầu bằng 2 câu “*Mã Chiếm*⁸³ Sơn buông cương và ngẫm nghĩ, Ngựa rung đầu hí lạnh giữa tàn quân.” Bài thơ *Ly Rượu Thọ* được Tố Hữu sáng tác khoảng những năm 1942, 1943 về nhân vật có thật tên Mã Chiếm Sơn, một người hùng của đất Mãn Châu dưới thời bị quân Nhật xâm lăng. Bấy giờ Mã Chiếm Sơn thay vì cầm vũ khí bảo vệ tổ quốc lại lui về ở ẩn. Hôm mừng thọ bảy mươi của mẹ mình, Mã dâng bà ly rượu thọ, bị mẹ hắt đổ, và mắng: “Mã Chiếm Sơn, Rượu này là rượu nhục!”

- “*Thiếu tá Quách Thường, Tiểu đoàn trưởng 21 Biệt Động Quân, đã trở lại chiến trường, sau bốn ngày về mai táng cố Đại úy Quách Ân, bào đệ ông, qua đời tại Tổng Y Viện Duy Tân Đà Nẵng ngày 15-02-1973, tức mùng 7 tháng Giêng năm Quý Sửu.*” (chương 10 “TRẬN HÒA THIÊU”, trang 155)

Kể lại các chiến tích anh hùng, nhưng tác giả Trần Thy Vân đã tránh tối đa việc ghi ngày tháng vào sử liệu của mình. Chỉ trừ 3 lần. Thứ nhất, ngày lịch sử 28/01/1973, ông viết sai: “*Lúc bấy giờ lệnh Ngưng Bắn sắp tới ngày có hiệu lực: 27 tháng Giêng 1973*” (trang 12). Thứ nhì, ngày chết của Quách Ân, em ruột của Quách Thường, ông trang trọng ghi vừa theo lịch Tây vừa theo lịch Tàu: “*Thiếu tá Quách Thường, Tiểu đoàn trưởng 21 Biệt Động Quân, đã trở lại chiến trường, sau bốn ngày về mai táng cố Đại úy Quách Ân, bào đệ ông, qua đời tại Tổng Y Viện Duy Tân Đà Nẵng ngày 15-02-1973, tức mùng 7 tháng Giêng năm Quý Sửu.*” (trang 155). Lại sai. Ngày 15/02/1973 đúng ra nhằm ngày 13 tháng Giêng (đù) năm Quý Sửu, tháng Giáp Dần, ngày Nhâm Ngọ, giờ Canh Tý, tiết Lập Xuân. Thứ ba, ở chương đầu tiên, trong trang 18, ông viết: “*Các đại đội trưởng cũng rất nổi bật: Nguyễn Văn Khá, Hồ Văn Phúc, Trần Quang Giảng, Trần Thy Vân, Đỗ Văn Nai, Quách Ân và Dương Xuân... là những tên tuổi quen thuộc của dân chúng năm tỉnh địa đầu giới tuyến. Tiểu đoàn 21, thuộc Liên đoàn 1 Biệt Động*

(83) - Ghi chú: “*Chiếm*”: chiếm đoạt của kẻ khác.

Quân, đã được tặng thưởng biểu chương màu Tam Hợp, hạng Bảo Quốc, của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, với một huy chương của Tổng Thống Hoa Kỳ, thời Richard M. Nixon -The Presidential Unit Citation- Quyết Định số 23 ban hành ngày 16-4-1969. Là một đơn vị mũ nâu, sắc áo hoa rừng, lưng lầy, với chiến thuật tấn công như vũ bão, thần tốc, đã gây bao kinh hồn bạt vía cho kẻ thù qua khắp các chiến trường vang danh Pleime, Đức Cơ, Tết Mậu Thân, Quảng Trị, Hạ Lào đều long trời lở đất. Họ xuống đông đông tấp, rồi mai đây lên đoàn đoàn sễ yên...” Đào bới thông tin để kiểm chứng, chúng tôi tìm thấy chi tiết chiếc “huy chương của Tổng Thống Hoa Kỳ, thời Richard M. Nixon (The Presidential Unit Citation) trao tặng cho Tiểu đoàn 21/BĐQ theo quyết định số 23 ban hành ngày 16-4-1969 do Trần Thy Vân viết trùng khớp với thành tích của Tiểu đoàn 37 Biệt Động Quân, được liệt kê trong danh sách các đơn vị nước ngoài không thuộc quân đội Hoa Kỳ được từ điển mạng wikipedia ghi đã nhận được “*Presidential Unit Citation*” trong suốt chiều dài chiến tranh Việt Nam, lần lượt gồm: Sư đoàn 1 BB (với thành tích Đại đội Hắc Báo do Trần Ngọc Huệ chỉ huy đã không buông súng và cố thủ được đến cùng trong đại nội Huế tròn 1 tháng, đến khi Việt Cộng bị đánh bật trong trận Mậu Thân 1968); Sư đoàn TQLC (tái chiếm Cổ thành Quảng Trị, 1972) ; Lữ đoàn 1 Kỵ Binh (Chiến dịch Dương Sơn ở quận Quế Sơn năm 1970) ; Tiểu đoàn 22 BĐQ (được tuyên dương 2 lần, tháng 10/1965 và chiến công ngày 7/03/1968) ; Tiểu đoàn 39 BĐQ (được tuyên dương 2 lần, với chiến công từ 18 đến 28/02/1968 trong trận Mậu Thân và từ 11/02 đến 24/04/1970 trong một trận khác); Tiểu đoàn 52 BĐQ (vì chiến công ngày 11/11/1965 tại ấp Kim Hải, xã Phước Hòa, tỉnh Phước Tuy) ; Tiểu đoàn 44 BĐQ (với thành tích đánh bật 2 tiểu đoàn VC ngày 6/04/1965) ; Tiểu đoàn 2 TQLC “Trâu Diên” (nhận huy chương sau thành tích vào tháng 11/1966); Đại đội D thuộc TĐ6, Trung đoàn Hoàng Gia Úc (trận Long Tân); Phi đoàn 514 Chiến thuật VNCH; Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 31, Sư đoàn 21 Bộ Binh; Trung đoàn 41 Bộ Binh; Đại đội Tổng hành dinh của TĐ2 Trg

đoàn 9 SĐ5 Bộ Binh; Phi đoàn 74 Chiến thuật; Đại đội 9 thuộc Trung đoàn 1 Kỵ Binh Nam Hàn; Đại đội 1 của Trung đoàn Lục quân Tình nguyện Hoàng gia Thái Lan; Lực lượng Đặc nhiệm số 3 của Sư đoàn Nhảy Dù; Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù; Tiểu đoàn 8 Nhảy Dù; Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn Hoàng Gia Úc; Thiết đoàn 3 Kỵ Binh VNCH; Đại đội 883 Địa Phương Quân; Tiểu đoàn 1 Công Binh; Pháo đội 161 thuộc Trung đoàn 16 Pháo binh Hoàng gia Tân Tây Lan; Toán Huấn luyện thuộc Lục quân Hoàng Gia Úc; Phi đội 2 thuộc Không quân Hoàng Gia Úc; Hải quân Hoàng Gia Úc. Nội trội nhất trong danh sách này là Tiểu đoàn 37 Biệt Động Quân, là đơn vị đạt nhiều huy chương nhất trong binh chủng Biệt Động Quân VNCH, vừa là đơn vị đạt nhiều huy chương của Tổng thống Mỹ nhất: (1) thành tích anh hùng phi thường tại Thạch Trụ, Quảng Ngãi ngày 22/11/1965, (2) thành tích anh hùng phi thường trong thời gian từ 27/01 đến 25/02/1968, và (3) thành tích anh hùng phi thường trong thời gian từ 11/02 đến 24/04/1970.

Danh sách trên đã được tóm lược phần chiến công từ bản liệt kê của *Wikipedia* với đầy đủ chi tiết. Nếu *Wikipedia* nhằm lẫn để bỏ sót huy chương của Tổng thống Hoa Kỳ tưởng thưởng cho đơn vị TĐ21BDQ của mình, thì việc nhật tu trang mạng cho đúng sự thật, là nhiệm vụ không của ai khác mà phải là của anh hùng Trần Thy Vân.

Tiếp tục tìm hiểu thêm những gì nhà văn quân đội viết, chúng tôi còn thấy trong tác phẩm “Anh Hùng Bạt Mạng”, về biến cố Phật giáo xuống đường ở Đà Nẵng, tác giả kể:

“– Thưa thầy, con là Phật tử, nhận nhiệm vụ giải tỏa chương ngại vật, giữ an ninh nơi đây, con phải thi hành.

Tôi vừa dứt lời, thoạt đầu ông thầy pháp chấp hai tay trước ngực, tôi nghĩ chắc ông đã buông dao đồ tể, nay trở thành bậc chân hiền đạo mạo rồi, nhưng không ngờ “ngài” lại niệm to:

– Nam Mô A Di Đà Phật! Anh có nhiệm vụ anh, tôi cũng có nhiệm vụ tôi là chặn đường, không ai được qua...

Chưa đủ, vừa nói đến đó, đột nhiên gương mặt ông chuyển qua ngầu ngầu vừa lấy tay chỉ vào tôi rồi chửi thề:

– ĐM. anh mà Phật tử chi? Tôi đã nói không ai được bước qua chỗ ni, nghe chưa? ...”(trang 37).

Thời điểm lịch sử mà Trần Thy Vân ghi nhận biến cố này kèm theo chi tiết ở trang 36 trước đó, như sau: “*Năm 1970, trong cuộc tranh cử tổng thống VNCH, hai liên danh Nguyễn Cao Kỳ và Dương Văn Minh thấy không thắng vội rút lui để cuộc bầu cử bất thành, nếu chỉ còn có tướng Nguyễn Văn Thiệu “độc cử”, khiến Phật giáo chống đối ông dữ dội. Ở Đà Nẵng các Phật tử tập trung và xuất phát từ chùa Phổ Đà biểu tình, họ còn căng kẽm gai chắn ngang đầu đường Võ Tánh, gán trường Thọ Nhơn của người Hoa, làm xe cộ kẹt cứng. Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Quảng Đà yêu cầu Tiểu đoàn 21 Biệt Động Quân xuống dẹp chướng ngại vật. Trung úy Quách Ân Đại đội trưởng Đại đội 2/21 thi hành, đưa đơn vị từ xã Hòa Cường, Hòa Vang, tới.” Nếu chịu khó kiểm chứng lại, ông trung úy nhà văn sẽ thấy vào năm 1971 – thay vì 1970 như ông viết – thì VNCH mới tổ chức bầu cử tổng thống một lần khác. Trong kỳ bầu cử này Dương Văn Minh và Nguyễn Cao Kỳ đồng thời rút tên tranh cử nên cuộc bầu cử chỉ có một ứng cử viên duy nhất là Nguyễn Văn Thiệu. Và do chỉ có một người ứng cử, nên báo chí và dư luận gọi Nguyễn Văn Thiệu là “độc diễn”, với kết quả đã được xác định từ trước khi bầu cử diễn ra. Nguyễn Văn Thiệu đắc cử với 94% số phiếu.*

Trong chương 4, ông Trần Thy Vân trình trọng lặp lại sai lầm của mình thêm lần nữa về ngày ký Hiệp định Paris. Ở trang 51, ông viết: “*Mặc dù cái gọi là ‘Hiệp Định Ba Lê’ và ‘Lệnh Ngưng Bắn’ tái lập hòa bình Việt Nam đã hiệu lực ngày 27 tháng Giêng 1973...”.*

Qua trang kế tiếp, về việc bảo vệ bí mật quân sự, tức bảo vệ sinh mạng của binh sĩ thuộc quyền cũng như của các đơn vị bạn cùng tham dự cuộc hành quân, ông đại đội trưởng tiết lộ

mâu đối thoại với chị Hiền, chủ tiệm tạp hóa:

“– Ủa... bộ hành quân, hả Trung úy?”

– Dạ, nhân dịp năm mới, kính chúc chị và gia đình làm ăn phát đạt. Xin lỗi, bây giờ đơn vị phải vào Đức Phổ gấp.”

Thuộc cấp vi phạm quân lệnh rành rành như thế, mà thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Quách Thương vẫn bưng bít, thay vì truy tố ra tòa án quân sự, thảo nào ông Vân chẳng tiếc bất cứ tính từ hay danh từ nào để phong thánh.

Ở một chỗ khác trong sách, trên trang 59, để chứng minh trình độ thường ngoạn của mình trong lãnh vực điện ảnh, tác giả viết: “Hiền Đỗ Đức Chiến, như anh em biết, đã đeo lon thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng 37 BĐQ. Vì một cánh tay ông bại xuội, “kỷ niệm” Lào, mỗi lần gặp tôi hay gọi đùa: “Tân Độc Thủ Đại Hiệp”, nhại theo tên một film Nhật.” Cuốn sách của Trần Thy Vân được in tới lần thứ năm, trong đó, từ trang 212 tới trang 237 được dành riêng để in lời khen tặng tác giả, nhưng chẳng thấy ai trong số những người mặc áo thụng vái sáng lập viên hội Thương Phế Binh Biệt Động Quân bỏ ra một phút để báo cho người hùng bạt mạng biết rằng phim “Tân Độc Thủ Đại Hiệp” (新独臂刀 / Tân Độc Tí Đao) không phải của Nhật sản xuất, mà do Thiệu Thị Huynh Đệ Công Ty (邵氏兄弟公司) ở Hong Kong thực hiện, được Khương Đại Vệ cùng nữ tài tử Lý Thanh thủ vai chính; cuốn phim dài 102 phút được chiếu ra mắt ngày 7/02/1971.

Bỏ túc thêm về bản thân hay gia đình mình, Trần Thy Vân nhận định:

“Lại nữa, tôi người đầu tiên không theo cấp số quy định, phá tiền lệ Tiểu đoàn 21 Biệt Động Quân, là còn mang lon thiếu úy lại được Trung tá Liên đoàn trưởng Liên đoàn I BĐQ trực tiếp bổ nhậm làm đại đội trưởng chính thức, thay thế Tánh. Chẳng hiểu điều này tôi có nghĩ oan cho Do, người tôi cũng

quý mến? Nếu vì lẽ đó mà ông ghét tôi thì ông quên rằng một thiếu úy trẻ như tôi lúc bấy giờ đã đạt quá nhiều công trạng, tất cả 14 cái huy chương lặn! Thầy đều anh dũng bội tinh, đã sổ ngôi sao vàng và ba ngành dương liễu là hạng tuyên dương cấp quân đội, tôi chưa kể cái Chiến Thương với ngôi sao đỏ...” (trang 70)

“... tôi rút súng còn lạ hơn cao bồi miền Tây Hoa Kỳ.” (trang 71)

“Tôi tin chắc mình sẽ thắng, chỉ có Đại đội 1, không ai khác chọc thủng được phòng tuyến vĩ đại trước mắt của Trung đoàn 141/2 lẫn bọn Sư đoàn 3 Sao Vàng Bắc Việt tại Sa Huỳnh đầu năm 1973. Tôi tin vì sự dũng cảm, tài chỉ huy tuyệt vời của tôi và của các anh. Tuyệt vời là do tự tin, xét đoán đúng, quyết tâm chiến đấu. Tôi chẳng cần giờ binh thư hay chiến pháp cao siêu nào của ngoại bang, mà các tướng thời thế từng áp dụng vá vúi vào một chiến trường quá phức tạp và đa diện tại Việt Nam chúng ta. Tôi lấy kinh nghiệm, trí thông minh nhận hiểu hòa lực ở mục tiêu rất yếu, kẻ thù cũng không ngờ chính con đường rầy xe lửa khuất lấp đằng kia là mũi kiếm định mệnh đâm lòn vào tim chúng. Điều cần nhất phải kín đáo. Hãy nhớ, không ai kham nổi ngoài chúng ta, những anh hùng Biệt Động Quân này.” (trang 129)

“... tôi có nhiều mặt xuất sắc, đứng đầu 12 đại đội trưởng thuộc Liên đoàn 1 BĐQ, như chỉ huy giỏi, chiến công nhiều, đơn vị kỷ luật, ít người đào ngũ. Khi lâm trận, khả năng của đơn vị tấn công rất tàn bạo, tốc chiến, phủ đầu địch trên mọi địa thế, từ thành phố đến miền rừng núi, ngay cả đột kích đêm. Lắm lúc quân bạn bị cảm chân hay không nuốt nổi mục tiêu, tôi lại tình nguyện thanh toán chớp nhoáng. Do đó, mỗi lần gặp khó khăn nào, Quách Thương giao tôi là xong. Sự năng nổ do tấm lòng nhiệt tình, yêu thích, coi chuyện đánh giặc như việc nhà.” (trang 48)

Cũng chính vì tác giả khẳng định trình độ hiểu biết siêu đẳng, đi kèm với trí nhớ cặn kẽ tới mức khuôn vàng thước ngọc, nên chúng tôi thử kiểm chứng độ chính xác của đoạn văn này:

“Xưa, lúc làm Tiểu đoàn trưởng 37 Biệt Động Quân, Hoàng Phổ rất lừng lẫy, nổi tiếng anh hùng tử thủ với một đơn vị Mỹ ở Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị, suốt 77 ngày đêm, từ cuối tháng Giêng đến đầu tháng Tư năm 1968. Nhờ đó mà lần đầu tiên thế giới mới biết địa danh ấy qua báo chí trong và ngoài nước khen ngợi. Người đời khó quên trận Khe Sanh, Cộng quân đem 4 sư đoàn cùng thiết giáp đến vây hãm để rồi chúng đã bị loại khỏi vòng chiến ngót 10.000 tên. Phía Hoa Kỳ tổn thất khoảng 500 TQLC, cháy mấy chiếc vận tải cơ C130. Riêng Tiểu đoàn 37 Biệt Động của Đại úy Hoàng Phổ ngày trở lại hậu cứ Phú Lộc, Đà Nẵng, chỉ còn phân nửa quân số...” (trang 122)

Trong cuốn quân sử *“TQLC ở Việt Nam – 1968, Năm Quyết Định”*⁸⁴ chúng ta đọc thấy ở chương 14:

“Tiên liệu về trận đánh chủ yếu ở Khe Sanh, Tướng Westmoreland yêu cầu Trung tướng tư lệnh Hoàng Xuân Lãm cung cấp các đơn vị của Nam Việt Nam tham dự vào việc phòng thủ căn cứ chiến đấu này, “vì lý do tâm lý cũng như quân sự.” Ông Lãm đồng ý, và ngày 27 tháng 1, đại úy Hoàng Phổ và Tiểu đoàn 37 BĐQ của ông ta đã đổ bộ xuống căn cứ và dàn quân ở đầu phía đông của phi đạo, tiếp giáp với Đại đội B, TĐ1 Lữ đoàn 26 TQLC (Mỹ), bên ngoài vòng rào phòng thủ của căn cứ.” (trang 268, 269)

“Tổn thất duy nhất của quân bạn là chỉ có một binh sĩ BĐQ bị thương. Còn phần còn lại của trận đánh Khe Sanh, địch quân đã tập trung hầu hết nỗ lực nhằm vào TĐ37/BĐQ, tấn công vào phòng tuyến của đơn vị này bảy lần trong tháng Ba, kể cả một trận tấn công biển người hôm 18.” (trang 281)

(84) - *“U.S. Marines in Vietnam: The Defining Year – 1968”* của các tác giả Charles Smith, Leonard Blasiol, Jack Shulimson, David Dawson do Ban Lịch sử và Bảo tàng TQLC xuất bản tại Washington DC năm 1997.

“Hôm 11 tháng Tư, Công Binh thông xe trên Quốc lộ 9, chấm dứt sự mạng của mình gồm việc sửa chữa 9 cây cầu, xây lấp 17 đường tránh và sửa sang 14 km của con lộ, giải tỏa từ Cà Lu tới Khe Sanh sau khi đường bị cắt từ tháng 9/1967. Cùng ngày, Tướng Rosson ra lệnh Sư đoàn 1 Không Kỳ sẵn sàng để tức khắc vào chiến dịch ở Thung Lũng Ashau. Vài tiếng đồng hồ sau, trung đoàn đầu tiên của Sư đoàn rời khỏi Khe Sanh và Tiểu đoàn 37/BĐQ VNCH theo gót ngay sau đó.” (trang 287)

Như thế, đếm trên lịch năm 1968, chúng ta thấy TĐ37/BĐQ hiện diện tại Khe Sanh 4 ngày của tháng Một, 29 ngày của tháng Hai nhuận, 31 ngày của tháng Ba, và 11 ngày của tháng Tư. Cộng chung là 75 ngày – thay vì 77 ngày như ông “tú tài toàn phần ban B” Trần Thy Vân tính toán.

Chưa hết, trong tác phẩm của mình, tác giả Trần Thy Vân nhắc đi nhắc lại về “quả đồi 94” ở Sa Huỳnh đến 17 lần. Trong khi đó, bản đồ do Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (United States Geological Survey) ấn hành để quân đội Mỹ và QLVNCH dùng trong hành quân và bắn pháo binh ghi độ cao là 93 mét (Xem bản đồ đính kèm, vị trí ngọn đồi là chỗ tôi đánh dấu bằng mũi tên đỏ trên đường biên phía đông, ở làng Thanh Đức 2, cách cửa khẩu Sa Huỳnh độ 1.100 mét về phía đông bắc.)

Dù có sai lạc tới mức nào đi nữa, cũng không thể chối bỏ rằng trung úy Trần Thy Vân, ngoài cương vị là *chiến hữu* của tôi trong chiến tranh, còn là một chiến binh đã hy sinh một phần lớn thân thể của mình vào ngày 3/03/1974 tại chiến trường Mộ Đức, Quảng Ngãi trong khi cầm súng chống lại địch quân từ phía bắc vĩ tuyến tràn vào và gây chiến.

Nhìn nhận và ghi ơn máu và xương Trần Thy Vân đã hiến dâng cho binh nghiệp, nhưng không vì thế để nhắm mắt đồng tình với tác giả trong việc ý thức không hết tầm quan trọng của trận đánh chiếm Sa Huỳnh vào thời điểm Hiệp Định Paris 28/01/1973.

Mặc dù Sa Huỳnh nằm ở vị trí cực nam Quân khu 1 trong

năm ba ngôi nhà gạch với mái ngói âm dương cổ kính từ thời Pháp thuộc mà nay nóc đã đổ tường xiêu đây vết đạn.

Quê hương này vốn đã nghèo khó còn xây ra hằng năm các trận cuồng phong dữ dội, không bão biển cũng gió núi giông nguồn, cùng giặc về quấy nhiễu đêm đêm.

Rồi cả tháng nay giặc Hồ xâm chiếm, bắn phá chung quanh khiến toàn quận tiêu điều, người lẫn súc vật ngổn ngang giữa phố. Họ bỏ nhà cửa chạy dòn về từ các xã ấp xa xôi, hẻo lánh, nhất là Sa Huỳnh, nơi hai ngày trước mắt đit nửa Tiểu Đoàn 39 BĐQ khi vừa nhảy trực thăng xuống, làm tình hình càng thêm căng thẳng.

Lần này, sự xung trận của hai tiểu đoàn Mũ Nâu khét danh đem lại niềm tin cho dân chúng, không riêng Quảng Ngãi, mà cả năm tỉnh địa đầu Vùng 1. Cộng quân từng truyền khẩu “Gặp đỏ tránh, xanh lờ, gặp vàng đánh líp”. Câu đó ám chỉ ba tiểu đoàn của Liên đoàn 1 BĐQ. Mấy năm trước quân nhân các cấp có dính trên nắp túi áo trái một băng vải nhỏ, cùng màu khăn choàng cổ, đỏ là 21, xanh 37, vàng 39. Địch nói gặp vàng đánh líp, tức chưa ngán Tiểu đoàn 39, còn có thể hơn được một, chứ lẽ nào thua hết ba, mất mặt bác Hồ quá!

Vì Cộng quân sợ, phải tránh đỏ, Tiểu đoàn 21 mỗi lần hành quân ở các tỉnh phía Nam Đà Nẵng thất nghiệp dài dài, trừ phi tao ngộ chiến. Lúc còn phục vụ Đại đội 2, có lần vô Hương An Quảng Nam, tôi mới dàn ngang trung đội xung phong thì địch ở trong mục tiêu, dưới chòm cây dương liễu, vụt trồi ra khỏi hầm cắm đầu chạy tán loạn như bầy vịt và la to:

— 21!... 21!...

Nhưng Biệt Động Quân tấp vô lệ quá, địch vọt không kịp, bị bắn chúi nhúi nằm la liệt. Hôm đó lính bắt sống một tên và hỏi một câu cắc cớ:

— Tại sao bỏ chạy?

Hắn đáp:

— Chúng em có lệnh rút lui khi thấy các anh mang băng đỏ là Tiểu đoàn 21.

Đi hành quân, Việt Cộng cứ lần tránh, những chàng trai giết giặc đánh thất nghiệp. Bây giờ địch hết đường trốn, hay

lừa ai được nữa, trước mũi tiến quân thần tốc của hai Tiểu đoàn xanh lẫn đỏ vào khai tử, chắc chúng sẽ chết không kịp ngáp.”

Tóm lại, Trần Thy Vân nhắc tới “*cửa khẩu*” Sa Huỳnh tất cả 14 lần, nhưng chỉ nhắc như nhắc tên một trận ác chiến là chiến công của đơn vị mình với tài điều binh khiển tướng của bản thân, nhưng bỏ qua không giải thích tầm cỡ của cửa khẩu ấy quan trọng tới mức nào trên bàn cờ thế giới.

Trên thực tế, địa danh Sa Huỳnh vào thời điểm đầu năm 1973 trong cục diện chiến tranh Việt Nam quy mô hơn tầm nhìn và cách đánh giá của trung úy Trần Thy Vân nhiều lần. Nơi ông ấy đặt gót chân đến để tham chiến là một mặt trận mà đến các nhân vật lừng danh như Henry Kissinger và Đại tướng Cao Văn Viên cũng không thể bỏ sót:

Cửa Việt, Sa Huỳnh, Hồng Ngự, Trung Nghĩa và Tổng Lê Chân

Suốt năm 1973, bên cạnh các hoạt động quy mô nhỏ liên quan đến chiến dịch “giành dân và lấn đất” được mô tả ở trên, phía Cộng sản đã phát động bốn cuộc tấn công cấp sư đoàn, là bốn vụ vi phạm trầm trọng nhất vào hiệp định ngừng bắn. Ba trong số các cuộc tấn công này nhằm vào các vị trí có lợi thế chiến lược để cuối cùng có thể sử dụng làm điểm tiếp tế quân nhu và vũ khí chiến tranh.

Hải cảng Sa Huỳnh đã từng là một căn cứ của địch, trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Với dân số 3.000 người, Sa Huỳnh là một điểm tiếp tế quan trọng từ phía Biển Đông, và được liên kết bởi một hành lang núi nối vào vùng tây nguyên. Hành lang này cũng là ranh giới giữa QKI và QK-II. Vào ngày 26/01/1973⁸⁵, các đơn vị thuộc Sư đoàn 2 Bắc Việt bắt đầu gây áp lực nặng nề lên Sa Huỳnh và căn cứ yểm trợ hỏa lực chính cho khu vực. Căn cứ bị áp đảo và tràn ngập vào chiều ngày 28/01. Qua ngày 29/01, địch mở rộng các cuộc tấn công về phía bắc đến quận Đức Phổ. Ngay lập tức Sư đoàn 2 do Tướng Trần Văn Nhựt chỉ huy đã tham chiến. Cuộc phản công thật mãnh liệt và dứt khoát. Sa Huỳnh và căn cứ yểm trợ hỏa lực đã được tái chiếm ngày 16 tháng 2. Cả hai bên đều thiệt hại nặng trong cuộc đánh chiếm và phản công này.

(85) - 48 tiếng đồng hồ trước khi Hiệp Định Paris được ký kết.

Các thành viên cộng sản trong Ủy Ban Liên hiệp Quân sự Bên Bên ở Saigon lập tức yêu cầu một cuộc điều tra. Tất cả thành viên của Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát (ICCS) đồng lòng công nhận Sa Huỳnh là lãnh thổ thuộc VNCH. Nhưng đáng tiếc, đây là quyết định đầu tiên và cuối cùng mà ICCS đồng tình với nhau tính từ ngày ngưng bắn ở Việt Nam cho đến vẫn cuộc. Sau khi cuộc điều tra về chủ quyền Sa Huỳnh, đại diện của Ba Lan ở Đà Nẵng bị chính phủ của mình giải nhiệm.⁸⁶

Bên cạnh đó, Tướng Nguyễn Duy Hình – người được lệnh rời chức vụ tham mưu trưởng QĐ1 vừa thay thế đại tá Hoàng Mạnh Đáng tử nạn máy bay trực thăng trước đó 3 tháng để nhận chức tư lệnh SĐ3/BB thay tướng Vũ Văn Giai – sau khi đi tàn qua Mỹ đã đóng góp cho Ban Quân sự Lục quân Hoa Kỳ một cuốn binh sử trong đó cũng có đề cập đến Sa Huỳnh:

Ở tỉnh Quảng Ngãi, tình hình khó khăn hơn đối với quân bạn. Các lực lượng địa phương của đối phương đã xâm nhập vào nhiều ấp và vào ngày 27 tháng 1⁸⁷, đã phát động các cuộc tấn công và pháo kích trên toàn tỉnh. Sư đoàn 2 chính quy Bắc Việt, sau khi tách bớt một số đơn vị để hỗ trợ lực lượng địa phương, đã dùng một trong những trung đoàn của mình tấn công vào Sa Huỳnh ngày 26 tháng 1. Sa Huỳnh là một cảng cá nhỏ với khoảng 3.000 dân cư sinh sống, tọa lạc ở cực nam của tỉnh Quảng Ngãi. Nó nằm trên QL-1 và cũng là ranh giới của Quân khu 1 và Quân khu 2. Nếu địch quân thành công trong việc chiếm giữ Sa Huỳnh, họ sẽ làm chủ một hải cảng, dù chỉ là một cảng nhỏ, nhưng có thể giữ vai trò là cửa khẩu, đồng thời có thể chặn đường liên lạc giữa Quân khu 1 và Quân khu 2. Tất cả các tiền đồn tại Sa Huỳnh đã nhanh chóng bị quân địch tràn ngập chỉ trừ căn cứ yểm trợ hỏa lực chính, được giữ vững vào thời điểm ngưng bắn hôm 28 tháng 1 nhưng cuối cùng cũng bị đánh bật vào ngay buổi chiều hôm đó. Sau khi chiếm được Sa Huỳnh, địch bung quân về phía bắc và đe dọa quận lỵ Đức Phổ. Sư đoàn 2BB của QLVNCH đã phản ứng mạnh mẽ và tái chiếm được Sa Huỳnh vào ngày 16 tháng 2 năm 1973.⁸⁸

O

(86) - "The Final Collapse", nguyên tác tiếng Anh của Cao Văn Viên, Trung tâm Quân sự Lục Quân Hoa kỳ xuất bản năm 1985, trang 31 và 32.

(87) - Hiệp định Paris sẽ có hiệu lực vào ngày hôm sau 28/01/1973

(88) - "Vietnamization and the Cease-fire" (Việt Nam hóa chiến tranh và Cuộc Ngưng Bắn), nguyên tác tiếng Anh của Nguyễn Duy Hình, do Trung tâm Quân sự Lục Quân Hoa kỳ xuất bản năm 1976, trang 133.

Thứ đến, tầm quan trọng của các vị trí then chốt được chọn làm cửa khẩu thay đổi vũ khí như cảng Sa Huỳnh, được ghi nhận trong hồ sơ mật của chính phủ Hoa Kỳ vừa mới được giải mã rất lâu sau chiến tranh. Trong *Bản Ghi Nhớ Số 1* về phiên họp kéo dài từ 3g12' chiều ngày 19/05/1973 đến 7g25' tối giữa Lê Đức Thọ, đại diện VNDCCH; Nguyễn Cơ Thạch, Thứ trưởng Ngoại giao VNDCCH; Phan Hiền, Ngoại trưởng VNDCCH; Đại tá Hoàng Hoa của Hà Nội với Tiến sĩ Henry Kissinger, phụ tá tổng thống về an ninh quốc gia; Đại sứ William Sullivan, phụ tá Ngoại trưởng Hoa Kỳ đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương; Graham Martin, Đại sứ Mỹ tại VNCH; George Aldrich, Cố vấn Luật pháp thuộc Bộ Ngoại giao; các ông Helmut Sonnenfeldt, William Stearman, Peter W. Rodman, thành viên Hội đồng An ninh Quốc gia – chúng ta đọc thấy:

Lê Đức Thọ: *Bây giờ nếu cuộc ngừng bắn trở thành hiệu lực trong vòng hai mươi bốn giờ đồng hồ, thì không còn đất để mà dành nữa. Nhưng hồi tháng Mười Một, thì đâu đã có ngừng bắn.*

Henry Kissinger: [cười] *Điều đó đúng!*

LĐT: *Họ đã đúng khi tiến hành các cuộc hành quân ấy, nhưng một khi ngừng bắn đã có hiệu lực, thì họ phải tôn trọng cuộc ngừng bắn.*

HK: *Nhưng những kẻ hoài nghi có thể nói rằng – thật không xứng đáng chút nào cả – cái ý tưởng giành giật một chút lãnh thổ rồi quay lại bảo vệ nó bằng lệnh ngừng bắn. Giống như một hoặc vài hải cảng. Tôi biết ông Cố vấn đặc biệt là chuyên gia về đường mòn trong rừng, còn ông Thứ trưởng là một chuyên gia về hải cảng.*

LĐT: *Bây giờ hãy để tôi điếm tới câu hỏi về “Hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau khi ngừng bắn có hiệu lực, lực lượng vũ trang của hai bên sẽ trở lại vị trí mà họ chiếm giữ trước ngày 28 tháng 1.” Chúng ta có thể thêm một câu rằng chúng ta có thể để vấn đề này được thảo luận bởi hai phe miền Nam trong Ủy ban Liên hiệp Quân sự Hai bên.*

Còn vấn đề liên quan đến “các chỉ huy tất cả các cấp tại những điểm tiếp xúc trực tiếp sẽ gặp gỡ và thống nhất về các biện pháp,” chúng ta có thể xóa bỏ các từ “các chỉ huy tất cả các cấp” và cứ việc tuân thủ theo bản Nghị định thư. Đối với các chỉ huy ở cấp độ nào sẽ

gặp gỡ, chúng ta có thể giao vấn đề này cho Ủy ban Liên hiệp Quân sự Hai bên. Họ có thể thảo luận và quyết định cấp nào trong các vị chỉ huy. Nhưng chúng ta vẫn duy trì rằng các chỉ huy của lực lượng vũ trang đối kháng tại những điểm tiếp xúc trực tiếp sẽ gặp nhau.

Còn về điều khoản số 7...

HK: Khoan, xin chờ một phút. Tôi nghĩ để nhất quán với bản Hiệp định, chúng ta nên nói là “họ sẽ gặp nhau theo điều 4 của Nghị định thư.” Nói như thế mới hoàn toàn phù hợp với Hiệp định.

LĐT: Tôi đề nghị cứ giữ nguyên câu của Nghị định thư ghi rằng các chỉ huy của lực lượng vũ trang đối kháng tại những điểm tiếp xúc trực tiếp sẽ gặp nhau.

HK: Chỉ là “sẽ gặp?”

LĐT: Và rằng...

HK: Vâng. Nhưng đó không phải là câu nói ghi trong Nghị định thư. Đó không đúng như Điều 4 Nghị định thư nói.

LĐT: Thôi được rồi. Họ sẽ gặp nhau theo điều 4 của Nghị định thư.

HK: OK. Như thế, chúng ta đã thống nhất với nhau. Và tiếp theo, liệu chúng ta sẽ ghi Ủy ban Liên hiệp Quân sự Hai bên sẽ quyết định cấp bậc thích ứng?

LĐT: Nếu như nay chúng ta đã thỏa thuận câu chữ của bản Nghị định thư, thì chúng ta cứ theo đúng với Nghị định thư. Chúng ta cứ để họ quyết định sau.

Còn về Điều 7, chúng ta đồng ý chấp nhận câu chữ của bản Hiệp định như ông đã đề xuất. Ủy ban Liên hiệp Hai bên sẽ quyết định thể thức của việc thay thế quân trang và chỉ định các cửa khẩu của từng bên cũng như các hành lang dẫn tới và xuất phát đi của mỗi địa điểm. Những cửa khẩu nào đã được chọn thì tôi nghĩ cứ giữ như thế, còn điểm còn thiếu chúng ta sẽ chỉ định.

HK: OK. Nhưng các cửa khẩu chỉ nên được chọn từ các vị trí mà bất cứ bên nào đã giữ trong ngày 19 tháng Năm. Ngài hiểu ý tôi chứ? Chúng tôi không muốn phía ngài vô lấy Cam Ranh rồi tuyên bố đó là cửa khẩu của phía Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam.⁸⁹ [cười]

LĐT: Việc này có liên quan đến các điều khoản quay trở lại vị trí mà các lực lượng vũ trang chiếm đóng vào ngày 28 tháng 1.

(89) - Provisional Revolutionary Government of the Republic of South Vietnam, viết tắt là “PRG”.

Sullivan: Đó là chi tiết thật thú vị.

HK: Chúng ta sẽ xây một cái khách sạn ngay ở đó và mời ngài Thứ trưởng tới thăm. Có phải đó là nơi sinh quán của Ngài?

LĐT: Như thế, nay ngài chịu thừa nhận rằng đó là một sự vi phạm Hiệp định mà phía ngài chiếm đóng?

HK: Không. Trước tiên, đó là một sự vi phạm Hiệp định khi phía ngài đánh chiếm Sa Huỳnh. Rồi sau đó lực lượng phía chúng tôi mới tái chiếm.

LĐT: Không, chuyện ấy xảy ra trước khi cuộc ngưng bắn có hiệu lực.

HK: [cười] Thế còn căn cứ của Thủy quân Lục chiến ở bờ bắc sông Cửa Việt thì sao? Ngài có muốn hoàn trả lại cho chúng tôi?

LĐT: Quyết định cho phép hành quân đánh vào Cửa Việt đã xảy ra sau khi cuộc ngưng bắn có hiệu lực và vào khi ghé thăm Hà Nội ngài đã nói với tôi rằng đó là vụ vi phạm Hiệp định.

HK: Thì cũng như vụ phía ngài đánh chiếm Sa Huỳnh.

LĐT: Vụ Sa Huỳnh bị đánh chiếm đã xảy ra trước cuộc ngưng bắn, vài ngày trước khi ngưng bắn.

HK: Theo hiểu biết của tôi thì Ủy ban ICCS đã hoàn toàn thống nhất rằng đó là vụ vi phạm Hiệp định, lần này làm đại biểu Ba Lan bị mất việc. [Cười].⁹⁰

o

Không chỉ ông cố vấn về an ninh quốc gia của Tổng thống Hoa Kỳ, mà phía truyền thông quốc tế cũng không thể bỏ qua không nhắc tới địa danh Sa Huỳnh:

Hơn thế nữa, các lực lượng Bắc Việt, tiếp tục các cuộc tấn công quân sự lớn hơn nhằm mở ra các tuyến tiếp tế mới và mở rộng sự kiểm soát của họ, như ở khu vực Sa Huỳnh thuộc phía nam tỉnh Quảng Ngãi.⁹¹

Cũng vì trọng lượng của các điều khoản có tên “điều 4”,

(90) - Bản Ghi Nhớ Số 1 của Cục Sử liệu thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tập 42 về Bang giao Quốc tế thời kỳ 1969-1976, chủ đề Việt Nam, các cuộc thương thuyết giữa Kissinger và Lê Đức Thọ, Tài liệu số 59, trang 1550 và 1551.

(91) - Nhật báo The New York Times ngày 25/04/1973, trang 10

“điều 7” và “điều 11” không nhẹ nhàng để có thể lướt qua nên cả hai nhân vật từng cùng ẵm giải Nobel Hòa Bình năm 1973 đã phải tranh cãi nhau quyết liệt:

Điều khoản số 4-e (của Nghị định thư)

Sẽ có bảy tổ, trong đó có sáu tổ có thể được cử đến các cửa khẩu không nằm trong danh sách nói ở Đoạn (d) trên đây, mà được hai bên miền Nam Việt Nam chọn làm nơi cho phép đưa vào miền Nam vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh được phép thay thế theo Điều 7 của Hiệp định. Tổ nào hoặc những tổ nào không cần cho nhiệm vụ nói trên có thể dùng vào nhiệm vụ khác phù hợp với trách nhiệm kiểm soát và giám sát của Ủy ban.

Điều khoản số 7 (của Hiệp định về Chấm dứt Chiến tranh)

Hai bên miền Nam Việt Nam được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh đã bị phá hủy, hư hỏng, hao mòn hoặc dùng hết từ sau khi ngưng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng, có sự giám sát của BLHQs hai bên miền Nam Việt Nam và UBQTKS&GS.

Điều khoản số 11-g (của Nghị định thư)

(g) Các Đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam có thể thành lập qua sự thỏa thuận với nhau những Tiểu ban và những Tổ Liên Hợp Quân sự lâm thời để thực thi những nhiệm vụ cụ thể quy định cho họ theo điều 17 của Hiệp định. Đối với điều 7 của Hiệp định, hai Đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên Hợp Quân sự bốn bên sẽ lập những Tổ Liên hợp Quân sự tại những cửa khẩu vào miền Nam Việt Nam dùng cho việc thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh quy định theo Điều 7 của Nghị định thư này.⁹²

o

(92) - “Hiệp định Paris về Việt Nam Năm 1973 qua tài liệu của Chính quyền Sài Gòn”, tập 2, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2012.

Sa Huỳnh có tên hành chánh là phường Phở Thanh, xã Phở Châu, quận Đức Phở nằm ở vị trí cực nam tỉnh Quảng Ngãi. Thoạt tiên, địa danh này được gọi là *Sa Hoàng* (沙黃: bãi cát vàng), nhưng chữ *hoàng* trùng với tên của chúa Nguyễn Hoàng nên người dân được lệnh tránh kỵ húy, đọc lệch ra thành *huỳnh* – dù rằng *hoàng* hay *huỳnh* cũng chỉ là *màu vàng*. Biệt lệ kỵ húy này chỉ áp dụng ở các địa phương từ Huế và một phần nhỏ Quảng Trị trở vào phía nam.

Tầm cỡ của Sa Huỳnh vào thời điểm tháng 1 và 2/1973 quan trọng như trên nhưng lại đã được nhà văn Trần Thy Vân cất giấu.

o

Trong vấn đề chỉ huy, ngoài việc đại đội trưởng Trần Thy Vân tự khai việc tiết lộ tin tức mật của cuộc hành quân cho một phụ nữ ở Quảng Ngãi, ở chương 6, tác giả còn thoải mái kể về vụ bắn hạ máy bay Mỹ trong một vụ oanh tạc lâm:

“Trong khi hai đơn vị vừa gọi máy báo kết quả sơ khởi lên BCH Tiểu đoàn 21, còn ở Thành Nội, vừa chuẩn bị đánh tiếp, thì bất ngờ có chiếc L20 của Mỹ bay vòng vòng quan sát lại bị Cộng quân bắn cháy, rồi lao đảo rơi ngoài biển, pilot nhảy dù được. Vì chuyện trên trời đó, mà một trực thăng, chiến đấu cơ Cobra, từ đâu hướng tây lướt tới nã rocket lẫn đại liên, loại 6 nòng, xuống làm lính tráng hai đại đội chết và bị thương tùm lum, thiếu điều rối loạn. Thấy vậy, địch trong các chòm dưới thừa cơ xông ra vây đánh ba mặt. Đang thế công, Biệt Động Quân thành thụ động, chống trả cùng lúc bốn mũi hỏa lực dữ dội của kẻ thù dưới đất và bặt trên không. Mặc dù Đại đội 2 ném liên tục mấy trái khói màu, đồng thời gọi xin Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn can thiệp gấp, nhưng bọn trực thăng vẫn chưa nhận hiệu sự lâm lãn này, còn quành lại thật thấp toan xạ kích đợt hai. Lập tức, không để nó ra tay lần nữa, tôi hạ lệnh cho các xạ thủ Đại liên 60 cơ hữu cùng toán Thám Báo đang gồm sẵn các phóng tiễn M72 đồng loạt bắn lên. Trong nháy mắt chiếc Cobra hung thân ấy nổ tung trên bầu trời, rồi rơi là tả đầu một nơi, đuôi một nẻo quanh vùng.” (trang 99).

Hạ lệnh cho các xạ thủ đại liên M60 và hỏa tiễn M72 LAW chống tăng để đồng loạt bắn lên làm chiếc Cobra nổ tung, không biết mười một năm sau, ngày 21/09/1983, khi xin nhập cảnh vào tị nạn ở đất nước của người phi công Mỹ bị mình ra lệnh giết, ông Vân có chút chạnh lòng với lương tâm, và tự đánh giá hành động cầm quân của mình ngoài trận địa khi xảy ra tai nạn “bắn lầm quân bạn”, đến một trung úy VNCH phải hạ lệnh cho binh sĩ thuộc quyền đồng loạt bắn tan xác phi công Mỹ rồi lấy làm hãnh diện viết vào sách? Giá như miền nam Việt Nam không sụp đổ, và bị truy tố ra tòa án quân sự, bị cáo tự biện hộ mình là anh hùng, hay tiểu nhân?

Trong chiến tranh, việc quân ta bắn vào quân bạn là chuyện không ai muốn, nhưng khó có thể tránh. Ngay bên phía đối phương cũng đã có những “tai nạn” như thế. Trong số các sách viết về chiến tranh của các tác giả miền bắc, chúng ta đọc thấy kể lại 2 mẫu chuyện sau đây, nhưng sách vẫn được Hà Nội cho phép in ấn và phát hành.

“Hôm ấy B4 tổ chức chốt, trời quang không mưa mà còn hơi hừng nắng. Thấy trời đẹp, một nhóm cán bộ B, C mò lên phía trước chốt để nắm tình hình địch, cũng định kiếm cơ hội làm một trận tập kích lấy khí thế. Bình thường thì khi ở chốt hay luôn sâu mà đi trinh sát thì sẽ theo nguyên tắc đi lối nào, trở về lối đó cho dễ hiệp đồng và bắt liên lạc. Chiều đó, các anh đi trinh sát vẫn theo lối cũ trở về bình thường, chỉ trừ B phó Dương. Có lẽ cũng là số phận hay sao ấy. Trung đoàn tôi có lệnh cầm lấy quân trang của địch, nhưng nếu có cơ hội thì lính ta vẫn lấy vụng để đem về tuyến sau đối thuốc lá. Khi ấy anh Dương cũng đang giấu trộm một cái mũ thám báo vải dù rằn ri của địch, mà anh ấy lấy từ trận trước. Trong rừng gặp mưa, đôi khi anh ấy cũng lấy ra đội.

Lần này đi trinh sát, anh Dương lại giắt cái mũ trong người, rồi vô tình đội lên đầu lúc nào mà không để ý. Lúc về chốt, anh ấy không cùng mọi người về theo lối cũ, mà lại rẽ ngang một mình xuống suối làm gì đó, rồi cứ ngược theo sườn dốc ấy mà đi lên chốt. Quanh chốt toàn cây cứt lợn cao ngang đầu người. Anh Định (A trưởng) đang ngồi chốt thấy đám cây phía trước lay động, rồi có tiếng người vạch cây loạt xoạt mà đi. Chắc lúc ấy anh Định cũng hơi buồn ngủ rồi chợt tỉnh, nên khi thấy trên phía lùm cây có cái mũ

thảm báo nhập nhô là bắn luôn. Không may cho anh Dương là anh Định cũng không phải là tay bắn xoàng trong đơn vị.

Một loạt AK nổ chói tai kèm cái ngã ụch và tiếng rống lên ô ô không thành tiếng. Anh Định lại bồi thêm một loạt AK nữa cho chắc ăn. Cả chốt nghe tiếng súng cũng vội vào tư thế chiến đấu. Một lúc lâu chẳng thấy thêm động tĩnh gì, mọi người yểm hộ nhau lên kiểm tra thì hơi ôi, chẳng thấy địch đâu, chỉ thấy anh Dương đã tắt thở trên vũng máu, người lỗ chỗ vết đạn. Anh Định mặt cắt không còn hột máu, quỳ xuống ôm xác anh Dương mà khóc không thành tiếng. Chúng tôi ai cũng sợ.”⁹³

Chuyện thứ nhì, xảy ra trong trận đánh căn cứ Bảo Đức⁹⁴ ngày 15/07/1974 do 2 đại đội Biệt Động Quân VNCH trú đóng; mật danh của căn cứ trong trận đánh là Y3:

“Một điều đáng tiếc và đau xót là khi đánh vào căn cứ địch và bắt liên lạc với nhau, lính của C2 bên K15, trước khi nhận ra chúng tôi lại bắn nhầm vào phía sau lưng của anh Thu, lính Bắc Thái, là một A trưởng trong B tôi, khi anh ấy vừa rẽ ngang một nhánh hầm, khiến anh hy sinh.”⁹⁵

Ghi nhận của phía VNCH cũng không thiếu những vụ bắn lầm vào quân bạn khi yểm trợ hỏa lực. Vào ngày thứ nhì của trận đánh Ban Mê Thuột, hôm 11/03/1975 – dẫn đến việc Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng 7 tuần lễ sau – hẳn mọi người còn nhớ chi tiết lịch sử đau xót:

“Khi trận pháo kích ngưng lúc 7 giờ sáng, xe tăng có bộ binh từng thiết lại dốc sức mở cuộc tấn công vào doanh trại. Thêm lần nữa, chiến xa của Việt Cộng làm lệch cán cân. Khi đoàn xe tăng tới căn cứ, Đại tá Luật đang nằm chờ sẵn trên mũi chiếc thiết vận xa M-113 có trang bị súng 106 ly không giật. Chiếc tăng thứ nhất lọt vào tầm đạn, ông Luật ra lệnh khai hỏa – nhưng cây súng không giật bị trở ngại tác xạ. Thấy rõ tình thế nguy hiểm, Luật gọi máy cho các phi công A-37 đang bay vòng gần đó yểm trợ hỏa lực. Lao tào xuống, các khu trục nhắm trật mục tiêu và thay vào đó, đã đánh đúng vào tổng hành dinh hành quân Sư đoàn 23, triệt hạ máy phát sóng,

(93) - “Hồi Ức Lính”, Vũ Công Chiến, NXB Trẻ, tái bản lần thứ nhất năm 2016, trang 181, 182

(94) - Căn cứ này do 2 đại đội BĐQ, trực thuộc Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân do Trung Tá Lê Tất Biên, Liên Đoàn Trưởng, và Thiếu tá Võ Văn Thi, Liên Đoàn Phó chỉ huy.

(95) - “Hồi Ức Lính”, Vũ Công Chiến, NXB Trẻ, tái bản lần thứ nhất năm 2016, trang 500.

làm bị thương và làm chết nhiều binh sĩ. Mặc dù bị cắt liên lạc, binh sĩ VNCH vẫn tiếp tục chiến đấu, nhưng sự dũng cảm của họ chỉ hoài công. Tới 11 giờ sáng, toàn bộ doanh trại đã bị chiếm đóng.”⁹⁶

Nếu Trần Thy Vân chưa tin vụ ném bom sai làm chết quân bạn và góp thắng lợi cho quân địch trên đây, xin mời trung úy nhà văn tham khảo lời kể của một người khác:

“Ngày 11 tháng 3, 1975.

Sư đoàn 316 tổng trừ bị Cộng sản Bắc Việt vừa di chuyển từ miền Bắc vào, và mới tới trận địa hồi đêm. Những báo cáo tiên khởi trong hai giờ đầu cho biết Trung đoàn 53 Bộ binh bị thiệt hại rất nặng.

7 giờ 45 phút sáng, đích thân tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột, Đại tá Vũ Thế Quang gọi lên Trung tâm Hành quân Quân đoàn II cho biết tình hình vô cùng nguy ngập. 10 chiến xa Cộng sản Bắc Việt đang bắn trực xạ vào Bộ Tư lệnh Sư đoàn.

Người sử dụng máy siêu tần số lúc đó là Trung tá Không quân Vũ Văn Giang, Giám đốc Không trợ II. Bằng những nguy thoại, ông cho biết đoàn phân lực cơ cất cánh từ Nha Trang đang trên đường, và sắp tới vùng trời Ban Mê Thuột.

7 giờ 55 phút, hai chiếc phân lực cơ A.37 lao xuống mục tiêu, những chiến xa Cộng sản Bắc Việt, và đánh vô cùng chính xác. Nhưng chỉ mấy phút sau, bỗng nghe tiếng Đại tá Quang hét lên trong máy truyền tin:

- O!... “nó” đánh trúng tôi!!!

8 giờ. Đó là giờ phút của “định mệnh”. Hai trái bom đã thả trúng hãm Chỉ huy và Truyền tin của Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột. Và Trung tâm Hành quân Quân đoàn II mất liên lạc với Ban Mê Thuột từ lúc đó.

Nghe câu sau cùng của Quang, tự nhiên tôi thấy đau lòng và đưa mắt nhìn Giang. Quang, Giang và tôi đều là bạn.

... ..

Giây phút cuối cùng của Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột sau này được ghi nhận với những dữ kiện đặc biệt. Buổi sáng khi hai

(96) - “Tháng Tư Hắc Ám”, George Veight, Nhà Encounter xuất bản tại New York năm 2012, các trang 166 & 167

trái bom 500 cân Anh của Không quân đánh sập một đầu hầm Trung tâm Hành quân của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, một số sĩ quan trong bộ tham mưu đã thoát lên được. Trên một thiết vận xa M-113, Đại tá Vũ Thế Quang sử dụng máy truyền tin liên lạc với chiếc máy bay chỉ huy, cho lệnh các phân lực cơ trút bom ngay xuống bộ Tư lệnh Sư đoàn hiện đang bị địch quân tràn ngập. Và cho biết sẽ rút về phía Trung đoàn 53 Bộ binh tại phi trường Phụng Dực để tiếp tục chỉ huy. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, chiếc thiết vận xa chỉ huy bị bắn cháy, Đại tá Quang thoát chết trong gang tấc. Cộng quân lúc này đầy khắp các ngã đường trong thành phố cùng với những đoàn xe tăng của chúng.

Đến xế trưa ngày 11 tháng 3, bên cạnh Đại tá Quang chỉ còn có người Thiếu úy Sĩ quan Tùy viên và một người lính. Không thể đi tới được phi trường Phụng Dực và cũng không còn phương tiện truyền tin để liên lạc, ba người đã ẩn tránh trong một vườn cà phê mấy tiếng đồng hồ, đợi đêm tối nhắm hướng nam đi về phía Quảng Đức.

2 giờ sáng ngày 12 tháng 3, đi được khoảng 6 cây số đường rừng ngay khi vừa tới sát một làng Thượng, thì bị Việt cộng nổ súng, xông ra vây bắt.⁹⁷

Trong sách báo thế giới về chiến tranh, người ta viết không ít về các tai nạn “quân ta giết lầm quân bạn”. Nhiều đến mức các tác giả đã đồng lòng dùng tập ngữ “*quân xanh dương giết quân xanh dương*” (blue on blue), hay chọn danh từ “*fratricide*” để thay cho “friendly fire”. “*Fratricide*” là từ mới, ghép các chữ Latinh *frater* (anh em) với *cida* (sát nhân) hay với *cidum* (một án mạng) để diễn nghĩa anh em ruột sát hại nhau – dù trực tiếp, hay gián tiếp bằng cách thuê mướn người thứ ba. Nạn nhân không nhất thiết phải là anh chị em ruột, nhất là trong khái niệm quân sự, từ ngữ *fratricide* được dùng khi một nhân viên quân sự làm chết một đồng đội, cùng phe chiến đấu với mình.

Việc dùng thuật ngữ *hỏa lực của quân bạn* (friendly fire) bắt đầu từ trong Chiến tranh Thế giới Thứ Nhất, thường là khi đạn pháo bắn qua phòng tuyến địch bị thiếu thuốc bồi, rơi vào chính vị trí quân ta. Thuật ngữ này được Thiếu tướng Samuel Lyman Atwood Marshall, một cựu chiến binh Chiến tranh Thế

(97) - “Cuộc triệt Thoái Cao Nguyên 1975”, Phạm Huân, tác giả tự xuất bản tại San Jose, California năm 1993, các trang 59, 60, 62, 63.

giới Thứ Nhất kiêm sử gia viết về Chiến tranh Thế giới Thứ Nhì sử dụng lần đầu vào năm 1947.⁹⁸

Sau khi liên minh quân sự dựa trên Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) được ký kết vào ngày 4/04/1949, quân đội các quốc gia trong tổ chức này được xác định trên bản đồ bằng cờ xanh dương còn các đơn vị của lực lượng Hiệp ước Warsaw được đánh dấu bằng cờ đỏ. Hiệp ước Warsaw là liên minh quân sự được ký kết tại thủ đô Ba Lan năm 1955, giữa 8 nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa ở Trung và Đông Âu, gồm Liên Xô, Albania, Ba Lan, Bulgaria, Đông Đức, Hungary, Romania và Tiệp Khắc, do Liên Xô thành lập và chỉ huy nhằm chống lại khối quân sự NATO. Từ đó, mỗi khi xảy ra tai nạn súng đạn của bên NATO gây tử vong cho quân đội cùng liên minh, người ta gọi tắt là “*xanh giết xanh*”.

Đề cập đến vấn đề tồn thất vì hỏa lực quân bạn, Tướng Robert E. Rasmussen, tư lệnh Hải quân Hoa Kỳ phân tích:

“Mặc dù công nghệ đã có các tiến bộ rất đáng kể, hiện tại vẫn không có hệ thống phổ quát nào để có thể xác định đích xác các lực lượng quân bạn hoặc các mục tiêu địch thù. Lực lượng Hoa Kỳ và đồng minh vẫn phụ thuộc ngày càng tăng vào tính chính xác của thông tin nhằm xác định vị trí và khẳng định các mục tiêu. Không lực càng phụ thuộc nhiều hơn vào các nguồn tin bên ngoài không quân để tính toán dữ liệu cho mục tiêu chính xác, và số bom đạn ném xuống các tọa độ đang ngày càng tăng, dựa vào các nguồn cung cấp tin và các máy cảm biến, làm tăng nguy cơ đánh sai mục tiêu. Khả năng chính xác của vũ khí hiện đại đã vượt qua khả năng của quân đội để tách biệt chính xác giữa quân bạn, đối tượng trung lập và địch, để chuẩn hóa các mục tiêu lý tưởng.

Đánh sai mục tiêu không phải là một cuộc khủng hoảng, nhưng vẫn là một cuộc phối hợp chung, nghiêm túc, lâu dài để cho phép phi hành đoàn tách biệt kẻ thù với quân bạn và với những đối tượng không chiến đấu là vấn đề có thể đạt tới và phải theo đuổi tới cùng.

Vào năm 1968 trên chiến trường Việt Nam, một chiếc F-4 bay vào mục tiêu để yểm trợ hỏa lực cho quân bạn gần Ban Mê Thuột đã vô tình ném bom napalm xuống một nhà thờ, làm chết 13 thường dân

(98) - “Men Against Fire: The Problem of Battle Command” (Con người Đối đầu với Súng đạn: Vấn nạn Chỉ huy Chiến trường), do Viện Đại học Oklahoma xuất bản năm 1947, trang 193.

và làm bị thương 6 người khác. Cùng năm này, một chiếc Phantom khác tiến hành hỗ trợ không lực tầm gần (close air support), tấn công vào các mục tiêu địch sát nách với quân bạn dưới mặt đất, đã diễn dịch sai về vị trí của quân bạn nên đánh bom nhầm quân ta, giết chết 3 và làm bị thương 12 binh sĩ. Vẫn trong năm 1968 này, hai chiếc F-100 đã đánh nhầm vị trí bạn, làm bị thương 5 người. Và vào cuối năm, một chiếc A-7 của Hải quân đã đánh bom một bộ chỉ huy hành quân của Sư đoàn 101 Không vận Kỳ binh ở thung lũng A Shau gần Huế, làm 55 người thương vong.⁹⁹

Cũng may, trung úy Trần Thy Vân mới chỉ giết một phi công Mỹ, và làm một máy bay Cobra “nổ tung trên bầu trời, rôi rơi lả tả đầu một nơi, đuôi một nẻo quanh vùng.” Giả như trong trận chiến tranh vùng Vịnh thứ nhì Trần Thy Vân là ông xếp Ngũ Giác Đài, hay chỉ cần là một phi đoàn trưởng, thì khó có thể đoán được ông đã ra lệnh giết chết thêm bao nhiêu quân nhân vì các “tội” đánh lầm dưới đây:

“Vào ngày 22 tháng Ba¹⁰⁰, một hỏa tiễn địa không AN/MPQ-53 của Lục quân Mỹ đã bắn tan xác một chiếc máy bay cường kích Tornado của Không quân Hoàng gia Anh, giết chết hai thành viên phi hành đoàn. Hệ thống Patriot đã nhầm máy bay là một tên lửa đến. Cái tên “Patriot” không có nghĩa là “nhà ái quốc”, mà là tên tắt của tập ngữ “Phased Array Tracking Radar to Intercept on Target” (Radar theo dõi mảng theo pha để đánh chặn mục tiêu), nhưng sự cố bắn lầm này chứng minh hệ thống điện tử sử dụng để xác định máy bay quân bạn đã thất bại. Ba hôm sau, một hệ thống Patriot khác đã khóa chiếc F-16 của Không quân Mỹ vào tầm ngắm, nhưng phi công đã kịp phát hiện bị radar khóa nên đã kịp thời phá hủy đĩa radar bằng hỏa tiễn chống bức xạ tốc độ cao, nên tránh được thương vong. Một tuần sau, cũng hệ thống Patriot đã bị quy lỗi vì triệt hạ một máy bay chiến đấu F/A-18C của Hải quân vào ngày 2 tháng 4. Chiếc Hornet này đã vượt qua miền trung bộ Iraq khi bị bắn hạ; hơn một tuần sau, các toán tìm cứu vẫn chưa tìm được xác phi công.

Một trường hợp bắn lầm khác xảy ra vào ngày hôm sau, khi

(99) - “Lầm Mục Tiêu – Vấn nạn đánh sai mục tiêu gây thương vong cho quân bạn và thường dân”, tác giả Robert E. Rasmussen, do Trường Liên hợp Chiến đấu Cao cấp Bộ Hải quân xuất bản năm 2007 tại Norfolk, VA 23511.

(100) - Năm 2003.

một máy bay chiến đấu F-15E của Không quân đã ném nhảm bom vào một đoàn xe của Lực lượng Đặc biệt Mỹ và các đồng minh người Kurd. Ba người Mỹ, một người lính Kurd và một nhà báo đã thiệt mạng trong vụ này, chưa kể ít nhất năm nhân viên Mỹ và một số người Kurd khác bị thương.

Nhật báo *Washington Post* đề ngày 7/04/2003 ghi nhận rằng trong Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991, có 35 trong số 148 trường hợp tử vong của phía Mỹ (24%) là kết quả của các vụ bắn lầm, và trong Chiến tranh Vùng Vịnh thứ Nhì, 13 trong số 71 trường hợp tử vong của Hoa Kỳ (18%) cũng do hỏa lực bạn.¹⁰¹

Trong chương trình “*Vấn và Đáp*” của hệ thống truyền hình ABC của Mỹ phát đi ngày Chủ Nhật 27/06/1971, ký giả Howard Tuckner thuộc Văn phòng ABC Sài Gòn khi trực tiếp phỏng vấn Đại tá Lục quân David H. Hackworth đã đặt câu hỏi:

“Nhà báo TUCKNER: Theo quan điểm của ông, có phải việc huấn luyện kém dẫn đến thương vong cao hơn ở Việt Nam?”

Đại tá HACKWORTH: Tôi tin chắc có điều đó. Tôi nghĩ rằng thương vong của chúng ta cao hơn ít nhất ba mươi phần trăm – hay thậm chí còn cao hơn thế, nhưng tôi dám đoán quyết một cách an toàn rằng, ba mươi phần trăm cao hơn là vì lính tráng không được huấn luyện đúng cách. Tôi đã từng tham gia vào một nhóm nghiên cứu của Ngũ Giác Đài vào năm 1967 kéo qua đầu năm 1968, nhằm truy cứu con số thương vong của Hoa Kỳ do hỏa lực quân bạn, và nhóm chúng tôi bao gồm các nhân vật giàu kinh nghiệm đã phục vụ tại Việt Nam; và đi đến kết luận chung rằng từ 15 đến 20% thương vong tại Việt Nam là kết quả của các vụ do hỏa lực quân bạn – một binh sĩ này bắn vào một chiến sĩ kia; pháo binh ta bắn vào pháo binh mình; trực thăng mình khai hỏa vào một đơn vị bạn; không quân chiến thuật oanh kích đơn vị đồng minh; và tôi có thể liệt kê cho anh nghe các trường hợp mà riêng tôi biết, vô số ví dụ cá nhân. Ví dụ, trong trận Đắc Tô, ngày 17 tháng Sáu, một trực thăng vũ trang đã đánh vào vị trí Đại đội A của tôi do nhầm lẫn và bắn hỏa tiễn xuống vị trí đơn vị, làm chết sĩ quan chỉ huy và làm bị thương thêm hai mươi chín binh sĩ khác. Hoặc tôi có thể nhớ lại lần tháng 9/1965 khi

(101) - “Đối đầu với nạn hỏa lực bạn bắn lầm”, bài báo đăng trên Tạp chí AIR FORCE, số phát hành tháng 5/2003, trang 22.

tiểu đoàn của tôi đang triển khai, pháo binh đã bắn nhằm mục tiêu giết chết bảy người trong một trung đội của tôi.”¹⁰²

o

Với một số các đặc điểm trong nhận định, phán đoán và phản ứng của sĩ quan Trần Thy Vân như trên, những tường đã quá đủ để chúng ta có thể để ông ta sang một bên. Tuy nhiên, những điều mà tác giả vu cáo trong phần viết về “Đại Lộ Kinh Hoàng” có tính bẻ cong lịch sử, và kết quả của việc gian dối hóa để tự vinh danh bản thân mà ông Vân *ngụy tạo*, đến nay, theo chỗ chúng tôi biết, đã trở thành “bằng chứng” để một số người của “bên thắng cuộc”¹⁰³ tận dụng và khai thác, để đánh lộn việc thẩm sát của phía cộng sản vào ngày đầu tháng 5/1972, tại Hải Lăng. Do đó, chúng tôi xin đi vào những điều mà chúng tôi vừa gọi bằng động từ “*ngụy tạo*”.

Thực ra thì người viết sẽ không mất thời giờ với ông trung úy bạt mạng Trần Thy Vân nếu sự bạt mạng của ông chỉ liên quan đến cá nhân ông. Thế nhưng người viết đã buộc phải lên tiếng khi sự bạt mạng đó đã đi đến mức gán tội cho đồng đội và tạo điều kiện cho thủ phạm chạy tội.

Để phân tích tiếp, xin lần lượt điểm lại từng câu chất vấn của Đoàn Lý, cùng các vấn đề phát sinh trong khi phân tích tác phẩm của Trần Thy Vân, để chúng ta cùng ngồi xuống khảo sát, bổ túc và san sẻ cho nhau:

► *Phía nào đã nã pháo vào đoàn người? Pháo binh miền Bắc từ trên dãy Trường Sơn nhằm lẫn giữa thường dân chạy loạn với binh lính rút chạy từ Quảng Trị về Huế, hay cùng với đạn pháo của Bắc quân, có cả đạn pháo của hải quân VNCH ở ngoài khơi Mỹ Thủy như trong hồi ký của một tác giả miền Nam?*

(102) - Cuộc phỏng vấn này được David Hackworth ghi lại nguyên văn, và đăng lại trong tác phẩm “*About Face*” ông viết chung với Julie Sherman, do nhà Simon & Schuster đồng loạt xuất bản năm 1989 tại New York, London, Toronto, Sydney, Tokyo và Singapore, trang 776.

(103) - Tên bộ sách 2 cuốn của Huy Đức do tác giả tự xuất bản năm 2012.

Khi đã chọn sử dụng chữ đoàn người, và đoàn người ấy lại được nêu vấn đề trong phạm vi Đại Lộ Kinh Hoàng, mặc nhiên chúng ta chỉ đề cập tới số người gồm lính rã ngũ và thường dân bị kẹt trên đoạn QL1 giữa cầu Bến Đá và cầu Dài 2. Một số dân địa phương như cố ký giả Đoàn Kế Tường gọi cầu Dài 2 là “Trường Phước” – theo tên của một xã ấp rất nhỏ nằm ở phía tây nam cầu. Trong tuyển tập này chúng tôi sẽ giữ lại tên Cầu Dài 2.

Trong chiến tranh, thay vì thuộc quân chủng Hải quân hay Không quân, tôi là lính bộ, lại chọn máy ảnh làm vũ khí. Do đó, hiểu biết của tôi về pháo binh kể như ngang với số không, trong khi trung úy Trần Thy Vân từng tốt nghiệp khóa 22 Pháo Binh, tất nhiên ông phải biết việc khai hỏa một trái đạn pháo không đơn giản như rút súng Colt 45 ra nỏ vào rốn ông trời, mà phải theo đúng *Cẩm nang Hướng dẫn Kỹ thuật TM-9-331* do Quân lực Hoa Kỳ cung cấp đi chung với cây súng được trang bị cho mỗi khẩu đội pháo binh VNCH. Theo nguyên tắc, cứ 6 khẩu đội thành một pháo đội, ngược lại, mỗi tiểu đoàn pháo binh trực thuộc sư đoàn (như Bộ Binh, Nhảy Dù, TQLC) có 1 pháo đội chỉ huy và 3 pháo đội tác xạ. Chi tính riêng mỗi khẩu đội đã phải có 12 binh sĩ: khẩu đội trưởng, chuyên viên nhắm (tọa độ, xạ bản, độ dạt của gió, tầm bắn...), 2 người phụ trách nâng mâm đạn, 2 người phụ trách cây tổng đạn, người giạt cò & kéo cơ bấm, người lo thuốc bồi, người gắn đầu nỏ và 3 người chuyên vận đạn tới súng. Trên tàu hạm, do kích cỡ và trọng lượng quả đạn lớn hơn pháo binh trên bộ, mặc nhiên phận sự của mỗi khẩu đội không thể bớt đi, để một mình làm thay công việc của 12 người như ông Trần Thy Vân viết, “ông hạm trưởng nào đó đã không nắm vững tình hình ở đất liền, hoặc vì ‘tàu lắc lư làm sao viết thư tình’, nên buồn bực sáng để mai một về ‘cấp bến’ kể em nghe anh vừa chơi một trận hải chiến đầy... tương tượng trên sóng nước Trị Thiên.” (trang 119)

Dù chỉ hư cầu, nhưng hư cầu cũng phải dựa vào các yếu tố kỹ thuật và chuyên môn cơ bản để có thể tin. Đó là chưa kể bản thân tác giả vào thời điểm ấy chỉ là một quân nhân chạy thừa sống thiếu chết để thoát ra khỏi các đợt pháo mà ông cương

quyết cáo buộc rằng “đoạn đường này lại bị đại bác Hải Quân của ta ngoài khơi nã vào làm chết thêm một số nữa. Các quả đạn cực mạnh nổ tung lên giữa nhiều đám người khiến quân với dân như cát với bụi.” (trang 119). Không cần phải là sĩ quan, cũng không cần phải là quân nhân, mà thường dân trong thời chiến cũng có thể hiểu rằng khi một đơn vị đóng quân, họ được bảo vệ bằng hàng rào phòng thủ trong đó có cả các loại mìn bẫy. Nếu trên đường chạy tìm sự sống, mình xâm nhập hàng rào phòng thủ để tự tìm cái chết, cái chết ấy không thể quy lỗi cho những người lính đã cài mìn trước đó. Cũng thế, ở ngoài chiến trường, các đơn vị quân sự cũng phải được bảo vệ bằng vòng rào phòng thủ của pháo binh, của phi pháo hay hải pháo khi cần thiết. Trong tình trạng loạn quân loạn quan của ngày mất Quảng Trị, trong khi tất cả mọi đơn vị quân đội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị mạnh ai nấy chạy, trà trộn với dân trong đó có cả tiền sát viên pháo binh của địch – chỉ còn mỗi Thủy Quân Lục Chiến trụ lại và lập phòng tuyến để chiến đấu.

Nhưng mức độ sai lầm đến mức sai trái của tác giả vẫn chưa ngừng ở đó khi ông viết “đoạn đường này lại bị đại bác Hải Quân của ta ngoài khơi nã vào...”

Với câu hỏi này của Đoàn Lý, tôi đã tìm hiểu thêm về hải sự VNCH, và thấy trong suốt cuộc chiến Việt Nam, phía Mỹ không hề trang bị cho HQ/VNCH hải pháo hạm, mà chỉ có 5 chiếc giang pháo hạm (*Landing Ship Infantry Large / LSIL*) hoạt động trên sông rạch ở Vùng 4, mang tên *Long Dao HQ 327*, *Thần Tiên HQ 328*, *Thiên Kích HQ 329*, *Lôi Công HQ 330* và *Tâm Sét HQ 331*. Hai chiếc *HQ 327* và *HQ 328* không thấy được nhắc đến vào thời điểm biến cố 30/04/1975, còn số phận 3 chiếc còn lại như sau:

Trong những ngày cuối cùng của VNCH, lực lượng Hải Quân tại Phú Quốc gồm 4 chiến hạm: Trợ chiến hạm Nguyễn Ngọc Long HQ 230 do thiếu tá Nguyễn Nguyên làm hạm trưởng, Tuần duyên hạm Minh Hoa HQ 602 do đại úy Ngô Minh Dương chỉ huy, Giang pháo hạm Tâm sét HQ 331 dưới quyền điều động của thiếu tá Phan Tấn Triệu và Giang pháo hạm Lôi công HQ 330 đặt dưới quyền

thiếu tá Nguyễn Văn Anh. Sau khi tách bên HQ 330 chạy vòng quanh phía nam Phú Quốc để về điểm hẹn ngoài khơi Hòn Khoai. HQ 331 bị cháy cả 2 máy, trên tàu có khoảng 200 người, nên được HQ 330 kéo theo. Sau khi mất liên lạc với nhóm tàu dự trù đến Côn Sơn, đoàn tàu 4 chiếc do HQ 330 dẫn đầu kéo theo HQ 331, tiếp đó là HQ 230 và sau cùng HQ 602 quyết định đi Singapore... Hiện nay, hai chiếc HQ 329 và HQ 330 có trong danh sách của Hải Quân Philippines, còn chiếc Tâm Sét HQ 331 được ghi là... không rõ số phận.¹⁰⁴

Như thế, chúng ta thấy được lời trung úy BĐQ Trần Thy Vân kết án pháo hạm VNCH bắn bừa bãi làm chết dân và lính rã ngũ khi mất Quảng Trị là không có căn cứ.

Mất Quảng Trị, Trần Thy Vân chỉ suy đoán và tương tượng những gì xảy ra sau lưng sau khi ông chạy vào Huế hôm đầu tháng 5/1972 và không thấy kẻ đã quay trở lại chiến trường cũ để tìm biết những gì đã xảy ra. Chính trên khu vực cồn cát mà tác giả miệt thị “*Hải Quân của ta ngoài khơi nã vào làm chết thêm một số nữa*” – ngày 29/06/1972, Đoàn Kế Tường và tôi 2 đứa đã chui lên 2 chiếc trực thăng của TQLC Mỹ từ Hạm đội Thứ Bảy vào, đáp dọc ở Tân Mỹ, trên con lộ từ Huế đi cửa Thuận An, đề bốc TQLC đổ xuống phía bắc sông Ô Lâu (phòng tuyến Mỹ Chánh), chính thức phản công tái chiếm Quảng Trị. Theo chân tiền quân của Tiểu đoàn 1/TQLC của thiếu tá Nguyễn Đăng Hòa, chúng tôi gặp rất nhiều vỏ đạn hải pháo loại lớn hơn đạn 175 ly, 155 ly và 105 ly của pháo binh VNCH. Và sau khi chất đầy binh sĩ lên tàu, đoàn trực thăng chúng tôi bay ra xa ngoài khơi, quần quanh bên trên các chiến hạm của Mỹ đang phối hợp tác xạ và dọn bãi đáp cho chúng tôi xuống: B-52 trải thảm giữa tinh lộ 555 (mà Bernard Fall đặt tên là “Con phố Buồn Thiu”) và QL1, hải pháo Mỹ phủ xuống hướng bắc, trong khi pháo binh TQLC bắn chặn phía sau, phía còn lại là biển. Bom B-52 vừa nổ xong còn nghi ngút khói, từng chiếc trực thăng đáp lộn xuống hố bom để tránh đạn, hạ cánh cửa sau xuống để chúng tôi lao ra tựa vào bờ đất của hố bom bao quanh máy bay. Tàu cất cánh, binh sĩ TQLC trèo lên mặt

(104) - “Chuyến Hải hành sau cùng của Hải Quân VNCH, tháng 4-1975”, tác giả Trần Lý phổ biến vào tháng 3/2012)

đất bắt đầu nổ súng, đánh kiểu vết dầu loang, để vừa tập hợp các đơn vị cấp trung đội, vừa bắt sống tù binh đối phương.

Như thế, đạn pháo biển từ ngoài khơi bắn vào như Trần Thy Vân viết có khả năng có thật, chỉ có điều không do “Hải Quân của ta”, mà do chiến hạm Mỹ câu vào bờ, trúng vào đoàn người “hàng trăm ngàn người” do Trần Thy Vân lãnh đạo, đang tràn vào phòng tuyến TQLC của VNCH mà không liên lạc báo cáo hiện tình cho Bộ Chỉ huy Tiền phương của Quân đoàn I ở Mang Cá, Huế – nên mặc nhiên các đơn vị phòng thủ phải xin yểm trợ hỏa lực để họ có thể bảo toàn lực lượng.

Trong quá trình kiểm chứng lý giải nêu trên, chúng tôi đã may mắn tìm thấy một chút ánh sáng khá rõ rệt:

“Hải quân Hoa Kỳ đã dành cho quân bạn thêm một số thời gian chia lửa khi hạm đội được triển khai vào hải phận Đông Nam Á để ngăn chặn cuộc tấn công Mùa lễ Phục sinh của Cộng sản bắt đầu từ ngày 30/3/1972. Cuộc tấn công quy mô và đồng bộ ở ba chiến trường này – xuyên qua vùng phi quân sự, trên Tây Nguyên, và ở cửa ngõ phía bắc Sài Gòn – đã tạo ra phản ứng tức thì của Mỹ. Các tàu tuần dương và khu trục hạm của Đệ Thất Hạm đội đã rẽ sóng tiến vào vùng duyên hải của Quân Đoàn I và tăng cường các khẩu pháo 152 ly và 127 ly cho cuộc phòng thủ của QLVNCH đang bảo vệ tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Mỗi ngày, từ 15 đến 20 tàu chiến Mỹ dội lửa vào hàng ngũ của các sư đoàn Bắc Việt đang công hãm Huế. Tiên sát viên Hải quân và Thủy quân Lục chiến trên bờ hoặc trên không đã gọi pháo bắn yểm trợ dữ dội. Đôi khi các pháo hạm yểm trợ còn tác xạ trực tiếp vào bộ binh và xe tăng địch trên bãi biển. Khai hỏa nhiều ngàn quả đạn mỗi tháng, riêng tháng Sáu đã bắn tới 117.000 phát, lực lượng diện địa của hạm đội đã trở thành một yếu tố chủ yếu giúp QLVNCH bảo vệ thành công Huế và tiếp tay cho cuộc phản công tái chiếm các phân lãnh thổ đã bị tràn ngập.

Lực lượng đổ bộ của Hạm đội 7 cũng đã có mặt để trợ giúp Việt Nam Cộng Hòa bằng cách đe dọa khu vực bên sau phòng tuyến của đối phương dọc theo bờ biển. Vào ngày 13 tháng 5, để làm thất bại kế hoạch tấn công Cộng sản, các máy bay trực thăng của Lực lượng Đặc nhiệm Hải quân Okinawa (LPH 3) đã hải vận TQLC nam Việt Nam đổ bộ vào sau lưng phòng tuyến cộng sản.

Ngày 24 tháng 5 và một lần nữa vào ngày 29 tháng 6, Lực lượng Đặc nhiệm đã vận chuyển binh sĩ VNCH vào cạnh sườn và phía sau của địch bị hờ. Những chuyển chuyển vận và các đợt tấn công của các đơn vị yểm trợ phi pháo và hải pháo cuối cùng đã làm Bắc Việt phải triệt thoái."¹⁰⁵

Với những trang dài vừa qua, chúng tôi tin rằng đã quá đủ để người đọc thấy mức độ khả tín của bản cáo trạng do trung úy Trần Thy Vân lên án Hải quân VNCH bắn bừa bãi làm chết đoàn người do ông lãnh đạo, đông đến "*cả trăm ngàn quân lẫn dân*" (trang 120).

Riêng về con số "*cả trăm ngàn quân lẫn dân*" do Trần Thy Vân đưa ra, chúng tôi thử tìm và tìm thấy thống kê của VNCH ghi dân số tỉnh Quảng Trị vào năm 1967 trên các quận: Cam Lộ 36.434 người, Gio Linh 36.656, Hải Lăng 60.187, Hướng Hóa 8.536, Mai Lĩnh 43.178, Triệu Phong 82.048, Trung Lương 13.647; cộng chung: 280.686 người. Giả thiết từ 1967 đến 1971 (trước ngày Bắc Việt vi phạm Hiệp định Genève 1954 công khai đánh vào miền nam), với mức tăng đều trong 4 năm là 6.88%, thì đến ngày bắt đầu nổ súng, dân số toàn tỉnh đã bằng 300.000 người. Nếu bù vào số dân đã chạy thoát khỏi tỉnh trong tháng 4/1975, bằng sự hiện diện của Sư đoàn 3BB, các Lữ đoàn 1, 2, 3 Nhảy Dù Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù; Lữ đoàn 1 kỵ binh; 3 lữ đoàn Thủy quân Lục chiến và Liên đoàn 10 Công binh Chiến đấu... (khoảng 30.000 quân tăng viện), cứ coi như tính đầu người, vẫn còn 300.000 dân cư – như vậy ông Trần Thy Vân đã dẫn đường khoảng một phần ba dân số tỉnh Quảng Trị chạy ra phía biển, bất kể đó là khu vực tác xạ tự do, dễ bị "*các quả đạn cực mạnh nổ tung lên giữa nhiều đám người khiến quân với dân như cát với bụi*"?

Liên quan tới số lượng người do ông Trần Thy Vân dẫn đường chạy tránh đạn pháo rồi bị pháo VNDCCH và hải pháo VNCH giết chết, cựu chuyên gia phân tích tình báo quân sự phục vụ tại Bộ Chỉ huy Lữ đoàn 525 Quân báo Hoa Kỳ ở Đà

(105) - "*Yểm trợ trên bộ, trên không và trên biển: Lịch sử Minh họa của Hải quân Hoa Kỳ và Cuộc chiến ở Đông Nam Á*", Edward J. Marolda, Trung tâm Quân sử, Bộ Hải Quân xuất bản năm 1994 tại Washington, trang 326 và 327.

Năng W. Robert Baker ghi nhận “tính đến ngày 8/05/1972, có 700.000 người phần lớn từ hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên đã chạy giặc, tạo thành một vấn nạn quy mô về người tị nạn. Cũng trong tháng đầu tiên của trận đánh, con số thường dân thiệt mạng ước chừng 20.000.”¹⁰⁶ Như thế, con số “cả trăm ngàn quân lẫn dân” do trung úy Trần Thy Vân dẫn đường và ghi trong sách có lẽ cần được thẩm định lại một cách có cơ sở khoa học và khả tín.

Hai tháng sau, sau khi VNCH phản công và suốt thời gian dân Quảng Trị hồi cư, không ai tìm thấy một xác chết nào trong số cả trăm ngàn người dân ở khu vực mà nhà văn chúng ta mô tả.

► Trong chương sách viết về “Đại Lộ Kinh Hoàng”, lần tái bản thứ tư tác phẩm “Anh Hùng Bạt Mạng”, của sĩ quan miền Nam ấy, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần mà không tự giải thích được một số vấn đề như hải pháo của VNCH bắn lên đoàn người chạy loạn, và, thái độ đáng lên án của phóng viên chiến trường phía VNCH.

Vấn đề “hải pháo của VNCH bắn lên đoàn người chạy loạn” như ông Trần Thy Vân và Dương Viết Điền viết, thiên nghĩ những gì tôi kiểm chứng được đã quá đủ cho câu hỏi số 1 ở trên, nên không cần lặp lại ở đây.

► “Đại Lộ Kinh Hoàng! Một cụm từ nghe rất kêu của một nhà báo ngoại quốc viết theo quán tính...”

Trước hết, 2 chữ “quán tính” mà nhà văn Trần Thy Vân sử dụng, là tiếng Hán Việt, xuất xứ từ Trung văn.

“Quán” (慣), người miền bắc gọi là phó từ, người miền nam gọi là trạng từ; cả 2 miền cùng dịch nghĩa là “quen”, như câu văn trong Tam Quốc diễn nghĩa (là cuốn sách mà Trần Thy Vân thích trích dẫn): Bạch phát ngư tiêu giang chử thượng, quán khán秋月春風. Còn chữ “tính”(性) danh từ, như trong từ kép “thú tính” (獸性) nói về bản chất, bản năng vốn có tự nhiên của người hoặc vật.

(106) - Trích bài viết “The Easter Offensive of 1972: A Prelude to Vengeance Achieved” đăng trên tạp chí “Chiến Tranh Du Kích,” phát hành tại thành phố Bethesda, tiểu bang Maryland.

Theo văn phạm Việt Nam, từ kép “*quán tính*” hay “*thói quen*” có nghĩa lặp lại một việc hay hành động dù xấu hay tốt đã có lần xảy ra trước đó – ví dụ hư cấu một chi tiết lịch sử, và do nói láo đã thành tật, nên người có tật ấy cứ lặp lại hành động hư cấu như một thói quen.

Trong trường hợp mà Đoàn Lý hỏi về câu văn của nhà văn Trần Thy Vân, “Đại Lộ Kinh Hoàng! Một cụm từ nghe rất kêu của một nhà báo ngoại quốc viết theo quán tính” – một câu chỉ ngắn 20 chữ, có đến 2 điều không đúng. Thứ nhất, Đại Lộ Kinh Hoàng là cụm từ mà tôi sử dụng khi gọi về tòa soạn báo Sóng Thần ở 135 Võ Tánh, quận 2 Sài Gòn từ bưu điện trung ương thành phố Huế, và hôm 1/07/1972 ấy là ngày thứ 12 tôi mới rời chức vụ trưởng phòng tối nhiếp ảnh của Tiểu đoàn 10 Chiến Tranh Chính Trị ở số 5 Thanh Sơn, Đà Nẵng để làm phóng viên chiến trường quân đội của Tổng cục Chiến Tranh Chính trị – nhưng chưa trở thành phóng viên nhiếp ảnh cho thông tấn xã Associated Press, Văn phòng Sài Gòn, của Hoa Kỳ. Bởi thế, cái tên Đại Lộ Kinh Hoàng là do tôi – một ký giả chiến trường người Việt Nam đọc vào máy điện thoại, thay vì “*của một nhà báo ngoại quốc viết*”. Chi tiết này có thể kiểm chứng bằng cách đến thư viện John Olin của Viện Đại học Cornell, ở thành phố Ithaca, New York 14850, để xem tận mắt các cuộn vi phim do trường bảo lưu lại được cho đến nay. Thứ nhì, vào hôm Đoàn Kế Tường và tôi phát hiện đoạn quốc lộ tràn ngập xác chết ấy, trong cuộc chiến Việt Nam mới chỉ có 2 tập ngữ mang tên “con đường”: “*Đường mòn Hồ Chí Minh*” của sách báo miền Nam đặt cho tuyến tiếp tế mạng lưới giao thông quân sự chiến lược chạy từ lãnh thổ miền bắc Việt Nam vào tới lãnh thổ miền nam Việt Nam, đi qua miền trung Việt Nam, hạ Lào, và Campuchia. Hệ thống này cung cấp binh lực, lương thực và vũ khí khí tài để chi viện cho Quân Giải phóng miền Nam và Quân đội Nhân dân Việt Nam trong 16 năm (1959–1975) của thời kỳ Chiến tranh Việt Nam – do Binh đoàn Trường Sơn (đoàn 559) Quân đội Nhân dân Việt Nam triển khai các đơn vị công binh, hậu cần, y tế, bộ binh và phòng không để đảm bảo hoạt động của hệ thống đường này. Đường Trường Sơn còn được những người

lính trong cuộc chiến gọi là “*Tuyến lửa*”. Hệ thống đường này còn được gọi là “*Đường Trường Sơn*”, lấy tên của dãy núi chạy dọc miền Trung Việt Nam mà hệ thống này đi qua. Thứ nhì, “*Con phố Buồn Thiu*”, dịch từ tập ngữ tiếng Anh “*Street Without Joy*” do phóng viên chiến trường Bernard Fall đặt tên cho đoạn tình lộ 555 từ cửa Thuận An chạy song song bờ biển, đặc biệt là đoạn cắt qua ranh giới 2 tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị, để dẫn sâu vào chợ Sài trên bờ nam sông Thạch Hãn. Khi bò qua cầu đường sắt Bến Đá sáng 1/07/1972, bản thân tôi không thể không run tay, khi chợt nhớ tới số phận của Bernard Fall. Hôm 13 tháng Giêng tết Đinh Mùi (nhằm ngày 21/02/1967), khi theo chân một đại đội của TĐ1 thuộc Lữ đoàn 9 TQLC Mỹ trong Chiến dịch Chinook II ngay trên “Con Phố Buồn Thiu” định mệnh, nhà báo đã vô tình đâm lên trái mìn cóc M16. Mìn nhảy cao 1.7 mét trước khi phát nổ, làm Bernard Fall chết tại chỗ cùng với trung sĩ Byron G. Highland, một phóng viên quân đội của binh chủng TQLC Mỹ.

► “*Dưới cơn mưa pháo dữ dội của địch quân, biết đồng bào và đoàn quân bại trận thê thảm ấy không thể nào vượt qua được khúc sông sâu đầy xác giặc...*”

Cách mô tả cầu Bến Đá của Trần Thy Vân hoàn toàn hoang tưởng. Khúc sông Bến Đá ở vị trí cầu đường bộ và đường sắt về mùa hè không sâu, và không có “xác giặc”, hoặc không có xác chết của quân bạn. Nếu có xác chết của dân hay tử sĩ của bất cứ phe nào thì anh chị em báo Sóng Thần chúng tôi cũng đã thu lượm trong chiến dịch tìm và chôn đồng bào chiến nạn, khởi đầu từ hạ tuần tháng 7/1972.

► “*Khi tới mé biển tôi cho quẹo phải về Nam. Vẫn chưa yên thân, đoạn đường này lại bị đại bác Hải Quân của ta ngoài khơi nã vào làm chết thêm một số nữa. Các quả đạn cực mạnh nổ tung lên giữa nhiều đám người khiến quân với dân như cát với bụi. Thì ra ông hạm trưởng nào đó đã không nắm vững tình hình ở đất liền, hoặc vì “tàu lắc lư làm sao viết thư tình”, nên buồn bản sáng để mai một về “cấp bến” kể em nghe anh vừa*

chơi một trận hải chiến đây... tượng tượng trên sóng nước Trị Thiên”.

► “Để tránh đạn của các ông hạm, Đại đội [1/21 BĐQ của tác giả] tiếp tục dẫn đầu cả trăm ngàn quân lẫn dân ép vô trong, đi dọc theo quốc lộ số 1 cũ, xuyên qua trung tâm quận Hải Lăng, rồi dừng lại bên bờ sông Mỹ Chánh...”

Viết “đi dọc theo quốc lộ số 1 cũ, xuyên qua trung tâm quận Hải Lăng, rồi dừng lại bên bờ sông Mỹ Chánh. Lúc bấy giờ đêm đã khuya. Sáng sớm hôm sau, đoàn người thất điên bát đảo, dài lê thê mới được một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ ở đây lần lượt cho qua cầu” và “Khi tới mé biển tôi cho quẹo phải về Nam”, ông trung úy đại đội trưởng tự bộc lộ sự yếu kém của mình về địa lý, về trí nhớ, và về khả năng xem bản đồ, để dẫn đường cho hàng trăm ngàn người chạy trốn cái chết, cũng như dẫn độc giả của mình chạy lạc vào trận đồ bát quái thiên la địa võng do chính ông tạo ra.

Trước tiên, mô tả Đại Lộ Kinh Hoàng, tác giả Trần Thy Vân viết: “Nơi khủng khiếp nhất, biết bao kẻ mất đầu người lòi ruột nằm ngổn ngang, chồng chất lên nhau trên xe dưới đất, là một đoạn đường ngắn vài cây số của Quốc lộ 1, trước căn cứ BCH Chi Khu Mai Lĩnh, phía nam thành phố tang thương ấy, mà về sau người ta gọi là “Đại Lộ Kinh Hoàng”.

Trên thực tế, Chi khu Mai Lĩnh nằm cạnh đường sắt và QL1 mới, nơi bây giờ là nghĩa trang liệt sĩ xã Hải Phú – còn cách 5 km nữa mới tới cầu Dài 2 bắc qua sông Nhung. Vị trí này không liên quan gì tới đoạn quốc lộ được tác giả mô tả là “khủng khiếp nhất, biết bao kẻ mất đầu người lòi ruột nằm ngổn ngang, chồng chất lên nhau trên xe dưới đất”.

Tiếp theo, Trần Thy Vân kể: “Cộng sản chiếm cầu Bến Đá ở mạn nam thành phố Quảng Trị để chặn đường. Lúc ấy, quân số Tiểu đoàn 21 tuy sút giảm, nhưng khả năng chiến đấu và hệ thống chỉ huy còn vững chắc, vừa từ La Vang về nằm thủ trong căn cứ Chi Khu Mai Lĩnh. Thấy đồng bào bị dồn

đồng ngoài quốc lộ, Thiếu tá Thương vội kéo đơn vị ra, một mặt bảo tôi tức tốc dẫn Đại đội tới đánh C7 để mở đường. Sau vài tiếng đồng hồ quân thảo địch quân tan rã, chết còn 9 tên. Trước khi tháo chạy, Đại đội trưởng C7, Thiếu úy Nguyễn Văn Đường, cho giật mìn sập cây cầu định mệnh Bến Đá.” Như thế, vị trí của số đồng bào bị dồn đồng ngoài quốc lộ đối diện với chi khu Mai Lĩnh nơi đơn vị ông Văn đóng quân, đến cầu Bến Đá mà ông Văn đánh C7 để mở đường, khoảng cách sai biệt những 10 km.

Như chính ông Văn ghi nhận, sau khi 2 bên lâm chiến vài tiếng đồng hồ, cầu Bến Đá bị giật sập theo lệnh thiếu úy bộ đội Nguyễn Văn Đường. Dân kẹt lại, ông Văn cũng kẹt lại ở bờ Bắc sông Ô Khê (cầu Bến Đá), không qua được. “Dưới cơn mưa pháo dữ dội của địch quân, biết đồng bào và đoàn quân bại trận thê thảm ấy không thể nào vượt qua được khúc sông sâu đầy xác giặc, để ra khỏi “Đại Lộ Kinh Hoàng”, tôi cố xin lệnh Thiếu tá Quách Thương mở đường mới dẫn tất cả đăm thẳng ra hướng đông” và “đi dọc theo quốc lộ số 1 cũ, xuyên qua trung tâm quận Hải Lăng.” Như thế, từ cây cầu Bến Đá đã bị giật sập, ông Văn đã dẫn quân và dân chạy ngược lên hướng chính Bắc¹⁰⁷, về phía Diên Sanh là nơi đặt quận lỵ Hải Lăng. Từ Hải Lăng, ông Văn chạy tiếp thêm 6 km nữa trên tỉnh lộ 602 tới giao lộ với Con Phố Buồn Thiu (tỉnh lộ 555). Từ ngã ba này, thay vì quẹo phải, dùng con đường 555 để chạy về cửa Thuận An, ông lại chạy băng đồi cát không đường sá, thêm hơn 5 km nữa, tới thôn Mỹ Thủy, mới xảy ra chi tiết “khi tới mé biển tôi cho quẹo phải về nam.” Điều không đúng nằm ở lời kể của tác giả: “... xuyên qua trung tâm quận Hải Lăng, rồi dừng lại bên bờ sông Mỹ Chánh. Lúc bấy giờ đêm đã khuya. Sáng sớm hôm sau, đoàn người thất điên bát đảo, dài lê thê mới được một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ ở đây lần lượt cho qua cầu.” Không đúng vì, nếu từ Hải Lăng chạy tiếp về phía biển Mỹ Thủy, thì không gặp sông Mỹ Chánh và không gặp phòng tuyến của Thủy Quân Lục Chiến để được cho qua cầu. Trừ phi,

(107) - Trên QL1 cũ, do công binh Pháp làm trước khi thất trận Điện Biên Phủ năm 1954. (Ghi chú của Ngy Thanh)

từ “*trung tâm quận Hải Lăng,*” ông Vân dẫn cả đoàn hơn trăm ngàn người tạt về phía chính Đông, cặp theo tả ngạn sông Ô Giang, lần lượt đi qua phần đất của thôn Diên Trường, thôn Giáp Đông, thôn Giáp Trung, thôn Hà Lộc và cuối cùng là thôn Lương Điền 1, thì mới dựng cầu Mỹ Chánh – nằm ở điểm chỉ cách cầu Bến Đá 4.144 mét – để được TQLC trấn giữ phòng tuyến cho qua cầu. Trong trường hợp đó, câu hỏi không thể tránh, là tại sao từ trung tâm quận lỵ Hải Lăng ông Vân lại dẫn quân và dân chạy ra mé biển, rồi lại dân chạy lui, mất 22 km, để ngụp lặn giữa khu vực sinh lầy và bị đạn pháo?

Nhân tiện, chúng tôi xin phép mở ngoặc đơn về tên 2 cây cầu, để giúp độc giả tránh ngộ nhận: đoạn QL1 mà chúng tôi gọi là Đại Lộ Kinh Hoàng dài 5.274 mét, bắt đầu từ cầu đường bộ Bến Đá, nằm ở vị trí 784.210 mét (tính từ khởi điểm ở cột cây số 0 tại cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn), và kết thúc ở bờ Nam cầu Dài 2, ở vị trí 778.936 mét. Về mặt hành chánh, gọi cầu Dài 2 để phân biệt với cầu Dài 1. Từ Huế ra Quảng Trị, qua khỏi cầu Dài 2, đi thêm gần 1 km nữa, trên bãi cát phía trái có con mương khô và cạn, chỉ có nước vào mùa mưa bắt nguồn từ khu đồi thấp thuộc thôn Long Hưng chảy ngược xuống phía đông nam dọc đường sắt trên phần đất của thôn Xuân Lâm, tới khu đất cao có lô cốt bê tông, dòng chảy xoay ngược lên phía Bắc, cắt qua đường sắt và đường bộ, vào địa phận thôn Mai Đăng. Chỗ cắt ấy có xây dựng sẵn một cây cầu đường bộ nhỏ, tên hành chánh là “cầu Dài 1”, nằm ở vị trí 778.205 mét (tính từ cửa khẩu Hữu Nghị ở Lạng Sơn), và cách bờ Bắc của “cầu Dài 2” một khoảng 725 mét.

► «*Những sự thật ấy chẳng nghe ai kể, ngay cả chuyện Quách Ân, Quách Thưởng nào ai biết! Ai là ai? Là phường giá áo túi cơm, vinh thân phì gia, sống trên xương máu của các chiến sĩ, còn đối xử tệ với binh chủng anh hùng Biệt Động Quân. Đa số các phóng viên, nhà báo quân đội cứ đi mây về gió. Mỗi lần viết phóng sự chiến trường, họ hay đến các đại đơn vị hào nháng và chỉ tường thuật cặn kẽ các trận nào thuộc binh chủng gà nhà thôi. Họ tả nghe cũng khiếp, cơ mưu chiến*

thuật cùng tài điều quân khiến tướng thần sầu quý khóc, còn hơn cả Không Minh Gia Cát Lượng».

Không cần thiết đề phi thì giờ nhận định câu văn của tác giả viết đề phi báng những kẻ mà ông mạt sát “*Ai là ai? Là phường giá áo túi cơm, vinh thân phì gia, sống trên xương máu của các chiến sĩ, còn đối xử tệ với binh chủng anh hùng Biệt Động Quân...*” Nhưng xin nói riêng với người *anh hùng bạt mạng* thế này: đa số các phóng viên, nhà báo quân đội cứ đi mây về gió thì có, nhưng không có phóng viên chiến trường nào của nhật báo Sóng Thần *mỗi lần viết phóng sự chiến trường, họ hay đến các đại đơn vị hào nháng và chỉ tường thuật cận kề các trận nào thuộc binh chủng gà nhà thôi*. Thời điểm Mùa Hè Đò Lừa, mỗi tờ báo xuất bản ở thủ đô Sài Gòn chọn và nhận đỡ đầu tinh thần cho một binh chủng quân đội VNCH. Anh chị em Sóng Thần chúng tôi đã chọn binh chủng Biệt Động Quân, và bản thân tôi là một trong những phóng viên của tòa soạn có may mắn tiếp cận với nhiều đơn vị Biệt Động Quân, nhất là những chiến sĩ trấn đóng ở các tiền đồn biên phòng không có đường bộ để liên lạc và tiếp tế ở Quân Khu 1, như Minh Long, Gia Vực, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tịnh, Thường Đức, Nông Sơn. Để chứng minh không vì thấy Trần Thy Vân trở thành *anh hùng hạng sang* ngồi ngang hàng với cựu Tổng thống Thiệu bèn... *bắt quàng hàng họ*, tôi đã tìm đến thư viện John Olin của đại học Cornell ở Ithaca, New York, để tìm, và tìm được tờ Sóng Thần xuất bản vào các ngày 7, 8, 9, 10, 11 và 12 tháng 9/1972, trong đó có đăng các bài viết về chuyến đi của chúng tôi từ Sài Gòn về Châu Đốc, và được tình trưởng cho mượn trực thăng bay qua Tak Méas bên tỉnh Takeo của Cambodia, để thăm và trao quà tặng cũng như tiền mặt do độc giả đóng góp, đến tận tay các chiến sĩ Biệt Động vượt biên giới truy kích Việt Cộng ở trên lãnh thổ nước bạn. Vì số trang của tuyển tập này có giới hạn, tôi xin chỉ đăng tám ảnh [số 14] chụp lại phần mở đầu của phóng sự “*Tak Meas, Chiến Trường Phấn khởi*” của ký giả Song Thương, trong đó ở cột giữa có in tên tôi là một thành

viên của đoàn đại diện – thay câu trả lời cho nghi vấn mà Đoàn Lý nêu ra khi trích lời Trần Thy Vân miệt thị các phóng viên chiến trường.

► *Tại sao việc hốt xác đồng bào chiến nạn và tử sĩ VNCH không do phía chính quyền tỉnh Quảng Trị lúc bấy giờ đảm trách mà lại do toà soạn báo Sóng Thần quyền tiên, lượm xác và mai táng? Quá trình quyền tiên, hốt xác và mai táng diễn ra như thế nào?*

Bộ máy hành chánh và quân sự của tỉnh Quảng Trị ngừng hoạt động kể từ ngày 1/05/1972. Trong sắp xếp lại việc tái chiếm phần đất đã mất vào tay Cộng sản, phía QLVNCH chú tâm vào kế hoạch thăm dò địch và đánh địch, là những việc cấp bách. Trong khi đó, nhật báo Sóng Thần có toà soạn ở Sài Gòn, nhưng cũng có Văn phòng Đại diện ở mỗi tỉnh, thành ở miền Nam. Do đó, mặc dù VPĐD Sóng Thần ở Quảng Trị đã bị tê liệt, nhưng con số phóng viên Sóng Thần đang tập trung ở Huế vào thời điểm tháng 7/1972 tương đối đủ để có thể bắt tay vào việc. Quá trình quyền tiên, hốt xác và mai táng đã được chính chị chủ nhiệm Trùng Dương từ Sài Gòn ra Huế để trực tiếp tham gia và kể lại trong loạt bài phóng sự.

► *Nghĩa trang đồng bào chiến nạn này được báo Sóng Thần xây dựng ở vị trí nào trên bản đồ khi đó và hiện nay? Cách Đài Địa Tạng về phía Nam hay phía Bắc? Thuộc về địa giới tỉnh Quảng Trị hay Thừa Thiên? Một nghĩa trang rộng lớn từng hiện hữu (với 1.841 ngôi mộ thì không thể là một vuông đất nhỏ), vậy tại sao nó lại mất hoàn toàn dấu tích, không còn dù chỉ một ngôi mộ? Giả dụ, nắng mưa vùng cát có thể san bằng tất cả, thì không lẽ trong gần 2.000 bộ hài cốt, lại không hề còn một manh mối nào cho thấy sự tồn tại của mình?*

Các phóng viên chiến trường của Sóng Thần phát hiện ra Đại Lộ Kinh Hoàng vào ngày 1/07/1972. Ngày mà báo ST tiến

hành chôn cất đợt xác đầu tiên là 1/08/1972. Như thế, chỉ trong vòng 1 tháng, anh chị em ST đã tiến hành sắp xếp nhân lực vật lực để có thể thu nhặt xác người, và tổ chức mai táng ở khu đất xin được phép của chính quyền, tại thôn Mỹ Chánh, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Có một chi tiết cần nói rõ ở đây: vuông đất Mỹ Chánh - Hội Kỳ rộng hơn 1 km vuông này nằm trên bờ nam sông Ô Lâu, nhưng vẫn là lãnh thổ của tỉnh Quảng Trị. Vào giai đoạn hè 1972, sau khi Bắc quân đánh và chiếm được tỉnh Quảng Trị thì khu đất Mỹ Chánh - Hội Kỳ trở thành địa đầu giới tuyến, không có chính quyền thực thụ của quận Hải Lăng, nên mặc nhiên chính quyền hành chính quận Phong Điền lấy miếng đất trống gần với tỉnh lộ (nay là Quốc lộ 49B) cấp cho anh Nguyễn Kinh Châu dùng làm nghĩa trang mai táng các xác chết gom góp về được.

► *Có hay không sự di dời nghĩa trang? Nếu di dời thì sẽ chuyển từng đó bộ hài cốt đi đâu? Ai là người chịu trách nhiệm di dời? Tại sao phải di dời? Di dời một số lượng lớn ngôi mộ như vậy, ắt hẳn là sự kiện xã hội lớn, gây xúc động mạnh với người dân đang sống ở chính vùng bom đạn khi xưa, mà sao người dân sống ở đó không hề biết?*

Về câu hỏi này, chúng tôi không có câu trả lời.

Ngày 22/06/2016, tôi có nhờ một bạn tên N. kết hợp với một bạn khác tên T. dùng xe máy từ Huế tới Mỹ Chánh tìm thăm và chụp cho chúng tôi một ít ảnh nghĩa trang đồng bào chiến nạn, để bên này vận động quyên góp gửi về xây cho mỗi mộ một nắm bằng xi măng nhằm tránh việc lâu năm không ai chăm sóc, e rằng 1.841 nắm mồ bằng đất cát sẽ bị tàn phai. Hai người bạn thân đã lúng sục ngang dọc nhiều lần trong khi vừa liên lạc qua điện thoại với chúng tôi ở Mỹ, cũng như với anh Nguyễn Kinh Châu ở Sài Gòn, nhưng kết quả là không tìm được nghĩa trang chúng tôi muốn tìm.

Ngày 10/07/2016 trên Facebook, một bạn thân của tôi tình cờ có dịp trao đổi với về “nghĩa trang bị di dời” với một

người bạn khác khá thân, nguyên văn như sau:

- Em chào anh.

Em biết anh rất bận rộn với quán bar vừa khai trương. Song em muốn phiền anh khi có thể, cho em xin chút hình ảnh cụ thể về nghĩa trang hôm trước em nhờ anh đó nhé. Em cảm ơn anh nhiều.

• Xiu tối anh gửi nha.

5h sáng a mới về nhà.

- Dạ. Khi nào anh rảnh thì gửi em xin. Em biết anh bận nên không dám hỏi.

Anh gửi qua messenger hay gmail.

• Gì cũng được em

- Gmail của em là ----- nha anh.

• Ok.

- Em cảm ơn anh nhiều lắm

• Ko có gì mà.

- Anh có thể cho em xin thêm vài phút được không?

• Uhm e

- Chuyện này hơi nhạy cảm, mà những người muốn tôn tạo nghĩa trang hoàn toàn do tâm linh, chứ không có ý gì khác. Vậy theo anh, họ nên làm thế nào để chỉnh danh và chỉnh quyền đồng ý ạ

• Hi

- Đó là những người trực tiếp hốt xác năm xưa, họ day dứt vì quá khứ.

• Đề a hỏi ba anh đã rồi a trả lời nha

- Dạ.

À hôm bữa, em tò mò muốn biết danh tính ba anh mà không dám hỏi.

• Ba nuôi thôi

- Em phiền anh thế là nhiều rồi. Anh bận mà. Em cảm ơn anh. 😊

• Em thấy ảnh này chưa?

(kèm tám ảnh chụp ở ĐLKH)

- Em có ạ.

• Đại lộ kinh hoàng

- Dạ.

Em có xem trên mạng, báo chí cả hai phía.

• Vậy mà tìm không ra ha

- Người thân em kể, xưa nghĩa trang nằm bên Thừa Thiên.
Nhưng theo chỉ dẫn của anh, giờ nó nằm ở Quảng Trị.

• Ngay người ở đó chưa chắc biết mà

- Vâng ạ.

Mang đi chỗ khác e là càng khó

• Chết do nhiều thứ của bộ đội

- Ở gần đó vẫn còn một đài tưởng niệm, anh ak

• Mang đi dc bằng tiền

• (Cười)

- Anh nói rõ hơn được không ạ.

Hơn thế, họ muốn tôn tạo đúng tại nơi đó

• Nói vậy đi cách đài tưởng niệm cũ gần 1000 m về hướng
bắc mới là mộ

- A! Là vậy!

• Mỗi mộ từ 20 tới 50 người

- Dạ

Người thân em trực tiếp tham gia chôn nên chắc biết kỹ ạ

• Nếu vậy cứ lấy la bàn

Đo đúng từ chân tượng 1000 m

• Theo hướng chính bắc

- Dạ. Thông tin của anh tốt quá!

• Nếu ngay chỗ đó là một ngôi nhà xây kiểu Pháp cũ nát

Hay là gì bây giờ a ko rõ

Hồi 1999 a ra có một bà cụ ngụ ngay khu mộ đó

Bà hay mặc đồ bộ đội

- Dạ. Em đang gai người! Nếu tìm được thì tốt quá! Sợ
giờ bà mất rồi.

• Bao tiền hư mua nhang cùng hết

Phải chính bắc nha

- Dạ. Vậy mà mấy anh trong đó tìm hoài không ra. Quần
nát cả khu.

• Hỏi Bà Bối Hạnh nha.

- Dạ.

• Biết chỗ bà ở là ra khu mộ

Theo tâm linh thì chết oan ko đi nên tìm ko ra

- Năm nay bà bao tuổi hả anh

• Xem như thắp nhang xin trước rồi tìm

- Dạ

• Cụ khoảng năm nay 75, 80 thôi

Người khu đó biết mà

- Vậy có lẽ mấy anh ở xa tới không biết

Phải chi em đừng ngại mà nhờ anh sớm hơn

Liệu bà cụ còn sống không anh?

... ..

o

Dựa theo thông tin mờ mịt bên trên, chúng tôi đã tiến hành 4 chuyến lần tìm dấu vết nghĩa trang. Sau đây là phần ghi chú về chuyến đầu tiên.

• THỨ HAI 20/03/2017

H: Đã đi HL chưa B ơi?

Đ: Dạ hôm nay trời mưa nên em chưa đi được, và lại em đang có hẹn 1 người bạn dân địa phương ở đó trưa mai gặp nhau luôn

Theo lời người bạn em nói thì những ngôi mộ ở trong Khu Công nghiệp di dời ra nằm gần vị trí Nghĩa trang ngày trước

Do hồi đó đường chưa mở nên phải đi vòng đường 3/2 qua bờ hồ Khe Chè ra đến đó

H: “gần vị trí Nghĩa trang ngày trước” là gần nghĩa

trang nào?

Đ: Dạ Nghĩa trang mình đang tìm đó anh

theo thông tin mà em hỏi được thì có thể nghĩa trang ngày trước nằm trên trục đường mới mở về Cảng Mỹ Thủy, nay đã bị san ủi rồi

H: *“Nghĩa trang mình đang tìm” tức là mang về lại bên Hội Kỳ? Bên phía Nam sông Mỹ Chánh?*

Điểm này anh không hiểu: *Nghĩa trang Đồng bào Chiến nạn do ST phụng lập hồi 1972 nằm ở Hội Kỳ bị di dời trước năm 2000 ra 1.000 mét phía bắc đài địa tạng. Vậy nay bị di dời mang về lại Mỹ Chánh?*

Đ: Dạ, không phải

Nghĩa trang cách Đài Địa Tạng 1.000m về hướng Bắc đó anh

nhưng có thể lấy hướng Bắc chưa chuẩn nên bị lệch vào trong 1 chút

Tại địa điểm anh định vị, nếu xích ra 1 chút khoảng 50m chính là đường mới mở

H: *Nếu anh không hiểu cách giải thích này, hay nếu anh không thể dùng ngòi bút của mình để nói khẳng định và rõ rệt cho độc giả, thì anh sẽ không viết vào sách, vì làm như thế cuốn sách trở thành “phịa sự”.*

Đ: Để em nói lại cho anh hiểu

Vị trí mà mình đang cần hình ảnh và theo anh nói là nghĩa trang trước đây từ Hội Kỳ chuyển qua nằm cách Đài Địa Tạng 1km về hướng Bắc. Có phải vậy không anh?

H: *Tạm gọi vị trí 1.000 mét ở chính bắc đài địa tạng là “điểm 1.000” cho dễ. Vậy người ta dời từ “điểm 1.000” đi đâu?*

Đ: *chỗ mà mình chấm tọa độ chỉ gần chính xác, nó xê dịch khoảng 50m về hướng Đông Bắc, tức là nằm trên trục đường mới mở từ đi về Cảng Mỹ Thủy*

vì hôm nay em điện thoại với nó rất lâu, nó dân Hải Lăng, Ngày trước nó có xe ben để chạy công trình cho em làm ở ngoài đó

Và bây giờ nó vẫn đang còn chạy xe

H: *Vâng, anh đang nghe*

Đ: *Nó nói, nếu là Nghĩa trang thì chỉ có trên trục đường mới mở mới có nhiều mộ*

Đề em gọi viber cho anh...

H: *trong khi chờ đợi nói chuyện bằng viber, anh qua Gmail chuyển cho B xem 3 bài báo anh viết và đăng hồi đầu tháng 8/1972, về việc mai táng tại Hội Kỳ...*

Đ: Dạ

H: *B qua Gmail nghe?*

Đ: Dạ em đang mở gmail

• THỨ BA 21/03/2017

H: *Anh không gọi B lúc 8 giờ được vì phải đưa thằng con*

tới bệnh viện để mổ ở lưng. B cứ suy tính và tiến hành sao cho được việc thì cứ làm nhé.

Đ: Dạ

• THỨ NĂM 23/03/2017

Đ: Dạ, 2 hôm nay xuất phát đi Quảng Trị đều đi nửa đường phải quay về vì người «biết chuyện» ở Hải Lăng báo bận việc

H: *Cảm ơn B. đã cập nhật. Có khi nào người kia hiểu được mức độ nguy hiểm nếu phía chính quyền biết họ tiếp tay cho B không? B cân nhắc lại đi. Nếu linh cảm thấy không an toàn thì thôi. B chỉ cần có dịp ra chụp hình chỗ anh đánh dấu ở ngã ba đường Trần Hưng Đạo 2 với con đường nhỏ xấp ngang rồi chấm dứt việc tìm tòi.*

Thật lòng, anh không muốn B đặt hết tin tưởng vào một người thứ ba khi làm chuyện như thế này. Có lẽ sau thứ Bảy, Chủ nhật ngày 26/03/2017, B không nên đi sâu vào chuyện này, và để một người khác biết về nội dung việc B làm.

Đ: Em dự định sáng mai đi thật sớm, ra đó em chụp ảnh tại vị trí đó rồi gửi cho anh

Xong xuôi mọi việc em xóa tất cả ảnh đã gửi rồi đến gặp người đó

H: *Vâng. Chỉ chụp ảnh thôi. Không nên la cà hỏi han và để lại dấu vết...*

Đ: Lúc gặp nhau thì không có tất cả chứng cứ gì liên quan và hỏi chuyện như mình đi tìm mộ thân nhân vậy. Em có lợi thế

hơn người khác là quê Nội, Ngoại gì cũng ở Quảng Trị. Nên nếu nó xét hỏi thì không thể làm khó khăn gì em cả

H: *VC nói, “Thà giết lầm 10 người còn hơn để sống chuông một kẻ khả nghi”.*

Đ: Không sao đâu anh, manh mối đến đây rồi thì em làm cho bằng được

Làm xong chuyện này đề 26/3 em còn về Thuận An thấp cho đồng bào nén nhang nữa

• THỨ SÁU 24/03/2017

Đ: Đang có manh mối thừa anh
Chút nữa về đến nhà em sẽ nói rõ

2:37am

Đ: Em về đến nhà an toàn

5:21am

H: *anh chờ tin mới và xem ảnh của B chụp. Thấy nhẹ người khi nghe B nói “về đến nhà an toàn”.*

Đ: Anh đợi em mở máy tính để nói chuyện cho thoải mái

H: *Mới về tới, cứ lo nghĩ ngợi đi đã...*

Đ: Dạ đang nóng lòng gặp anh để nói chuyện

Em mô tả từng bước một: từ Đài Địa Tạng, ngoài đó còn

có tên gọi “Chiêu Hồn đài”, đi 600m là đến ngã 3 đường về Cảng Mỹ Thủy

Từ ngã ba đường về Cảng Mỹ Thủy rẽ tay phải đi tiếp 600m

H: *B ra tới đài lúc mấy giờ?*

Đ: Em ra lúc sáng sớm, đến ngã ba vào khu đất cần tìm gặp người dẫn đường đi tìm các vị cao niên ở vùng đó và tìm hiểu mọi chuyện.

H: *“ngã ba vào khu đất cần tìm” là đường Trần Hưng Đạo 2?*

Đ: Dạ đúng

Từ ngã ba thứ 2 đi vào 120m là đến tọa độ mình cần tìm

H: Đúng. Ngã ba thứ nhất là Trần Hưng Đạo 1, thứ nhì là Ngô Quyền.

Đ: Ngã ba thứ nhất: Trần Hưng Đạo 1, ngã ba thứ 2: Ngô Quyền, ngã ba thứ 3: Trần Hưng Đạo 2

tọa độ cần tìm ở ngã ba Trần Hưng Đạo 2

H: Đúng rồi

Đ: Mấy vị cao niên am hiểu mọi chuyện ở Hải Lăng đi cùng với em hôm nay. Trưa nay em ở nhà 1 vị trong số các vị đi với em sáng nay để tìm hiểu mọi chuyện

H: Đúng đây là góc đường mà anh cần đánh dấu, để lại về sau...

Đ: Đây là chú V.V.H., Trưởng ban Hộ Tự Niệm Phật

Đường Trường Sanh, người tham gia việc cất bốc từ năm 1972 (giai đoạn sau) và hiện tại trông coi 72 ngôi mộ đồng bào tử nạn ở Đại lộ Kinh hoàng

H: *Những người này có vẻ hoan hỉ và chân tình khi B chụp ảnh họ...*

Đ: Dạ, vì em nói đi tìm mộ người thân và tránh sự nghi ngờ của họ

Em nhờ người mua thức ăn về ăn trưa ở nhà chú này, uống thêm ít bia thì thông tin em khai thác được cũng khá nhiều.

Chú H. nói như thế này, anh kiểm tra lại xem có chính xác không nha:

Sau khi tòa soạn báo Sóng Thần ra cất bốc đợt 1 thì đợt kế tiếp có sự trợ yểm của vị Dân biểu tỉnh Quảng Trị tên là Tư Đồ Minh

H: *Chú H. là người này?*

Đ: Dạ đúng vậy

Những đợt kế tiếp thì có sự trợ yểm của Hòa thượng Thích Chánh Trực, Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

Và cả Hòa thượng Thích Chánh Liêm

Hai vị Hòa thượng này đã viên tịch rồi

Sau khi xây dựng Đài Địa tạng có 2 câu đối bằng chữ Quốc ngữ:

Đây, Đại lộ Kinh hoàng ghi lăm cảnh bi thương muôn thưở khôn vơi niềm tui hận

Nọ, dòng sông Bến Hải gây bao nguồn sóng gió khơi nguồn luống chạnh nỗi chia ly

Ngày 14/3 Âm lịch năm 1973 đã tổ chức Trai đàn Chân tế và khánh thành Đài Địa Tạng

H: Các đợt sau anh bạn đi chiến trường, không có mặt. Muốn biết đúng, phải nói chuyện với người đứng ra chủ trì lúc ấy là anh Nguyễn Kinh Châu, đang ở Sài Gòn...

Đ: Chú H. kể như vậy có đúng không anh?

H: Ngày 14/3 Âm lịch năm 1973 nhằm ngày 16/04/1973 dương lịch. Anh không nắm rõ 100% ngày khánh thành đài, nhưng qua cách nói, có vẻ ông H. biết khá sâu. Vậy hồi 1972, 1973 ông H. ở đâu?

Đ: Chú kể rất rành mạch các chi tiết, câu đối và cả bữa tổ chức khánh thành Đài Địa Tạng. Hiện tại các chú còn giữ chương trình buổi lễ, thành phần tham dự và cả bài Tế Vong hồn Đồng bào, Chiến sĩ tử nạn được đọc hôm đó.

H: B có chép được “chương trình buổi lễ, thành phần tham dự và cả bài Tế Vong hồn Đồng bào, Chiến sĩ tử nạn được đọc hôm đó” không?

Đ: Dạ, ông H. ở gần đó, thôn Hậu Trường, xã Hải Trường, huyện Hải Lăng

H: B có xin được số điện thoại của ông H.? và gia quyến ông H. có ai chết trên đoạn đường này không?

Đ: Dạ, cuốn đó ngày mùng 6 tháng 3 Âm lịch đến đây tức là ngày 02/4/2017; ở đó tổ chức cúng tế cho các vong hồn – mấy chú sẽ đem cuốn đó ra cho em chụp ảnh lại.

Nơi gia đình ông H. ở có đường vào đến gần cầu Mỹ Chánh mà không phải đi qua Quốc lộ 1 nên không ai bị tử thương

H: *Anh sẽ gọi về Saigon nói chuyện với anh Nguyễn Kinh Châu để kiểm chứng lại...*

“Nơi gia đình ông H. ở có đường vào đến gần cầu Mỹ Chánh mà không phải đi qua Quốc lộ 1 nên không ai bị tử thương» >>> anh biết con đường này; hồi 1953 đã đi qua rất nhiều lần. Đó là Quốc lộ 1 cũ do người Pháp xây, từ cầu Bến Đá tách ra khỏi đường sắt, đâm vào ngã ba Diên Sanh (hồi 1972 là BCH Lữ đoàn 369 TQLC)

Đ: Dạ, chưa qua cầu Bến Đá anh. Qua cầu Mỹ Chánh độ 100m thì rẽ phải ngay. Nơi đó thuộc xã Hải Sơn; từ cầu Bến Đá có 1 nhánh rẽ xuống đó

H: *Hồi 1972 anh theo TQLC hành quân từ Mỹ Chánh ra Cầu Nhi Phường và khi tái chiếm, trực thăng của anh đáp xuống Mỹ Thủy, để đánh vào phía Trí Bưu.*

Con đường QL1 cạy sát đường sắt hiện nay là do công binh Seabee Mỹ làm sau 1964.

Đ: Như vậy thông tin do ông H. cung cấp tạm thời tin cậy được. Anh điện thoại về Saigon hỏi chú Kinh Châu xác nhận nữa là xong

H: *Anh Châu vừa già, vừa bệnh. Không biết có còn minh mẫn để nhớ... Nhưng anh sẽ cố gắng nhắc cho anh ấy hỏi tường lại.*

Đ: Dạ, đường đó bây giờ đổi tên là đường Lý Thái Tổ, nhà Ngoại của em ở ngay chợ Sãi, cách đó hơn 1km

H: *Dù ông H. nhớ có chính xác 100% hay không, thì với những gì ông ấy còn trong ký ức, là đã quý lắm rồi.*

Có 2 điểm mà anh đang chờ B nói thêm...

Đ: Em sẽ sớm chụp cuốn chương trình và bài Tế Đồng bào, Chiến sĩ tử nạn để anh đưa vào tư liệu luôn

H: *Cuốn chương trình và bài Tế Đồng bào, Chiến sĩ tử nạn bây giờ nằm ở đâu?*

Đ: 1 người của ban Hộ Tự giữ. Ông H. đã liên lạc và hẹn em mùng 6 này cho xem. Nhưng nếu cần gấp thì ngày mai em ra lại để chụp ảnh ngay luôn

H: Ông H. có số đt không?

Đ: Dạ có
Em lấy số để liên lạc

H: *Vậy thì thế này: ngày mai khoan ra đã, vì ngày 2/04/2017 có cúng tế, thì hay hơn.*

ngày mùng 6 tháng 3 Âm lịch đến đây tức là ngày 02/4/2017; ở đó tổ chức cúng tế cho các vong hồn; B gọi cho ông H., nói là B sẽ ra tham dự lễ cúng là chính, vì trong các vong hồn có bà con ruột thịt của B.

Đ: Dạ

H: *Anh sẽ suy nghĩ và bàn thêm với B về việc B góp phần vào lễ cúng vong hồn... góp phần trên tư cách là cá nhân, vì có người thân trong đó...*

Đ: Vâng. điểm chính là thông tin về các hài cốt bị di dời
Em đóng vai người đi tìm thân nhân nên không có ai nghi ngờ đâu

H: *Như thế, anh nghĩ mình phải thận trọng:*

(1) các thông tin và các bài văn tế mà B sẽ chụp, anh sẽ không nói là do ai bảo lưu mà chỉ nói là trong văn khố của báo Sóng Thần.

(2) việc góp phần vào buổi cúng, B sẽ làm với tính cách cá nhân, và hạn chế, để không để lại dấu vết, không làm người khác nghi ngờ có ai sau lưng B. Vậy B góp ý với anh, là “gia đình B” sẽ mang ra những lễ vật và phẩm vật gì như gà, thịt bò v.v...

Nếu đóng góp thức ăn, thì phía ông H. cần thời gian để kho nấu. Như vậy không lẽ phải mang ra trước vào ngày thứ Bảy? B sắp xếp và cho anh biết, để anh tính.

Bây giờ quay lại chuyện hài cốt, nhóm ông H. có ai hay biết gì về tên bà Bối Hanh không?

Đ: Dạ, để em hỏi ông H. cần gì rồi em thưa với anh. Ngoài đó có Tiểu ban nghi lễ phụ trách phần chăm sóc Chiêu Linh Đài và các hương hồn ở đó

H: *Trở lại chuyện chính. Người cấp tin cho anh về việc Nghĩa trang được dời về vị trí cách Đài Địa Tạng 1km về hướng Bắc là tin không chính xác*

Đ: Vị trí mấy hôm nay mình đi tìm và sáng nay em đến cùng với mấy vị đó ngày trước là khu tạm cư.

Sau trận Mùa hè Đỏ lửa, khi tái chiếm được Quảng Trị thì đồng bào mình hồi cư nhưng không có nhà ở nên Công binh san ủi và làm đường ở khu đó cho đồng bào tạm cư.

Những gia đình ở phía ngoài Đông Hà cho đến Gio Linh tạm cư ở đó cho đến sau năm 1975 mới trở về bán quán hoặc đi Kinh tế mới. Không có chuyện nghĩa trang từ Hội kỳ chuyển

qua đó; có thể bị tụi CS xúc ủi mất dấu rồi.

Vị trí khu công nghiệp ngày trước do là chỗ đất trũng thấp nên không ở được, sau này đờ cát nâng nền lên cao để làm khu công nghiệp Hải Lăng.

Có rất nhiều mộ vô chủ đồng bào tử nạn chôn gần Đài Địa Tạng, sau đó được Hòa thượng Thích Chánh Tịnh, Thích Chánh Liêm di dời vào làng Câu Nhi – vị trí giáp ranh giữa Thừa Thiên và Quảng Trị. Sau này di dời dân đi kinh tế mới lên đó nên mất dấu luôn, hỏi người dân ở đó không ai biết. Sau này mới quy tập được 72 ngôi mộ và chăm sóc từ sau 1985 đến giờ. Lúc trưa em định ghé vào đây, nhưng tụi công an ở đó đông quá nên không leo vào thắp hương được

H: *Anh thấy có đường sắt. Vậy vị trí này cách đài địa tạng hay cách nghĩa trang liệt sĩ bao xa?*

Đ: Vị trí này nằm cùng phía với Đài Địa Tạng, cách Đài Địa Tạng khoảng 2km về hướng cầu Bến Đá, chéch phía bên trái là Trạm Cảnh sát Giao thông của Công an CS

H: *Vậy vị trí này cách cầu Bến Đá bao xa?*

Đ: Dạ khoảng 1.500m, nó nằm giữa Đài Địa Tạng và cầu Bến Đá

H: *Vậy ngày 2/4 tới, khi cúng xong, ông H. có ra vị trí này thắp nhang không?*

Đ: Dạ có chứ
Ngày mùng một và rằm nào cũng ra đó hương khói

H: *Như thế, hôm ấy vào nghĩa trang mà khg sợ công an?*

Đ: Dạ đúng vậy

H: *Hôm ấy nếu trời tốt, B chụp cho anh ít ảnh rõ hơn, kể cả ảnh lúc ông H. cầm nhang*

Đ: Nhưng việc lễ tế nó có chuyện như thế này nữa anh à. Hằng năm vào ngày 14, 15, 16 tháng 3 âm lịch thì tổ chức giỗ chung cho tất cả các đồng bào tử nạn. Lấy ngày 14/3 âm lịch bởi vì ngày đó là ngày khánh thành Chiêu Hồn Đài vào năm 1973

Nếu Giáo hội Phật giáo huyện Hải Lăng tổ chức thì được làm ngay Đài Địa Tạng, nhưng nếu Khuôn hội, các nhóm thân nhân hoặc cá nhân tổ chức thì chỉ được làm ở phần đường đối diện

Giáo hội Phật giáo tổ chức thì được làm 3 ngày, những người còn lại chỉ được làm 1 ngày

H: *“Nếu Giáo hội Phật giáo huyện Hải Lăng tổ chức thì được làm ngay Đài Địa Tạng, nếu Khuôn hội, các nhóm thân nhân hoặc cá nhân tổ chức thì chỉ được làm ở phần đường đối diện” >>> thông lệ này do ai đặt ra?*

Đ: Chính quyền đặt ra anh à
muốn làm thì phải xin phép chúng nó
bởi lượng người đi qua lại đường quốc lộ, đường sắt đông,
nên nó cắt cử công an dẹp trật tự

Đợt tới đây do nhóm thân nhân ở Đà Nẵng kết hợp với Niệm Phật đường Trường Sanh (nơi ông H. làm Trưởng ban Hộ Tự) tổ chức

H: *Trong những thông tin mà người kia cung cấp, có tên bà Bối Hạnh. B có lần gặp ai đó nhắc tên bà ấy, và bà ấy đã vào Nam theo con cháu. Vậy chi tiết này mình suy luận thế nào?*

Đ: Dạ, người ta nói có 1 bà như vậy nhưng không biết tên

đó có đúng hay không, vì dân ở đó gọi tên khác

H: *Anh sẽ hình dung ra được cách viết thế nào để vẫn có tên tuổi và các sinh hoạt của ông H., mà không gây bất ổn. B nhớ ghi rõ cho anh họ của ông ấy và năm sinh, địa chỉ để có thể gọi thư qua bưu điện, và số đt...*

anh cần ghi rõ các sinh hoạt “tưởng niệm, cúng bái” để sau này khi có ai đi tìm, họ không vất vả như anh em mình...

B có nghĩ là ngày 2/04 tới, việc cúng bái sẽ tiến hành trong buổi trưa?

Đ: Gửi mọi thứ cho ông H. có cái bất tiện thế này: ông H. bây giờ lo chuyện Phật sự và Hội Người Cao tuổi ở địa phương (có dính dáng chút ít tới chính quyền); ông mới nhận Huy chương “Vi sự nghiệp Người cao tuổi”, nên mọi liên lạc qua đường thư tín, anh nên cân nhắc lại. Còn về buổi lễ sắp tới, chính quyền chỉ cho tổ chức trong 1 ngày: buổi sáng chuẩn bị mọi thứ, buổi trưa cúng và kết thúc trong buổi chiều

Đ: Dạ, em có lưu đây: V.V.H., Xóm 1, thôn Hậu Trường, xã Hải Trường, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

H: *Bây giờ đúc kết lại, thời gian qua B đã đi lại nhiều chuyến, bỏ công ăn việc làm, đã tốn kém. Sắp tới, ngày 2/4 B còn phải quay trở lại. Vậy B cho anh biết là anh có thể hoàn lại thế nào cho phải lễ và công bình?*

Đ: Theo em thì gác lại việc tìm kiếm ở Hải Lăng và quay về tìm kiếm ở Mỹ Chánh

Về vấn đề chi phí thì hôm nay em gửi tiền hương khói 500.000đ, bồi dưỡng 2 người đưa đi tìm các nơi mỗi người 500.000đ.

Tất cả là 1.500.000đ

Còn vấn đề đi lại, thời gian và bữa ăn trưa nay là chuyện cá nhân của em

Em cũng phải có trách nhiệm trong chuyện tìm kiếm thông tin này nên anh đừng bận tâm về em

H: *Giờ anh tắt để đi nằm một lát, vì dậy từ sáng sớm, mắt lại đang bị dị ứng... Anh sẽ quay lại với B sau nhé? Cảm ơn B.*

Đ: Dạ

o

Tóm lại, anh em chúng tôi đã cố truy tìm theo lời hướng dẫn 1.000 mét theo hướng chính bắc, tính từ Đài Địa tạng, đã cử 2 người đi tìm riêng rẽ trong 4 chuyến, nhưng không tìm được bà Bối Hanh, cũng như chẳng tìm được nơi di dời 1.841 xác nạn nhân mà chúng tôi đã tìm thu về được và mai táng tại Mỹ Chánh.

Ngược lại, trong 4 chuyến lùng tìm ngót 2 ngàn bộ hài cốt đã mai táng từ tháng 8/1972 đến tháng 1/1973, chúng tôi đến tận nơi, gặp được một số dân như ông V.V.H. – người cho thông tin về nơi quy tập 72 xác, chôn chung ở khu lũng nhỏ gần đối diện với Trạm Cảnh sát Giao thông huyện Hải Lăng hiện nay.

Chúng tôi đã làm với tất cả lòng thành, nhưng lực bất tòng tâm. Chúng tôi xin ghi lại những chi tiết trên để dành về sau, cho những ai muốn nối tiếp công việc mà chúng tôi phải bỏ ngang giữa đường, cũng như, làm câu trả lời cho những nghi vấn của bạn đọc Đoàn Lý về tác phẩm *Anh Hùng Bạt Mạng* của cựu trung úy Trần Thy Vân mà tác giả, nếu muốn, có thể cùng chúng tôi kiểm chứng về những điều không đúng trong tác phẩm của mình.

Chương 2

Thừa chuyện với tác giả *“Mùa Hè Cháy”*

Đầu năm 2019, qua một người quen khá thân và khá tin, tôi (Nguy Thanh) nhờ anh ấy sắp xếp làm quen với ông Nguyễn Quý Hải, đại tá về hưu của Quân đội Nhân dân, đang sống tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ông Hải là tác giả của cuốn nhật ký chiến trường “Mùa Hè Cháy”, viết về đóng góp của đơn vị mà ông là tiểu đoàn trưởng: Tiểu đoàn 2, Trung đoàn pháo binh Bông Lau – đơn vị duy nhất của bộ đội miền bắc có mặt tại chiến trường được trang bị bằng đại pháo 130 ly trong trận đánh mà phía VND-CCH chiếm được tỉnh và thành phố Quảng Trị từ 30/03/1972 tới 1/05/1972.

Ở trang 155 của cuốn “Mùa Hè Cháy”, tác giả viết về Đại lộ Kinh hoàng:

“Dọc đường số 1 hàng trăm xe ngôn ngang, địch bỏ chạy. Máy bay địch thâm độc thả bom vào những đoàn xe để phi

tang, bất kể lính của chúng bị thương còn ngổn ngang. Xe cháy nghi ngút.”

Trong các ngày 12, 17/5/2019, chúng tôi có trao đổi qua lại bằng email về chi tiết mà chúng tôi cho là chưa xác đáng trong tác phẩm của ông nhà văn quân đội, với mong muốn được chính đương sự xác nhận câu văn trên.

Vì những email là những trao đổi mang tính cá nhân, riêng tư nên xin phép không đăng tất cả vào tuyển tập này, chỉ xin trích một đoạn chứa câu trả lời để làm rõ nghi vấn của chúng tôi, rằng *Có hay Không những hố bom do máy bay thả trên đoạn Đại lộ Kinh hoàng?*

NT: Ông ghi trong sách, ở trang 155, về ngày 2/05/1972: *“Dọc đường số 1 hàng trăm xe ngổn ngang, địch bỏ chạy. Máy bay địch thả bom vào những đoàn xe để phi tang, bất kể lính của chúng bị thương còn ngổn ngang. Xe cháy nghi ngút.”*

Câu hỏi (a): chính mắt ông chứng kiến máy bay thả bom vào đoàn xe, hay nghe tiền sát viên làm nhiệm vụ *“sửa bản”* (trong nam, chúng tôi dùng tập ngữ *“điều chỉnh tọa độ”*) gọi về báo cáo, hay chỉ là sản phẩm của tưởng tượng do ông suy diễn, hoặc nghe người khác ngồi lê đôi mách khi trà dư tửu hậu? (b) mệnh đề *“lính của chúng bị thương còn ngổn ngang”* là diễn tả chân thực tình trạng người bị thương gồm lính rã ngũ, không vũ trang đang tìm cách thoát thân – nhưng trong số đó có hay không những dân thường vô tội mà ông khôn khéo loại bỏ khỏi văn mạch? (c) trong khung thời gian từ ngày 1/05/1972 khi phòng tuyến sông Bến Hải quy định bởi Hiệp định Genève 1954 được thay thế bằng sông Mỹ Chánh cho đến ngày nam quân chính thức tiến hành tái chiếm Quảng Trị 29/06/1972, ông có dịp nào đặt chân lên đoạn QL-1 giữa cầu Bến Đá và cầu Trường Phước do công binh SeaBee của Hải quân Hoa Kỳ xây dựng dọc theo đường sắt thay thế cho đoạn QL-1 cũ do người Pháp xây dựng trước 1954 từ Bến Đá rẽ phải qua Diên Sanh –

nơi đặt quận lỵ hành chánh Hải Lăng của VNCH – như nhiều người lầm lẫn – để chính mình xác nhận có hồ bom máy bay trên mặt đoạn quốc lộ dài 5.274 mét ấy, như ông đã ghi xuống trên giấy trắng mực đen?

- Ông NQH: MÙA HÈ CHÁY của tôi được một số tướng lĩnh và bạn đọc nhận xét là một tác phẩm chân thực. Đúng thế. Tôi không chỉ nói chiến công, không hề giấu giếm thất bại. Ngay từ chặng đường hành quân đầu tiên vào chiến trường, tiểu đoàn đã có chiến sỹ đào ngũ. Quá trình chiến đấu cũng có cán bộ dao động tư tưởng. và đặc biệt giai đoạn ba của chiến dịch, khi quân Sài Gòn tái chiếm, vũ khí đạn dược của tiểu đoàn hư hỏng tới 80 phần trăm lại bị đối phương cầu mát một khẩu, mấy khẩu còn lại phải dùng bộc phá phá pháo... Một tác phẩm như vậy đâu có thể dễ dàng dễ gần như đồng thời hai nhà xuất bản Quân đội và NXB Hội Nhà văn cùng xuất bản.

Nhưng như vậy không có nghĩa là tác phẩm của tôi tròn trĩnh, không có lỗi, không phải tất cả những gì tôi viết trong nhật ký là tôi trực tiếp mắt thấy, tai nghe. Trong đoạn nhật ký của tôi bạn trích ở trên, rõ ràng tôi viết chưa chuẩn vì tôi không trực tiếp nhìn thấy, chỉ là nghe các trinh sát viên nói lại rồi suy diễn. Tôi suy diễn: không lẽ quân lực Sài Gòn chịu bỏ lại cả trăm xe để yên cho đối phương tịch thu làm chiến lợi phẩm, tất nhiên pháo bầy ở bờ Nam sông Mỹ Chánh và máy bay các loại kể cả B52 phải lập tức phá hủy... Và trong trường hợp đó bất kể ai ở gần các vũ khí xe cộ đó đều có thể bị thiệt mạng kể cả quân Bắc quân Nam và dân thường. Tôi nhắc lại đây chỉ là tôi suy diễn dựa một phần những gì trinh sát viên kể lại, vì ngày mùng 2 đài quan sát của tôi mới lên tới cao điểm 132 và từ đây cũng không thể thấy những gì xảy ra cụ thể trên đường. Tuy nhiên trong lần tái bản tới tôi sẽ bỏ đoạn: *“Máy bay địch thả bom vào những đoàn xe để phi tang, bất kể lính của chúng bị thương còn ngón ngang.”*¹⁰⁸

(108) - Trích email trao đổi của NgyThanh và ông Nguyễn Quý Hải ngày 12/5/2019.

Nay chính tác giả đã nhìn nhận là *suy diễn*, và hứa sẽ *loại bỏ* trong lần xuất bản tới. Như thế là ông Nguyễn Quý Hải đã xác nhận có sự hư cấu trong khi viết về Đại Lộ Kinh Hoàng.

Ngoài ra, do ông Nguyễn Quý Hải hoàn toàn phủ nhận việc đơn vị của ông bắn đại pháo xuống Quốc Lộ 1 nhằm vào lính rã ngũ và thường dân chạy loạn, tôi có đặt câu hỏi về đoạn văn của ký giả Trương Nguyên Tuệ được tác giả trích đăng ở trang 241 của cuốn Mùa Hè Cháy của mình:

“Trong hai ngày 29 và 30-4-1972, các loại pháo của ta bắn rất chính xác xuống các mục tiêu được giao. Pháo chiến dịch làm, tê liệt và tiêu diệt các trận địa pháo binh địch ở Ái Tử, La Vang, liên tục bắn phá sơ 83 chòi huy sư đoàn 3 nguy, căn cứ hậu cần và sân bay Ái Tử. Sở chỉ huy của chuẩn tướng nguy Vũ Văn Giai rơi vào tình trạng hỗn loạn, quan quân vất lại toàn bộ giấy tờ sổ sách ‘bỏ của chạy lấy người’. Một tiểu đoàn 130mm của trung đoàn 38 được cấp thêm 700 trái đạn, chuyển sang làm nhiệm vụ chặn địch rút chạy vào phía nam theo trục đường 1 và chỉ viện cho bộ binh sư đoàn 304 đánh chiếm phía bắc cầu Quảng Trị.

Sáng 1-5-1972, trong lúc bộ binh qua cầu tiến vào thị xã Quảng Trị và tiếp tục truy quét địch, pháo 122mm và 130mm của trung đoàn 38 chụp lên đội hình bộ binh và cơ giới địch đang chen chúc dày đặc trên đường 1, gây cháy nổ và ùn tắc, tạo thành một vùng lửa đỏ và khói bụi trùm kín. Trên đoạn đường Quảng Trị, La Vang, địch rơi vào thảm cảnh khủng khiếp. Cũng trong ngày hôm đó, sư đoàn 324 và trung đoàn 27 của Mặt trận B5 nhanh chóng làm chủ địa bàn được giao vào sát sông Mỹ Chánh tiếp giáp với Thừa Thiên. Toàn tỉnh Quảng Trị đã giải phóng.”

Nhưng trước câu hỏi ấy, Đại tá Nguyễn Quý Hải gửi cho tôi những dòng cuối, nguyên văn:

“Bạn Thanh

Tất cả những gì có thể trả lời bạn, tôi đã trả lời rồi. Tôi không muốn tiếp tục tranh luận khi bạn đưa ra những câu hỏi mang tính áp đặt và thiếu tôn trọng như: ‘Liệu chúng ta có thể lập luận rằng cương vị của đơn vị ông bấy giờ chẳng khác gì thiên lôi, trung tá Cao Sơn bảo đánh đâu, thì chỉ việc câu đầu đạn xuống đó, theo ‘phần tử bắn’ được giao?’”

Tôi cũng không thể trả lời những điều tôi không biết như những điều bạn hỏi về Trương Nguyên Tuệ.

Cảm ơn

Quý Hải

Thêm vào đoạn văn kể trên của Trương Nguyên Tuệ, mọi người có thể tìm thấy thêm sự thật mà ông Nguyễn Quý Hải tìm cách che giấu:

“Ngày 1-5-1972, sau khi Đông Hà, Ái Tử bị mất, quận lỵ Hải Lăng bị uy hiếp, Quốc lộ 1 bị cắt, quân ngụy hoang mang, đến 11 giờ ngày 1-5, quân ngụy bắt đầu rút. Nhằm được ý đồ của ngụy quân, Bộ tư lệnh chiến dịch lệnh cho Sư đoàn bộ binh 324 lập tức cơ động bộ đội chặn đánh quân ngụy ở Cầu Nhùng, cầu Dài và cầu Bến Đá. Trung đoàn bộ binh 66, Sư đoàn 304 chặn đánh quân ngụy ở La Vang, đồng thời pháo binh mặt trận bắn mãnh liệt vào đội hình rút lui của ngụy quân, gây nên một cuộc bó xe, bó pháo tháo chạy hỗn loạn.”¹⁰⁹

(109) - Trích từ “*Quảng Trị – Thừa Thiên năm 1972: Cuộc đung đấu lịch sử (Bài 2)*” ở trang mạng <https://hosotulieu.wordpress.com/2013/11/21/quang-tri-thua-thien-nam-1972-cuoc-dung-dau-lich-su-bai-2/>



Phần IV

PHẦN IV

Trích đoạn các sách báo viết về chủ trương thâm sát người hàng loạt và sử dụng yếu tố kinh hoàng để đạt chiến thắng bằng mọi giá – đúng theo binh pháp và quy trình của những người cộng sản đã chiến thắng và đang cầm quyền.

VỤ THẨM SÁT ĐẮC SƠN NGÀY 5/12/1967

- Tuần báo TIME, số đề ngày 15/12/1967

Vụ thẩm sát Đắc Sơn: Cộng sản thiêu rụi dân làng bằng súng phóng lửa ở cự ly không thể lạc đạn. Hầu hết các nạn nhân là phụ nữ và trẻ em.

Sự tàn bạo tệ hại nhất chưa từng thấy trong chiến tranh Việt Nam vừa mới xảy ra trong tuần lễ vừa qua khi một số ít các Việt Cộng trườn sát đến vòng rào kẽm gai của thôn Đắc Sơn, nằm ở vị trí khoảng 120 km về phía đông bắc Sài Gòn. VC kêu gọi cư dân trong ấp đầu hàng và ra trình diện. Khi không có người nào hưởng ứng, họ rút lui, ném lại sau lưng câu nói cuối cùng của mình: “Đồ con cháu của người Mỹ!” Trước đó trong ngày, dân làng đã báo cáo với lực lượng dân phòng gồm 140 người của họ rằng một số Việt Cộng đang di chuyển khắp các cánh đồng xung quanh. Nhưng điều đó hầu như không có gì bất thường, hoặc là lý do cho bất cứ sự báo động cụ thể nào. Việt Cộng đã thường xuyên quấy rối Đắc Sơn, và nội trong năm nay đã bốn lần tổ chức các cuộc tấn công và cố gắng tràn ngập ấp; mỗi lần như thế, họ đều bị chặn lại ngoài vòng rào phòng thủ và bị đánh bật trở lại.

Lý do Cộng sản đặc biệt quan tâm đến Đắc Sơn, một thôn ấp có 2.000 người Thượng, vì đây là nơi ở mới và là nơi trú ẩn của khoảng 800 người Thượng tị nạn vừa mới 14 tháng trước đã chạy trốn khỏi cuộc sống dưới ách Việt Cộng ở vùng nông thôn xung quanh, nơi họ đã bị buộc phải làm việc trong chế độ nô lệ với tư cách là nông dân và người khuân vác. Người Thượng là những người dân tộc thiểu số vô tội của Việt Nam: những bộ lạc vùng đồi núi nguyên thủy, hiền hòa, với cuộc sống du canh du cư. Phụ nữ đẻ ngực trần còn đàn ông chuyên mặc khố, kiếm sống bằng nghề nông và săn bắn bằng nỏ và dao.

Việt Cộng không chỉ đánh mất sự phục vụ của những người Thượng đã chạy trốn đến vùng được chính phủ bảo vệ, mà còn lo sợ rằng đây là tiền đề để 20.000 người Thượng khác ở tỉnh Phước Long bất chước, nhiều người trong số ấy vẫn còn là nông nô của VC. Vì sợ những người khác có ý tưởng tìm kiếm sự bảo vệ của chính phủ, những người Cộng sản quyết định dùng những người tị nạn ở Đắc Sơn để làm gương.

La ó và găm thét

Cũng như ở hầu hết các làng quê Việt Nam, người dân Đắc Sơn hoàn toàn không được vũ trang và hầu hết họ là phụ nữ và trẻ em. Việt Cộng bắt đầu cuộc tấn công vào lúc nửa đêm, trút hỏa lực súng máy, súng cối và hỏa tiễn vào Đắc Sơn như họ đã từng làm trong quá khứ. Tuy nhiên, cuộc tấn công này rất khác với những cuộc tấn công khác. 600 Việt Cộng tập hợp bên ngoài Đắc Sơn được trang bị 60 súng phun lửa. La ó và găm thét, họ tấn công thị trấn, bắn ra vô số luồng lửa lòng thấp sáng rực trong đêm và tạo nỗi khiếp sợ trước cảnh tượng mà người dân chỉ mới phát hiện ra việc sử dụng diêm.

Thoạt đầu Việt Cộng đột phá vòng rào đối diện với khu tị nạn và buộc lực lượng dân quân đông đảo phải rút lui qua đường vào thị trấn. Tại đây, phía dân quân bị bao vây và cô lập — và trong suốt phần còn lại của đêm tối rừng rợn đã bị những kẻ cướp cạn phớt lờ. Việt Cộng không có chủ định chiến thắng quân sự mà chỉ nhắm vào cuộc tàn sát cạn tài, máu lạnh đối với những người Thượng bơ vơ.

Cuối cùng, những ngọn lửa dài hung hãn phóng ra từ mọi hướng, chiếu sáng rực rỡ ngôi làng tị nạn và thiêu rụi mọi thứ trên đường đi của họ. Những người hoảng loạn gào thét vẫn còn trong nhà của họ đã bị thiêu rụi. Nhiều người trong số những ai có thời gian để kịp chui xuống các hầm trú bên dưới các ngôi nhà đã bị ngạt thở. Phun lửa vào những vòng cung lớn, Việt

Cộng đốt cháy mọi thứ: cây cối, hàng rào, vườn tược, đàn gà, những đồng ngũ cốc sắp xếp cẩn thận từ vụ thu hoạch hàng năm. Những túp lều nào đó sống sót sau trận tàn sát bằng lửa thì được san phẳng bằng lựu đạn. Sau đó, các vòi lửa được phun xuống bên trong các hang động lộ ra ngoài. Cuối cùng, những người Cộng sản đã đốt một mảng của thị trấn chính chỉ vì lý do nào đó khó hiểu.

Đêm kinh hoàng

Cách đó gần hơn hai cây số, tại thị xã Sông Bé, một tiểu đoàn lính Nam Việt có nhiệm vụ phòng thủ Đắc Sơn, siết chặt tay trong bất lực khi họ nhìn ngọn lửa trên cao nguyên ngày càng bốc cao lên bầu trời đen kịt. Toán trực thăng nhỏ của họ trước đó đã được phái đi thực hiện một nhiệm vụ khác nay không thể thu hồi về. Một cuộc hành quân đường bộ để giải vây Đắc Sơn sẽ phải đi qua một khe núi hoang vu và sâu ngăn cách xóm nhà đang cháy với Sông Bé. Vậy có nghĩa là năm cây số trên một đường mòn quanh co và xoắn ốc trong bóng tối và một cuộc phục kích của Việt Cộng gần như là chuyện chắc chắn. Sự trợ giúp bên ngoài duy nhất cho Đắc Sơn trong suốt đêm dài kinh hoàng và chết chóc là một chiếc C-47 Dragonship đơn độc lượn lơ bên trên làng, dùng súng tiểu liên bắn xuống những cánh đồng xung quanh. Các xạ thủ không cần pháo sáng để phát hiện mục tiêu của họ.

Chỉ đến khi súng phun lửa cạn hết nhiên liệu, Việt Cộng mới dùng đến súng. Buộc 160 người trong số những người sống sót ra khỏi hầm trú, họ bắn chết 60 người trong số ấy ngay tại chỗ. Rồi cuối cùng khi rời bỏ đồng đồ nát đang bốc khói của Đắc Sơn vào lúc bình minh, họ kéo quân đi, bắt theo 100 người Thượng sống sót dẫn vào rừng.

Đề lại sự rùng rợn

Trong nỗi kinh hoàng tê dại, những người sống sót khác

loạng choạng đi tìm vợ con và bạn bè. Họ dùng khăn tay và lá bắp cải che lên mặt để xua bớt mùi thịt cháy bao trùm lên mọi thứ. Từng cái một, những hồ núp đã được dọn trống, để lại những phần còn lại là da thịt con người đỏ rực, căng phồng, bong tróc. Những đứa trẻ thơ bị đốt thành than nhìn quá ghê rợn, trẻ sơ sinh như bị hàn dính vào vú mẹ. Nạn nhân hầu hết là phụ nữ và trẻ con. Xác người lớn được đắp chiếu và chặn cháy xém vớt ra từ đống tro tàn, xác con trẻ nằm trong thúng tre. Có một người đàn ông đã mất 13 thành viên trong gia đình mình. Tính chung, 252 người Thượng không vũ trang đã bị sát hại và 100 người khác bị bắt đi; 500 người mất tích, chết hoặc chạy trốn vào các ngọn đồi. Gần 50 người bị thương, 33 người bị bỏng cấp 3 trên 20% cơ thể. Ba bác sĩ quân đội Hoa Kỳ điều trị cho họ tại bệnh xá Sông Bé đã nổi da gà vì kinh hoàng khi nhìn thấy. Người ta nhận xét rằng bất kỳ bệnh viện nào dù ở Mỹ cũng sẽ tê liệt vì có nhiều ca bỏng được đưa đến cùng một lúc như thế. Các bác sĩ đã làm hết sức mình.

Mục đích của Việt Cộng rõ ràng là làm cho những người Thượng còn lại phải hãi sợ khi manh tâm tìm kiếm nơi ẩn náu trong các thị trấn của chính phủ như Đắc Sơn. Nhưng trong trường hợp này, chủ nghĩa khủng bố của Cộng Sản rõ ràng đã vượt quá dấu ấn của mình. Vừa tụng kinh và than khóc khi chôn cất người chết, những người Thượng sống sót quyết tâm ở lại Đắc Sơn và xây dựng lại xóm làng. Hơn 100 người đàn ông ngay lập tức tình nguyện tham gia khóa huấn luyện lực lượng bất thường để có cơ hội bảo vệ Đắc Sơn một khi những người du kích với “súng phun lửa” tái xuất hiện lần nữa.

Nguồn: <http://content.time.com/time/magazine/article/0,9171,837586,00.html>

o

Việt Cộng cũng gây tội ác

Nguyên tác tiếng Anh của Heather Stur, đăng trên The New York Times ngày 19/12/2017 dưới tựa đề “*The Viet Cong Committed Atrocities, Too*”. Bản tiếng Việt của Phan Ba.

Ngày 5 tháng 12 năm 1967, dưới sự che chở của đêm tối, một nhóm quân du kích Việt Cộng và quân đội Bắc Việt đã đốt cháy làng Đắc Sơn khi dân cư của nó còn đang ngủ. Những kẻ tấn công dùng súng phun lửa và lựu đạn, và họ có sẵn súng của họ cho những người cố trốn thoát. Người dân làng, tỉnh giấc nhìn thấy những mái nhà bằng rơm đang cháy rực lửa của họ, cố gắng chạy trốn, và nhiều người trong số họ, những người đã chạy được vào trong các đường hầm và hang động trước khi bị những viên đạn hạ gục, đều bị đốt cháy trong những ngọn lửa của các khẩu súng phun lửa hay bị chết ngạt trong hang động của họ. Khi buổi sáng đến, những người sống sót loạng choạng bước ra để xem xét thiệt hại, và họ đã tìm thấy hơn 200 xác chết, phần lớn là thân thể của phụ nữ và trẻ em. Nhiều dân làng khác mất tích, được cho là đã bị những kẻ tấn công bắt cóc mang đi.

Đắc Sơn là một làng do chính phủ kiểm soát ở tỉnh Phước Long, độ chừng 75 dặm về phía đông bắc của Sài Gòn, gần biên giới với Campuchia. 2000 người dân của nó là người Thượng, một bộ tộc thiểu số từ lâu đã chống lại sự xâm nhập của Việt Cộng vào Tây Nguyên. Khoảng 800 người Thượng tị nạn đã chạy trốn về Đắc Sơn từ những ngôi làng bị Việt Cộng chiếm, và vì vậy mà du kích đã quyết định lấy Đắc Sơn để làm gương đe dọa nhằm ngăn chặn những đợt chạy trốn khác ra khỏi các vùng đất do Việt Cộng kiểm soát. Người Thượng cũng phục vụ trong các lực lượng quân đội địa phương được gọi là Địa phương quân và Nghĩa quân, hay “ruff-puff”, nhằm bảo đảm an ninh và bảo vệ làng mạc của họ chống lại sự xâm nhập của Việt Cộng. Quân đội Hoa Kỳ và Nam Việt Nam huấn luyện các lực lượng an ninh địa phương, khiến cho Việt Cộng càng coi khinh họ nhiều hơn. Theo một phóng viên của tạp chí Time viết về vụ

thăm sát Đắk Sơn, du kích Việt Cộng hét lớn “Con của Mỹ!” khi họ tấn công vào làng.

Hiếm khi được đưa vào trong lịch sử đại cương của cuộc Chiến tranh Việt Nam, Thăm sát Đắk Sơn tượng trưng cho tình huống bề nào cũng thua thiệt của người dân làng bình thường tại Việt Nam. Thường dân Việt Nam bị bao vây mọi phía bởi bạo lực và đe dọa dùng bạo lực. Allan Lavelle, một phi công về hưu của Hải quân và Không quân Mỹ, làm việc cho U.S.A.I.D. tại Việt Nam như là giám đốc bộ phận về người tị nạn và nạn nhân chiến tranh trong vùng đất mà Đắk Sơn nằm trong đó. Ông viết trong một quyển hồi ký chưa được công bố rằng người Thượng dùng phần lớn thời gian của họ để nấp trong những đường hầm để tránh không bị bắt trong những chiến dịch quân sự của Việt Cộng và quân đội Nam Việt Nam. Vào ban đêm, quân đội Bắc Việt và cán bộ Việt Cộng quấy rối và đe dọa họ. Lavelle, qua đời năm 2008, so sánh tình huống của người Thượng ở Việt Nam với người Mỹ gốc Phi ở Mississippi trong những năm 1920. Khi tôi là nghiên cứu sinh của Fulbright tại Việt Nam trong những năm 2013 và 2014, người Việt bạn tôi ở nông thôn và những người quen của tôi xác nhận rằng nông dân phải đối mặt với quấy rối và bạo lực về ban ngày từ quân đội Nam Việt Nam và rồi một lần nữa về đêm từ Việt Cộng.

Lavelle ngồi trên chiếc trực thăng đến Đắk Sơn để thanh tra người tị nạn vào buổi sáng sau vụ thăm sát, và ông là một trong những người ngoài cuộc đầu tiên khảo sát hậu quả. Sau đó, ông đã dành nhiều tuần ở lại làng để giúp những người sống sót tìm xác và chôn người chết. Sự phân hủy đã nhanh chóng bắt đầu trong vùng nhiệt đới đầy đặc và ẩm ướt, Lavelle kể lại rằng ông phải dùng một cái khăn tay che mũi và miệng của mình để giảm bớt mùi hôi thối và để không phải hít phải ruồi. Nhiều tuần sau, ông đến những làng người Thượng khác trong vùng, và biết rằng những người dân làng này không nghe nói về vụ thăm sát Đắk Sơn. Nếu như mục tiêu của cuộc tấn công là làm cho người Thượng phải sợ hãi để ở lại trong lãnh thổ của Việt Cộng thì nó đã không thành công hoàn toàn. Vụ thăm sát

thậm chí còn không làm nhụt ý chí của những người sống sót ở Đắc Sơn. Họ bắt đầu xây dựng lại gần như ngay lập tức.

Khùng bố là một phần cốt lõi trong chiến lược của Việt Cộng. Sĩ gia Douglas Pike đã đưa ra lập luận này trong các nghiên cứu của ông về Việt Cộng, những cái dựa trên thời gian hơn mười năm sống ở Nam Việt Nam của ông như là nhân viên Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ. Pike, một cựu chiến binh của Đệ Nhị Thế Chiến tại chiến trường Thái Bình Dương, đã thu thập tài liệu về những hành động khùng bố của Việt Cộng, bao gồm cả vụ thảm sát hàng ngàn người dân thường ở Huế trong đợt tấn công Tết Mậu Thân. Một quả bom ô tô ở đây và một vụ nổ tại một ngôi chợ ở kia tưởng chừng như ngẫu nhiên nhưng thật ra chúng gây ấn tượng sai lầm về bản chất có tính toán, dựa trên lý trí của chánh sách khùng bố của Việt Cộng như là một chiến thuật chánh trong chiến lược tiến hành chiến tranh của họ.

Những kẻ khùng bố đã tiến hành nhiều vụ ám sát, đặt thuốc nổ và quăng lựu đạn vào những chỗ đông người. Kỹ thuật viên lành nghề từ trụ sở chỉ huy tỉnh hay vùng đã chế tạo và kích nổ chất nổ và cung cấp lãnh đạo cho các tổ hoạt động. Việt Cộng chủ yếu nhắm vào làng mạc, đặc biệt là những thôn ấp mà họ cho rằng theo Sài Gòn, và mục đích của một cuộc tấn công thường là để gây rối loạn và sợ hãi hơn là giết một số lớn thường dân. Khi nhắm vào cá nhân ở vùng nông thôn, các du kích quân tập trung vào những người trưởng làng hay trưởng thôn ấp, nhân viên chánh phủ và những người tinh nghi là “chi điểm” và “phản bội” khác, cũng như người nước ngoài, kể cả linh mục và các nhà truyền giáo khác, nhân viên cứu trợ nhân đạo và nhân viên của chánh phủ Mỹ.

Huyền thoại quanh hình ảnh của Việt Cộng như là một phong trào có tổ chức đã che đậy việc lập kế hoạch, huấn luyện và tính chuyên môn mà đã định hình và tiến hành chiến lược khùng bố của họ. Các cán bộ hiểu rằng họ đi trên một con đường mỏng manh giữa gây ra sợ hãi trong dân thường và kích động căm thù. Lãnh đạo Việt Cộng cố làm cho những hoạt động khùng bố trông như không có liên quan đến cuộc đấu tranh

chánh trị của Mặt Trận. Những người nắm quyền thành lập “các tổ chức bí mật để phá hoại trong khu đô thị” nhằm để cho họ trông như “không có liên quan đến các tổ chức chánh trị”. Lãnh đạo Việt Cộng biết rằng phong trào của họ có thể mất uy tín nếu như người ta có thể thấy rõ những hoạt động cho một cuộc cách mạng bạo lực của họ.

Các nguồn tin của Việt Cộng đã bào chữa cho việc tiến hành khủng bố như là lựa chọn duy nhất mà họ đưa ra để chống lại “chánh sách chiến tranh và khủng bố của kẻ thù.” Không phải tất cả các cán bộ đều đồng ý với đường lối chánh thức; một số cho rằng một mình cuộc đấu tranh chánh trị là có thể lật đổ được chánh quyền Sài Gòn, và khủng bố có thể mang lại tác động trái ngược với những gì mà Việt Cộng dự định. Một quyển sách tuyên truyền nhỏ giải thích rằng bạo lực là một thành phần cốt yếu trong công thức cách mạng. “Phương cách đúng đắn duy nhất để tổ chức các lực lượng cách mạng và chuẩn bị về mọi mặt nhằm đập tan guồng máy bạo lực của kẻ địch là sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang thích hợp,” quyển sách giải thích. “Sự xuất hiện của hình thức đấu tranh mới này không chỉ đáp ứng một nhu cầu cấp bách mà còn là một hệ quả không thể tránh khỏi của phong trào cách mạng. Nó không mâu thuẫn với cuộc đấu tranh chánh trị mà bổ sung cho nó và mở đường cho cuộc đấu tranh chánh trị phát triển.” Niềm tin vào bản chất đã được định trước của cuộc cách mạng Cộng sản Việt Nam đã cho phép Việt Cộng bào chữa những hoạt động đấu tranh bạo lực của họ.

Thông qua khủng bố, Việt Cộng muốn gây sợ hãi trong người dân và làm mất ổn định hệ thống chánh trị Sài Gòn, phá hoại nỗ lực thiết lập xã hội dân chủ. Bạo lực kết hợp với rối loạn ở thủ đô và các khu thành thị khác, ở những nơi mà sinh viên, trí thức và nhà báo phản đối sự hoạt động chậm chạp của chánh phủ trong việc ban hành các thể chế chánh trị dân chủ và cho phép công dân bầu một chánh phủ dân sự. Giới quan chức Sài Gòn phản ứng lại các vụ khủng bố bằng cách bắt giam những nhà bất đồng chánh kiến và cho rằng bất cứ ai nói chống lại

chánh phủ đều là một người Cộng sản. Về phần mình, việc đàn áp quyền tự do dân sự lại xác nhận lời quả quyết của Việt Cộng và những nhóm chống chánh phủ khác, cho rằng giới lãnh đạo Sài Gòn là độc tài. Nhiệm vụ của khủng bố đã thành công.

Thường dân Việt Nam bị tấn công từ mọi hướng. Chánh quyền Sài Gòn và Đồng minh Hoa Kỳ đến với họ từ một hướng; từ một hướng khác là Hà Nội và Việt Cộng với sự hỗ trợ của Trung Quốc và Nga. Cho tới nay, các nhà nghiên cứu về cuộc chiến này chưa cung cấp một tường trình đầy đủ về những sự kiện tương tự như vụ thảm sát Đắk Sơn. Đã quá lâu, việc tường thuật về lịch sử của cuộc xung đột này là một trò chơi có tổng số bằng không mà trong đó cuộc Chiến tranh Việt Nam là một nghiên cứu điển hình, cái đã tạo một phê bình sâu rộng trên thế giới về chánh sách đối ngoại và lần can thiệp của Mỹ. Quan điểm chánh thống của cuộc chiến nhấn mạnh đến các hành động của những nhà hoạch định chánh sách, các cơ quan quân sự và quân đội. Người Việt xuất hiện tương đối một chiều, như là những con rối tham nhũng do Bộ Ngoại giao kiểm soát, các nhà cách mạng được lãng mạn hóa hay một đám đông nông dân vô danh bị vướng giữa hai làn đạn. Sự chánh thống ít quan tâm đến cơ quan, chiến lược hay thế giới quan của Việt Nam và nó không màng đến sự đa dạng của các ý kiến ở Bắc và Nam Việt Nam về việc một nước Việt Nam độc lập cần phải trông giống như thế nào.

Các sử gia làm việc với những nguồn Việt Nam dẫn chúng ta đến việc xác định tính phức tạp của thái độ người Việt về tương lai của đất nước họ, các chánh sách có liên quan, ảnh hưởng của ý kiến quốc tế về cách thức cuộc xung đột diễn ra, và bản chất của bạo lực đối với thường dân người Việt. Câu hỏi ai có quyền quyết định tương lai của Việt Nam là một phần cơ bản của cuộc xung đột rộng lớn hơn mà các chánh phủ ở Sài Gòn và Hà Nội, Việt Cộng và người dân Việt cũng như người nước ngoài dù mọi sắc màu chánh trị đều có liên quan đến.

Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, Nam Việt Nam, Bắc Việt Nam và Việt Cộng đều là đồng lõa trong việc bắt giam, tra tấn và giết

chết người dân thường Việt Nam. Nghiên cứu kỹ lưỡng về bạo lực và khủng bố của Bắc Việt và Việt Cộng không buộc phải phủ bóng lên sự đổ máu và phá hoại mà người Mỹ đã gây ra ở Việt Nam. Nhận thức về việc đưa ra quyết định và hành động của người Việt, bao gồm cả bạo lực chống lại đồng bào người Việt, nhìn nhận lòng nhân đạo của người Việt và làm tăng sự tuyệt vọng đã thúc đẩy cảnh huynh đệ tương tàn trong cuộc đấu tranh cho tự do sau hơn một thế kỷ dưới ách thực dân.

o

20 đồng đội bị giết khi Việt Cộng đột kích trại tù để cứu họ

*(Bản tin của Douglas Robinson, nhật báo New York Times
đề ngày 23/09/1968)*

SÀI GÒN, NAM VIỆT NAM, 22/09—Hai mươi tù binh chiến tranh đã bị bắn chết sáng hôm nay bởi một toán Việt Cộng tìm cách giải cứu họ khỏi một nhà tù của phía Nam Việt Nam, theo lời một phát ngôn viên quân sự Nam Việt. Ông cho biết các tù binh đã bị giết vì họ từ chối rời trại cùng với những người lính đã tấn công trại sau khi một trận pháo bằng súng cối hạng nặng khiến lính canh miền Nam bỏ chạy.

Vụ việc xảy ra tại trại tù binh chiến tranh tại Bình Sơn, 29 km về phía bắc của thành phố Quảng Ngãi.

Người phát ngôn của Nam Việt nói rằng 70 thường dân ở thị trấn gần đó đã bị thương trong cuộc tấn công bằng súng cối. Ông này thêm rằng có 10 binh sĩ Nam Việt bảo vệ trại tù đã thiệt mạng và 9 người bị thương.

Chính xác những gì đã xảy ra tại trại tù thì còn lâu mới rõ ràng. Người phát ngôn của chính phủ cho biết ông không có

thông tin về số lượng tù binh trong trại, cũng như không biết có bao nhiêu tù binh đã đi theo Việt Cộng. Cũng khó hiểu không kém là báo cáo ban đầu sáng nay cho hay rằng 44 tù nhân đã bị thương trong cuộc pháo kích. Người phát ngôn cho biết ông không có tin tức gì về việc các tù binh đã bị thương.

o

Việt Cộng dùng kinh hoàng làm vũ khí chính trị

Ghi chú của Ban biên tập báo Spartanburg Herald-Journal:

Đối với Việt Cộng, khủng bố là một vũ khí chính trị hợp pháp. Triết lý đằng sau nó là nỗi sợ hãi vượt qua hận thù và ghê tởm. Ở nông thôn và trong các thành phố, các đội khủng bố của Việt Cộng đã — và vẫn đang — tạo ra hỗn loạn, khiến kẻ thù dễ dàng duy trì sự kìm kẹp người dân. Sau đây là cận cảnh kịp thời về cách thức hoạt động của khủng bố Việt Cộng và những gì họ tiến hành.

SÀI GÒN (AP) - Người lãnh đạo du kích chắc nịch nhìn từ bên dưới chiếc mũ vải bạt che chờ để chắc chắn rằng các đồng chí của ông ta đã bao vây nhà của trường áp. Sau đó, ông ta đập mạnh khẩu súng trường Trung Quốc xuống bậc cấp phía trước và hét to lên.

Yêu cầu được la lớn tiếng là trường áp phải xuất hiện và trả lời về tội ác của ông ta đối với “cuộc đấu tranh cách mạng tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.”

Tiếng la chẳng tạo bất ngờ cho anh Nguyễn Văn Thanh, 40 tuổi. Huyện ủy Việt Cộng ở đồng bằng sông Cửu Long của anh đã hai lần cảnh cáo anh phải hợp tác với Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Bức thư thứ hai và mạnh mẽ hơn tố cáo Thanh vì “tội ác chống lại nhân dân nhân danh chính quyền hút máu” và kết thúc bằng câu: “Đây là những tội ác nghiêm trọng và vì chúng, anh mang một món nợ máu. Mặt trận nhận ra anh đã lừa dối và hình phạt cho các hành động của anh sẽ được lưu lại để chờ xem hành vi của anh sau này.”

Thanh không phải là người hỗ trợ đắc lực cho chính phủ và không phải là một viên chức đặc biệt hiệu quả. Nhưng Việt Cộng đã chính xác: anh ta là kẻ thù của họ. Thanh là thủ lĩnh tự nhiên của xóm mình, người đã chiến đấu và lập luận rằng Việt Cộng không phải là người chủ xứng đáng nhất cho các hàng xóm của anh. Thanh đã từng tuyên bố không hợp tác.

Anh ta đứng bất động trên hiên nhà, nơi đã bị bầm dẫm các vết đạn trong các cuộc tấn công trước đây nhằm vào anh ta và vào cái đồn dân vệ bằng đất bùn cách đó 50 thước. Lực lượng dân vệ lần này đã đào ngũ ngay cả trước khi kẻ địch đến. Họ đã được mật báo một cách rõ ràng rằng cuộc tấn công này sẽ không chỉ là thăm dò hay quấy rối.

• Chính quyền làng thuộc về kẻ thù

Trong đêm này, chiếc ghế chính phủ nhỏ bé ở một góc nghèo khó của đồng bằng sông Cửu Long đã thuộc về kẻ thù. Hàng hiên, thường là nơi trẻ em chơi đùa và là chỗ cánh đàn ông ngồi xôm thảo luận về vụ mùa của họ – nay đã trở thành tòa án nhân dân.

Thanh bị bao vây bởi những người du kích mặc quần áo nông dân và trang bị vũ khí hiện đại của Nga và Trung Quốc. Những Việt Cộng khác tìm gom đưa dân làng đến phiên tòa.

Người canh sát làng không được ai ưa, không tin tưởng và tham nhũng, một giáo viên phổ thông và một viên chức kiểm tra điều tra dân số vô hại của chính phủ đã bị áp tải tới.

Những người nông dân biết rõ màn kịch đang diễn ra. Trong 10 năm qua những chuyện như vậy đã xảy ra hàng nghìn lần ở các vùng quê Việt Nam. Dân làng biết rằng họ không thể ngăn cản đợt tái diễn mới nhất, trừ khi phải trả giá bằng chính mạng sống của mình.

Trưởng ấp, bà vợ và đứa con gái ba tuổi của ông ta bị buộc phải ngồi xôm trong bãi bùn trong khi tên lãnh đạo Việt Cộng khai mạc phiên tòa trình diễn.

Cáo buộc: “Làm tay sai và gián điệp cho đế quốc. Ăn cắp tiền thuế của dân cho ngụy quyền Sài Gòn thối nát. Đã bóp nghẹt khát vọng cách mạng chính nghĩa của nhân dân”.

Bản án: “Tù hình.»

Một Việt Cộng với vũ khí quàng qua vai uốn cong một đoạn dây dài trên tay và bước nhanh ra sau người đàn ông bị kết án. Một cú hươi tay khéo léo và sợi dây đã quấn vào cổ Thanh. Nhiều người trong làng quay mặt. Khi thi thể của Thanh ngã xuống đất, một du kích khác đã nổ súng vào gia đình, ghim đạn vào người mẹ và trúng bé gái nhiều phát vào đầu.

• **Bắn vào mặt viên cảnh sát**

Một Việt Cộng thứ ba đã nâng khẩu súng lục của mình lên và bắn vào mặt viên cảnh sát, người không được coi là đáng phí công dù chỉ bằng một phiên tòa trình diễn. Một người khác bắt đầu dùng dao chặt mía chém vào mặt nữ giáo viên. Cô khụy gối, cố gắng dùng cánh tay để che đầu. Cuối cùng, cô nằm sấp trong bùn, bất tỉnh và chảy máu cho đến chết.

Người chỉ huy Việt Cộng sai bước từ hiên nhà, cúi xuống người trưởng ấp đã chết và ghim một tờ giấy vào áo anh ta. Tờ giấy liệt kê những cáo buộc đối với Thanh để dân làng đọc và suy ngẫm trong buổi sáng.

Sau đó là một phiên họp từ trường nhóm kích động-tuyên truyền. Bằng một giọng nhẹ nhàng nhưng chắc chắn, ông này giải thích rằng từ những cáo buộc, người dân có thể hiểu được cái chết của trưởng ấp của họ. Thế còn vợ và con anh ta? “Đồng bào phải hiểu rằng những người này cũng là những kẻ phản bội cuộc đấu tranh của nhân dân.”

Ông ta nói tiếp, người cảnh sát đã tham nhũng và đã tống tiền dân làng (chuyện này có thật). Cô giáo của trường đã bí mật làm gián điệp cho chính phủ (không đúng sự thật). Chắc chắn dân làng phải hiểu tại sao những kẻ thù như vậy phải bị trừ diệt.

Ít phút sau, toán du kích rút đi trong đêm không trăng về nơi mà họ đến. Họ dẫn theo người kiểm tra dân số đến một nhà tù trong rừng. Công việc của toán du kích đã được thực hiện và kết thúc viên mãn.

Những trận chiến xa xôi và biệt ngữ chủ nghĩa không mang lại nhiều ý nghĩa đối với những người nông dân chất phác. Nhưng sự man rợ như vậy – được ghi chép đầy đủ – ở trong tiềm thức một con người sẽ để lại một vết sẹo kinh hoàng không thể nhầm lẫn. Một trường áp mới sẽ được đặt lên, và có thể sẽ đến lượt ông ta bị ám sát sau đó. Mọi thứ sẽ không bao giờ như cũ nữa đối với dân làng.

Đối với Việt Cộng: khủng bố cũng là một vũ khí cần thiết, như súng trường hay lựu đạn.

Các số liệu của chính phủ được các giới chức Mỹ công nhận cho biết trong 10 năm qua¹¹⁰, 15.000 thường dân đã bị ám sát hoặc thiệt mạng trong các cuộc tấn công khủng bố và 30.000 người khác bị thương. Khoảng 44.000 người đã bị bắt cóc. Một số người trong số này đã bị bỏ tù, một số người đã bị kẻ thù khuất phục thông qua việc tẩy não được gọi là “tái nhồi sọ chính trị”. Theo chính phủ, một phần lớn, có lẽ hầu hết đã bị sát hại vì ngoan cố hoặc chết đói trong các trại giam trong rừng sâu.

• Việc xử tử các nhà lãnh đạo

Các vụ hành quyết hàng nghìn người như anh Thanh tạo ra lỗ hổng trong bộ máy chính quyền thiếu các nhà lãnh đạo tự nhiên, nhạy bén và được kính trọng trên khắp cả nước. Việt Cộng hoạt động tốt nhất trong các khoảng trống như vậy. Các giáo viên đã chết vì lý do như thế. Cái chết của viên cảnh sát không phải là một hành động hoàn toàn không được hâm mộ

(110) - Bài báo này được viết và đăng trên tờ *Spartanburg Herald-Journal*, số đề ngày 6/10/1968. (Ghi chú của người dịch)

trong làng và nhằm mục đích nâng cao hình ảnh Robin Hood¹¹¹ tự xưng của Việt Cộng. Còn người thực hiện việc điều tra dân số, như một biểu tượng nhỏ của quyền lực chính phủ, đơn giản chỉ là một con tốt nhỏ.

Giữa ám sát và triệt phá toàn bộ ngôi làng còn có nhiều hình thức khủng bố khác. Hàng trăm chiếc xe đồ dân sự đã bị nổ mìn. Nhà cửa thường xuyên bị phá hủy bởi các cuộc tấn công bằng súng cối và tên lửa. Đôi khi mạng sống bị tước đoạt một cách vô nghĩa rõ ràng. Vâng, chẳng bao giờ có ý nghĩa gì.

Đại tá Huyền Cư, người đã đào thoát khỏi Việt Cộng, cho biết khoảng 3 triệu trong tổng số 15 triệu người của Nam Việt Nam đã nằm trong danh sách cần xử tử của kẻ thù. Những người này, theo ông, bao gồm tất cả những người chạy trốn khỏi miền Bắc sau khi chiến tranh Pháp kết thúc (chủ yếu là người Công giáo), những người đào ngũ như Cư, thành viên chính phủ và công chức cấp cao, thành viên lực lượng vũ trang và những người tương tự.

Nằm trong danh sách xử tử không nhất thiết có nghĩa là tự động hành quyết nếu có thể đưa ra bằng chứng thuyết phục về việc “cải tạo chính trị”.

Tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng Bắc Việt, đã được trích dẫn câu nói, “mỗi phút có hàng trăm ngàn người chết trên khắp thế giới. Sự sống hay cái chết... của hàng ngàn con người, ngay cả khi họ là đồng bào của chúng ta, thực sự rất bé nhỏ”.

Đối với Việt Cộng khủng bố là một chính sách được suy nghĩ kỹ càng nhằm mục đích thu được lợi ích tối đa (vâng phục tuyệt đối) với chi phí tối thiểu (đào ngũ, bắt mẫn.) Các tài liệu cộng sản gọi đó là “một hình thức đấu tranh vũ trang thích hợp”.

Một cựu Việt Cộng nói về sự khủng bố, “Cần phải kiểm soát dân làng. Nếu không có khủng bố, chúng tôi có thể kiểm soát những người theo mình chứ không phải toàn bộ dân số. Chúng tôi tìm cách giết không phải vì mục đích giết chóc, mà là để phá vỡ hoàn toàn ý chí phản kháng và suy nghĩ của nhân dân”.

Lợi lộc của biện pháp khủng bố bao gồm việc dễ thu thuế

(111) - *Robin Hood* là một anh hùng truyền thuyết, một cung thủ và kiếm thủ cừ khôi, được biết đến với việc «cướp của người giàu chia cho người nghèo».

và chỉ trích nếu không sẵn sàng lao động để phá hoại đường sá của chính phủ hay vận chuyển tiếp liệu, đạn dược và thương vong cho Việt Cộng khi chiến đấu.

Một chuyên gia Hoa Kỳ về chủ đề này cho biết. “Nếu được áp dụng một cách chính xác, thì nỗi sợ hãi vượt qua sự căm ghét và ghê tởm.” Người này còn cho biết, “khi tuyên truyền chống lại chiến thuật này của kẻ thù, cần phải hết sức thận trọng, nếu không thì chúng ta sẽ làm thay công việc của địch”.

Một trường hợp điển hình: các biển triển lãm không lồ ở Sài Gòn về những hình ảnh tàn bạo của kẻ thù trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân và các loại vũ khí bao gồm cả đại bác, hỏa tiễn thu được trong lúc giao tranh.

• **Triển lãm làm tăng sợ hãi giữa mọi người**

Các giới chức của Hoa Kỳ cho rằng các biển triển lãm chỉ làm tăng thêm nỗi sợ hãi trong người dân Sài Gòn và đẩy họ tiến xa hơn đến chỗ hoàn toàn tách rời khỏi chính phủ của mình. Tâm trạng của những người xem triển lãm được trông đợi là khiếp sợ khi nhìn thấy hình ảnh những thương dân chết và bị cắt xẻo và tin tưởng khi thấy tất cả các phương tiện chiến tranh bị quân đội chính phủ thu giữ.

Nhưng ngược lại, quá nhiều người chỉ thấy sợ hãi khi xem các biển triển lãm đối diện với tòa nhà Quốc hội.

Báo *Spartanburg Herald-Journal*, ngày 6/10/1968, trang 5

<https://news.google.com/newspapers?nid=1876&-dat=19681006&id=94YsAAAAIBAJ&sjid=h4oFAAAAIBA-J&pg=7392,1096890>

0

Đôi tay nhuộm đỏ máu của Hồ Chí Minh

Bài báo của John G. Hubbell đăng trên nguyệt san *Reader's Digest*, số đề tháng 11/1968; được phép dịch và sử dụng bởi *Trusted Media Brands, Inc* – công ty mẹ của *Reader's Digest*.

Ông xã trưởng và chị vợ bán loạn lên. Thằng bé bảy tuổi trong bảy con của họ mất tích đã bốn ngày. Hai vợ chồng kinh hoàng, họ giải thích với Trung tướng TQLC Lewis W. Walt, rằng họ tin thằng bé đã bị Việt Cộng bắt đi.

Đột nhiên, từ bia rừng thằng bé lao ra và phóng nhanh qua các thửa ruộng, hướng về phía làng. Nó đang òa khóc. Bà mẹ chạy đến và ôm trọn con vào lòng. Hai bàn tay thằng bé đã bị chặt cụt, một tấm băng đeo vào cổ, ghi lời nhắn gửi cho người cha: nếu ông hay bất cứ người nào trong làng dám lớn gan tới phòng phiếu trong cuộc bầu cử sắp tới, điều tệ hại hơn thế sẽ xảy đến cho đám con còn lại của ông.

Việt Cộng cũng đã phổ biến lời cảnh cáo tương tự đến cộng đồng dân cư của một xã khác không xa thành phố Đà Nẵng. Tất cả dân làng đã bị gom lại trước nhà xã trưởng. Họ và bà vợ đang mang thai cùng bốn đứa con phải chứng kiến màn viên xã trưởng bị cắt lưỡi. Sau đó, họ cắt bộ phận sinh dục của ông rồi bỏ vào bên trong cái miệng đẫm máu của ông, khâu lại. Ông chết xong, VC quay sang xử bà vợ, dùng dao cắt banh tử cung của bà ra. Rồi mới đến thằng bé chín tuổi: dùng tre nhọn đâm xuyên suốt từ tai này qua tai kia. Hai đứa con kia của ông xã trưởng cũng bị giết theo cách thức như thế. VC đã không làm tổn thương đứa bé gái năm tuổi – đúng là không bạo hành thể xác: họ chỉ việc bỏ mặc cho con bé vừa níu chặt bàn tay người mẹ đã tắt thở, vừa gào khóc.

Trung Tướng Walt thuật lại chuyện ông đến trụ sở quận lý hôm sau ngày quận này bị VC và bộ đội miền Bắc tràn ngập. Số binh sĩ miền Nam thoát từ trận đã bị trói lại rồi bị bắn vào mồm hay vào sau gáy. Rồi vợ con của họ, kể cả những bé mới 2 hay

3 tuổi, đã bị lừa đi diễu hành trên đường phố, lột hết quần áo, tra tấn và sau cùng mới bị hành quyết: cắt cuống họng, bị bắn, chặt đầu, hay bị móc ruột. Xác người bị cắt xẻo được đem bêu trên hàng rào, có đeo tấm bảng cảnh cáo dân cư quận lý rằng nếu họ cứ tiếp tục ủng hộ chính quyền Sài Gòn và lực lượng đồng minh, họ cứ chờ đến lượt cùng chung số phận.

Những hành vi tàn bạo ấy không phải là trường hợp cá biệt, mà là điển hình. Vì đây là chủ trương chiến tranh của địch, thể hiện rõ ràng trong chính sách chiến đấu của ông ta¹¹² tại Việt Nam. Trong khi có những kẻ ngây thơ và chống Mỹ trên khắp thế giới – được cộng sản nhen nhúm tuyên truyền – đã bùng lên để chống lại tính chất “phi đạo đức” của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam như ném bom bằng máy bay, sử dụng bom cháy *napalm*, các thương vong dân sự không thể tránh khỏi (nhưng tương đối ít) do hành động chiến đấu của Mỹ gây ra hàng ngày và hàng đêm trong nhiều năm, thì phía cộng sản đã sản sinh ra bản tổng mục ghê rợn nhất lịch sử của sự man rợ một cách có hệ thống. Tính đến cuối năm 1967, họ đã tiến hành ít nhất 100.000 hành vi khủng bố chống lại nhân dân miền Nam Việt Nam. Kỷ lục này là một chuỗi bất tận những vụ tra tấn, từng xẻo và giết người có giá trị huấn luyện cho cả những kẻ như cố Adolf Hitler.

Có lẽ là do mãi đến gần đây, chủ trương khủng bố chỉ được áp dụng chủ yếu ở những nơi xa xôi, nên khía cạnh chiến tranh này đã lọt khỏi sự chú ý của báo chí. Do đó kẻ địch đã khá thành công trong màn tự nguyện trang trọng vai trò cuộc cách mạng cao quý. Đã quá trễ để các chiến binh Hoa Kỳ – những người mệt mỏi và chán ngán vì bị phi báng khi cố gắng giúp miền Nam Việt Nam bảo vệ được tự do, để có một cái nhìn xoáy vào bản chất của thứ địch thù này.

(112) - Hồ Chí Minh (Ghi chú của người dịch)

Trừng phạt Tắm máu

Khùng bố đã thực sự khởi đầu khi nhà độc tài đồ Hồ Chí Minh củng cố quyền lực của mình ở miền Bắc. Hơn một năm trước khi đạt chiến thắng với người Pháp vào năm 1954, ông đã phát động một chiến dịch man rợ nhằm chống lại người dân của mình. Ở hầu hết các làng xã miền Bắc Việt Nam, các toán quân vũ trang đã tập hợp dân chúng lại để chứng kiến “lời thú nhận” của địa chủ. Theo với thời gian trôi, các doanh nhân, trí thức, giáo viên, các nhà lãnh đạo dân sự – bất cứ ai đại diện cho một nhóm có khả năng trở thành đối lập mai kia – cũng bị gom lại và cưỡng bức phải “thú nhận” có “sai lầm tư tưởng”. Rồi đến màn đấu tố công khai, kết án và trong nhiều trường hợp, kết thúc bằng việc xử tử. Người dân bị xử bắn, bị chặt đầu, bị đánh đến chết; một số bị trói, xô xuống những ngôi mộ đào sẵn rồi bị lấp bằng gạch đá đến khi họ bị nghiền nát đến chết.

Ông Hồ còn lập lại hành động khùng bố của mình theo định kỳ. Có khoảng 50.000 đến 100.000 người được coi như đã bị giết chết trong các cuộc tắm máu ấy – trong một nỗ lực lạnh lùng và có toan tính để răn đe đảng viên và quân chúng. Để bảo đảm cho việc ấy, ít người thoát lọt lưới khùng bố của ông Hồ nay dám châm ngòi cơn thịnh nộ của ông ta. Tuy nhiên, trong thập niên 1950, ông đã phải dập tắt một số vụ nổi dậy lớn ở Bắc Việt Nam – đáng chú ý nhất là vụ xảy ra vào đầu tháng 11/1956, tại tỉnh Nghệ An, trong đó có làng Nam Đàn nơi sinh của ông. Ông ta đã đánh thuế miền này quá nặng làm các cư dân rốt cuộc đã kết tụ lại với nhau và từ chối mức thuế của ông. Hồ đã gửi bộ đội đến thu thuế, và sau đó gửi một sư đoàn lục quân, để nổ súng. Khoảng 6.000 dân làng không vũ trang đã bị giết. Những người sống sót đã tàn sát, một số trốn thoát vào miền Nam. Cuộc tàn sát ấy phần lớn không được thế giới lưu ý do đang bận tâm với việc Liên Xô cưỡng chiếm Hungary.

Với miền Bắc nắm chặt trong tay, ủy ban trung ương đảng cộng sản Bắc Việt đã họp tại Hà Nội vào ngày 13/03/1959, và quyết định đã đến thời điểm để tiến hành thanh toán miền Nam

Việt Nam. Ngay sau đó, một lượng lớn du kích quân của Hồ đã thâm nhập vào Nam để kết hợp với số cán bộ đã ở lại đó sau khi Pháp bại trận năm 1954. Nhiệm vụ của họ: loại bỏ thành phần lãnh đạo của Nam Việt Nam, bao gồm các viên chức dân cử, lãnh đạo “tự nhiên”, bất cứ ai và tất cả những ai mà dân chúng có thể tìm đến để tìm lời khuyên bảo. Cũng bị khừ trừ là bất kỳ người Nam Việt Nam nào có thân nhân trong lực lượng vũ trang, trong bộ máy hành chính hoặc cảnh sát; hay bất kỳ ai không chịu nhanh chóng nộp thuế cho cộng sản; hoặc bất kỳ ai đã có cơ hội đến trường lớp từ năm năm trở lên.

Một du kích VC bị bắt đã giải thích cách thức mà nhóm tám người của y ra tay với một ngôi làng điển hình: “Lần đầu tiên vào làng, chúng tôi đã bắt và hành quyết ngay tại chỗ bốn người đàn ông đã được huyện ủy liệt kê là đối thủ nguy hiểm nhất. Một người đã chiến đấu trong cuộc chiến chống Pháp, bây giờ là kẻ ủng hộ chính phủ miền Nam Việt Nam. Một người khác đã được trông thấy có thái độ thân thiện với quân đội chính phủ. Hai người này đã bị bắn bỏ. Còn hai người kia, là địa chủ trong làng, đã bị chặt đầu.”

Tướng Walt kể về “sự thuần túy cách mạng” của Việt Cộng khi họ quay về quê cũ ở hai làng khác. Trong một trường hợp, một cô gái 15 tuổi đã cung cấp cho binh sĩ TQLC của ông các thông tin về hoạt động của VC đã bị đưa vào rừng tra tấn nhiều giờ, sau đó bị chặt đầu. Thay lời cảnh cáo cho các dân làng khác, đầu cô được cắm trên một cây cột ở ngay trước sân nhà cô. Những kẻ giết cô là chính anh trai của cô cùng với hai trong số các đồng chí của anh ấy. Trong trường hợp kia, khi một chiến sĩ VC nghe tin vợ và hai con nhỏ đã hợp tác với các lính Thủy quân Lục chiến có thái độ thân thiện với họ, đích thân anh ta đã về cắt lưỡi của vợ con.

Diệt chủng

Trong bối cảnh như vậy, cơn bão khủng bố đã hoành hành trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Trong năm 1960, khoảng 1.500 thường dân Nam Việt Nam đã bị giết và 700 người bị bắt cóc. Đến đầu năm 1965, Đài phát thanh Hà Nội của phe cộng sản và Đài Giải phóng đã có thể tự hào rằng VC đã phá hủy 7.559 thôn xã miền Nam Việt Nam. Đến cuối năm ngoái,¹¹³ 15.138 thường dân Nam Việt Nam đã bị giết, cùng với 45.929 người bị bắt cóc. Trong số bị bắt cóc, rất ít người còn được nhìn thấy lần sau.

Cuộc tấn công của ông Hồ vào thành phần lãnh đạo của miền Nam Việt Nam, trên thực tế, là một hình thức diệt chủng – và tất cả đều đạt hiệu quả vượt mức. Vì vậy, nếu Nam Việt Nam còn sống sót được trong tự do, thì đất nước này cần phải chờ trong thời gian dài một thể hệ mới lấp đầy hoàn toàn yếu tố quan trọng này của một guồng máy xã hội. Nhưng bản thiết kế lớn của khủng bố còn nhắm đến các mục tiêu khác. Nó hy vọng sẽ dồn chính phủ bị tấn công đến những hành động chống khủng bố thái quá, để tạo sự khinh miệt và hận thù của nhân dân. Nó cũng mong chờ các tuyên truyền có giá trị qua dạng các tội ác báo thù ở mức độ cá nhân được đưa tin rộng rãi – vì các binh sĩ Nam Việt Nam mà gia đình họ bị đau khổ dưới bàn tay cộng sản, sẽ không thể nhẹ tay với các VC và bộ đội miền Bắc lọt vào tay họ.

Tiến sĩ A. W. Wylie, một y sĩ người Úc phục vụ trong một bệnh viện ở Đồng bằng sông Cửu Long, vạch ra rằng một thôn hoặc làng không cần phải hợp tác với chính quyền Sài Gòn hoặc các lực lượng đồng minh mới tạo cho mình bản án tử hình; họ chỉ cần trung lập, một vị trí chính trị không thể chấp nhận được với những người cộng sản. Sau khi một địa phương đã bị VC chiếu cố đến thăm, người ta luôn có thể nhận ra ngay những người có trách nhiệm của làng qua bản chất đặc biệt ghê gớm của vết thương dành cho họ. Ông trích dẫn một số trường hợp ông đã chứng kiến:

- Khi VC kết thúc màn tra tấn một người phụ nữ mang

(113) - Tức 1967, tính theo thời điểm bài báo này – Ghi chú của người dịch

thai, cả hai chân cô dính lủng lẳng vào thân bằng những dải da thịt và cần phải bị cắt cụt. Chồng cô, một trường thôn, vừa bị bóp cổ chết ngay trước mắt cô, và cô cũng đã nhìn thấy đứa con trai ba tuổi của cô bị bắn chết bằng súng máy. Bốn giờ sau khi đôi chân của cô bị cắt cụt, cô đã phải hủy bỏ thai nhi mà cô đang mang. Nhưng không chừng điều tồi tệ nhất đã xảy ra với cô ngày hôm đó lại chính là việc cô đã phải sống sót.

- Một cảnh sát viên xã bị trói chặt tại chỗ trong khi một VC dùng súng bắn rặng sống mũi và tiếp tục ria đạn quanh xương gò má của anh ta ở chỗ quá gần cặp mắt đến độ phần còn lại chỉ là từng mảnh thịt vụn rời. Sau đó anh đã chết vì không thể cầm máu.

- Một nữ giáo viên 20 tuổi quý gồi trong một góc cố gắng tự che chắn bằng cánh tay của mình trong khi một VC quát cô ấy bằng một cây rựa. Cô đã không thành công; phần sau đầu cô bị chém sâu đến nỗi óc não lòi ra ngoài. Cô chết vì tổn thương não và mất máu.

Súng phun lửa vào trận

Ngày 5 tháng 12 năm ngoái¹¹⁴, quân cộng sản đã phá kỷ lục của những thành tích phải xếp hạng là những hành động dã man nhất lịch sử, ở Đắc Sơn – một bản làng ở cao nguyên có khoảng 2.000 người Thượng của một bộ tộc hiền lành nhưng cực kỳ độc lập. Họ đã rời bỏ ngôi làng cũ của mình trong lãnh thổ bị VC kiểm soát, để ngoài tai một số lệnh của VC buộc họ quay lại bản, cũng như từ chối cung cấp nam thanh niên để cầm súng cho VC.

Hai tiểu đoàn VC đã tấn công vào những giờ đầu ngày, khi ngôi làng còn đang ngái ngủ. Sau khi nhanh chóng giết các người canh công, cộng sản tràn ngập vào những dãy nhà tranh ngay ngắn, dùng súng phun lửa để phóng hỏa. Điều đầu tiên làm nhiều dân làng biết họ bị tấn công là khi lính VC dùng

(114) - Năm 1967 (Ghi chú của người dịch)

ngọn lửa đề đốt đang khi họ đang ngủ trên giường. Một vài gia đình đã kịp thức giấc đề trốn vào rừng rậm bao quanh. Một số đàn ông trụ lại và chiến đấu, đề vợ và con của họ có thời gian bò xuống rãnh đào dưới nhà mình nhằm tránh mảnh đạn súng cối và đạn súng trường. Nhưng khi mọi dãy nhà đã bốc cháy, cộng sản dùng súng phun lửa vào từng rãnh và trút vào một tia lửa dài – và, như đã được tính toán kỹ, ném lựu đạn vào nhiều mương rãnh ấy. Kỹ lưỡng và có phương pháp, họ vẫn bám trụ lại ở hiện trường cho đến rạng đông, mới bỏ đi về hướng biên giới Campuchia.

Buổi sáng hé lộ một cảnh kinh hoàng khó có thể tưởng tượng. Ngôi làng bây giờ chỉ là đồng tro âm ỉ, xác người vương vãi khắp nơi trên nền xanh cây cỏ. 252 xác người, phần lớn là các bà mẹ và trẻ em, cháy phỏng, cháy thành than hay cháy tới tận xương. Người sống sót, đa phần bị phỏng nặng, đi lang thang vô vọng, hoặc ngồi cạnh xác người thân, mà khóc. Khoảng 500 người mất tích; về sau đã tìm thấy xác trong rừng, bị chết vì bông và các thương tích khác; nhiều người khác thì biệt tích.

Cuộc tàn sát ở Đắc Sơn là lời cảnh cáo dành cho các khu định cư khác của người Thượng, đề họ phải hợp tác. Nhưng nhiều đàn ông bộ tộc giờ đây chiến đấu trong hàng ngũ quân đội đồng minh.

Cắt xẻo trên xe buýt học đường

Nếu các kỹ thuật “thuyết phục” của cộng sản sinh ra sự hận thù sâu sắc và dài lâu, thì ông Hồ không thêm quan tâm; điều cần thiết trước tiên là khuấy phục triệt để người dân. Ông Hồ bực dọc vì sự mở rộng nhanh chóng của hệ thống giáo dục Nam Việt Nam: từ 1954 đến 1959, số trường học đã tăng lên gấp ba và tổng số học sinh gấp bốn lần. Một dân tình có học thức, đặc biệt là một thành phần được giáo dục về những lý tưởng dân chủ, là điều không phù hợp với kế hoạch của cộng

sản. Do đó, hệ thống trường học là một trong những mục tiêu thanh toán đầu tiên của Hồ. Vì vậy, ông đã tiến hành chống lại một cách có hiệu quả đến nỗi Liên đoàn Thế giới các Tổ chức Dạy học đã nhanh chóng gửi một ủy ban được chủ trì bởi Shri S. Natarajan của Ấn Độ, đến điều tra.

Những phát hiện điển hình của ủy ban là những gì đã xảy ra ở tỉnh An Xuyên nhiều rùng rú. Trong năm học 1954-1955, có 3.096 trẻ em đến theo học ở 32 trường trong tỉnh; vào cuối niên khóa 1960-1961, 27.953 người đã theo học ở 189 trường. Rồi cộng sản nhúng tay vào. Phụ huynh bị đe dọa không được cho con đến trường. Giáo viên đã được cảnh cáo phải ngừng dạy môn giáo dục công dân, và thôi dạy trẻ em tôn vinh đất nước, quốc kỳ và tổng thống của mình. Giáo viên nào không tuân thủ đã bị bắn hoặc bị chặt đầu hay bị cắt cổ, và nguyên nhân các vụ hành quyết được ghim lên áo quần hoặc dính vào cơ thể họ.

Ủy ban Natarajan báo cáo việc VC chặn một xe buýt chở học sinh và lệnh cho con trẻ không được đến lớp nữa. Khi các em cứ tiếp tục đi học thêm một tuần, VC lại chặn xe buýt, chọn một em gái sáu tuổi, rồi chặt đứt các ngón tay của em. Các em khác bị dấn mặt, “Điều này sẽ xảy đến cho các cháu, nếu các cháu còn tới trường.” Thế là trường phải đóng cửa.

Trong vòng một năm, chỉ nội trong tỉnh An Xuyên, người của ông Hồ đã đóng cửa 150 trường, đã giết chết hay bắt cóc hơn sáu chục thầy cô giáo, và làm 20.000 học sinh bỏ học. Đến cuối năm học 1961-62, có 636 trường học miền Nam phải đóng cửa, tổng số học sinh giảm xuống gần 80.000.

Nhưng, đối diện với sự phá hoại ấy, nền giáo dục Nam Việt Nam đã quật khởi mạnh mẽ. Các trường lớp bị cộng sản phá hoại được tái thiết, để lại bị tàn phá, rồi được xây dựng lần nữa. Nhiều giáo viên phải bỏ nhà cửa của mình để ngủ hoang mỗi đêm, đến ngà lưng ở nhà của một học sinh nào đó để cộng sản không tìm thấy họ, hoặc đi đi về về các thành phố lân cận là nơi gia đình họ tá túc.

Với quyết tâm ấy, tâm cỡ của sự thất bại của ông Hồ có thể đo lường được: năm 1954, có khoảng 400.000 học sinh

đến trường ở cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Ngày nay¹¹⁵, chỉ tại Nam Việt Nam thôi đã có khoảng hai triệu học sinh đến trường. Khoảng 35.000 – tức gấp bốn lần thống kê của năm 1962 – hiện đang theo học tại 5 trường đại học của miền Nam, trong lúc có thêm 42.000 sinh viên theo học các lớp đêm.

Một viên chức chính phủ Nam Việt Nam giải thích: “Chiến tranh làm tan vỡ nhiều giá trị truyền thống. Nhưng ý hướng về giáo dục đạt một sự quan tâm tuyệt đối trong trí tưởng tượng của người dân chúng tôi.”

Vành móng ngựa công lý

Cường độ khủng bố của phía cộng sản vẫn tiếp tục tăng. Sau vụ thảm sát Tết ở Huế đầu năm nay, 19 ngôi mộ tập thể với hơn 1.000 xác, hầu hết là dân thường – ông già bà lão, phụ nữ trẻ, học sinh, linh mục, nữ tu, bác sĩ (kể cả ba người Đức từng là giảng sư trường thuốc của Viện Đại học Huế). Khoảng một nửa đã bị chôn sống, và nhiều xác người khai quật lên trong tư thế bị trói buộc bằng dây kẽm gai, với bùn đất hoặc giẻ rách nhồi vào miệng và cổ họng của họ, và với đôi mắt mờ trùng. Cộng sản đã đến Huế với một danh sách dài ghi tên các đối tượng cần xóa sổ – những người làm việc cho miền Nam Việt Nam hoặc cho chính phủ Hoa Kỳ, hoặc những ai có thân nhân trong diện ấy. Nhưng khi tình hình quân sự của họ ngày càng trở nên tuyệt vọng, họ bắt đầu chọn người một cách ngẫu nhiên, dẫn ra khỏi nhà tới nơi xa đường lộ, kết án họ ở những phiên tòa chiếu lệ bằng bản án “phản động” hay “chống phá cách mạng”, rồi giết họ.

“Cuộc tấn công Tết đã thể hiện một sự thay đổi mạnh mẽ trong chiến thuật,” Tướng Walt nói. “Đây là trận chiến để chiếm giữ người dân miền Nam Việt Nam. Ông Hồ khởi động cuộc tấn công Tết vì biết mình đang mất quần chúng. Nhưng bộ đội của ông không biết điều ấy; họ được lên lớp rằng họ không cần bất kỳ một kế hoạch triệt thoái nào vì nhân dân sẽ nổi dậy và cùng

(115) - Tháng 11/1968 (Ghi chú của người dịch)

chiến đấu với họ để tống khứ người Mỹ đi. Nhưng điều xảy ra lại là một thực tế trái ngược. Nhiều người chống trả lại họ một cách quyết liệt như cọp dữ.” Một số vụ thảm sát hồi Tết có lẽ do động lực của sự thất vọng đầy thù hận của các đội khủng bố của ông Hồ – mà ông Hồ có thể đã tiên liệu, và trông mong.

Hồ sơ đầy đủ về chủ nghĩa dã man của cộng sản ở Việt Nam sẽ thừa để lấp đầy một lượng lớn sách sử. Nếu miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản, hàng triệu người khác chắc chắn sẽ phải chết, phần lớn con số này sẽ nằm trong những cuộc tra tấn giàu sáng tạo của phe ông Hồ. Đó là lý do chính tại sao, vào các thời điểm bầu cử, hơn 80% người Việt Nam dù điều kiện đi bầu đã bất chấp mọi mối đe dọa của phía cộng sản để đến các phòng phiếu, và tại sao, cứ sau khi bị pháo kích bằng súng cối, các hàng người chờ bỏ phiếu lại nối đuôi nhau trở lại. Đó là cũng lý do tại sao người miền Nam Việt Nam cầu xin cho các đồng minh của họ sẽ tham dự vào cuộc chiến đấu của họ đến cùng. Đó là lý do tại sao tuyệt đại đa số quân lính Mỹ ở Việt Nam bị thuyết phục rằng cuộc chiến tranh này xứng đáng để cầm súng. Đó là lý do tại sao những người có thái độ ngênh ngang vênh vác – ngay trên đất nước của chúng ta¹¹⁶ – vung vẩy cờ Việt Cộng và gièm pha cuộc chiến đấu của chúng tôi là “bất chính” và “vô đạo đức” cần trả giá cho sự khinh miệt mà họ xứng đáng phải trả.

Cuối cùng, đó là lý do tại sao những người cộng sản cần được quét sạch một lần tất tẩn tận khỏi miền Nam Việt Nam – và tại sao, nếu được, những con quái vật hiện đang thống trị Bắc Việt cần được đưa ra trước vành móng ngựa công lý.

o

(116) - Hoa Kỳ (Ghi chú của người dịch)



Nguy Thanh, 1972

Những dòng chữ mà chúng tôi gom nhặt được để in trong tuyển tập này là của hơn một người: những người chủ trương bắn giết, những kẻ tình cờ trở thành nhân chứng.

Là một trong những người đầu tiên khám phá ra Đại Lộ Kinh Hoàng, là một trong những người tận tay bốc từng đốt xương của các nạn nhân bị thảm sát, nay lại phải thúc thủ trong việc truy tìm cái nghĩa trang bị xóa sổ, chúng tôi không khỏi đau lòng – cho dù con số xác mà anh chị em báo Sóng Thần quy tập được thật chỉ chưa bằng một phần mười nạn nhân của vụ thảm sát Rừng Katyn, do cộng sản Xô Viết chủ trương nhằm vào quân và dân Ba Lan. Ở Katyn, theo các tài liệu của Liên Xô được giải mật năm 1990, số lượng người bị xử bắn được ước tính với con số người chết thấp nhất được xác nhận là 21.768. Nhưng dù sao thì người Nga cũng đã nhìn nhận vụ thảm sát.

Cộng thêm 1.841 cái chết vào con số hàng triệu người đã bỏ mạng trong các cuộc chiến ở Đông Dương và ở Việt Nam, sẽ không làm thay đổi chủ trương của Hà Nội mà cũng chẳng làm nặng hơn những con số thống kê. Tuy nhiên, ghi lại những trang này, chúng tôi tự nhìn nhận bất kham trước nỗ lực bôi xóa lịch sử của bên thắng cuộc. Các nắm mớ nơi họ được chôn cất là để che giấu thi thể của họ và sự thật của vụ giết người. Thế giới không bao giờ biết. Gia đình người chết bị cướp đi quyền để tang cho người thân và tưởng nhớ họ. Trái đất đã che đi dấu vết của tội ác, và sự dối trá là để xóa nó khỏi ký ức của con người.

Giữa tất cả những người cầm súng của cả hai miền, Nam Việt Nam và Bắc Việt Nam, chung cuộc lại chúng tôi chỉ tìm thấy một người duy nhất dám dấn tay vào ngực, công khai nhận trách nhiệm về việc thua trận, để diễn ra những cái chết ở Quảng Trị trong biển cỏ mùa Phục sinh 1972. Trên trang 6 tờ Stars and Stripes để ngày 4/05/1972, dưới nhan đề "Cái giá phải trả của việc trở thành một vị tướng", bài báo tường thuật lời Tướng Vũ Văn Giai:

"Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm ... trước sự phân xét của lịch sử và luật pháp về việc rút lui này. Tình lý Quảng Trị hoang tàn. Thức ăn của chúng ta, đạn dược của chúng ta, tất cả các nguồn cung cấp nhiên liệu của chúng ta đã hết. Lực lượng của chúng ta đã cạn kiệt. Tôi không thấy lý do gì khác để chúng ta nên tiếp tục trong tình trạng đổ nát này. Tôi đã ra lệnh cho các ban rút lui để củng cố lại các đơn vị của chúng ta từ một mặt trận mới nhằm tiêu diệt các lực lượng Cộng sản còn sót lại nếu họ vẫn tham gia vào cuộc chiến tranh sai trái này."



\$30US

9 781088 038321